Tác-giả : *LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC*
Dịch-giả : *ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HÒE*
với sự cộng tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

海上醫宗心領

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

QUYỂN HAI

Từ tập 5 đến tập 9

Y hải cầu nguyên — Châu ngọc cách ngôn
Đạo lưu dư vận — Bách bệnh cơ yếu
Y trung quan kiện

Nhà sách **KHAI-TRÍ**
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

TimSách

TìmSách

SÁCH THUỐC VIỆT-NAM

HẢI-THƯỢNG
Y-TÔN TÂM-LĨNH

★ ★

TìmSách

TìmSách

Tác-giả : *LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC*
Dịch-giả : *ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HOÈ*
với sự cộng-tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

HẢI-THƯỢNG
Y-TÔN TÂM-LĨNH

海上醫宗心領

QUYỂN HAI

Từ tập 5 đến tập 9

Y hải cầu nguyên — Châu ngọc cách ngôn
Đạo lưu dư vận — Bách bệnh cơ yếu
Y trung quan kiện

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

TìmSách

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập Y-HẢI CẦU-NGUYÊN

(bể thuốc tìm đến nguồn)

TìmSách

TìmSách

Tiểu dẫn của tác giả

Người đời xưa nói : « Đọc sách mà biết nghĩa là khó » Nhưng tôi xét thấy biết nghĩa không khó lắm mà hiểu được ý kiến ở ngoài lý lẽ lại là khó hơn.

Tôi bỏ nghề nho, học nghề thuốc, hơn hai mươi năm nằm gai nếm mật, cố chí để biết được y lý, việc đời hay dở, tôi coi như đám mây ở trên đỉnh núi, tôi làm nhà ở nơi vắng người, đóng cửa đọc sách, tìm hết sách của mọi nhà, ngày đêm nghiên cứu, một khi được câu cách ngôn của bực Tiên hiền thì ghi lại để suy nghĩ. Những câu nào lý lẽ ở ngoài câu nói mà tôi suy ra được thì lại tìm cho rộng ra, như vòng tròn không có đầu mối để biết được đến cùng.

Họ Vương thời trước, học nghề tu tiên, bơi thuyền ra Ngũ-Hồ xem khói về sáng, tuyết về chiều, nhả hơi độc, nuốt ánh sáng, rồi biết được chân nguyên của Trời, nhờ đó mà đến chỗ thần diệu, thế là công hiệu không học ở người mà học ở tạo hóa.

Tôi theo cách ngôn của bậc Tiên hiền, mắt xem miệng đọc, đi thì mang theo, ngồi thì suy nghĩ, tự hỏi tự trả lời. Rồi sau gặp chứng bệnh lạ phần nhiều do ý kiến ở ngoài câu nói của bậc Tiên hiền, như vậy không phải là cố gắng lắm mới được hay sao ?

TìmSách

Tôi cũng than rằng: « học người bây giờ không bằng học người đời xưa », người anh tôi thấy vậy rất yêu, sai tôi chú thích những câu của tiên hiền để làm khuôn phép cho nhà làm thuốc. Tôi thưa rằng: « Đây đều là lẽ ở ngoài câu nói của người đời xưa, học một suy ra đến muôn mà khó thể hình dung được », anh tôi bảo rằng: « Núi cao chín nhận lại không nhờ từng sọt đất đắp lên hay sao? Nếu không mở một lối đi thì lấy gì làm thềm cho người về sau? »

Tôi vâng lời, rồi theo ý nghĩa của câu nói người đời xưa, tìm lý lẽ ở trong nghĩa sách có thể dựa vào để hiểu biết, rồi phân biệt chú giải gọi là cuốn *Y-hải cầu-nguyên*, chia làm ba tập: mệnh, trọng và quý, để giúp cho người tìm bờ bến về y dược.

Cuốn sách này, hội lại thời một lẽ, suy ra thời muôn ngả khác nhau, không phải giấy bút mà có thể chép hết, còn mong người có chí suy rộng ra mới đến được đáy gốc việc làm thuốc.

Ngày tốt tháng mùa xuân năm Cảnh Hưng thứ 43.

Lê Trác biệt hiệu HẢI-THƯỢNG LÃN-ÔNG
làm bài dẫn giải trên đây.

TimSách

Y HẢI CẦU NGUYÊN GỒM 3 TẬP: TẬP MỆNH, TẬP TRỌNG VÀ TẬP QUÝ

Thứ tự về tập Mệnh

1.— Thiên âm dương: gồm 43 chương
2.— Thiên thủy hỏa : gồm 25 chương
3.— Thiên khí huyết : gồm 35 chương
4.— Thiên hư thực : gồm 18 chương
5.— Thiên tạng phủ : gồm 53 chương

Thứ tự về tập Trọng

1.— Thiên bệnh cơ (gốc bệnh) gồm 139 chương
2.— Thiên hóa cơ (máy của tạo-hóa) gồm 41 chương

Thứ tự của tập Quý.

1.— Thiên trị tắc (phép chữa bệnh) gồm 95 chương
2.— Thiên y huấn (dạy làm thuốc) gồm 33 chương.

Tổng cộng 3 tập có chín thiên, 482 chương.

Tìm sách

Tìm sách

Y-HẢI CẦU-NGUYÊN

tập Mệnh

THIÊN ÂM DƯƠNG

(43 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : **Âm dương chỉ là tiếng mà không có hình (hư danh)** :

Theo nghĩa kinh Dịch thời từ chỗ vô cực (1) rồi đến thái cực (2). Thái cực động mà sinh ra khí dương, tĩnh mà sinh ra khí âm, người ta hô hấp thăng giáng tức là khí lúc đầy lúc vơi, lúc suy lúc thịnh của trời đất như thế là vô hình.

Khoảng trời đất, muôn vật phôi thai sinh ra trứng hay ra bọc, khí hóa, hình sinh, có sống chết, có trí giác, không gì là không nhờ khí âm dương để thành ra hình thể. Nên sách cổ còn nói : « Dù vô hình là hư không nhưng là căn bản cho sự sinh hóa », lại nói : Rét và nắng là đức của âm dương, thủy và hỏa là rõ rệt của âm dương.

Chú giải của dịch giả

1) Vô-cực là lúc nguyên thủy còn không hư chưa có gì.

2) Thái-cực là vòng tròn từ vô cực mà sinh ra.

Tìm sách

Chương 2.— Cách ngôn : **Đạo dương thực, đạo âm hư (đạo là đường lối).**

Trời bọc ở ngoài quả đất nên khí dương tóm lấy khí âm, theo quẻ vạch ra ở kinh Dịch thì quẻ « ly » ở giữa rỗng mà quẻ « khảm » ở giữa đặc (1) thế là thể của khí dương thực mà thể của khí âm hư.

Con trai con gái mới sinh đều bẩm chất thuần dương, con trai 2 tám là 16 tuổi, con gái 2 bảy là 14 tuổi, thời thiên quí (2) mới đến, mọc răng khác để thay răng sữa mà tóc dài ra. Đến khi con trai 8 x 8 là 64 tuổi, con gái 7 x 7 là 49 tuổi, thời thiên-quí kiệt mà không sinh dục nữa, tính ra thời chỉ vài mươi năm là âm tinh đã kiệt. Nội-kinh có nói : « Đời người 40 tuổi thời âm khí đã kém mất nửa phần » như vậy chả phải là khí dương thường thừa ra mà khí âm thường thiếu đi hay sao?

Chú giải

1) Rỗng tức là 2 vạch rời ra, đặc tức là 1 vạch liền

2) Thiên-quí là khí âm mà là âm huyết.

Chương 3.— Cách ngôn : **Khí âm ở trong để giữ lấy khí dương, Khí dương ở ngoài để sử dụng khí âm.**

Dương chủ ở ngoài (biểu) âm phủ ở trong (lý)... Dương chủ động, âm chủ tĩnh, âm là nền tảng cho dương nên trấn giữ được khí dương, dương để phòng vệ cho âm nên sai khiến được khí âm. Ví như cha mẹ là chủ ở trong nhà, người mẹ giữ việc trong nhà mà người cha giữ việc ở ngoài.

Tìm sách

Chương 4.— Cách ngôn: **Khí âm vít lại thì thân thể mới được vững, nhưng một khi mạnh quá thời không vít lại được.**

Trong hoả không có thủy thời lửa dữ dội quá, trong dương không có âm thời dương mạnh quá, vì rằng khí dương được khí âm giữ lại mới không bốc lên, một khi không có khí âm để giúp sức, thời bốc vượt lên mà không giữ lại được. Nội-kinh có câu: « khí âm vừa phải và khí dương vít lại, thi tinh thần mới được đều hòa », thật là chí lý.

Chương 5.— Cách ngôn: **Gốc của dương-hỏa là ở dưới đất, gốc của âm-hỏa là ở trên trời.**

Tạng tâm là dương-hỏa, tạng thận là âm-hỏa, dương hỏa không giáng được, như quẻ « ly » rỗng ở giữa cho nên trong tạng tâm chứa nước đỏ mà chân âm ở đo thế là vốn ở dưới đất. Khi âm không bốc lên như quẻ « khảm » ở giữa đặc, vì thế trong tạng thận có màng trắng mà chân dương ở đó, thế là âm-hỏa gốc ở phia trên. Sách cổ có câu: « Rồng ở đáy bể, rồng bốc vượt lên trên thời hỏa cũng theo lên » và có câu « Người ta nguyên-dương ở nơi quẻ khảm mà vận dụng ứng với nơi quẻ ly » chính là nghĩa ấy.

Chương 6.— Cách ngôn: **Về dương khí, tinh thời nuôi thần, huyết thời nuôi gân.**

Tinh: Vì thanh (trong) nên là dương, vì trọc (đục) nên là âm. Thần khi đối với tinh huyết thì tinh huyết có hình là âm, thần khi không có hình là dương. Nhưng tinh thanh lại là dương ở trong âm nên nuôi được tinh thần.

Tìm sách

Thể của dương thì cương mà thể của âm thì nhu, nhu ở trong cương tức là khí ở trong huyết, nhưng huyết trọc lại là âm ở trong âm cho nên nuôi được gân, bởi vậy người âm hư thời tinh thần suy, người huyết khô thời gân co lại.

Chương 7.— Cách ngôn : **Tinh thần tĩnh thời âm sinh, hình hài khó nhọc thời dương cang cường.**

Tinh-thần của người cần ở tĩnh lại mà sử dụng một cách mặc nhiên. Cổ thư có nói : « Tồn giữ tinh thần để nuôi chân âm », như vậy tinh thần không nên dùng quá ở ngoài. Âm ưa tĩnh, tĩnh thời sinh ra huyết, nếu hình hài vất vả thời hại chân âm mà tổn huyết, trong dương đã không có âm thời dương quá cang cường (mạnh quá) tất thành ra chứng bệnh khô ráo.

Chương 8.— Cách-ngôn : **Người nhiều dương thời hay mừng, người nhiều âm thì hay giận.**

Dương là cái máy phát sinh của mùa xuân mùa hạ. Âm là khí sát phạt của mùa thu mùa đông, tượng của dương là hỏa, tượng của âm là thủy, tính của hỏa bốc lên chủ về cười mừng, tính của thuỷ nhuận xuống chủ về trầm uất, vì thế bệnh thấy hay cười là dương chứng, bệnh thấy hay giận là âm chứng, hãy xem về nhân sự nhà nào con cháu hưng vượng thời nét mặt hớn hở như thể gió mùa xuân, người nào cô độc nghèo khổ thời dáng dấp buồn rầu mà như thế giận dữ như vậy không phải là triệu chứng khí dương chủ về sinh, khí âm chủ về sát hay sao ?

Chương 9.— Cách-ngôn : **Dương là gốc về sinh (sống), Âm là nền về tử (chết).**

Câu này cũng như dương chủ về sinh, âm chủ về sát

TimSách

là vì dương tức là hỏa, hỏa tức là khí, muốn vật không có khí nóng điều là tro muội, ta hãy xem hoa cỏ ngảnh về bóng nắng là dương thời xanh tốt hơn hở, ngảnh về râm tối là âm thời vàng úa cằn cỗi đủ rõ. Người làm thuốc biết trọng vị ôn nhiệt (ấm và nóng) mà ít dùng vị khổ hàn (đắng và lạnh) thế là đường lối ngảnh về dương mà trái với âm, tới chỗ sống mà xa chỗ chết.

Chương 10.— Cách-ngôn : **Một chút âm chưa hết thời không thành được tiên, một chút dương chưa hết thời chưa đến nỗi chết.**

Câu này là lời huyền bí của nhà đạo-sĩ. Hết thảy người tu luyện mà một chút âm khí chưa hết thời không thành được tiên, cũng như người ốm nặng mà một chút dương khí chưa hết thời không thể chết được, là vì phép của nhà tu luyện đem hỏa của tạng thận làm cái lò nấu thuốc, đem hỏa của mệnh-môn để làm đan-độc (tên riêng của thuốc tu tiên), nuốt nước dãi hút hơi làm duyên-nhũ (tên riêng của vị thuốc tiên), 7x7 là 49 ngày tu luyện như thế để cô vũ mọi âm khí, cần cho khí nhất chân (tức là nguyên khí) biến là thuần dương mới thôi.

Bài Tiên Thiên Luận ở bộ sách thuốc Cẩm-nang có dẫn câu nói ở sách tu tiên rằng « Tiên kinh : khoảng giữa, hai quả thận một điểm sáng, nghịch là đan độc thuận là người ».

Câu nói ấy nhiều người không hiểu nhưng là chỉ vào chân tinh của con người nếu nghịch là xít mà giữ lại thời là đan độc, thuận là trai gái giao cấu mà tinh ấy tiết ra thời thành ra thai nghén.

TimSách

Chương 11.— Cách-ngôn : **Khí dương thanh (trong) thời là nguyên khí, mà trọc (dục) thời là âm hỏa. Khí âm thanh thời là tân dịch (nước nhựa trong người), mà trọc thời đờm dãi.**

Dương là hoả là khí, dương ấy thanh là thiếu hoả (1) không có hình, mà trọc là tráng hoả (2) có hình. Âm là thủy là huyết, thanh là nước huyền tương (3) để vệ sinh mà trọc là âm ế (4) làm hại người. Vì thế sách thuốc có câu « thêm nguồn gốc cho hoả để tiêu âm ế đi » cũng là lẽ ấy.

Chú-giải

1) Thiếu hoả : khí nóng vừa phải.

2) Tráng hoả : khí nóng dữ dội như thể có hình.

3) Huyền tương : tên riêng của nhà đạo sĩ gọi nước nhựa trong người ta.

4) Âm ế tối tăm mờ mịt, danh từ của nhà thuốc

Chương 12.— Cách-ngôn : **Khí dương kém thời khó thở, khí âm kém thời khó hút. Bệnh về dương thời khó cúi xuống, bệnh về âm thời khó ngửa lên.**

Âm dương kém hay thiếu gọi là vi. Khí dương chủ về thở ra, nên khí kém thời khó thở. Khí âm chủ về hút vào, nếu sức kém thời khó hút vào. Thân người lưng thuộc về dương, bụng thuộc về âm. Nên bệnh ở lưng thời khó cúi xuống mà bệnh ở bụng thời khó nằm ngửa.

Chương 13.— Cách ngôn : **Dương thịnh thời mắt trừng lên, âm thịnh thời mắt mờ đi**

Dương chủ về động, âm chủ về tĩnh, ngày thời dương

Tìm sách

thịnh ở ngoài, đêm thì âm thịnh ở trong. Dương thịnh thời thức, âm thịnh thời ngủ. Nội-kinh có nói: « Sáng sớm khí âm hết khí dương xuất ra con mắt, mắt mở thời khí bốc lên đầu. Đêm thời khí hành ở âm phận, nên mắt nhắm lại mà ngủ. »

Chương 14.— Cách-ngôn : **Khí dương như Trời và mặt Trời. Nếu khí dương mất chỗ mà kém đi thời tổn thọ.**

Dương là khí để sinh, Trời không dương thời không sinh được muôn vật, người không có dương thời không thể sống được. Ví như trời và mặt trời không có dương thời không được quang tỏ, tối tăm mù mịt mà thành ra trời đất ảm đạm. Dương khí của người kém thời chết trẻ. Vì thế muốn cầu lấy tuổi thọ phải giữ lấy chân dương.

Chương 15.— Cách-ngôn : **Bệnh dương thời bốc lên, bốc lên quá thời lại trở xuống, bệnh âm thời đi trở xuống, xuống quá thời lại bốc lên.**

Dương vốn bốc thăng lên, âm vốn giáng xuống, nhưng thăng quá thời giáng, giáng quá thời thăng, đó là lẽ thường, hơn nữa, bệnh âm thời dương lấn đi mà thăng lên, bệnh dương thời âm lấn đi mà giáng xuống, cho nên bài bổ-trung đem thăng để giáng, bài lục-vị đem giáng để thăng, thật là hiểu thấu lẽ âm dương tự nhiên, chứ không phải bài bổ-trung chỉ để thăng lên, bài lục-vị chỉ để giáng xuống.

Tìm sách

Chương 16.— Cách ngôn : **Bệnh về âm trì hoãn mà khỏi cũng trì hoãn, bệnh về dương nhanh chóng mà khỏi cũng nhanh chóng.**

Âm thuộc về thủy vốn là nhuận trở xuống mà chủ về trầm tĩnh. Dương thuộc về hỏa vốn bốc trở lên mà chủ về cấp tốc. Nội-kinh có câu : « bệnh đã lâu không phải là dương chứng, bạo bệnh không phải là âm chứng » cũng là lẽ ấy.

Chương 17.— Cách Ngôn : **Chứng dương hư sinh ra rét ở ngoài, chứng âm hư sinh ra nóng ở trong. Chứng dương thịnh sinh nóng ở ngoài chứng âm thịnh sinh rét ở trong.**

Dương thuộc về hoả, vốn là nhiệt mà chủ ở ngoài biểu, âm thuộc về thủy vốn là hàn mà chủ ở trong lý. Nếu dương hư thời âm lấn đi, cho nên ở ngoài rét, âm hư thời dương lấn đi cho nên ở trong nóng. Nếu dương thịnh thời bẩn là ngoài nóng, âm thịnh thời bẩn là trong lạnh, thế là tự vượng ở bản phận mà không phải vì bên kia thắng mình.

Chương 18.— Cách ngôn : **Dương bốc lên (Phù việt) thời nhiệt tự nhiên phát ra, âm kém thời mồ hôi tự nhiên ra.**

Nhiệt là dương là hoả, tính của hỏa bốc trở lên, tạng tỳ thuộc hành thổ đã yếu không giữ được dương, tạng thận thuộc hành thủy nếu yếu không chế được hỏa, vì thế hoả đi dông dỡ bốc ra ngoài biểu mà phát nóng.

Tìm sách

Mồ hôi là thủy là âm, âm chủ về giữ lại (bế tàng), âm kém thời dương lấn đi, âm bị dương quấy nhiễu mà mồ hôi tự nhiên ra, thế là người tự ra mồ hôi (tự hãn) không những là dương hư mà thôi.

Chương 19.— Cách ngôn : **Âm hư cực độ thời thành chứng quyết (vì dương mà lạnh chân tay). Dương hư cực độ thời thành chứng táo (chân âm ráo).**

Âm hư thời dương lấn đi, dương không có âm để liễm lại mà quá mạnh, thế là hỏa cực độ lại tựa như thủy (hỏa cực tự thủy), nên cổ thư còn nói « nhiệt quá nhiều thời quyết (lạnh chân tay) cũng nhiều ». Dương hư thời âm lấn đi, âm không có dương bảo vệ mà hàn khấp (hàn ngừng lại) thế là thủy cực độ lại tựa như hoả (thủy cực tự hoả), nên cổ thư còn nói : « táo thuộc về âm ».

Chương 20.— Cách ngôn : **Khí dương không thăng lên được thì thành ra chứng quan-cách. Khí âm không giáng xuống được thì thành chứng nghẹn.**

Dương vốn thăng lên, nay vì khí âm ngăn cách mà không thăng lên được. Âm vốn giáng xuống, nay vì khí dương ngăn cách mà không giáng xuống được, vì thế hiện ra : chứng ở trên không nạp xuống được, ở dưới không tiết ra được, thế là chứng quan-cách (bụng trên bụng dưới ngăn cách). Những chứng buồn bực mà nuốt nước chua và chứng ợ hơi (ái khí) mà nghẹn cách, hay ăn rồi không chịu được lâu lại nôn ra (phiên vị), đều là hiện tượng của chứng quan-cách.

Tìm sách

Chương 21.— Cách ngôn : **Dương sinh ở nhiệt, nhiệt thời kinh-lạc ngay thượt ra (thư hoãn). Âm sinh bởi hàn, hàn thời kinh-lạc co quắp lại (loan cấp).**

Nhiệt thời khí tản đi, khí đã tản thời thớ thịt rời rạc mà ngay thượt ra. Hàn ngừng chân huyết lại, huyết đã ngừng thời mạch lạc kết thúc mà co quắp lại. Cổ thư còn nói : « trong huyết không có khí thời sinh ra bệnh chân tay đờ ra mà không sử dụng được. Trong khí không có huyết thời thành chứng co quắp », đều là ý ấy.

Chương 22. – Cách ngôn : **Dương tà hóa ra nhiệt, nhiệt thời hại khí. Âm tà hóa ra hàn, hàn thời hại hình thể.**

Dương là nhiệt, dương vô hình mà chủ về khí. Âm thuộc hàn, âm có hình mà chủ về huyết. Hỏa mạnh thời háo mất khí, tạng phế chủ khí hoả đã khắc phế kim, cho nên nhiệt phải hại khí. Hàn thời ngừng chân huyết, đã thiếu chân huyết để nhuận cơ thể, cho nên hàn hại đến hình thể.

Chương 23 — Cách ngôn : **Dương không đủ thời hàn thấp ngừng lại ; Âm không đủ thời hoả nhiệt bốc lên**

Dương vốn nhiệt, âm vốn hàn. Dương không đầy đủ thời âm lấn đi mà là hàn thấp, thế là chứng không có hoả. Âm không đầy đủ thời dương lấn đi mà là chứng nhiệt, thế là không có thủy.

Tìm sách

Chương 24.— Cách ngôn: **Khí âm kém, khí dương hơn, cho nên mình phát nóng mà phiền-muộn lo-đầy. Khí dương ít, khí âm nhiều, cho nên thân thể lạnh như thể ở trong nước lạnh bước ra.**

Dương vốn nhiệt, âm vốn hàn, âm dương cần được đều nhau (quân-bình). Nếu một bên hư yếu thời một bên phải thắng, vì thế chứng phiền-muộn lo-đầy là thuộc về âm hư, chứng minh thấy lạnh là thuộc về dương hư, mới rõ người béo là chân âm hơn chân dương, nên da thịt lạnh như băng tuyết.

Chương 25.— Cách-ngôn : **Dương khí suy ở trên thời thành chứng hàn-quyết** (1). **Âm khí suy ở dưới thời là chứng nhiệt-quyết** (2).

Chứng quyết có âm và dương, không phải quyết mà đều là chứng hàn. Hết thảy chứng âm suy thì dương thắng, chứng dương suy thì âm thắng. Tính của dương nhiệt mà tính của âm hàn.

Chú giải

1) Quyết là chân tay giá lạnh, hàn quyết là vì hàn mà chân tay lạnh.

2) Nhiệt quyết là vì nhiệt mà chân tay nóng.

Chương 26.— Cách-ngôn : **Dương hư thì khí thoát, mà thần khí hôn loạn, âm hư thì huyết kém, mà bốn tay chân rời rạc.**

Dương là hỏa, mà hỏa tức là khí, khí sinh ra tinh thần, khi hư thì không vận dụng được tâm-linh của

Tìm sách

người, vì thế mà thần khí hôn loạn, tức là tinh thần không ở yên một nơi (thần bất thủ xá). Âm thuộc về thủy, mà thủy tức là huyết, có huyết mới nảy nở được cơ thể, nếu huyết hư thì không vận dụng được gân cốt, mà tay chân rời rạc, tức là nguyên nhân của chứng nan hoán (1).

Chú giải : 1) Nan-hoán, da thịt tê bì mà chân tay đờ ra.

Chương 27.— Cách-ngôn : **Người dương thịnh thời thành chứng lục huyết, người âm hư thời tiểu tiện khó đi.**

Dương sinh ra hỏa, tính hỏa bốc trở lên, một khi dương thịnh thời đem huyết trở lên mà thành chứng lục huyết (1). Âm hư thời hỏa bốc lên mà hai hành kim, tạng phế thuộc hành kim, đã không có tiết độ thì thận thủy không có khí để hóa đi, vì thế mà tiểu tiện khó đi.

Chú giải : 1) Huyết ra đàng mũi.

Chương 28.— Cách-ngôn : **Âm khí lấn trở lên vào trong dương khí, thời thành chứng sợ rét, dương khí hãm trở xuống vào trong âm khí, thời thành chứng phát nhiệt.**

Dương ở ngoài, âm ở trong, dương chủ nhiệt mà âm chủ hàn, nay khí âm lấn ở ngoài biểu nên thành chứng ghê rét, khí dương hãm ở trong, nên thành chứng phát nhiệt, thế là lẽ khí âm hay khí dương một bên thắng hơn, thời trở đi trở lại. Vì thế sách cổ còn nói : « người dương hư thời rét ở ngoài, người âm hư thời nóng ở trong. »

Tìm sách

Chương 29.— Cách-ngôn : **Khí âm hư thời khí dương lấn đi, nên phát nóng mà ra mồ-hôi trộm (đạo-hãn). Khí dương hư thời khí âm lấn đi, nên phát ra chứng quyết (chân tay giá lạnh) mà thành ra chứng tự ra mồ hôi (tự-hãn).**

Mồ-hôi của người cũng như mưa của trời, mồ-hôi là thủy mà thuộc về âm, âm chủ ở trong, dương chủ ở ngoài, nay khí âm hư không giữ được ở trong, phải khí dương quấy nhiễu, thủy theo hỏa ra, nên phát nóng mà ra mồ-hôi trộm. Vì thế cổ thư còn nói : « đạo hãn thuộc về âm hư ». Khí dương hư không giữ được ở ngoài, khí âm đã lấn khí dương, thời thành chứng quyết mà tự ra mồ-hôi. Vì thế, cổ thư còn nói : « chứng tự-hãn thuộc về dương hư. »

Chương 30.— Cách-ngôn : **Trong khí âm không thể thiếu được khí dương, trong khí dương không thể thiếu được khí âm.**

Khí dương hại khí âm thời thành chứng người khô gầy, khí âm hại khí dương thì thành ra tịch diệt (tiêu diệt) ; những bệnh trên đều là âm dương làm hại nhau, mà mất sự quân bình trong thân thể.

Chú giải : Khí dương gốc ở khí âm, khí âm gốc ở khí dương, âm và dương không thể rời được nhau, dương thuộc hỏa, âm thuộc về thủy, nếu khí dương thắng được khí âm, thời hỏa bốc trở lên, như thể bị lửa nóng đốt cháy, mà tinh huyết khô ráo ; trái lại, khí âm thắng được khí dương, thời như thể thời tiết sát phạt của mùa đông, máy sinh hóa ngừng lại, mà thần khí tịch diệt. Vì thế

Tìm sách

bách bệnh của con người chẳng bệnh nào không bởi âm hay dương một bên thắng hơn mà sống chết quan hệ ở đấy.

Chương 31.— Cách-ngôn : **Khí âm sợ sức mạnh của khí dương. Vì thế âm gặp tà khí thuộc về dương, thì không khô cũng héo. Dương sợ độc của khí âm, vì thế dương gặp âm làm hại, thời không buột đi cũng bay mất ; thế là cơ vì âm và dương ghét lẫn nhau.**

Không khô thì héo là nói về tân-địch (1) khô kiệt. Không buột phải bay, là nói về dương khí ly thoát. Cổ thư có câu : « dùng thuốc mạnh cho chân thủy, để dẹp bớt sức của khí dương, dùng thuốc thêm cho chân hỏa, để tiêu bớt tai họa của khí âm », thuốc bổ thủy hay bổ hỏa ấy, thực là đối chứng cho âm dương.

Chú giải : 1) Tân dịch có 5 thứ là nước nhuận của ngũ tạng nên gọi là ngũ dịch.

Chương 32 — Cách ngôn : **Khí âm thoát thời mắt mờ, khí dương thoát thời trông thấy ma quỷ.**

Hai thiên khí-huyết và bệnh-nguyên, đều nói khí thoát thời mắt không sáng tỏ, đây nói khí âm thoát thời mắt mờ, thế mới biết mắt được sáng tỏ không những vì có hỏa, mà quan hệ cả đến chân âm ; cổ thư còn nói : « khí âm không đem được sáng tỏ tới con mắt ». Lại nói : « Mắt có huyết mới trông được », thế là không có âm thời mờ tối, ta gọi con mắt sáng là *thần-quang* và *thần-thủy*, không phải là chân âm hay sao ?

Tìm sách

Nhưng công dụng của thần minh lại chủ ở chân dương, nếu thiếu chân dương, tức là thần minh không có chủ, thời tà lại loạn chính, cho nên âm thoát thì mắt mờ, dương thoát thời trông thấy ma quỷ.

Chương 33. — *Cách-ngôn* : **Khí dương dư ra, thời mình nóng không có mồ hôi, khí âm dư ra, thời mình rét mà nhiều mồ-hôi.**

Tà khí mạnh ở ngoài biểu thời hỏa uất ở trong, nên thân nhiệt mà không có mồ-hôi, thế là dương khí dư ra. Chính khí hư yếu ở trong, thời âm khí mạnh lên, vì thế thân thể lạnh mà nhiều mồ-hôi, thế là âm thắng dương.

Chương 34. — *Cách-ngôn* : **Bệnh về dương thời buổi sáng tĩnh hơn đêm, bệnh về âm thời đêm yên hơn ngày. Chứng dương hư thời chập tối khó chịu (mộ loạn), chứng âm hư thời buổi sáng khó chịu (chiêu tranh).**

Nói bệnh ở mục này, là âm hay dương tự sinh bệnh, nói hư ở mục này, là có một bên thắng hơn mà thành hư yếu, vì dương hư thời âm thắng, mà âm hư thì dương thắng, dương bệnh mà buổi sáng yên tĩnh, là dương lại được dương trợ giúp, âm bệnh mà ban đêm yên tĩnh, là âm lại được âm trợ giúp. Chứng dương hư mà gần tối trong mình khó chịu, là âm thắng dương ; chứng âm hư mà buổi sáng thân thể khó chịu, là dương thắng âm. Một khi thuộc về tà khí mạnh thời lại khác hẳn, nghĩa là tà về dương thịnh, thời sáng nặng tối nhẹ, tà về âm thịnh thời sáng nhẹ tối nặng ; thế là dương gặp dương thời vượng lên, âm được âm thời mạnh lên. Lại có chứng bệnh lúc phát bệnh lúc ngừng, bệnh hoặc về

Tìm sách

tối hoặc về sáng, hoặc về ngày hay về đêm, thế là chính khí không giữ vững được. Âm dương tranh nhau hơn kém mà thành ra lẫn lộn.

Chương 35 — Cách ngôn : **Mồ-hôi về dương (dương-hãn) là mồ hôi nhiệt, mồ-hôi về âm (âm-hãn) là mồ hôi lạnh.**

Mọi người chỉ biết nhiệt ra mồ-hôi mà không biết hàn cũng ra mồ-hôi, mồ-hôi của người cũng như mưa của trời, khí trời bốc trở lên mà thành mưa, khi người vì nóng nất mà ra mồ-hôi, thế là nhiệt mà ra mồ-hôi thì mọi người đều biết. Nhưng hàn cũng ra mồ-hôi mà gọi là *lãnh hãn* thì mọi người khó hiểu, tức như kinh sợ quá mà ra mồ-hôi vậy. Nội-kinh có câu : « Âm khí thừa ra thời mình rét mà nhiều mồ-hôi » cũng là lẽ ấy.

Chương 36.— Cách-ngôn : **Chứng hàn nhiệt trở đi trở lại, là âm hay dương thắng lẫn nhau, nếu dương kém thời rét trước nóng sau, nếu âm kém thời nóng trước rét sau.**

Ở trên thịnh hơn thì phát sốt, ở dưới thịnh hơn thì phát rét, ngoài da ghê rét mà táo là dương kém, ngoài da nóng mà táo là âm kém. Ngoài da ghê rét, mà chỉ thấy rét là âm thịnh. Ngoài da phát sốt mà nóng là dương thịnh, dương vốn nhiệt, âm vốn hàn, âm dương tranh nhau thời rét và nóng trở đi trở lại. Dương kém mà âm thắng thời rét trước, âm kém mà dương thắng thời nóng trước. Ở trên là dương phận, nên ở trên thịnh thời phát sốt, ở dưới là âm phận, nên ở dưới thịnh thì phát rét. Ngoài da rét mà táo là âm hơn dương. Ngoài

Tìm sách

da thấy nóng mà táo là dương hơn âm. Chỉ thấy ghê rét là âm thịnh dương suy, chỉ thấy phát nóng là âm hư dương thịnh.

Chương 37.— Cách ngôn : **Âm kém không thắng được dương, thời huyết mạch chảy loãng (lưu lạc) nếu thêm đi nhanh là thành chứng cuồng ; dương kém không thắng được âm, thời khí ở ngũ tạng tương tranh nhau mà chín khiếu không thông (khiếu là lỗ hổng).**

Hết thảy những chứng phát cuồng, phần nhiều bởi hỏa bởi nhiệt, âm không thắng được dương, mà dương khí quá mạnh. Những chứng bế vít lại (lưng bế), phần nhiều bởi thủy bởi hàn, dương không thống trị được âm, mà một mình âm thịnh hơn.

Chương 38.— Cách ngôn : **Âm bệnh phát ra ở xương, dương bệnh phát ra ở thịt, dương bệnh phát về mùa đông, âm bệnh phát về mùa hạ.**

Xương ở trong thuộc về âm huyết, thịt cũng đều là loại âm, nhưng thịt có huyết hành động, nên lại là dương ở trong âm.

Tiết đông-chí khí dương còn chứa lại, tiết hạ-chí khí âm còn ở kín một chỗ, cho nên chứng bệnh khởi ra cũng theo về loại ấy.

Chương 39.— Cách ngôn : **Tà khí vào dương phận thời thành chứng cuồng. Tà khí vào âm phận thời thành chứng tê. Khí dương bị cướp mất thời là**

Tìm sách

chứng điên, khí âm bị cướp mất thời là chứng câm, khí dương vào trong khí âm thời tĩnh, khí âm vượt ra ngoài khí dương thời giận dữ, thế là năm chứng loạn (ngũ loạn).

Tà vào dương phận thời hỏa bốc lên mà cuồng, tà vào âm phận thời huyết ngừng lại mà tê, khí âm bị khí dương cướp mất, hay là khí dương bị khí âm cướp mất, là âm dương tranh lẫn nhau, nên thành chứng điên hay chứng câm, khí dương vốn động, nay nhập vào khí âm phải tĩnh, khí âm vốn tĩnh nay nhập vào khí dương thời thành giận dữ, ngũ loạn là chứng cuồng, chứng tê, chứng điên, chứng câm, chứng giận dữ.

Chương 40.— Cách ngôn : **Khí âm, khí dương lìa khỏi người hay là thiếu hẳn, thời tinh thần tuyệt hết.**

Đời sống của người đều nhờ âm dương thăng giáng, thủy hỏa sử dụng lẫn nhau, nhưng âm gốc ở dương, dương gốc ở âm, phải dùng lẫn đến nhau cùng là thể và dụng (1).

Nếu khí âm lìa khí dương, thời tinh thần tán, dương thiếu thời khí tuyệt, hình hài hoại mà chết.

Chú giải : (1) *Thể* nghĩa là bản thể riêng của âm hay dương ; *dụng* ; nghĩa là sử dụng đến nhau.

Chương 41.— Cách ngôn : **Sáng sớm khí âm hết, khí dương xuất ra ở mắt, mắt mở thời khí bốc lên đầu. Đêm thời khí lưu hành ở âm phận, mà lại tụ hợp ở mắt.**

Tìm sách

Ngày thời khí dương làm việc, mà khí âm phải theo khí dương, đêm thời khí âm làm việc mà khí dương phải theo khí âm, vì khí dương động cho nên thức, khí âm tĩnh cho nên ngủ.

Chương 42.– Cách ngôn : **Âm dương tồn suy hay là thiếu ví như cây không có gốc.**

Âm dương ở trong quả thận, là Thái-cực ở trong thân người, là gốc để lập mệnh, cho nên cổ thư có nói : « Chứng thương hàn nguy cấp, nên xem mạch Thái-khê (1), mạch Thái-khê còn thời có thể sống được », mạch Thái-khê tức là mạch của tạng thận. Lại có câu : « Hai « xích mạch » của người (2), cũng như cây có gốc rễ, dù cành và lá có khô héo, nhưng gốc rễ hãy còn, thì vun tưới có thể trở lại được xanh tốt ».

Chú giải

1) Mạch Thái-khê tức là mạch ở cổ chân giáp với mu bàn chân.

2) Hai xích mạch tức là hai bộ mạch ở mé trong mạch quan của hai cổ tay.

Chương 43.— Cách-ngôn : **Chứng phát sốt sợ rét là bởi ở dương phận, chứng không sốt mà sợ rét là bởi ở âm phận.**

Tà khí lạnh (hàn tà) lấn vào ngoài biểu thời chính khí uất ở trong mà không phát ra được, vì thế phát sốt mà sợ rét. Nguyên-khí suy yếu ở trong, mà tà khí lạnh cảm nhiễm vào, nên chỉ hiện ra âm chứng không sốt mà sợ rét.

Tìm sách

THIÊN THỦY-HỎA

(gồm 25 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : **Thủy hỏa là thực-thể (thể chất có thực).**

Thủy bỏa là trưng trạng của âm dương, mà là thực thể của âm dương, rét nắng là công dụng của thủy hoả, sinh ra loài vật là hoả, mà nhuận cho loài vật là thủy. Không có hoả thời tịch diệt, không có thủy thời khô héo, vì thế trong ngũ hành thủy hỏa là trọng, mà kim mộc thổ đều nhờ ở thủy hoả. Người ta gặp bệnh gần chết mà chẳng cứu thủy hỏa, thời lấy gì mà sống lại, vậy hỏa thủy có thể làm cho người ta tuyệt sức phùng sinh. Hơn nữa, dùi vào cây, hay chặt vào đá có thể lấy được lửa, đào xuống đất hay hứng lên trời có thể lấy được nước.

—

Còn như thần diệu về tương sinh hay tương khắc thời lại biến hóa vô cùng.

Trong thân người, tạng tâm là quẻ « ly » thuộc về hỏa, tạng thận là quẻ « khảm » thuộc về thủy, thế là thủy hỏa có hình mà thuộc về hậu-thiên (1). Còn như chân-thủy chân-hỏa (2) là vô hình mà thuộc về tiên thiên (3) thời là nền tảng lập mệnh, là căn bản sinh ra người. Cổ thư có nói : « Nhà làm thuốc đã biết diện dụng vô hình của thủy hỏa, thời về lẽ làm thuốc đã được quá nửa rồi. »

Tìm sách

Chú giải

1) Hậu-thiên thủy hỏa tức là thủy hỏa ở trong người, khi đã thành người.

2) Chân-thủy chân-hỏa tức là gốc của thủy gốc của hỏa mà còn vô hình, để hóa sinh ra người.

3) Tiên-thiên, tức tiên-thiên thủy hỏa cũng như chân-thủy chân-hỏa, đều là vô hình.

Chương 2.— Cách ngôn: **Chân hỏa vô hình là gốc của dương, chân thủy vô hình là gốc của âm.**

Thận (quả cật) có hai quả, nằm cong và giáp liền với xương-sống là nơi mệnh-môn-huyệt ở đấy (1). Một lỗ hổng đen ở bên trái là chân-thủy, một lỗ hổng trắng ở bên phải là chân hỏa, thủy hỏa là căn bản của âm dương, là cha mẹ của khí huyết.

Chú giải:

1) Mệnh-môn-huyệt là tên riêng là nói khe giữa của hai quả cật.

Chương 3.— Cách ngôn: **Tinh của thủy là chí, tinh của hỏa là thần.**

Thủy vốn trầm tĩnh, Hỏa vốn sáng sủa, vì thế thủy thuộc tạng thận mà chứa tâm chí của người, hỏa thuộc tạng tâm mà chứa tinh thần của người. Vì chí là ý chí nên cần phải trầm tĩnh, thần phải suy liệu nên cần phải sáng tỏ.

TimSách

Chương 4.— Cách-ngôn : **Hỏa là chủ của thủy, thủy là nguồn của hỏa, nguồn gốc của thủy hỏa không thể lìa được nhau.**

Thủy hoả hữu hình của hậu-thiên thời có thể hại nhau, thủy hỏa vô hình của tiên-thiên, thời tương sinh mà hợp nhau. Thủy không có hoả, thời lạnh mà không có khí nóng, hỏa không có thủy thời là lửa dữ dội, sao phát sinh được muôn vật. Vì thế, cổ thư có câu : « Tìm hoả ở trong thủy thời sáng tỏ không tắt, tìm thủy ở trong hoả thời gốc nguồn không hết ». Ta thử xem tạng tâm thuộc quẻ ly là hành hỏa mà lại sanh ra huyết, thế là trong dương có âm, tức là chân âm, tạng thận thuộc quẻ khảm hành thủy, mà lại sinh ra khí, thế là trong âm có dương mà tức là chân dương. Trong tạng tâm chứa nước đỏ là chân thủy cho tạng thận, trong tạng thận chứa màng trắng lại là chân hỏa cho tạng tâm. Như thế là âm gốc ở dương, dương gốc ở âm, lại sử dụng lẫn nhau mà không rời nhau, muôn vật sau như trước, thần cơ biến hóa không ngoài được lẽ ấy.

Chương 5.— Cách ngôn : **Chân hỏa vô hình thời không khi nào tắt, tức là tiên-thiên mệnh-hỏa mà là gốc cho hậu-thiên, là chủ về sống chết, là cửa để sinh dục (Huyền tẫn).**

Trong thái-cực chia ra một điểm chân dương, tức là hỏa ở mệnh-môn (Mệnh-hỏa) vô hình ở trong quả thận, là gốc để lập mệnh mà hóa ra hình thể, vì thế, cổ thư có câu : « Trời không có hỏa ấy thời không sinh được muôn vật, người không có hỏa ấy thời không có thể sống được. »

Tìm sách

Hãy xem tạng tâm, chủ về khôn biết (Hư linh), tạng thận chủ về giữ lại (bế-tàng). Vị (dạ-dày) chủ về chứa lấy (thụ-nạp), tạng tỳ chủ về vận hóa, tạng phế chủ về tiết-độ (Trị-tiết), tiểu-tràng chủ về phân biệt, tam-tiêu (Thượng-tiêu, trung-tiêu, hạ-tiêu) chủ về lưu thông, đại-tràng (ruột-già) chủ về tống vợi ra. Bàng-quang (bong-bóng) chủ về giúp sự thăng giáng cho tam-tiêu, không gì là không nhờ đến mệnh-hỏa kế ở trên. Tóm lại, người ta có mệnh-hỏa thời sống, không mệnh-hỏa thời chết, ngay đến con trai chứa được tinh khí, con gái giữ được bào-thai, cũng vì có mệnh-môn-hỏa ấy.

Chương 6.— Cách ngôn : **Hỏa dư ra là vì thủy không đầy đủ, thủy không đầy đủ chứng tỏ là hỏa có dư ra.**

Nội-kinh có nói : « Khí âm bình thường mà khí dương vít lại, thời tinh thần mới vững, bệnh còn ở đâu đến được. » Thế là âm dương nên quân bình, mà không nên một bên thắng hơn.

Thủy hỏa trong thân người, ví như cái cân của trời, bên này nặng thời bên kia nhẹ, bên này nhẹ thời bên kia nặng, mà phép chữa bệnh, bên kia nặng thời bồ cho bên này, bên này nặng thời bồ cho bên kia, mà không nên bớt đi chút nào.

Chương 7.— Cách-ngôn : **Hỏa yên ở địa vị, thời trong người hết thảy được khang an.**

Đây là nói hoả vô hình, mà tức là mệnh-hỏa, là chân dương, là thiếu-hỏa (hỏa vừa phải) sinh được khí. Vì thế hỏa yên ở địa vị, thời thân thể nhờ sự hóa sinh ấy

Tìm sách

mà không gì không thư thái, vì như ngọn đèn kéo quân, nào bay, nào đi, nào chạy, nào múa, đều nhờ vào ngọn đèn ở giữa, ngọn đèn ấy cháy to thời đi chóng, cháy nhỏ thời đi chậm, một khi tắt thời trong cái đèn đều ngừng lại.

Chương 8 — Cách ngôn : **Hỏa hữu hình thời thủy mới khắc được, còn hỏa vô hình thời lại bởi thủy sinh ra**

Hỏa hữu hình tức là hỏa của tạng tâm, mà thuộc về hậu-thiên, đó là thực hỏa, thời thận thủy mới khắc được Nếu vì hỏa ấy mà phát bệnh, thời chữa bằng đường lối thẳng (chính trị), tức là lấy hàn để trị nhiệt. Còn hỏa vô hình là chân hỏa về tiên-thiên, đó là hư hoả, mà lại bởi thận thủy sinh ra. Nếu vì hoả ấy mà khởi bệnh, thời phải lựa mà chữa (tòng trị) nghĩa là lấy ôn để trừ nhiệt.

Chương 9 — Cách ngôn : **Hỏa tức là khí, khí không được bình thường thời mới làm ra bệnh.**

Khí tức là hỏa, hỏa tức là khí, chỉ khác tên gọi mà thôi, vận động cho hình hài, ôn dưỡng cho cơ nhục, đều là công của khí, hỏa theo đó mà đi ngày đêm chu lưu không ngừng, khí ấy một khi bị uất hay bồng lên, thời hỏa bốc lên mà thành ra nóng dữ dội, như chứng thương hàn, là vì hàn tà vít lại, thời chính khí uất ở trong mà hóa ra nóng.

Chương 10.— Cách ngôn : **Hỏa động thời nhiệt, hỏa uất thời hàn, hàn đến cực độ thời lại nhiệt, nhiệt đến cực độ thời lại hàn.**

TimSách

Tinh của hỏa bốc trở lên, cần phải vít lại, phải lấy ôn để nuôi dưỡng, thời là sinh-khí, một khi bị khích động thời bốc mạnh như thể thiên đốt. Trái lại, bị nén xuống thời khí nắt mà lại hàn, hãy xem lửa bị thời khói bốc lên, khói đã tụ thời sinh ra nước, cũng là lý vì nắt mà hàn. Có khi thủy cực độ lại hoá ra hỏa, thế là hàn cực sinh ra nhiệt, hỏa cực độ lại hóa ra thủy, thế là nhiệt cực lại sinh ra hàn, như thế không phải hàn sinh ra nhiệt, nhiệt sinh ra hàn, mà là nghĩa ngũ hành (1) khắc hại (2) thừa chế (3) vì mẹ phục thù (4) mà như vậy. Người chữa bệnh nên tìm đến nguyên nhân, mà không nên chấp nệ tính hàn tính nhiệt ở trước mắt.

Chú giải

1) Ngũ hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

2) Khắc hại : khắc và làm hại.

3) Thừa chế : lấn mà chế bớt đi.

4) Phục thù : sinh ra gọi là mẹ, như kim sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Thí dụ : Kim khắc mộc, mà mộc sinh hoả, nay hoả khắc kim, tức hỏa diệt kim cho mộc, các hành khác cũng đều như vậy mà gọi là phục thù.

Chương 11.— Cách ngôn : **Quân-hoả (hoả của tạng tâm) suy yếu thời tướng-hoả (hoả của tạng thận) cũng bại, thế là vì hoả hữu hình kém mà lây đến hoả vô hình, tướng-hoả dông dỡ thời quân-hoả cũng bốc lên, thế là hỏa vô hình bị bệnh, mà lây đến hoả hữu hình.**

Tìm sách

Cổ-thư có nói : « Quân-hoả có sáng tỏ, thời tướng hoả mới yên được địa vị », Quân hoả hữu hình, là hoả dục của hậu-thiên, tướng hoả vô hình là phát sinh của tiên-thiên, nếu quân-hoả không sáng tỏ, thời tướng-hỏa không yên ở địa vị, thế là hữu hình lụy đến vô hình, nếu tướng hỏa không yên được địa vị, thời thiếu-hỏa ấy (1) biến là tráng-hoả (2), thế là vô hình khích động đến hữu hình.

Chú giải

1) Thiếu-hoả : Hoả vừa phải là hoả ở mệnh-môn.

2) Tráng-hoả : hoả dữ dội là hỏa ở bên phải tạng thận.

Chương 12.— Cách-ngôn : **Dương-hoả để cứu vãn, mà âm thủy khó tìm kiếm, là vì một chút lửa có thể thiêu được vạn mẫu núi rừng, một chén nước khó chữa được một xe củi cháy.**

Câu trên là nói bổ dương chóng, mà cứu âm thời chậm, ta hãy xem về chứng thoát dương bốn chân tay giá lạnh, chỉ uống một thang thuốc co sâm và phụ-tử là hồi được nguyên khí, một chốc là chân tay đều ấm. Còn về chứng âm hư, thời sốt âm chưng chưng, chén thuốc to có thục-địa, sơn-thù, cũng chưa thấy người được mát, nên cổ thư còn nói : « Dễ sinh ra dương khí vô hình mà khó bổ cho âm huyết hữu hình. »

Chương 13.— Cách ngôn : **Hoả hữu hình không nên để cho dông lên, mà hỏa vô hình không nên để cho tàn đi.**

Tìm sách

Hỏa của tạng tâm về hậu-thiên, hỏa của tạng can (gan), hỏa của tam tiêu (Thượng, trung, hạ tiêu) và ngũ tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận), hỏa của lục chí (2) đều là hỏa hữu hình, một khi hỏa ấy thịnh thời nên dùng thuốc cho vợi bớt đi, mà không nên để cho dông dỡ. Còn như mệnh-hỏa về tiên thiên, thời tức là thiếu-hỏa, là chân-dương là chân-hỏa, là long-hỏa, đó là hỏa vô hình, là căn bản để lập mệnh. Nếu không yên ở địa vị thời nên bồ mà liễm xuống, thì hỏa ấy là chất báu để sinh ra người, đâu có thể hại được.

Chương 14.— Cách ngôn : **Dương-hỏa theo đường thẳng mà chữa (chính trị), âm-hỏa phải dựa theo mà chữa (tòng trị).**

Dương-hỏa là thực-hỏa, hữu hình về hậu-thiên, âm-hỏa là hư-hỏa, vô hình về tiên-thiên. Theo đường thẳng mà chữa là đem vị thuốc hàn để chữa nhiệt, như những vị hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng bá. Dựa theo mà chữa là lấy vị nhiệt để chữa nhiệt, như những vị nhân-sâm, hoàng-kỳ, dược tính đều là cam ôn, có thể trừ được đại nhiệt, nhục-quế, và phụ-tử, đều dẫn hỏa để quy nguyên.

Chương 15.— Cách ngôn : **Thủy của trời đất, phải lấy bể làm gốc, Thủy trong thân người lấy tạng thận làm nguồn.**

Khoảng trời đất, muôn ngàn sông ngòi đều chầy ra bể khơi, trong thân người, trăm thứ mạch, năm thứ tân dịch của ngũ tạng, đều bởi ở thận thủy, nên thận thủy là nguồn gốc cho thân người.

Tìm sách

Chương 16.— Cách-ngôn : **Theo hình vẽ trong kinh dịch thì quẻ « khảm » hào ở giữa có một vạch, mà quẻ « ly » hào ở giữa có hai vạch, đủ tỏ là dương vẫn thừa mà âm vẫn thiếu, người ta tự lúc bé đến lúc già, mọi chứng bệnh phần nhiều bởi chân âm không đầy đủ.**

Mặt trời hình tròn, và mặt trăng lúc tròn lúc khuyết, trong thân người, về thủy chỉ có một tạng thận mà về hỏa thời có tâm là quân-hỏa, mệnh-môn-hỏa là tướng-hỏa, như thế là lại có hai. Kinh dịch có câu : « Hào dương một vạch mà liền, hào âm hai vạch mà trống ở giữa », thế là đạo của dương thường đủ, mà đạo của âm thường thiếu. Phương chi nhiều người tham muốn, mà ít người biết tiết độ tình dục, nên tự lúc bé đến lúc già, ít khi không phải bổ âm. Ông Vương-Tiết-Trai có nói : « Vì thủy kém mà thành bệnh mười người đến tám chín người, vì hỏa kém mà thành bệnh mười người chỉ có một hai người » là rõ được lý dương thừa âm thiếu. Thế mà ông Chu-Đan-Khê lại nói : « Người ta chỉ có một thủy ở quả thận, thì không thắng được 5 hỏa ở ngũ tạng », câu nói ấy khiến cho người làm thuốc dùng nhiều vị thuốc hàn-lương mà di họa không ít là vì chữ âm là chỉ về âm-tinh, không phải là nói trùm cả về âm huyết, thế mà đem bài tứ-vật thêm vị tri-mẫu vị hoàng-bá để bổ âm thời rất nhầm.

Theo thiển kiến của tôi, thời chứng âm hư chia làm hai : Thủy ở trong âm hư là bệnh ở thần khí, người chân thủy hư vẫn nhiều, nhưng chân hỏa hư cũng không ít. Hơn nữa, âm dương dựa vào nhau, thủy hỏa giúp lẫn nhau,

Tìm sách

vậy bổ âm cũng phải giữ lấy chân dương, là vì không có dương thì không sinh được âm. Lại nghiệm những vị âm dược, thời tỳ vị không ưa, thuốc bổ huyết phải nhờ thuốc bổ tỳ vị mới có công hiệu, thế là lý dương có sinh thì âm mới vượng.

Chương 17.— Cách ngôn : **Ngũ tạng đều có tướng-hỏa (khí nóng để giúp đỡ) mà dây rợ đều thuộc lên tạng tâm.**

Hỏa của ngũ tạng là hỏa hữu hình, hỏa ấy lại gọi là (dân hỏa), mà đều được khí vận hành ở tam-tiêu. Tỳ vị, can, đảm, hai quả thận đều có dây liên lạc ở bên tâm-bào-lạc (màng bọc quả tim) để thông với tạng tâm, vì thế hỏa suy thời thành bệnh, mà hỏa thịnh cũng thành bệnh.

Chương 18.— Cách ngôn : **Hỏa của thân người nên chứa vít lại ở trong thận-thủy và tỳ-thổ, vì thế chứng phát sốt tức là hỏa trong thân người nhân chính khí hư yếu không chứa vít lại được. Tà khí nhân hư yếu đó mà khích động đến hỏa. thế là âm dương trái với thường độ, mà không phải hỏa ở ngoài đến.**

Hỏa của tiên-thiên ở trong thiếu-âm thận thủy, thì gọi là mệnh-hỏa, là thiếu-hỏa, còn tướng-hỏa là hỏa của hậu-thiên, thì ở về kinh thái-dương (tạng tỳ hành thổ), lại gọi là nguyên-dương, là vị-khí, thế là thận-thủy và tỳ-thổ là nơi ở của hỏa. Nếu có tà khí (khí bất chính) ở ngoài đem lại hay ở trong khởi ra, nhân chính khí của người hư yếu mà khích động lên, chứ không phải tà khí làm

Tìm sách

cho người phát nóng. Nếu muốn hỏa ấy ở yên một nơi, mà không bổ tỳ thổ để chứa dương-khí lại, thì phải giúp chân-âm để giáng hỏa xuống, hỏa đã yên ở địa vị của nó thời trong người thư thái, thực không phải hỏa ở ngoài đến khiến cho người ta phát nóng. Như vậy thời hỏa là của báu để sinh ra người, đâu có thể chữa liều để công phạt được.

Chương 19 — Cách ngôn : **Khí sinh ra bởi hỏa, mà hỏa là tổ cho dương khí hãy xem người và muôn vật, đã không nóng thời không có khí, nếu ta ghét hỏa là nhiệt, mà thanh hoả hay phạt hỏa, một khi hỏa hết thời khí cũng bị tuyệt.**

Hỏa vừa phải (thiếu-hỏa) sinh ra khí nóng nên ta thường nói hỏa tức là khí, bảo vệ và ôn hoà cho thân thể thì gọi là khí, nếu trái với thường độ mà dông dỡ, thì gọi là hỏa mà có hại, chứ không phải là riêng biệt, chỉ là không được bình hòa mà sinh bệnh. Vì thế, phép để chữa hỏa chỉ cần chứa lại để yên vào địa vị của nó Vì rằng hỏa là căn bản để lập mệnh, mà không thể thiếu được, cá một chốc không có nước thời chết, người một chốc không có hỏa thời chết, như vậy khí và hỏa có thể dập tắt đi được không ?

Chương 20.— Cách ngôn : **Người ít tuổi đa số có hỏa, người tuổi già chỉ sợ không hỏa.**

Người ít tuổi dương khí thịnh ở trên, vì thế mới ưa hành động. Người tuổi già dương khí suy ở dưới nên ưa ngồi và nằm, bởi vậy, chữa bệnh cho người ít tuổi

Tìm sách

phần nhiều phải dẹp hỏa xuống, mà chữa người già phần nhiều phải bồi bổ cho hỏa.

Chương 21.— Cách ngôn : **Thủy là âm, nên gốc ở tạng thận, nhưng thủy hóa ra bởi ở khí, nên ngọn lại ở tạng phế.**

Tạng thận chủ cho tân-dịch của cả ngũ tạng, thời thủy ở thân người nguồn gốc ở tạng thận, nhưng thủy ấy không có khí nóng không hóa ra được, mà tạng phế là phổi để thở hít mà chủ về tiết-độ, điều hành được đường thủy để đem xuống bàng-quang, vì thế thủy gốc ở thận mà ngọn lại ở phế.

Chương 22.— Cách ngôn : **Rộng lớn lắm thay ! Chân-thủy và chân-hoả là gốc để sinh ra người, có thể gần chết mà lại sống**

Chân-thủy và chân-hỏa, ở trong tạng thận là thủy hỏa vô hình của tiên-thiên, thần minh bởi đấy mà tính mệnh cũng bởi đấy. Sách dạy mạch có nói : « Người bệnh ngặt sáu bộ mạch đều không thấy nữa, mà mạch xung-dương, và mạch thái-khê hãy còn, thế là còn có cơ sống được, tức là tuyệt-sứ-phùng-sinh ». Tuy thế, mạch xung-dương không quan hệ bằng mạch Thái-khê. Mạch xung-dương tức là mạch của tỳ vị, mà mạch Thái khê tức là mạch của tạng thận.

Chương 23.— Cách ngôn : **Hỏa bốc lên (hư hoả) là vì không có thủy để cân với hoả, nếu muốn phạt hoả đi để lấy lại thủy, thời chưa chắc lấy lại được thủy, mà hoả cũng mất nốt, chẳng phải là âm dương đều bại hay sao ?**

Tìm sách

Âm gửi cho dương, thủy để chế hỏa, vì thế nên quân bình mà không nên để chênh lệch, hết thảy chứng bệnh hỏa hư mà phát nhiệt, tựa như hỏa dư ra, nhưng hỏa có dư ra cũng bởi thủy bị thiếu thốn Phép chữa nên bổ âm để cân với dương, thêm thủy để chế hỏa, nhất thiết không nên để hỏa bị mất đi, vì rằng, thủy đã thiếu mà lại phạt hỏa thời thủy hỏa đều bại. Phép chữa chứng bệnh hư yếu, nên bồi bổ chỗ thiếu thốn, mà không nên công phạt chỗ thừa ra.

Chương 24.— Cách ngôn : **Chữa bằng thuốc hàn mà không thấy người mát, thời trách cứ về chỗ không có thủy. Chữa bằng thuốc nhiệt mà không thấy nóng, thời trách cứ về không có hỏa.**

Câu trên là lời cách ngôn của ông Chu-Đan-Khê, cũng như Nội-kinh đã nói : « Mọi chứng chữa bằng thuốc hàn mà vẫn thấy nóng, thời phải tìm ở âm phận, mọi chứng chữa bằng thuốc nhiệt mà vẫn thấy lạnh, thời phải tìm ở dương phận ». Hết thảy đem vị thuốc hàn để trị bệnh nhiệt mà không thấy mát thì là vì chân thủy suy kém, đem vị thuốc nhiệt để chữa chứng hàn, mà không thấy nóng thì là chân hỏa hư yếu. Khi ấy, chỉ nên thêm chân thủy để dẹp dương đi, thêm chân hỏa để tiêu âm đi, như thế là phép dựa theo mà chữa (tòng trị) mới có công hiệu.

Chương 25.— Cách ngôn : **Thủy hỏa là trưng triệu của âm dương, âm dương là căn nguyên của thủy hỏa.**

Âm dương là hư danh, thủy hỏa là thực thể, còn khí

Tìm sách

huyết vừa khinh thanh (nhẹ và trong) vừa trọng trọc (đục và nặng), thủy không có nguồn thời không thể vượng, hỏa không có gốc thời không thể sáng mãi, nguồn của âm thủy lại gốc ở trên trời, căn của dương hỏa lại gốc ở dưới đất, vì thế sách cổ còn nói : « Trong thủy mà tìm lấy hỏa thời sáng tỏ không ngừng, trong hỏa mà tìm lấy thủy thời nước nguồn không cạn, dương gửi cho âm không có dương (khí nóng) thời âm không sinh được, ví như đèn đã tắt lại bốc lên, rồi sẽ không có lửa, đó là chứng bệnh thoát-dương ».

TìmSách

THIÊN KHÍ-HUYẾT

(gồm 35 chương)

Chương 1.— Cách-ngôn : **Khí dẫn cho huyết, huyết dựa vào khí.**

Khí thuộc về dương, chủ về động và lưu hành, huyết thuộc về âm chủ về tĩnh và nhờ dựa. Khí là vô hình công dụng ở tuyên thông, huyết là hữu hình, thể chất phải nhờ dựa, vì thế khí hành thì huyết theo, mà âm làm nền tảng cho dương.

Chương 2.— Cách ngôn : **Huyết là ngọn (tiêu) cho khí khí là gốc (bản) cho huyết.**

Khí là dương, dương chủ ở ngoài biểu, hộ vệ cho thân thể ; Huyết là âm, âm chủ ở trong lý, nuôi dưỡng cho cơ nhục. Vì thế, dương được âm sử dụng, mà huyết là ngọn của khí, âm được dương giữ vững, mà khí là gốc cho huyết.

Chương 3.— Cách ngôn : **Khí không có huyết, thời tản đi mà không giữ lại được, huyết không có khí thời phải ngưng lại mà không lưu thông.**

Khí là dương mà huyết là âm, dương động mà âm tĩnh, âm dương là căn bản lẫn cho nhau, khí huyết sử dụng lẫn nhau, dương trấn giữ cho âm, âm sai khiến

Tìm sách

được dương, khí đi ở ngoài mạch, huyết đi ở trong mạch, vì thế trong khí không có huyết thời không giữ lại được, trong huyết không có khí, thời không lưu hành được.

Chú giải : 1) Khí để bảo vệ cho nên gọi là vệ-khí, huyết để vinh dưỡng cho người nên gọi là vinh-huyết.

Chương 4.— Cách-ngôn : **Tỳ và vị là cha của khí huyết, tâm và thận là mẹ của khí huyết, can và phế là nơi ở của khí huyết.**

Vị là dạ-dày để chứa các thức ăn, tỳ là lá-lách để chuyển vận, đem tinh hoa của các thức ăn uống để hóa ra khí huyết cho nên ví như người cha, chân âm ở trong tạng tâm, chân dương ở trong tạng thận, là căn bản của khí huyết, cho nên ví như người mẹ, can để chứa huyết, phế chủ về khí sinh huyết, cho nên ví như nhà ở.

Chương 5.— Cách-ngôn : **Khí huyết của người cũng như là nước [suối, nếu đầy thời lưu thông, nếu kém thời ngưng trệ, vì thế khí đã thịnh thời không ngưng trệ.**

Trăm mạch lạc của người, cũng như trăm sông ngòi của trời đất, nước nguồn đầy thời sông ngòi lưu thông, khí huyết đầy đủ thời dẫn đều, mà không lo ngưng trệ.

Chương 6.— Cách ngôn : **Vinh huyết kém thời da thịt không được mềm mại (bất nhân) ; Vệ khí kém thời chân tay không cử động được (bất dụng).**

Vinh là huyết, huyết hư kém thời không nhuận được da

Tìm sách

thịt, cho nên không biết đau ngứa, mà là « bất nhân »; Vệ là khí, khí hư kém thời không vận dụng được gân và kinh-lạc, vì thế không cử động được, mà là « bất dụng ».

Chương 7.— Cách-ngôn : **Khí hư thời da thịt tê lằn mần (ma), huyết hư thời đờ ra (mộc), ngoài da thấy tê bì gọi là chứng « ma », gân cứng đờ ra gọi là chứng « mộc ».**

Khí là vệ, vệ đi ở ngoài mạch, khí yếu thời không vận hành mà thành chứng ma, người ta ngồi lâu khí trệ thời ê bì, cũng là chứng ma, đến khi cử động được khí hành được mới thôi.

Huyết là vinh, vinh đi ở trong mạch, huyết hư thời không thấm nhuần được cơ nhục, gân và kinh lạc cứng ra, nên ngay thẳng như cây gỗ mà gọi là « mộc ».

Chương 8.— Cách ngôn : **Huyết là tinh hoa của thức ăn uống, vận hành như nước nguồn mà thể thực, huyết ấy sinh hoá bởi lá lách, tóm giữ bởi quả tim, chứa lại bởi tạng can, đầy đủ bởi tạng phế, tiết vợi đi bởi tạng thận, mà thấm nhuần khắp trong thân thể.**

Thức ăn vào dạ-dày, rồi lá lách vận hành. Đem tinh hoa của thức ăn uống hóa sinh ra khí huyết, trong tạng tâm chứa nước đỏ là chân âm, tạng tâm thuộc về hành hỏa, huyết được khí nóng của tâm hoả mà hoá ra sắc đỏ, vì thế huyết tóm lại ở tạng tâm.

Ăn uống vào dạ dày, rồi tảng tinh chất ra tạng can,

Tìm sách

hơn nữa huyết là loại thủy, theo ngũ hành thời thủy sinh ra mộc, can thuộc hành mộc mà chủ về gân, huyết ấy dưỡng được gân, vì thế huyết tàng trữ ở tạng can.

Khí là Tướng soái của huyết, khí hành thời huyết theo, tạng phế chủ về khí mà chủ về tiết độ, vì thế huyết tuyên bố ở tạng phế. Nhưng huyết ấy chu lưu ở Kinh lạc, đều nhờ vào một điểm chân dương của tiên thiên, vì thế huyết tiết ra bởi tạng thận.

Nay xét Ông Cảnh-Nhạc có nói : « Tạng thận chủ về nước của ngũ-tạng » (ngũ dịch), và nói : « huyết không thuộc tạng thận, thời ta không dám tin », bởi vậy người nào tạng thận hư yếu mà chân thủy kém, thời không sinh ra huyết mà dềnh lên hoá ra đờm. lại như chứng đàn bà huyết khô mà đường kinh bế lại, một khi được bổ thủy thời huyết tự sinh, như thế huyết còn gốc ở tạng thận đủ rõ.

Chương 9.— Cách ngôn : **Huyết suy thời hình thể gầy, huyết bại thời hình thể hoại, vì thế hết thảy trong hình hài có chỗ nào kém thì đấy chứng tỏ là huyết kém.**

Nở nang được cơ nhục, tốt đẹp được hình hài, là công dụng của huyết. Cho nên cổ thư còn nói : « Thịt bởi huyết mà thành ». Lại nói : « Huyết là nền tảng cho hình thể », huyết ấy theo khí để chu lưu ra trăm mạch. Cùng các kinh lạc (dây nhỏ của mạch). Vì thế, chỗ nào huyết không đầy đủ, thời giật lên (trừu-khiết) hay là co lại (câu-loan), là chứng « ma », chứng « mộc », chứng « bất nhân », và chứng « bất dụng ».

Tìm sách

Nội-Kinh có nói : « Mắt có huyết mới trông được, tay có huyết mới cầm được, chân có huyết mới đi được » đều là lẽ ấy.

Chú giải : Ma, mộc, bất-nhân, bất dụng, đã giải ở chương thứ 7 kể trên.

Chương 10.— Cách ngôn : **Khí trong sạch (thanh khí) lại ở dưới thời thành chứng đại tiện ra cả thức ăn (xôn tiết). Khí đục bẩn (trọc-khí) lại ở trên thời thành chứng đầy chướng.**

Khí thanh là dương, khí trọc là âm, dương vốn thăng lên, âm vốn giáng xuống, dương thuộc về hỏa mà nhiệt, âm thuộc về thủy mà hàn, nếu dương hư thời âm đem trở xuống, dương thiếu công dụng để làm cho ấm nóng (ôn noãn) vì thế đi cầu ra cả thức ăn.

Âm hư thời dương dồn trở lên, đã lâm vào cảnh tượng âm hàn tối tăm. Vì thế thành ra điên-chướng, đó là lẽ dương hư thời hãm trở xuống. Cho nên chứng dương hư mà đại-tiện ra cả thức ăn. Cách chữa nên thăng để mà đem lên, rất kỵ những vị thấm thấp để lợi tiểu-tiện, vì càng thấm lợi càng hại đến chân dương, chứng âm hư mà đầy chướng, nên dùng thuốc bổ huyết để tiêu nhẹ đi, nhất thiết cấm những vị cay nóng và lạnh (tân hương) đem thuốc bổ huyết để chữa chứng bĩ đầy, ở đời ít có người biết, mà ông Đông-Viên mới sáng kiến ra.

Chương 11.— Cách ngôn : **Đại-trường (ruột già) có huyết thời nhuận, không huyết thời táo.**

Tìm sách

Huyết là thủy, mà thủy chế được hỏa, vì thế mới nhuận được chứng táo, huyết là âm, âm hư thời hỏa bốc lên, càng nóng thời âm càng hại, huyết khô thời càng táo. Hơn nữa đại-tràng vốn nhiều huyết, huyết đã kém thời truyền tống không được nhuận. Gặp chứng ấy, chỉ nên dùng những vị âm được thuần tĩnh. Mà rất kỵ những vị đại-hoàng, mang-tiêu, là thuốc hạ để trục ra cho nhanh chóng.

Chương 12 — Cách-ngôn : **Trong huyết không có khí, thời thành chứng bệnh hoãn-túng phế thỉ (chân tay rời rạc vô dụng) ; Trong khí không có huyết thời thành chứng giật hay co lại (trừu-khiết, câu-loan).**

Huyết để nhuận, khí để ấm cho toàn thể, huyết là vinh để nuôi dưỡng trăm bộ mạch. khí là vệ để hộ vệ cả hình hài. Vì thế, trong huyết không có khí để bảo vệ thời không giữ vững được, mà thành chứng hoãn-túng (rời rạc). Trong khí không có huyết, thời không thấm nhuần mềm mại, mà thành ra chứng câu-loan (co quắp). Cổ thư còn nói : « Gân rời rạc ra là bởi không có khí, gân cứng co lại là bởi không có huyết ».

Chương 13 – Cách-ngôn : **Tạng phế để thở khí ra, tạng thận để nạp khí vào, vì thế, tạng phế là chủ cho khí, tạng thận là gốc cho khí.**

Tạng phế ở trên chủ về dương, tạng thận ở dưới thuộc về âm, dương chủ về thở ra, âm chủ về hút vào. Tạng phế là gốc cho mọi khí, cho nên là chủ cho khí.

Tìm sách

Hỏa vừa phải (thiếu-hoả) ở trong tạng thận sinh ra khí, cho nên là gốc cho khí. Cổ thư còn nói : « Tạng phế là cửa của thanh âm, tạng thận là gốc cho thanh âm », mà thanh âm tức là khí.

Chương 14 — Cách-ngôn : **Khí quá đầy đủ (khí thực) thời nhiệt, khí hư kém (khí hư) thời hàn, thực thời chịu được thuốc hàn, hư thời chịu được thuốc nhiệt.**

Khí tức là hỏa, khí thừa ra thì là hỏa, nên thế là thực nhiệt, khí thuộc về dương, dương hư thời âm lấn đi, thế là hư hàn. Người hư yếu phần nhiều là hàn, cho nên chịu được thuốc nóng, người thực mạnh phần nhiều là nhiệt, cho nên chịu được thuốc hàn. Về phép chữa, chứng thực thời chữa bằng thuốc hàn lương, chứng hư thời chữa bằng thuốc ôn-bổ. Tuy thế, người thực hàn mà giả nhiệt thời nhiều. Còn người thực nhiệt mà giả hàn, thời có số ít mà thôi.

Chương 15.– Cách ngôn : **Khí hư yếu thời đau nhức, hình thể hư yếu thời phù sũng.**

Khí thuộc về hỏa, khí uất thời hỏa bốc nóng mà đau nhức. Hình hài thuộc về huyết, huyết ủng trệ thời thịt đầy lên (tối phụ) mà phù sũng. Cổ thư còn nói : « đau nhức thời hại khí, phù sũng thời hại huyết. »

Chương 16.— Cách ngôn : **Huyết có dư thời hay giận, huyết không đủ thời hay sợ.**

Tạng can chủ về giận, tạng thận chủ về sợ, huyết chứa ở trong tạng can, mà nạp ở tạng thận. Nếu có dư

Tìm sách

thời khí của tạng can mạnh nên giận, nếu không đủ thời khí tạng thận thiếu đi mà sợ. Nội-kinh có nói : « Khí của tạng can hư yếu thời hay sợ, khí của tạng can vượng quá, thời hay giận », cũng là lẽ ấy.

Chương 17.— Cách ngôn : **Khí thừa ra thời là hoả, khí không đủ thời là hàn.**

Ông Đan-Khê có nói : « Khí thừa ra thì là hỏa », là vì hỏa tức là khí, khí tức là hỏa, đó là hỏa vừa phải (thiếu-hỏa) chỉ khác tên gọi mà thôi. Nếu không được quân bình, thời hỏa vừa phải biến là hỏa dữ dội (tráng-hỏa) bốc lên tam tiêu, như thế là khí dư ra. Ông Cảnh-Nhạc có nói : « Khí không đầy đủ là hàn », là vì dương không đầy đủ, thời âm lấn đi. Cho nên cổ thư còn nói: « Người dương hư còn phát ra chứng hàn ».

Lại nói : « Người tỳ vị hư yếu thời sinh chứng hàn », như thế là khí không đầy đủ mà sinh ra chứng hàn vậy.

Chương 18 — Cách ngôn : **Người trong khi nằm thời huyết về tạng can.**

Nội kinh có nói : « Dương xuất ra âm phận thời thức, dương nhập vào âm phận thời ngủ », lại nói : « Đêm thời vệ hành ở vinh », tức là dương tàng ở âm, thời huyết về tạng can. Những người đêm khuya vẫn không ngủ được, là âm không chứa được dương, mà huyết không về tạng can. Âm của tạng can đã hư, thời can khí quá mạnh, chỉ cần vợi nhẹ đi.

Chương 19.— Cách ngôn : **Khí nhiều thời huyết dễ thăng lên, huyết kém thời hỏa dễ động dỡ.**

Tìm sách

Khí thuộc về hỏa, mà tính của hỏa bốc trở lên, khí hành thời huyết theo, vì thế khí nhiều thời huyết dễ thăng lên. Huyết thuộc âm, âm hư yếu thời dương lấn át, dương chủ về hỏa, vì thế huyết thiếu thời hỏa dễ dông dỡ.

Chương 20.— Cách ngôn : **Huyết đầy đủ mà khí hư yếu thời thân thể dễ béo, khí đầy đủ mà huyết hư yếu, thời thân thể dễ gầy.**

Khí thuộc dương chủ về xương tuỷ, huyết thuộc âm chủ về da thịt, huyết hơn khí thời người béo, dương hơn âm thì người gầy, cho nên người béo khí hư mà thân thể mát, người gầy huyết hư mà thân thể nóng, người béo phần nhiều chết yểu, người gầy phần nhiều tuổi thọ, cũng vì lẽ dương sinh mà âm sát.

Chương 21.— Cách-ngôn : **Khí hư yếu thời không liễm được nguyên-dương ở trung cung ; Huyết hư yếu thời không tiếp nạp được long-hỏa ở tam tiêu đều thành là chứng hư nhiệt.**

Hỏa của con người chỉ tàng nạp ở trong thận thủy và tỳ thổ, khí tức là vị khí (khí nóng của dạ-dày) nguyên dương ở trong cung, tức là lửa ở trong, mà huyết tức là thủy, long-hỏa ở hạ-tiêu tức là hỏa ở trong thủy, nếu khí hư không liễm nạp được hỏa, là tỳ thổ hư mà không tàng được dương. Huyết hư mà không liễm nạp được long hỏa, là thủy kém mà không chế được hỏa, đều là chứng giả nhiệt, phép chữa về khí-hư nên bổ tỳ-thổ để tàng dương khí lại, như những vị thuốc nhân-sâm, và hoàng-kỳ. Nội kinh có nói : « Vị thuốc có tính cam và ôn thì trừ được đại nhiệt » (nóng dữ dội), chính là lẽ ấy. Phép chữa về

Tìm sách

huyết hư thì nên bổ âm để lui hỏa xuống, như những vị thục-địa và sơn-thù. Cổ thư có nói: « Làm mạnh chân thủy để chấn bớt dương quang đi » là lẽ ấy.

Chương 22.— Cách-ngôn : **Người ra huyết nhiều thì không có mồ-hôi, người ra mồ-hôi nhiều thì không có huyết.**

Mồ-hôi là tân-dịch của tạng tâm, là tên riêng của huyết, mà huyết tức là mồ hôi, vì thế, chứng âm hư mà cảm mạo ra mồ-hôi không thôi, là huyết đã mất rồi. Chứng thổ huyết hay lục huyết không uống được thuốc thanh giáng, thời uống thuốc phát hãn mà huyết tự nhiên chỉ, lại sau khi ra mồ-hôi nhiều, thời huyết hư mà chợt dạ kinh sợ, và người sản hậu, người ung nhọt đã khỏi, vì ra huyết nhiều mà phát ra chứng trí (co giật) cũng vì tân dịch háo kiệt, như thế chẳng là mồ-hôi với huyết cùng một loại hay sao ?

Chương 23.— Cách ngôn : **Người khí thoát thời mắt không được sáng tỏ.**

Khí là dương là hỏa, là xử dụng của thần-minh. Sách Thiên-trung-Ký có nói : « Sáng của trời đất là mặt trời là lửa ; ngọc và đá mà về đêm thấy sáng (dạ-quang) cũng là bẩm được hỏa khí, phương chi mắt của người như thế là mặt trời, nếu khí thoát thời dương nhiên không sáng tỏ, như là mặt trời không được tăng bằng vậy.

Chương 24.— Cách ngôn : **Khí huyết không hòa thời ngưng lại mà thành ra ung nhọt.**

Tìm sách

Khí huyết cũng như nước nguồn, đầy đủ thời lưu thông, nhiệt thời ung trệ, vì huyết là vinh, khí là vệ, cùng với chân thủy và chân hỏa ngày đêm đi ngầm trong thân thể, mà chu lưu không ngừng. Nếu trăm bộ mạch đều cùng điều hoà, thời không thể sinh bệnh. Một khi ngưng trệ thời là ung nhọt mà xưng lên. Nội-kinh có nói : « Khí hư thời đau, huyết hư thời xũng » (sưng lên), tôi xem sách ngoại khoa chữa về ung nhọt, theo kinh và huyệt ở trong người, mà đặt tên ung nhọt, rồi phân ra từng bài thuốc, như thế chỉ là phép thấy ở đầu thời chữa đầu, thấy ở gót chân thời chữa ở gót chân mà thôi. Ta nên biết trăm thứ bệnh không ngoài ở âm dương khí huyết, huống chi những ung nhọt xưng lên. Hết thảy về chứng ung nhọt, nếu huyết nhiều thời xưng đỏ là dương chứng dễ chữa, khí hư yếu thời ung nhọt vẫn bằng phẳng không đỏ là âm chứng khó chữa, như vậy là hư yếu thời bổ, ngừng lại thời tản đi, cần cho khí huyết được đều hòa mới thôi, hà tất phải phân biệt ở trên ở dưới, bên trái bên phải, làm rối loạn tai mắt của người chữa bệnh.

Chương 25.— Cách-ngôn : **Người huyết-thoát thời sắc da trắng bạc mà không được quang-nhuận.**

Khí chủ về hình, huyết chủ về sắc, cho nên nói : « huyết để làm đẹp cho nhan sắc con người », nếu huyết thoát thời sắc trắng bạc như xương khô mà không được hồng và nhuận, những người khí hư cũng có người sắc bạc, thời lấy gì để phân biệt, người đọc sách phải tìm ở ngoài lý lẽ đó, đại khái khí không có hình mà thanh, huyết có hình mà trọc, người da bạc về khí hư thời bạc trắng mà bóng, gân nổi trông rõ xương, người ngoài trông đã biết là hàn lãnh. Còn người da bạc về huyết

Tìm sách

hư, thời bạc trắng và khô, màu da như thiết như tro, người ngoài trông đã biết là ẩm đạm, tôi hãy kể đại lược để người học thuốc còn suy xét thêm.

Chương 26.— Cách-ngôn : **Chính-khí (dương khí của người) cùng với tà-khí (khí xấu bị cảm nhiễm) hai bên không cùng đứng vững được, một bên hơn thời một bên kém.**

Nội-Kinh có nói : « Tà khí đã cảm vào thời chính-khí phải yếu đi. » Lại nói : « Giúp chính-khi thời tà-khí tự lui », thế là bên này nặng bên kia nhẹ, một bên hơn thời một bên kém.

Chương 27.— Cách-ngôn : **Khí không có thủy không hoá được, tinh không có khí không hành được**

Tạng phế chủ về tiết độ, để thông điều đường thủy trong người. Nếu đường thủy không thông thời khí ở tạng phế bốc ngược lên. Nội-kinh có nói : « chữa người ọe khan phải lợi tiểu tiện », là để khí của tạng phế giáng xuống vậy, như thế là khí không có thủy thời không hóa được.

Tinh đối với huyết, thời tinh là dương mà huyết là âm, tinh huyết đối với thần-khí, thời tinh huyết là âm, mà thần khí là dương, nếu tinh không có khí, thời trong âm không có dương, lấy gì để cổ vũ, như thế là tinh không có khí không hành được.

Chương 28.— Cách-ngôn : **Khí hành thời huyết cũng theo, dương hư thời âm cũng kém.**

Tìm sách

Khí là chủ cho huyết, như thể vị tướng để đem quân, huyết như thể binh lính, người tướng đi thời binh lính theo, như thế là khí hành thời huyết cũng theo. Dương giữ cho âm, dương ở ngoài mà âm ở trong, ở ngoài không có bảo vệ, thời ở trong phải mất, thế là âm dương không rời nhau được. Vì vậy, dương mất thời âm cũng thoát, âm mất thời dương cũng bại.

Chương 29.— Cách ngôn : **Chứng thương-hàn thời khí thịnh quá mà người mát, chứng thương-thử thời khí hư mà người nóng.**

Hàn tà (Tà khí lạnh) vít ở ngoài thời hỏa uất ở trong, vì thế chứng thương-hàn khí thịnh mà người mát. Nắng là nhiệt (thử), nhiệt hại đến khí, vì thế chứng thương-thử, khí hư mà người nóng.

Chương 30.— Cách ngôn : **Chứng thổ thời hại khí, khí hư thời hoảng sợ (quý), chứng đi cầu nhiều thời mất chân huyết, huyết hư thời kinh sợ**

Chạm đến mới kinh hoảng thời gọi là « quý », vô cố mà kinh sợ thời gọi là « kinh ». Chứng thổ bởi dương phận ở thượng-tiêu, thổ bởi khí nghịch mà hại khí, tạng phế chủ về khí, khí hư thời tạng phế không tàng được phách, vì thế mới hoảng sợ (quý). Chứng hạ làm cho đi cầu nhiều bởi ở âm phận hạ-tiêu. Hạ thời tân-dịch kiệt mà mất chân huyết, tạng tâm tóm giữ chân huyết, huyết đã hư, thời tạng tâm không tàng được thần, nên thành ra chứng « kinh ».

Chương 31.— Cách-ngôn : **Chứng bệnh về huyết không ưa uống nước, chứng bệnh về khí thời ưa uống nước, nhưng về huyết cũng có khi uống nước.**

Tìm sách

Hạ-tiêu thuộc huyết về âm phận, thượng-tiêu thuộc khí thuộc về dương phận, hết thảy bệnh ở trên thời khát, ở dưới thời không khát, đó là cổ thư chỉ nói bệnh ở thượng-tiêu hay hạ-tiêu mà thôi. Nhưng chứng âm hư bệnh về huyết, lẽ đâu lại không khát, vì huyết tức là tân-dịch. Nên cổ thư còn nói : « Chứng khát thường bởi ở huyết hư ».

Chương 32.— Cách-ngôn : **khí ở trong người không đầy đủ, thời nước tiểu tiện biến khác đi.**

Biến là trắng biến ra sắc vàng. Hết thảy khí ở trong người hư yếu, thời tạng phế không có tiết độ, đường thủy không điều mà nước tiểu hóa ra vàng. Thế mà người không biết hễ thấy tiểu tiện vàng, thời cho là ở trong nóng, mà dùng thuốc thanh đi, như thế thời hỏa suy mà khí càng hư yếu, có khi lại thành chứng bế vít tiểu tiện, thế mà vẫn không tỉnh ngộ, sao họ không hiểu lẽ bài Ngũ-Linh để lợi tiểu tiện mà phải dùng vị nhục-quế là ôn nhiệt, chẳng phải là thêm cho chân hỏa, mới dẫn được khí của tạng phế hay sao ?

Chương 33. – Cách ngôn : **Khí ở trên không đầy đủ thời óc như thể thiếu thốn (bất mãn), đầu khó chịu vì nghiêng đi, mắt trông mãi mới thấy.**

Khí là dương, đầu là chỗ mọi dương khí hội lại, còn mắt là tinh hoa của tạng phủ. Một khi khí không đầy đủ, thời dương không có chủ mà đầu khó chịu và nghiêng đi, óc như thể thiếu thốn, chân tinh đã không đủ thời

Tìm sách

trông lõm vào, tức là trông nghiêng mới thấy (thị thâm). Cho nên trẻ con cổ ngoẹo đi là chứng dương hư.

Chương 34.— Cách ngôn : **Khí dương hòa thời thông lợi, dầy ở tạng tâm, mà xuất ra mũi, mới thành ra hắt hơi (ế)**

Dương sinh ra khí, âm hại mất khí, tạng phế chủ về khí, mà khai khiếu ở mũi. Chứng hắt hơi là dương khí hòa mà thông lợi, vì thế chứng trúng phong có hắt hơi thời chữa được.

Chương 35.— Cách ngôn : **Khí huyết hư yếu dù có hiện ra nhiều chứng cũng chỉ ở trong âm dương khí huyết hư thực**

Khí huyết đã hư thời mọi chứng hiện ra không thể tả hết được, người không biết, thời thấy bệnh ở đầu thì chữa đầu, thấy bệnh ở gót thì chữa gót. Nhưng Nội-kinh có nói : « Biết được yếu điểm thời một lời nói cũng đủ, nếu không biết được yếu điểm thời man mác vô cùng ». Cổ thư có nói : « chữa một nơi thời bách bệnh tiêu tán », yếu điểm vào một nơi tức là âm dương khí huyết hư thực mà thôi.

Tìm sách

THIÊN HƯ-THỰC

(gồm 18 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : **Tà-khí đã lấn vào thời chính khí phải hư yếu đi, nếu để lâu mà không trừ được tà khí thời hóa ra thực chứng (bệnh mạnh).**

Đại để chứng bệnh đều bởi hư yếu mà đem lại, nếu chính-khí đầy đủ vững chắc, thời tà-khí không nhân khe hở mà lấn vào được, vì thế tà-khí dư ra là chính-khí không đủ, nếu không chữa ngay, thời sốt lâu thành ra buồn bực lo đầy, nôn ọe, bế vít, mà là thực chứng, nên Nội-kinh nói : « Hư là chính khí hư, thực là tà khí thực ». Người không biết thấy bệnh đều gọi thực chứng hay thực bệnh, nhưng phải biết rằng, nếu là chính-khí thực thời sao lại có bệnh ? Đã có bệnh thời không khi nào thực, nói ra đã lầm thời chữa bệnh sao được.

Chương 2.— Cách ngôn : **Thế nào là hư thực ? Tà khí thịnh là thực, tinh khí kém đi là hư.**

Bệnh có hư thực, là nói khí hư mà tà thực. Cổ thư có nói : Người phát bệnh đều do khí không đầy đủ, chứng bệnh dư ra đều là chính-khí hư yếu.

Chương 3.— Cách ngôn : **Khí đầy đủ ở trong mà là hàn như mùa đông rét dữ, dù ở ngoài hàn mà trong**

Tìm sách

vẫn nhiệt ; khí hư yếu ở trong mà là nhiệt, như mùa hè nắng dữ, dù ở ngoài nóng mà trong lạnh ; vì thế không thể thấy nhiệt mà bảo ngay là nhiệt, thấy hàn mà bảo ngay là hàn, mà phải xét về gốc hàn nhiệt như thế nào ?

Tiết Đông-chí nhất-dương (khí dương mới phát sinh), trên trời băng tuyết mà nước giếng vẫn ấm. Tiết Hạ-chí nhất âm sinh (âm mới phát sinh), trên trời oi nóng mà cây ở rừng vẫn thấy có nước, bệnh người cũng như thế.

Người khí thực thời ngoài tuy giả hàn mà trong thực nhiệt, cũng như mùa đông trong khí âm tàng chứa khí dương vậy ; người khí hư ngoài tuy giả nhiệt mà trong thực hàn, cũng như mùa hè trong khí dương có khí âm ngầm ngầm vậy, vì thế không thể thấy ở ngoài giả hàn, mà đem thuốc nhiệt để giúp chứng nhiệt, thấy ở ngoài giả nhiệt mà đem thuốc hàn để giúp chứng hàn, cần phải tìm nguồn gốc mà chữa.

Chương 4.— Cách-ngôn : **Người nào bệnh rất thực, mà có hình dạng như là yếu, nếu bổ lầm thời thêm bệnh, người rất hư yếu, mà có hình dạng như là khỏe, nếu công phạt lầm thời chết oan.**

Như bệnh tích tụ ở trong bụng bệnh nặng thời bốn chân tay mỏi mệt không cử động được, khác nào người ăn no quá mà lại thấy mệt mỏi, nếu cho là hư chứng mà dùng thuốc bổ thời bệnh lại thêm ra, vì thế, cổ thư có nói : « Chứng dương tựa như âm, nếu ôn bổ thời thêm hại. »

Tìm sách

Người tỳ-vị hư yếu, bệnh nặng thời chướng đầy, ăn không lọt vào, khí nất và đại-tiện bế, cũng như người đói quá lại không thiết đến ăn, nếu cho lầm là thực chứng mà công phạt thời chết oan. Vì thế, cổ thư còn nói : « Chứng âm mà tựa như dương, nếu dùng thuốc thanh-lương tất chết ».

Người làm thuốc giữ tính mạng cho người, phải nghĩ đến 4 chữ « thêm bệnh » và « chết oan » mà sởn tóc lên mới được, tôi gặp những cường trên, chỉ đem phép chữa cho người yếu để chữa cho người khỏe chứ không đem phép chữa cho người khỏe để chữa cho người yếu, thế là lành lầm về thuốc ôn-bổ, chư không để lầm về thuốc hàn-lương vì thêm bệnh còn cứu vãn được, còn chết oan thời không lấy lại được.

Chương 5 — Cách ngôn : **Tỳ (lá-lách) hư yếu thời thành chứng tả ; Vị (dạ-dày) hư yếu thời thành chứng thổ.**

Tạng tỳ chủ vận hóa, vị là dạ-dày chủ về chứa lấy, một khi tỳ hư thời không phân biệt được đại, tiểu-tiện mà thành chứng tả ; vị hư thời sức chứa lại bị yếu, nên ngăn cách thức ăn mà thành chứng thổ. Nhưng câu trên là chỉ nói đại khái, cũng có người vì nhiệt nất mà đi tả, có người vì nước đình lại mà đi tả, có người vì thận hư không tàng vít được mà đi tả, có người vì hỏa ở mệnh-môn hư yếu không nung nấu được thức ăn mà đi tả, như vậy thời chứng tả không những là tỳ hư. Có người vì cuống dạ-dày yếu mà thổ, có người vì phiên vị (1) mà thổ, có người vì có hỏa nên không lọt thức ăn mà thổ, có người vì không hỏa mà ăn vào lại thổ, như thế

TimSách

thì chứng thổ không cứ là vị hư. Người làm thuốc phải phân tách cho kỹ

Chú giải: 1) Phiên-vị là dạ-dày không lọt thức ăn xuống mà thổ ra.

Chương 6.— Cách ngôn: **Chứng vị hư thời sợ rét, chứng tỳ hư thời phát sốt.**

Vị (dạ dày) là vệ, là khí, là dương, dương hư thời âm lấn đi mà sợ rét ; Tỳ (lá lách) là vinh, là huyết, là âm, âm hư thời dương lấn đi mà phát sốt.

Chương 7.— Cách ngôn: **Ở dưới hư yếu thời lạnh chân tay (quyết), ở trên hư yếu thời mờ-choáng (huyễn).**

Trên là dương, dưới là âm, âm hư thời dương làm rối loạn địa vị của âm, âm phải dương đoạt đi mới thành ra chứng « quyết » ; Dương hư thời âm lấn vào địa vị của dương, dương phải âm làm nhiễu loạn nên thành ra chứng « huyễn ».

Chương 8.— Cách ngôn: **Chứng thực thời thiềm-ngữ (nói mê), chứng hư thời trịnh-thanh (nói nhỏ không liên tục)**

Chứng thiềm-ngữ hay trịnh-thanh, đều bởi nhiệt làm nhiễu-loạn, nhưng có phân ra hư, thực, bởi tâm hỏa là thực nhiệt, bởi thận hỏa là hư nhiệt. Thiềm-ngữ là nói to và dài lại lẫn lộn không có đầu đuôi ; Trịnh-thanh là nói nhỏ và ngắn, lại tiếng nói không tiếp tục, có khi nói không ra cổ họng.

Tìm sách

Chương 9 — Cách ngôn : **Bệnh ở vị nhiều chứng thực, bệnh ở tỳ nhiều chứng hư.**

Bệnh ở vị phần nhiều bởi đình tích, nên uống thuốc tiêu đi cho khỏi ủng trệ ; Bệnh ở tỳ phần nhiều bởi không chuyển vận được, nên uống thuốc bồi bổ, để giúp cho sự vận hành. Hơn nữa, dạ dầy thuộc về dương mà chủ khí, tỳ thuộc về âm mà chủ huyết, dương bệnh dễ thành ra thực chứng, âm bệnh dễ thành ra hư chứng.

Chương 10.— Cách ngôn : **Chứng nhức đầu là ở trên thực, chứng váng đầu là ở trên hư.**

Chứng nhức đầu (đầu-thống) phần nhiều bởi phong hàn ở ngoài lấn vào mà hỏa uất lên trên, chứng đầu choáng váng (đầu-huyễn) bởi dương không có chủ, âm hỏa bốc lên, nên về chứng nhức đầu, thời chữa về tà ở ngoài biểu mà thanh đi ; Về chứng váng đầu, thời giúp dương khí để nén chân âm.

Chương 11 — Cách ngôn : **Người đời nay nhiều hư chứng mà ít thực chứng, vì thế bệnh thật hàn mà giả nhiệt thời rất nhiều, bệnh thực nhiệt mà giả hàn chỉ thấy số ít.**

Càng về đời sau thời khí trời càng suy, người ta bẩm sinh không được mạnh mẽ, thử xem những phương thuốc đời xưa lập ra, phần nhiều dụng công phạt, như những bài Ma-hoàng. bài Thừa-khí. Đời trung cổ đổi ra bài thuốc *Sâm-tô*, bài thuốc *nhân-sâm đại-độc*. Đến Ông Đông-Viên lập ra bài *Bổ-Trung Ích-Khí*, bài *Nhân-sâm dưỡng-minh*, đều được công

Tìm sách

hiện, như thế đủ biết là lúc bẩm sinh mạnh thời thụ bệnh phần nhiều là thực chứng, lúc bẩm sinh yếu thời thụ bệnh phần nhiều là hư chứng.

Chương 12.— Cách ngôn : **Chứng hư thời hai gò má (lưỡng quyền) đỏ lên, đó là âm hư ở dưới mà đẩy dương lên trên.**

Gò má bên trái thuộc về tạng can, bên phải thuộc về tạng phế, đều chủ về hậu thiên dương khí, nếu âm hư ở dưới thời không giữ được dương khí, âm phận đã thiếu, thời sắc hiện lên bộ mặt. Ông Trọng-Cảnh có nói : Mặt đỏ là chứng đem dương trở lên, tức là nghĩa ấy.

Chương 13.— Cách ngôn : **Chứng bệnh nào ăn vào thấy tạm yên, tức là chứng hư yếu.**

Các bệnh chứng đều gốc ở vị-khí (khí của dạ dày), ngũ-tạng, lục phủ (thượng-tiêu, trung-tiêu, hạ-tiêu, bàng-quang, tiểu-tràng, đại-tràng), đều được dạ-dày đem thức ăn uống để giúp đỡ, nếu dạ-dày yếu thời 12 kinh đều yếu. Vì thế các chứng bệnh nếu được ăn mà tạm yên là ở trong hư yếu (nội-hư). Ngoài trừ những chứng ngoại cảm.

Chương 14.— Cách ngôn : **Bệnh ở ngoài đem đến phần nhiều là hữu-dư, bệnh ở trong phát ra phần nhiều là bất-túc**

Những bệnh ở ngoài đem đến là tà-khí của lục-dâm (gió, rét, nắng, ẩm, táo và lửa) nhân chính khí trong người hư yếu mà lưu lại, nếu không trừ được thời thành ra thực chứng, những chứng ấy phần nhiều là dư ra (hữu dư).

Tìm sách

Chứng bệnh từ trong phát ra là bởi thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) và bởi khó nhọc hay bởi ăn uống, nhân tinh huyết suy tổn, tạng người hư yếu thời bệnh càng nặng, những bệnh ấy phần nhiều là thiếu (bất túc).

Chương 15.— Cách-ngôn : **Bệnh bởi ăn uống là hữu dư, bệnh bởi khó nhọc là bất túc.**

Những chứng bởi ăn uống quá độ hay ăn lầm thức sống thức lạnh mà đình trệ tức là hữu dư, bệnh nhẹ thời tiêu đi, bệnh nặng thời dùng thuốc công hay hạ. Nếu bởi dạ dày hư mà không chứa được, bởi tạng tỳ hư mà không vận hóa được, thế là nội-nhân mà khác với chứng ngoại-nhân kể ở trên, thì lại là chứng bất túc ở trong chứng hữu dư.

Những chứng bởi mang nặng hay đi xa và bị mưa nắng, hoặc làm việc nhiều mà bị cảm, lâu dần thành ra chứng bất túc, nếu nhẹ thời dùng thuốc để phát tán, nặng thời dùng thuốc thanh giải. Nếu vì thất tình mà hại đến tạng tâm hay tinh huyết ở tạng thận bị háo, thế là lao tâm mà khác với những chứng lao lực kể ở trên, thì lại là những chứng bất túc ở trong chứng bất túc.

Chương 16.— Cách ngôn : **Bệnh hữu dư là dương-chứng là khách bệnh ; bệnh bất túc là âm-chứng là chủ bệnh.**

Chứng bạo bệnh là dương, bệnh đã lâu là âm, bệnh ở ngoài biểu là dương, bệnh ở trong lý và âm.

Tìm sách

Thực chứng là khách, hư chứng là chủ, bệnh chi tiết ra là khách (tiêu bệnh), gốc bệnh (là chủ).

Chương 17.— Cách ngôn : **Người khỏe không có chứng tích-tụ, nếu có những chứng ấy là người hư yếu.**

Nguyên khí của người đầy đủ thời khí âm hòa bình, khí dương vít lại, vinh huyết và vệ khí thư thái, tà của gió độc không thể lấn vào được. Tỳ-vị chứa và vận hóa thời không thể đình tích được, như thế là người khỏe thời không có chứng tích-tụ.

Chỉ có người tỳ-vị không vận chuyển được mà đờm, hay thức ăn cùng huyết xấu ngưng kết lại, mới thành ra chứng tích, như thế chẳng phải là hư yếu mà thành chứng tích-tụ hay sao? Người chữa không tìm đến nguồn gốc mà chỉ dùng thuốc để phá tích, tiêu tích thì không thể được.

Chương 18.— Cách-ngôn : **Chứng sũng là thực bởi ở huyết chứng phù là hư bởi ở khí.**

Ta thường nói là chứng phù sũng, nhưng có phân biệt, chứng sũng thời da thịt như thể bùn, ấn xuống không nổi lên được, chứng phù thời như nước để trong túi, ấn xuống lại nổi lên.

Nhưng chứng thực là tà thủy (nước xấu) đã thành thực chứng, còn hư là nguyên khí hư yếu. Vì thế chữa chứng ấy phải giúp chính khí thời trục được tà thủy.

Tìm sách

THIÊN TẠNG-PHỦ

(gồm 53 chương)

Chương 1.— Cách-ngôn : **Tạng phế chủ về da và lông, tạng tâm chủ về huyết mạch, tạng can chủ về gân tạng tỳ chủ về cơ thể và thịt, tạng thận chủ về xương tuỷ.**

Tạng phế thuộc hành kim, chủ về khí để bảo vệ ở ngoài, cho nên chủ về da và lông ; Tạng tâm thuộc về quẻ « ly » mà quẻ « ly » trống ở giữa tức là chân âm mà là gốc cho huyết, cho nên chủ về huyết mạch ; Tạng can thuộc hành mộc là mầm mới phát sinh, cho nên chủ về gân ; Tạng tỳ thuộc hành thổ mà đức của hành thổ là nhu, cho nên chủ về cơ thể và thịt ; Tạng thận thuộc quẻ « khảm » mà ở giữa đầy đủ, là âm mà chứa tinh khí, cho nên chủ về xương tuỷ.

Chương 2.— Cách ngôn : **Thở ra thuộc về tạng tâm, nói thuộc về tạng can, ho thuộc về tạng phế, thở hơi thuộc về tạng thận, nuốt thuộc về tạng tỳ, thế là ngũ bệnh.**

Tạng tâm thuộc hành hỏa, hỏa tức là khí, khí nắt thời thở dài để đem khí ra ; Tạng can chủ về phong về gió thuộc tướng hỏa, lửa gặp gió thời động thì nói nhiều ; tạng phế chủ về khí mà khai khiếu ở cuống-họng, nếu có ngăn vướng thời không dung được mà ho ; Tạng thận

Tìm sách

là nguồn để nạp khí vào nếu khí không về chỗ thời thở ra, thế là khí từ dưới rốn ngược trở lên ; Tạng tỳ khai khiếu ở miệng, mà dạ-dày khai khiếu ở yết hầu, vì thế chứng hay nuốt bởi ở tạng tỳ.

Chương 3.— Cách ngôn : **Tạng tâm ghét nóng, tạng phế ghét lạnh, tạng can ghét gió, tạng tỳ ghét ướt, tạng thận ghét ráo, thế là « ngũ ố » (5 thứ ghét).**

Nóng thời tinh thần mờ đi mà tạng tâm chứa tinh thần cho nên ghét nóng ; khí hư thời hàn, vì tạng phế chủ về khí cho nên ghét lạnh, gió làm hại chân huyết, mà tạng can chứa huyết, cho nên ghét gió ; tỳ để vận hoá, nếu ướt thời không vận hoá được nên ghét ướt ; thận chủ về tân dịch nên ưa nhuận và ghét ráo.

Chương 4.— Cách ngôn : **Chân thủy thiếu thời sinh ra những chứng : 1) tạng can thiếu nuôi dưỡng mà huyết ráo, 2) thủy không về được chỗ mà sinh đờm, 3) tâm thận không tương giao mà thần sắc kém, 4) hại đến phế khí mà sinh ho đờm, 5) dương trơ vơ không có chủ mà hư hỏa bốc lên.**

Thận thủy đã suy kém thời không dưỡng được can-mộc nên huyết ráo. Thận thủy suy kém thời hại đến tỳ thổ nên sinh ra đờm. Tạng thận để chứa tinh, tạng tâm để chứa thần, nếu âm ở trong tạng tâm không giáng xuống mà dương trong tạng thận không thăng lên thời thần sắc phải suy kém. Phế ở hành kim mà sinh ra thận thuộc hành thủy, nên thận yếu thì hại đến phế mà sinh ra ho. Thận thủy kém là âm hư dương không có

Tìm sách

chỗ tựa nên bốc lên mà thành hư hỏa. Nội-kinh có nói : « Gặp chứng hư yếu nên giữ lấy tạng thận », mà chứng hư lao (yếu vì khó nhọc) cũng vì hại đến căn bản là tạng thận, như vậy đủ rõ sinh mệnh của người không ngoài ở thủy hỏa, thế mà người bầy chuyện ra chứng bệnh ngũ lao, lục-cực, lại phân biệt đến 72 chứng ốm nặng, chỉ để cho người học thuốc man mác mà vô ích.

Chương 5.— Cách ngôn : **Dạ dầy mạnh thời tạng thận đầy đủ mà tinh khí vượng, dạ dầy kém thời tinh khí kém mà việc giao cấu ít đi.**

Vị là nơi chứa thức ăn uống chuyển sang tạng tỳ để vận hoá rồi sang các tạng khác, nếu dạ dầy bị yếu, thời nguồn hoá sinh suy kém. Cổ thư có nói : « Tinh huyết phải nhờ đến tỳ vị ở hậu-thiên » (sau khi thành hình).

Chương 6.— Cách ngôn : **Âm ở tạng thận yếu thời tinh không chứa được, dương ở tạng can mạnh thời khí không giữ được.**

Tạng thận chủ về chứa lại, tạng can chủ về vợi đi. Chứa lại được là nhờ ở khí âm yên tĩnh, vợi đi được là nhờ ở khí dương vận động. Nay âm hư nên không chứa được tinh, mà dương cường thời không giữ lại được.

Chương 7.— Cách-ngôn : **Tỳ vị không điều hoà thời nằm không được yên.**

Tỳ vị chủ về tứ chi, mà tỳ sinh ra huyết, tỳ hư thời không sinh được huyết, huyết không đủ để chứa ở tạng can cho nên nằm không được yên.

Tìm sách

Chương 8.— Cách ngôn : **Tỳ là căn bản cho ngũ tạng, thận là hoá nguyên (nguồn để hoá ra) cho ngũ tạng.**

Thận là tiên-thiên (trước khi thành hình) mà tỳ là hậu thiên. Cổ thư có nói : « Bồ tạng tỳ không bằng bổ cho tạng thận », lại nói : « bổ cho tạng thận không bằng bổ cho tạng tỳ ». Tôi cũng bàn rằng có lúc bổ tỳ không bằng bổ thận, có lúc bổ thận không bằng bổ tỳ. Đều là lẽ chữa bệnh phải trọng cả tỳ và thận.

Chương 9.— Cách ngôn : **Công việc của tạng thận đều tóm ở mệnh môn. Mệnh-môn là cửa để lập ra sinh mệnh.**

Mệnh môn ở giữa hai quả thận, bên tả là chân thủy, bên hữu là chân hỏa, để giữ cho âm dương, là chủ cho tam tiêu (thượng, trung, hạ tiêu), là nguồn cho 12 mạch, là gốc cho ngũ tạng, lục phủ.

Chương 10. — Cách-ngôn : **Tạng tâm, tạng thận không tương giao, thời tinh thần tản đi mà thành chứng « quyết-nghịch » (bàn chân, bàn tay giá lạnh).**

Tạng tâm thuộc về quẻ « ly », mà chân âm ở quẻ « ly » giáng xuống ; tạng thận thuộc quẻ « khảm, » mà chân dương trong quẻ « khảm » thăng lên, thế là thủy hỏa tương giao với nhau mà là quẻ « Ký tế » trong kinh dịch, như thế thời vô bệnh. Trái lại hỏa cứ ở trên, thủy cứ ở dưới, không tương giao với nhau, là quẻ « Vị-tế» trong kinh dịch, vị-tế là chưa giúp được nhau thời tinh thần ly tán, trong dương không có âm, trong âm không có dương, nên thành chứng quyết nghịch.

Tìm sách

Chương 11.— Cách ngôn : **Mệnh môn là nơi của tinh huyết, tỳ vị là nơi của thức ăn uống.**

Mệnh-môn ở giữa hai quả thận. Tinh hoa của ngũ tạng đều về tới tạng thận. Cổ thư có nói : « Tạng thận là chỗ đô hội để chứa tinh », vì thế tạng thận là nơi của tinh huyết.

Thức ăn uống vào dạ dày. Tạng tỳ vận hóa mà chuyển đi ngũ tạng, vì thế dạ dày là nơi của Thủy cốc (uống và ăn).

Chương 12.— Cách-ngôn : **Tạng thận là cổng cho dạ dày, là cổng để giữ gìn cho cả thân người.**

Tạng thận chủ về chứa và giữ lại, Nội-kinh có nói : « sắc đen ở phương Bắc thông vào tạng thận, mở khiếu ở nhị âm » (1). Dạ dày đựng thức ăn uống khi đến ruột non thời phân biệt ra nước tiểu vào bàng quang, thức ăn vào đại tràng, rồi ra ở nhị-âm, thế là thức ăn uống thông hay bí đều nhờ ở tướng-hỏa của hạ tiêu cho nên nói « quả thận là cổng cho dạ dày và là cổng để giữ cho cả thân người. »

Chú giải : 1) nhị âm : chỗ đi tiểu và đi cầu.

Chương 13 — Cách ngôn : **Tạng tâm giật động mà sợ hãi không yên, là khí không về tinh :**

Tạng phế chủ về khí, tạng thận để chứa tinh, tạng phế xuất khí ra, tạng thận để nạp khí vào, còn tạng tâm để tóm huyết lại mà chứa tinh thần. Huyết sinh ra

Tìm sách

tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần. Nếu khí không chứa về tạng thận, thời tinh-huyết thần-khí đều có bệnh, nên tạng tâm sợ hãi không được yên.

Chương 14.— Cách ngôn : **Tạng thận chủ về thủy, nhận tinh hoa của ngũ tạng, lục phủ mà chứa lại.**

Ngũ tạng, lục phủ đều có tinh hoa, đầy đủ thời chứa về tạng thận. Cổ thư có nói: « Tinh hoa lấy đầy đủ mà không gian giua ». Cho nên ngũ tạng có đầy đủ mới nên vợi đi

Chương 15.— Cách ngôn : **Dạ dày là nơi chứa của thủy-cốc, là nguồn lớn cho lục phủ.**

Thức ăn uống đều chứa về dạ dày, rồi lục phủ nhận lấy để thấm ra cơ thể, vì thế dạ-dày là nguồn lớn của lục phủ.

Chương 16.— Cách ngôn : **Tạng thận yếu thời không tiêu hoá được thức ăn ví như thủy cốc ở trong nồi, mà ở dưới không có lửa thời lấy gì chín được.**

Dạ dày đựng thức ăn uống ở trung-tiêu, phải nhờ tướng hỏa ở hạ-tiêu để nung nấu cho chín, ví như lửa để đun nồi có đựng thức ăn uống. Cổ thư có nói : « Kinh Túc-Thái-Âm là tỳ-thổ mà hư yếu thời nên bổ tướng-hỏa ở Kinh Túc-Thiếu-Âm, ở tạng thận để sinh ra ; hết thảy những chứng muốn ăn mà không ăn được, hay là ăn được mà không tiêu hóa, đều là mệnh môn hỏa suy.

Tìm sách

Chương 17.— Cách ngôn : **Tạng thận giữ việc chứa lại, tạng can giữ việc vợi đi.**

Tạng thận theo về thời-lệnh mùa đông, nhất-dương (tháng 11) còn ngấm ngầm mà chứa lại, tạng can thuộc hành mộc là gió, ví như thời-lệnh mùa xuân. Tam-dương đã sinh (tam dương tháng giêng) mà vợi đi.

Chương 18.— Cách ngôn : **Dạ-dày hàn nhiều thời oẹ (uế), nhiệt nhiều thời sợ.**

Trong dạ-dày không có hỏa, thời lấy gì để nạp được, vì thế ngăn cách lên mà oẹ. Nếu trong dạ-dày có hỏa thời hại đến thận khí, hỏa đã thịnh thời lý thổ vượng mà khắc chân thủy. Tạng thận chủ về sợ, vì thế mà sinh ra sợ.

Chương 19 — Cách ngôn : **Tà khí ở tạng phế thịnh thời co lại mà không nằm nghiêng được.**

Lá phổi (phế) buông trở xuống, nếu tà hỏa cảm vào, thời co lại mà theo hỏa bốc lên, lá phổi cũng lên, đã cong lên thời khí ở triên-trung co vít lại, nằm ngửa thời khí mới tản ra, nên không nằm nghiêng được.

Chương 20.— Cách ngôn : **Tạng tỳ là tổ cho thân người, là nguồn cho trăm mạch, nên tạng tỳ thụ bệnh thời 12 kinh đều thụ bệnh.**

Tỳ vị là nơi chứa thức ăn uống, là hoá nguyên của hậu-thiên, ngũ tạng, lục phủ đều nhận sự thấm nhuần của tỳ vị, thật là tạo hoá ở trong thân người.

TimSách

Chương 21.— Cách ngôn : **Dạ-dày là nguồn của vệ khí, tỳ là gốc của vinh huyết.**

Dạ-dầy chủ về dương khí hậu-thiên, tỳ chủ về âm huyết của hậu-thiên, cho nên thanh khí của thức ăn uống là vinh huyết, hãn-khí của thức ăn uống (khí để ngăn lại) là vệ khí. Vệ thuộc về dương chủ về khí, vinh thuộc âm chủ về huyết.

Chương 22.— Cách ngôn : **Tạng tỳ ưa ráo mà ghét ướt, dạ-dày ưa ướt mà ghét ráo.**

Tỳ thuộc về kinh Thái-âm, là kỷ-âm-thổ mà ưa ráo ; Vị thuộc Kinh Dương-Minh là mậu-dương-thổ mà ghét ráo, nếu chỉ biết dùng vị thuốc cay thơm (tân hương) để mạnh cho tạng tỳ, thời lá lách lại khô ráo mà thành ra chứng quan-cách.

Chú giải : Âm của tạng tỳ thuộc về kỷ trong 10 can. Dương của dạ dầy thuộc về mậu trong 10 can. Cho nên gọi là kỷ-âm-thổ, mậu-dương-thổ cũng là hành thổ nhưng âm dương khác nhau.

Chương 23 — Cách ngôn : **Dạ-dày tóm giữ cả lục phủ, tạng tâm là chủ tể cho thần-minh.**

Dạ-dầy là dương khí của hậu-thiên, lục phủ đều là dương nên dạ-dày tóm giữ cả, hơn nữa tạng phủ đều chịu được khí của dạ-dày.

Tạng tâm là quân-hỏa mà chứa tinh-thần, cho nên làm chủ-tể cho thần minh.

Tìm sách

Chương 24.— Cách ngôn : **Hỏa của tạng can dư ra là vì âm của tạng thận không đầy đủ.**

Tạng can có lôi-hỏa (hỏa long lôi) tạng thận có chân-thủy, thủy không chế được hoả, là vì thủy không đầy đủ. Bởi ở can hỏa dư ra. Vì thế sách cổ có nói . « Can và thận cùng chữa với nhau. »

Chương 25.— Cách ngôn : **Tạng tâm là chủ cho tiếng nói, tạng phế là cửa cho tiếng nói, tạng thận là gốc cho tiếng nói .**

Tạng tâm thuộc về hỏa, hỏa tức là khí, có khí mới thành ra tiếng, và lại lưỡi là ngọn của quả tam (tâm miêu) tiếng nói mạnh hay yếu là sức của tạng tâm, vì thế là chủ cho tiếng nói.

Tạng phế thuộc hành kim, hành kim không vướng gì, thời co tiếng kêu, và lại tạng phế ở thượng-tiêu, chủ về thở ra, vì thế là cửa cho thanh âm.

Tạng thận chủ về giữ lại ở hạ-tiêu, mà nạp khí vào, vì thế là gốc cho thanh âm.

Chương 26.— Cách ngôn : **Phế chủ về khí, khí nghịch lên thời ho; thận chủ về thủy, thủy dềnh lên thời có đờm.**

Tạng phế chủ về khí, khí thuận thời có tiết độ, khí nghịch thời ho hay suyễn, tạng thận chủ về thủy, nếu thủy suy yếu thời không sinh được huyết mà lại sinh ra đờm.

Tìm sách

Chương 27.— Cách ngôn : **Tạng tâm vốn nhiệt, nếu hư yếu thời hàn ; Tạng thận vốn hàn nếu hư yếu thời nhiệt.**

Tạng tâm thuộc hành hỏa, nếu hỏa hư yếu thời thủy lấn đi mà là hàn. Tạng thận thuộc hành thủy, nếu thủy hư thời hỏa bốc lên mà thành nhiệt.

Chương 28.— Cách ngôn : **Dạ-dày đầy đủ thời vệ khí cũng đầy đủ.**

Dạ-dày là dương khí của hậu thiên, là gốc cho vệ khí, Nội-kinh còn nói : « Dạ-dày được khí ngũ cốc thời mạnh, khí ngũ cốc đầy đủ thời vệ khí cũng đầy đủ. »

Chương 29.— Cách ngôn : **Tạng tâm để biết việc về sau, tạng thận để nhớ việc đã qua, nếu chứng bệnh hay quên, đều bởi tạng tâm, tạng thận không tương giao với nhau.**

Tạng tâm để chứa tinh thần chủ về khôn biết, cho nên biết được việc tương lai. Nhưng cũng bởi âm-tinh của tạng thận dưỡng nuôi trở lên. Tạng thận chứa được chí, nên ghi nhớ được những việc đã qua, nhưng tạng thận được mạnh cũng bởi âm tinh của tạng tâm giao trở xuống, những người khỏe mạnh như thường mà hay quên, cũng vì lẽ thủy hỏa không tương giao với nhau.

Chương 30.— Cách ngôn : **Tạng phế là chức giữ của mọi khí, tỳ vị là nơi của hóa-nguyên (nguồn sinh hóa).**

Tìm sách

Tạng phế chủ về khí của thân người, là tổ khí cho tiên-nhiên, là sinh khí của hậu-thiên, hết thảy khí của dạ-dày (vị khí). khí để bảo vệ của doanh huyết (doanh-khí) và khí để chủ cho người (tôn-khí), đều do tạng phế tóm giữ.

Dạ-dày là nơi chứa thủy cốc, mọi phủ tạng đều nhờ sự thấm nhuần của dạ dày, rồi sinh huyết, sinh tinh, sinh khí, sinh thần.

Chương 31.— Cách ngôn : **Tạng thận là nơi để chứa tinh, mà chịu mệnh lệnh của thiên-quân (tạng tâm).**

Thận là nơi chứa tinh huyết, ngũ tạng đầy đủ, thời thân gop về tạng thận, nhưng vì tạng tâm là quân hỏa, tạng thận là tướng hỏa, tướng hỏa phải chịu mệnh lệnh của quân hỏa.

Chương 32 — Cách ngôn : **Dạ dày ưa uống nước mát mà ghét nóng; Ruột (tràng) ưa uống nóng mà ghét lạnh.**

Dạ-dày vốn ôn mà ghét ráo nên ưa mát. Ruột chủ về phân biệt nước tiểu và thức ăn, có khí nóng mới hóa đi mà thấm ra được, nên ghét lạnh.

Chương 33.— Cách ngôn : **Dạ-dày là con của nguyên-dương.**

Theo lý ngũ hành, thời hành Thổ kỵ sinh ở hành Hỏa.

Nguyên-dương là Kinh Thủ-Thiếu-Âm tức là quân hỏa của hậu-thiên, vậy Kinh Túc-dương-minh là dạ-dày thuộc hành thổ là con đẻ của hành hoả. Còn kinh Túc-Thái-

Tìm sách

Âm là tỳ thổ lại bởi tiên thiên, do Kinh Túc-Thiếu-Âm tướng-hỏa sinh ra, vì thế vị thổ hư thời bổ tâm hỏa, mà tỳ thổ hư thời bổ thận hỏa.

Chương 34.— Cách-ngôn : **Tạng tâm nóng thời miệng đắng, tạng can nóng thời miệng chua, tạng tỳ nóng thời miệng ngọt, tạng phế nóng thời miệng cay, tạng thận nóng thời miệng mặn, dạ dày nóng thời miệng nhạt.**

Năm vị ăn thuộc về ngũ hành, mà ứng về ngũ tạng, ngũ tạng đều bẩm khí ở dạ-dày, mà dạ-dày khai khiếu ở miệng nên xem bệnh mà biết ở tạng nào.

Chương 35 — Cách-ngôn : **Tạng tỳ là máy cho hóa-nguyên, mà tóm cả vinh huyết.**

Tạng tỳ là âm khí của hậu-thiên, nhờ khí của thức ăn uống mà sinh ra huyết, nên huyết gốc ở tạng tỳ, huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần, nên tạng tỳ là máy của hóa nguyên (nguyên khí để hóa sinh) mà là gốc cho vinh huyết.

Chương 36.— Cách ngôn : **Tạng tâm tạng phế yếu thời tinh-thần suy, tạng can tạng thận yếu thời hình-hài bại, tỳ vị kém thời ăn uống không sinh ra khí huyết**

Tạng tâm để chứa thần, mà tạng phế chủ về khí, khí sinh ra thần, vì thế tâm phế kém thời thần suy.

Tạng can chủ về gân, tạng thận chủ về xương, tạng

Tìm sách

can chứa huyết, tạng thận chứa tinh, cho nên tinh hư thời bịnh hài bại.

Thức ăn uống vào dạ dày, rồi vào tạng tỳ, mà tản tinh sang tạng can, tạng can để chứa huyết, nên tỳ vị yếu thời không hóa được khí huyết.

Chương 37. – Cách ngôn : **Khí của dạ dày nóng thì tiêu thức ăn mạnh mà chóng đói; vị khí bốc trở lên thì dạ dày lạnh mà không muốn ăn.**

Dạ-dày vốn ưới mà ghét ráo, nên gặp hỏa tà (tà-khí của hỏa) thời ráo quá, một khi nóng thời dễ tiêu thức ăn mà chong đói, thành bệnh *sát-cốc* (sát thức ăn). Cũng gọi là bệnh *tiêu chung* (ở trung-tiêu dễ tiêu hóa quá).

Dạ-dày để chứa thức ăn uống, nên gặp hàn-tà thời quá lạnh mà khí bốc ngược lên, vì thế không muốn ăn, cổ thư có nói : « Dạ-dày vì nhiệt mà ọe có ít, vì hàn mà ọe rất nhiều ».

Chương 38.— Cách ngôn : **Khí của dạ-dày ngược lên thời oẹ ra nước đắng (ẩu khổ).**

Nội-kinh có nói : « Vị nhiệt thời mồm nhạt », nhưng nếu vị-khí hàn thời không chứa được thức ăn, ngược trở lên mà oẹ, hàn thời vị ăn hóa ra đắng nên oẹ ra nước đắng.

Chương 39.— Cách ngôn : **Bệnh ở mật (đảm) thời hay thở dài.**

Thở dài là khí chứa lại mà muốn cho hả đi, vì thế lo buồn thời khí uất, uất thời hay thở dài. Chứng uất

Tìm sách

thời hại gan, gan và mật tương thông với nhau, nên gan thụ bệnh thời mật cũng thụ bệnh.

Chương 40.— Cách ngôn : **Thổ là nguồn gốc cho vạn vật, dạ-dày là chủ để dưỡng sinh.**

Kinh Dịch có nói : « Quý lắm thay ; Đức nguyên của quẻ khôn, mà khôn là thổ, thổ là vạn vật sinh ra đều gốc ở tỳ-thổ. Dạ-dày chứa thức ăn uống, rồi thấm nhuần ra tạng phủ cơ nhục, vì thế là chủ để dưỡng sinh,

Chương 41.— Cách ngôn : **Khí đon ở phương Bắc, về ngũ tạng thời là tạng thận, mà tạng thận khai khiếu ở tai ; khí đỏ ở phương Nam thông vào tạng tâm cũng khai khiếu ở tai.**

Tạng thận thuộc quẻ « khảm », mà quẻ « khảm » ứng về phương Bắc ; Tạng tâm thuộc quẻ « ly » ứng về phương Nam. Tâm và Thận đều khai khiếu ở tai, riêng đồng tử thuộc tạng thận mà chủ-trương ở tạng tâm, nên nghe rõ mà trông tỏ, vì thế tạng tâm là chủ cho thần minh.

Chương 42 — Cách ngôn : **Tạng tâm thụ thương thời tinh thần mất mà chết.**

Tinh, khí, và thần là 3 thứ báu cho người, mà tạng tâm để chứa thần, quân chủ cho cả thân người. Nội-kinh có nói : « Quân-chủ không tỏ thời 12 bộ đều nguy », cho nên ngoài tạng tâm có bào-lạc (màng dây) làm thành quách mà tà-khí không vào được, chứng bệnh tâm thống là chỉ đau ở tâm-bào-lạc. Nếu thực tạng tâm bị đau thời sáng phát bệnh mà chiều chết, vì tạng tâm thụ thương,

Tìm sách

thời thần minh không có chủ mà tinh khí mất.

Chương 43.— Cách ngôn : **Tạng tâm là quân-hỏa, tạng thận là tướng-hỏa nên tạng thận ứng với tạng tâm.**

Nội-kinh có nói : « Quân-hoả có tỏ thời tướng-hỏa mới yên được địa vị », mà tướng-hỏa vẫn làm việc cho quân-hỏa, khí của tâm và thận vẫn tương giao với nhau. Cổ thư có nói : « Quân-hỏa dông dỡ thời tướng-hỏa cũng bốc lên. »

Chương 44.— Cách ngôn : **Chứng đi tiểu-tiện còn sót lại (di niệu), hay là bế vít (lung bế) đều là bệnh ở tạng can**

Tạng can chủ về gân, mà ngọc-hành là gân lớn (tôn-cân), vả lại tạng can chủ về vợi đi, vì thế đi tiểu-tiện rớt lại là can khí vượng, còn chứng bế vít thời là can huyết hư, phép chữa dùng bài tứ-vật thêm vị sơn-chi là vì thế.

Chương 45.— Cách ngôn : **Khí của tạng thận hư, thời khí của tạng tỳ cũng yếu ; Khí của tạng tỳ yếu thời khí của tạng thận cũng hư. Vì sinh khí của tạng tỳ chủ ở tổ-khí của tạng thận.**

Cổ thư có nói : « Thận là nơi của tinh huyết, tỳ-vị là nơi của thức ăn uống, tướng-hỏa của tạng thận ngày đêm đi ngầm trong thân thể để nung nấu thức ăn uống, vì tiên-thiên là thận, mà hậu thiên là tỳ vị, tương quan với nhau.

Tìm sách

Chương 46.— Cách ngôn : **Tạng tâm chủ về khôn biết, tạng phế chủ về nạp khí, tạng can chủ về vợi đi, tạng tỳ chủ về vận hoá.**

Theo câu cách ngôn kể trên, thời không nói đến tạng thận là lẽ làm sao ? vì tạng thận là gốc cả tạng phủ không phải riêng về một việc, bốn tạng kia đều nhờ đến tạng thận.

Chương 47.— Cách ngôn : **Tâm và Thận làm căn bản lẫn cho nhau, âm và dương sử dụng lẫn đến nhau.**

Tạng tâm thuộc quẻ « ly » quẻ Ly ở giữa rỗng tức là chân âm mà giao trở xuống ; Tạng thận thuộc quẻ « khảm » tức là chân dương mà phụng sự trở lên. Trong âm phải có dương, trong dương phải có âm.

Chương 48 — Cách ngôn : **Tạng tâm khó nhọc thời hại chân huyết, tạng thận khó nhọc thời tổn tinh khí.**

Nghĩ ngợi quá thời hại chân huyết, sắc dục quá thời hại tinh khí Hơn nữa, tạng tâm biết việc gì về sau, tạng thận nhớ việc đã qua. Nếu quá khó nhọc thời đều bị tổn hại.

Chương 49.— Cách-ngôn : **Năm hành đều thuộc hành Thổ, muôn vật đều về tạng Tỳ.**

Kim, mộc, thủy, hỏa đều lấy ở dưới đất, nên trong bốn mùa hành thổ ở về những tháng cuối mùa. Tạng phủ được sinh hóa hết thảy phải nhờ ở tạng tỳ.

Tìm sách

Chương 50.— Cách ngôn : **Đói quá như kho tàng trống không, thời hại đến vị khí; No quá mà vận hoá không kịp thời hại đến tạng tỳ.**

Đói quá, no quá đều làm nên bệnh, tỳ vị chủ về bốn chân tay (tứ chi) nên no hay đói chân tay rời rạc.

Người ta lấy tỳ vị làm gốc, là máy sinh hóa của hậu thiên, nên chữa bệnh phải xem đến vị khí (khí của dạ dày), nếu vị khí không hại thời không lo ngại gì. Bệnh đến khí vong dương, chỉ dùng sâm truật và phụ-tử mới có thể cứu vãn được, nên tôi có bàn đến bổ thận không bằng bổ tỳ. Những vị thuốc ấy đều là bổ cho vị khí.

Chương 51.— Cách-ngôn : **Mọi chứng bệnh đều sinh ở tạng tâm, mà gốc ở tạng thận.**

Chứng nội thương về thất tình là : Mừng, giận, thương vui, yêu, ghét, muốn, là bởi tạng tâm. Nhưng ngũ tạng tổn hại về sau đều đến tạng thận, vì tạng thận là nơi của chân-âm chân-dương.

Chương 52.— Cách-ngôn : **Lưng và cạnh sườn đau là can và thận hư yếu, xương cốt đau là âm của tạng thận suy kém.**

Lưng và cạnh sườn thuộc can, mà thận chủ về xương.

Chương 53.— Cách ngôn : **Tỳ-thổ không có hoả thời không sinh hoá được, nên tạng tỳ ưa ráo mà ghét thấp khí.**

Tỳ thổ ở về trung-tiêu được khô ráo thời mạnh, mà gặp ẩm ướt thời sinh bệnh.

TimSách

Y HẢI CẦU NGUYÊN

tập Trọng

THIÊN BỆNH-CƠ (gốc bệnh)

(gồm 139 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : **Người lúc mới sinh ra nhờ ở tinh huyết, khi đã sinh thời nhờ ở thức ăn uống.**

Mệnh-môn ở giữa hai quả thận, chứa tinh cho đàn ông hay giữ bào thai cho đàn bà, người ta mới sinh nhờ ở tinh huyết ở cha mẹ, cho nên tinh huyết là gốc để lập mệnh.

Sau khi thành người, thời nhờ khí của thức ăn uống về hậu thiên.

Chương 2.— Cách-ngôn : **Nơi tinh huyết lại nhờ đến hậu-thiên, nơi chứa thức ăn uống lại nhờ đến tiên-thiên.**

Tỳ vị phải nhờ chân-hỏa (là khí nóng) ở giữa hai quả thận để đun chín thức ăn, cho nên cổ thư có nói : « Muốn bổ tỳ thổ về kinh thái-âm, thì phải bổ tướng-hỏa về kinh thiếu-dương tức là tạng thận.

Tìm sách

Những tinh huyết ở tạng thận phải nhờ đến ăn uống cho nên cổ thư có nói : « Tỳ vị có mạnh tạng thận mới đầy đủ ».

Chương 3.— Cách ngôn : **Chứng thương phong (cảm gió) phần nhiều thành ra thổ tả, vì can-mộc hay khắc tỳ-thổ.**

Nội-kinh có nói : « Tạng can dễ cảm gió độc, cảm gió độc thời can mộc cường mà khắc tỳ thổ, dạ-dày yếu thời không nạp xuống mà thổ, tạng tỳ yếu thời không vận hóa được mà tả.

Chương 4.— Cách-ngôn : **Chứng ốm rồi mất tiếng (thất thanh) là bởi tạng thận kém đi.**

Tạng thận là gốc của tiếng nói, người yếu rồi kinh huyết thiếu căn bản thụ thương nên mất tiếng :

Chương 5.— Cách ngôn : **Chứng đầy bụng là tỳ hư yếu ; Chứng nhiều đờm là khí của tạng tỳ không vận hóa ; Chứng đầu ngón tay tê là khí của tạng tỳ không chu lưu.**

Tạng tỳ không hóa được thức ăn nên trong bụng đầy. Khí của tạng ấy không vận hóa được thời ngưng trệ mà thành đờm. Bốn chân tay thuộc tạng tỳ, dương của tạng tỳ chủ về khí, âm của tạng tỳ chủ về huyết, khí huyết không chu lưu đều nên đầu ngón tay chân tê. Chứng tê ấy không nên dùng vị chỉ-xác, sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, mà nên dùng *bài bổ trung ích khí* thêm vị bán-hạ, phục-linh rất thần hiệu.

Tìm sách

Chương 6.— Cách ngôn: **Gần sáng có nhiều đờm là chứng tỳ hư không vận hóa được.**

Sau nửa đêm thời khí dương mới sinh, các mạch hội họp ở tạng phế nay tạng tỳ yếu không giữ được đờm dãi, mới tràn vào tạng phế, cho nên gần sáng ra đờm nhiều.

Chương 7.— Cách ngôn : **Thức ăn không lọt vào được là có hỏa; Thức ăn đã lọt vào lại nôn ra là không có hỏa.**

Nuốt thức ăn xuống cổ họng là nôn ngay tức là không lọt vào được, chứng ấy do trong dạ-dày có hỏa ngăn lại. Nội-kinh còn nói các chứng oẹ ngược lên đều thuộc về hỏa, là lẽ ấy.

Còn chứng ăn vào lại nôn ra, là thức ăn đã lọt vào nhưng không để được lâu, một lát lại nôn ra, chứng ấy bởi hỏa ở mệnh-môn suy kém không có sức nung nấu thức ăn để giúp cho tỳ, vị.

Chương 8.— Cách-ngôn : **Chứng ngũ tâm phiền nóng (gan bàn chân bàn tay và mỏ-ác) là bởi hỏa của tạng tâm hãm vào trong tỳ thổ.**

Tạng tỳ chủ về chân tay, tạng tâm chủ về nóng, nay trong tạng tỳ có hỏa tức là hỏa của tạng tâm di chuyển sang, vì thế ngũ tâm mới nóng. Chứng ấy nên uống bài *tứ-vật* thêm vị hoàng-cầm, hoàng-liên.

Chương 9.— Cách ngôn : **Chứng bạo bệnh chết ngay đều thuộc về hỏa, ông Đông-Viên cho là chứng khí hư.**

Tìm sách

Chứng ấy Nội-kinh cho là hỏa, Ông Đông-Viên cho là bởi ở khí, vì khí tức là hỏa. Mọi chứng bạo bệnh chết ngay là vì trác táng đã nhiều, âm huyết suy kiệt mà dương vượng một mình, hỏa không có căn bản thời không tỏ được lâu, vì thế nguyên khí mất ngay mà chết.

Chương 10.— Cách ngôn : **Chứng giống như trúng phong (loại chúng) Ông Đông-Viên cho là khí hư, Ông Hà-Giang cho là hỏa, Ông Đan-Khê cho là đờm.**

Ba vị ấy nói tuy khác nhau, nhưng kỳ thực giống nhau, là vì khí hư thời hỏa không có căn bản làm cho đờm ngược lên.

Chương 11.— Cách ngôn : **Người chóng đói ăn nhiều là phong mộc (tạng can) vượng quá lấn lên ở trung châu, tỳ thổ hư yếu mới cần đến sự ăn.**

Chóng đói là vì hỏa, can mộc thịnh thời sinh ra phong, phong giúp cho hỏa, ăn nhiều là tỳ hư tìm thức ăn để giúp vào. Cổ thư nói : người ăn khỏe mà gầy cũng là lẽ ấy.

Chương 12. – Cách ngôn : **Phong là gốc cho bách bệnh, hàn là khí dữ dội. Phong tức là dương-tà, phong không đâu không đến được, nên là gốc cho bách bệnh.**

Hàn là âm tà, là khí dữ dội như thời tiết mùa thu, đông. Tuy thế phong và hàn cùng một khí, vì hàn nhẹ thời là phong, phong nặng thì là hàn, ông Cảnh-Nhạc nói như vậy là phát minh lẽ bệnh mà đời trước chưa hiểu.

Tìm sách

Chương 13.— Cách ngôn : **Hàn tà ở ngoài biểu thời vít chân lông lại, cho nên người nóng mà không có mồ-hôi.**

Nóng đó là khí nóng ở trong thân người bị hàn tà vít lại nên không phát ra được, rồi chỉ thấy nóng và không ghê rét.

Chương 14.— Cách ngôn : **Thương thực thời ghét thức ăn, thương phong thời ghét gió, thương hàn thời ghét lạnh.**

Chứng thương thực là bệnh ở tỳ vị cho nên ghét thức ăn, còn phong và hàn đều là khí lạnh đâu có lẽ thương-phong lại không ghét lạnh, thương hàn lại không ghét gió. Tiên hiền nói như vậy thời không hợp lẽ, vì phong hàn cùng một khí, vậy người học phải suy xét.

Chương 15.— Cách-ngôn : **Tiểu tiện trong là bệnh không ở trong lý, tiểu tiện nhiều là bệnh không bởi khí.**

Tà còn ở ngoài biểu thì trong lý vẫn được hòa, cho nên tiểu tiện vẫn trong.

Tạng phế chủ về khí, đều được đường thủy thông xuống bàng-quang, cho nên tiểu tiện lợi (đi được nhiều) là bệnh không bởi khí.

Chương 16.— Cách ngôn : **Phong và hàn cùng một loại, phong đưa hàn lại, hàn theo phong vào cơ thể hay xương cốt, cho nên hàn nhẹ là thương phong, phong nặng là thương hàn.**

Tìm sách

Câu trên đây là Ông Cảnh-Nhạc mới phát minh, Cổ thư nói : « mạch phù và sác » (đặt ngón tay thấy ngay mà đi vội) là thương-phong ; « mạch phù và khẩn » (đặt tay thấy ngay mà mạnh) là thương hàn. Chứng thương phong tự ra mồ hôi, chứng thương hàn không có mồ hôi ». Rồi đặt ra từng bài thuốc nhất định, phép chữa chi ly chỉ làm loạn tai mắt cho người làm thuốc mà không có ích gì.

Chương 17.— Cách ngôn : **Ngoài biểu không có hàn tà, không thành ra chứng ngược (sốt rét). Trong lý không có hàn tà, không thành ra chứng lỵ.**

Chứng sốt rét và chứng lỵ chỉ bởi một căn nguyên hàn tà ở ngoài không trừ được thời thành chứng sốt rét, hàn tà ở trong lưu lại mãi thì thành chứng lỵ, đều bởi ở tạng tỳ. Nội-kinh nói : « Tỳ hư yếu thì phát sốt, vị (dạ-dày) hư yếu thì phát rét. » Vậy chữa chứng sốt rét và chứng lỵ phải để ý đến tỳ vị, mà hàn tà chỉ là nguyên nhân phát bệnh mà thôi.

Chương 18.— Cách ngôn : **Tự ra mồ-hôi là chứng dương hư, ra mồ-hôi trộm là chứng âm hư, nhưng cũng chưa nhất định như thế, phải xét là có hỏa hay không có hỏa, vì hỏa thịnh mà ra mồ-hôi là hỏa làm ráo chân âm đó là chứng âm hư, còn người không có hỏa mà mồ-hôi ra là khí ở ngoài biểu không vững, đó là chứng dương hư.**

Lúc thức thời khí hành ở dương phận, lúc ngủ thời khí hành ở âm phận, dương hư thời không bảo vệ được ở ngoài mà tự ra mồ-hôi, âm hư thời thông vinh được ở trong

Tìm sách

mà ra mồ hôi trộm, đó là phép đời xưa, còn như bằng cứ ở có hỏa hay không có hỏa để phân âm dương, thời đời trước chưa phát minh. Cổ thư còn có câu : « Ra mồ hôi trộm không chi, nếu có hỏa thời là âm không vững được, nếu không có hỏa thời là dương không vững được », cũng là lẽ ấy.

Chương 19. – Cách ngôn : **Chứng ọe trước rồi mới khát là muốn giải khát ; Chứng khát trước rồi mới ọe là nước đình ở dưới tạng tâm, vì người ọe là phải khát, mà nay lại không khát, là dưới tạng tâm có nước đình lại.**

Lời bàn ấy rất phải, vì ọe thời tâm-dịch kiệt mà khát, khát thời nước ngưng lại mà oẹ, nếu oẹ mà không khát, thời là nước đình lại ở dưới tạng tâm.

Chương 20.— Cách ngôn : **Chứng tả về hư hàn không phải là thủy dư ra, mà là hoả không đầy đủ ; Chứng nước tiểu không được thông không phải là thủy không được lợi, mà bởi khí không vận hành.**

Bởi chứng hàn mà đi tả, là do hỏa ở mệnh môn suy yếu không làm nóng tỳ thổ ở trên. Tỳ thổ ưa ráo mà ghét ướt, tỳ thổ hư tức là hoả hư, hư thời không vận hoá được thức ăn uống, để đem về đại tràng, mà thành ra chứng tả, như thế là hỏa không đầy đủ, mà không phải thủy thừa ra.

Thủy không có khí không vận hành được, tạng phế chủ về khí mà giữ tiết độ, điều hành đường thủy để đem xuống bàng-quang, nay khí ở tạng phế không giáng xuống

Tìm sách

được, thời đường thủy vít lại, như vậy là thận thủy không giữ được chức vụ, mà không những là phế kim làm ngừng lại, bài *ngũ linh* mà dùng cả vị nhục-quế cũng là chú trọng về khí ấy, mà không những để thấm lợi.

Chương 21.— Cách ngôn : **Dạ-dày cũng thuộc về hành thổ, không có hỏa không sinh được, không có nóng không hoá được, thế là thổ hàn tức là thổ hư và thổ hư tức là hoả hư, cho nên tạng tỳ ưa nóng mà ghét lạnh, ưa khô ráo mà ghét ẩm ướt, người nào vì hỏa mà oẹ có ít vì hàn mà oẹ phần nhiều ; Dạ-dày đầy đủ mà oẹ có ít, dạ-dày hư yếu mà oẹ phần nhiều.**

Nội kinh có nói : Các chứng oẹ ngược lên, đều thuộc về hỏa, nhưng có hư-hỏa có thực-hỏa, hư là hàn mà thực là nhiệt, cho nên còn có câu : « Thức ăn có lọt vào lại nôn ra là không có hỏa. »

Chương 22.— Cách ngôn : **Chứng hư yếu mà khát nhiều, là thận thủy không đầy đủ, phải nhờ đến thủy ở ngoài để cứu trợ.**

Chứng nhiệt thịnh, thời tân-dịch háo, không ai là không khát, những người hình thể yếu, mạch yếu, thời dù khát mà không ưa uống nước, hay là ưa uống nước mà cũng không uống nhiều, thế là ráo mà không phải là khát. Là vì nóng thời hại âm phận. Chân âm đã thiếu mà thủy khô ráo. Phải nhờ nước ở ngoài để cứu trợ.

Chương 23.— Cách ngôn : **Chứng hư yếu mà xuyễn thở vội (xuyễn-cấp) là âm hư mà tạng phế ngăn cách, khí không về được chỗ.**

Tìm sách

Tạng phế chủ về thở khí ra, tạng thận chủ về nạp khí vào, phế là chủ cho khí, vì thế hư yếu mà xuyễn thở, là âm của tạng thận hư yếu. Không nạp được khí, cho nên xuyễn thở ngược ra.

Chương 24.— Cách ngôn : **Chứng cuống-họng ráo, cổ-họng đau là ở dưới thủy kém, mà hư hỏa bốc lên.**

Chân thủy đã kém, thời tướng-hỏa bốc lên cổ-họng, ví như lửa cháy thời khói bốc lên, cho nên cuống-họng ráo, cổ họng đau (hầu-cam, yết-thống).

Chương 25.— Cách ngôn : **Chứng không ngủ mà hoảng hốt là huyết không nuôi được tạng tâm, mà tạng thận không chứa lại được.**

Người ta khi nằm thời huyết về tạng can, vệ khí trở vào âm phận, lại thần yên thời ngủ được yên. Tạng tâm chứa tinh-thần mà tóm giữ chân huyết, nay huyết hư thời không dưỡng được tạng tâm, tinh thần không dựa vào đâu, cho nên bốc lên mà hoảng hốt.

Chương 26.— Cách ngôn : **Chứng bệnh phiền táo, là trong dương không có âm, nhu không chế được cương.**

Phiền thuộc về dương, táo thuộc về âm, trong dương không thể thiếu được âm, mà trong âm không thể thiếu được dương, là cương nhu cứu lẫn cho nhau, nên chứng phiền táo là trong dương không có âm, vì dương chủ động, âm chủ tĩnh.

Tìm sách

Chương 27.— Cách ngôn: **Chứng hay giận dữ và chứng gân co lại và đau ngăn ngắt là thận thủy kém mà tạng can thiếu sự nuôi dưỡng.**

Tạng can chủ về giận, gân thuộc tạng can, tạng can chứa huyết, huyết để nuôi gân nhưng cũng nhờ thủy ở tạng thận sinh ra. Nếu thủy kém, thời tạng can không nhờ được vào đâu, mới có chứng ấy. Nội-kinh có nói : « Huyết đầy đủ thời mừng, huyết hư yếu thời giận », cũng vì lẽ ấy.

Chương 28.— Cách ngôn : **Người ăn uống không ngon lành, cơ nhục gầy dần đi, là tạng tỳ kém đi, mà cơ sinh hóa bại dần.**

Tạng tỳ chủ về năm vị ăn, mà chủ về cơ nhục, thức ăn uống vào dạ-dày, tạng tỳ vận hóa đi, để sinh huyết, sinh tinh là gốc sinh hóa cho hậu thiên, vì thế tạng tỳ kém thời hình thể gầy, mà cơ sinh hóa bại dần, cho nên bệnh nhân thấy cơ nhục sút ngay đi đều không chữa được, đó vì tỳ-vị đã bị bại.

Chương 29.— Cách-ngôn : **Chứng thận hư mà nhiều đờm, hoặc như nước trong, hoặc nhiều bọt trắng, là thủy duềnh lên thành đờm, tạng tỳ hư yếu không chế được thận thủy.**

Thận thủy suy kém mà không sinh được huyết, thủy duềnh lên thành đờm, đờm ấy trong mà nhiều bọt trắng Nhưng cũng bởi tỳ-thổ hư yếu, mà không chế được thận thủy, cho nên cổ thư còn nói : « Gốc của đờm ở tạng thận, mà hóa đờm đi, ở tạng tỳ. »

Tìm sách

Chương 30.— Cách-ngôn : **Chứng đau xương như gẫy là chân âm bại kiệt.**

Thận chủ về xương, cổ thư có nói : « Xương trong thân người không đâu không thuộc về thận ». Chân âm trong tạng thận, nếu kém đi thời tỷ kiệt mà xương khô.

Chương 31.— Cách ngôn : **Từ đầu gối trở xuống lạnh, là mệnh-môn suy tuyệt, hỏa không về được chỗ.**

Mệnh-môn chủ về hạ bộ, nay hỏa ở mệnh-môn hư, thời hỏa không về được chỗ, trong âm không có dương, nên từ gối trở xuống lạnh. Chứng bệnh lạnh từ đầu gối xuống là cơ đã vong dương.

Chương 32.— Cách-ngôn : **Chứng tiểu tiện đi vàng mà xẻn (hoàng xép) và chứng đi rồi lại xón nước ra (lâm-lịch) là chân âm suy kiệt, khí không hóa được thủy.**

Thủy không có khí không hành được, khí không có thủy không hóa được. Khí tức là hỏa. nay chân âm suy kiệt, dương không dựa vào đâu được thế là khí không hóa được thủy.

Chương 33.— Cách ngôn : **Gan bàn chân nóng như đốt, là hỏa hư háo mất chân âm, huyệt « dũng-tuyền » khô kiệt.**

Chân là nơi chí âm (rất là âm) Huyệt dũng tuyền ở gan bàn chân là đường lối của âm thủy đi ngầm, nếu

Tìm sách

âm hư thời hỏa lấn đi mà âm càng ráo, thủy đã kiệt thời gan bàn chân nóng như đốt.

Chương 34.—Cách ngôn : **Hóa được đờm bởi tạng tỳ, gốc của đờm bởi tạng thận, chứng đờm chẳng ở tạng này thời ở tạng kia.**

Tạng tỳ hóa được 5 vị ăn (chua, cay, mặn, đắng, ngọt), về phần trong trẻo thời là tinh huyết, về phần đục thời là đờm dãi, thế là hóa được đờm bởi tạng tỳ. Tạng thận thuộc về Thủy là chủ cho ngũ dịch (nước nhựa của ngũ tạng), cho nên cổ thư có nói : « Thận thủy hư thời thủy dềnh lên là đờm » thế là gốc của đờm bởi ở tạng thận.

Chương 35 — Cách ngôn : **Đờm của tạng tỳ có hư có thực, thấp trệ thái quá là bởi tạng tỳ thực, tỳ thổ suy không chế được thận thủy là tạng tỳ hư.**

Về phép chữa đờm, là thực thời công phạt, là hư thời bổ, nhưng dùng thuốc công phải có thứ tự, dùng thuốc bổ phải hợp đường lối, là vì hỏa thực thời nên tiêu đờm trục đờm, nếu thủy-hư thời hành khí để giáng hỏa, hỏa hư thời bổ thiếu-hỏa để sinh tỳ-thổ, tỳ thận được mạnh, thời đờm tự nhiên hóa đi.

Tôi xét sách dạy về thuốc có nói rằng : « Chữa chứng đờm không có phép được bổ ». Xem ngay 3700 vị thuốc của Đức Thần-Mông dạy ra, không có vị nào để trợ cho đờm, huống chi là bổ, nếu muốn bổ cho đờm thực không có vị thuốc nào. Nhưng bệnh đờm phần nhiều bởi hư yếu,

Tìm sách

nếu hư yếu mà không bổ thời đợi đến bao giờ. Tôi có lời bàn luận về chữa đờm không có phép bổ, mà cũng không có phép được công, rất kỹ càng ở quyển *Đạo lưu* nên tham khảo với đoạn này.

Chương 36.— Cách ngôn : **Đờm là tân-dịch biến ra như là sương mù của Trời.**

Người ta nhờ khí của thức ăn uống sinh ra tân-dịch, nếu ngừng lại thời ốm, mà kiệt thời chết. Đờm là tân-dịch biến ra ? Nguyên để dưỡng sinh cho cho người. Cổ thư có nói : « Người hư yếu không nên công phạt cho hết đờm », đó là ý rất thận trọng.

Chương 37.— Cách ngôn : **Đờm tạng thận vẫn là chứng hư, vì hỏa không sinh được thổ, tức hỏa không chế được thủy, dương không thắng được âm mà thủy ấy lấn lên tỳ thổ. Thế là hỏa ở trong âm hư yếu. Nếu hỏa thịnh làm háo chân âm, tân dịch khô kiệt, thời phế kim và thận thủy hại lẫn nhau, đó là thủy ở trong âm hư yếu, tỳ thận, hư thực không giống nhau, ta phải nên phân biệt.**

Quả thận bên trái bên phải, có hai khiếu chân-thủy, chân-hỏa. Cổ thư có nói : « Thận hư có hai chứng, tức là thủy của chân âm hư yếu, và hỏa ở trong âm hư yếu, là chứng thủy hư, thời dùng thuốc để mạnh cho chân thủy, là chứng hỏa hư thời dùng thuốc để thêm cho chân hỏa, đó là điều bổ cho âm dương, thủy hỏa.

Chương 38.— Cách ngôn : **Chứng đờm là tân-dịch ở trong người theo tà khí ở đâu mà thành ra bệnh.**

Tìm sách

Đờm là tân-dịch biến ra, tân dịch ấy sinh ra bởi thức ăn uống, nay nhân chính-khí của người không chủ trương được, mà tà-khí nhân người yếu để khích động lên, vì thế không phải nhân đờm mà sinh ra bệnh, thực ra nhân bệnh mà sinh ra đờm.

Chương 39.— Cách-ngôn : **Đờm ngưng thời khí bế lại, hỏa thịnh thời âm kém đi.**

Đờm ngưng thời cuống họng tắc lại, thành khí không trở lên được, cho nên khí bế, nhiệt thịnh thời hại âm huyết, hoả càng vượng thời âm càng thiếu.

Chương 40.— Cách ngôn : **Phần thuộc về dương là hoả có căn bản đều bởi ở tạng tâm ; Táo thuộc về âm là hỏa không có căn bản, thường khởi ở tạng thận.**

Người giở giáo không được yên mà buồn bực thời gọi là phiền, giơ tay đập chân lúc dậy, lúc nằm thời gọi là táo, phiền nhẹ mà táo nặng, phiền là chứng thực nhiệt, táo là chứng âm hư, đều là điềm tinh thần báo kiệt, rất là đáng sợ.

Chương 41.— Cách ngôn : **Hỏa ở tạng phế thời phiền, hoả vào tạng thận thời táo, chỉ có phiền mà không táo là thực nhiệt, chỉ táo mà không phiền là hư hàn.**

Chứng bệnh thấy phiền táo đều là chứng xấu, nhưng có chia nhẹ nặng, hàn nhiệt. Tóm lại, phiền táo đều bởi nhiệt mà ra, táo mà người sốt, là trong thực hàn mà

Tìm sách

ngoài giả-nhiệt, nên căn cứ vào sắc và mạch để phân biệt. còn táo mà người mát là âm mất trước mà dương tuyệt sau, chỉ dùng nhân-sâm phụ-tử để cứu vãn, may có thể sống được.

Chương 42.— Cách ngôn : **Tạng tâm nhiệt thời phiền, tạng thận nhiệt thời táo, phiền chủ về khí, táo chủ về huyết. Tạng phế chủ về da lông, nếu khí nhiệt thời phiền ; Tạng thận chủ về tân dịch, nếu huyết của tạng thận nhiệt thời táo.**

Tạng tâm thuộc về hỏa, Hỏa của tâm khắc phế kim, phế chủ về khí, cho nên khí nhiệt mà phiền. Tạng thận thuộc thủy, thủy chủ về tân-dịch mà sinh ra huyết, thủy suy thì hỏa bốc lên mà huyết khô, cho nên huyết nhiệt mà táo.

Chương 43. – Cách ngôn : **Nước không chảy ngược, chỉ vì gió mới chảy ngược, đàm không đi ngược, chỉ vì khí mới đi ngược lên.**

Đờm cũng là loài thủy, tinh của thủy nhuận trở xuống. Phong là khí âm dương thở hút, khí của người cũng đi như gió của trời đất.

Vì thế nước chảy ngược là bởi ở phong, đờm đem trở lên là bởi ở khí.

Chương 44 – Cách ngôn : **Chứng bạo bệnh không phải âm chứng, chứng ốm lâu không phải là dương chứng.**

Âm chủ tĩnh mà trì hoãn, dương chủ động mà nhanh chóng. Chứng bạo bệnh không phải thâm trầm nên không

TimSách

phải là âm chứng. Còn chứng ốm lâu ? đều phải là tà khí quá dữ nên không phải dương chứng.

Chương 45. — *Cách ngôn :* **Khí của lục phủ tuyệt ở ngoài, thời chân tay lạnh ; khí của ngũ tạng tuyệt ở trong thời đi ỵ không chỉ.**

Lục phủ thuộc về dương, ngũ tạng thuộc về âm, dương chủ ở ngoài, âm chủ ở trong, cho nên lục phủ tuyệt thời dương mất mà tay chân lạnh, ngũ tạng tuyệt thời âm mất mà đi ỵ không thôi.

Chương 46.— *Cách ngôn :* **Tà khí mới, đem tà khí cũ ra, thế là bệnh ở ngọn (tiêu bệnh) động đến bệnh gốc (bản bệnh).**

Mùa đông cảm hàn-tà, đến mùa xuân gặp gió mà phát ra âm bệnh, đến mùa hạ gặp nắng mà phát ra nhiệt bệnh, đều bởi từ mùa đông trước cảm mạo hàn-tà, truyền vào da thịt. Khi gặp tà khí mới là phong tà hay thử tà, thời hàn tà lại phát ra. Lại như bệnh cũ gần khỏi, gặp bệnh mới mà bệnh cũ lại phát.

Chương 47.— *Cách-ngôn :* **Vấp ngã hay đánh nhau mà tổn thương, nếu có một giây ứ huyết vào quả tim là chết ngay.**

Tạng tâm là chủ tể cho con người, thần minh bởi đó, nên tạng tâm có thành quách, để ngoại tà không phạm được, vì phạm vào tạng tâm thì chết ngay. Tạng tâm còn tóm giữ chân huyết để vận hành, nếu không vận hành mà ứ huyết vào tạng tâm, thời tránh sao được nguy vong, cũng như chứng thực là đau tim (Tâm thống) buổi sáng phát bệnh thời buổi chiều sẽ chết.

Tìm sách

Chương 48.— Cách ngôn : **Phong thắng lên thời động ; Nhiệt thắng lên thời nề, táo thắng lên thời khô, hàn thắng lên thời phù nề, thấp thắng lên thời tiết tả.**

Phong thắng lên thời giật hay co lại, vì tính của phong hay lay động ; nhiệt thắng lên thời mạch hồng người nề, mà hàn hất đỏ, vì hỏa gặp trống không thời phát ra ; Táo thắng lên thời khô héo. Cũng là tượng hành kim nghiêm sát ; Hàn thắng lên thời phù nề mà đầy là tượng tính của thủy hay dàn dụa ; Thấp thắng lên thời kém tiêu hóa mà tiết tả.

Chương 49.— Cách ngôn : **Các chứng tổn hại, tệ nhất là chứng phòng lao, vì dùng cả thần và hình, thời tinh và khí đều hại.**

Cổ-thư có nói : « Năm chứng « lao », sáu chứng « cực », đáng sợ nhất là chứng sắc dục, vì rằng người ít tuổi cậy khỏe mà sắc dục không có tiết độ, nên trác táng mười người đến tám chín người, cho nên cổ thư có nói : « Tu thân không gì bằng ít sắc dục ».

Chương 50.— Cách ngôn : **Người nhọc mỏi thời khí và hình suy kém, khí ngũ cốc không đầy đủ, thượng tiêu không vận hành, hạ-tiêu không lưu thông, khí của dạ dày nóng nhiều, nung nấu ở trong mà thành nội nhiệt.** (*nóng ở trong*)

Câu trên là nói gốc bệnh, vì khó nhọc mà phát nhiệt. Nội Kinh có nói : « Người khó nhọc thời nên dùng thuốc ôn » ; Lại nói : « Vị thuốc cam và ôn trừ được chứng đại-

Tìm sách

nhiệt » ; Lại nói : « Bổ tỳ thổ để chứa dương khí lại », vì thế, bài *bổ trung ích-khí* của Ông Đồng-Viên đặt ra thực là lợi cho muôn đời.

Chương 51.— Cách ngôn : **Khí của ngũ cốc suy ở ngoài, thời cơ nhục tiêu hết ; Khí thiên chân (chân khí của trời) kiệt ở trong thời người không đi được.**

Chứng bệnh thấy cơ thể tiêu hết thịt (nhục-thoát) là gốc sinh hóa của tỳ-vị đã tuyệt, gốc đã bại thời không thể sống được.

Chương 52.— Cách-ngôn : **Trông lâu hại huyết, nằm lâu hại khí, ngồi lâu hại thịt, đứng lâu hại xương, đi lâu hại gân, thế gọi là ngũ lao.**

Mọi mạch đều thông với mắt, cho nên trông lâu hại đến huyết ; Dương khí chủ động, cho nên nằm lâu thời khí trệ ; Tạng tỳ chủ việc cơ nhục và vận hành, cho nên ngồi lâu thời tỳ trệ mà hại thịt ; Xương có mạnh mới đứng được cho nên đứng lâu hại xương ; Gân có mạnh mới bước được, cho nên đi lâu hại gân.

Chương 53.— Cách ngôn : **Cuống họng chủ về khí của trời, cựa gà chủ về khí của đất, cho nên dương hay cảm khí của gió, âm hay cảm khí của ẩm thấp.**

Cuống-họng chủ về phổi, phổi thuộc về quẻ « Kiền » mà ứng về trời, cựa-gà thuộc dạ-dày, dạ-dày thuộc quẻ « Khôn » mà ứng về đất. Phong là dương-tà cho nên dương phận hay cảm phong ; Thấp là âm tà, cho nên âm phận hay cảm thấp khí.

TimSách

Chương 54.— Cách ngôn : **Thượng-bộ hay cảm chứng phong, hạ-bộ hay cảm chứng thấp.**

Phong là dương tà, nửa người trên thuộc về dương cho nên hay cảm phong. Thấp là âm tà, nửa người về dưới thuộc là âm, cho nên hay cảm thấp.

Chương 55 — Cách ngôn : **Chứng đã ra mồ-hôi mà nóng sốt nhiệt vẫn không lui là chết.**

Mồ-hôi đã ra mà nhiệt không lui là âm khí tuyệt trước, chỉ còn dương nung đốt lên, tinh của hỏa bốc lên, bốc quá thời thôi, thế là dương vong mà chết.

Chương 56.— Cách ngôn : **Giận dữ thời khí bốc lên ; Mừng thời khí hoãn lại ; Thương thời khí tiêu đi ; Sợ thời khí hạ xuống ; Rét thời khí vít lại ; Nóng thời khí tiết ra ; Kinh thời khí loạn, khó nhọc thời khí háo, nghĩ thời khí kết, nên bách bệnh đều sinh ra bởi khí.**

Giận thời can-hỏa vượng mà khí bốc lên ; Mừng thời tâm-huyết hòa mà khí hoãn lại ; Thương thời phế kim ráo mà khí tiêu đi ; Sợ thời thận thủy háo mà khí hạ xuống ; Hàn thời trăm mạch co lại mà khí thu lại ; Nhiệt thời trăm mạch rời rạc mà khí tiết ; Kinh thời thần hồn tán mà khí loạn ; Khó nhọc thời tinh huyết tổn mà khí háo ; Nghĩ ngợi thời tân dịch kiệt mà khí kết.

Chương 57.— Cách-ngôn : **Đầy đủ cho mọi chỗ hư yếu là khí huyết, hóa sinh ra khí huyết là thủy hỏa, thủy hỏa là gốc cho thân người.**

Tìm sách

Đầy đủ cho mọi chỗ hư tổn là công năng của khí huyết, nhưng đã dùng khí huyết được mà không bồi dưỡng được, thời lại tìm đến chân-thủy chân-hỏa để hóa sinh ra khí huyết.

Chương 58. — Cách-ngôn : **Tinh thần hao tán ở trong, tức là tân dịch khí huyết của con người không có chủ tể, đều khởi ở trong là hỏa là đờm rồi thành tà khí mà không cứ vì ở ngoài.**

Tạng thận chứa tinh, tạng tâm chứa thần, tinh và thần là hai của báu trong thân người, đờm là tân dịch biến ra thanh mọi chứng bệnh, mà không cứ ở bên ngoài đem lại, vì thế cổ thư còn nói : « bệnh bởi hư yếu đem đến. »

Chương 59 — Cách ngôn : **Ngoài biểu nóng phần nhiều bởi dương ở trong vượt ra ngoài ; ở trên nóng phần nhiều bởi hỏa ở dưới lấn lên trên, những chứng ấy dù có tà-khí ở ngoài cảm mạo vào cũng chỉ là đầu mối phát bệnh.**

Hàn tà vít ở ngoài biểu thời hỏa uất ở trong lý ; Vì thế cơ thể mới nóng, ta nên hiểu hỏa trong thân người nếu được yên ở địa vị, thời trong người được thư thái. Vì tĩnh thời là thiếu hỏa. Hỏa để sinh ra khí, mà động thời là tráng-hỏa mà làm hại đến khí, cho nên có chứng âm hư mà hỏa động, có chứng thủy kém mà hỏa bốc lên, có chứng trong tạng thận âm hàn mà hỏa vượt lên trên, đều là chứng ở trên nóng, thời dù có tà khí ở ngoài, nhân người hư yếu mà cảm vào, cũng chỉ là đầu mối để phát bệnh.

TimSách

Chương 60.— Cách ngôn : **Chứng vì yếu mà nhức đầu, không phải là hư hỏa bốc lên, thời là huyết hư mà đau nhức**

Đầu là mọi khí dương họp lại, nếu vì hỏa, vì phong, vì hàn, vì thấp, vì nắng, vì ăn, vì đờm, mà nhức đầu, đều là chứng tà khí thực, còn người vốn yếu mà nhức đầu. thời chỉ là âm hư mà âm phạm vào địa vị của dương, hay là huyết hư mà âm hỏa bốc lên.

Chương 61.— Cách ngôn : **Dương-tà thịnh quá thời hại đến chân âm ; Ngũ tạng thụ thương sau cùng tất đến tạng thận.**

Dương là ngoài biểu, âm là trong lý, khí tà-khí mới cảm mạo, tất tự ngoài biểu rồi vào trong lý. Thận là căn bản cho 12 Kinh. Bệnh đã tổn thương, thời lâu phải đến chỗ căn bản là tạng thận.

Chương 62.— Cách ngôn : **Lời bàn về điều kinh, ở cổ thư có câu : « Dương thái quá thời trước kỳ hạn đã thấy ; Âm không đủ thời sau kỳ hạn mới thấy. »**

Đây là nói bệnh về kinh huyết của đàn bà. Kinh là thường mỗi tháng một lần thấy, nên gọi là nguyệt kinh, nếu vậy thấy sớm là dương thái quá, mà thấy muộn là âm không đủ. Cũng không ngoài lẽ âm dương, hàn nhiệt, hư thực.

Chương 63.— Cách ngôn : **Phong là khí lạnh ở trong dương ; Thử là hàn-tà ở trong nhiệt.**

Phong là dương-tà, hàn là âm-tà, Thử là dương-tà, thấp là âm-tà, Nhưng phong đem hàn đi, thế là âm ở

Tìm sách

trong dương, mà gọi là khí lạnh. Mùa hè có khí âm ngấm ngầm là âm ở trong dương, cho nên gọi là *hàn tà*.

Chương 64.— Cách-ngôn : **Chứng sốt rét không ngoài kinh Thiếu-Dương, cũng như chứng ho không ngoài ở tạng phế (sốt rét là ngược).**

Chứng sốt rét có người mới bị, có người đã lâu, có người vì đờm, có người chỉ rét mà không nóng ; có người chỉ nóng mà không rét, tóm lại không ngoài ở Kinh Thiếu dương, là một nửa ở ngoài biểu, một nửa ở trong lý (bán biểu bán lý). Rét và nóng trở đi trở lại, khởi bệnh đúng vào lúc nào đó. Chứng ho có người bởi ngũ tạng, có người bởi lục phủ, có người bởi giá lạnh, có người bởi khó nhọc, nhưng cũng không ngoài tạng phế.

Chương 65.— Cách ngôn : **Chứng đi tả dữ dội không phải là âm bệnh ; Chứng đi tả đã lâu không phải là dương bệnh.**

Hết thảy bạo bệnh, đều là dương chứng, ốm lâu đều là âm chứng. Bách bệnh đều thế mà không những một chứng đi tả.

Chương 66.— Cách-ngôn : **Thổ hại chân khí, tả hại chân huyết, khí hư thời chân tay lạnh, huyết hư thời phát sốt, khí huyết đều hư thời mình sốt mà tay chân lạnh.**

Thổ bởi thượng-tiêu nên hại về khí, tả bởi hạ-tiêu nên hại về huyết, khí hư thời dương kém mà chân tay lạnh, huyết hư thời hỏa lấn đi mà phát sốt. Khí

Tìm sách

thuộc về biểu, huyết thuộc về lý, cho nên khí huyết đều hư thời chân tay lạnh mà người sốt.

Chương 67 — Cách-ngôn : **Người tinh thoát thời tai điếc, khí thoát thời mắt mờ.**

Tạng thận khai khiếu ở tai, tạng thận chứa tinh cho nên tinh thoát thời tai điếc.

Khí là dương, dương chủ về hỏa, cho nên hỏa kém thời mắt mờ (thoát là kém quá).

Chương 68.— Cách ngôn : **Ngăn giữ cho thân thể mà điều hoà không ngừng thời gọi là khí, rối loạn mà hành động bất thường thời gọi là hỏa.**

Tĩnh thời là thiếu hỏa mà sinh ra khí, động thời là tráng hoả mà hại khí, vì không được quân binh mà làm ra bệnh ?

Chương 69 — Cách ngôn : **Hàn thời đau mà trệ ; Hỏa bốc lên thời oẹ ngược ra.**

Hàn làm ngưng chân huyết, huyết đã ngưng thời mạch kết lại mà đau trệ.— Tinh của hỏa bốc trở lên, thời khí thăng mà nôn oẹ, nên Nội kinh có nói : « Hàn thời hại thân hình ». Lại nói : « Các chứng oẹ ngược lên đều thuộc về hỏa ».

Chương 70.— Cách ngôn : **Đau thời không lưu thông, lưu thông thời không đau.**

Khí huyết đã chu lưu thời còn có đau gì. Chỉ vì ngưng trệ mới đau, vì thế phép chữa chứng đau, phải dùng thuốc hành khí và dẫn huyết đi.

TimSách

Chương 71.— Cách ngôn : **Âm hư có hai chứng : Thủy ở trong âm hư là bệnh ở tinh huyết ; Hỏa ở trong âm hư, là bệnh ở thần khí.**

Trong tạng thận có chân thủy và chân hỏa, thủy hư thời tráng hỏa bốc lên, làm khô ráo chân âm mà tinh huyết kém ; Hỏa hư thời hỏa nhiệt bốc trở lên, dương thận vì bàn trệ mà khí kém đi.

Chương 72 — Cách ngôn : **Người béo đầy đủ ở bề ngoài, mà thiếu ở trong.**

Người béo thời huyết thịnh hơn khí. Nguyên khí không đầy đủ ở trong, cho nên ngoài tuy dư ra mà trong thực là thiếu.

Chương 73.— Cách ngôn : **Tinh thần hại về lo nghĩ, thời thịt sút đi, ý hại về lo buồn, thời chân tay mỏi, hồn hại về thương xót thời gân co lại, phách hại về mừng vui thời da khô, chí hại về giận nhiều, thời xương sống và lưng khó cúi xuống ngửa lên.**

Tạng tâm chứa tinh thần, nên lo nghĩ thời hại tạng tâm, tạng tỳ chứa ý mà chủ về tứ chi, nên lo buồn thời hại tạng tỳ, tạng can chứa hồn mà chủ về gân, nên thương nhớ thời hại tạng can ; tạng phế chứa phách mà chủ về lông da, nên mừng vui thời hại tạng phế ; tạng thận chứa chí mà chủ về xương, nên giận nhiều thời hại tạng thận.

Chương 74.— Cách ngôn : **Hỏa với nguyên khí không đi đôi được với nhau, hỏa thịnh thời khí suy, người**

Tìm sách

ta bệnh hoạn phần nhiều bởi không đầy đủ, vì thế, bệnh tật dư ra (thực chứng) đều bởi chính khí hư yếu.

Hỏa được yên ở địa vị thời là hoả vừa phải (thiếu-hỏa) mà sinh ra khí, nếu không yên ở địa vị thời là hỏa dữ dội (tráng hỏa) mà hại nguyên khí, nên hoả với nguyên khí hai bên không đi đôi được. Hết thảy bệnh tật đều bởi nguyên khí vô hình không được đầy đủ.

Chương 75 — Cách ngôn : **Huyết vì hỏa đưa lên thời đi trở lên, gặp thấp thời đi trở xuống.**

Khí đi thời huyết theo, mà khí tức là hỏa, hỏa bốc thời khí thăng mà huyết cũng đem lên. Thấp cùng với huyết đều là loại thủy, nếu được đồng loại thì đem trở xuống

Chương 76. — Cách ngôn : **Người ta sinh ra nhờ ở âm dương thủy hỏa, mà tạng thận là gốc cho âm dương thủy hỏa.**

Tạng thận thuộc hành thủy, mà chân-thủy chân-hỏa tức là chân-âm chân-dương ở trong tạng thận, cho nên là căn bản để lập mệnh.

Chương 77.— Cách ngôn : **Mồ-hôi là tân-dịch của tạng tâm, là tên riêng của huyết.**

Chân âm ở giữa quẻ « Ly », tức là nước đỏ ở trong tạng tâm. Chứng thương-hàn có khi lục huyết (máu ra đàng mũi) là « hồng-hãn » (mồ hôi đỏ). Nếu người nào thực nhiệt thời phải dùng thuốc phát hãn, thế là

Tìm sách

ra mồ-hôi nhiều thời không có huyết nữa : Chứng huyết khô thời da thịt se ráo, thế là huyết kém là không có mồ-hôi. Vậy mồ-hôi với huyết chỉ khác tên gọi mà thôi.

Chương 78.— Cách ngôn : **Hại về lo nghĩ hơn là tình dục.**

Nghĩ lo thời hại tạng tỳ mà tổn chân huyết, huyết là gốc của tinh, cho nên nghĩ hại hơn là tình dục.

Chương 79.— Cách ngôn : **Nhiệt thời tinh thần mờ đi, hàn thời tinh thần thanh sảng (nhẹ nhàng).**

Nhiệt thời hại khí mà khí sinh ra tinh thần, cho nên tinh thần hỗn loạn ; Chứng bệnh đến khi âm dương ly thoát mà tinh-thần còn thanh sảng, về hàn thời tinh thần lại vẫn thanh.

Chương 80.— Cách ngôn : **Chứng khát có chia ra âm dương, nếu âm thịnh dương hư thời dù uống băng tuyết cũng không biết là lạnh ; Chứng âm thịnh dương hư, thời dù uống nước sôi cũng không biết là nóng.**

Âm hư và dương hư đều thành ra bệnh khát, chỉ phân biệt về chỗ nống nước lạnh hay uống nước nóng. Nhưng chứng giả-âm giả-dương thời lại khó hiểu hơn. Phải xét đến chỗ dù khát mà không uống nhiều, thì là giả tượng, ngoài ra còn xem thêm về hình người và mạch mới thực rõ rệt.

Chương 81.— Cách ngôn : **Huyết cần lưu thông mà không thể ngưng trệ được.**

Huyết mạch cũng như sông ngòi, sông ngòi có lưu

Tìm sách

thông mới thấm nhuần được vạn vật, huyết mạch có vận hành mới thấm nhuần được hình hài.

Chương 82.— Cách ngôn : **Tai thuộc về tạng thận, dương khí trong tạng ấy thịnh thời thông trở lên mà nghe rõ, nếu hư yếu thời thoát trở xuống mà điếc.**

Tạng thận khai khiếu ở tai, dương khí trong tạng thận có đầy đủ thời nghe rõ mà yếu thời điếc. Bài thuốc chữa về điếc thường dùng vị xương-bồ, để khai khiếu và đem khí trở lên.

Chương 83.— Cách ngôn : **Tà ở ngoài biểu truyền vào trong lý, khí ở trong nghịch lên, vì thế chứng bán biểu bán lý (qua ngoài biểu gần đến lý) phần nhiều hay nôn ọe.**

Chứng ấy là chứng thiếu-dương ở bệnh thương-hàn, vì bán biểu bán lý nên phát hãn cũng không được, mà hạ cũng không được, phải theo về khe giữa mà chữa.

Tuy khí ngược lên mà ọe nhưng phải cần thận về chỗ khí hư yếu hay khí thực người nguyên khí hư yếu mà phát sốt, đều là ở trong thực hàn ngoài giả nhiệt.

Câu nói trên là bí pháp của Ông Tiết Lập Trai chữa chứng sốt, thực là giúp người đời đến vô cùng, là vì hư thời hàn, thực thời nhiệt, chứng thực thời chịu được thuốc hàn, chứng hư thời chịu được thuốc nhiệt. Hết thảy người nguyên khí hư yếu mà thấy bệnh nhiệt không phải là âm hư dương lấn đi, thì là thủy suy mà hỏa bốc lên, hoặc là tỳ-thổ hư không chứa được dương, hoặc là

Tìm sách

hỏa hư mà hư hỏa bốc lên, đó chỉ là giả-nhiệt, mà quyết không phải là thực nhiệt, người làm thuốc không xét lẽ ấy mà dùng nhầm thuốc hàn-lương, thời giết người như trở bàn tay.

Chương 84 — Cách ngôn : **Trên đầu ra mồ hôi có hai chứng : 1) Nhiệt tà uất ở trong, 2) Dương khí thoát ở trong.**

Về chứng nhiệt-tà lại có hai, nếu thấp nhiệt uất trở lên mà đầu ra mồ hôi thời phải nặng đầu, nếu phong hỏa va chạm vào nhau mà đầu ra mồ hôi thời đầu phải choáng váng.

Còn chứng dương hư mà thoát mồ hôi, thời mồ hôi ra từng giọt như thể dầu mỡ ngừng lại mà không chảy đi, thế là mồ hôi của người sắp chết.

Chương 85.— Cách ngôn : **Phong là dương, hàn là âm. vệ là dương, vinh là âm, phong thời hại dương, hàn thời hại âm, vệ khí gặp phong thì nóng, vinh huyết gặp hàn thời đau.**

Tà khí cảm vào thân người, nếu là dương-tà thời hại dương, nếu là âm tà thời hại âm, là vì phong động đến hỏa, phong hỏa dông dỡ ở trong mà nóng, hàn làm ngưng chân huyết, cơ thể ngưng trệ là đau.

Chương 86.— Cách ngôn : **Cảm phong là chứng ở ngoài biểu, trúng phong là chứng ở trong lý.**

Cảm phong tức là thương phong là biểu chứng do tà khí ở ngoài lại, cách chữa chỉ phát tán ở biểu mà thôi. Còn trúng phong là lý chứng, vì chính-khí hư mà

Tìm sách

ở trong khởi ra, nhân âm hư suy kiệt, mà gặp phải phong tà, phép chữa phải đại bổ tinh huyết, cho nên cổ thư có nói : « Chữa chứng phong phải dưỡng chân huyết ».

Chương 87.— Cách ngôn : **Chứng táo và chứng thấp tuy là ngoại tà cũng phân ra âm dương.**

Thấp từ âm phận là hàn thấp, thấp từ dương phận là nhiệt thấp ; Táo từ dương phận là bởi hỏa, táo từ âm phận là bởi hàn.

Thấp và táo đều là tà khí ở trong lục dâm, nhưng thấp có âm dương, táo chia ra thủy hỏa, mà hư hay thực ngụ ở trong ấy, vì thế chữa chứng thấp nhiệt thời nên thanh, nên thẩm thấp, chữa chứng thấp hàn, thời nên bổ tỳ ôn thận. Táo bởi dương thịnh mà háo chân âm thời nên thanh hỏa ; Táo bởi âm hư mà hỏa động thời nên thêm chân thủy.

Chương 88 — Cách ngôn : **Hàn vít ở ngoài biểu thời không có mồ hôi, hỏa thịnh ở trong lý thường có sang-nhọt**

Mồ hôi là tên riêng của huyết ; hàn làm ngưng chân huyết, cho nên hàn tà vít lại thời không có mồ-hôi. Mọi sang nhọt đều bởi tâm hỏa, nhiệt thịnh làm hại chân huyết cho nên có sang nhọt.

Chương 89.— Cách ngôn : **Chỗ này chạy đi chỗ khác mà xưng đỏ, là vinh vệ có nhiệt ; co quắp mà đau nhức là kinh lạc có hàn.**

Tính của hỏa bốc mà vượt lên, vệ khi đó ở ngoài mạch, vinh huyết đi ở trong mạch, nếu có nhiệt thời cơ

Tìm sách

nhục có chỗ sưng đỏ mà chỗ này sang chỗ khác. Chứng hàn hay thu lại mà ngừng chân huyết, đi thẳng gọi là kinh, đi ngang gọi là lạc, nếu gặp hàn thời chân tay xương đốt đau nhức mà co quắp.

Chương 90.— Cách ngôn : **Ông Trọng-Cảnh nói : « Chứng bụng đầy không nhẹ đi, mà có nhẹ cũng không đáng kể, thời phép chữa nên hạ đi ; Bụng đầy có lúc nhẹ rồi lại như cũ, thì là chứng hàn, phép chữa nên dùng thuốc ôn giải. »**

Chứng đầy tuy là bệnh hữu dư, nhưng phải phân biệt hư hay thực để bổ hay tả, là vì bụng đầy không thấy nhẹ, có nhẹ cũng không đáng kể, đó là hình tượng kiên cố không di dịch, thì là chứng « thực mãn » phép chữa nên hạ cho vợi đi, còn chứng bụng đầy có lúc nhẹ, rồi lại đầy như cũ, là lúc tụ lúc tán, thời là chứng « hư mãn », mà phép chữa nên điều bổ.

Chương 91.— Cách ngôn : **Bách bệnh phát sốt đều bởi ở mệnh hỏa, nếu hỏa yên ở địa vị, thời bách bệnh tự nhiên khỏi.**

Chứng sốt này là hỏa ở trong thân người, cho nên ngoài biểu nóng là dương ở trong bốc ra ngoài, ở trên nóng là do hỏa ở dưới bốc lên trên. Nếu hỏa yên ở địa vị, thời thân thể tự nhiên thư thái.

Chương 92.— Cách-ngôn : **Ngũ tạng đều có tướng-hỏa (Hỏa để giúp đỡ), duy tướng hỏa ở tạng can, nếu vừa phải thời phát sinh mà quá độ thời có hại, hơn hỏa ở các tạng khác.**

Tìm sách

Tướng hỏa ở tạng can tức là lôi-hỏa, tạng can ứng về hành mộc, nếu vừa phải thời là khí sinh dục ở mùa xuân, nếu thái quá thời động đến long hỏa ở trong tạng thận, nung đốt cả tam-tiêu, háo tán cả khí huyết.

Chương 93. — *Cách ngôn :* **Ăn no quá thời kinh-lạc rời rạc và chân tay mỏi mệt.**

Tạng tỳ chủ huyết mạch và bốn chân tay, nếu dạ-dày chứa nhiều mà tạng tỳ không vận hoá kịp, thời kinh-lạc rời rạc và chân tay mỏi mệt.

Chương 94.— *Cách ngôn :* **Mùa đông cảm hàn tà, thời mùa xuân phát ra ôn bệnh**

Mùa đông tuy rét, nhưng khí nhất-dương tàng ở trong quẻ « khảm », nếu cảm hàn thời ngừng chân huyết, mà chân âm trong tạng thận cũng yếu. sang mùa xuân thời dương khí làm việc, chân dương không cồ vũ được ở ngoài, chân âm không thấm nhuần được ở trong, hành mộc vượng thời hành hỏa giúp sức, cho nên phát ra chứng ôn.

Chương 95. — *Cách ngôn :* **Mùa xuân cảm phong tà thời mùa hạ sinh chứng đi cầu ra cả cơm.**

Mùa xuân cảm phong-tà thời phong mộc vượng quá, hành mộc vẫn khắc hành thổ thời tỳ thổ đã thụ bệnh. Đến mùa hạ tiết trời ôn nhiệt. Tạng tỳ ưa ráo mà ghét ẩm thấp cho nên sinh chứng đi cầu ra cả cơm. Nội-kinh có nói : « Về phía thắng hơn đã giông dỡ thời về phía không thắng phải kém đi. »

Tìm sách

Chương 96.— Cách-ngôn : **Mùa hạ cảm thử tà thời mùa thu phải ho và sốt rét.**

Mùa hạ cảm thử-tà thời dương khí trong người bốc ra ngoài biểu. Hành hỏa đã khắc hành kim thời phế khí lại kém đi, nhiệt hại chân âm thời chân âm cũng háo nốt. Sang mùa thu khí huyết thu vít, khí hư thời ghê rét, huyết hư thời phát sốt, khí huyết tranh lẫn nhau thời vừa rét vừa nóng, nên thành chứng ho mà sốt rét.

Chương 97.— Cách ngôn : **Mùa thu cảm thấp-tà thời mùa đông phải ho đờm.**

Mùa thu cảm thấp-tà, thấp nhiệt hại đến phế kim, tức là hỏa khắc hành kim, sang mùa đông thận khí hư yếu không liễm lại được, mới ngược trở lên mà thành chứng ho đờm.

Chương 98.— Cách ngôn : **Mùa hạ cảm thử, mồ-hôi không ra, sang mùa thu thành chứng phong ngược (sốt rét vì gió).**

Mùa hè đương khí phát tiết, cho nên ra mồ-hôi, nếu vì hóng mát quá mà mồ-hôi không ra thời thử-tà chứa ở ngoài biểu, sang mùa thu thời tiết nghiêm mà sát khí mới thành ra chứng phong-ngược.

Chương 99.— Cách ngôn : **Mừng giận không tiết độ thời hại đến ngũ tạng, ngũ tạng đã thụ thương thời bệnh khởi từ âm phần.**

Mừng thời hại tạng tâm, mừng thời khí tản đi mà hại cả tạng phế, giận thời hại tạng can, đã giận thời hại

TimSách

chí mà hại cả tạng thận, nất hận lâu thời hại cả tạng tỳ, Thế là mừng hay giận đều hại ngũ-tạng. Ngũ-tạng thuộc về âm nên bệnh khởi ở âm phận.

Chương 100.— Cách ngôn : **Bệnh bởi dương là phong, bệnh ở âm là tê, âm dương đều bệnh là chứng phong-tê.**

Dương là nhiệt, âm là hàn, phong là dương tà, tê là âm tà. Phong và hàn đều làm ra bệnh, âm dương đều thụ bệnh thời thành chứng phong tê.

Chương 101.— Cách ngôn : **Mồ hôi ra mà người vẫn nóng là chứng phong, mồ hôi ra mà chứng phiền muộn lo đầy không giải được, thời thành ra chứng quyết.**

Phong hại đến vệ-khí, khí ở ngoài biểu hư yếu thời cảm phong tà, nay có mồ-hôi mà còn nóng, vì mồ-hôi ra thời hỏa càng tản.

Chứng phiền mãn thuộc hỏa thuộc khí, nay ra mồ-hôi mà phiền mãn không giải được, là dương hư mà âm lấn đi, nên chân tay giá lạnh.

Chương 102.— Cách ngôn : **Hình thể của người, xương ví như vua, thịt ví như bề tôi, người béo thời nhu thắng cương, âm thắng dương, thịt nhiều bởi huyết đầy đủ, đều là loại âm.**

Người béo âm thịnh dương suy cho nên hơi thở ngắn mà da thịt mát lạnh, nhiều đờm nhiều trệ thế là khí hư ở trong cho nên sinh dục ít mà tuổi thọ cũng kém.

Tìm sách

Chương 103.—Cách ngôn : **Tiếng nói bởi tạng phế mà gốc ở tạng thận, người mạnh bởi huyết mà gốc ở tinh.**

Tạng phế chủ thở khí ra, tạng thận chủ nạp khí vào, nên tiếng nói bởi phế và thận. Thịt bởi huyết thành ra, xương bởi tinh tụ lại, cho nên hình bởi huyết mà xương bởi tinh.

Chương 104.— Cách ngôn : **Bệnh không nói bởi phế, thận. Bệnh choáng váng bởi ở can, tỳ.**

Tạng phế đề thở khí ra, tạng thận đề nạp khí vào, chứng không nói là bởi khí yếu. Tạng can chứa huyết, tạng tỳ sinh huyết, chứng choáng váng bởi huyết hư, vả lại ở trong đã hư yếu thời sinh ra phong, nên thành ra chứng choáng váng.

Chương 105.— Cách ngôn : **Khí đã tuyệt thì âm dương lìa nhau, đã lìa thì thớ thịt tiết ra mà ra mồ-hôi. Mồ-hôi ấy buổi sáng có là buổi chiều chết, chiều có là sáng chết. (tuyệt-hãn)**

Ba kinh thủ-tam-dương và ba kinh túc-tam-dương gọi là lục dương. Nhưng đều cần vị-khí (khí của dạ dày) và thận khí (khí của tạng thận), âm dương giúp lẫn cho nhau, nếu khí âm hòa bình mà khí dương bế vít, mới có tinh thần, nay âm dương lìa nhau thời tinh thần phải tuyệt. Nghĩa là khí dương tuyệt thời khí âm cũng mất, khí âm lìa thời khí dương cũng thoát mà không thể sống được, chứng tuyệt-hãn là âm dương lìa nhau.

TìmSách

Chương 106.— Cách-ngôn ; **Khó nhọc thời ra mồ-hôi mà háo chân khí.**

Nội-kinh có nói: « Tinh thần tĩnh thời âm sinh, hình hài khó nhọc thời dương mạnh quá », vì thế khó nhọc thời hỏa động, hỏa khắc hành kim mà khí ở phần thu thương, khí để bảo vệ, đã hư yếu thời ra mồ-hôi mà nguyên khí háo tán »

Chương 107.— Cách ngôn : **Mùa hè nắng nên dễ ra mồ-hôi mà chớ vít lại.**

Mùa hè có mồ-hôi thời thử tà tán ra mà không lưu ở cơ-thể, vì thế không nên hóng mát quá để vít mồ-hôi. Nội-kinh có nói: « Mùa hè nóng mà mồ-hôi không ra thời sang mùa thu thành chứng phong ngược. »

Chương 108.— Cách-ngôn : **Chứa ở tạng tâm là huyết mà phát ra ngoài là mồ-hôi vì mồ-hôi là tân-dịch ở tạng tâm, mà chứng tự ra mồ-hôi bởi ở tâm, thận đều hư yếu.**

Câu nói trên là cách ngôn của ông Đan-Khê, vì tạng tâm tóm giữ chân huyết, mồ-hôi vẫn là ở tạng tâm, nhưng tạng thận là chân-dương chân-thủy, chứng tự ra mồ-hôi phần nhiều là dương hư, tuy bởi tạng tâm mà có liên quan đến tạng thận.

Chương 109.— Cách-ngôn : **Ngũ-tạng không điều hòa thời chín khiếu không được thông ; Lục phủ không điều hòa thời lưu kết thành ung nhọt.**

Ngũ-tạng thuộc về âm mà chủ về huyết, nay huyết

Tìm sách

tán thời không tóm được khí cho nên không thông, lục-phủ thuộc về dương khí, nay khí trệ thời huyết ngừng mà thành ra ung-nhọt.

Chương 110.— Cách ngôn : **Thức chua vào đến gân nên ăn nhiều thức chua thời tiểu-tiện vít ; Thức mặn vào đến huyết, nên ăn nhiều thức mặn thời háo khát.**

Vị chua vào tạng can, tạng can chủ về gân mà ngọc-hành là gân cái. Tạng can để tiết ra, nay hư yếu vì ăn vị chua nên tiểu tiện vít lại.

Vị mặn vào tạng thận, tạng thận chủ về thủy, nay chân thủy kém vì ăn nhiều thức mặn, nên thành ra chứng háo khát.

Chương 111.— Cách ngôn : **Sau chứng thổ nhiều tả nhiều, lại nhiều người bụng đầy trướng, đó là khí của tạng tỳ quá hư yếu.**

Dạ dày không nạp được mới thổ, tạng tỳ không chuyển vận được mới tả. Thổ tả rồi trong bụng không còn vật gì mà lại no trướng, là vì khí của tạng tỳ không vận hành. Ủng trệ mà đầy trướng giả thôi, nhất thiết đừng nhận lầm là còn có vật gì lưu lại mà dùng thuốc tiêu đạo.

Chương 112. - Cách-ngôn : **Chứng thổ nước chua là ở trong thấp sinh ra nóng ; Chứng nuốt nước chua là hư hỏa uất ở trong, đều bởi tỳ, vị hư, hàn.**

Thổ nước chua là thổ ra thấy chua ; Nuốt chua là khi ợ hơi, nước của dạ-dày tràn ra cổ-họng, thổ ra không được bất đắc dĩ mà nuốt vào thời thấy vị chua, vì rằng vị chua vì thấp uất lên, tỳ-vị ghét thấp, nay tỳ thổ hư thời hỏa uất, cho nên đoán là hư hàn.

Tìm sách

Chương 113.— Cách ngôn : **Tỳ thổ không có hỏa ở mệnh-môn thì không sinh ra được ở tạng phế, không có thủy ở mệnh-môn thì không hoá đi được. Người ta ai cũng biết thổ chế được thủy mà không biết dương chế được âm, ai cũng biết khí hoá ra tinh mà không biết tinh hóa ra khí.**

Trong quả thận là mệnh-môn, bên trái là chân-thủy để hoá ra phế khí, bên phải là chân-hỏa để sinh ra tỳ thổ, ai cũng biết tỳ thổ chế được thận-thủy mà không biết chân-hỏa lại chế được ầm thấp của tạng tỳ mà sinh ra thổ ; Ai cũng biết khí của tạng phế hóa ra tinh, mà không biết chân-thủy là gốc của âm tinh hóa được ra khí.

Chương 114.— Cách ngôn : **Chứng tích bởi hàn lưu lại lâu ngày thời hàn hóa ra nhiệt ; Phong làm nên tích, đã thành tích thời không còn là chứng phong.**

Tạng tỳ được ấm thời vận hành, nếu hàn thời ngưng trệ vì thế chứng tích bởi tạng tỳ hư hàn, hàn khí nấn lâu thời lại hoá ra nhiệt.

Chứng tích phần nhiều bởi phong vì phong là hành mộc lấn tỳ thổ, tỳ hư thời đờm và huyết xấu tụ lại mà thành chứng tích, khi ấy muốn trừ chứng tích phải để ý vào tỳ vị mà không kể đến phong nữa.

Chương 115.— Cách ngôn : **Chứng bĩ đầy bởi khí không vận hành, riêng ông Đông-Viên cho là bệnh huyết.**

Tìm sách

Khí của tạng tỳ không vận hành thời thành chứng bĩ-đầy, nên đều chữa bằng vị thuốc hành khí. Riêng ông Đông-Viên cho là bệnh huyết mà chữa bằng âm dược, là vì khí trọng-trọc (khí đục) đem lên trên, thời sinh ra chứng đầy-trướng. Nội-kinh cũng nói : « ăn uống không tiết độ, lúc làm lúc nghỉ không có thì giờ, thời âm phận mắc bệnh trước, cho nên chứng quan-cách đều bởi dạ-dày khô ráo ». Người đem thuốc hành khí để chữa chứng bí mãn mà bệnh càng tăng lên, là không biết nghĩa ấy, cho nên Nội-kinh còn nói : « Bệnh về âm huyết thời không nên thêm cho dương khí vì dương vượng thời âm tiêu. »

Chương 116 — Cách ngôn : **Mùa hè hay sinh bệnh tiết-tả là vì trúng hân.**

Mùa hè khí nóng bốc lên mà là mùa thấp nhiệt, nhưng tiết hạ-chí âm phận đã bắt đầu sinh ra, đó là âm ngấm ngầm ở trong tháng hè, ở ngoài nóng mà ở trong lạnh, cho nên cổ thư còn nói : « Nắng là âm tà », khác nào cây có mồ hôi.

Chương 117.— Cách ngôn : **Đi tả nhiều thời vong dương nghĩa là mất dương ở trong âm.**

Tả thời hại tân-dịch mà hại huyết, nhưng chưa đúng hết, là vì đi tả hại đến vị khí, dương khí hãm trở xuống, âm khí phát ở dưới rồi bốn chân tay giá lạnh mà vong dương, đời xưa đem bài phụ-tử-lý-chung để chữa chứng tả, đâu có phải là âm dược, cho nên câu nói đi tả thời mất dương ở trong âm cũng như ra mồ hôi nhiều thời mất âm ở trong dương, về lẽ ấy tôi đã bàn kỹ ở cuốn « *Đạo-Lưu* ».

Tìm sách

Chương 118.— Cách ngôn : **Chứng ráo và khát không giống nhau, chứng khát là táo hỏa dư ra, mà chứng ráo là tân-dịch không đủ.**

Chứng khát về thực hỏa là hoả dư ra, mà chứng ráo là thủy không đủ. Khát thời uống nhiều không biết chán, còn chứng ráo là uống luôn mà không uống nhiều, chỉ vì tân-dịch háo muốn nhuận đi mà thôi, vì thế chứng thực hỏa nên dùng thuốc hàn-lương mà chứng vong âm nên thêm cho chân thủy.

Chương 119.—Cách ngôn : **Chứng gió độc thời dương phận thụ bệnh trước, còn người ăn uống không tiết độ, lúc làm lúc nghỉ không đúng giờ, thời âm phận thụ bệnh trước.**

Những bệnh cảm vì ngoài đem lại thì dương phận thụ bệnh trước, nếu vì ăn uống hay làm việc không điều độ mà thụ bệnh, là bệnh khởi ở trong, thời âm phận thụ bệnh trước, vì dương ở ngoài mà âm ở trong.

Chương 120.— Cách ngôn: **Đàn bà vì sinh nở về nguyệt-kinh, nên tổn chân âm nhiều hơn, mà nhiều chứng đau lưng nhức chân.**

Tinh kém thời xương yếu, huyết suy thời gân khô, tinh huyết đều là âm, âm đã tổn cho nên lưng đau chân mỏi.

Chương 121.— Cách ngôn : **Đau nhức là hàn khí có nhiều, có hàn mới đau nhức.**

Tìm sách

Hàn làm ngưng chân huyết, huyết đã ngưng thời kinh lạc kết lại mà đau nhức, cho nên cổ thư có câu « Hàn thời hại hình hài » khí kết thời huyết trệ mà đau.

Chương 122.— Cách ngôn : **Tinh của ngũ tạng lục phủ đều hợp lại ở mắt tức là con ngươi, tinh của xương là đồng-tử, tinh của gân là lòng đen.**

Về khoa chữa mắt, cổ nhân phân biệt ra năm thứ vành, tám thứ thành-quách, rồi thuộc vào tạng nào, phủ nào, chỉ làm hoang mang cho người học thuốc. Tóm lại tinh hoa ở thân người đều hợp ở mắt mà gốc ở can và thận, lòng đen thuộc tạng can, đồng-tử thuộc tạng thận, can chủ về huyết, thận chủ về tinh mà thôi.

Chương 123.— Cách ngôn : **Đồng-tử đột cao lên là kinh thái-âm không đủ, mắt ngược lên là kinh thái-dương đã tuyệt.**

Đồng-tử thuộc tạng thận, kinh thái-âm không đủ thời hỏa bốc lên mà đột cao. Còn mạch ở kinh thái-dương theo xương sống mà lên đến mắt, nếu mắt đã trực thị tức dương tuyệt khí thoát mà chết.

Chương 124.— Cách-ngôn : **Trẻ em thủy ở trên, hỏa ở dưới cho nên mắt tỏ, người già hỏa ở trên thủy ở dưới cho nên mắt mờ Người không trông được xa là dương khí không đủ, người không trông được gần là âm khí không đủ.**

Mắt được sáng tỏ là bởi cả thủy hỏa, nên cổ thư còn nói « âm phận không đem lại sáng tỏ cho mắt ». Tôi

Tìm sách

đọc sách chữa mắt có câu « Dương không đủ âm có thừa thời không trông được xa, âm không đủ dương có thừa thời không trông được gần ». Tôi lấy làm buồn cười, vì không có lẽ gì chỉ trông được xa mà không trông được gần. Tôi thường thấy người âm hư đầu ngoẹo trông lõm vào mới thấy, thì trông sao xa được nữa. Nội-kinh có nói : « Khí ở trên không đủ thời trông lõm vào mới thấy » thế là chỉ nói dương không đủ mà không nói đến dương thừa ra. Vậy nói thừa ra là trái với Nội-kinh.

Chương 125.— Cách ngôn : **Mũi thường ngạt là bởi hỏa, ngạt tắc lại là phong hàn.**

Tạng phế thuộc hành kim mà chủ về khí, khai khiếu ở mũi, nay hỏa khắc hành kim làm hại đến phế khí, cho nên thường ngạt mũi là bởi hỏa. Tạng phế chủ về bì mao, nếu phong hàn cảm vào làm hại đến phế khí thì mũi ngạt tắc lại. (khác với chứng trên).

Chương 126.— Cách ngôn : **Tinh là gốc sinh ra người, nếu mùa đông biết[a] tiềm tàng thì sang mùa xuân không sinh ra ôn-bệnh.**

Tiết đông-chí khí dương đã phát sinh, nếu ta không khó nhọc nhiều, để tinh khí khỏi phù việt thì thớ thịt (đầu lý) không dãn ra mà hàn tà không cảm vào. Như vậy sang mùa xuân dương khí vượng lên không thể phát ra ôn-bệnh.

Chương 127.— Cách ngôn : **Người trước quý sau hèn là chứng « thoát-doanh », người trước giầu sau nghèo là chứng « thất-tinh »**

Tìm sách

Người ta khi quý hiền thì nghĩ nhiều hại đến tinh thần, tạng tâm chứa thần mà tóm chân huyết, cho nên sau hèn thì sẽ thành chứng thoát doanh (tức là thoát huyết).

Người giàu tính toán vận dụng phần nhiều hại đến khí, tạng thận chứa chí tàng tinh, nên khí nghèo thường thành chứng thất tinh (mất tinh).

Chương 128.— Cách ngôn : **Tinh kiệt thời âm hư, âm hư thời không có khí mạnh nên thành ra chứng lao-tổn.**

Tinh là âm mà sinh ra khí, tinh khí đã suy kém nên thành ra chứng lao-tổn.

Chương 129.— Cách ngôn : **Nước tiểu của người, truyền tống bởi hai tạng tâm và thận.**

Tạng tâm và tiểu-tràng, tạng thận và bàng-quang đều tương thông với nhau, tiểu-tràng thấm ra, bàng-quang thấm vào, mà đường tiểu tiện mới thông, vậy nước tiểu phải nhờ đến tâm, thận mà không những nhờ tiết độ ở tạng phế.

Chương 130.— Cách ngôn : **Ở trên giả-nhiệt là bởi ở dưới thật hàn.**

Đó là lẽ khí âm bức bách khí dương trở lên, ông Trọng-Cảnh có nói : « Người hư yếu hai gò má đỏ là khí âm hư ở dưới bức khí dương trở lên ». Cổ thư nói : « Khí âm thịnh làm cách khí dương lên ». Lại nói : « Thủy nhiều quá tựa như hỏa. » Đều là lẽ ấy. Là vì khí âm

TìmSách

vẫn giữ khí dương lại, nay không đủ sức hút khí dương nên bốc lên mà thành ra giả nhiệt.

Chương 131.— Cách ngôn : **Nhiệt quá hại chân âm, tân-dịch không đi mà tiểu-tiện bí.**

Nhiệt quá thì hại chân âm mà thủy kiệt nên tiểu tiện bí. Nhưng còn có lẽ nhiệt mà khí bí vít, vì nhiệt thời bại phế khí, tạng phế thiếu tiết độ mà tiểu-tiện không thông.

Chương 132.— Cách ngôn : **Chứng trúng hàn là trong lý không có hỏa.**

Thương hàn là nhẹ, mà trúng hàn là nặng, hàn-tà không vào trong lý là cảm, mà vào ngay trong lý là trúng, vì chân dương ở trong người suy kém, phép chữa phải dùng ngay thuốc ôn để điều chân dương.

Chương 133.— Cách ngôn : **Mùa hè mà cảm hàn đủ rõ khí ở trong không được vững.**

Mùa hè thời dương khí của người bốc ra ngoài biểu mà lại cảm hàn, chẳng phải là dương khí suy kém hay sao ?

Chương 134.— Cách ngôn: **Nóng lâu hại chân âm.**

Nóng lâu thời huyết khô, thủy kiệt, cổ thư có nói : « Chữa thương hàn phải cứu chân âm ». Nhưng Nội-kinh nói : « nóng thời hại chân khí » là vì hư yếu mới nóng, hay nóng ở ngoài lại hại chân khí, còn nóng đã lâu hay nóng từ trong khởi ra thời hại chân âm ! Cổ thư

TimSách

nói : « Nóng bạo bệnh không phải là âm-bệnh, nóng để lâu không phải là dương-bệnh », cũng là lẽ ấy, lại như bài thuốc chữa cảm thử không dùng đến huyết được, cũng là cớ trúng thử không hại đến âm vậy. (Tôi có lời bàn về lẽ đó ở quyển « Đạo lưu ».

Chương 135.— Cách ngôn : **Mọi chứng ban sởi mà huyết thịnh khí mạnh thời sắc đỏ mà dễ phát ra, huyết hư khí yếu thời sắc trắng mà lờ mờ mà khó phát ra, đừng cho là độc khí nhẹ hay nặng.**

Sách ngoại-khoa cho nhiệt là độc khí, nhưng là khí huyết không hòa mà tự bệnh, chứ không phải trong khí huyết có độc khi gì mà lưu độc ở đó.

Chương 136.— Cách ngôn : **Chứng tự ra mồ-hôi và ra mồ-hôi trộm, tuy có phân biệt, nhưng đều là người hư yếu.**

Mồ hôi là tân dịch của tạng tâm, tạng thận, người dương hư thời tự ra mồ hôi người âm hư thời ra mồ-hôi trộm, nếu âm dương không hư yếu thời sao có mồ-hôi.

Chương 137.— Cách ngôn : **Kinh túc-thái-âm thiếu chân dương thời chân tay giá lạnh, khí ngược lên thời đau hoắc loạn.**

Kinh túc-thái-âm là tạng tỳ, tạng tỳ là đầu cho mọi chân âm, các âm mạch đều khởi tự huyết dũng-tuyền (gan bàn chân), trong âm không có khí dương, thời bốn chân tay giá lạnh. Còn chứng đau hoắc-loạn, là khí ngược lên, âm lấn vào địa vị của dương, mà âm dương tương tranh.

Tìm sách

Chương 138.— Cách ngôn : **Tạng thận hư thời tân-dịch kiệt mà đại tiện táo.**

Tân dịch đã kiệt thời đại tiện táo kết. Sở dĩ, bởi tạng thận hư, là vì tạng thận chủ về 5 thứ tân dịch. Cổ thư còn nói : « Đại tràng thiếu chân huyết thời táo. »

Chương 139.— Cách ngôn : **Chứng thương hàn mà tiểu tiện đi được nhiều, phần nhiều là hay.**

Chứng thương hàn cảm vào bì mao (da và lông) mà tạng phế thụ bệnh trước, tạng phế chủ về tiết độ, thông điều đường thủy, nay tiểu tiện lợi là tạng phế không hại mấy. Cũng như cổ thư đã nói : « Chứng thương hàn mà có ho đờm là nhẹ, vì tạng phế là chủ ngoài biểu mà chủ về ho, hay có ho là bệnh còn ở ngoài biểu, mà trong lý vẫn hoà, vì thế mới cho là nhẹ ».

Tìm sách

THIÊN HÓA-CƠ (Máy của Tạo-Hóa)

(gồm 41 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : **Dương khí trơ vơ (cô dương) không vượng được một mình, cũng như hỏa không có gốc, thời không thể tỏ được mãi.**

Âm dương giúp lẫn cho nhau, nên trong âm phải có dương, trong dương phải có âm. Nhưng tính của dương hay bốc lên, mà phải có âm để giữ lại, nếu trong dương không có âm thời là cô-dương, cũng như lửa bốc trở lên, bốc hết sức thời phải tắt.

Chương 2 – Cách ngôn : **Mồ-hôi về dương cũng như mưa của trời đất.**

Mồ-hôi ra từ ngoài biểu là dương mà gốc ở âm. Ta thử xem trong khi oi nóng nếu được mưa thời mát, mà bệnh uất nhiệt nếu ra mồ-hôi thời giải. Nhưng phép chữa cho phát hãn, có bệnh phải đem dương khí lên mới giải được ở ngoài biểu, đó là chứng dương uất, có bệnh phải giúp chân âm mới ra được mồ-hôi, đó là người âm hư, hai bên rất không giống nhau, người làm thuốc không hiểu lẽ ấy, đều dùng vị thuốc tân hương (cay mà thơm) để khu phong, thời chân huyết càng ráo mà mồ-hôi càng se lại, thế là âm vong mà dương cũng thoát.

Chương 3 — Cách ngôn : **Mọi chứng tiết-tả thời tiểu-tiện không lợi.**

Tìm sách

Ăn uống vào dạ-dày, đến tiểu-tràng thời có đường ngăn biệt ra, cặn bã thời vào đại-tràng, mà nước thời thấm vào bàng-quang, nếu hỏa ở hạ-tiêu suy yếu, thời không phân biệt được, cả thức ăn thuốc đều vào đại-tràng mà thành ra tiết-tả, vì thế tiểu tiện không thông lợi.

Chương 4 – Cách ngôn : **Chỗ rốn của bệnh nhân mà « động-khí » là trưng triệu của chúng âm hư.**

Chứng này nhà làm thuốc ít người biết, chỗ rốn mấp máy mà có tiếng như sôi bụng vì chỉ ở mé trong da mà không phải ở trong bụng. Bệnh nhân không thấy khó chịu lắm. nên không nói với thầy thuốc. Nhưng chứng đó là trưng triệu chân âm quá hư, vì chân thủy suy yếu, hỏa không về được chỗ, nên theo với khí mà động ở hạ-tiêu, chứng ấy rất kỵ vị bạch-truật vì ráo, người làm thuốc phải nhận kỹ.

Chương 5 — Cách ngôn : **Trong năm chứng đoạt (ngũ đoạt) duy chứng tả là chóng chết.**

Ngũ đoạt là ra huyết nhiều, mồ-hôi nhiều, thổ nhiều, tả nhiều. vì chóng chết người mới gọi là đoạt, duy chứng tả thời âm dương chóng tuyệt, vì tả thời tỳ vị bại. Nội Kinh có nói : « Chứng tả mà còn vị-khí thời sống, không vị-khí thời chết. »

Chương 6.— Cách ngôn : **Hình tượng của chứng nấc ví như sấm ở trong mưa, dương phải âm cho đi mới thành ra sấm, khí phải nước lấp đi thành nấc, cho nên Nội-kinh có nói : « Chứng nấc ngược lên đều thuộc về hỏa. »**

Tìm sách

Hỏa tức là khí, khí thành ra tiếng nên khí càng uất thời càng nấc, tinh của hỏa bốc trở lên, nếu có ngăn trở thời phát bệnh vì thế chữa chứng hỏa uất, chỉ nên phát tiết ra, mà không nên giáng xuống, càng giáng thời càng uất.

Chương 7. – Cách ngôn : **Các chứng bệnh nếu tiểu tiện đi ít, thời bệnh càng tiến.**

Khí của đất bốc lên, khí của trời giáng xuống mà là « quẻ Thái » « Thái » là trời đất tương giao mà vạn vật được hanh thông.

Trong thân người, tạng tỳ là đất, tạng phế là trời, khí của tạng tỳ thống lên tạng phế, mà tạng phế chủ về tiết-độ, thông được đường thủy để vào bàng-quang, như thế thời còn có bệnh gì. Nếu tiểu-tiện ít là tỳ phế không tương giao thời là « quẻ bĩ », nghĩa chữ bĩ là trời đất không tương giao mà vạn vật không hanh thông.

Chương 8.— Cách ngôn : **Phiền, táo tuy là chứng nhẹ, nhưng là triệu chứng tinh thần háo kiệt.**

Chứng phiền bởi tạng tâm, chứng táo bởi tạng thận, tâm là chủ cho thần-minh, thận là nơi của tinh-huyết, nên chứng phiền táo là tâm, thận suy yếu. Tôi gặp chứng ấy là dự bị chữa đến căn bản, mới có thể cứu vãn, nếu đến khi chân tay động, thời không thể chữa được.

Chương 9.— Cách ngôn : **Người ta được hưởng thọ là nhờ sự ăn uống của hậu-thiên, mới sinh được tân-dịch, vì thế, tân-dịch, kém thời ốm, kiệt thời chết.**

Tìm sách

Câu trên là lời nói của Ông Dụ-Gia, năm thức ăn vào dạ-dày, sang tạng tỳ vận hành để hóa ra tân-dịch, cổ nhân gọi thức ăn nống là *huyền-tương ngọc-dịch*, lại gọi là hoa-trì-thủy, cũng như thuốc tu tiên.

Chương 10 — Cách-ngôn : **Người ít tuổi không nên có trạng thái yếu, người tuổi già không nên có bệnh sốt rét.**

Người thiếu niên là lúc âm sinh dương vượng mà ăn ít hay nằm, hiện ra trạng thái suy yếu, thời không thể huởng thọ được. Chứng sốt rét là âm dương đều yếu, vì dương hư thời phát rét âm hư thời phát sốt. người tuổi già gặp chứng ấy, lại không phải là hư yếu quá độ hay sao ?

•

Chương 11.— Cách ngôn : **Chứng mơ màng mà di tinh, cổ nhân gọi là tấu-dương (dương buột đi).**

Huyết trọc là âm, mà tinh thanh là dương, tạng tâm và tạng thận không tương giao với nhau nên sinh ra mơ màng chiêm bao, vả lại, tạng tâm tóm chân huyết, tạng thận chứa ti tinh khí, tâm thận đều hư yếu mới chiêm bao mà di tinh, vì thế gọi là chứng « tẩu-dương ».

Chương 12 — Cách ngôn : **Tinh thần giữ ở trong, bệnh từ đâu đến được, nếu có trở ngại thời bệnh từ đấy phát ra.**

Tinh, Khí và Thần là ba của báu cho người, tạng tâm chứa thần, tạng thận chứa tinh, nếu tâm và thận tương giao, thời là quẻ *thủy-hỏa ký-tế* trong kinh dịch.

Tìm sách

(nước ở trên lửa ở dưới thời giúp được mọi việc) như thế thời bệnh từ đâu vào được. Nếu âm thịnh dương hư, hay dương thịnh âm hư, hoặc hỏa ở trong âm hư yếu, hay là thủy ở trong âm hư yếu, thế là chính khí không giữ vững được, mà tà khí mới lấn vào.

Chương 13.— Cách ngôn : **Khí của trời thông vào phổi khí của đất thông vào cuống họng, khí của phong thông vào tạng can, khí của sấm thông vào tạng tâm, khí của mưa thông vào tạng thận.**

Người ta lúc khí trời thay đổi là dễ cảm, tạng phế thuộc về quẻ « Kiền » mà ứng với trời, cuống-họng thuộc dạ-dày mà ứng với đất, tạng can thuộc hành mộc mà ứng với gió, tạng tâm thuộc hành hỏa mà ứng với sấm, tạng thận thuộc hành thủy mà ứng với mưa, cho nên trong bách bệnh, vì tà của lục dâm là gió, rét, nắng, thấp, táo, hỏa, mà phát bệnh đến quá nửa.

Chương 14.— Cách ngôn : **Mạch là đường của huyết lưu thông, mọi mạch đều thuộc về mắt, nên trông lâu thời hại mắt.**

Huyết có mạch để lưu thông, tạng can khai khiếu ở mắt, mà mọi mạch thuộc về mắt, huyết theo với khí, nếu trông lâu thời khí ủng trệ, mà huyết bị thương, nên hại đến mắt.

Chương 15.— Cách ngôn : **Lục kinh là sông, mà tràng, vị (ruột, dạ dày) là bể.**

Lục Kinh là tam âm và tam dương, tràng, vị là đại

Tìm sách

tiểu tràng và dạ-dày, các kinh mạch đều bởi ở dạ-dày, cũng như trăm ngọn sông đều chảy về bể.

Chương 16.— Cách ngôn : **Để ý vào sự vật gọi là tâm, tâm có nhớ gọi là ý, ý để vào đâu gọi là chí, chí biến đi gọi là tư (nghĩ), nghĩ xa xôi gọi là lự (lự), nhân lo mà xử sự gọi là trí (khôn biết).**

Thất tình là vô hình, cổ thư có câu : « Bệnh về thần tư (tinh thần nghĩ ngợi) khó dùng thuốc để chữa được, khác với tà của lục dâm, mà có thể chữa chóng, vì lẽ bệnh ở trong nặng hơn bệnh ở ngoài đến.

Chương 17.— Cách ngôn : **Mừng và giận hại đến khí, rét và nắng hại đến hình**

Mừng quá thời hại tạng tâm, giận quá thời hại tạng can, tâm là quân-hỏa, can là tướng-hỏa, như thế là hại về khí rét ngừng mất chân huyết, nóng lồn đến chân huyết, huyết là thịt, là bịch như thế là hại hình.

Chương 18.— Cách ngôn : **Thức uống vào dạ-dày, rồi thâu góp vào tạng tỳ, tạng tỳ tản tinh hoa để đem lên tạng phế thông được thủy đem xuống bàng quang, thế là vận hành cả ngũ kinh**

Thức uống là khí vô hình cho nên vợi ra, bởi khí, mà sinh ra khí.

Chương 19.— Cách ngôn : **Thức ăn vào dạ dày tản tinh ra tạng can, khí ấy đi ra gân, khí nặng và đục về tạng tâm, rồi dàn tinh hoa ra mạch, khí của mạch đi ra kinh lạc rồi về tạng phế.**

TimSách

Thức ăn là vật hữu hình, cho nên đem đi bởi hình mà thành ra huyết.

Chương 20.— Cách ngôn **Nguyên dương chứa ở tạng thận, tức là quẻ « khảm » mà vận dụng thời về tạng tâm tức là quẻ « ly » đó là gốc để sinh ra người.**

Hỏa ở khe hai quả thận là long-hỏa tức là mệnh-môn-hỏa, mà tức là nguyên-dương. Long-hoả bốc lên thời quân hoả ở tạng tâm, tướng-hỏa ở ngũ tạng, hỏa của tam-tiêu, đều bốc lên mà là long-lôi-hỏa thời có hại. Gọi là mệnh-môn là cửa để lập mệnh cho người.

Chương 21.— Cách ngôn : **Nửa người ở trên mạnh hơn dưới thời nằm chiêm bao thấy bay, nửa người ở dưới mạnh hơn trên thì nằm chiêm bao thấy rơi ngã.**

Khí âm hòa bình khí dương vít lại thời vô bệnh, nếu nửa người ở trên thịnh hơn thời ở dưới suy, tinh thần phù việt mà nằm chiêm bao thấy bay, nửa người ở dưới thịnh hơn thời ở trên yếu, tinh khí bấm trở xuống nên nằm chiêm bao thấy rơi ngã

Chương 22.— Cách ngôn : **Vinh là tinh khí của thức ăn uống, vệ là hàm khí (khí để ngăn giữ) cho thức ăn uống.**

Vinh vốn là âm, vệ là dương, vì lẽ gì vinh là âm mà lại là thanh khí, vệ là dương mà lại là trọc khí. Hào âm ở trong quẻ « ly » tức là dương-huyết của tạng tâm,

Tìm sách

cho nên vinh-huyết cũng gọi là thanh khí, hào dương giữa quẻ « khảm » tức là sinh-khí của tạng thận, cho nên vệ khí lại là trọc khí, cổ thư có nói : « Tạng tỳ chủ âm huyết về hậu-thiên, tạng thận chủ dương khí và tiên thiên ».

Chương 23 — Cách ngôn : **Thức ăn vào dạ dày đường mạch mới vận hành mà huyết mới thành ra.**

Tạng can chủ về gân mạch, tạng tỳ chủ về huyết mạch, thức ăn vào dạ dày, tinh khí sang tạng can mà đường mạch mới vận hành. Thức uống vào dạ dày hợp với tinh khí ma tạng tỳ mới thành ra huyết.

Chương 24.— Cách-ngôn : **Nằm không được yên là huyết không về tạng can, vệ khí không vào được âm phận.**

Khí âm ra dương phận thời thức, khí dương vào âm phận thời ngủ. Người nằm ngủ thời huyết về tạng can dương vào âm phận mới nhắm mắt lại.

Chương 25.— Cách ngôn : **Người nằm không được yên mà thở nghe thấy tiếng, là khí kinh dương-minh ngược lên.**

Nội-kinh có nói : « Dạ-dày không được hòa, thời nằm không được yên, tỳ-vị chủ về 4 chân tay mà vị là dương khí của hậu-thiên, nay khí ngược lên thời thở nghe thấy tiếng. »

Chương 26.— Cách ngôn : **Lúc đi lúc ngồi như thường, mà thở nghe thấy tiếng là mạch lạc của tạng phế ngược lên.**

Tìm sách

Kinh lạc của tạng phế gọi là « hư-lý », hư-lý ở giữa hai vú, là nơi của chiên-trung khí-hải (1), vả lại, tạng phế chủ về mọi hơi thở, khí đã ngược thời thở nghe thấy tiếng.

Chú giải : 1) Xem về quyển Mạch kinh.

Chương 27.— Cách ngôn : **Trên chỗ cách mạnh là cha mẹ cho sinh mệnh.**

Cách-mạch là màng để ngăn ra tâm và phế ở về thượng-tiêu, phế chủ về khí, tâm chủ về huyết, có khí huyết mới dinh dưỡng được cơ thể, nên ví như cha mẹ bảo vệ cho con cháu.

Chương 28.— Cách ngôn : **Tạng tỳ là đầu mọi âm huyết, mắt là chủ cho huyết mạch.**

Kinh túc-thái-âm là tạng tỳ là gốc cho vinh huyết, cho nên gọi tạng tỳ là đứng đầu mọi âm huyết. Mọi huyết mạch đều tụ lên mắt, mắt có huyết mới trông được, cho nên gọi mắt là đầu của huyết mạch.

Chương 29 — Cách ngôn : **Tỳ là gốc cho tân-dịch là chủ cho dương-khí.**

Tạng tỳ là gốc của tân-dịch mà tỳ vị liên hệ với nhau, gọi là nguyên-khí, là doanh-khí, là vệ-khí, đều là tên-riêng của vị-khí, vì thế tỳ vị là chủ cho dương khí.

Chương 30.— Cách ngôn : **Tinh thần của thân người quý ở kín đáo, nếu hiện ra ngoài là ở trong hư yếu.**

Tìm sách

Sách phong-giám có nói : « Mặt trông như hoa đào, mắt trông như nước mùa thu là tinh thần không kín đáo, phần nhiều là chết non ». Lại có câu : « Hình dáng cổ quái nhưng trông kỹ lại có thần là tướng quý và thọ » Thế mới biết thần sắc của người không nên hiện quá ra ngoài. Tinh khí và thần là chủ cho thân người. Nội-kinh có nói : « Chủ không sáng tỏ thời 12 quan chức đều nguy » là nói những thần không ở kín vào một nơi. Tôi thường thấy những chứng bệnh chóng chết bởi tinh thần đã thoát trước, nên tôi mới bàn luận về việc bồ thần (bồ cho tinh thần ở quyển *đạo-lưu*).

Chương 31.— Cách-ngôn : **12 kinh mạch và 365 lạc, kinh và lạc ấy khí huyết trở lên trên mặt mà đi vào nơi « khổng khiếu »** (1).

Tinh hoa của khí huyết đều họp ở mặt, nên mặt trông được, tai nghe được, miệng biết thức ăn, mũi biết mùi thơm, hôi.

Chú giải : 1) khổng khiếu là lỗ hổng.

Chương 32 — Cách ngôn . **Tiên thiên như triều đình, hậu thiên như quan chức, chấp chính ở tiên-thiên mà hành chính ở hậu-thiên.**

Tiên-thiên là mệnh-môn trong tạng thận, là quân chủ cho thân người, ví như người chấp chính ở triều-đình Còn về hậu-thiên là tạng tỳ vận hóa, dạ-dày chứa thức ăn uống, tạng phế giữ tiết độ, cũng với thân hình của tạng tâm, kỹ xảo của tạng thận, mưu tính của tạng can, quyết đoán của mật, đại-tiểu-tràng truyền tống đi, bàng-

Tìm sách

quang tiết ra, tan tiêu để thăng giáng đều bẩm thụ ở mệnh-môn thời ví như các quan chức để hành chính.

Chương 33 — Cách ngôn : **Hình là thực thể, mà sắc là tinh hoa, có ở trong tất nhiên hình hiện ra ngoài.**

Xem hình người để biết nguyên khí hư hay thực, xét sắc người để biết tinh thần suy hay vượng, nếu khí hư thời hình thể mỏi mệt mà không được mạnh, thần suy thời sắc tối tăm mà không được sáng.

Chương 34 — Cách ngôn : **Tâm là chủ cho tạng phủ, mọi gân tụ ở mắt là đường cho tân-dịch phía trên. Vì thế thương xót lo buồn thời tạng tâm động mà tạng phủ đều lay chuyển, lay chuyển thời tôn mạch (1) thịnh quá, đường tân dịch mở thời khóc có nước mắt.**

Câu trên là đức Hoàng-Đế hỏi mà ông Kỳ-Bá trả lời. Người đời sau diễn thêm ra mà nói : « Tạng tâm động thời hỏa bốc lên vì thế nước đọng lại mà khóc », lại nói : « Thương xót hại đến phế, phế kim sinh ra thủy mà khóc », lại nói : « Nước ở mắt tràn lên mà khóc », nhưng câu bàn ấy lại khác với Nội-kinh.

Chú giải 1) Tôn mạch : mạch lớn mà là chủ.

Chương 35.— Cách ngôn **Tinh tán thời nhìn như rẽ ra, trông một hóa ra hai**

Đó là điềm thủy suy âm hư, trong dương không có âm thời bốc lên, trong hỏa không có thủy thời thăng lên.

Tìm sách

Người đại bệnh mới khỏi và người tuổi già phần nhiều trông thấy như trên.

Chương 36.— Cách ngôn : **Đời người đến 40 tuổi âm khí đã kém.**

Cổ thư có nói : « Khi 10 tuổi hay đi chạy, 20 tuổi hay rảo chân, 30 tuổi hay đi, 40 tuổi hay ngồi, cũng là nói 40 tuổi mà âm khí đã kém vậy.

Chương 37 — Cách ngôn : **Người lúc mới sinh thời thành ra tinh, rồi sinh ra óc và tủy.**

Sách nói về thai nghén có câu : « Đàn bà có thai một tháng thời như thể giọt sương, 2 tháng thời như thể hoa đào », đó tức là chân khí là mệnh-môn. Cổ thư có nói : « Người ta sinh 2 quả thận trước, quả thận để chứa tinh, có tinh rồi óc, tủy mới sinh ».

Chương 38 — Cách ngôn : **Thức cay hại đến khí, thức mặn hại đến huyết, thức đắng hại đến xương, thức ngọt hại đến thịt, thức chua hại đến gân.**

Thức cay hại khí cho nên ngửi mùi cay là hát xì, thức mặn hại huyết cho nên ăn mặn thời khát ; thức đắng hại xương cho nên ăn thức đắng thời hại răng ; thức ngọt hại thịt cho nên ăn ngọt thời đầy, thức chua vít lại cho nên ăn chua thời co gân. Bởi vậy, bệnh ở phế kiêng thức cay, bệnh ở tâm kiêng thức mặn, bệnh ở thận kiêng thức đắng, bệnh ở tỳ kiêng thức ngọt, bệnh ở can kiêng thức chua.

Tìm sách

Chương 39.— Cách ngôn : **Chứng sợ hãi són phân ra, là khí tạng tâm không đầy đủ mà lây đến can, thận.**

Tạng tâm chủ về mừng, nếu hư yếu thời kinh, kinh thời sợ, sợ thời hại đến tạng thận, thận thủy đã hư thời can mộc thiếu sự nuôi dưỡng, tạng can chủ về gân mà tiết ra, tạng thận với bàng-quang lại tương thông với nhau, vì thế sợ hãi thời són phân ra.

Chương 40.— Cách-ngôn : **Thần có dư thời cười nhiều, thần không đủ thời thương.**

Cười thuộc về tạng tâm, mà tâm để chứa thần, tạng tâm tóm giữ chân huyết mà chủ về hỏa, cười là tượng hành hỏa, huyết của tạng tâm sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thận, nếu huyết dư ra thời thần cũng dư, hỏa thịnh mà cười nhiều.

Thương thời hại đến tạng phế, tạng phế để chứa phách, phách là âm, tinh thần không đủ bởi ở huyết hư, huyết hư, thời âm hư, âm hư thời phách hư mà hay thương.

Chương 41.— Cách ngôn : **Sắc đen ở phương bắc thông ở tạng thận mà khai khiếu ra nhị-âm (đường đi đại và tiểu tiện).**

Phương bắc là quẻ khảm thuộc hành thủy mà sắc đen ứng vào tạng thận trong thân người. Mệnh-môn ở

Tìm sách

giữa 2 quả thận, thế là hai âm bọc lấy một dương, mà giống với hình quẻ « khảm », tạng thận khai khiếu ở tiền âm là chỗ đi tiểu tiện và hậu-âm là chỗ đi đại-tiện, vì thế tiểu tiện đi nhiều hay ít và đại-tiện bí kết đều bởi ở tạng thận.

TìmSách

Y HẢI CẦU NGUYÊN

tập Quý

THIÊN TRỊ TẮC (Phép chữa bệnh)

(gồm 95 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : **Tà khí cảm vào là chính khí hư yếu, phải chữa chỗ hư yếu, mà không phải hỏi chi tiết.**

Trong thân người khí âm hòa bình, khí dương bí vít, thời không thể sinh bệnh được, cho nên cổ thư có nói: « Bách bệnh đều bởi hư yếu, dù có ngoại-tà cảm vào cũng chỉ là một đầu mối để phát bệnh », vì thế gặp thực chứng cũng bởi chính khí suy yếu, mà người chữa bệnh phải tìm ngay gốc bệnh là chỗ đã hư yếu.

Chương 2.— Cách ngôn : **Đừng chữa phong, đừng chữa táo, khi chữa được hỏa thời chỗ phong táo tự khỏi**

Hỏa sinh ra nhiệt, nhiệt quá sinh ra phong, hơn nữa, hỏa thịnh thời hại chân âm mà táo. Vì thế chứng bệnh thấy phong, thấy táo, thời chỉ nên thêm chân thủy để chế hỏa, hay là bổ âm để cân với dương, thời phong và táo tự khỏi. Nếu chỉ đem thuốc gió để chữa phong,

Tìm sách

thuốc mát để chữa táo, thời huyết háo mà lửa càng dông lên, mà phong táo không thể khỏi. Là vì thuốc chữa phong thời háo chân huyết, thuốc hàn thời ngừng chân huyết, câu cách ngôn của cổ nhân kể trên, nếu biết thông biến, thời chữa bệnh gì mà không được.

Chương 3.— Cách ngôn: **Biết được chi tiết của bệnh nhưng chỉ chữa về căn bản thời chữa ngàn người không lầm một người.**

Khí huyết là gốc mà chứng ở ngoài là chi tiết, người chữa bệnh xem chi tiết để tìm gốc bệnh ở đâu, thời dù chữa một nghìn người cũng không ai tổn hại, cổ thư còn nói «chữa một căn bản thời bách bệnh tiêu trừ, chữa về chi tiết thời đầu mối rối loạn.»

Chương 4 — Cách ngôn: **Hành thổ vượng thời sinh ra kim, chớ bo bo về giữ tạng phế, thủy mạnh thời hỏa đẹp, chớ tấp hấp về thanh tạng tâm.**

Ông Di-Sinh nói câu trên thực là phương pháp bốc dịch để chữa chứng hư lao, vì chứng ấy bởi tinh huyết suy kém, thủy ráo hỏa bốc lên mà sinh âm nhiệt, hỏa hư không sinh được tỳ thổ, thổ hư không sinh được phế kim, khí không đủ sức về chỗ, mà thành chứng ho đờm. Vì thế, phép chữa thì ở bốn chữ tráng thủy bổ thổ mà thôi. Người hiếu sự chia ra ngũ lao lục cực, lại chia đến 72 loại hư lao, rồi đặt ra nhiều bài thuốc, chỉ làm rối tai mắt cho người làm thuốc.

Chương 5.— Cách ngôn: **Ho nửa ngày về trước, là trong dạ-dày có hỏa, quá trưa mới ho là âm hư,**

Tìm sách

chập tối mới ho là hỏa bốc lên phổi, không nên dùng thuốc hàn lương, chỉ nên liễm mà giáng xuống.

Từ giờ mão đến giờ tỵ là dương ở trong âm, lại dạ dày chủ về khí là dương khí hậu-thiên, ho về thời gian ấy là trong dạ-dày có hỏa phải nên uống thuốc để thanh đi.

Từ giờ ngọ đến giờ thân là âm ở trong dương, ho về thời khắc ấy, phần nhiều là âm hư, nên giúp chân âm để giáng hỏa.

Giờ dậu là chập tối, từ đấy đến giờ hợi là âm ở trong âm, ho về thời khắc ấy là âm hỏa bốc lên mà hại phế kim, không phải là hỏa hữu hình, nhất thiết không dùng được thuốc hàn lương để phạt hỏa, vì hỏa ấy càng gặp ẩm ướt càng dồng lên, phép chữa chỉ nên giúp chân âm mạnh chân thủy, thêm vị ngũ-vị để liễm mà giáng xuống.

Chương 6.— Cách ngôn : **Chữa chứng phong, phải chữa huyết trước, huyết đã hành thời phong tự diệt.**

Tinh huyết suy kém thời âm hư mà sinh nóng ở trong, nóng nhiều thời sinh ra phong, hay là phong ở ngoài nhân yếu mà lấn đi, vì thế, chứng phong thường bởi âm huyết hư yếu, âm càng hư thời phong càng động mà thành ra chứng chân tay co quắp đau nhức. Cổ thư có nói : « Trong khí không có huyết thời chân tay giật hay co lại ». Phép chữa : nhẹ thời giúp chân âm bổ chân huyết, mà nặng thời thêm cho chân thủy đều được công hiệu ngay. Nếu chỉ đem thuốc gió để chữa chứng phong, thì lại thêm bệnh ra.

Tìm sách

Chương 7.— Cách ngôn : **Nguyệt-kinh không thấy, phải tả tâm hỏa, thời huyết tự nhiên ra vì tạng tâm chủ về huyết, tạng tâm thụ bệnh thời huyết không lưu thông.**

Đã gọi là bệnh ở tạng tâm mà lại bảo tả vợi tạng tâm đi chả là đến chỗ hóa hư hay sao ? Về đàn bà hay uất mà hại tạng tâm, tạng tâm thụ thương thời hỏa lại uất lên, hỏa tức là khí, khí uất thời huyết ngưng, như vậy là tả hỏa ở tạng tâm không phải là tả huyết cho vợi đi, vì khi đã hành thời huyết cũng theo xuống. Nội-Kinh có nói : « Bệnh của nguyệt-kinh chỉ vì huyết hư hay huyết trệ, huyết khô », phép chữa ở trên là trệ thời hành đi. Người không biết chỉ đem những vị thuốc cay thơm hành khí thời càng hại chân âm. Tôi chỉ dùng thuốc thanh tạng tâm là huyết hành ngay, không những tả uất hỏa mà thôi, tạng tâm tóm chân huyết, nếu nhiệt hay hàn đều sinh bệnh, ta phải tìm nguyên nhân mà chữa.

Chương 8.— Cách-ngôn : **Uống mọi thuốc mát mà vẫn còn nóng là bởi ở chân âm, uống mọi thuốc nóng mà vẫn còn lạnh là bởi ở chân dương.**

Đem thuốc mát mà chữa bệnh nóng, mà vẫn còn nóng thời phải bổ huyết để giúp chân âm hay là thêm chân thủy để chế dương-hỏa.

Đem thuốc nóng để chữa chứng hàn, mà vẫn còn lạnh, thời phải bổ tỳ thổ để chữa dương khí hay là thêm hỏa để tiêu dâm tối đi, đó là chữa theo đường thẳng (chính trị), nếu không công hiệu thời phải lựa theo mà chữa (tòng trị).

TimSách

Chương 9.— Cách ngôn : **Chữa chứng nóng bằng thuốc lạnh, thời phải uống nóng để hành đi ; Chữa chứng lạnh bằng thuốc nóng thời phải uống nguội để hành đi.**

Thủy khắc hỏa, hỏa ghét thủy, cho nên bệnh hàn phải ngăn cách thuốc nhiệt, bệnh nhiệt thời chống cự thuốc hàn, vì thế đem thuốc hàn chữa chứng nhiệt thời phải uống lúc còn nóng, đem thuốc nhiệt chữa chứng hàn thời phải uống lúc đã nguội.

Chương 10.— Cách ngôn : **Không có dương khí thời âm không sinh được, vì thế thuốc bổ khí có thể sinh được huyết mà thuốc bổ huyết không thể sinh được khí.**

Nội-kinh có nói : « Không có dương thời âm không sinh được, mà không có âm thời dương không hóa được », sinh là dương không mà có, còn hóa là đã có mà hóa đi, dương sinh được âm như những vị sâm, linh, kỳ, truật, thời đã bổ khí mà lại thêm huyết, còn những vị quy, thược, sinh-địa, dù có bổ huyết mà lại trệ khí, bởi vậy dùng thuốc bổ huyết phải thêm thuốc bổ khí, mà dùng thuốc bổ khí không nên thêm nhiều thuốc bổ huyết. Tôi đã bàn kỹ bài « *bát chân* » vừa bổ khí vừa bổ huyết ở cuốn « *đạo-lưu* ».

Chương 11.— Cách ngôn : **Chứng thất huyết cấm không nên hạ, một khi phải hạ thời nên dùng ở khi huyết còn súc-tích, mà không được dùng sau khi thất huyết.**

Tìm sách

Huyết vì hỏa mà đi dông hoặc thổ-huyết, hoặc lục huyết, dùng thuốc hạ thời giáng hỏa rất chóng, nhưng lúc mới phải bệnh mà người còn mạnh thời nên hạ, nếu đã thất huyết nhiều, nhiều thời âm dương đều tổn dù có nóng cũng là hỏa hư, nhất thiết không thể dùng được thuốc hạ. Lại có phép ra mồ-hôi nhiều thời sẽ không có huyết, bệnh nhân còn mạnh nên tham khảo mà chữa.

Chương 12.— Cách ngôn : **Khí dư ra là hỏa, huyết theo khí trở lên. Vậy bổ thủy thời hỏa giáng, khí thuận thời huyết không thăng nữa.**

Huyết theo khí trở lên, khí vì hỏa bốc lên, nay bổ thủy thời hỏa giáng, hỏa giáng thời thuận mà huyết không đi dông, vì thế cổ thư có nói « Chữa chứng huyết phải để ý đến khí ».

Chương 13.— Cách ngôn : **Chữa chứng khát phải thêm huyết vì huyết là tân dịch hóa ra, bệnh khát bởi ở huyết hư.**

Nội-kinh có nói : « Mặn làm cho huyết chạy đi, nếu ăn mặn nhiều thời khát ». Lại người âm hư gầy mà đen thường hay uống nước thế là bởi ở huyết hư. Tôi chữa chứng thất-huyết rồi khát nhiều, bệnh nhẹ thời dùng bài *tứ-vật* bỏ vị xuyên-khung hợp với bài *sinh-mạch ẩm*, bệnh nặng thời dùng bài *lục-vị* bỏ vị trạch-tả hợp với bài *sinh-mạch ẩm* chỉ uống một thang to là công hiệu, đó là giúp chân thủy bổ chân âm thời khát tự nhiên thôi.

Chương 14.— Cách ngôn : **Vì bệnh sinh ra đờm chứ**

Tìm sách

không phải đờm sinh ra bệnh, nếu chỉ chữa đờm thời đờm lại tăng lên.

Đờm là tân-dịch, nhân khí huyết yếu thời không hóa ra tân-dịch mà sinh ra đờm, người chữa phải tìm nguyên nhân thời không chữa đờm mà đờm tự hóa đi. Nếu chỉ để ý chữa đờm dùng vị cay thơm để háo khí, dùng vị trong-trọc để phạt chân dương, vị táo thấm để hại chân âm, thời đờm lại thêm lên.

Chương 15.— Cách ngôn : **Chứng dương thịnh âm hư dùng thuốc phát hãn tất chết, mà dùng thuốc hạ mới khỏi. Chứng âm thịnh dương hư dùng thuốc hạ tất chết mà dùng thuốc phát hãn mới khỏi.**

Chứng dương thịnh âm hư mà sinh nóng ở trong, dùng thuốc hạ để cứu chân âm thời khỏi, nếu dùng thuốc phát hãn thời âm huyết mát đi mà chết.

Chứng âm thịnh dương hư, sinh ra rét ở ngoài, dùng thuốc phát hãn để tán hàn thời khỏi, nếu hạ thời hại đến vị khí rồi dương thoát mà chết. Vì thế, bài quế-chi uống khỏi miệng nếu là chứng dương thịnh thời chết, bài thừa-khí uống khỏi miệng nếu là chứng âm thịnh thời chết.

Chương 16.— Cách ngôn : **Phát tán ở ngoài biểu đừng ngại vị thuốc nhiệt, công ở trong lý đừng ngại vị thuốc hàn.**

Hàn tà từ ngoài cảm vào, không có vị thuốc phong nóng cay thơm thời không thể tán được, nhiệt tà vào trong lý không có vị thuốc lạnh đắng để nhẹ đi không thể hạ được. Nên cổ thư có câu : « Chứng thương hàn mà

Tìm sách

người sốt không nên uống thuốc lạnh » phải hạ ngay để cứu lấy chân thủy.

Chương 17.— Cách ngôn: **Chứng âm hư phát sốt, phép chữa nên thêm cho chân thủy, chứng dương hư phát sốt phép chữa nên thêm cho chân hỏa.**

Chứng sốt hoặc vì tà khí ở ngoài đến, hoặc vì nắt nhiệt của thất tình, hoặc vì tỳ thổ hư yếu không chứa được chân dương, hoặc vì huyết hư mà hỏa dông dỡ, đều là bệnh về khí huyết. Còn chứng âm dương hư mà phát sốt thời lại bởi chân âm chân dương ở trong tạng thận, nếu âm hư thời là thủy suy mà hỏa bốc lên, phép chữa phải thêm cho chân thủy như bài *lục vị*, nếu dương hư mà sốt tức là long-lôi-hỏa sợ rét mà bốc vượt lên, phép chữa nên thêm chân hỏa như bài bát vị. Tôi đã bàn kỹ chứng long-lôi-hoả sợ rét mà bay lên, sợ nóng mà vượt ra ở cuốn *đạo-lưu*.

Chương 18.— Cách ngôn : **Dương khí ở thượng-tiêu không được đầy đủ thời hãm xuống tạng thận, phép chữa nên đem trở lên ; Chân Âm ở hạ-tiêu không đầy đủ phần nhiều vượt lên, phép chữa nên đem trở xuống.**

Dương khí ở hạ tiêu tức là khí của dạ-dày và hậu-thiên, dương vốn thăng, nếu yếu thời giáng, nên dùng bài *bổ trung ích khí* để đem dương khí trở lên.

Chân âm ở hạ-tiêu tức là thủy của tiên-thiên, thủy kém thời hỏa bốc lên, phép chữa nên dùng bài *lục-vị*, bổ thủy để chế hỏa thời hỏa tự về chỗ.

Tìm sách

Chương 19.— Cách ngôn : **Bệnh nhẹ thời chữa trái đi, bệnh nặng thời lựa mà chữa.**

Tà khí còn nhẹ thời chữa trái đi như đem thuốc hàn để chữa chứng nhiệt, đem thuốc nhiệt để chữa chứng hàn, đó là phép chữa theo đường thẳng (Chính trị). Tà khí mạnh quá thời lựa tính mà chữa, như đem thuốc hàn để chữa hàn, đem thuốc nhiệt để chữa nhiệt, đó là phép dựa theo mà chữa (tòng trị).

Chính trị còn gọi là nghịch trị nghĩa là trái đi.

Chương 20 — Cách ngôn : **Tỳ vị để vận hóa thức ăn nay không hóa được thức ăn, là sở năng đã kém, có nên dùng thuốc công phạt để hại thêm sở năng không ?**

Dạ-dày không chứa được thức ăn, tạng tỳ không vận hóa được là sở năng đã kém, phép chữa nên ôn bổ, hoặc bổ tướng hỏa để s nh tỳ thổ, hay là bổ tạng khác để sinh dương thổ mà không thể chuyên về những vị thuốc cay thơm như sơn-trà, mạch-nha, thần-khúc cho là tiêu thực để hại đến sở vong của tỳ vị.

Chương 21.— Cách ngôn : **Bệnh thực quá không công mạnh không sạch hết được tà khí ; Người hư yếu quá không đại bổ không khỏi được bệnh.**

Xem hình, xét sắc, và chẩn mạch mà thấy hỏa chứng án mạch, quả nhiên là thực chứng (tà thực) thời dùng thuốc công phạt thật mạnh không nghi ngờ gì. Nếu rõ là chính khí hư yếu thì đại bổ không trì hoãn. Nếu không có định kiến, thuốc nóng cũng sợ, thuốc lạnh cũng sợ,

TimSách

chi cho uống phương thuốc không công không bổ, thì sao cho khỏi bệnh. Cổ thư có nói : « thuốc đại hàn hay đại nhiệt, mà dùng được đúng chỗ đều có ích cho người bệnh. »

Chương 22.— Cách ngôn : **Mọi chứng bệnh phần nhiều kèm chứng uất, vậy chữa bệnh phải kèm thêm vị thuốc chữa uất.**

Uất là khí huyết không hòa và không lưu thông, chứng lục dâm hại người là tà khí uất ở ngoài, chứng thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) làm hại người là khí huyết uất ở trong. Bài thuốc « *Việt-cúc-hoàn* » chữa cả năm chứng uất, nhưng công dụng không bằng bài thuốc « bát-vị tiêu-giao ».

Chương 23.— Cách ngôn : **Dùng thuốc bổ nên trước nặng mà sau nhẹ. Dùng thuốc công phạt nên trước vừa rồi sau mạnh.**

Thuốc bổ có phân ra bổ thật mạnh (tuấn-bổ), bổ cho thấm nhuần (tư-bổ), bổ mà tiếp thêm (tiếp-bổ), bổ cho điều hoà (điều-bổ). Thuốc công có chia ra thanh hỏa, tả hỏa và phạt hỏa. Chứng hư tổn không bổ thật mạnh sao cứu vãn được trong lúc nguy vong, nguyên khí đã trở lại thời có thể dùng thuốc nhẹ dần đi. Còn tà khí mạnh (thực) trước hết phát tán không khỏi thì dùng thuốc để thanh đi, nếu không khỏi thời giáng xuống, nặng nữa thời phạt hỏa, thế là trước còn hoãn mà sau mạnh, vì thế người đời xưa nếu dùng bài thuốc « *Đại thừa khí* » hãy dùng trước bài « *tiểu thừa khí* » ta nên nhớ chứng

Tìm sách

hư mà dùng thuốc tả tức là thuốc công phạt thì chết oan, chứng thực mà bổ lầm thời chỉ tăng bệnh.

Chương 24.— Cách-ngôn : **Bệnh sinh ở trong trước chữa về âm rồi mới chữa đến dương ; Bệnh sinh bởi dương phận, trước chữa ở ngoài rồi mới chữa đến trong.**

Bệnh ở trong là âm bệnh, nên phải bổ âm trước rồi mới chữa đến dương. Bệnh sinh ở ngoài là dương bệnh, bệnh ở ngoài thời trị tà khí rồi mới bổ chính khí. Câu cách ngôn đó là chỗ huyền-diệu ở Nội-kinh.

Chương 25.— Cách ngôn : **Âm tinh đã kiệt, không mạnh chân thủy thời không thể lưu hành được. Dương tinh đã kém, không thêm chân hỏa thời không giữ vững được.**

Chân thủy chân hỏa, tàng chứa ở mệnh-môn trong tạng thận. Ông Cảnh-Nhạc cũng nói : Thủy ở trong âm hư yếu là bệnh ở tinh huyết, hỏa ở trong dương hư yếu là bệnh ở thần khí », vì thế chân âm kiệt phép chữa nên thêm chân thủy như bài « *lục-vị hoàn* », chân dương kém nên thêm chân hỏa như bài « *bát-vị hoàn* ».

Chương 26.— Cách ngôn : **Phép chữa chứng hư nhiệt, không bổ tỳ thổ để chữa dương khí lại, thời giúp ngay chân âm để giáng hỏa xuống.**

Hỏa của thân người chỉ tàng chứa ở trong thận thủy và tì thổ, nếu tì thổ hư yếu thì hỏa không chứa được phải dùng thuốc cam (ngọt) và ôn (ấm) để nuôi dưỡng chân hỏa

Tìm sách

thì hư nhiệt tự nhiên lui đi, như những bài thuốc *bổ-trung* bài *qui-tì*, bài *tứ-quân*, bài *lý-trung*, bài *kiến-trung*. Nội-kinh nói : « Vị thuốc cam ôn trừ được đại nhiệt », thế là bổ tỳ thổ để tàng dương khí lại.

Trong tạng thận có chân thủy chân hỏa cân với nhau, nếu thận thủy khô thì hỏa thịnh, phép chữa nên bổ thủy để cân đối với hỏa, thì hỏa tự nhiên về chỗ, như bài thuốc *lục-vị*, như thế là giúp chân-âm để lui hỏa (hư nhiệt).

Chương 27.— Cách ngôn : **Chứng dương hư bởi ở dạ dày (vị) ; Chứng âm hư bởi ở tạng tâm.**

Cổ-thư có nói : « Dương ở hậu-thiên hư yếu thì bổ vị-khí (khí nóng ở dạ-dày) ; âm ở tiên-thiên hư-yếu thời bổ thận thủy ». Vì thế, trong khi bệnh nhân vong dương, không nên dùng bài *bát-vị*, chỉ có sâm, truật và phụ-tử mới cứu vãn được. Lại như chứng bệnh âm kiệt, không nên dùng bài *tứ-vật*. Chỉ có bài lục vị, bài *sinh-mạch* mới cứu vãn được, thế là vị-khí tức là nguyên khí mà thận khí tức là chân âm.

Chương 28.—Cách-ngôn : **Nạp khí để về chỗ không ngoài ở tạng thận.**

Tạng phế tuy chủ về khí, nhưng tạng thận là căn bản cho khí, vì tạng thận để nạp khí xuống. Tạng phế là mẹ của tạng thận. Ông Đan-Khê nói : « Mẹ tàng chứa ở nơi của con », những chứng khí hư ngược trở lên, mà thổ, đầy, ho, ọe, nôn, mửa, nấc, dùng thuốc bổ tì thổ để sinh ra phế kim thời càng ngược trở lên, mà thanh phế hay tả phế thời khí ở tạng phế càng tiêu đi, chỉ có phép liễm mà nạp xuống như bài *lục-vị*, bài *bát-vị*, thêm vị ngưu-

Tìm sách

tất, vị ngũ-vị để liễm khí về tạng thận mới không bốc ngược lên, ngoài ra không có phương pháp gì.

Chương 29.— Cách ngôn : **Tiểu bệnh bởi ở khí huyết không cân nhau, đại bệnh bởi thủy hỏa làm hại, chữa tiểu bệnh mà bỏ khí huyết, chữa đại bệnh mà bỏ thủy hỏa, khác nào trèo cây để bắt cá, đánh dấu thuyền để dìm gươm.**

Chữa bệnh nhỏ tìm ở tạng, tâm, can, tì, phế, xem khí huyết thiếu đủ như thế nào. Còn chữa đại bệnh thời phải tìm ở thủy hỏa là nơi hóa sinh ra khí huyết, cổ thư có nói : « Ngũ tạng thụ thương, rồi sau tất đến tạng thận », lại nói : « Trăm bệnh đều gốc ở tạng thận », cho nên chân-thủy chân-hỏa là yếu lĩnh của các chứng nguy.

Chương 30.— Cách ngôn : **Chữa chứng phong thì nên tán ; Chữa chứng hàn nên ôn.**

Câu trên là phép thường để chữa chứng tà khí, tà khí vì phong là dương tà hại đến vệ khí ở ngoài biểu, hàn là âm tà hại vinh huyết ở trong lý, vì thế chữa chứng phong nên tán, mà chữa chứng hàn nên ôn.

Chương 31.— Cách ngôn : **Không có con bởi tạng tâm hư, tóc bạc bởi tạng thận yếu.**

Người đời đều bảo, tóc là chân huyết dư ra, thời tóc bạc ở tạng tâm ; mệnh-môn trong quả thận, con trai chứa tinh con gái giữ bào-thai ở đấy. Thời không có con bởi ở tạng thận ?

Sao đây lại nói không có con bởi tạng tâm hư, tóc bạc bởi thận yếu, là vì tạng tâm tóm chân huyết mà

Tìm sách

sinh ra tinh, tinh suy bởi ở huyết kém, cho nên không con bởi tạng tâm hư yếu.

Trong tạng thận có chân âm là gốc cho huyết, thận thủy có vượng thời huyết mới mạnh. Nay chân thủy kiệt thời huyết khô và tóc bạc.

Chương 32.— Cách ngôn : **Chữa mọi chứng bệnh lấy thủy hỏa làm gốc, lấy khí huyết để sai khiến.**

Thủy hỏa là gốc của khí huyết. Thủy hỏa là thực thể mà khí huyết là xử dụng. Thủy hỏa như gốc rễ, khí huyết như cành lá, gốc rễ có vun bón thời cành lá mới tốt.

Chương 33.— Cách ngôn : **Chính khí có đủ sức, mới đẩy được hàn tà ra.**

Nội-kinh có nói : « Tà-khí cảm vào là chính-khí hư yếu », vậy hàn tà mới cảm vào, mà chính-khí chưa yếu mấy, thời tán tà để giúp chính-khí. Nếu hàn-tà đã lâu, chính-khí chưa yếu, thời chỉ nên nuôi dưỡng chính-khí, không phải đuổi hàn-tà mà hàn-tà tự lui.

Chương 34.— Cách ngôn : **Ngoại cảm ít, nội thương nhiều, thời chỉ nên bổ ở trong để thêm cho khí, thời không phải đuổi tà khí mà tà khí tự lui.**

Câu trên là chí lý để chữa cho người nội thương mà thêm ngoại-cảm. Nếu ngoại-cảm ít mà nội-thương nhẹ, thời tạm nên tán tà, rồi sau mới ôn bổ. Nếu ngoại-cảm ít mà nội-thương nhiều, thời chỉ nên bổ cho chính-khí, khí đã vượng thời tà tự lui.

Tìm sách

Chương 35.— Cách ngôn : **Hoà chân huyết thời đại-tiện ra mủ, máu tự nhiên khỏi ; hành chân khí thời đi cầu rặn nhiều (hậu trọng) tự nhiên trừ.**

Câu trên là chí lý, để chữa chứng ly. Vì chứng ly là khí huyết đều hư. Nội-kinh gọi là chứng trệ-hạ, vì trệ mà đi trở xuống, đã trệ thời không thông, mà phải rặn nhiều, cho nên phép chữa chỉ hòa chân huyết và hành khí mà thôi.

Chương 36.— Cách ngôn : **Đã cao thời nhân thế mà vượt lên, đã thấp thời nhân thế mà cho kiệt đi.**

Câu trên là chí lý để chữa chứng thực tà, là vì tà khí đã ở trên, không nên uống thuốc cho hạ xuống để đem tà trở vào, chỉ nên nhân thế mà cho vượt lên, tức là phép chữa cho thổ ra.

Tà khí đã ở dưới không nên đem lên để hại đến sinh khí, vì thế chỉ nên làm cho kiệt đi, tức là cho uống thuốc hạ. Tôi xét sách thuốc có nói : « Dùng thuốc hạ sớm quá mà đầy ở ngực, thời nên dùng bài thuốc *hãm-hung* », ông Cảnh-Nhạc chê lời ấy mà nói rằng : « Đã nhầm về hạ mà lại hạ thêm là không nên », lời bàn của Ông Cảnh-Nhạc rất là xác đáng, nhưng tà-khí đã ở dưới, không nhân thế mà hạ đi, thời có thể lại đem lên được không ?

Chương 37.— Cách-ngôn : **Bệnh dương chữa về âm, bệnh âm chữa về dương, để khí huyết đều được về chỗ.**

Dương hư thời âm thắng, cho nên bệnh dương phải chữa về âm để cứu lấy dương ; âm hư thời dương

Tìm sách

thắng, cho nên bệnh âm phải chữa về dương để cứu lấy âm, khí huyết đều về chỗ, tức là khí âm hòa bình khí dương bí vít.

Chương 38.— Cách ngôn : **Chứng dương thực thời dùng thuốc phát tán, chứng âm thực thời tả cho vợi đi.**

Dương thực là nói tà khí mạnh ở ngoài biểu, nên dùng thuốc phát tán. Âm thực là tà khí mạnh ở trong lý, thời dùng thuốc tả tức là hạ cho vợi đi.

Chương 39.— Cách ngôn : **Đức của quẻ « khôn » kém, thời nên bổ tỳ thổ, để bớt sự ẩm thấp ; Đức của quẻ « kiền » yếu, thời nên thêm thận hỏa để giúp sự vận hành.**

Tỳ thổ tức là quẻ khôn, nếu hư thời nên bổ thổ, thận hoả tức là quẻ kiền, nếu kém thời nên bổ hỏa.

Chương 40.— Cách ngôn : **Gặp chứng hư yếu, cần phải giữ lấy phương bắc để bồi bổ sinh mệnh.**

Nội-kinh nói: « Phương Bắc sắc đen thông vào tạng thận », giữ phương bắc tức là giữ lấy tạng thận. Cổ thư có nói : « Bách bệnh đều gốc ở tạng thận », và nói : « Chân âm chân dương là cần cho các chứng nguy », vì thế gặp chứng đại-hư (yếu quá) phải bổ ngay lấy chân-âm chân-dương.

Chương 41.— Cách ngôn : **Thực-hỏa nên vợi đi, hư-**

Tìm sách

hỏa nên bổ thêm, còn hỏa của chứng « lao » là hư hay thực, có nên vợi đi hay không?

Câu trên là cách ngôn của Ông Đan-Khê, thực-hỏa tà hỏa mạnh quá, thời nên dùng vị thuốc đắng nhiều mát nhiều để công phạt, thế là thực-hỏa nên tả đi, còn hư-hỏa là hỏa của người âm hư, thời chỉ nên bổ tỳ thổ giúp chân âm, thế là chứng hư hỏa nên bổ.

Còn chứng « hư-lao » thời là hư-nhiệt mà không phải thực-nhiệt, sao người chữa bệnh không tìm những nguồn gốc để bổ dưỡng, chỉ đem những vị chi-mẫu, hoàng-bá là đắng và lạnh để công phạt cho chóng chết.

Chương 42.— Cách ngôn : **Đã dùng thuốc phát tán mà mồ-hôi không ra, là âm hư không đạt được ra ngoài, người ta chỉ biết mồ-hôi thuộc về dương, thời thăng dương lên có thể giải được biểu, mà không biết mồ-hôi sinh ở âm, còn phải giúp chân âm mới có thể ra được mồ-hôi.**

Mồ-hôi là tân-dịch của tạng tâm, là tên riêng của huyết. Tôi thường thấy những người chứng bệnh âm hư, người nóng như củi khô, âm hỏa bốc ở trong, tân-dịch của 5 tạng đều khô ráo, dù có ngoại tà phải dùng thuốc phát hãn, nhưng dùng nhiều phong dược để phát tán, thời chân huyết càng háo mà mồ-hôi càng ít lại, vậy phải dùng thuốc để giúp chân âm bổ chân huyết, thời không phát hãn mà mồ-hôi tự ra. Cho nên cổ thư có nói : « Tìm mồ-hôi ở chân huyết », cũng như có mây thời mới thành ra mưa.

Chương 43.— Cách-ngôn : **Nóng ở trong không giải**

Tìm sách

được, đã uống thuốc thanh giải mà hỏa vẫn không lui là chân âm không đầy đủ. Người ta chỉ biết thuốc hàn lương có thể chữa được nóng, mà không biết thêm chân thủy, mới có thể dẹp được hỏa.

Chứng nóng ở trong bồng bồng lên, người không biết chỉ dùng thuốc mát để chữa nóng, nhưng đã thanh nhiệt mà nhiệt vẫn không lui đó là chứng âm hư. Nội-kinh có nói : « Đã dùng mọi thuốc mát mà vẫn nóng, thời phải tìm ở chân âm », thế là giúp chân âm thời hỏa tự giáng. Nội-kinh còn nói : « Uống thuốc mát mà không thấy mát là vì thiếu chân thủy » những chứng ấy nên giúp cho chân thủy để dẹp dương hỏa đi.

Chương 44.— Cách ngôn : **Tà lúc mới cảm, chưa có nhất định, đẩy đi thời ra đàng trước, dẫn đi thời thôi, lựa mà đón lấy, thời bệnh có thể khỏi ngay.**

Đó là cách ngôn của Nội-kinh. Vì phong hàn mới cảm vào bì mao, rồi tự biểu vào đến lý, chưa có nhất định, cổ thư nói : « Cảm thương hàn có ho là nhẹ » là vì tà còn ở ngoài biểu, còn ở biểu thời đẩy đi tức là dùng thuốc phát hãn, ở trên thời dẫn đi, tức là dùng thuốc cho thổ ra, ở trong lý thời đon lấy, tức là dùng thuốc cho hạ đi. Ông Trọng-Cảnh chữa chứng thương hàn có 3 phép là : Hãn, thổ, và hạ, là gốc ở câu Nội kinh.

Chương 45 — Cách-ngôn : **Ở bên chỗ 7 đốt giữa có lỗ nhỏ, biết theo thời có phúc, mà trái thời có lỗi.**

Xương sống của người có 21 đốt. mệnh-môn ở giữa hai quả thận giáp với xương sống, tính lên trên là 14 đốt,

Tìm sách

tính xuống dưới là 7 đốt, cho nên câu trên mới nói: « ở bên chỗ 7 đốt giữa có lỗ nhỏ », lỗ nhỏ ấy là chủ cho thân người, tức là « đại-quân » (vua lớn). Mệnh-môn là Thủ-Tướng thay vua để hành chính, tức là « tiểu-quân » (vua nhỏ) cho nên gọi là « tiểu-tâm » (lỗ nhỏ), nếu không được hỏa bình thời hỏa ấy nổi lên, mà đem lôi hỏa để nướng đốt tam tiêu thì gọi là long lôi hỏa, hỏa ấy gặp ẩm càng cháy, gặp nước càng cháy dữ, phép chữa chỉ dùng quế-phụ, theo về tính của hỏa mà đem về chỗ, thời hỏa dữ dội (tráng hỏa) lại là thiếu hỏa (hỏa vừa phải), mà hết thảy trong người đều thư thái. cho nên câu trên mới nói: « Lựa theo thời có phúc, mà trái đi thời có lỗi » (lựa theo là tòng-trị, trái đi là nghịch-trị).

Chương 46 — Cách ngôn : **Cao thời nén xuống, thấp thời nâng lên, thừa ra thời bớt đi, không đủ thời bù vào, giúp cho lợi, hòa cho vừa phải, phải yên cả chủ khách, vừa với sự hàn ôn, cùng loại thời ngược đi, khác thời lựa mà theo.**

Câu cách ngôn kể trên của Nội-Kinh, nghĩa là hỏa bốc lên thời nén xuống, khí hãm xuống thời đem lên, tà khí mạnh thời vợi đi tán đi, chính-khí yếu thời bồ cho đầy đủ, giúp cho lợi là giúp để không trệ, hòa cho vừa phải là đem vị thuốc đồng khí, để hợp với bệnh, cần cho chủ khách đều yên ở địa vị, hàn ôn cho vừa phải, tà còn nhẹ thời dùng đường thẳng mà chữa tức là ngược lại, tà đã nặng thời lựa theo mà chữa ; ngược lại tức là chính trị là đem thuốc hàn để chữa bệnh nhiệt, đem thuốc nhiệt để chữa bệnh hàn, lựa theo tức là tòng-trị, tức là đem thuốc nhiệt để lui bệnh nhiệt, đem thuốc hàn để chữa bệnh hàn.

Tìm sách

Chương 47. — Cách ngôn: **Khí có cao thấp, bệnh có xa gần, chứng có trong ngoài, chữa có nặng nhẹ, cần cho vừa phải mới được.**

Nội-kinh có nói câu trên như: Chứng thương phong là ở trên, chứng cảm thấp là ở dưới, nguyên nhân thụ bệnh có xa hay gần, thế là bệnh có xa gần: Trong ngoài tức là biểu lý, nhẹ nặng tức là dùng thuốc như thế nào, vừa phải là để cho hợp với bệnh.

Chương 48 — Cách ngôn: **Biết gốc bệnh để xem ở đâu, tìm chỗ có hay không? chỗ hư hay thực phải để ý vào ngũ thắng cho khí huyết điều đạt mới đến chỗ hòa bình.**

Biết gốc bệnh là theo khí huyết hay âm dương, hiểu chỗ có hay không là để tìm cách chữa, như hư thời bổ vào, thực thời tả đi, ngũ thắng là năm tà khí mạnh làm hại cho người, câu cách ngôn trên là ở Nội-kinh.

Chương 49.— Cách ngôn: **Chữa ở trên thời dùng vị thuốc có tính hoãn là khí, vị nhẹ, chữa ở dưới phải dùng vị thuốc có tính mạnh là khí, vị hậu.**

Tính của cỏ cây, khí là dương, vị là âm, khí bạc là dương ở trong dương, khí hậu là âm ở trong dương; Vị bạc là dương ở trong âm, vị hậu là âm ở trong âm, dương thăng âm giáng, vị nào có tính thăng để chữa bệnh ở trên, vị nào có tính giáng để chữa bệnh ở dưới, vì thế, chữa bệnh ở trên nên dùng thuốc về dương phận, chữa bệnh ở dưới nên dùng thuốc về âm phận.

Tìm sách

Chương 50.— Cách ngôn : **Nóng mà không thấy nóng lâu là bởi tạng tâm hư, rét mà không thấy rét lâu là bởi tạng thận kém.**

Tạng tâm thuộc hỏa chủ về nhiệt, tạng thận thuộc thủy chủ về hàn, những bệnh thấy chợt nóng chợt lạnh, là bởi tạng tâm hư nên nóng không thấy lâu những bệnh thấy chợt lạnh chợt ôn, là bởi tạng thận hư, nên rét không thấy lâu, phép chữa nên bổ tâm thời nóng tự nhẹ đi, bổ thận thời rét tự giải đi.

Chương 51.— Cách-ngôn : **Chữa về tạng tâm không cứ gì phải thuốc nhiệt, chữa về tạng thận không cứ gì phải thuốc hàn, chỉ thêm dương khí cho tạng tâm, thời bệnh hàn tự khỏi đi, mạnh âm khí cho tạng thận thời bệnh nhiệt cũng thuyên giảm.**

Đem thuốc nóng hợp với tạng tâm để chữa chứng hàn, đem thuốc hàn hợp với tạng thận để chữa chứng nhiệt, thế là chữa theo đường thẳng, nhưng chỉ bổ dương khí cho tạng tâm, dương vượng thời chứng hàn tự khỏi, bổ âm khí cho tạng thận, âm mạnh thời chứng nhiệt tự trừ, thế là lựa theo mà chữa.

Chương 52 — Cách ngôn : **Trong tạng Thiếu-âm thận kinh, trọng ở chân dương, dương không đầy đủ thời ngoại tà không trừ được ; Trong tạng quyết-âm can kinh giữ về chứa huyết, huyết không đủ nuôi dưỡng thời mạch không bốc lên được.**

Kinh Túc-Thiếu-âm là tạng thận, chính lệnh ở và mệnh môn, là trọng ở chân dương, nếu dương không hồi thì

Tìm sách

tà khí không trừ được. Kinh Túc-quyết-âm là tạng can, tạng can chứa huyết, huyết để nuôi gân, là gốc cho các mạch, huyết không đầy đủ thời gân mỏi mạch yếu, mà mạch không bốc lên được.

Chương 53.— Cách ngôn : **Dương thắng hơn thời nhiệt, âm thắng hơn thời hàn.**

Nội-Kinh nói : « Dương [gốc ở âm, âm gốc ở dương », mọi chứng bệnh không nên chữa theo đường thẳng thời nên theo dương để giẫn âm như là tìm mồ-hôi ở chân huyết, sinh khí ở tinh. Theo âm để giẫn dương, như là giẫn hỏa về chỗ, nạp khí về tạng thận. Như vậy là diệu pháp tìm hỏa ở trong thủy, tìm thủy ở trong hỏa.

Chương 54.— Cách ngôn : **Dương thắng hơn thời chỉ nóng không rét, âm thắng hơn thời chỉ rét không nóng.**

Trong dương có âm, trong âm có dương, làm việc lẫn cho nhau, đem thuốc hàn để chữa chứng nhiệt hay đem thuốc nhiệt để chữa chứng hàn, là chữa theo đường thẳng và những thực chứng. Nếu người hư yếu mà giả nhiệt hay giả hàn, lại theo chiều để giẫn đi đẩy đi, như mồ-hôi với khí là cùng về loại dương ; Tinh với huyết là cùng về loại âm ; Hỏa với khí là cùng về loại dương, thủy với thận là cùng về loại âm, vị nhục-quế, phụ-tử để giúp cho vị thục-địa vị sơn-thù là trong hỏa mà bổ thủy, vị thục-địa và sơn-thù để giúp cho vị nhục-quế, vị phụ tử là trong thủy mà bổ hỏa.

Tìm sách

Chương 55.— Cách ngôn : **Chữa bệnh phải trước ở chủ bệnh rồi mới đến các chứng có về sau.**

Chứng bệnh bắt đầu khởi ra là chủ của bệnh, còn những chứng có về sau là nhân bệnh mà thêm các tạp chứng.

Chương 56 — Cách ngôn : **Dương hư lắm thời bổ dương để sinh âm để dương theo âm mà mạnh lên ; âm hư lắm thời bổ âm để cân với dương để dương theo âm mà hoá ra.**

Không có dương thời âm không sinh được, không có âm thời dương không hoá được. Nếu dương hư mà dùng lầm thuốc bổ âm thì dương càng suy đi, âm hư mà thiên thuốc bổ dương thời âm càng háo thêm ? Nhưng thuốc bổ khí có thể sinh ra huyết. thuốc bổ huyết không thể thêm được khí, vậy có khi phải dùng thêm cho được vừa phải.

Chương 57.— Cách ngôn : **Người hư yếu là nguyên do của bách bệnh, chữa bệnh cần ở chữa chứng hư yếu.**

Nội-kinh nói : « Tà khí lấn vào là bởi chính khí hư yếu ». Cổ thư cũng nói : « không chữa về chỗ hư yếu, còn nói gì đến chỗ khác », thế là muốn chữa bệnh phải lưu tâm về chỗ hư yếu.

Chương 58.— Cách ngôn : **Dương về tiên-thiên hư yếu thời bổ mệnh-hỏa ; Dương về hậu-thiên hư yếu thời bổ vị-khí ; âm về tiên-thiên hư yếu thời bổ**

Tìm sách

thận thủy ; âm về hậu-thiên hư yếu thời bổ tâm, can.

Âm dương về tiên-thiên là thuỷ hỏa vô hình, âm dương về hậu-thiên là khí huyết hữu hình, cho nên cổ thư có nói : « Giúp cho thận thủy trọng vị thục-địa mà không trọng vị xuyên-khung, xuyên-quy, bổ cho mệnh-môn-hỏa trong vị nhục-quế mà không trong vị hoàng-kỳ, vị bạch-truật ».

Chương 59.— Cách ngôn : **Mới thụ bệnh nên phân trong hay ngoài, bệnh đã lâu đều là hư yếu.**

Bệnh ở ngoài cảm vào thì dùng thuốc phát tán, bệnh ở trong khởi ra thời tiêu đi hay là làm cho quân bình. Đó là chữa chứng bệnh mới phát ra. Nếu bệnh lâu ngày thời là khí tự biến truyền vào trong lý, tự dương vào đến âm, khí huyết háo tổn mà đều là chứng hư.

Chương 60.— Cách ngôn : **Vị thuốc cam ôn chỉ bổ dương khí cho ngũ tạng ; Vị thuốc cam hàn mới bổ được chân âm cho ngũ tạng.**

Vị thuốc cam ôn như nhân-sâm, hoàng-kỳ, vị thuốc cam nan như thục-địa, sơn-thù, chỉ bổ được dương khí thì hữu hình không sinh được vô hình, đã bổ được chân âm thì vô hình sẽ hóa ra hữu hình.

Chương 61.— Cách ngôn: **Bệnh đã lâu không nên thông lợi tiểu-tiện ; Bệnh mới khỏi không nên thu vít lại. Chứng mặt đỏ, tả mà khát cấm dùng thuốc nóng, chứng tả lâu mà khát kiêng dùng thuốc lạnh,**

Tìm sách

Câu trên là cách ngôn chữa chứng tả. Nội-kinh nói: « Mọi chứng tiết tả thì tiểu-tiện không lợi », cho nên chữa chứng tả cần ở lợi tiểu-tiện. Nhưng đã lâu tân dịch đã kiệt, thời lại không nên cho lợi tiểu tiện. Còn chứng tả mới khỏi mà không có bệnh gì khác nữa thời kiêng dùng vị bồ để vít lại. Hơn nữa đi tả mà mặt đỏ khát nước, đó là chứng nhiệt tả, lại cấm dùng thuốc ôn bổ. Tả lâu mà khát là âm hư mà tân-dịch háo kiệt, thì kiêng dùng vị thuốc thanh lương.

Theo ý tôi chữa chứng tả vẫn nên lợi tiểu-tiện, nhưng có khi dùng thuốc lợi tiểu-tiện mà một giọt cũng không đi được. Thì lại vì phế khí không vận hành được hay là vì mệnh-môn-hỏa suy mà khí không hóa đi được, trường hợp như trên, lại phải thông biến mà chữa.

Còn như tả mà phát khát là vì thủy khô ráo thời không cứ hàn hay nhiệt.

Hơn nữa, chứng hàn tả mười người đến tám, chín người, mà chứng nhiệt tả chỉ có một hai người. Chứng nhiệt tả thời mình nóng sợ nóng, mặt đỏ khát uống nước lạnh, đi tả như rót nước hay là đi thẳng ra, mạch thời « hồng, sắc » mà có lực, trạng thái như trên mới nên dùng thuốc mát, bằng không thì giết người như trở bàn tay.

Chương 62.— Cách-ngôn : **Chữa chứng thấp mà không thông lợi tiểu tiện là không phải phép chữa.**

Chứng thấp do thủy sinh ra, nên phép chữa phải ráo chứng thấp mà phải lợi tiểu tiện, nhưng chỉ là một phép

Tìm sách

mà thôi, vì trong chứng thấp có chia ra hàn, nhiệt, theo về dương là nhiệt mà theo về âm là hàn.

Nếu là thấp nhiệt thời lợi tiểu tiện là phải, nếu là hàn-thấp thời phải ôn bổ hạ-tiêu, lại có phép thuốc phong chữa được chứng thấp, nhưng đó là thực tà, mà không phải là thuốc chữa cho người hư yếu, người làm thuốc chớ theo một biệt.

Chương 63.— Cách ngôn : **Chứng tích mà hư tất là có hàn, chứng tỳ hư phải bổ đến gốc.**

Cổ thư có nói: « Người khỏe không có chứng tích-tụ, thời chứng tích bởi ở người yếu, người yếu thời hàn, không ôn bổ không được. Tỳ là kinh thái-âm thấp-thổ mà do tướng-hỏa ở kinh thiên-dương sinh ra, nếu yếu thời bổ tận gốc, để ở dưới có sức nóng, mới nung nấu mà vận hành được.

Chương 64.— Cách ngôn : **Khí dư ra là hỏa, cho nên giáng hỏa, phải dẹp khí xuống, huyết không đủ thời âm hư mà bổ âm ở chỗ thêm chân thủy.**

Khí là hỏa mà hỏa là khí, khí ngược thời hỏa bốc lên, cho nên giáng hỏa phải nén khí trước. Khí thuận thời hỏa tự giáng. Huyết là âm, mà âm là thủy, huyết không đủ thời âm hư, cho nên bổ âm phải cần giúp chân thủy.

Chương 65.— Cách ngôn : **Vị hương-phụ, vị sa-nhân là rất báu cho đàn bà, vị thung-dung, vị hoài-sơn là rất báu cho đàn ông.**

Tìm sách

Đàn bà tính thiên lệch hay uất, nên chữa bệnh phải kèm thêm chữa uất, mà vị hương-phụ để khai uất, vị sa-nhân để phá trệ, nên cần cho đàn bà. Đàn ông ít người bớt được tinh-dục, mà vị thung-dung để bổ tinh, vị hoài-sơn để bổ thận nên rất cần cho đàn ông.

Chương 66.— Cách ngôn : **Ra mồ-hôi quá thời tạng tâm hư, uống thuốc hạ quá thời tạng tỳ tổn hại.**

Mồ hôi là tên riêng của huyết. Cổ thư có nói : « Ra mồ-hôi nhiều thì không có huyết », vì thế phát hãn quá thì tạng tâm hư. Ta thường thấy sau khi ra mồ-hôi nhiều, thời hay kinh sợ, hơn nữa, thời gân ráo mà co lại, có khi thất huyết hay vong âm. Dạ-dày để chứa thức ăn uống, tạng tỳ để vận hành, nên uống thuốc hạ quá nhiều thời tỳ-vị trống không, ta thường thấy uống thuốc hạ rồi mà chân tay giá lạnh, là chứng triệu tỳ vị bại mà vong dương.

Chương 67.— Cách ngôn : **Chữa chứng âm phải cứu dương trước, chữa chứng thương hàn phải cứu âm trước**

Hàn tà vào thẳng âm Kinh thời bốn chân tay giá lạnh, hoặc thổ hoặc đi cầu mà no đầy mặt xanh, móng tay đen, cấm khẩu mắt trừng trừng, như thế là có cơ vong dương, phải ôn bổ ngay để hồi dương. Còn chứng thương hàn thời phải cứu chân âm. Câu cách ngôn ấy thực là bất dịch, vì hàn thời hại chân huyết, lại ngưng chân huyết, huyết tổn thời âm hư, lại tà khí ở lâu, chính khí uất ở trong mà thành ra nội nhiệt, càng nhiệt thời âm càng hư, có khi mặt sạm lưỡi đen, mình như cái khô,

Tìm sách

vậy âm vong ở dưới, dương thoát ở trên mà không thể chữa được.

Tôi chữa chứng tà khí có một bí quyết, không cứ gì sốt thương hàn, hễ thấy những chứng cảm mạo, mà phát sốt, thời dùng nhiều thuốc bổ huyết, và một số ít thuốc để đối chưng, hoặc để phát hãn, hoặc để thanh giải, không chấp nệ tà khí đã truyền vào lục-kinh là những Kinh nào, mà được công hiệu ngay, thế là để phòng chứng âm hư ngay từ lúc trước, đó là tự tôi nghĩ ra, mong các bạn cùng để ý.

Chương 68.— Cách ngôn : **Huyết là hữu hình, không thể sinh hoa được chóng, khí là vô hình phải cần giữ cho vững.**

Dương-hoa dễ cứu mà chứng âm thủy khó cấu, vì thế trong khi huyết bang, huyết thoát, không dùng thuốc bổ huyết, chỉ cho uống một vị sâm là khỏi, là vì huyết thoát thời bỏ khí, để vô hình sinh ra hữu hình, vả lại, âm huyết mất thời dương cũng sắp thoát, nên giữ ngay chân dương lại.

Tôi nghĩ rộng được một bí quyết, chữa chứng nhiệt, không nên để nhiệt khói hẳn, hãy xét vị-khí mạnh hay yếu, nếu mạnh thời thanh nhiệt cho thật khỏi cũng không ngại gì, nếu yếu thời khí nóng đỡ được một hai phần, đã thêm thuốc bổ dương để giữ lấy vị khí, vị khí mạnh dần, thời lại đem thuốc bổ âm để thanh nhiệt, như vậy thì vị khí không tổn chút nào mới là kế vạn toàn. Tôi đã bàn chứng âm hư khó bổ ở *Đào-Lưu*, người học thuốc nên xem kỹ.

Tìm sách

Chương 69.— Cách ngôn : **Mọi chứng hư nên dùng vị nhân sâm, cũng như người phải nhờ đến cốc khí (thức ăn).**

Sách Tĩnh được khen công dụng của nhân-sâm đứng đầu các vị thuốc có thể vãn hồi được nguyên khí, vì thế uống nhân-sam, cũng như đói khát mà được ăn uống.

Chương 70.— Cách-ngôn : **Hỏa nhờ khí ở ngũ tạng, đờm nhờ tân-dịch ở nám thức ăn, khí dư ra là hỏa, tân dịch dư ra là đờm, khí sinh ra hỏa, hỏa sai khiến được đờm, vạy chữa chứng đờm tất phải giáng hỏa, chữa chứng hỏa tất phải thuận khí.**

Cổ thư có nói : « Thấy đờm đừng chữa đờm, mới là thầy thuốc giỏi », là vì chữa đơm không gì bằng giáng hỏa, giáng hoả không gì bằng thuận khí, khí đã thuận thời hỏa giáng mà đơm tiêu.

Chương 71.— Cach ngôn : **Người già không nên giáng hỏa cho nhanh chóng, người hư yếu không nên dùng thuốc để trừ hết đờm.**

Người già dù có hỏa chứng cũng không nên thanh hỏa, huống chi là giáng hỏa, vì hỏa hết thời khí kiệt.

Cổ thư có nói : « Tân-dịch khô kiệt thời chết », mà dùng thuốc cho hết đơm tức là hết tân-dịch. Nna Đạo-sĩ có nói : « Nhổ xa không bằng nhổ gần, nhổ gần không bằng không nhổ » (nhổ nước) vì tân-dịch cũng là gốc sinh ra người, lại không nên trọng hay sao ?

Tìm sách

Chương 72.— Cách ngôn : **Chân âm là thận thủy, mà không phải là huyết của tâm can, chân dương là mệnh hỏa, mà không phải là khí của tỳ phế, vì giúp cho thận thủy, trọng vị thục-địa mà không dùng đến vị xuyên-khung, vị xuyên-quy, bổ cho mệnh hỏa trọng vị nhục quế, mà không dùng đến vị hoàng-kỳ, vị bạch-truật.**

Người không hiểu cho huyết khí là âm dương, mà không biết huyết của hậu-thiên là về tâm, can, lại gốc ở chân âm trong tạng thận về tiên thiên. Khí của hậu-thiên là tỳ phế lại gốc ở mệnh-hỏa trong tạng thận về tiên-thiên, những vi thuốc kể trên là thuốc bổ về khí huyết mà không phải thuốc bổ về âm dương, thời không nên uống lẫn vào.

Chương 73.— Cách ngôn : **Khí hư ở trong thời không thể đạt ra biểu, không bổ khí sao giải được cơ thể ; Huyết hư ở trong không thể hóa được tân-dịch, không bổ huyết sao sinh được mồ-hôi.**

Khí hư thời hãm trở xuống, không thăng dương khí sao giải được ngoài biểu. Mồ hôi là tên riêng của huyết, không bổ huyết sao ra được mồ-hôi.

Chương 74.— Cách ngôn : **Tà ở ngoài biểu không nên công ở trong lý phép chữa hoặc phát tán, hoặc thanh giải, hoặc ôn để tán đi, hoặc mát để tán đi, hoặc ôn ở trong, để đẩy tà khí từ trong lý trở ra, thế là không tán mà là tán, hoặc rút chân âm để tán tà, như thể mây bốc lên thành mưa.**

Tìm sách

Câu cách ngôn kể trên là diệu pháp của Ông Cảnh-Nhạc, thần diệu ở chỗ không tán tà mà tà tự tán ra, lấy thuốc bổ để công phạt thực là vương đạo, dùng thuốc ôn trung là theo dương để dẫn âm, dùng thuốc giúp chân âm để dẫn dương.

Chương 75.— Cách ngôn : **Thêm chân âm nên xa vị khổ hàn, để khỏi hại vị-khí ; Thêm chân dương nên xa vị tân tán, để khỏi tiết dương khí.**

Vị thuốc thanh lương mới giúp được chân âm, vị thuốc cam ôn mới giúp được chân dương, nếu là vị khổ hàn (đắng mà lạnh) lại hại vị-khí, là vị tân tán thơi lại tiết nguyên khí, nhà làm thuốc phải châm chước.

Chương 76.— Cách ngôn : **Chữa chứng phong đừng dùng vị thuốc ráo quá ; Thanh chứng thử-tà không nên dùng thuốc hạ. Người sản hậu kiêng vị thuốc hàn-lương, bệnh trệ hạ kiêng vị thuốc bê vít.**

Chữa chứng phong phải bổ huyết trước, nếu dùng thuốc rao quá thơi lại hại chân huyết. Chứng thử nhiệt đã hại chân khí, nếu dùng thuốc hạ thời tổn đến vị-khí. Chứng sản hậu là hư hàn thời phải dùng thuốc ôn bổ, chứng trệ hạ tức là chứng lỵ bởi tích lại mà thành, dù thay đi cầu rặn nhiều, cũng phải hòa huyết hành khí mà rất kiêng vị bê vít.

Chương 77.— Cách ngôn : **Dương dư ra mà lại dùng dương dược, thời dương càng thịnh mà âm càng tiêu ; Dương không đủ mà lại dùng âm dược, thời âm càng thịnh mà dương phải diệt.**

Tìm sách

Thầy thuốc tầm thường không hiểu hư thực, mà lại bổ cho chứng thực, hay là làm yếu cho người đã hư, yếu thời dương vượng quá mà âm tiêu, âm thịnh quá mà dương diệt.

Chương 78.— Cách ngôn : **Vì bệnh thành đàm không phải vì đàm thành ra bệnh như vậy có phải đàm bởi hư yếu hay không ? cho nên không nên công phạt tẩm mà chữa đàm phải ôn tạng tì, mạnh tạng thận, thời chứng đàm tự nhiên khỏi.**

Nhân bệnh sinh ra đờm mà không phải đờm sinh ra bệnh đã là bệnh tất là hư yếu, thận thủy hư thời không sinh ra huyết mà sinh ra đờm, tỳ thổ hư thời không vận hóa được mà sinh ra đờm, vậy chữa chứng đờm phải để ý đến tỳ thận mà không nên công phạt.

Chương 79.— Cách ngôn : **Nhiệt hơn lên thời âm phận phải yếu, vì thế chữa chứng nhiệt phải theo huyết phận ; Hàn hơn lên thời dương phải yếu, vì thế chữa chứng hàn phải theo khí phận.**

Nhiệt thời hại dương khí. Chữa chứng nhiệt nên bổ huyết là giúp chân âm để cân với chân dương. Hàn thời hại chân dương, chữa chứng hàn nên dùng thuốc tân ôn, thêm chân dương để chế chân âm đi, nhưng là khí huyết hữu tình, thời dùng thuốc khí huyết để điều bổ. Nếu hại đến căn bản, thời lại phải thêm chân thủy giúp chân hỏa mới được thành công.

Tìm sách

Chương 80 — Cách ngôn : **Chứng bệnh hữu hình có khi khó chữa, phải tìm đến chỗ thủy hỏa vô hình mới chữa được.**

Những bệnh hư yếu quá biến chứng một trăm thứ, có chứng sách không nói đến, gặp trường hợp ấy, chỉ nên dùng bài *lục-vị* bài *bát-vị* để giữ lấy căn bản, thời chứng bệnh vô hình tự khỏi.

Chương 81.— Cách ngôn : **Bệnh có hình mà không đau là loại dương, bệnh vô hình mà đau là loại âm.**

Vô hình mà đau là dương hoàn toàn mà âm thụ thương, phải trợ ngay âm phần mà không để hại đến dương phận. Có hình mà không đau là khí dương vẫn đủ mà khí âm thụ thương, nên chữa ngay về dương phận mà không hại đến âm phận.

Câu trên là phép chữa ung-thư. Nội-kinh nói : « dương chủ về hình mà âm chủ về đau », mọi chứng ung-thư có hình là dương chứng mà có đau là âm chứng, về dương chứng thì cứu dương, về âm chứng thì cứu âm.

Chương 82.— Cách ngôn : **Chứng bổ hay đầy mệnh mạnh (thực-bổ, thực-mãn) mà người còn mạnh thì nên tán nên tiêu ; còn người đã hư yếu thì phải đại bổ mới xong.**

Chứng thực thời tả mà người hư yếu thời bổ là lẽ thường. Cổ thư có nói : « Người khỏe không có chứng tích », lại nói : « lúc mới thụ bệnh nên phân trong hay

Tìm sách

ngoài, bệnh đã lâu đều là hư yếu », chứng bĩ hay đầy phần nhiều là người hư yếu, trừ phi bệnh mới phải hay tạng thực, mới công hay tả được.

Chương 83.— Cách ngôn : **Thấy nguyên-dương không đủ là khí hư ở trong, dù có tà ở ngoài cảm vào cũng là giả nhiệt mà thôi. Không nên dùng thuốc hàn lương, để khí càng kém thời tà càng mạnh lên.**

Đem thuốc hàn để chữa chứng nhiệt là chữa theo đường thẳng ; đem thuốc nhiệt để chữa chứng nhiệt để lựa theo mà chữa, vì rằng bệnh chứng có nhiều giả tượng, cổ thư có nói phải lấy nguyên khí làm chủ mà không cứ chứng ở ngoài.

Chương 84.— Cách ngôn : **Dùng thuốc nhiệt đừng nên tránh vị nhiệt quá, dùng thuốc hàn đừng nên tránh vị hàn quá.**

Câu trên là nói dù thuốc nhiệt hay hàn đều không nên dùng quá, cũng như câu mùa hạ nên xa vị quế, vị phụ-tử, mùa đông nên xa vị hoàng-cầm vị, hoàng-liên.

Chú giải : Câu cách ngôn và lời giải của tác giả sai nghĩa nhau.

Chương 85.— Cách ngôn : **Muốn xét bệnh phải xét đến vị-khí, muốn chữa bệnh phải để ý đến vị khí, nếu vị-khí không tổn hại thời không đáng lo.**

Nội-kinh nói : « Bệnh nhân có vị-khí thời sống, bằng

Tìm sách

không thời chết », lại nói : « Vị khí đã bại dù trăm thứ thuốc cũng khó chữa », vì rằng vị-khí là hóa nguyên cho hậu-thiên. Tôi thường thấy chứng sốt âm chưng chưng, mà ăn kém khi đoản thời dùng ngay dương dược để cứu lấy vị-khí, tôi thường bàn có khi bổ thận không cần bằng bổ tì, vị, ở cuốn *đạo-lưu*.

Chương 86.— Cách ngôn : **Chứng sưng nhiều độc khí nhiều mà không tìm đến chỗ chân âm chân dương ở tiên-thiên, thì không thể chữa được, chứng sưng nhọt nhỏ mà không tìm trong khí huyết tì vị ở hậu thiên, cũng là vô ích.**

Câu trên là nói phép chữa sang nhọt nhưng chứng bệnh nào cũng vậy. Cổ thư có nói : « chữa đại bệnh mà bỏ thủy hỏa, chữa bệnh thường mà bỏ khí huyết thì không thể được. »

Chương 87.— Cách ngôn : **Chứng tả vì nhiệt không nên cho uống thuốc ráo ; Chứng thương-hàn người sốt không nên cho uống thuốc quá mát.**

Nội-Kinh nói : « Mọi chứng ọe ngược lên đều thuộc về hỏa, » lại nói « chứng đau bụng mà đi tả về nhiệt là hỏa mạnh quá. » Vì thế, chứng thổ tả mà thấy người nóng mạch hồng và thực, không nên dùng thuốc bế sáp. Là sợ rằng đem hỏa để giúp hỏa. Chứng thương hàn người sốt là hàn tà vít lại, khí uất ở trong thì tức là nội-hỏa mà không phải hỏa ở ngoài. Vì thế, không nên thấy nóng mà cho uống thuốc mát, sợ rằng lấy hàn thêm cho hàn.

TimSách

Chương 88.— Cách ngôn : **Lẽ của trời đất là dương tóm được âm, huyết theo về khí, cho nên chữa chứng huyết phải lý hội đến khí. chứng huyết thoát phải thêm cho khí.**

Dương sinh thời âm lớn, chứng huyết thoát chỉ uống một vị nhân-sâm là chuyên trọng về khí. Trong khi chỉ còn dây tóc.

Chương 89.— Cách ngôn : **Xét về nguyên nhân, tìm xem thuộc về chứng gì, tránh lúc bệnh dương thịnh, nhân chỗ suy yếu, yên chính khí, hóa tà khí, để hoàn nguyên mà hơn lúc chưa ốm.**

Đây là Nội-kinh nói về phép chữa bệnh, xét bệnh bởi đâu mà thuộc về khí hay huyết, tránh lúc bệnh đương cường, nhân chỗ tà khí yếu mà chữa, giúp cho chính khí để hóa tà khí, như thế mới hoàn nguyên mà bệnh khỏi rồi lại mạnh hơn lúc trước.

Chương 90.— Cách ngôn : **Nhiệt thắng thời sũng, hàn thắng thời phù. Sũng là chứng thực, phù là chứng hư, nhiệt hại đến phế, phế khí không có tiết độ cho nên sũng ; Hàn hại về huyết, hàn ngưng chân huyết, cho nên cơ nhục sinh phù.**

Chú giải : Thịt sưng lên ấn xuống trũng mà không bồng lên là sũng, bồng ngay lên là phù.

Chương 91.— Cách ngôn : **Hư hay thực là gốc của bệnh, bổ hay tả là phép chữa bệnh.**

Tà khí mạnh thời gọi là thực, chính khí yếu thời gọi là hư, bổ hay tả đều là giúp chính khí để trừ tà khí.

Tìm sách

Chương 92 — Cách ngôn : **Tìm mồ-hôi ở chân huyết, sinh ra khí ở tinh, thế là theo dương để dẫn âm, không phải là nghĩa cần thủy ở trong hỏa hay sao ?**

Nội-kinh có nói : « Thêm chân huyết mới có thể ra mồ-hôi ». nhưng không thăng dương khí cũng không đạt được ra ngoài biểu. Tinh vốn là có hình mà sinh ra không hình, khí vô hình là dương, tinh có hình là âm, cho nên nói là theo dương để dẫn âm. Ta thử xem người và vạn vật không có nóng thời không có khí, lại như dẫn hỏa về chỗ, nạp khí về tạng thận, là theo âm để dẫn dương, không phải là nghĩa cần thủy ở trong hỏa hay sao ?

Chương 93 — Cách ngôn : **Nóng thời hại khí nhưng ghét hỏa là nóng, mà trừ đi cho hết, thời hỏa hết mà khí tuyệt, vậy khí tức là hỏa có thể công phạt mạnh đi được không ?**

Hư hỏa vẫn không có thủy, nên bổ thủy để cân với hỏa. Nếu chỉ trừ chân hỏa để lấy lại chân thủy, thời thủy đã thiếu, mà hỏa cũng mất nốt, vậy chỉ bồi bổ cho chỗ thiếu là xong. Nếu chỉ thanh hỏa, giáng hỏa, tả hỏa, phạt hỏa, lại bảo là nén chân dương để giúp chân âm, một khi dương khí hết, thời không thể sống được.

Chương 94.— Cách ngôn : **Dương của tiên-thiên hư yếu thời bổ mệnh-môn, âm của tiên-thiên hư yếu thời bổ thận thủy.**

Chân dương suy kém, thời thiếu-hỏa biến ra tráng-hỏa, nên dùng nhục-quế, phụ tử, để dem hỏa về chỗ. Nếu chân âm suy kém, thời hỏa bốc lên, phép chữa lại phải mạnh cho chân thủy.

Tìm sách

Chương 95.— Cách ngôn : **Bốn mùa đều phải lấy vị-khí làm gốc, chứng thương hàn sắp nguy, phải xem mạch xung-dương, để định sự sống chết.**

Mạch « xung-dương » thấy còn là sống, nếu không thấy thời ngồi để đợi chết, mạch xung-dương tức là mạch của dạ-dày (vị-mạch) có mạch là có vị-khí, không có mạch là không có vị-khí.

TìmSách

THIÊN Y-HUẤN (Phép dạy làm thuốc)
(gồm 33 chương)

Chương 1.— Cách ngôn : **Ông Vương Thái-Bậc có nói : người làm thuốc học chưa được tinh, đem thuốc nhiệt để chữa bệnh hàn, đem thuốc hàn để chữa bệnh nhiệt, nhưng chữa nóng chưa dứt mà bệnh lạnh đã sinh, chữa hàn chưa xong mà bệnh nhiệt lại khởi, rồi sau chữa bệnh hàn lại sợ thuốc nhiệt, chữa bệnh nhiệt lại sợ thuốc hàn, thúc thủ không biết làm thế nào, thế là không biết lẽ hàn nhiệt ôn lương ở trong tạng phủ.**

Câu trên là gương lớn cho nhà làm thuốc, vì thầy thuốc kém, thấy bệnh thì trị bệnh, không biết tìm đến nguyên nhân. Nội-kinh nói : « Thêm dương khí cho tạng tâm thời chứng hàn cũng khỏi, mạnh âm khí cho tạng thận thì chứng nhiệt cũng trừ », thế là không chữa hàn mà trừ được hàn, không chữa nhiệt mà giải được nhiệt.

Chương 2.— Cách ngôn : **Bệnh nhân 10 đến 9 người hư yếu, sao thầy thuốc trăm người không bổ cho 1 người.**

Khí vận mỗi đời một kém, thời con người bẩm sinh, mỗi ngày một yếu dần, chứng hư nhiều mà chứng thực ít.

Chương 3.— Cách ngôn : **Biểu lý, hàn nhiệt, hư thực, là then chốt cho nhà chữa thuốc.**

Tìm sách

Người ta hàng bách bệnh, nhưng không ở ngoài biểu thời là ở trong lý, không phải hàn thời là nhiệt, không phải thực thời là hư, vậy phép chữa, chứng biểu thời tán đi, chứng lý thời hòa đi, chứng hàn thời ôn, chứng nhiệt thời thanh, chứng hư thời bổ, chứng thực thời tả cho vợi đi. Sáu điều ấy là then chốt cho nhà làm thuốc.

Chương 4 — Cách ngôn : **Cổ thư có câu : Thấy đờm đừng chữa đờm, thấy huyết đừng chữa huyết, không mồ-hôi đừng phát hãn, có nóng đừng công nhiệt, chứng suyễn chớ háo khí, di-tinh đừng vít lại, biết được những lẽ trên, mới là thầy thuốc giỏi**

Hỏa giáng thời đờm tiêu, mà không phải chữa đờm, thuận khí thời huyết tĩnh, mà không phải chữa huyết ; bổ huyết thời ra mồ-hôi mà không phải phát hãn, bổ thủy thời khỏi nóng mà không phải chữa nhiệt, dẹp khí xuống thời khỏi suyễn, mà không phải háo khí, còn chứng di tinh, thời không phải uống thuốc vít lại, chỉ liễm tạng thận là xong, như vậy là chữa bệnh tìm đến căn bản.

Chương 5.— Cách ngôn : **Người ta chỉ biết cần ở chữa bệnh, mà không biết cần ở chữa mệnh**

Chỉ chữa chi tiết của bệnh, mà không biết chữa căn bản để cứu lấy sinh mệnh, là thói thường của nhà làm thuốc. Tôi gặp chứng âm vong, dương-thoát, chỉ cấp cứu lấy vị-khí, dù có nhiều tạp chứng, cũng không kiếm bệnh trị bệnh, là vì vị-khí không tổn hại thời các bệnh đều không đáng lo, khi vị-khí đã lấy lại được, dương hư thời bổ dương, âm hư thời bổ âm, rồi lại bổ âm để

TimSách

tiếp dương, bổ dương để tiếp âm, nghĩa là trong thuốc bổ dương mà có thêm âm dược, trong thuốc bổ âm có thêm dương dược.

Chương 6.— Cách ngôn : **Khí huyết âm dương của người đã không giống nhau, thời biểu, lý, hàn, nhiệt của chứng bệnh, đâu có như nhau được.**

Người ta có người khí hư, có người huyết hư, có người âm hơn dương, có người dương hơn âm, bệnh có chứng ở biểu, chứng ở lý, chứng hư hàn, chứng thực nhiệt, sao người chữa bệnh lại đem những bài thuốc nhất định tự ngàn xưa, để chữa hàng trăm thứ biến chứng.

Chương 7.— Cách ngôn : **Biến chứng của bệnh tuy nhiều, nhưng chỉ có một lẽ, bài thuốc tuy nhiều, nhưng chỉ ở đối chứng**

Bách bệnh không ngoài ở âm dương khí huyết. Bài thuốc từ trước tuy nhiều nhưng cần ở hợp bệnh.

Chương 8.— Cách ngôn : **Ông Vương-Ứng-Chấn có nói : Một điểm chân dương ở trong quẻ « khảm », tức là tạng-thận muốn cho vững chắc phải dùng những vị cam ôn, mà vị thuốc hàn lương không thể bổ được.**

Chân dương tức là mệnh-môn long-hỏa, vốn là sợ hàn, hỏa ấy gặp thủy càng bốc lên, gặp âm càng dồng lên, vậy muốn cho vững chắc, chỉ có vị nhục-quế là cam ôn mới lựa được tính mà bổ, mà không bổ được bằng những vị hàn lương như « tri-mẫu » hoàng-bá.

Tìm sách

Chương 9 — Cách ngôn : **Các chứng bệnh dùng thuốc mạnh để át đi, đều không phải là hoàn thiện**

Cổ nhân nói : « Dùng thuốc như dùng binh », người đem binh đánh chỗ bên địch suy yếu, mà người chữa thuốc nếu đánh vào chỗ tà khí đương mạnh, thời không được hoàn toàn.

Chương 10 — Cách ngôn : **Người ta chỉ biết khí là dương, huyết là âm, chỉ biết ngũ tạng là âm, lục phủ là dương, chỉ biết tạng thận là quẻ khảm thuộc hành thủy, tạng tâm là quẻ ly thuộc hành hỏa, mà không biết gốc của khí huyết và chân âm chân-dương chân-thủy chân-hỏa.**

Làm thuốc có chia ra Vương-đạo, Bá-đạo. Vương-đạo là đường lối ngay thẳng, bá-đạo tức là thuật chữa tắt đi. Vương đạo chữa về căn bản, mà bá-đạo là kiếm bệnh trị bệnh, mà không biết chân-âm tức là chân-thủy mới là gốc của huyết, chân dương tức là chân-hỏa mới là gốc của khí, đó là căn bản để lập mệnh, nhà làm thuốc phải để tinh thần về chỗ ấy.

Chương 11 — Cách ngôn : **Dùng thuốc bồi bổ mà bệnh không thấy tăng thời tức là đã giảm, dùng thuốc công phạt mà bệnh không thấy giảm thời tức là tăng lên.**

Nội-kinh có nói : bệnh thực mới chịu được thuốc hàn, bệnh hư thời chịu được thuốc nhiệt, nhưng thuốc để công phạt thời công hiệu chóng, thuốc để bồi bổ thời công hiệu chậm, cho nên bổ mà thấy bệnh không tăng là không có thực tà, công mà thấy bệnh không giảm là chính khí hư yếu.

Tìm sách

Chương 12.— Cách ngôn : **Phép chữa chứng hư yếu, nên bồi bổ chỗ không đủ, mà không nên công phạt chỗ dư ra, vì một bên đã yếu mà lại công cả bên dư ra, thì hai bên đều hại**

Thủy không đầy đủ là vì hỏa đã dư ra, nên bổ thủy để chế hỏa ; Thấy thủy dư ra là vì hỏa không đầy đủ, thời nên bổ hỏa cho cân với thủy, nếu thấy hỏa dư ra mà phạt chân hỏa, thấy thủy dư ra mà làm giảm chân thủy, thời thủy hỏa đều hại.

Chương 13.— Cách ngôn : **Dù thuốc hàn hay nhiệt, uống lâu thời một bên tăng lên, là nguyên nhân làm cho chết trẻ.**

Phép chữa trúng bệnh thời thôi, bổ quá còn không được, huống chi công phạt quá, vậy thuốc hàn hay nhiệt, dùng lâu thời một bên thắng lên, tức là tăng khí thời thành ra chết trẻ, nên ta thường nói : Uống nhiều vị hoàng-liên thời lại nóng, uống lâu vị mộc-hương thời lại trệ.

Chương 14.— Cách ngôn : **Không bổ cho chứng hư yếu hiện có, mà chỉ chữa về chứng tà khí vô hình, nếu không đúng bệnh thì chính khí càng bại.**

Cổ thư có nói : « Biết được ngọn mà chữa gốc, thời chữa ngàn người không lầm một người », gốc tức là chữa về chỗ hư yếu, người làm thuốc không biết tà khí cảm vào, là vì chính khí hư yếu, chỉ kiếm bệnh trị bệnh, nếu đúng bệnh thời không hại gì, bằng không thời tỳ vị là chỗ chiến trường để tà khí làm hại thêm chính khí.

Tìm sách

Chương 15.— Cách ngôn : **Đem vị thuốc hữu hình mà vô tình, để chữa cho nguyên khí vô hình mà hữu tình, muốn không hại người có thể được hay không ?**

Vị thuốc thảo mộc là hữu hình mà vô tình, nguyên khí là vô hình mà hữu tình, thầy thuốc kém không biết tiến đến nguyên khí lại dùng vị thuốc vô tình để sinh ra hữu tình, thế là chữa thuốc để trừ bệnh, mà lại thêm tai họa.

Chương 16.— Cách ngôn : **Chứng suy thoát đã hiện rõ, mới bàn đến thuốc bổ, thời sợ không bổ kịp.**

Người làm thuốc không tinh trước, sợ vị hàn lại sợ vị nhiệt, đến nỗi bệnh nhân âm vong dương thoát, mới bàn đến dùng thuốc bổ, thời đã quá chậm, thí dụ chứng giả-nhiệt mà cho là thực-nhiệt, dùng mãi thuốc hàn-lương, đến nỗi ở trong thành ra chứng chân hàn, chân ra mồ-hôi, chân tay giá lạnh, thế nguy thoát hiện rõ, mới cho uống nhân-sâm, phụ-tử, thời dương khí trơ vơ (cô dương) còn cứu vãn sao kịp.

Chương 17.— Cách ngôn : **Bổ là bù vào chỗ thiếu.**

Bổ có chia ra bổ thiệt mạnh, bổ cho điều hòa, bổ cho thấm nhuần, bổ mà phải tiếp, nghĩa là bổ bên nay mà còn tiếp thêm cả bên kia, nếu không biết phép bổ, thời có khi tăng khí mà chết non như đã kể ở trên.

Chương 18.— Cách ngôn : **Đã biết mọi chứng bệnh đều nhân hư yếu mà cảm vào, thời nên lấy chính khí làm gốc mà tà khí làm ngọn.**

Tìm sách

Nội-kinh có nói : « Khí âm hòa bình, khí dương bí vít, thời bịnh không đến được, vì thế nhà làm thuốc, nên giúp chính khí mà chỉ thêm vị để trừ tà khí. Cổ thư có nói : « Biết được ngọn thì chữa gốc » chính là lẽ ấy.

Chương 19.— Cách ngôn : **Chữa chứng hư đầu không thể chóng, cũng không thể khéo được.**

Chữa chứng hư yếu quá, trước hết phải bổ thật mạnh, rồi đến đại bổ, rồi đến điều bổ, sau đến tư bổ, nghĩa là trước bổ mạnh rồi sau nhẹ dần đi. Nhưng bổ dương chóng mà bổ âm chậm. Cổ thư có nói : Dương hỏa dễ cứu, mà âm thủy khó tìm, vì chứng âm hư thời tinh huyết khô ráo, sáu bộ mạch « phù và xác », người làm thuốc dùng dương dược để sinh âm, hoặc giúp âm để hóa dương, mà không thể thành công được nhanh chóng.

Chương 20.— Cách ngôn : **Chứng âm hư khó bổ được, chứng tích tụ đã lâu khó trừ được.**

Những bệnh làm khó cho thầy thuốc : Chứng âm hư thời ở trong nóng chưng chưng, nếu dùng âm dược để cứu chân thủy, thời tỳ vị yếu mà kém ăn, nếu dùng dương dược để bổ tỳ thổ, thời âm phận càng ráo, thật là hai bên đều khó ; còn bệnh tích khối, ở trong bụng tuy thở ngắn ăn kém, nếu dùng thuốc phá tích, thời người lại mệt thêm mà nguyên khí hại trước, nếu dùng thuốc bổ thời tích khối tăng lên, thế là công thời hư mà bổ thời trệ, không biết đàng nào mà trở tay.

Chương 21.— Cách ngôn : **Chứng bệnh là thực mà mạch cũng thực, thời công tà để chữa ngọn ; Chứng**

Tìm sách

bệnh là hư mà mạch cũng hư, thời bổ chính để chữa gốc

Chứng bệnh thực nên tả cho vợi đi, chứng hư thời bổ vào vẫn là lẽ thường, nhưng mạch là làn sóng cho khí huyết, đã xem chứng mà còn phải căn cứ vào mạch, tôi có một phép riêng trước hết xem bệnh-nhân ngày thường mạnh yếu thế nào, và tuổi già hay trẻ, cảnh quý hay hèn, hoặc sản hậu hay bệnh-hậu, rồi xem đến 6 bộ mạch, nếu 6 bộ mạch đều vô lực, thời bệnh nhân dù có rất nhiều tạp chứng, cũng chỉ bổ hư để cứu lấy căn bản.

Nếu mạch có thần có lực mới chữa theo chứng thực, ta hãy xem ông Tiết-Lập-Trai có nói : « Người nguyên-khí hư yếu mà phát sốt đều là trong thực hàn mà ngoài giả-nhiệt », lại nói : « Nên cho nguyên khí là chủ mà chứng ở ngoài là khách ». Lại nói : « xét nguyên khí trước rồi mới xét đến chứng bệnh », như vậy đều là lấy nguyên khí làm kim-chỉ-nam để biết rõ hư thực.

Chương 22.— Cách-ngôn : **Bổ mà không thấy công hiệu, phần nhiều là chứng thực. Công mà không thấy công hiệu, phần nhiều là chứng hư.**

Chứng thực mới chịu được thuốc hàn, chứng hư mới chịu được thuốc nhiệt, là thực mới công được, còn hư thời phải bổ, cho nên bổ mà không công hiệu, là vì chứng thực không chịu được thuốc nhiệt ; công mà không công hiệu, là vì chứng hư không chịu được thuốc hàn.

Chương 23.— Cách ngôn : **Thà rằng đem phép chữa cho chứng không đầy đủ, để chữa cho chứng dư ra, còn hơn là đem phép chữa cho chứng dư ra để chữa cho chứng không đầy đủ.**

Tìm sách

Chứng hư phần nhiều lại có giả tượng như thể là thực ; Chứng thực phần nhiều lại có trạng thái yếu như thể là hư. Chứng thực mà bổ lầm thì tăng bệnh, chứng hư yếu mà lại công phạt thì chết oan, tăng bệnh thì cứu chữa được, mà chết oan thì không thể lấy lại được, vì thế tiên hiền cũng nói : « đánh lầm vì thuốc ôn bổ còn hơn lầm về thuốc hàn lương ».

Chương 24 — Cách-ngôn : **Luận bệnh cho đúng thời dù thuốc đại nhiệt hay đại hàn đều có ích cho bệnh nhân.**

Thầy thuốc gặp chứng bệnh lập bài thuốc chữa, thời sở kiến phải nhất định, gặp thực chứng không dùng thuốc hàn lương thời không trừ được tà khí, gặp chứng đại hư mà không bổ mạnh thời không cứu được sinh mạng, thế là đại công, hay đại bổ đều có ích cho bệnh nhân.

Chương 25 — Cách ngôn : **Xem bệnh phải xem nguyên khí rồi mới xét đến bệnh chứng.**

Chữa bệnh phải để ý về căn bản, mà căn bản là nguyên khí, rồi mới xét đến chi tiết của bệnh.

Chương 26.— Cách ngôn : **Thầy thuốc đời nay chỉ biết tà khí có hình mà không biết đến nguyên khí vô hình**

Hữu hình là triệu chứng của bệnh, vô hình là nguyên thần của người. Thầy thuốc thấy bệnh thời chữa bệnh mà không biết chữa sinh mệnh, phần nhiều thấy bệnh khỏi rồi mới dùng thuốc bổ, nhưng không biết để lâu mà trải qua những thuốc công phạt, thời không thể bổ được nữa.

Tìm sách

Cổ thư có nói : « hư bất thụ bổ » nghĩa là hư yếu quá không bổ được nữa.

Chương 27 — Cách ngôn : **Nên biết mọi chứng bệnh không ở ngoài chân-âm chân-dương, thời chữa bệnh cũng chỉ tìm ở trong chân-âm chân-dương, âm dương ấy là thiết yếu cho mọi nguy chứng.**

Chân-âm, chân-dương ở trong tạng thận, tức là chân thủy chân hỏa là gốc để lập mệnh. Cổ thư nói: « gặp chứng hư yếu phải giữ lấy tạng thận » vậy người làm thuốc mà không xét cùng đến thủy hỏa vô hình, không biết trọng dụng bài lục-vị, bài bát-vị là thần phương, thời y lý còn thiếu nhiều quá.

Chương 28 — Cách ngôn : **Thầy thuốc sở kiến không di dịch, mà nhà có bệnh cũng phải chuyên tâm, mới có thể thành công.**

Bồi bổ cho chứng hư yếu ví như nhà nghèo lập nghiệp không thể nhanh chóng được, vậy thầy thuốc phải kiên tâm đừng thay đổi ý kiến, một khi luận bệnh đã xác đáng. Nhà có bệnh không nên tin sự cúng lễ, và thay đổi thầy thuốc.

Chương 29 — Cách ngôn : **Ta phải biết, bệnh và sinh mệnh bên nào là khinh mà bên nào là trọng, chính khí với tà khí bên nào là hoãn mà bên nào là cấp.**

Bệnh chứng hữu hình có thể chữa thong thả, mà nguyên khí vô hình thời phải giữ vững lấy ngay, thế là bệnh chứng khinh và hoãn mà sinh mệnh trọng và cần cấp.

Tìm sách

Chương 30.— Cách-ngôn : **Ta thường gọi là phương pháp, thời phương là bài thuốc là thể, mà pháp là phép chữa là dụng ; biết cả thể dụng mới là thầy thuốc giỏi.**

Bài thuốc là thể không biến đổi, mà phép chữa lại biến hóa vô cùng mà không nhất định, vì phương là thành phương, mà pháp là biến pháp.

Chương 31.— Cách ngôn : **Diện mạo của mọi người dù khác nhau nhưng tạng phủ âm dương đều như một, danh từ của bách bệnh tuy khác nhau nhưng bất ngoại ở trong khí huyết.**

Tiên sinh họ Phùng có nói : « Đem phương pháp chữa một chứng bệnh, có thể suy rộng để chữa hàng trăm chứng bệnh vì người ai cũng có khí huyết, ai cũng có tạng phủ và âm dương », Nội-kinh có nói : « biết được yếu lĩnh thời một câu nói là xong, mà không biết thời man mác vô cùng ».

Chương 32 — Cách ngôn : **Người đời xưa dùng thuốc vừa đóng vừa mở là hợp nghĩa vừa bổ vít vừa vợi đi.**

Lẽ của trời đất vừa đóng vừa mở, vì không mở thời không đóng được mà không đóng thời không mở được. Đó là lẽ đầy rồi vơi (doanh, hư), tiêu rồi lại lớn (tiêu, trưởng), thăng rồi lại giáng, phù rồi lại trầm, nhà làm thuốc cũng bắt chước lẽ mở đóng kể trên, như bài *lục vị*, bài *bát vị* mà có vị trạch tả, để thấm xuống, bài *tứ-quân* có vị phục-linh để thấm xuống, bài *quy-tỳ*] có vị

Tìm sách

mộc-hương để dáng xuống, bài *tứ-vật* có vị xuyên-khung để hành đi, bài *tố-nguyên* có vị đang-tầm (bốc đen) để lợi tiểu tiện, bài *dưỡng-vinh* có vị trần-bì, vị ngũ-vị để vừa tiêu, vừa liễm, bài *bổ-trung* có vị thăng ma, vị sài-hồ để thăng phát, đều là lẽ ấy, vì không tả thời không thể bổ được.

Chương 33.— Cách ngôn : **Xem mạch để biết thực tính của tạng phủ, còn xét về chứng bệnh, thời nhiều giả tượng tựa như nhau :**

Mạch là khí trung hoà ở trong thân người hiện ra, thày thuốc căn cứ vào mạch để biết khí huyết âm dương, còn bệnh chứng là chi tiết, phần nhiều giả tượng tựa như nhau mà không thật đúng. Cổ thư có nói : « Xem mạch mới rõ được bệnh tình ».

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập CHÂU-NGỌC CÁCH-NGÔN

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

Thiên **Châu-ngọc cách ngôn** *dưới đây là Lê-Tiên-Sinh ghi lại những sáng kiến của mình về y-lý, hoặc phát minh thêm, hoặc để tiêu tan những thành kiến của người đời xưa vẫn ấn định, mà những sáng kiến ấy Tiên-Sinh đã kinh nghiệm.*

Vì thế, trước kia nhà làm thuốc dù chưa coi được toàn bộ sách y-tôn, cũng xen lấy 2 thiên Châu-ngọc.

Trong thiên Châu-ngọc, có phân ra nhiều chương, chương nào cũng có 2 câu cương đối nhau, rồi dưới giải thích rõ 2 câu cương kể trên, tôi cũng dịch theo như thế.

Sở dĩ không biên thành mục lục là vì câu cương ấy quá dài khó lòng ghi cho gọn lại nhưng cũng có ít đoạn mà dễ tìm hiểu. (bản chữ hán cũng không làm thành mục-lục).

Nhà làm thuốc muốn rõ về y-lý, thì thiên Châu-ngọc này không nên bỏ qua.

ngày 7 tháng 7 năm 1971

Dịch giả :

Đinh-Thụ : HOÀNG-VĂN-HOÈ

TimSách

Tiểu dẫn của tác giả

Đương thời tiết mùa hè, gió Nam mát mẻ, tôi ngồi ở Thư-Viện, chợt có một vị danh y đến chơi, tôi trầu nước khoản đãi. Vị ấy thấy trước bàn án của tôi có một tập sách mới viết, cầm xem một lượt và thong thả hỏi rằng : « Ông biết thuốc hay sao ? » Tôi đổi nét mặt trả lời : « Người trượng-phu nên đặt mình vào địa vị làm cho trên vua được hay, dưới dân được nhờ, nhưng tôi gặp lúc bất lợi, phải ở chỗ lâm-tuyền hẻo lánh, nhiều bệnh vì Lam Sơn Chướng Khí ; Vì thế các sách thuốc của người đời xưa, không bộ nào là tôi không xem đến, chỉ để chữa cho thân mình, cho nhà mình, đâu dám cao vọng chữa cho người ngoài ». Người khách hỏi rằng : « Tôi xem bộ sách này nói những câu mà người đời trước chưa nói tới, phát minh đến chỗ mà người đời xưa chưa phát minh, thực là lời nói kim-ngọc. »

Tôi thưa rằng : « Lẽ làm thuốc rất man mác, nhưng hợp lại chỉ có một lý, hơn nữa đọc sách cần ở cùng lý, bộ sách này của tôi, là ý kiến suy rộng ra, nay xin phiền Ông đặt tên cho bộ sách này, để tỏ là bạn tri kỷ. » Người khách vâng lời rồi cầm bút đề mấy chữ ở đầu là : « Châu-Ngọc Cách-Ngôn Thiên ». Rồi cáo biệt ra về.

Xong tôi chia cuốn này làm Thượng, Hạ 2 thiên, ngỏ hầu giúp cho những bậc cao minh về những chỗ chưa có thì giờ nghĩ tới.

Hải-Thượng Lãn-Ông Lê-Hữu-Trác
làm bài tiểu-dẫn trên đây.

TimSách

CHÂU-NGỌC CÁCH-NGÔN

Thiên Thượng

Chương 1.— **Hỏa mệnh-môn hay hỏa bạch-nhiễu, đều là tên của tướng-hỏa, nhưng gặp chứng phải chữa riêng.**

Bài Lục-Vị-Hoàn, bài Bát-Vị-Hoàn, đều là thuốc chữa tạng thận, nhưng trong có phân biệt.

Lời giải : Giữa hai quả thận là huyệt của mệnh-môn, gọi là long-hỏa, thụ bệnh phần nhiều bởi sắc dục quá độ, dương hỏa hư yếu, mà âm-thủy thịnh, long-hỏa ấy sợ hàn bốc lên, trên nhiệt dưới hàn mà hiện ra mọi chứng. Vì thế dùng bài bát-vị, để ôn bổ nơi của mệnh-hỏa, thời long-hỏa về chỗ. Cổ thư có nói : Dẫn hỏa quy nguyên, là lẽ ấy. Ở bên quả thận, bên phải có lỗ hổng trắng gọi là tướng-hỏa, phát ra bệnh, phần nhiều bởi lỗ hổng đen quả thận bên trái chân-thủy suy kém, hỏa không có thủy dẹp đi rông rỡ thành ra các chứng trên nhiệt dưới táo, cho nên dùng bài lục-vị để bổ thủy, thủy đã vượng, thời tự nhiên chế được hỏa. Cổ thư có nói : Tráng thủy để trấn dương-quang, là lẽ ấy.

Chỉ vì sách thuốc đều gọi là tướng-hỏa, là không rõ tuy đều gọi là hỏa, nhưng có lúc sợ lạnh mà bốc lên, thời phải dẫn hỏa như nói ở đoạn trên, có lúc khinh thường

Tìm sách

hàn lạnh mà chống cự, thời phải tráng thủy như nói ở đoạn dưới, đã không rõ trong tạng thận có hai huyệt, bên trái và bên phải, thời dùng thuốc lẫn lộn mà bổ thủy ở lúc hàn ngưng, bổ hỏa ở lúc nóng dữ, không phân biệt được cách dùng bài Lục-Vị, và bài Bát-Vị.

Chương 2.— **Hỏa đã hư lại thêm thủy : Long hỏa không có nơi để tàng thân, hỏa không quy nguyên thời dưỡng khí phải tuyệt ;**

Thủy đã kém lại thêm hỏa : Âm không có sức để liễm dương, thời dương không dựa vào đâu, mà khí cũng mất nốt.

Lời giải : Trong tạng thân âm thịnh, long-hỏa sợ âm hàn mà bốc lên, nếu không biết làm cho nơi của hỏa được ấm lên để dẫn hỏa quy nguyên, thấy ở trên nhiệt mà đem bài lục-vị để bổ thủy, thủy càng thịnh thời hàn càng thêm lên, hỏa mất thời dương mất.

Trong tạng thân thủy suy, hỏa không có thủy để chế đi, thời hỏa ấy đi rông rỡ, nếu không biết bổ âm để tráng thủy, một khi thấy táo nhiệt, mà dùng bài bát-vị để bổ hỏa, dương càng vượng thời âm càng tiêu. Hỏa không có âm để liễm lại, tức là hỏa vô căn không có thể sáng tỏ được mãi, thế là âm kiệt thì khí cũng tuyệt.

Trong hai phương thánh dược, là lục-vị và bát-vị, có chỗ đáng ky là đem chữa lẫn lộn, nhưng vong dương thời họa chóng, mà vong âm thời họa chậm, vì bài bát-vị có quế và phụ ở trong âm dược.

Tìm sách

Chương 3.— **Cứu chứng thụ thương trong ngũ tạng, nhưng rồi sau chớ quên tạng thận.**

Chữa chứng hư yếu đã lâu, phải nên giữ tiếc lấy đờm.

Lời giải : Tạng thận là gốc để lập mệnh, tinh thần của tạng tâm, thở hút của tạng phế, quyết đoán của can và đảm, chửa và vận hành của tỳ, vị, phân biệt của đại-tiểu-tràng, gạn lọc của bàng-quang, thăng giáng của tam-tiêu, đều nhờ một điểm chân-dương ở trong tạng thận. Cổ thư có nói : « Ngũ tạng thụ thương rồi sau tất đến tạng thận. » Lại nói : « Gặp chứng hư tổn giữ ngay lấy Bắc phương là thận thủy, để bồi sinh mệnh cho con người. »

Đờm là tân dịch của thân người, Cổ-thư có nói : « Đờm không sinh ra bệnh, thực ra thời bệnh sinh ra đờm », phép chữa nên tìm cách để đờm lại hóa ra tân-dịch, mà không nên công phạt để hại đến tân-dịch, hại đến nguyên-khí, huống chi chứng bệnh hư yếu đã lâu, lại không nên giữ tiếc lấy đờm hay sao ?

Chương 4.— **Vị Thục-địa sao thơm, dẫn âm theo dương, cũng là vị thuốc hay cho tạng tỳ ;**

Vị Bạch-truật nấu thành cao, hóa chất táo thành tính nhuận, cũng là vị thuốc hay cho huyết phận.

Lời giải : Ông Lý-Thời-Trân có nói : « Địa là thổ khí mà hoàng là chính sắc, vậy vị thục-địa-hoàng cũng là thuốc bổ cho tạng tỳ, nay xem sách thuốc, những phương thuốc bổ tỳ không dám dùng nhiều vị thục-địa,

Tìm sách

o nặng làm cho tạng tỳ không vận hóa được mạnh, nhưng tôi gặp chứng hóa của dạ-dày quá vượng, mà âm của tạng tỳ lại kém, thời tôi đem vị thục-địa sao khéo cho khô và thơm, để bớt được chứng trệ, mà hóa nhu làm cương, thời công hiệu bổ cho tạng tỳ không phải là ít. Vị bạch-truật tính rất cương-táo. Cổ thư có nói : « Chứng bệnh ở rốn động khí, cấm dùng vị bạch-truật », vì chứng ấy là âm hư, nhưng tôi gặp chứng tạng tỳ cả âm lẫn dương đều hư tổn, ngoài thời nóng ấm chưng chưng, trong thời tiết tả đi luôn, khi ấy muốn giúp chân âm, thời ngại về chứng tiết tả, mà vị bạch-truật để bổ tỳ lại không thể bổ được, thời tôi nấu truật thành cao, để bớt tính cương táo mà thêm tính nhu thuận, thời vị bạch-truật lại có công dụng để giúp cho huyết phận. Không những khỏi chứng tiết tả, mà khỏi cả chứng nhiệt.

Chương 5.— Vị nhân-sâm chất nhuận, có công hiệu giúp cả huyết phận. Vị Hoàng-Cầm tính mát, còn chữa được khô táo cho dạ-dày.

Lời giải : Không có dương thời âm không sinh được, và khi dương sinh thời khí âm mạnh, đó là đại số về âm dương, người không xét kỹ lại cho rằng : Khí dược có công sinh được huyết, nghiệm về những chứng huyết thoát, chỉ dùng một vị sâm để bổ khí mà được khỏi. Nhưng đó chỉ là một lẽ, nếu bảo là khí dược có công sinh huyết, thời về bệnh bên rốn động khí, sao lại cấm dùng khí dược ? Vậy ta nên hiểu chứng huyết thoát tính mệnh ở chốc lát, thời phải giữ ngay lấy khí, nhưng dùng sâm mà không dùng phụ tử, là chỉ dùng về sức mạnh

Tìm sách

để lấy lại nguyên khí. Thế mới biết vị sâm bổ huyết là vì có tính chất mềm mại, còn vị bạch-truật cương táo, vị phụ-tử chạy mạnh, đâu dám dùng ở lúc chân âm đã bại. Tóm lại, vị thuốc hễ hậu về khí là bổ dương, hậu về vị là bổ âm. Khí nhiều vị ít là dương ở trong dương, vị nhiều khí ít là âm ở trong âm, còn khí vị đều hậu là kiêm bổ cả âm dương, người học phải hiểu thấu, mà không nên nhất khái cho là khí được đều có công sinh huyết. Vị hoàng-cầm tính mát là thuốc để thanh và công phạt nhưng dạ-dày vốn sợ ráo mà ưa mát nên những chứng dương khí ở dạ-dày quá vượng mà khô ráo, thời nên bổ bằng vị hoàng-cầm xem như bài *Bổ-trung ích-khí*, mà có khi thêm những vị Hoàng-Cầm, Sương-Truật, Ích-Chí, thời gọi là bài *Sâm-truật Ích-vị*. mà thêm hai vị hoàng-cầm và thần-khúc, thời gọi là bài *Ích-vị Thăng-dương*. Hơn nữa, thuốc an thai cho vị Bạch Truật vi quân, mà vị Hoàng-Cầm vi tá sứ đủ rõ vị Hoàng-Cầm là bổ được dạ-dày.

Chương 6.— **Xem hành thể lúc bẩm sinh mạnh hay yếu, để rõ về là hư hay thực. Xét mạch về hữu lực vô lực, để rõ về nên bổ hay công**

Lời giải : Hư hay thực đã rõ thời bổ hay tả không lầm, đại để lúc bẩm sinh được mạnh, mà người mạnh hay tuổi trẻ, khí huyết đầy đủ, xương thịt cân đối với nhau, thời chợt có bệnh tật nên chữa theo chứng thực. Trái lại, yếu từ lúc bẩm sinh, hay tuổi già người yếu, hoặc ốm nặng hay ốm lâu, cùng là sản hậu, hay nhiều tuổi mới sinh, thời chữa bệnh cho những người ấy, trước sau phải theo về chứng hư. Cổ-thư có nói : « Nên xét nguyên khí trước, rồi mới xét đến chứng bệnh ».

Tìm sách

Mạch là làm của khí huyết, nếu không lấy tinh thần mà đoán mạch thời không thể được. Ông Vương-Dụ-Gia có nói : « Không cứ ở bộ gì, dù *phù, trầm, đại, tiểu*, nếu ấn mạnh đến xương mà còn thấy có lực có thần là chứng thực, mà không có là chứng hư », tôi nghiệm câu nói ấy thời lời nói của bậc tiên hiền thực là không lầm.

Chương 7.— **Về chứng tiết hay táo phải rõ là không hỏa hay không thủy ; về chứng ráo hay khát nên phân là có ấm hay có dương.**

Lời giải : Muốn dùng bài *lục vị* hay *bát vị*, nên xét về chỗ tiết hay táo, ráo hay khát. Nếu đại tiện tiết tả là hạ-tiêu không có hỏa, nếu đại-tiện táo là thận thủy suy kém.

Cổ thư có nói : « Chứng khát có phân âm dương, vì khát và ráo khác hẳn nhau, chứng « khát » là táo hỏa có dư, và chứng « can » là ráo thời bởi tân dịch không đủ, cho nên uống nhiều là khát, uống luôn mà uống nhiều là ráo, khát là thủy ở trong kém, mà phải tìm nước ở ngoài để cứu trợ, còn ráo là tân dịch kiệt, cuống họng khô, miệng táo, chỉ nên dùng thuốc thấm nhuần mà thôi.

Chương 8.— **Chứng hư yếu vừa, chỉ dùng thuốc để bổ khí, huyết.**

Chứng hư yếu nhiều, phải dùng thuốc để bổ thủy, hỏa.

Lời-giải : Người mới yếu hay yếu vừa thời có hư yếu

Tìm sách

cũng là hư vừa, chỉ dùng thuốc bổ khí huyết như bài : *Tứ-Quân*, bài *Tứ-Vật*, bài *bổ-trung*, bài *dưỡng-vinh*, bài *quy-tỳ* cũng đủ công hiệu.

Còn người ốm lâu hay ốm nặng, thời hư yếu là đại-hư, nên dùng đến những thuốc để bổ thủy hay hỏa, như bài *lục-vị*, bài *bát-vị*. Cổ thư có nói : « Bệnh nhẹ bởi ở khí huyết, bệnh nặng bởi ở thủy hỏa. »

Chương 9.— **Xét chứng dâm hay trọc, phải căn cứ về đặc hay trong. Xem hình sắc trắng hay đen, để biết là hư về thủy hay hỏa.**

Lời giải : Về bệnh dâm hay trọc, sách thuốc đều gọi là đới-hạ, mà không phân biệt, nên người chữa vẫn mơ màng không rõ, đại khái bệnh của con gái thời gọi là đới-hạ, bạch-dâm, hay gọi là xích-đới, bạch-đới, tóm lại là những chất rỉ ra đặc và dính. Còn bệnh của con trai thời gọi là di-tinh, bạch-trọc hay gọi là xích-trọc, thời chất rỉ ra không đặc và không dính lắm.

Người thủy hư, thời hình sắc đen tối mà gầy còm, vì thủy là gốc cho huyết, mà huyết đầy đủ ra sắc mặt. Còn hỏa, hư thời hành sắc trắng nhợt mà trệ, vì hỏa là gốc cho khí, khí sinh ra thần, sắc vì thần mà kém thời bóng trắng.

Chương 10.— **Chứng đau ngăn ngắt là bệnh nặng đến xương tỷ;**

Chứng nuốt nước chua là thở không được mà nuốt vào.

Lời giải : Xét cổ-thư có nói : Bệnh « toan-thống » là

Tìm sách

đau ngắn ngắt, trước tôi vẫn không rõ, nhân bị vấp ngã đau đến xương tỷ, tức đau muốn khóc, rồi chợt lại muốn cười, mà rất khó chịu, khi ấy mới rõ nghĩa chứng « toan-thống », cho nên cổ thư thấy đau về xương tỷ thì gọi là « toan-thống ». Chứng nuốt nước chua là vì hư hỏa bốc lên, khí theo hỏa trở lên mà ợ, nước dạ-dày cũng theo khí mà lên cổ họng, nhổ lại không ra, bất đắc dĩ nuốt vào thấy chua, nếu không phải vì hỏa ở trong, thời đâu có nuốt vật gì chua ở ngoài vào.

Chương 11.— **Chứng huyết thoát mà sắc mặt trắng nhợt không được quang nhuận, không những là chứng dương hư**

Chứng khí thoát thời tinh thần hôn mờ mà ghê rét, không những là chứng nhiệt thịnh.

Lời giải : Sắc mặt trắng nhợt mà không quang nhuận, ta thường cho là dương hư, nhưng còn có khi vì ra nhiều huyết mà trắng nhợt, như thiếc như tro, là vì không có huyết thì không quang nhuận được, so với chứng khí hư mà trắng bóng ra, thời rất không giống nhau. Cổ-thư có nói : « Khí sinh ra thần », nếu khí đã ly thoát, thời tinh-thần phải rối loạn, vậy ta không nên cho là vì nhiệt thịnh mà thần hôn.

Chương 12.— **Chứng vong thoát đã đủ, thời phải bổ ngay nguyên dương, khi ấy thời chữa tạng thận không cần bằng tạng tỳ.**

Bệnh đại hư đã lâu, thời phải cứu ngay thủy,

Tìm sách

hỏa, khi ấy thời bổ tỳ không cần bằng bổ tạng thận.

Lời giải : Những chứng âm-vong, dương-thoát, bốn chân tay giá lạnh, trán ra mồ-hôi như cúc áo, tinh thần hỗn loạn, giữ lấy vai mà thở, khi thoát mà nấc, chỉ nên dùng ngay sâm, phụ để hồi dương, cứu vãn lấy vị khí (khí của dạ-dầy) lại thêm vị bạch-truật để giữ lấy trung châu ; ngoài ra chứng tinh huyết không sinh mà dương sự yếu, cũng nên chú trọng vào tỳ, vị Tỳ, vị mạnh thời tạng thận đầy đủ ; dù tạng thận là gốc của ngũ tạng là nền để lập mệnh, nhưng gặp trường hợp trên, thời giữ tạng thận không bằng giữ tạng tỳ.

Về chứng đại hư, uống nhiều thuốc bổ khí huyết mà không thấy công hiệu lắm, thời phải tìm gốc là thủy hỏa, như bài lục-vị, bài bát-vị, để bổ lấy chân-âm chân-dương. Lại như tỳ vị không đủ sức nạp thức ăn uống và vận hành, cũng nên bổ ngay hỏa của Mệnh-môn, như thể dưới nồi thêm củi đun. Chứng tả và chứng lị đã lâu, chữa về tỳ không công hiệu, cũng nên cứu ngay tạng thận, để giữ lấy việc bế tàng (Đóng lại).

Chương 13.— **Bài Tứ-Vật không phải để bổ huyết, đàn bà chân huyết khô ráo mà dùng mãi thì vô ích. Bài Tứ-Quân là vị thuốc thuần dương, trẻ em hình thể đen gầy mà dùng lâu thời có hại.**

Lời giải : Về thuốc để sinh âm phận, chỉ nên dùng vị thuần-tĩnh, nhu-nhuận. Để nuôi dưỡng chân âm, thì huyết mới sinh được. Nay bài Tứ-Vật, thời không phải để sinh huyết, vì vị thuốc bằng thảo mộc không phải là

Tìm sách

thứ hữu tình, muốn cho sinh huyết không gì bằng nhung hay cao của hươu nai, hoặc vị tử hà sa (nhau đàn bà đẻ), hay nhũ phấn (sữa người canh khô lại) mới là đắc lực, hơn nữa bổ huyết sinh tinh quá nữa bởi ở thuốc bổ tỳ vị. Vậy muốn bổ huyết còn phải thêm thuốc bổ tỳ vị, đó là tôi đã kinh nghiệm ; ta không nên cho bài Tứ-Vật là thuốc sinh ra huyết phải dùng đến.

Trẻ em nhiều chân dương ít chân âm, vì thế cách chữa không nên thiên về bổ dương, huống chi em nào hình thể gầy đen da thịt se nóng, nay dùng thuốc dương như bài *Tứ-Quân* thời có lợi gì cho trẻ em thiếu chân âm. Ngoại trừ chứng hàn thổ, chứng đi tả lâu, hay là người mát mà no đầy, hoặc chứng mạn-kinh, chứng mạn-tỳ, còn các chứng khác phải nên cẩn thận sẽ dùng.

Chương 14.— **Bài quy-tỳ uống xen với thuốc bổ, nên bỏ vị mộc-hương để giữ lấy nguyên dương.**

Bài bổ-trung dùng để đem lên, không nên bỏ vị thăng-ma, sài hồ là theo về y-lý.

Lời giải : Chứng mệnh-môn hỏa suy, lại thêm khí huyết về hậu thiên cũng đều hư yếu, ta đã dùng bài bát-vị để bổ hỏa, mà uống sen với bài quy-tỳ, để thủy hỏa khí huyết đều được bổ dưỡng, như thế là chứng hỏa hư, mà hỏa tức là khí, vậy có vị gì động đến khí, đều không nên dùng, huống chi vị mộc-hương hành tán, thời phải bỏ đi để bảo toàn lấy nguyên khí.

Chứng dương hư hãm trở xuống, thời dùng bài bổ-trung để đem lên, khác nào tiết Đông-Chí mà nhất dương đã sinh, để sắp đến thời tiết mùa xuân, vì thế bài bổ-

Tìm sách

trung phải dùng vị Thăng-ma và Sài-hồ, sao nhiều người không xét lẽ ấy, lại đem hai vị ấy sao với mật, để bớt tính đem trở lên, có khi bỏ hẳn đi, như thế thời không phải ý nghĩa của bài thuốc.

Chương 15.— **Giữa hai quả thận là nguồn gốc của tạng phủ, nên căn cứ vào đấy để chữa những bệnh kỳ quái.**

Bài Lục-vị là thánh dược cho trẻ em, vì hư chứng của chúng đều bởi chân âm.

Lời giải : Mệnh-môn ở khe giữa hai quả thận, là nguồn gốc của tạng phủ, nên bệnh nhân vì hư yếu quá, mà có kỳ hình quái trạng, sách thuốc chưa nói đến, ta cũng chỉ nhằm vào âm dương bên nào thắng mà dùng thuốc bổ thủy hay hỏa, thì tạp chứng dù nhiều cũng không chữa mà khỏi.

Trẻ em thiên-quý-thủy chưa vượng, nên vẫn gọi là « thuần dương vô âm », tức là dương khí còn non nớt (trĩ dương). Ta đừng cho lầm thuần-dương là dương dư ra, mà hễ thấy chứng hư hỏa động lên mà phát sốt, thời dùng ngay thuốc hàn-lương, thời còn gì hại bằng, vì rằng trẻ em đã thiếu chân âm, mà thuốc hàn-lương lại diệt mất dương khí, thời âm dương đều bại. Ta hãy xem chứng dễ phát sốt là hỏa không có thủy để chế đi. Nếu hay co giật là mộc không có thủy để nuôi dưỡng, mọi chứng phần nhiều bởi chân thủy thiếu mà tân-dịch kiệt, cả đến những chứng quy-hung (ngực như mai rùa), chứng quy-bối (lưng như mai rùa), chứng thông-hãm (thóp trũng xuống), chứng Thiên-trụ-cốt đảo (xương cổ ngoẹo), chứng ngũ nhuyễn, chứng ngũ ngạnh,

Tìm sách

chứng ngũ tri (tra ở quyển ấu-ấu tu tri) cũng là mộc và thủy suy yếu, vậy cách chữa nên để ý về hai chữ vô âm, mà dùng bài *lục-vị* để bổ dưỡng, nên ta thường gọi bài lục-vị là thánh dược về á-khoa (khoa chữa trẻ em còn nói ngọng).

Chương 16.— **Chứng « đau-nhiệt » (chỉ sốt nóng không ghê rét) là triệu chứng mất chân âm ; nguy cơ bởi tân-dịch đã nhiệt.**

Chứng nguyên thần mất đi không giữ được, dùng thuốc phải tìm đến thủy, hỏa.

Lời giải: Chứng chỉ thấy sốt mà mặt sạm lưỡi đen, mình tựa củi khô, da thịt như vảy giáp, miệng se cuống-họng đau, uống nước nhiều, nóng như rang, đại-tiện táo kết, tiểu-tiện đi nhiều, phiền táo nói mê sảng, hay là trông không biết ai, đều là chứng « vong-âm » đã rõ rệt. Cổ-thư nói : « Tân dịch kiệt thời chết », vả lại, khí âm mất ở dưới, khí dương không có khí âm để liễm lại, thời cũng thoát lên trên, thế là âm dương ly thoát, ngoài đời chỉ biết chứng quyết-nghịch là « thoát-dương », mà không nghĩ đến chứng đau-nhiệt là « vong-âm », chứng thoát-dương thời cổ nhân dạy dùng sâm phụ để hồi dương, còn chứng vong-âm thời chưa từng nói đến, tôi gặp chứng ấy có nghĩ ra bài thuốc « bảo-âm » cũng toàn hoạt được nhiều, nên tôi đã đặt câu thành ngữ như sau « dương thoát gia sâm, phụ hồi dương, Âm vong gia dụng bảo-âm phương. » Nghĩa là : Chứng dương thoát thời dùng sâm, phụ để hồi dương ; Còn chứng âm vong, thời dùng bài « bảo-âm ».

Tìm sách

Ăn uống đứng ngồi như thường, hình dáng mạnh mẽ, nhưng lời nói bàng hoàng, đi đứng thất thố ; thế là tinh thần ly tán, có khi bạo bệnh chết ngay, thế mà người đời xưa không nói đến chứng ấy, xét ra thân người, huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần, là ba của báu trong thân người, mà thần là trọng hơn, tôi xem sách thuốc, chỉ có bài *chấn-tâm*, bài *an-thần*, bài *minh-thần*, không ngoài những vị xương bồ, vị viễn-chí, vị thần-sa, vị bách-tử, vị liên-nhục, vị toàn-tảo-nhân, đều là vị thuốc tầm thường, mà không có vị nào đủ sức để tuyệt sứ cầu sinh, tôi được đọc bộ sách Cảnh-nhạc có câu : « Thủy hỏa không giao thì thần sắc bại », tôi mới tỉnh ngộ ra rằng, tạng tâm tuy chứa tinh thần, nhưng bởi ở khí âm phụng dưỡng trở lên, mà cương nhu mới chính được địa vị, ví như quẻ ký-tế trong kinh Dịch. Vì thế muốn bồ cho tinh thần không gì bằng bài *bát vị hoàn* để bồ căn bản cho âm dương, để giúp công dụng cho thần minh.

Chương 17.— **Huyết dược nhiều, khí dược ít, thì khí mới sinh ra huyết, vì không âm thì không hóa được dương. Nhưng khí dược nhiều, huyết dược ít, thời huyết dược mới ích cho khí dược, nên trọng về âm nhu thời lại hại vị khí.**

Lời giải : Cổ nhân có nói : « Khí dược có công sinh ra huyết, mà huyết dược không có lý thêm cho khí », thế là không có dương thời âm không sinh được, mà không có âm thời dương không hóa được. Dương gốc ở âm, âm gốc ở dương. Ông Cảnh-Nhạc có nói : « Thuốc bồ khí giúp cho thuốc bồ huyết, thời mới bồ được huyết, thuốc bồ

Tìm sách

huyết giúp cho thuốc bổ khí, thời mới thêm được khí », thực là chí lý. Tôi xem những chứng khí huyết đều hư mới có thể thuốc khí huyết dùng cân nhau. Ngoài ra, nếu một bên hư nhiều, một bên hư ít mà không khéo dùng, thời khí dược vẫn háo chân âm, huyết dược vẫn trệ đến tỳ vị.

Chương 18.— **Dùng thuốc bổ khí, phải thêm vị thông hành, mới là một đóng một mở ;**

Dùng thuốc giúp chân âm, phải thêm vị thấm tiết, mới là có bổ có tả.

Lời giải : Cổ nhân đặt phương thuốc, dùng thuốc bổ khí thường thêm những vị cho thông đạt, mà dùng thuốc giúp chân âm thường thêm vị cho thấm lợi. Nếu dùng thuần một bên thời có hại, bổ nhiều mà tả ít, thời bổ vẫn đắc lực, mà hợp vào lẽ một bên mở một bên đóng, như vị phục-linh trong bài *tứ-quân*, vị trần-bì trong bài *bổ-trung*, vị mộc-hương trong bài *quy-tỳ*, là để vận hành dương khí, vị xuyên-khung trong bài *tứ-vật*, vị trạch-tả trong bài *Bát-Vị*, Vị đăng-tâm trong bài *Tế-Nguyên*, là tả đi phần nào, mới giúp được âm phận.

Chương 19.— **Chữa chứng nan bổ không gì bằng chứng đường-tiết mà kém ăn ;**

Chữa chứng nóng lâu, phải nhờ vị-khí để giúp chân âm.

Lời giải : Cổ nhân nói : « Một môi nước khó cứu được đống lửa to », và nói « âm thủy khó tìm ». Nên cổ nhân cho chứng âm hư bởi khó nhọc là khó chữa.

Tìm sách

Nhưng chứng ấy chỉ bởi tinh suy huyết kiệt, thời phép chữa tuấn bổ tinh huyết là đủ. Nếu gặp chứng nóng đến tận xương, phiền khát uống nhiều, đại tiện táo kiết, thời chuyên dùng vị thuốc thuần âm, ngoài ra, không có kế gì.

Nhưng lại có chứng bệnh vạn nan, không gì bằng ở ngoài thời da nóng như rang, thịt sút, tinh thần hôn ám, mà trong thời không ăn mà đại-tiện đường tiết. Bấy giờ muốn dùng vị thuốc cương-táo, để cứu lấy nguyên dương cho khỏi đường tiết, thời trái lại với chứng đan-nhiệt, muốn đem vị thuốc thuần-tĩnh, để vãn hồi âm huyết, thời trái lại với chứng đường-tiết, khiến cho thầy thuốc vị nóng cũng sợ, vị lạnh cũng sợ, mà phải bó tay.

Tôi gặp chứng ấy, có chế ra bài *bổ-dương tiếp-âm*, và *bổ-âm tiếp-dương* tuy không vãn hồi được thiên mệnh, nhưng không bài nào là hơn, mà cũng có người cứu chữa được.

Vả lại, về chứng phát sốt, là bởi ở hỏa mà hóa tức là khí, hỏa và khí thời không thể bỏ được. Những chứng sốt lâu là thủy vô hình đã thiếu, tân-dịch kiệt mà tinh huyết háo, không phải đợi mặt sạm, lưỡi đen, hình thể sút đi, nóng đến tận xương mới nhận là chứng âm-hư. Tôi gặp chứng ấy, nghĩ được một phép viên hoạt, vì âm huyết đã suy thì dương khí không thể vượng được, một dương đã hư, nên tỳ vị phải yếu. Cho nên phải chú ý về vị-khí. Nếu ăn uống chưa kém lắm, đại tiện còn đều, thời chỉ giúp chân âm để thoái nhiệt, vì âm bại thời dương cũng vong, còn bệnh nhân nào bỏ ăn, đại tiện đường tiết, mà vẫn nóng dữ, thời nên dùng âm dược, như thục-địa, sinh địa, mạch-môn, ban-long, đan-sâm, nhũ-phấn v.v... hoặc bài *Lục-vị* sao kỹ để cứu vãn, nếu thấy nóng

Tìm sách

đã nhẹ được bốn năm phần thời dùng ngay dương dược, như bài *Lý-Trung*, bài *Tứ-Quân* để giữ lấy vị khí, rồi lại vòng lại thuốc bổ âm dương một vài chén, thấy ăn hơi kém, thời lại vòng lại thuốc bổ dương một vài chén, như thế thời nóng lui dần mà ăn cũng tiến dần, mới là lưỡng đắc, nhớ đừng thanh nhiệt bẩn, hay đừng thiên về bổ tỳ-vị mà chết oan, người làm thuốc gặp trường hợp ấy, *không thể cầu chóng được, mà nhà có bệnh cũng đừng hoài nghi về chỗ chậm khỏi.*

Chương 20.— **Nóng dữ dội thời hại chân dương, nên thanh hỏa để giúp tạng phế ;**

Nóng lâu thời hại chân âm, nên mạnh chân thủy để bổ lấy tạng thận.

Lời giải : Nóng thời hại chân khí. Nên những thuốc chữa cảm có khi bổ khí, thế mà cổ thư có nói : « Nóng thời hại chân huyết », mà mọi phương thuốc để thanh hỏa, lại thiên trọng về bổ huyết là nghĩa làm sao ? Huyết hư mà bổ lầm về khí thời huyết càng khô, khí hư mà bổ lầm về huyết thời khí càng uất, hai bên trái ngược nhau, nhưng ta phải biết rằng : Nóng mà hại chân khí là nóng dữ dội mà vít chân lông lại, thời khí uất ở trong). Nóng mà hại chân huyết là nóng lâu, thời nung nấu đến âm phận ; như thế thời bổ huyết và bổ khí, dương dược hay âm dược, phải phân tách cho kỹ. Nội-kinh có nói : « Bạo bệnh không phải là âm chứng, bệnh đã lâu không phải là dương chứng » ta phải lý hội về chỗ ấy.

Chương 21.— **Hợp khí dược với huyết dược, phải**

Tìm sách

tìm trong chứng âm và chứng dương mới được đồng độ;

Uống thuốc thang hay thuốc hoàn, phải vào lúc nửa đói nửa no, mới chóng thành công.

Lời giải: Chữa những chứng khí huyết đều hư, đã dùng dương dược để bổ khí, lại dùng âm dược để bổ huyết, nhưng một bên cương và một bên nhu vốn không hợp nhau, mà vị thuốc ôn với vị thuốc mát, lại khó hiệp lực, vậy nên tìm trong dương dược những vị mềm nhuận như Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, và Bạch-truật nấu thành cao, thì bổ khí mà kiêm được bổ huyết. Trong âm dược, mà không ngưng trệ lắm, như đương-quy, xuyên-khung và thục-địa sao thơm, thì bổ huyết mà kiêm được khí, thế là các vị đồng đội mà không khắc biệt nhau, mới chóng được công hiệu.

Về phép uống thuốc, cổ nhân có chia, bệnh ở trên thời uống vào sau lúc ăn, bệnh ở dưới thời uống vào trước lúc ăn, tựa như có lý, nhưng nghĩ lại thời ăn uống vào dạ-dày rồi tạng tỳ vận hóa đi, tản tinh lên tạng phế, trăm mạch đều hội về tạng phế, như thế thời uống nước sau lúc ăn, để chữa bệnh ở trên, cũng phải đợi thức ăn trước đã hóa đi, thời thuốc mới vận hành. Uống thuốc ở trước lúc ăn, để chữa bệnh ở dưới, cũng phải đợi thức ăn ở trên đi trước mà thuốc mới đạt được. Nên tôi có phép riêng, uống thuốc thang hay thuốc hoàn đều vào lúc nửa no hay nửa đói, vì vào lúc no quá thời bị thức ăn ngăn lại, vào lúc đói quá, thời tỳ vị hư yếu, không giúp được sức thuốc, nên chỉ vào thời gian kể ở trên mới được ổn đúng.

Tìm Sách

CHÂU-NGỌC CÁCH-NGÔN

Thiên Hạ

Chương 22.— **Người không sốt mà tinh thần mụ, mỏi mệt hay nằm, đó là chứng nguy, chớ mừng là người mát mà hay ngủ ;**

Người nóng như rang mà trán ra mồ-hôi và mạch vi (nhỏ), thế là chứng dương thoát, không nên thấy nóng mà giúp thêm chân âm.

Lời giải : Chứng đại bệnh hay ốm lâu, trước sau khỏ về sốt, chợt thấy người mát ngủ kỹ lim lịm như người say, gọi to mới tỉnh, mà tỉnh dậy thời tinh thần mụ, ngại nói. Mỏi mệt khó chịu, người không biết cho là khỏi sốt thời mát, dương hồi thời ngủ say, có biết đâu nhiệt tà đã khởi thời tinh thần phải trong trẻo, nguyên dương đã hồi thời ngủ có giờ giấc, có đâu trầm mê mà gọi cũng không tỉnh, đó là vì nóng lâu thời hại chân âm, chân âm thiếu thời chân dương không dựa vào đâu được, mà cũng muốn thoát nốt, người ngu tối thấy nóng thời dùng thuốc hàn-lương, âm dược dùng quá thời dương tiêu, mới thành trạng thái như vậy. Tôi gặp mấy bệnh nhân như thế, vì thầy thuốc trước kia dùng nhiều vị hoàng-liên, nên tôi dùng ngay mấy chén nhân-sâm, phụ-tử để hồi dương thời thần khí ổn định, tiếng nói nhẹ nhàng mà không mệt mỏi ngủ nhiều như trước, vậy nhà làm thuốc phải muôn phần cẩn thận.

Tìm sách

Những chứng minh nóng như rang, mặt đỏ như son nhạt, muốn quạt không dừng tay, phiền khát nói mê, trán ra mồ-hôi đọng như cúc áo, hoặc thở và nấc, xem mạch thời « trầm và vi » muốn tuyệt, hay là « tế và nhược và xác », đó là âm mất ở dưới mà dương thoát lên trên, hỏa không có gốc phù việt cả ra ngoài biểu, gặp chứng đó không thể thấy nóng mà cần dùng một chút âm dược, dù cho uống nhân-sâm, phụ-tử cũng chưa chắc đã công hiện, đâu còn đem nước để tưới vào lửa.

Chương 23.— **Nếu thấy âm dương cùng thoát, dương thoát thời bổ dương mà tiếp âm, âm thoát thời cứu âm để tiếp dương. Mà không để bên nào hơn;**

Dù có nhiều chứng phát ra, hư yếu vừa thời tìm ở khí huyết, hư yếu lắm thời tìm ở thủy hỏa, phải cần giữ lấy căn bản.

Lời giải : Những chứng âm dương cùng ly thoát, thời dùng thuốc cần ở bổ và tiếp, nghĩa là dương hư lắm, thời dùng dương dược để bổ dương mà lại tìm những vị nhu nhuận ở trong dương dược, để tiếp lấy chân âm, hay là uống xen bài thuốc bổ âm. Âm hư lắm thời dùng âm dược để bổ âm, nhưng phải chọn những vị thuốc không ngưng trệ mấy ở trong âm dược, mà thêm vào để tiếp lấy chân dương, hay là uống xem thuốc bổ tỳ-vị, làm thế nào để, khi phận mạnh được mười phần, thời âm phận cũng mạnh được sáu bảy phần, mà muốn chóng không thể được, cần phải để tâm suy xét mà bổ tiếp không gián đoạn. Cho đến khi âm dương được quân bình. Gặp chứng về hư yếu mà các tạp chứng phát sinh rất nhiều, nhưng đừng thấy ở đầu thì chữa đầu, ở chân thì chữa chân, mà phải để

Tìm sách

ý đến căn bản. Cổ thư có nói : « Chữa một bệnh thời bách bệnh đều khỏi », cho nên những chứng hư yếu vừa thời trách ở khí huyết, chứng hư yếu lắm thời trách ở thủy hỏa, cổ thư có nói: « Bệnh nhỏ là bởi khí huyết thiên lệch, bệnh lớn là do thủy hỏa làm hại. »

Chương 24 — **Đem thuốc chữa khí huyết để chữa bệnh về thủy hỏa, thời vô công mà thêm họa ;**

Đem thuốc chữa về thủy hỏa để chữa bệnh về khí huyết, thời chậm công hiệu nhưng có ích về sau.

Lời giải : Bài Tứ-Quân là thuốc bổ khí, bài Tứ-Vật là thuốc bổ huyết, nhưng những chứng chân thủy kém mà hỏa bốc lên, đại-tiện táo mà phiền khát uống nhiều, và chứng hỏa hư thời thủy thịnh, ở trong lạnh mà tiết tả, tân-dịch ráo tìm nước uống, trên nóng dưới lạnh, thời không thể đem khí huyết mà chữa được. Cổ thư có nói : Chân âm là thận-thủy mà không phải là huyết của tâm can, chân dương là mệnh-hỏa mà không phải là khí của tỳ phế, vì thế giúp cho chân-thủy phải dùng đến vị thục-địa, mà không dùng đến vị xuyên-khung, đương-quy, bổ cho mệnh-hỏa phải dùng đến vị nhục-quế mà không dùng đến vị hoàng-kỳ, vị bạch-truật, phương chi, đương lúc Thủy ráo hỏa bốc lên, mà dùng vị nhân-sâm để động hỏa, vị linh, vị truật để thấm thấp, khác gì chất thêm củi để chữa hỏa tai.

Bài *Lục-Vị* là thuốc bổ thủy, bài *Bát-Vị* là thuốc bổ hỏa, những chứng về huyết bệnh, phần nhiều bởi ở âm hư, về khí bệnh phần nhiều bởi ở hỏa kém. Cổ thư có nói : « Hỏa sinh ra khí huyết là thủy hỏa », cho nên

Tìm sách

muốn chữa bệnh nhỏ về khí huyết, mà dùng phương thuốc bổ thủy hay hỏa, dù không công hiệu ngay nhưng vững chắc được căn bản.

Chương 25.— **Thầy thuốc về bá-đạo, chỉ chăm chăm để chữa bệnh mà bỏ sinh mệnh:**

Thầy thuốc về vương-đạo, chỉ chăm chăm giữ căn bản để cầu toàn.

Lời-giải: Làm thuốc tuy là nhân đạo, mà có chia ra vương và bá, Vương-đạo là y-đạo, mà bá đạo là y-thuật.

Về Bá-Đạo chỉ thấy bệnh thời trị bệnh, dù âm dương sắp ly thoát, mà vẫn dùng hoàng-cầm hoàng-liên, Tân-dịch kiệt đã kéo đờm lên mà vẫn dùng vị nam-tinh và lán-hạ, hỏa không có gốc, vì sắp tuyệt mà nấc, mà vẫn còn dùng vị Đinh-hương, vị Thị-Đế, khí ngược lên mà thở, mà vẫn dùng vị Tô-tử, vị Quất-hồng, thế là giết người không có dao.

Còn Vương-Đạo thời không thế, dù chứng nhọt lở là bệnh nhỏ, cũng cho rằng cơ thể nóng là âm hư, sợ gió là khí tổn, ít ăn là tỳ vị hư, ngứa ngáy là khí hư, đau là huyết hư, dù có dùng một hai vị nhẹ nhàng để tiêu tán, cũng phải có khí huyết dược để đem đi. Đến khi thành công, không những cơ thể tốt đẹp, mà thần khí lại hơn lúc chưa ốm.

Chương 25 b.— **Khí hư nhiều, huyết hư ít, vẫn nên dùng nhiều vị cam ôn nhưng cũng nên thêm huyết dược.**

Tìm sách

Âm rất kém, dương không kém, nhưng vị thuốc thấm-nhuần cũng nên dùng vừa phải, chớ thiên về bổ âm mà hại đến chân dương.

Lời giải : Khí hư nhiều, huyết hư ít, thời những vị Sâm, Kỳ, Linh, Truật, Bào-cương, Chích-thảo, vẫn nên uống nhiều, nhưng phải thêm một hai phần huyết dược, và giữ lấy vị-khí, để ăn uống tiến, thời tinh hoa của thức ăn uống mới thêm ích cho tạng phủ.

Còn như người âm phận hư yếu nhiều mà dương phận không thiếu, dù những vị Thục-Địa, Khung, Quy, Mạch-Môn, Ngưu-Tất, là những thứ âm nhu, cũng nên trúng bệnh thời thôi. Tôi thường chữa những chứng âm phận đại hư mà cực nhiệt, phải dùng âm dược để tuấn bổ, nhưng đến khi âm phận đã vượng mà người mát dần, thời triệu chứng khí thoát thần hồn có thể đến nơi, bấy giờ dùng ngay nhân-sâm phụ-tử để vãn hồi, vì thế bậc thánh nhân quý dưỡng khí hơn âm huyết, vậy tôi xin kể rõ để người sau phòng bị.

Chương 26.— **Về chứng dương thoát, hiện ra chân tay giá lạnh thời mọi người cũng biết;**

Về chứng vong âm, mà thân thể còn táo nhiệt, thầy thuốc vẫn bỏ qua.

Lời giải : Hết thảy chứng dương thoát, mạch thời « trầm vi sắp tuyệt », bốn chân tay giá lạnh, trán ra mồ-hôi như cúc áo, so vai mà thở, thở ra nhiều hút vào ít, khí từ dưới rốn ngược lên mà nấc, tinh thần hôn mụ, lưỡi rụt vào, sôn phân ra không biết, như vậy thời ai cũng biết là nguy ngặt.

Tìm sách

Còn về chứng vong âm, mạch « tế và xác » trực tuyệt hoặc « phù và không » như là chỗ bốc hơi lên, cơ thể nóng như rang da đỏ mà ráp như cá, người gầy trơ xương, thân thể như củi khô, phiền táo nhiệt khát, nói mê không ngủ, tiểu tiện đi nhiều vô độ, đại tiện táo kiết, phát khát uống nhiều, đó là quân-hỏa, tướng-hỏa, hỏa ở tam-tiêu, hỏa ở ngũ-chi nung đốt chân âm, khiến cho tinh huyết khô ráo, tân-dịch khô kiệt, âm mất ở dưới, mà dương thoát lên trên, sao thầy thuốc gặp nguy cơ ấy, mà vẫn còn sơ xuất, không dùng nhiều thuốc bổ âm, mà chỉ đem vị hàn để chữa nhiệt, lại bảo là thủy chế được hỏa, nhưng không biết là hỏa của long-lôi, gặp thấp thì càng cháy, gặp thủy thì càng bốc lên, uống một thang chưa khỏi, dùng ngay thang thật to, thế là hỏa mất người mất mà khí cũng tuyệt.

Bấy giờ mới dùng sâm, phụ, thời không thể lấy lại được. Tôi có bàn luận về chứng « đan nhiệt vong âm hại người rất chóng », xin những vị có chí về cứu người, hễ thấy chứng đan-nhiệt (chỉ có sốt nóng mà không lạnh) thời là chứng triệu vong âm, vì âm hư thời dương lấn đi, nên chỉ nóng mà không ghê rét, về phép chữa nên chia ra nóng vừa hay nóng lắm, để cứu từ lúc đầu, mới có thể kịp, còn như năm tân-dịch khô ráo, thời hỏa vô căn không có thể sáng tỏ được mãi, lúc sắp hết thời bốc lên mà nóng, về chứng ấy thời dù thuốc gì cũng không giữ được.

Chương 27.— **Chữa chứng Thương-hàn chủ ở cứu âm, vì hàn ngừng chân huyết, huyết hư thời nóng lâu ;**

Chữa trúng phong phải cần ở giúp chân thủy, vì phong vào tạng can trước, tạng can hư thời gân co.

Tìm sách

Lời giải : Hàn thời hại vinh-huyết mà ngừng chân huyết, tôi thường thấy hàn-tà không tán ra được, chân huyết tồn, chân âm hại mà nóng lâu, xem phương thuốc đời xưa, như bài *nhân-sâm bại-độc*, dùng để chữa chứng phong, vì phong làm hại đến vị-khí, cho nên dùng vị nhân-sâm, để đem các vị thuốc đến vị-khí mà trừ chứng phong. Bài *Cửu-Vị Khương-Hoạt* dùng để chữa chứng hàn, vì hàn hại đến vinh huyết, cho nên dùng vị sinh-địa để đem các vị thuốc đến vinh phận để tán hàn. Người làm thuốc không biết ý nghĩa trong bài thuốc của cổ nhân, những chứng phong bởi âm hư mười phần đến tám chín phần, mà bởi ở trong hư yếu rồi tự sinh ra phong cũng nhiều. Nội-kinh có nói : « Phong vào tạng can trước », tạng can chủ về gân mà chữa huyết, huyết khô thời gân co lại. Hơn nữa, huyết căn cứ ở thủy, cho nên chữa chứng phong không gì bằng bài *lục-vị hoàn* để tuấn bổ chân âm, rồi thêm những vị bổ cho tinh huyết, nếu chứng phong nhiều thời chỉ dùng một hai vị trong phong dược, mới có thể vẹn toàn. Cổ-thư có nói : « Chữa chứng phong phải chữa huyết trước ».

Đó là chứng phong còn nhẹ, nếu thấy khô nửa người, hay là đờ thuợt ra, hoặc mắt môi méo xệch đi, thời nên chữa ngay căn bản, là thuốc bổ chân âm chân dương, mà dùng thêm thuốc bổ huyết.

Chương 28.— **Chứng bệnh có hư yếu lắm, hư yếu vừa, hư một bên, hay là hư cả hai bên ;**

Phép chữa phải bổ mạnh, bổ cho thấm nhuần, bổ cho điều hòa, và bổ bên nọ lại tiếp cho bên kia.

Tìm sách

Lời giải: Người vẫn yếu mà thụ bệnh, và bệnh lâu hay bệnh nặng, thế là hư yếu lắm, còn những người cậy mạnh không có tiết độ mà thụ bệnh, và chứng bệnh mới, thế là hư yếu vừa. Khí hư mà huyết chưa hư, huyết hư mà khí chưa hư, thủy hư mà hỏa chưa hư, hỏa hư mà thủy chưa hư, và những người bẩm sinh ra dương hư, hay âm hư, như thế là hư yếu một bên. Khí huyết đều hại, thủy hỏa đều suy, âm dương ly thoát, thế là hư yếu cả hai bên.

Phép chữa, về chứng đại hư, thời dùng ngay thuốc thủy hỏa, để bồi bổ sinh mệnh. Về chứng hư yếu vừa, thì nên dùng thuốc khí huyết, để bổ cho hỏa-nguyên về hậu-thiên. Về chứng hư một bên, thời dùng bài *Tứ-Quân* để bổ khí, bài *Tứ-Vật* để bổ huyết, bài *Lục-vị* để giúp chân thủy, bài *Bát-vị* để bổ chân hỏa, nghĩa là bổ cho chỗ thiếu để hai bên cân nhau. Còn chứng hai bên cùng hư yếu, nếu khí huyết đều hư, thời dùng bai *Bát-Trân*, bài *Thập-Toàn*, nếu là thủy hỏa đều hư, thời dùng bài *Lục-vị* bài Bát-Vị, đều là phương thuốc để đối với bệnh chứng.

Còn như chứng âm dương ly thoát, dương vong thời bổ dương, đến khi dương-phận đã vượng, thời bổ tiếp đến âm-phận ; Âm vong thời bổ âm, đến khi âm phận gần vượng, thời bổ ngay vị-khí, để dương sinh ra âm, đó là tự tôi nghĩ ra, xin phân tách kỹ, để giúp cho y đạo.

Chương 28 b.— **Về chứng huyết khô, rất kiêng bài tứ-quân, và những vị thơm và ráo ;**

Tìm sách

Về chứng vong dương, rất kiêng bài bát-vị, ưng những vị âm nhu.

Lời giải : Về chứng huyết khô, tất nhiên là sốt nóng chưng chưng, nên dùng những vị thuần tĩnh, mới có thể sinh ra huyết, chớ chấp nệ về câu thuốc bổ khí có thể sinh ra huyết, nống làm bài Tứ-Quân, hay những vị thơm mà ráo. Kinh-dịch có nói : « Động thời sinh ra dương, tĩnh thời sinh ra âm », ta không nên xét hay sao ?

Về chứng vong dương, chỉ nên dùng nhân-sâm, phụ-tử để cứu vãn. Chớ thêm vào những vị âm dược, dù bài bát-vị có quế và phụ, nhưng chỉ là tá sứ, đâu có thể dùng được, khi ấy dù có một hai tạp chứng, cũng chỉ chữa lấy căn bản.

Chương 29.— **Vị sâm, vị kỳ, vị truật, vị thục, nên dùng vị Phụ-Tử để điều-khiển ;**

Chứng hoạt, chứng thoát, chứng hội, chứng băng, rất kiêng vị nhục-quế thơm và mạnh.

Lời giải : Vị phụ-tử là thánh-dược để cứu bệnh, về chứng chân hỏa sắp tuyệt, mà ta muốn giữ lại, thời vị phụ-tử thực đúng là *Hồ-Thiên Đại-Tướng Quân* (Vị Đại-Tướng trong thuốc), ngoài ra, vị phụ-tử còn đuổi được « hàn tà trực trúng », phá được chứng tích tụ, sao những người mờ tối, lại cho là uống lâu thời có họa, khiến cho mọi người sợ nhát, trong khi nguyên dương sắp kiệt, mới dám dùng chút ít mà thôi, hay là có dùng cũng chế luyện cho thật chín bằng nước hay lửa, khiến cho vị ấy chỉ cần thiết mà hết năng lực, ta chỉ nên để ý là vị phụ-tử tính chạy đi mà không giữ lại, nên không dùng được

TimSách

một mình mà phải dùng với những vị Nhân-Sâm, Hoàng-Kỳ, Bạch-Truật, Thục-Địa, v. v... để chế đi, thời công hiệu rất nhanh.

Chứng hoạt, hay thoát, hay hội, hay băng (1), về tinh, khí, huyết và mồ-hôi, thời nên vít lại ngay. Chứng vong dương cần phải hồi ngay. Ta muốn hồi dương liễm hãn, chỉ huyết, bế tinh, đều cần ngay ở trước mắt, thế mà vị nhục-quế thơm và chạy mạnh đâu có thể dùng được, ta đừng thấy vị quế ôn được trung, bổ được hỏa, mà dùng lầm, ta thường nói quế, phụ, nhưng chữa chứng thoát có khi dùng đến phụ mà không dùng được quế. Trong khi vong dương cần kiêng bài bát-vị và những vị thuốc âm nhu.

Chú giải : Hoạt như hoạt-tinh, thoát như huyết thoát, hội như hội hãn, băng như băng huyết.

Chương 30.— **Sữa người rất đa tình, có kỳ công để bổ chứng hư.**

Tỷ lợn tuy là vật thường, nhưng có thể thay nhung để bổ tinh.

Lời giải : Sữa người gốc ở mạch « sung », mạch « nhâm », lúc chưa thai nghén thời là kinh nguyệt, lúc có thai thời dưỡng thai, lúc đẻ rồi thời hóa ra nước sữa, nên nhà chế-luyện cho sữa người là thánh dược để chữa bệnh và sống lâu. Tôi thường chế luyện làm bột để giúp sức cho bài Lục-vị và bài Bát-vị và thuốc bổ âm cùng thuốc bổ khí huyết mà nên dùng đến, vì sữa người

Tìm sách

là thứ hữu tinh, không như các vị thuốc lá cỏ cây mà có thể ví được. Sữa người lại rất hợp cho chứng âm hư mà hỏa bốc lên, người nóng như đốt, mình tựa củi khô, mặt sạm lưỡi đen, năm tân dịch khô kiệt, phiền táo khát nhiều, tiểu-tiện đỏ mà sẻn, đại-tiện táo kết, cùng chứng hỏa khởi từ « huyệt dũng tuyền » (từ gan bàn chân) bốc lên hay là chứng lòng bàn tay và ngực nóng như đốt muốn quạt không ngừng, hoặc ưa thứ mát ghét thức nóng, chân tay muốn ngâm xuống nước cho dễ chịu. Tôi cho đem nước sữa uống nhiều ngay lúc còn nóng, chỉ chốc lát là bệnh nhân dễ chịu, mà chứng bệnh kể trên giảm ngay. Hoặc dùng sữa người hòa với cao Ban-Long, hay là hợp với nước sinh-địa cho uống, thời công hiệu giúp chân âm để thoái nhiệt không kể hết được, bấy giờ dù gọi tên là *kim-tương ngọc-dịch* (nước quý như vàng ngọc) cũng chưa hết được quý giá. Thời trước gọi sữa người là *tiên-gia-tửu* (rượu của nhà tu tiên). Duy chứng tiết-tả kiêng dùng sữa người.

Tỷ lợn mọi người đều coi thường, nhưng tôi thường đem để giúp vào thuốc viên bổ âm, thời thấy bổ tinh tủy, mạnh lưng gối, lùi được chứng âm, có thể thay cho lộc nhung, thật là vị thuốc hay cho nhà làm thuốc.

Chương 31.— **Cao sừng hươu, cao sừng nai, hai thứ như nhau, đều là tinh huyết có tình.**

Thuốc hoàn bằng nhân-sâm, thuốc hoàn bằng nhục-quế hai thứ hợp lại để cứu cho gia đình không có lực.

Lời giải : Cổ thư nói hươu ở đồi núi cao còn nai ở chỗ thấp, cho nên tiết hạ chí, âm khí mới sinh mà hươu rụng

sừng, tiết đông chí khí dương mới sinh mà nai rụng sừng thế là lộc-nhung là nhung của hươu thời bổ về dương mà mi-nhung là nhung của nai thời bổ về âm, công dụng có khác nhau, nhưng tôi đem sừng nấu cao mà dùng thời hươu và nai như nhau. Đều mạnh được dương khí, bổ được âm huyết, thêm tinh tỷ, mạnh gân cốt, nhuận cơ thể, uống lâu sinh nhiều con trai, mà còn nhẹ người mà thêm tuổi thọ, thật là thánh dược.

Rất đáng quý là giúp chân âm, để giáng hỏa mà không ngưng trệ tỳ vị, thường dùng chữa được chứng ráo khát. Chứng sản hậu huyết hư phát khát, chỉ dùng cao Ban-Long mà công hiệu như thần, và chứng nóng nhiều phiền khát không cứ là âm hư, hay dương hư, nuốt vào cổ họng thời thần khí nhẹ nhàng, khác nào có gió mát mà giải được oi bức. Lại còn tan được chứng thạch-anh, thạch-lưu tiêu được ung-nhọt, vỡ mủ sinh cơ nhục. Người thiếu chân âm mà gầy đen dùng ban-long là rất hợp. Chứng vì hư hỏa mà thổ huyết, có thai đau bụng không được yên, uống vào là công hiệu.

Chỉ có người dương hư tỳ vị hàn, hay là đi tả đã lâu thời phải kiêng. Nếu tỳ thổ hư yếu không chứa được nguyên-dương mà hư hỏa bốc lên hay là dương khí thiếu thời uống thuốc cho hợp bệnh, rồi dùng thêm cao cũng không ngại gì. Nếu hỏa ở dạ-dày bốc lên, âm của tạng tỳ không đầy đủ, thời lấy cao này uống với bài Tứ-Quân càng hay. Tôi hơn 20 năm nay dùng cao ban-long để cứu các chứng nguy, nhận thấy các vị thuốc là thảo mộc không thể sánh bằng được, vì thế tôi có đặt ra bài độc-long-ẩm và nhị-long-ẩm (ghi ở trong quyển Hiệu phẩng) rất kỹ.

Những phép dạy nấu cao của người đời xưa chưa

Tìm sách

được hoàn thiện, đại khái như cổ nhân nói : « Cưa sừng dài từng tấc một, rồi để bảy ngày ở chỗ nước chảy », như thế thời chất cao kém đi, lại nói : « cưa chỗ đầu sừng bỏ đi vì vô ích », lại nói : « sừng của hươu nai rụng ra gọi là giải giác, thời xấu mà không nên dùng. » Tôi thường thí nghiệm, thời cao nấu cả giải giác đem dán vào ung độc thời chóng tiêu, mà người đi nắng khát nhiều, cho ngậm một phiến cao ấy thời trong bụng mát mẻ mà không cần đến uống nước, lại sừng rụng ra nấu cao vẫn được nhiều, mà giải giác không phải là xấu, cứ chỗ trán hai sừng giáp nhau mà làm sạch cũng nấu được.

Hơn nữa, theo phép nấu cao của người đời xưa, thời nước cạn cho thêm nước, đến khi sừng mềm ra thời bỏ sừng, lấy nước canh lại thành cao, như thế thời nước lại thấm vào bã mà cao được ít, tôi nấu cao đã nhiều xin bày cách nấu như sau :

Lấy sừng hiên hay nai, không cứ là sừng cưa lấy (sinh giác) hai sừng rụng ra (giải giác) để vào chỗ nước chảy mấy ngày đêm, rồi dùng móc sắt cạo cáu ghét ở chỗ khe sừng cho thật trắng ra, cưa mỗi đoạn vài tấc, rồi chẻ thành từng mảnh, và những mạt cưa và vụn nhỏ cũng dùng được, xong bỏ vào trong nồi đồ đầy nước đun rồi, bên lò để một nồi nhỏ vẫn đun nước cho nóng để chế vào những lúc nước cạn ; mỗi ngày đêm múc nước cao ra một lần mà đựng riêng, nồi nước cao ấy để chỗ thoáng gió mà thường đun nóng.

Nồi đựng gạc đã múc nước ra, thì lại đổ đầy nước nóng vào đun một ngày một đêm rồi lại múc ra như trước, nhớ đừng kể mấy ngày, mà cũng không phải xem xương ấy đã mềm hay chưa, cứ thấy không còn nhựa trắng mới thôi.

Tìm sách

Xong đem những nước của các lần trước múc ra cho chung vào một nồi, đun và quấy thật thong thả cho đến khi hồng sắc mà nước gần đặc, thời đem đun cách thủy, mùa hè canh khi già, mùa đông canh hay non, vì mùa rét cao còn non đã đổ ra rồi cao mới không rắn lắm. Phép thử lấy đũa sêu cao lên, mà cao ở đầu đũa thành áo là được.

Thấy cao được, ta đổ cao lên cái mâm đã lót lá cho thật phẳng, rồi lấy lộc-giác-xương là gạc đã nấu rồi, phơi khô tán mạt rắc lên trên mặt phiến cao, để một đêm đem cao cắt từng phiến, phơi ở chỗ râm chỉ có gió, hôm sau phơi ở chỗ nhẹ nắng, rồi phơi ở chỗ có nắng để cao rắn lại, xong bỏ vào chỗ thật kín mới không sợ hư.

Có người nói : nấu cao nên cho dương-quy, kỷ-tử, nhân-sâm cho tốt, nhưng không biết hươu 60 năm mới rụng sừng, vì thuần dương là long mới gọi là cao « ban-long », tôi chỉ nấu riêng sừng hươu hay nai, rồi tùy chứng bệnh cho thêm thuốc, là vì cao ấy bổ âm mà lại bổ cả dương, không nên nấu thêm thứ khác vào, khi nấu tôi dùng củi chắc cho nhiều lửa, đến khi đun cách thủy mới dùng củi dâu.

***

Nhân-sâm rất bổ cho nguyên-khí, nhục-quế rất bổ cho mệnh-hỏa, đều là thứ thuốc để cải tử hoàn sinh, nhưng đều là thứ đắt tiền, nếu nhà nghèo thời không đủ sức mua, vậy tôi nghĩ ra một phép chế hai vị ấy để giúp cho nhà nghèo :

PHÉP CHẾ NHÂN SÂM : Vị sâm ở châu Bố-chính nước ta là tốt nhất rồi đến sâm ở tỉnh Thanh-Hóa, ta nên dùng mấy cân sâm bố-chính, càng nhiều càng hay, thái từng phiến

Tìm sách

bỏ vào trong nồi đồ đầy nước đun cạn một nửa, thời lấy nước ấy để riêng ra, lại cho đầy nước đun lần thứ hai, cạn quá nửa cũng múc nước cốt ra, lại cho nước đun lần thứ 3, đun đến hết nhựa thời thôi, xong đem 3 lần nước ấy, đổ chung vào một nồi đun gần đặc, rồi đựng vào nồi nhỏ đun cách thủy cho thành cao, đổ lên trên lá chuối phơi khô nửa chừng thời nghiền mà hoàn lại bỏ vào trong lọ kín. Khi dùng đun với nước thuốc cho tan ra. Nếu hoàn thuốc viên thời đem cao nấu với hồ. Nếu muốn bớt tính lạnh đi, thì tẩm sâm ấy với nước, gừng sao hơi vàng rồi sẽ đun cũng được.

PHÉP CHẾ NHỤC QUẾ: Thứ nhục quế cạo sạch bì ngoài, rồi liệu chừng đem vị ngưu-tất vị ngũ-vị, sắc lấy nước đặc để tẩm những mảnh quế ấy rồi đem phơi khô, tẩm và phơi đến ba bốn lần rồi tán bột hòa với mật ong, hong ở trên than ít lửa, dưới để mấy lần giấy, khi quế khô kiệt, thời bỏ vào trong lọ kín để dùng dần, là vì dùng ngũ-vị và ngưu-tất là thứ thuốc liễm vào và giáng xuống, để quế ấy không bốc lên được, dùng vị mật ong để thêm tính ôn bổ. Đến khi dùng thời mài vào thuốc mà uống. hay là tán với thuốc làm hoàn mà uống cũng được.

Chương 32.— Chữa chứng sốt rét nên căn cứ vào rét nhiều sốt ít, hay rét ít sốt nhiều, hoặc chỉ rét không sốt, hay là chỉ sốt không rét, để phân ra khí huyết hư yếu thế nào.

Chớ chấp nệ về cổ thư là chứng sốt ấy mỗi ngày một cơn, hay cách một ngày mới lên cơn, hoặc cách mấy ngày mà phát sốt, về âm-phận

Tìm sách

hay dương-phận, để phân ra khó chữa hay dễ chữa.

Lời giải: Về chứng sốt rét nóng nhiều rét ít là huyết hư, nên dùng bài *tứ-vật* hợp với bài *tiểu-sài-hồ*: Rét nhiều nóng ít là khí hư, nên dùng bài *Tứ-Quân* hợp với bài *tiểu-sài-hồ*; Chỉ rét mà không sốt là dương hư lắm, nên dùng bài *bát-vị* để bổ hỏa; Chỉ sốt mà không rét là âm hư lắm, nên dùng bài *lục-vị* để bổ thủy; lại đều thêm vị sài hồ, và xét nguyên khí mạnh hay yếu, mà liệu chừng thêm vị thường-sơn để triệt ngược (người mạnh thêm nhiều thường-sơn. mà người yếu thêm ít), như vậy thời chứng sốt rét tự khỏi. Khi khỏi mới dùng thuốc bổ, ta đừng thấy sốt rét lâu mà dùng ngay bài *bổ-chung-ích-khí* là vô ích mà có hại.

Lại chớ chấp nệ là cách một ngày mới phát sốt, mà phát về dương phận là từ sáng đến trưa, thời dễ chữa mà chóng khỏi, nếu cách hai hay ba ngày mới sốt mà sốt về âm phận là chiều hay tối là khó chữa và lâu khỏi; ta chỉ nên căn cứ vào khí ở tỳ vị mạnh, mà ăn được thời dễ chữa, khí của tỳ-vị yếu mà ăn ít là khó chữa, vì thế người yếu phải bổ vị-khí trước, vị-khí mạnh mà ăn uống được, rồi dùng thuốc triệt-ngược mới là ổn đáng.

Chương 32bis.— **Dương dược để bổ dương, âm dược để bổ âm, là vì cương nhu khác nhau.**

Trong dương dược có âm, hay trong âm dược có dương, mới là khí huyết giúp lẫn nhau.

Lời giải: Dương dược như những vị bạch-truật, phục-linh, hoài-sơn, trích-thảo, gừng-sao (bào-khương), thời khí

Tìm sách

và vị thuần là dương, cho nên bổ được dương (vị cay và ngọt là dương hay ôn và nhiệt cũng là dương). Âm dược như những vị : thục-địa, sơn-thù, bạch-thược, sinh-địa, mạch-môn, ngưu-tất, sa-sâm, thời khí và vị thuốc âm, cho nên mới bổ âm, (những vị hàn hay lương là âm, toan-khổ là chua và đắng cũng là âm).

Âm dược ở trong dương dược như những vị : Nhân-sâm, hoàng-kỳ, bạch-truật nấu thành cao, thời đã bổ khí mà lại thêm bổ huyết. Dương dược ở trong âm dược như những vị ; Lộc-giao, mi-giao, đương-quy, xuyên-khung, sinh-địa, thục-địa, kỷ-tử, những vị ấy đã bổ huyết lại kiêm bổ khí.

Chương 33 — **Ích cho tỳ thổ và giúp cho thận-thủy, phải dùng cho đúng thuốc mới có công hiệu.**

Bổ tinh huyết và thêm tinh huyết, phải dùng cho hợp pháp, mới được thành công.

Lời giải : Vị Bạch-truật ráo thấp khí để tiện tỳ, vị nhân-sâm đại bổ cho nguyên-khí, vị phục-linh để thấm thấp, vị cam-thảo trích khô để ôn trung, vị xương-truật chữa chứng tạng tỳ thấp trệ, vị trần-bì để hành khí hóa trệ, vị hoài-sơn, chưng trên nồi cơm và sao, để trợ tỳ chỉ tả, vị ý-dĩ trừ được thấp để kiện tỳ vị quan-quế ôn trung. vị bào-khương (là gừng sao chín quá lửa) trừ được lạnh, vị ổi-khương là gừng nướng ôn trung chữa được hàn chứng và ọe, vị sinh-khương ôn trung tán hàn, vị sa-nhân ôn trung tiêu thực, vị đinh-hương ôn tỳ chữa chứng nôn ọe, vị mộc-hương kiện-tỳ hành trệ, vị biển-đậu sao vàng để hòa chung chỉ tả, vị nhục-đậu-khấu kiện tỳ-vị ưa chỉ tả, vị

Tìm sách

thảo-đậu-khấu ôn trung tiến thực mà chữa nôn-ọe, vị Sơn-tra thức ăn bằng thịt cá tích lại, vị mạch-nha và vị thần-khúc tiêu cơm ăn tích lại, vị hồ-tiêu trừ hàn tiêu thực, vị Bạch-đậu-khấu trợ tỳ tiêu-tích.

Các vị kể trên, đều để giúp cho tỳ-vị, nhưng cũng có vị không nên dùng, như những vị có mùi thơm, với chứng tỳ-thổ thấp trệ thời nên dùng, còn như chứng hỏa ở vị mạnh quá mà âm của tạng tỳ hư tổn, thời vị bạch-truật nấu thành cao vị thục-địa sao thơm, Cao Ban-Long, vị bạch-thược tẩm đồng tiền sao, thời mới giúp được tỳ-âm, và mới chế được vị-hỏa, nếu chỉ dùng những vị thơm mà ráo, thời tân-dịch kiệt dạ-dày khô đi, mà thành ra đại bệnh, phiên vị quan-cách (ngăn cách mà ăn vào lại nôn).

Thuốc để bổ thận, thời vị Thục-Địa giúp được thận-thủy, vị Sơn-thù cường được chân âm, mạnh được chân dương, vị Kỷ-tử giúp được tinh khí, vị Nhục-Thung-Dung bổ hỏa và thêm tinh, vị Nhục-Quế dẫn hỏa quy nguyên, vị phụ-tử ôn được mệnh-hỏa, vị ngưu-tất nhuận được ráo, và xuống đến tạng-thận, vị đỗ-trọng để sống thời vào tạng thận rất chóng, tẩm rượu sao thời đi khắp thân thể, tẩm muối và rượu để sao, thời ích cho cân cốt, vị phục-linh thấm được thận-thủy, vị phá-cố bổ được thận-hỏa, vị mẫu-đơn thanh được lôi-hỏa mà chấn tĩnh cho chân âm, vị thỏ-ty bổ cho dương khí của tỳ thận, lại bổ âm cho tạng thận, vị Địa Cốt Bì tả được chứng cốt chưng (nóng tận xương), vị hoàng-bá tả được tà hỏa, vị huyền-sâm tả được chân hỏa dư ra, vị Ngô-thù ôn được hạ tiêu.

Tìm sách

Các vị kể trên, cũng phải tùy chứng mà dùng, nói giúp cho tạng thân, hơn nữa, vị nào chỉ đáng làm tá, sứ, mà cho làm quân, thần, thời lại không công hiệu. Tóm lại, thuốc bổ cho tinh huyết, như lộc-nhung, mi-nhung, lộc-dao, mi-dao, tử-hà-sa (nhau của đàn bà đẻ), nhũ-phấn (bột của sữa người), đều là bổ mạnh cho tinh huyết, mà những vị thuốc về thảo-mộc không thể sánh bằng, còn vị phụ-tử đi đôi với vị nhân sâm, thời bồi được nguyên khí, giúp cho vị bạch-truật thời vững được trung châu, giúp cho vị hoàng-kỳ thời chóng đến vệ-khí, giúp cho vị thục-địa thời hướng đến chân âm, đến như vị nhục-quế, uống với bài Bát vị thời bổ được mệnh-hỏa, uống với bài Tứ-Vật thời bổ vững được chân huyết, uống với bài Tứ-quân thời ôn được trung-tiêu mà dẹp chứng hư-hỏa, đi với vị Bào-Khương thời dẫn khí được vào khí phận, dẫn huyết được vào huyết phận. Những vị mới kể ở trên giúp ích cho việc bổ tinh huyết không phải là ít.

Chương 34.— **Thanh hỏa, tả hỏa, phạt hỏa, không bằng giáng hỏa thì vô hại;**

Giáng khí tán khí, phá khí, không bằng hành khí thời đỡ hao.

Lời giải : Về phép chữa hỏa có nhiều thứ, *Thanh-hỏa* như : vị thạch-cao thời trừ được hư nhiệt, vị mộc thông thời thông lợi được nhiệt, vị đăng-tâm (bấc thắp đèn) thời lợi tiểu tiện mà thoái nhiệt, vị Trúc-diệp giải khát trừ nhiệt, vị Trúc-nhự (tinh tre) trừ chứng phiền-nhiệt, vị mao-căn thanh được vị nhiệt, vị bối-mẫu thanh được tâm hỏa, vị Thiên-hoa-phấn trừ được nhiệt tà tích lại, vị cát-căn trừ được nhiệt vị cảm và chỉ được khát, những vị trên đều là thanh hỏa.

Tìm sách

Giáng hỏa như: vị mạch-môn thanh được phế-hỏa, Thiên-môn cũng tả được phế-hỏa, vị mẫu-đơn thanh được phục-hỏa (lửa ngấm ngầm) và chữa chứng cốt-chưng (nóng tận xương), là vị thuốc vừa tả vừa bổ, vị địa-cốt-bì thanh hỏa và cũng chữa cốt chưng, vị sa-tiền-tử chữa được phong nhiệt, vị huyền-sâm tả được hư hỏa, vi chi-tử giáng hỏa lợi tiểu-tiện, vị tỳ-bà-diệp lui được hư nhiệt, vị Liên-nhẫn giải nhiệt-độc, trừ phiền khát, các vị kể trên đều có tính giáng hỏa.

Tả hỏa như: vị Hoàng-Cầm tả được phế-hỏa, vị Hoàng Bá tả được phục hỏa, vị Hoàng-Liên tả hỏa cả ngũ tạng, vị Tê-giác trừ được hỏa nhiệt, vị long-đởm tả được can-hỏa và phục-hỏa trong tạng tâm, vị Thanh-đại tả được can-hỏa, vị địa-long (đất ran đùn lên) tả mọi hỏa nhiệt, vị Chi-mẫu tả mọi nhiệt độc, các vị kể trên đều về loại tả hỏa.

Phạt hỏa như: vị liên-kiều tán hỏa ở mắt, vị đại hoàng trừ tích nhiệt, vị phác-tiêu phá nhiệt kết, vị thạch cao tả hỏa nhiệt, vị hoạt-thạch tả vị hỏa, các vị trên đều là vị thuốc phạt hỏa.

Tóm lại, *Thanh-hỏa* là để cho sức của hỏa mát đi, *giáng-hỏa* là không để cho hỏa bốc lên; *Tả-hỏa* là làm cho hỏa vọi đi mà không còn sức mạnh; *phạt-hỏa* là công phạt hẳn đi mà không để có hỏa, như vậy thời những vị giáng-hỏa mới là không có hại.

Vị mạch-môn-đông, vị thiên-môn-đông mà ta thường gọi là nhị-đông. dù có tính bổ, nhưng hàn mà nhuận vẫn không bằng vị Thục-địa, vị Sinh-địa, vị Ngưu-tất, Cao Ban-

Tìm sách

Long, và sửa người, thời bổ âm mà liễm được dương, thế là giúp chân âm mà hỏa tự giáng, lại không cần đến giáng hỏa.

Tả-hỏa không đến nỗi làm tuyệt hẳn chân hỏa, còn *phạt-hỏa* là công phạt hẳn đi, thì chỉ nên dùng ít hay dùng tạm. Bệnh khỏi là bổ ngay để cứu vãn. Nếu dùng nhiều hay dùng lâu thời hỏa đến chỗ tuyệt.

Sở dĩ tôi bàn luận như trên, là vì hỏa để lập ra mệnh, nếu hư yếu còn phải bồi bổ không xong, ta nên xét hỏa tức là khí, khí không được quân bình thời là hỏa, vậy hỏa dư ra là khí không đầy đủ, đã không đủ mà lại tả đi; khiến cho không đầy đủ nữa, thời hỏa tuyệt mà khí cũng tuyệt, nhà làm thuốc chẳng nên thận trọng về chỗ ấy hay sao.

PHƯƠNG PHÁP CHỮA VỀ KHÍ : *Hành khí* như : vị trần-bì để tiêu trệ, vị đại-phúc-bì tiêu khí dư ra, vị Tô-tử giáng khí ngược lên, vị Sơn-tra khai được hết khí, vị Sinh-Khương tản được hàn khí, vị hoắc-hương thuận được khí, vị đinh-hương trừ được khí hàn trệ, vị Mộc-hương hóa được trệ khí, vị trầm-hương ôn được tỳ vị và hạ khí.

Giáng-khí như : vị ý-dĩ để hạ khí, mộc-qua để hòa khí, vị ngô-thù ôn khí ở hạ-tiêu, vị Hậu-Phác tiết khí ở ngũ tạng, vị Bạch-Giới-Tử tản được lãnh khí, vị ô-dược thuận được khí.

Phá-khí như : vị Thanh-bì phá trệ khí, vị chỉ-sác phá khí ở thượng tiêu, vị chỉ-thực phá khí ở hạ-tiêu, vị Bồng-Nga phá bĩ khí, vị Đinh-lang tả khí ở trên cao.

Hành-khí là dẫn trệ khí đi. Giáng-khí là giáng khí

Tìm sách

xuống, tản-khí là không để cho khí tụ lại, phá-khí là phá chỗ khí tích. Tóm lại, khí nên lưu thông mà không nên ưng trệ. Hành-khí là theo về bản tính của khí mà không có hại, còn hơn là giáng khí. Còn như tản-khí thời có tệ là làm tiêu háo đi, nhưng tệ nhất là phá-khí lại có hại hơn, vậy phải hợp bệnh mới dùng được. Cổ thư có nói : « Điều-khí hòa-khí » là lẽ thế, huống chi muốn bổ tỳ vị thời phải trọng đến khí, nên những vị chữa về khí mà không biết dùng, thời có hại không phải là ít.

Chú-giải : Câu cương nói cả tản khí mà không giải nghĩa, nhưng đại ý tản cũng như hành.

Bổ đi : *Chữa chứng thổ-tả*, nếu thấy người vẫn mát, chỉ có lòng bàn tay và đầu ngón tay là ôn, và mông tay đỏ là nhiệt. Nếu lòng bàn tay, đầu ngón tay đều lạnh, mà móng tay nhợt là hàn. Hơn nữa, chứng thổ mạnh hay tả mạnh là thực nhiệt, thổ vừa, tả vừa thì đều là hư. Ngũ nhạc thấy ôn là nhẹ mà sống, thấy lạnh cả là chết, địa-các là dưới cằm lạnh là nặng lại thêm hai gò má và mũi đều lạnh là rất nặng. Mọi chứng thổ-tả, dùng quả bồ-kếp đốt bỏ hột đi lấy cùi, và vị tô-tán sao qua, hai vị bằng nhau, tán thực nhỏ thổi vào trong mũi, thời không cứ hàn nhiệt hư thực và chuyển-cân (chuột rút) đều nên dùng.

Những người vẫn hư yếu, gặp phong hàn ở ngoài, hay là vì ăn uống mà đau, hình và khí đều yếu, thế là trong hư yếu mà thêm thực thời không hại gì, ta cũng nên dùng thuốc cho nhẹ đi, nhưng chớ dùng thuốc hạ Còn bệnh nhân muốn thổ không thổ được, muốn tả không tả được,

Tìm sách

mà đau bụng lắm, lại không có táo kết, ưa nước lạnh muốn quạt v.v... thời nên dùng bài *chính-khí* cho thổ ra, hay bài *lá-quang* cho tiêu đi, mà đỡ được nửa phần thời thôi không nên nóng quá. Nếu đã thổ đã tả mà vẫn cứ thêm trệ, thời dùng ngay bài *vị-quan*, thêm vị hoắc-hương, vị sa-nhân, vị trần-bì, vị phục-linh để tiêu lợi đi, thế cũng như thực chứng, mà không có khó chữa.

Nếu bệnh nhân đại thổ, đại tả hại đến tân-dịch, thầy thuốc hay dùng những *bài Chính-khí, bài Vị-ninh, đến nỗi âm vong dương thoát*, về chứng ấy sáu bộ mạch đều không thấy, là âm hư ở dưới, khí không đạt lên đến kinh Thái-Âm : Vì chân tay giá lạnh là âm hư mà phát quyết ; vì ra mồ hôi mà háo là tân-dịch mất ; chuột rút là huyết không nuôi được gân ; nói ngọng mất tiếng là hư dương bốc lên phổi, ra mồ-hôi muốn quạt là âm hư không tàng được dương, những chứng nguy kịch ở trên, nhưng mạch Thái-Khê hãy còn huyệt khí hãy còn ôn, hơi thở không ồ ồ, tinh-thần không mất, thế là còn chút nguyên dương còn có thể lấy lại được.

Khi ấy dùng thuốc rất khó, cổ thư có nói : « Lúc mới tả mà khát chớ cho uống thuốc ôn », như thế thời tựa hồ nên cho uống thuốc cam-lương ; Cổ-Thư lại nói : « Tả lâu mà khát chớ dùng thuốc hàn-lương », như thế thời tựa hồ nên dùng thuốc cam ôn. Nhưng hai câu đó cũng nên xem hoạt đi, mà không nên chấp nhất.

Theo ý tôi, không cứ bệnh mới hay lâu, thấy tả lâu mà ráo khát, thời thuốc ôn hay lương đều không nên khinh thường mà dùng, chỉ nên dùng vị thuốc cam bình (ngọt mà vừa phải không ôn không lương), để giúp cho chân âm mà tăng dương khí lại, dương hư không thể

Tìm sách

bổ được vị nhân-sâm, mà âm hư không thể bổ được vị thục-địa, còn các vị thuốc khác, thời tùy chứng gia giảm, nhưng chỉ để làm tá, sứ, khi ấy gia giảm tùy nghi, mà không nên theo những phương thuốc nhất định.

Chứng đại thổ, đại tả, ưa uống nước mát mà uống bao nhiêu thổ bấy nhiêu, thổ mạnh khiến thuốc thang khó lọt, mà chân tay giá lạnh, sáu bộ mạch đều không thấy, phát nhiệt, phát táo, nằm ngồi không yên, giơ tay đập chân, gân mạch co quắt. Thế là thổ nhiều thời vong dương, tả nhiều thời vong âm, khí của tạng thận bôn đồn lên dạ-dày khó chữa được, cho nên phải thổ ra, chứng thổ ấy không khéo chữa không được, nếu cho uống lầm bài *Lý-Trung*, bài *hồi-dương* thời âm tuyệt mà chết, cho uống lầm bài *trúc-diệp thạch-cao* thời dạ-dày bại mà chết, dù cho uống bài *lý-âm*, bài *vị-quàn*, bài *toàn-chân*, cũng khó mong thành công.

Về chứng ấy không nên dùng thuốc cay và ôn, cũng không nên dùng thuốc lạnh và mát, tôi cho uống trước những vị : Thục-địa tẩm nước gừng sao 3 chỉ, Dương-sâm 1 chỉ, mạch-môn sao lẫn với gạo 2 chỉ, ngưu-tất 5 phân, sắc đặc nước đầu cho uống ; sở dĩ dùng vị thục-địa là để chấn tĩnh chứng bôn đồn để nhẹ cho chứng thổ, rồi thang sau gia giảm, táo khát mà nói ngọng gia vị ngũ-vị 14 hột, khát mà gân co gia vị sơn-thù (nếu tạng can cường, dạ-dày yếu thời kiêng) như vậy mà tả chưa chỉ thời thêm hoài-sơn một đồng cân, cam-thảo ba miếng, nhất thiết khi ấy không nên dùng phụ-tử, phục-linh, bạch-truật, vì những vị ấy làm cho chân âm hư thêm, lại kiêng dùng những vị cay và nóng, cùng những vị thấm thấp để lợi tiểu-tiện, như thế là thuần dùng những vị để bổ cho chân âm.

Tìm sách

Chứng thổ tả mà không thấy mạch, chân tay giá lạnh, oẹ thổ lợm lòng, khát mà uống nước nóng nếu uống nước lạnh thời thổ, phát phiền phát táo, thế là âm hư mà dạ-dày hàn, nên dùng bài *Sâm-khương* kể sau đây là chỉ :

Sâm một chỉ, gừng ba miếng, hồ-tiêu một hột tán mạt.

Rồi dùng bài *nạp-tàng* kê sau :

Thục-địa tẩm gừng và rượu, sao ba chỉ, hoài-sơn một chỉ rưỡi, dương sâm một chỉ, gừng sao đen tồn tinh 3 phân, phục-linh 1 chỉ, đỗ-trọng 5 phân, ngũ-vị mười hột, dạ-dày hàn thêm phụ-tử một phiến, bụng dưới đau liên miên thêm vị khởi-tử (Hư hỏa động thời thôi), thế là bổ âm mà tiếp dương ; 2 bài này với bài chữa trước không giống nhau, ta phải nên phân biệt.

Hai bài trên đều dùng thang thuốc nhỏ sắc thật đặc uống ấm. Nước đầu, rồi tùy chứng gia giảm, nếu uống thuốc rồi lại nôn, thời cho uống luôn mà uống ít, khi nào thổ tả yên, táo khát ngừng, mình ốm đã thấy có mạch, thời có thể sống được, nhưng mạch thấy dần dần mới sống, nếu thấy mạch mạnh ngay thời chết, mạch thấy có dần dần mà có vị-khí là sống, thấy mạnh mà « huyền hay cường », hơi thở ồ ồ thì là giả phục (trở lại giả cách), đó là thiếu chân âm, tử chứng không thể chữa được.

Những phương thuốc để chữa tả kê ra sau đây :

BÀI TỬ-ÂM LIỄM-DƯƠNG (Tôi mới chế ra) :

Thục-địa tẩm gừng và rượu sao 3 chỉ. Dương-sâm một

chỉ rưỡi, mạch-môn sao với gạo tẻ 1 chỉ. Ngũ-vị tẩm rượu và mật sao 15 hột, Ngưu-tất 1 chỉ, Hoài-Sơn đồ trên nồi cơm 1 chỉ. Sơn-Thù tẩm mật đồ trên nồi cơm 5 phân. Trích-thảo 2 phân.

Nếu thể nhiều bỏ vị Hoài-Sơn, tạng can mạnh, dạ-dày yếu bỏ vị Sơn-thù và ngũ-vị.

BÀI TÀNG-DƯƠNG NẠP-ÂM :

Thục-Địa tẩm gừng và rượu sao 3 chỉ. Hoài-Sơn đồ trên nồi cơm 1 chỉ rưỡi. Dương-sâm 1 chỉ. Mạch-môn 1 chỉ. Ngũ vị 14 hột. Can-khương sao đen chỉ còn hơi có lõi 3 phân. Ngưu-tất 3 phân. Đỗ-trọng 8 phân. Phụ-tử một phiến rồi thêm dần đến 2 hay 3, 4 phiến hay là bỏ đi.

Bài trên là bài *toàn-chân* bỏ truật gia hoài-sơn, can-khương sao, và đỗ-trọng.

BÀI ĐẠI BỔ-NGUYÊN :

Dương-sâm một chỉ. Thục-địa 3 chỉ, quy-thân 1 chỉ. Khởi-tử 1 chỉ. Hoài-Sơn đồ trên nồi cơm 1 chỉ rưỡi. Sơn-thủ 1 chỉ, (nếu bệnh nhân sợ chua thời bỏ đi), Đỗ-trọng 1 chỉ, Trích-thảo 3 phân.

Sau khi uống *bài Tư-Âm liễm dương* mà khỏi thời uống đến bài này.

Vị đương-quy và khởi-tử người nào bụng dưới đau liên miên vì hàn thì nên dùng, bằng không thời thôi.

Tìm sách

BÀI SÂM KHƯƠNG ÂM :

Dương-sâm 1 chỉ, gừng sao đen 5 phân. Hồ-tiêu một hột.

(Xét vị hồ-tiêu ưa cho dạ-dày, không như những vị thuốc khác chua và mặn, có thể động đến dạ-dày).

BÀI HỒI NGUYÊN ÂM (ở bộ Y-HỌC TOÁT-YẾU) :

Dương-sâm 1 chỉ. Thục-địa 3 chỉ, Phụ-tử 3 phân Chân âm đã hồi mà dương khí mới hại, không gì bằng bài thuốc này.

BÀI NGŨ PHÚC ÂM :

Thục-địa 3 chỉ. Quy-thân 1 chỉ. Dương-sâm 1 chỉ rưỡi. Bạch-truật 1 chỉ rưỡi. Trích-thảo 5 phân.

Uống bài Tàng-dương-nạp-âm mà khỏi rồi, nên uống bài này.

Tìm sách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập ĐẠO-LƯU DƯ-VẬN

TìmSách

TìmSách

Tiểu dẫn của tác giả

Chợt có một vị khách đến chơi nhà tôi, cầm một cuốn sách thuốc tôi đương soạn ở trong tủ sách, đọc xem mấy lượt. Rồi chợt hỏi tôi rằng : « Trời sanh rộng lớn có thể gọi tên được không ? Những đồ dùng khéo làm ra do thước vuông, thước tròn có thể bàn luận được không ? »

Tôi biết người ấy, nói ngụ ý về cuốn sách của tôi làm là không cần thiết cho lắm.

Tôi trả lời rằng :

« Sách cổ còn có câu : Thợ Trời chỉ giữ then dây ; mà mưa, nắng, ấm, rét, do 4 mùa làm việc ; người thợ khéo cốt dùng lấy gỗ tốt, mà ngay thẳng vuông tròn là theo về dây mực.

« Trước kia Đức Hoàng-Đế, Ông Kỳ-Bá chỉ phát minh ra lẽ âm dương, thịnh-suy, tà-chính, hư-thực, được thua, sinh-khắc ở trong y dược. Nhưng việc gì cũng từ thô sơ mới tiến lên tinh xảo. Vậy không có người không thành được việc cho trời mà công hiệu không được hoàn toàn, nên phải có người để giúp đỡ vào chỗ tạo hóa chưa đủ. Cho nên việc thuốc từ đời Ông Thương-Hiệt trở về sau, họ Lưu, họ Trương, họ Chu, họ Lý và Ông Vương-Thái-

Tìm sách

Bộc, Ông Lập-trai, Ông Cảnh-Nhạc, Ông Phùng-Thị, những bậc tiền bối ấy kế tiếp nhau làm sách để phát minh.

« Vì người ta bẩm sinh, đời xưa đời nay không giống nhau, nên phải lập ra phương thuốc mới để chữa cho người đời sau. Trong những sách đó nghiên cứu uyên bác, phán đoán phân minh ; bàn về lẽ thuốc, nói đến hình thể, không điều gì là sót để thiên hạ cùng biết. Như thế thời ít chỗ thiếu sót mà sao tôi dám lập dị để khác với người đời xưa.

« Nhưng tôi nghĩ rằng : Học thuốc phải lấy thủy, hỏa làm gốc, lấy khí huyết làm tác dụng, những vị ngọt, ôn và thấm nhuần để bồ cho người hư yếu, những vị thơm, ráo, thanh lương để chữa cho chứng thực (tà khí mạnh) như thế chỉ là cương lĩnh mà thôi.

« Còn như bệnh chứng biến hóa, một câu nói không thể hình dung được, thời lấy đâu không thiếu sót. Vì thế mà những người chưa nhận xét được đúng, một khi gặp biến chứng thời trong bụng hồ đồ, tự ý thêm bớt, vừa bồ vừa công để bệnh nhân nồng mạng, người có tai mắt không thể đành lòng được.

« Tôi vốn học nho, cố chí học sang nghề thuốc, xem rộng các sách rồi ngẫm nghĩ tìm tòi, để lẽ làm thuốc biết được đến nơi. Vì thế không tự biết là học kém, xếp những lời bàn luận của bậc tiền bối mà chú giải thêm, những chỗ mọi người thêm bớt không đúng thời phân tích mà chỉnh lại, để bù cho những chỗ người đời xưa chưa nói đủ.

« Tôi cũng tự biết là đánh trống qua cửa sấm và múa

TìmSách

rìu qua mất thợ. Vậy Tôn Công đem lời ấy công kích, thật là yêu tôi để nén sự kiêu căng mà hoàn thành sự tốt đẹp. Chỉ vì thiển ý tôi thà mang tội với các bậc tiền bối còn hơn là không chịu phát minh để phụ với việc học của mình. »

Người khách nghe tôi nói rồi nín lặng, vỗ trán mà nói : « Ông nói phải, ông nói phải » nên tôi ghi lại để làm bài tiền dẫn trên đây.

TÁC GIẢ

TìmSách

TìmSách

Mục-lục

1) Bàn về lẽ làm thuốc và ý làm thuốc.

2) Bàn về trong thân người có một Thái-Cực.

3) Bàn về khí hư, hỏa hư, huyết hư, thủy hư, chứng bệnh hơi giống nhau mà có thể cùng chữa một phương pháp.

4) Bàn về âm hư phát nhiệt, mà dương hư hãm trở xuống.

5) Bàn về chứng « đới-hạ » (nguyệt kinh rớt ra) về gốc bệnh, chứng bệnh, cùng phép chữa.

6) Bàn về bổ cho tinh thần.

7) Bàn về long hỏa là dương, vốn sợ lạnh mà thăng lên, sao lại ghét nóng mà chạy mạnh.

8) Bàn về phương pháp uống thuốc.

9) Bàn về chứng oan-nhiệt, chứng thôn-toan (nuốt nước chua), chứng toan-thống (đau ngăn ngắt) đều có ý nghĩa sâu xa.

10) Bàn về bài Bổ-trung dùng vị Đương-quy.

11) Bàn về bổ hỏa phải trọng vị Thục-địa.

12) Bàn về bách bệnh tổn thương đều gốc ở tạng thận.

13) Bàn về đàm không có phép bổ mà cũng không có phép công.

14) Bàn về tạng tâm là quân chủ trong người.

Tìm sách

15) Bàn về điểm lầm của bài Bổ-Trung.

16) Bàn về điểm lầm của bài Tứ-Quân, Tứ Vật và bài Bát-Trân.

17) Bàn về có khi bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ, có khi bổ tạng tỳ không bằng bổ tạng thận.

18) Bàn về bổ âm tiếp dương và bổ dương tiếp âm.

19) Bàn về hiện chứng của tạng phủ hư hay thực, và phương pháp dùng thuốc.

20) Bàn về khí huyết phải nhờ lẫn nhau mới có thể thành công.

21) Bàn về chứng hỏa hư, chứng thủy suy, hiện chứng tựa như nhau. Bài Lục-vị, bài Bát-Vị phải nên phân biệt, và xem hình biện chứng, mổ xẻ không lầm.

22) Bàn về nhiệt thời hại khí, và nhiệt thời hại huyết.

23) Bàn về không bớt được tình dục thời hại đến tạng thận, và chứng âm thịnh.

24) Bàn về chứng đan nhiệt (chỉ nóng không rét) là vong âm, hại cho người rất chóng, và nói phép chữa.

TìmSách

1.— BÀN VỀ LẼ LÀM THUỐC VÀ Ý LÀM THUỐC

Đạo làm thuốc tự vua Hiên-Viên (tức Hoàng-Đế) hỏi và ông Kỳ-Bá trả lời, lời dạy để lại đến ngàn đời. Ông Lôi-Công làm phép bào chế, ông Y-Doãn đặt ra bài thuốc, rồi đến thiên « Hồng-Phạm » của ông Cơ-Tử, và sách « Việt-nhân vấn nạn », ông Trọng Cảnh lập ra môn chữa thương-hàn, sách Giáp-Ất của ông Sĩ-An, sách « Truyện-chú » của ông Khải-Huyền-Tử, sách « Xem mạch » của ông Tiền-Trọng-Dương, sách « Bản-thảo Cương-mục » của ông Lý-Thời-Trân. Những quyển sách đó nói về âm-dương sinh hóa của trời đất, tật bệnh an nguy của thân người đã phát minh hầu hết.

Tôi thiết nghĩ về đạo làm thuốc chỉ vì Lý và Ý mà thôi. Sách Cảnh-Nhạc có nói : « Làm thuốc là Lý, muôn vật khác nhau, mà tóm lại chỉ có một lẽ ». Nội-Kinh có nói : « Biết được yếu-lĩnh thời chỉ một câu là xong, mà không biết yếu-lĩnh thời man mác vô cùng », vậy chân « âm » chân « dương » là rất thiết yếu cho nhà làm thuốc, như thế là Lý, nhưng ngoài lý lại phải có ý-kiến, theo về lẽ thường là lý, mà gặp bệnh thông biến là Ý, vì ở ngoài lý mà mình còn nghĩ ra được.

Xưa kia ông Hứa-Trử-Tôn tinh về y thuật, có người khuyên ông nên làm sách để lại về sau, ông nói rằng : « Về việc làm thuốc là ý, ý ta hiểu biết không thể nói ra được », như vậy thời ý của nhà làm thuốc, không thể đem lời nói để hình dung được, cho nên thành ngữ có câu : « Không

Tìm sách

thông suốt được trời đất và người, không thể nói được việc học nho ; không thông suốt được trời đất và người, cũng không thể nói được việc học thuốc ». Lại nói : « Có học kinh Dịch mới có thể học được thuốc », vì lẽ của âm dương là lẽ của nhà làm thuốc. Cao cả lắm thay ! Chức trách giữ tính mạng cho người, công hay bỏ ở một ngón tay, bệnh nhân sống hay chết ở một hơi thở, nếu không học suốt được âm dương, cùng lẽ kim cổ, dò tận gốc tìm tận nguồn, thời cũng không thể kiên-hãnh về nghề làm thuốc được. Nhà làm thuốc xuất nhập được quỷ thần, cán toàn cho tạo hóa, suy lý ra thời phương pháp khuôn mực không ngoài ở lý, mà ứng biến vô cùng không gì hơn ở ý.

Người ta thường nói : « Không có sách nào để học được ; không có bài thuốc nào để bắt chước được », chẳng phải là ý ở ngoài lý hay sao ?

***

2 — BÀN VỀ TRONG THÂN NGƯỜI CÓ MỘT THÁI-CỰC

Trời đất phôi thai ra muôn vật, nào đẻ ra bọc, nào đẻ ra trứng, hóa ra khí, sinh ra hình, sâu bọ và cỏ cây có sống chết có tri giác, tuy bẩm sinh khác nhau, nhưng đều có một Thái-cực ở trong, rồi mới hóa sinh ra được. Huống chi thân người là trời đất nhỏ, được toàn thể của âm dương, đủ cả ngũ hành để hóa dục, lại chẳng có một điểm Thái-cực để làm căn bản phát sinh ra hay sao ?

Tìm sách

Từ khi sách « Nan-Kinh » bàn luận, chỗ mạnh-môn hỏa ở về quả thận bên phải, người đời sau mờ mịt không biết Thái-cực là gốc để lập mệnh, đem một điểm rất tôn rất quý là mệnh-môn-hỏa để vào địa-vị tầm thường, may mà các bậc tiên hiền kế tiếp chỉnh lại câu nói của sách Nan-Kinh, để nhà làm thuốc biết trọng đến mệnh-hỏa.

Nội-Kinh có nói : « Gặp chứng bệnh hư yếu phải giữ ngay lấy phương Bắc », tức là hành Thủy để bồi bổ cho sinh mạng. Lại nói : « Mệnh-môn hỏa như ngôi Bắc-đẩu ở một nơi, mà các vì sao khác chầu lại », như thế là chỉ rõ Thái-cực ở trong tạng Thận. Cổ thư có nói : « Nhà làm thuốc không biết chân thể của Thái-cực, không hiểu thấu diệu dụng của thủy hỏa vô hình, mà không biết trọng dụng bài *Lục-Vị*, bài *Bát-Vị*, thời về lẽ làm thuốc còn thiếu đến quá nửa ». Ý nghĩa lắm thay ! Bài *Bát-Vị* do ông Trọng-Cảnh đặt ra, cũng như Bát-Trận-Đồ của nhà đem binh, gặp chứng bệnh nào cũng có thể thi thố được, thực là thần đan để lập mệnh, nếu bệnh nhân cầu sống, đâu ngoài được bài thuốc ấy.

***

3 — BÀN VỀ KHÍ HƯ, HỎA HƯ, HUYẾT HƯ, THỦY HƯ, CHỨNG HƠI GIỐNG NHAU, MÀ CÓ THỂ CŨNG CHỮA THEO MỘT PHƯƠNG-PHÁP

Theo phép đời xưa, bệnh về khí hư yếu thời chữa bằng bài « *Tứ-Quân* », bài « *Bổ-Trung* », bệnh về huyết hư yếu thời chữa bằng bài « *Tứ-Vật* » bài « *Quy-Tỳ* » bài « *Dưỡng-Vinh* », bệnh về khí huyết đều hư yếu thời chữa

Tìm sách

bài « *Bát-Trân* », bài « *Thập-Toàn* », bệnh về chân thủy hư yếu thời dùng bài « *Lục-Vị* », bệnh về chân hỏa hư yếu nay là thủy hỏa đều hư yếu thời dùng bài « *Bát-Vị* », thế là cổ nhân theo bệnh chứng mà chữa khác đi.

Tôi xét sách thuốc có nói : « Tạng tỳ tạng phế mà ở Hậu-Thiên khí hư thời hiện chứng tiếng nói nhỏ, chân tay yếu, hình thể gầy, sắc mặt khô và trắng, da xỉn lông rụng, ngoài sợ gió và lạnh, trong sợ thức ăn sống hay lạnh, cùng chứng tỳ thổ hư yếu không chứa được dương khí mà sốt lâu hay là dễ tiết tả, dễ đầy chướng.

Chứng kể trên đem so với chứng tiên-thiên hỏa hư, bởi thận hư mà khí không về chỗ, thời cũng thấy tiếng nói nhẹ và yếu, hỏa ở mệnh-môn suy mà tỳ vị kém, thời cũng thấy chân tay yếu hình thể gầy, tạng phế cũng hư yếu, mà sắc mặt khô và trắng, da xỉn lông rụng, chân hỏa không đầy đủ ở trong thời ngoài cũng sợ phong hàn, trong bụng cũng sợ thức sống thức lạnh, hỏa bốc lên tam tiêu cùng thành ra sốt lâu, tạng tỳ không có sức nóng để ôn đi thời cũng đầy cũng tiết tả, thế là chứng hỏa hư, chứng khí hư tựa như nhau.

Tạng tâm và tạng can huyết về hậu-thiên hư yếu mà sốt âm chưng chưng, hình thể đen gầy, phiền khát uống nước luôn, đầu mặt hôn mụ, mình nặng, đốt xương đau, khí bốc lên mà nôn ọe khan, trong bụng não nùng, trong miệng rãn nước dãi, cuống họng khô và đau, hay là trong cuống họng như hạt mơ, khạc chẳng ra nuốt chẳng xuống, và đàn bà kinh bế huyết kém.

Đem chứng ấy so với chứng tiên-thiên hư yếu thời chân thủy hư không diệt được chân hỏa, cũng sốt âm chưng

Tìm sách

chưng, hình thể cũng đen gầy, tân-dịch khô thời cũng phiền khát uống nước luôn, còn như chứng đàm và mắt mờ choáng, mình nặng xương đau, khí ngược lên cũng ọe khan, bụng cũng não nùng, miệng cũng nhỏ dãi, cuống họng cũng vì hư hỏa mà khô và đau, trong cuống họng cũng có vật gì vướng lại, đó cũng là giả tượng âm hoả bốc lên, mà không phải chứng đờm cách, thận thủy suy mà không sinh được huyết mà sinh đờm, nên kinh bế huyết kém, như thế là huyết hư và thủy hư, hiện trạng tựa như nhau.

Tôi gặp chứng ấy chỉ căn cứ vào mạch, nếu bộ quan, bộ thốn bên tay phải vô lực, thời là khí của tỳ và phế hư yếu, bộ quan bộ thốn bên tay trái vô lực thời là huyết của tâm can hư yếu, bộ xích bên trái vô lực thời là chân thủy hư yếu, bộ xích bên phải vô lực thời là chân hỏa hư yếu, nhưng cần phải lấy tinh thần để tĩnh hội, mới không sai lầm, nếu đem chứng hợp với thuốc thời khó lòng được đích xác.

Nay tôi có một phép kinh nghiệm, trong bốn điều ấy có thể thông trị được, nghĩa là chân hoả là gốc cho dương khí, chân thủy là gốc cho âm huyết. Cổ-thư có nói : « Đầy đủ cho chỗ thiếu thốn là khí huyết, hoá sinh ra khí-huyết là thủy hoả ». Lại nói : « Chữa mọi bệnh lấy thủy hỏa là gốc, mà lấy khí huyết làm dụng ». Kinh Dịch cũng nói : « Thái-Cực động thời sinh ra dương, tĩnh thời sinh ra âm, trời một vạch sinh ra hành thủy, đất hai vạch để thành ra hành Thủy », người ta lấy âm dương làm gốc để lập mệnh, âm dương tức chân-thủy chân-hoả, âm dương là thể mà thủy hoả là dụng, cho nên có câu : « thủy hoả là triệu chứng cho âm dương, còn khí huyết là hữu hình về hậu thiên,

TimSách

lại chi là vận dụng cho thủy hỏa ». Cổ thư nói : « Bệnh nhỏ bởi ở khí huyết, mà bệnh to bởi ở thủy hoả », chữa bệnh nhỏ mà bỏ khí huyết, chữa bệnh lớn và bỏ thủy hỏa cũng như người leo cây để bắt cá.

Vì thế, đã dùng thuốc để bổ khí huyết mà khí huyết không vượng thời phải tìm đến gốc của khí huyết, giúp cho thận thủy, trong vị Thục-địa mà không dùng vị Khung và Quy, bổ cho mệnh-hỏa thời trọng vị Nhục-quế, mà không dùng vị Kỳ và Truật.

Thế mà mọi người không rõ, cho khí huyết là âm-dương, cho thủy hỏa là tâm và thận, dùng bài Tứ-Vật để bổ huyết và giúp cả chân âm, dùng bài Tứ-Quân để bổ khí và điều bổ cả chân dương, dùng bài Khẩm-ly-hoàn để điều cả thủy hỏa, như vậy là không biết vị Khung và Quy khó bổ được chân âm chân thủy, vị Sâm và Kỳ không bổ được chân dương chân hoả. Tôi gặp những chứng ấy trong khoảng vài mươi năm nay, tìm được một phép rất nhanh và rất ổn đáng để khởi tử hồi sinh, những bệnh nhỏ, hay bệnh mới phải, thời chữa bằng thuốc khí huyết, còn gặp bệnh lớn hay bệnh đã lâu, hoặc bệnh hư yếu nhiều, thời chữa bằng thuốc thủy hỏa, có khi đem thuốc chữa thủy hỏa để chữa bệnh khí huyết, dù không thành công ngay trước mắt, nhưng căn bản đã vững thời bách bệnh đều khỏi, mà có ích về sau.

Ví dù đem thuốc bổ khí huyết mà chữa về bệnh thủy hoả, một khi chỉ thấy hơi công hiệu hay hoàn toàn vô hiệu, thời phải dùng ngay thuốc thủy hỏa thời không bệnh nào là không hưởng ứng. Cổ-Thư có nói : « Thà đem

Tìm sách

phương pháp chữa cho người yếu để chữa cho người khoẻ, còn hơn là đem phương pháp chữa cho người khoẻ để chữa cho người yếu », chính là lẽ ấy. Lại như bệnh nhân thấy tạp chứng rất nhiều kỳ hình quái trạng, nhưng vốn là người hư yếu lắm, thời chỉ dùng thuốc thủy hỏa để điều trị, các giả chứng không chữa mà tự khỏi đó là phép nhanh chóng để cứu cho bệnh nhân.

***

4. – BÀN VỀ CHỨNG ÂM HƯ PHÁT SỐT, VÀ CHỨNG DƯƠNG HƯ HÃM TRỞ XUỐNG

Âm dương là hư danh mà không có hình, hàn nhiệt là triệu chứng cho âm dương, tính dương vốn nhiệt mà thăng, tính âm vốn hàn mà giáng. Đến khi có bệnh thời âm phận không hàn mà phát nhiệt, dương không thăng mà hãm xuống. Theo Nội-kinh thời khí âm hòa bình, khí dương bí vít, bệnh không ở đâu đến được. Nếu một bên thịnh và một bên suy là âm và dương lấn nhau, tính của âm vốn là hàn sở dĩ bị lấn đi mới thành ra nhiệt, tính của dương vốn là thăng, vì âm lấn đi mà phải hãm trở xuống, nghĩa là âm muốn đem dương để cùng trở xuống cả. Nội Kinh có nói : « trọc khí trở lên thời thành chứng đầy chướng, dương khí hãm trở xuống, thời đi đại tiện ra cả cơm », là vì trọc âm bị dương lấn đi, dương là nhiệt là hỏa, nhiệt thời khí uất mà sinh ra đầy chướng, âm là hàn là thủy, hàn thời không có hỏa mà đại tiện ra cả cơm.

Tìm sách

Ông Đan-Khê chữa chứng âm hư nội nhiệt, hoặc sinh ra đầy chướng, thời dùng bài Tứ-Vật để giúp chân âm dưỡng chân huyết, lại sợ nóng lâu hại chân âm, thời thêm vị Hoàng Bá để giáng hỏa, vị Huyền-Sâm để phạt hỏa, khiến cho nhiệt lui thời âm mạnh và đầy chướng tự tiêu. Ông Đông-Viên chữa chứng khí hư hãm trở xuống thời dùng Sâm, Truật, để bổ cho trung-châu, sợ dương khí hãm quá mà sinh ra tiết tả, thời dùng Thăng-ma, Sài-hồ để phát dương trở lên, khiến cho tạng tỳ được vận hành, khí của tạng phế có tiết độ, thời tiết tả tự ngừng lại.

Người không biết lẽ ấy, hễ thấy âm hư phát sốt mà đầy chướng, là dùng ngay thuốc tiêu đạo để hành khí, mà không biết những thuốc làm ráo chân huyết, chân âm càng hại mà đầy chướng càng nhiều, cho nên phép đem huyết dược để chữa chứng đầy chướng, ở đời ít người biết đến, lại chứng âm hư nội-nhiệt mà uống lầm thuốc hạ thời vong âm mà chóng chết. Những người không biết hễ thấy dương hư, đại tiện ra cả cơm, thời dùng nhiều thuốc thấm thấp để lợi tiểu tiện, mà không biết thủy không có khí không hành được, càng thấm thấp để lợi tiểu tiện, thời càng khô ráo mà đường thủy càng bế, vậy phải để khí của đất thăng trở lên, khí của trời giáng trở xuống, thế là không chữa bệnh mà hoá ra chữa bệnh. Còn chứng dương hư ghê rét mà uống lầm thuốc phát tán, thời dương càng hư thêm, rồi đến âm dương cùng tuyệt ; về diệu lý âm và dương lẫn nhau như trên, thực là chí lý.

***

Tìm sách

5.— BÀN VỀ CHỨNG ĐỚI HẠ, VỀ GỐC BỆNH, CHỨNG BỆNH, VÀ PHÉP CHỮA

Tôi xét một môn « đới-hạ », cổ-thư có gọi là xích-đới và bạch-đới, lại gọi là xích-trọc, bạch-trọc, và bạch-dâm, mọi chứng đều thuộc về môn đới-hạ, như vậy thời thiếu phân biệt, để người học man mác, đem phương thuốc bạch-đới để chữa chứng bạch-trọc, lại chỗ bệnh Di-tinh cũng thuộc về đới-hạ. Nay xem Nội-Kinh có nói : « Mạch « đới » là một mạch ở trong 8 mạch về « kỳ-kinh », mạch ấy đi vòng thân người như là thắt đai, lại tóm cả các mạch mà không thể đi rộng, gồm tóm cả chân thủy vô hình ở thân người, nếu tinh khí của tạng thận hư tổn, thời mạch đới rỉ ra, cho nên gọi là chứng đới-hạ, người không hiểu bảo rằng chứng ấy rỉ ra ở đường tiểu tiện, mới gọi đới hạ là lầm.

Nhưng gốc của bệnh ấy, không hởi ở mạch « đới », mà là bệnh ở mạch « Nhâm », Nội-Kinh có nói : « mạch « Nhâm » khởi tự dưới trung-cực trở lên, theo Thượng-Khai-nguyên ở trong bụng, đến cổ họng trên cằm mà đến mắt, mạch « Nhâm » tự trên « bào » qua mạch đới suốt trên rốn. Bệnh ấy mới khởi ra lâm lịch mà rỉ xuống cho nên gọi là đới, bạch trọc mà đặc dính, thì gọi là đới-hạ, thuộc về kinh thủ-quyết-âm, thủ-thiếu-dương ở tâm bào-lạc, ra ở bào cung là tinh thừa ra, cho nên rỉ xuống đặc, chứng ấy phần nhiều vì tạng tỳ, tạng thận hư yếu mà hoạt.

Tôi xem các sách, Ông Lưu-Hà-Gian nói : « Trung-tiêu bị thấp nhiệt, khí không được thanh thời là bạch-đới »

Tìm sách

Ông Đan-Khê nói : « Đỏ thuộc về huyết, trắng thuộc về khí », Ông Trọng-Cảnh nói : « Trắng là khí hư, đỏ là có hỏa, nhưng trắng nhiều mà đỏ ít ». Ông Đan-Khê nói : Huyết băng đã lâu thời vong dương, cho nên chảy ra thứ nước trắng mà hoạt, mà không nên câu hệ ở cả mạch « đới ». Sách Cầm-Nang nói : « Đàn bà thấy đỏ hay trắng mà đặc-dính là « bạch-dâm », cùng với chứng « bạch-trọc » của đàn ông, đều bởi tướng hoả, bệnh ấy thuộc về Kinh túc-thái-âm, và Kinh túc-thái-dương, phép chữa nên thăng và bổ. » Lại nói : « Nghĩ ngợi vô cùng, sở nguyện không được thoả, hay là phòng lao quá độ, thời thành chứng bạch-dâm, mà rỏ nước trắng như thể tinh khí, con trai nhân tiểu-tiện mà đi ra, con gái thời trong âm-hộ liên miên rỉ ra. »

Sách Cảnh-Nhạc nói : « Dâm mà trọc ra bởi bàng-quang vậy bởi thấp nhiệt về phần nhiều ». Sách Y-Học chính-truyền nói : « Bệnh thấy nước trắng rỉ ra như tinh khí, không nên nhận lầm là chứng bạch-đới ». Sách Bảo-Nguyên nói : « Đàn bà rỉ ra mà không dính đặc lắm gọi là chứng bạch dâm,, giống với chứng bạch-trọc của đàn ông ». Sách Y-Yếu nói : « Chứng dâm và trọc khác với chứng đới hạ, đới thuộc về loại tinh khí, mà dâm trọc thuộc về loại thủy. »

Sách Giản-Dị nói : « Bệnh trọc thời trong ngọc hành đau như dao cắt mà nóng như lửa đốt, mà tiểu tiện vẫn trong, vì lỗ hổng ấy có vật bẩn rỉ ra không ngừng, nhưng phần nhiều bởi tinh bại, mà bởi thấp nhiệt thời ít ». Sách Sĩ-Lâm Tâm-thư nói : « Chứng trọc sao lại chia ra xích bạch, vì tinh là huyết hoá ra, trọc ra quá nhiều mà tinh hóa ra không kịp, đỏ chưa kịp biến ra trắng, nên thành ra xích-trọc, là hư yếu quá, tôm

TìmSách

lại, tạng tâm, tạng thận cũng hại về sắc dục ». Sách Y-Tông Thuyết-Ước cũng nói : « Tiểu-tiện đục như nước gạo là chứng về tam-tiêu, nếu nước đặc mà tanh hôi nhiều là thấp nhiệt ».

Tôi xét các bậc tiên hiền, mỗi vị nói một khác, nhưng tóm lại *bệnh của đàn bà là chứng đới-hạ, là chứng bạch-dâm, hay là xích-đới hoặc bạch-đới, chỉ là một chứng mà rỉ ra đặc mà dính, bệnh của con trai thời là di-tinh là bạch-trọc hay xích-trọc, mà đi ra không đặc cho lắm.*

Còn về phép chữa thời bệnh ấy bởi tư lự nhiều hay phẫn uất lắm, hoặc bởi phòng lao quá độ.

Tóm lại, bởi Mệnh-môn không được vững, là vì tạng thận là cửa ngõ cho tỳ-vị, là nơi chứa của tinh-huyết, là nhà ở của âm-dương, những bệnh kể trên là tinh khô huyết ít, âm ráo dương tiêu, về gốc bệnh rất nặng. Vì thế, chứng đới trọc không dễ chữa được, hơn nữa, tính đàn bà hay thiên hay lo nghĩ uất giận, tổn thương đến tâm tỳ, hỏa của tạng can thường phát ra mà huyết không về kinh-lạc, mới có chứng xích bạch đới.

Phép chữa nên thanh ở thượng-tiêu, mà đầy đủ cho hạ-tiêu, thời thanh trọc phân biệt, mạnh cho tạng tỳ, bổ cho chân huyết thời thấp nhiệt tự giải, lại ôn bổ hạ-tiêu để thủy thăng hỏa giáng thời chứng đới tự khỏi. Người không biết chấp nệ về nếp chữa cũ, đem những vị Mẫu-lệ, Long-cốt, Địa-du, A-dao, Ngải-diệp... để vít lại, lại dùng bài Tứ-Vật, thêm những vị để đem lên, nhưng biết đâu căn bản đã hại, nếu chỉ vít lại thời càng trệ thêm, đem trở lên thời càng uất thêm, vậy chỉ nên dùng thuốc bổ thủy hoả, nếu mạnh « xích » bên trái yếu, thời nên dùng

Tìm sách

bài Lục-Vị-Hoàn, thêm những vị bổ để vít lại, để bổ tinh huyết về Tiên-thiên, lại uống xen với bài *Quy-Tỳ*, để bổ tâm can về Hậu-thiên. Nếu mạch « xích » bên phải yếu, thời nên dùng bài *Bát-Vị-Hoàn*, thêm những vị bổ mà vít lại, để cứu lấy âm dương về Tiên-thiên, và uống xen với bài *Bổ-Trung*, để giúp tỳ phế về Hậu-thiên, nhưng phải kiên tâm điều trị, mà không thể thu công được nhanh chóng, đó là tôi đã kinh nghiệm.

***

6.— BÀN VỀ BỔ CHO TINH THẦN

Kinh của Đạo-sĩ nói : « Giáp, Mậu và Canh là 3 sao kỳ ở trên trời, Tinh, Khí, Thần là 3 của báu trong thân người, tinh đối với huyết thời tinh là Dương mà huyết là Âm, lại thần và khí đối với nhau, thời bên nào khinh bên nào trọng, thần giữ về biến hoá, khí chỉ việc thở ra hít vào, không biến hoá thời thở ra hít vào phải ngừng. Nội-kinh có nói : « Tinh-thần mà không giữ được thời người không được thọ » như vậy thời thần trọng hơn khí.

Nói về hóa (nguồn sinh hóa), thời huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần, vậy tinh là do âm huyết hoá sinh, mà thần là nguyên-dương ngưng tụ. Nhưng huyết không có tinh, thời không hoá ra được, tinh không có khí thời không hành di được, khí không có thần thời không dùng được, vậy thần là chủ tể cho thân người. Nội-kinh nói : « Chủ không sáng sủa thời mười hai quan chức đều ngưng » cũng là lẽ ấy.

Ta hãy xem người bị bạo bệnh chết ngay, dù ăn

Tìm sách

uống như thường, hình dáng mạnh mẽ, mà tinh và chí lại mơ hồ, thế là thần đã ly tán, mà âm tinh đã kiệt, thời tính mệnh chỉ như cái giây sắp đứt. Những chứng bệnh thấy phiền táo là tinh thần háo kiệt, rồi đến chân tay không cử động được. Sách Phong Giám có nói : « Con người lờ đờ như mắt cá là thời kỳ sắp chết ». Lại nói : « Sắp bước mà đầu nhào đi trước mà đi thời bước dài bước ngắn, là thần không phụ vào cơ thể, mà ngày chết đến nơi ». Thế mới biết người ta thọ hay yểu trước hết ở tinh thần, nhà làm thuốc có thể bồ ngoài tinh-thần, mà cứu vãn cho bệnh nhân được không ?

Tôi xét người đời xưa lập phương thuốc, chỉ bồ tạng tâm, an tạng thận, hay trấn tạng tâm, tạng thận, hoặc dưỡng tâm an thần, là lấy cớ tạng tâm chứa tinh-thần, bồi cho tạng tâm tức là bồ cho tinh thần vậy. Hơn nữa tạng tâm để chứa chân huyết. bồ tạng tâm thời huyết vượng mà sinh tinh, sinh khí, sinh thần, những vị thuốc dùng đến, không khỏi những vị Phục-thần, Viễn-chí, Tảo-nhân, Bách-tử, Liên-nhục, Thần-sa, Châu-sa mà thôi, nếu bệnh còn nặng vừa, thời những phương thuốc ấy, có thể an thần, tàng thần được, còn như bệnh đã đến lúc âm vong dương thoát, thần mất hồn lìa, thời những vị thuốc tầm thường ấy không thể thành công được.

Cổ-Thư có nói : « Mắt là nơi chứa của tinh-thần », vậy ngoài con mắt ra thời không thể trỏ thần ở đâu được, nếu không thể thời thân người không chỗ nào là không có thần, lông tóc không có thần thời khô se hay đỏ lại, bì phu không có thần thời xỉn ráp mà gầy vàng, răng không có thần thời không thể sáng bóng được, tiếng nói không có thần thời không thể du dương được, móng tay chân có

Tìm sách

thần thời mới được sáng sủa. Sách Mạch-Phả có nói : « Bệnh tuy ngặt mà mạch có thần là chữa được », thế là người ta từ hình hài đến kinh lạc, không chỗ nào không nhờ đến tinh thần, then khóa của nhà làm thuốc, có đâu chỉ để ý đến khí huyết mà tinh-thần bỏ qua được.

Nhưng tôi xem muốn bổ cho tinh thần thực không có thuốc gì, mà Cổ-Thư có nói : « Thủy hỏa là gốc cho thân người, là tác dụng của thần-minh », chợt khi tôi xem lời bàn về chứng lao của bộ sách Cảnh-Nhạc có nói : « Thủy hỏa không tương giao với nhau thời thần sắc bại ». Tôi mới tỉnh ngộ rằng tạng tâm tuy chứa tinh thần, nhưng không có âm tinh để phụng dưỡng trở lên, thời là quẻ « Hỏa-Thủy vị-tế » trong kinh dịch (lửa ở trên nước ở dưới là việc không xong), như thế thời thần minh hỗn loạn mà những vị thuốc để trấn tạng tâm, dưỡng tạng tâm, bổ tạng tâm, chỉ là tạm thời giúp chỗ thiên lệch mà thôi, còn như tinh-thần suy kém, tròng thủy không bổ cho hỏa, trong hỏa không bổ cho thủy, thời lấy gì để tinh thần đầy đủ, mà chứa lại ở tạng thận để làm gốc lập mệnh.

Tôi mong ai có chí học về tính mạng (làm thuốc), phải tìm đến nguyên gốc, mà bảo dưỡng lấy chân-thần cho bệnh nhân, nếu suy thời bổ, nếu thoát thời giữ lại.

***

7.— BÀN VỀ LONG HỎA LÀ DƯƠNG VỐN SỢ LẠNH MÀ BỐC LÊN, SAO LẠI GHÉT NÓNG MÀ CHẠY MẠNH

Cổ thư có nói : « Long là hỏa, tính của hỏa nóng, tiết

TìmSách

hạ chí khí âm mới sinh, dưới nước lạnh mà trên thời nóng, long là loại dương cho nên theo dương mà bốc lên ; mùa đông-chí khí dương mới sinh, nước suối, giếng ấm mà ở trên thời lạnh, thì long cũng theo dương mà trở xuống, sấm sét mới thụ thanh.

Tướng hỏa trong tạng thận, cũng như long là rồng mới gọi là long-hỏa. Người ta ngày thường không tiết độ về tình dục, để mệnh-môn-hỏa suy, âm trong tạng thận thịnh hơn, thời long-hỏa không có nơi để tàng thân, mới bốc lên mà không về chỗ, hiện ra những chứng thượng-tiêu phiền nhiệt, người khéo chữa bệnh phải đem bài *Bát-Vị* làm thuốc ôn bổ cho tạng thận, theo tính của long-hỏa mà đem về chỗ, giống như thời tiết mùa thu, mùa đông dương còn phục ở dưới, như vậy là chí lý.

Lại xem Cổ-thư có nói : « Những chứng âm hư hỏa vượng là trong tạng thận chân âm suy tổn, chân thủy khô ráo, hỏa không có thủy để chế đi, tướng-hỏa bốc trở lên, người khéo chữa bệnh phải bổ thủy cho cân với hỏa, dùng bài *Lục-Vị* để mạnh cho chân thủy thời hỏa tự dẹp đi ».

Tôi đem so sánh, thời rất lấy làm ngờ, đã gọi là âm hư hỏa vượng tức là không có thủy, thời bấy giờ trong tạng thận toàn nóng, mà câu nói cho tướng hỏa là long-hỏa, long được nóng thời đồng loại mà theo nhau, rồi ở yên một nơi, sao lại ghét nóng mà bốc lên, như thế là có một long-hỏa, sao có lúc ghét nóng mà bốc lên, lại có lúc ghét lạnh mà tẩu đi, làm mê-hoặc cho người làm thuốc, ở câu tướng-hỏa trong tạng thận cũng như thế vậy. Một câu nói âm hư hỏa vượng, khiến người

Tìm sách

ta lầm cho tướng-hỏa là long. Tôi lúc trước bàn luận về thủy hỏa, vẫn nghĩ ngợi về chỗ ấy, kịp khi xem lời nói về đồ « Nội-Cảnh » thấy một điểm Thái-Cực là mạnh-môn ở giữa, bên trái có một điểm đen nhỏ là huyệt của chân thủy, bên phải có một điểm trắng nhỏ là huyệt của tướng hỏa, tôi mới rõ được ý nghĩa.

Đồ « Nội-Cảnh » còn nói : « Mệnh-môn là quân-chủ là Thái-cực cho thân người mà ở giữa hai tạng thận, như vị Thiên-quân không phải làm mà cai trị hết thảy, tướng hỏa ở bên phải lỗ hổng là hỏa vô hình, là thiếu-hỏa (hoả vừa phải) cũng như vị Tể-tướng thay Trời làm việc, mà Tam-tiêu là cái bầy tôi để bẩm mệnh, lỗ hổng bên trái là chân-âm chân-thủy là thủy vô hình, đi lên trên giáp xương sống đến trong tỷ, rồi tiết ra tân-dịch, chạy ra mạch để tưới khắp 4 chân tay, ở trong thời đi đến ngũ-tạng lục-phủ, đồng thời khắc theo tướng-hỏa đi ngầm khắp thân thể mà không ngừng.

Thế mới biết tướng-hỏa trong thân người, cũng như chân thủy, đều là căn bản cho nhau, mà không lìa nhau được, lại phải quân bình mà không bên nào được hơn lên, vì bên nọ hơn thời bên kia kém, nếu chân thủy thiếu là vì hỏa đi ra đi ra tức thủy không đủ sách làm thuốc gọi là chân-dương, là nguyên-dương đều là tên riêng của mệnh-hỏa, cũng hỏa sơ hàn mới bốc lên, là chỉ vào mệnh hỏa chứ không phải là tướng-hỏa ở lỗ bên phải.

Nếu không phải mệnh-hỏa là long, thời sao sách thuốc lại nói, bổ mệnh hỏa là Nhục-quế, mà không phải Hoàng kỳ, Bạch-truật. Những câu nói thủy suy hỏa bốc lên, lại trở về chân-thủy và tướng-hỏa, chứ không phải mệnh-hỏa,

Tìm sách

đâu có một thứ hỏa đem bài Bát-Vị để giúp tạng thận mà hỏa về chỗ, đem bài Lục-Vị mát cho chân thận mà hỏa cũng về chỗ, chỉ vì lẽ ấy huyền vi khó hiểu, để người học thấy man mác mà chỏ con hươu là con ngựa, thực là người đọc sách biết nghĩa không khó, mà hiểu lẽ mới là khó, rồi đến hiểu lẽ cũng không khó, mà có ý kiến ở bên ngoài mới thực là khó

***

8 – BÀN VỀ PHƯƠNG PHÁP UỐNG THUỐC

Về phép uống thuốc cổ-nhân có nói : Chữa bệnh ở tâm và phế phải sắc đặc, mà uống từ từ sau lúc ăn cơm, vì hai tạng ấy ở thượng-tiêu, chữa bệnh ở tạng thận, thời nên làm thuốc hoàn, để khi đến hạ-tiêu thời thuốc mới ngấm ra, còn những chứng nguy cấp thời nên uống thuốc chén, mà uống nhiều trước bữa ăn. Nhưng tôi cho phép ấy là đáng ngờ. Nội-Kinh có nói : « Ăn uống vào dạ-dày, rồi tỳ (lá lách) tan tinh hoa lên tạng phế, trăm mạch đều hội ở tạng phế, để phân phát ra ngũ-tạng lục-phủ. tạng phế ví như cái chợ trong thân người, cho nên tự dạng chữ Phế, một bên chữ Nhục (thịt) và một bên chữ Thị (cho) ». Nội-Kinh có nói : « 5 thức ăn vào dạ dày, rồi về chỗ cần dùng đến thức ăn ấy », nếu như cổ nhân đã nói « Chữa bệnh ở trên thời uống ít vào sau lúc ăn để chóng đi đến thượng-tiêu ; chữa bệnh ở dưới thời uống nhiều vào trước bữa ăn . » Hơn nữa thuốc hoàn mới đi đến hạ-tiêu, như thế thời thuốc ở thượng-tiêu không đi đến dạ-dày, mà thuốc hạ-tiêu không đến tạng tỳ, chỉ qua chỗ thụ bệnh là tản đi ngay. Cổ-Thư có nói : « Dạ-dày là cái lò để đúc loài kim » là câu nói hão hay sao ?

TimSách

Nếu như cổ-nhân nói, thời chữa bệnh ở trên đầu phải đổ thuốc ngược lên, chữa bệnh ở dưới chân uống rồi phải đứng lâu, chữa bệnh ở tay phải nằm nghiêng hay sao ? Trước tôi cũng theo phép của tiên-nhân, mà không dám hé răng, kịp đến khi thấy ông Hối-Am khác nào được xem chữ hỏa ở trong bàn tay, tôi mới hiểu mà cho rằng, chỉ nống thuốc vào lúc nửa no nửa đói là hơn, vì sức của thuốc phải nhờ khí ở trung-châu để vận hành, nếu uống vào lúc đói quá, thời vị khí yếu không đem đi được, mà nống vào lúc no quá thời còn vướng thức ăn, đâu kịp tiêu hoá đến thuốc.

Ta hãy xem người đến khi khí tuyệt, thời uống bao nhiêu vị Ba-đậu hay Đại-hoàng, cũng như nước đổ trong ống gỗ, mà không ăn thua gì, là vì các vị thuốc bằng vỏ cây phải nhờ đến khí của dạ-dày ăn uống để đem đi mới được.

***

9.— BÀN VỀ CHỨNG « OAN-NHIỆT » CHỨNG NUỐT NƯỚC CHUA, CHỨNG ĐAU NGẮN NGẮT ĐỀU CÓ Ý NGHĨA SÂU XA

Cổ thư nói : Oan-nhiệt là phiền nhiệt mà còn tệ hơn vì trong lúc sốt, tiểu tụy uất uất không được thư thái như kẻ mắc oan, bài phú thương hàn ở bộ Y học có câu : « chứng nóng truyền vào thủ kinh, như oan gia cùng soi bói nhau ra », là lời nói không căn cứ.

Cổ thư nói Bệnh chứng về bệnh trạng về chứng nuốt nước chua rất kỹ. Duy sách Cảnh-Nhạc có nói : « *Thổ nước-*

chua là ở trong thấp khí sinh ra nóng, *nuốt nước chua* là hư hỏa uất ở trong », tôi đọc câu ấy mới biết được bệnh tình hai chữ thôn-toan (nuốt nước chua).

Vì nuốt nước chua bởi hư hỏa ngược lên, khí theo hỏa mà ợ, nước ở trong dạ-dày theo khí trở lên mà ràn rụa ở trong cổ họng, nhổ ra không được, bất đắc dĩ phải nuốt vào mà thấy vị chua. Người không biết cho là bệnh nhân ăn vật gì cũng chua là chứng thôn-toan, thế là không biết Nội kinh đã bảo : Tạng tân nóng thời miệng đắng, tạng can nóng thời miệng chua, tạng tì nóng thời miệng ngọt, tạng phế nóng thời miệng cay, tạng thận nóng thời miệng mặn, nếu cho ăn thức gì cũng chua là thôn toan, thời sao không nuốt thấy cả đắng, mặn, cay, ngọt mà chỉ nuốt có vị chua.

Như vậy chứng nuốt nước chua là hư hỏa bốc ở trong mà tạng can nóng.

Chứng đau ngắn ngắt (toan-thống) tôi lúc trước cũng không hiểu nghĩa, chợt đi nhanh ống chân vấp phải miếng gỗ để ngang, rồi té ngã lăn ra đau đến xương tủy, mà trong lúc khóc lại có lúc như muốn cười, trong lúc cười lại muốn ra nước mắt, không thể chịu được, thời cũng như người ăn thức chua, dù có khoái lại kinh sợ sởn gai ốc lên. Tôi mới nghĩ ra 2 chữ « toan thống » là đau ngắn ngắt.

Có kẻ nói chữ « toan » không quan hệ cho lắm hà tất phải tìm tòi, tôi xin trả lời như thế không phải người đọc sách, ta phải để tâm giảng cứu để gặp việc quán thông, một suy ra mười, nếu chỉ phảng phất mà biết sơ qua, thời chứng nóng tận xương (cốt chứng) với chứng

Tìm sách

ngoài nóng mà trong chỉ hâm hấp, chứng âm hư chợt lạnh chợt nóng, chứng bức dương lên mà trên nóng dưới lạnh, có thể cùng gọi là nất hỏa về chứng oan-nhiệt được không ?

Chứng « toan-thống » là bệnh ở tinh tỷ, không giống như chứng thương-phong mà hại đến gân. Chứng thương-hàn hại đến huyết, chứng thương thấp hại đến thịt. Nếu ta không biết bệnh tinh, thời điều trị sao được, khác nào biết bệnh chứng mà không biết dược tính, thời không thể biến thông được. Vậy ai cho là phẳng phất cũng được là lầm.

∴

10. – BÀN VỀ BÀI BỔ-TRUNG DÙNG VỊ ĐƯƠNG-QUY

Bài *Bổ-Trung* toàn là khí dược, mà trong đó xen vào một vị Đương-quy là huyết dược, bộ « Di-Sinh » có câu « Hết thảy bài thuốc khí dược, cũng không thể thiếu được huyết dược », câu đó lã là trông thấy cung-tường, nhưng chưa trèo lên thềm để bước vào nhà trong.

Ông Đông-Viên đặt ra bài *Bổ-Trung*, là để tinh cho tạng tỳ mà thăng trở lên, nhưng sợ dương của dạ-dầy mạnh quá trở thành khô ráo, cho nên xen vào một vị Đương-quy để bổ âm huyết cho tạng tỳ, thế là dùng để thăng lên, nhưng dương có âm mà không tản đi được, dùng để trục tà khí mà không hại đến vinh huyết. Bậc tiền hiền lập ra phương thuốc dùng cả âm cả dương, đại khái là như vậy.

∴

Tìm sách

11.— BÀN VỀ BỔ HOẢ PHẢI TRỌNG VỊ THỤC-ĐỊA

Về chứng âm hư hỏa vượng, dùng bài Lục-Vị bổ thủy để chế hoả là rất đúng, sao chứng hỏa hư mà đi rông, bởi ở Mệnh-môn-hoả suy mà trong tạng thận âm hàn, long-hoả không có chỗ tàng thân, sợ lạnh mà bốc lên, phải dùng bài Bát-Vị bổ hoả mà dẫn hoả quy nguyên, như thế, thời chỉ cần vị Nhục-quế và Phụ-tử để ôn nhuận là đủ, thế mà lại cho vị Thục-địa nhiều hơn, vị Sơn-thù, vị Sơn-dược ít hơn, còn Quế và Phụ chỉ vi sứ là ít hơn nữa. Xét những vị ấy là âm dược có ích gì cho hoả.

Nhưng ta nên biết về lý âm dương, thời dương gốc ở âm mà âm gốc ở dương, về thủy hoả thời thủy là nguồn cho hoả mà hoả là chủ cho thủy, cho nên chứng âm hư, thời trong hoả mà bồi cho thủy. Chứng mệnh-hoả suy thời trong thủy mà bổ hoả. Cổ-Thư có nói : « Trong hoả mà bổ thủy thời nước nguồn không tuyệt, trong thủy mà bổ hoả thời sáng tỏ không ngừng ». Hơn nữa, tính của vị Nhục-quế là thơm mà chạy đi, tính của vị Phụ-tử là thông đạt kinh lạc, nếu không có vị Thục-địa để giáng ngự, vị Sơn-thù, Hoài-sơn để chế đi, thời sao chịu về với tạng thận, để ôn cho nơi của long hoả.

∴

12.— BÀN VỀ BÁCH BỆNH TỔN THƯƠNG ĐỀU GỐC Ở TẠNG THẬN

Nội-Kinh nói : « Biết được yếu lĩnh, thời một câu là xong », lại nói : « Bệnh nhẹ là bởi khí huyết có thiên, bệnh nặng là bởi thủy hỏa », cho nên chữa trăm bệnh lấy thủy

Tìm sách

hỏa làm gốc mà khí huyết làm sử dụng, người ta nên biết gốc của khí huyết là gì ? Nguồn của thủy hoả là gì ? Cổ-Thư còn nói : « Chính lệnh trong thân người đều ở Mệnh môn. Mệnh-môn là then chốt cho ngôi sao Bắc-Đẩu, là chuôi cán cho khí âm-dương.

Như thế, mới biết trăm bệnh dù là ngoại-cảm, dù là nội-thương, nhưng chỉ là đầu mối để phát bệnh, đến khi tổn thương thời đều về tạng thận. Cổ-Thư nói : « Trăm bệnh đều gốc ở tạng thận ». Ông Cảnh-Nhạc nói : « Dương tà mạnh quá phải hại đến chân âm, ngũ tạng thụ thương rồi sau phải đến tạng thận », thực là không sai.

Lại một vòng Thái-Cực trong thân người, tức là Mệnh-môn trong tạng thận, vì là cửa ngõ để lập mệnh, nên mới gọi là Mệnh-môn, nếu người ta không có một điểm hỏa khí tiên-thiên tức là hỏa ở Mệnh-môn ấy, thời hóa ra tro nguội. Sách Y Quán có nói : « Hỏa ở Mệnh-môn là chủ cho 12 linh lạc, tạng thận nhờ đó mà được mạnh (tác cường), khí ở tam-tiêu nhờ đó mà vận hành, tỳ vị nhờ đó mà nấu chín thức ăn, Đại-tiểu-tràng nhờ đó dễ phân biệt nhị tiện; gan mật nhờ đó để quyết đoán, tạng tâm nhờ đó mà sáng suốt, tạng phế nhờ đó mà có tiết độ, cho nên chữa đại bệnh mà bổ thủy hỏa, ví như người trèo cây để bắt cá.

Ta hãy xem trăm bệnh rất nặng, không gì bằng chứng phong, lao, cổ, cách, nếu chân hỏa vững, thời phong tà sao lấn được, mệnh-môn hỏa vững thời nguyên khí kiện vận sao thành được chứng cổ chướng, mệnh-hỏa vững thời âm tinh đầy-đủ, sao còn khô ráo mà thành ra chứng quan cách.

TimSách

Chỉ có mệnh hỏa được vượng thời hoạt động, kém đi thời ngưng trệ, mà tất hẳn thời thành ra tịch diệt. Tôi từ khi biết được lẽ Thái-Cực của Tiên-Thiên, biết được diện dụng của thủy hỏa vô hình, thời trọng dụng đến bài Lục-Vị, bài Bát-Vị, dù chữa bệnh nặng đến đâu cũng dễ như trở bàn tay, cả đến những bệnh lạ vô hình, những giả chứng khó nói, chỉ đem thuốc bổ thủy hỏa để chữa nguồn gốc, thời không chứng gì là không khỏi, mới biết trăm bệnh tổn hại, không gì bằng bổ tạng thận là rất đúng. Tiên-sư họ Phùng có nói : « Đem phép chữa một chứng bệnh, suy ra cả trăm chứng bệnh, phép chữa trăm chứng bệnh rút lại cũng như một bệnh », nhà làm thuốc biết theo như vậy, thời phương pháp để cứu người không còn gì là hơn.

***

13.— BÀN VỀ CHỨNG ĐỜM KHÔNG CÓ PHÉP BỔ MÀ CŨNG KHÔNG CÓ PHÉP CÔNG

Cổ-Thư nói : « Chữa chứng đờm không có phép bổ », không biết câu ấy do ai nói ra, sao không xem 3372 vị thuốc do Đức Thần-Nông nghiên cứu ra, không có một vị nào để trị cho đờm, huống chi là bổ. Lại có người nói chữa chứng đờm nên công hay trục, nhưng sợ theo phương pháp ấy thời đờm chưa chắc hết, mà những vị thuốc công trục đó, vì cay thơm tản mất khí, vì khô ráo háo mất huyết, khí huyết đã hư tổn thời đờm lại thêm lên, ta nên rõ đờm hoá đi được bởi ở tạng tỳ, mà gốc của đờm ở tạng thận, đã là chứng đờm thời chẳng ở tạng tỳ phải ở tạng thận, một khi tạng tỳ không vận hóa được. thời

Tìm sách

tân dịch ở ngũ tạng ngưng kết mà thành đờm, phép chữa nên ôn bổ cho trung-khí, để tạng tỳ kiện vận thời chứng đờm tự nhiên trừ được.

Còn người thận hư, thời thủy không sinh ra huyết mà duềnh lên hóa ra đờm, phép chữa nên bổ hỏa ở trong thủy, cầu thủy ở trong hỏa, thế là dùng bổ để trục đi, thời đờm hóa đi được. Có người hỏi như vậy thời chữa đờm chỉ bổ là xong, còn việc gì phải bàn luận ? Tôi trả lời rằng : Đó là chí lý lấy bổ làm tiêu, tôi nói ra đây là chỉ biện bạch lẽ trong sách. Cổ nhân nói : « Chữa đờm không có phép bổ », là không có thứ thuốc riêng, mà tôi nói chữa đờm không có phép công là muốn lựa khéo để hóa đờm.

Vì đờm là tân dịch của người hóa ra, cổ-thư còn nói : « Chữa cho người già không nên giáng mạnh cho hết đờm, chữa cho người yếu không nên tiêu mạnh cho hết đờm », chính là lẽ ấy, tôi xin ví đờm như người dân trong nước, nếu khéo cai trị thời là dân lương thiện, trái lại không khéo cai trị thời dân hóa ra trộm cướp, nếu ghét trộm cướp mà giết cả đi, thời trong một nước có thể không dân chúng được không ? Cổ-Thư nói : « Đờm không sinh được bệnh, mà nhân bệnh sinh ra đờm ». Lại nói : « đờm là tân dịch của người, theo tà khí mà thành ra bệnh », vậy lời bàn của tôi là có căn cứ.

Chỉ có trúng phong chợt té ngã ra mà đờm rãi ủng tắc, thời nên tạm dùng thuốc cho thổ ra để thông các khiếu. Hơn nữa, chứng khí huyết mạnh, hỏa mạnh mà đờm nhiều, cũng chỉ nên giáng hỏa, nên khí đi để tiêu đờm, mà không nên cho làm một bệnh riêng, để dùng thuốc thổ đờm, trục

Tìm sách

đờm cho sạch đi. Tôi mong người học làm thuốc phải quán thông lẽ sách, mà nhận rằng chữa đờm không có thuốc bổ riêng, chứ không phải là không có phép để bổ.

∴

14.— BÀN VỀ TẠNG TÂM LÀ QUÂN-CHỦ

Tôi xét sách « Y-Quán » của họ Triệu có nói : « Trong thân người có chủ tể riêng mà không phải là tạng Tâm », ông dẫn chứng Nội-kinh có câu : « Quân chủ không được sáng tỏ, thời 12 quan chức đều nguy ». Thế là tạng Tâm cũng ở trong 12 quan chức, nếu cho tạng Tâm là quân chủ, thời Nội kinh sao không nói 11 quan chức đều nguy, ví như triều đình, điện Hoàng-Cực là chỗ vua thi hành chính trị, mà cung Kiền-Thanh là nơi để nghỉ ngơi, nay chỉ điện Hoàng-Cực là quân chủ có được không ? Tạng Tâm chỉ để kinh luân mọi việc, còn về gốc sinh hoá thời ở giữa hai tạng Thận, họ Triệu lập luận như trên là suy tôn Mệnh-môn làm quân chủ, là gốc để sinh ra người, lời bàn ấy thực là có công cho nhà học thuốc.

Tiên-sư họ Phùng gạt lời của họ Triệu đi mà rằng : « Từ xưa đều gọi tạng Tâm là quân chủ, tạng Thận chủ về trí khôn, tạng Tâm chủ về suy nghĩ, khi ở tạng Tâm lại gốc ở tạng Thận, cũng như bậc thánh-nhân ở trên, phải cho dân làm gốc của quốc gia, thời Tạng Tâm và Mệnh-môn, rõ 1 bên tôn và 1 bên ty.

Theo ý tôi thời Tiên-Sư nói như vậy là quá về chấp trung, mà lời nói của họ Triệu cũng không nên nệ, vì

Tìm sách

rằng Chữ Quan không chỉ rõ những tạng gì, gọi Tâm là quan về Quân-chủ, thế là quan chức của tạng Tâm giữ việc quân chủ, cũng như quan chức của Tỳ Vị thời giữ việc kho lẫm, Đại, Tiểu-tràng, Bàng-quang, Tam-tiêu, đều giữ chức-vụ riêng. Vậy thời chữ Quan là chức vụ sao đã là Quân mà không gọi là Quan được ? Tiên-Triết có nói như thế, cũng như đồ Thái-cực về Tiên-thiên ở trong thiên Hồng-Phạm kinh Thư, nói lúc Trời chưa sinh thời đều vô hình, sau vạch một nét ngang mà hóa ra hữu hình. Kinh dạy về phép tu tiên cũng nói « thế nào là Huyền-Tâm ? Trẻ em mới sinh bắt đầu có hai quả thận, cho nên tạng thận là gốc cho tạng phủ, người ta không có tạng thận thời không sinh hoá được ». Lại xem trong thân người và tạng-phủ biểu-lý phối-hợp với nhau, thời tạng phế với đại-tràng, tạng tâm với tiểu-tràng, tâm-bào-lạc với tam-tiêu, can với đởm, thận với bàng-quang, tỳ với vị, riêng có Mệnh-môn không có tạng phủ nào phối hợp cả. Như thế Mệnh-môn chẳng phải là tổ để sinh ra người, thời chỉ Mệnh-môn là Quân hay là Quan cũng được.

∴

15.— BÀN VỀ ĐIỂM DÙNG LẦM BÀI BỔ-TRUNG

Tôi xét bài « *Bổ-Trung Ích-Khí thang* » là để chữa cho người hư yếu mà cảm mạo, nghĩa là bổ cho khí ở trung-châu, khí đã vượng thì tà khí phải lui, đó là lẽ dụng bổ để làm công, vả lại người hư yếu thời Nguyên-dương phải hãm trở xuống, dùng bài ấy thăng dương khí để giải cho ngoài biểu. Hơn nữa, người khó nhọc mà phát sốt, cũng bởi khí ở trong hư yếu, khí của ngũ cốc không

Tìm Sách

vận hành được, dạ-dầy không lưu thông, mà thành ra nóng ở trong, nay đem bài Bổ-Trung để bổ khí, là lẽ bổ tỳ thổ để tàng dương khí lại.

Thế mà người đời nay, không phân âm hư hay dương hư, nội-thương hay ngoại-cảm, không hỏi bệnh-nhân hư hay thực, mà gặp bệnh là dùng bài Bổ-Trung, sao không nghĩ ngoài những bệnh nên dùng bài Bổ-Trung, còn có bao nhiêu bệnh phải kiêng, đáng lấy làm lạ là khi ốm, bàn đến thuốc điều bổ và lúc vô bệnh dùng đến thuốc mạnh cho tỳ vị, cũng cứ dùng bài Bổ-Trung. Họ không biết là càng thăng thời khí càng giáng, càng giáng thời khí càng hư tổn.

Còn đến phép gia giảm của bài ấy, không biết nhà nào đặt ra, mà có khi bỏ cả Thăng-ma, Sài-hồ, là những vị bài Bổ-Trung cần phải dùng đến. Có người không bỏ đi thời dùng hai vị ấy tầm mật sao, thời tính chất khinh thanh của vị Thăng-ma, Sài-hồ lại mất hết cả, tệ nhất là bài thuốc ấy đem dùng vào những chứng âm hư hỏa vượng, hay là chứng oẹ ngược mà ở trên thực, thời tăng bệnh rất nhiều. Cũng có người sợ vị Thăng-ma bốc lên, mà lại thêm Ngưu-tất để giáng xuống, là cầm cả hai đầu mối vừa thăng vừa giáng, có người thêm vào vị Hoàng-bá để tả âm hỏa, mà không rõ bài Bổ-Trung là bổ cho dương hư, có việc gì đến âm hỏa, huống chi vị Hoàng-bá tả thận hỏa, tức là tả cả hỏa của tỳ vị, tôi còn thấy người gặp chứng đau lưng thời thêm vị Đỗ-Trọng, gặp chứng âm hư thời thêm vị Thục-địa, gặp chứng chuyển gân thời thêm vị Mộc-qua, gặp chứng đau ở gối thời thêm vị Ngưu-tất, đều là ngoài ý-nghĩa của bài Bổ-Trung.

***

TimSách

16.— BÀN VỀ ĐIỂM DÙNG LẦM BÀI TỨ-QUÂN, TỨ-VẬT, BÁT-TRÂN

Cổ-Thư có nói : « Dương của Hậu-thiên hư yếu, thời bổ tỳ và phế tức là bài Tứ-Quân, âm của Hậu-Thiên hư yếu thời bổ tâm và can tức là bài Tứ-Vật », mọi người đều cho những bài ấy đứng đầu hàng để bổ cho khí huyết, mà dùng vào bệnh gì cũng được. Nhưng không biết ý nghĩa người lập ra bài ấy.

Theo ý tôi thời trong đó có nhiều chứng nên kỵ bài Tứ-Quân, Tứ-Vật, như là hỏa ở dạ-dày mạnh, hay là âm của tạng tỳ suy kém, thời sâm, truật không thể dùng được. Còn người hình thể yếu mà hỏa bốc lên, nóng lắm hại đến khí thời vị sâm cũng phải hoãn lại.

Có người nói bài Tứ-Quân tức là thánh dược chữa cho trẻ em, thời lại không hiểu trẻ em, thuần dương mà thiếu chân âm, sao dùng nhiều được bài Tứ-Quân ?

Nói đến bài Tứ-Vật thời người huyết bởi hỏa động lên, mà thổ huyết hay lục-huyết, thời vị Xuyên-khung không thể vít được, chứng âm vong dương thoát mà băng huyết hay thoát huyết, chỉ có vị Đọc-sâm thang là cứu được lúc thùy nguy mà Thục-địa, Bạch-thược không có khả-năng, vì thế, người nói bổ huyết tất nhiên dùng bài Tứ-Vật, thời tựa như phải mà thực ra không phải, là vì thuốc bổ âm cần phải thuần tĩnh và thấm nhuần, bài Tứ-Vật chỉ là dưỡng được huyết, mà không phải sinh ra huyết.

Còn như bổ huyết để sinh tinh, thời những vị Cao

Tìm sách

Ban-long, Tử-hà-sa, và sữa người mới có công hiệu. Đến như người khí huyết đều hư tổn mà dùng bài Bát-Trân cũng không thể được. Xem Nội-Kinh nói : « Không dương thời âm không sinh được, không âm thời dương không hoá ra được, như người khí hư nhiều mà huyết hư ít, thời dùng vị Sâm Truật nhiều hơn vị Quy, Thục, nhưng còn vị Phục-linh để thấm thấp, vị Bạch-thược toan hàn, vị Xuyên-khung tân tán cũng nên tạm dùng ; Người huyết hư nhiều mà khí hư ít, thời dùng vị Quy và Thục nhiều, mà vị Sâm và Truật kém đi. Nhưng vị Xuyên-khung háo khí, vị Bạch-truật cương táo, vị Bạch-linh thấm lợi cũng không nên tránh mà không dùng.

Hơn nữa, chứng khí huyết đều hư, thời bổ khí là huyết tự nhiên có, vì thuốc bổ khí có thể sinh ra huyết, mà thuốc bổ huyết không thể sinh ra khí, nên tôi mới lập ra bài « *Bồi-thổ cố-trung* » là Thục, Truật, Thán-khương, Trích-thảo, thời rất là ổn đáng, không táo mà không trệ, tôi lại chế ra bài *Hậu-Thiên Lục-Vị* thang, và bài *Hậu-Thiên Bát-Vị* thang, thời dùng vào khí phận, mà không lo đến háo tán, dùng vào huyết phận mà không lo đến hàn lương, xin các vị đồng đạo lựa chọn mà dùng.

***

17.— BÀN VỀ CÓ KHI BỔ-TẠNG THẬN KHÔNG BẰNG BỔ TẠNG TỲ ; CÓ KHI BỔ TẠNG TỲ KHÔNG BẰNG BỔ TẠNG THẬN

Xét Tiên-hiền có nói : « Bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ », là vì tỳ-vị là hoá cơ về Hậu-Thiên, là nơi chứa

Tìm sách

của thức ăn uống, tạng phủ đều nhờ đến tỳ-vị, nếu tỳ-vị thụ bệnh thời 12 kinh-lạc đều có bệnh, cho nên muốn chữa bệnh phải xem đến vị-khí (khí của dạ-dầy) khí của dạ-dầy không tổn hại, thời bách bệnh không đáng lo.

Tiên-triết lại nói : « Bổ tạng tỳ không bằng bổ tạng thận », vì tạng thận là căn bản về tiên thiên, là gốc sinh ra người, cho nên nói gặp chứng hư yếu, phải giữ phương Bắc là tạng thận để bồi lấy sinh mệnh. Tiên-triết phát minh như thế, để người làm thuốc đừng thiên chấp một bề, người để ý vào tỳ vị, thời chỉ trọng những vị Sâm, Kỳ, Quy, Truật ; Người để ý vào thủy hỏa, thời chỉ trọng Địa, Thù, Quế, Phụ, theo như tôi thời người chữa bệnh có chứng ấy mới dùng thuốc ấy, dù là vị thuốc đại-hàn hay đại-nhiệt cũng là có ích, có lúc ta phải trách cứ vào tỳ vị, có lúc ta phải lưu tâm vào tạng thận, sao chẳng xem cổ-thư có nói : « tỳ-vị mạnh thời tạng thận đầy đủ mà tinh khí vượng », thế là phải để tâm vào tỳ-vị. Cổ-thư lại nói : « Người ta không có một điểm Tiên-nhiên là hỏa khí để vận hành, thời hóa ra tro nguội », thế là phải để ý vào tạng thận.

Lại xem Cổ-thư còn nói : « Tỳ-vị đã bại thời trăm thứ thuốc cũng khó lòng », lại như chứng âm hư dương thoát, chỉ nên dùng sâm phụ để cứu vãn lấy vị khí, hư quá thời thêm ngay vị Bạch-truật, mà không thể cho lẫn vào những vị âm dược, dù bài Bát-Vị có quế phụ, cũng chỉ là tá sứ (rất ít) cũng không dùng vào lúc dương tuyệt như thế có phải bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ hay không ? Người uống nhiều thuốc khí huyết mà khí huyết vẫn kém, thời phải biết căn bản của khí huyết là chân dương, một khi bổ đến căn bản

Tìm sách

thời khí-huyết vượng lên, như vậy có phải bổ tạng tỳ không bằng bổ tạng thận hay không? Người ta mới sinh thời phát nguồn ở tinh huyết tức là tạng thận, mà khi đã sinh thời nhờ đến thức ăn uống là tạng tỳ, ta không thể trọng một bên mà khinh một bên được.

***

18.— BÀN VỀ BỔ ÂM TIẾP DƯƠNG, BỔ DƯƠNG TIẾP ÂM

Bổ cho bên nọ mà lại tiếp thêm cho bên kia, thực là phương pháp rất hay, tiên sinh họ Phùng mới phát sinh ra, nghĩa là khí dương đã mạnh, phải cứu đến âm phận khí âm đã mạnh thời phải cứu đến dương khí, mà không được để thiên lệch, cần để khí dương sinh thời khí âm cũng mạnh, đừng để một bên nào thắng, tội theo ý nghĩa ấy mới lập ra phép bổ dương mà tiếp âm, hay bổ âm mà tiếp dương, vì rằng người ta sinh ra là bẩm toàn thể của âm dương, nếu thiên lệch thời sinh bệnh, mà hai bên lìa nhau thời nguy, tuyệt thời chết, ta nên biết là dương căn bản ở âm, âm căn bản ở dương, nên trong dương không thể không có âm, trong âm không thể không có dương.

Nếu bệnh bởi khí dương hư, thời bổ dương cho cân với âm, bệnh bởi khí âm hư, thời bổ âm cho cân với dương, như thế còn là dễ dàng, nếu dương tổn hơn thời trước hết cứu lấy khí dương, khí dương vượng lại tiếp đến khí âm là sợ không có âm thời dương không liễm được, âm tổn hơn thời trước hết cứu lấy khí âm, khí

Tìm sách

âm vượng lại tiếp thêm cho khí dương, là sợ không có dương, thời âm không hoá được, trong đó phải để tâm nhận xét, mà điều trị cho thành công.

Đến như chứng âm dương đều hư yếu quá, âm vong ở dưới mà dương thoát ở trên, bây giờ muốn bổ dương thời những vị thơm và ráo lại sợ hại đến âm huyết, muốn bổ âm thời những vị thấm nhuần lại sợ hại đến dương-khí, chữa những chứng ấy, hoặc dùng thuốc bổ dương mà vẫn để ý đến âm, hoặc dùng thuốc bổ âm, mà vẫn để ý về dương, sao cho trong âm có dương, trong dương có âm, có khi thuốc bổ dương mà dùng những vị không mạnh lắm, để khỏi hại đến chân âm thuốc bổ âm mà dùng những vị không trệ lắm, cho khỏi hại đến chân dương, nghĩa là khí và vị tựa như nhau, thời đồng đội mà thu công rất chóng. Hai phương thuốc bổ và tiếp của tôi, là một bên nầy mạnh đến 10 phần, thời bên kia cũng mạnh được 7, 8 phần, cứ điều trị như vậy, cho đến khi âm hòa bình, khí dương bí vít mới thôi, đó là tự tôi nghĩ ra, xin bày tỏ để nhà làm thuốc suy xét.

***

19.— BÀN VỀ HIỆN CHỨNG CỦA TẠNG PHỦ, HƯ HAY THỰC VÀ PHƯƠNG PHÁP DÙNG THUỐC

Tôi xét Nội-Cảnh đồ (hình đồ về tạng phủ) bàn về tạng phủ, đã tinh và đủ, nhưng đến gốc bệnh hư hay thực và phép dùng thuốc, thời không thấy phân biệt, nhưng vì là sách của Tiên-hiền mà tôi không dám xếp đặt lại. Tôi

TìmSách

tập nghiệm đã lâu những bệnh hư hay thực mà dùng thuốc đối chứng như thế nào, bày tỏ ra sau đây, để người học về thuốc khỏi thắc mắc.

Tạng phế: Ở đức hạnh thời là Nghĩa, ở Bát-quái ứng với quẻ Kiền ☰. Cho nên ba vạch liền nhau, ở phương thời thuộc tây-bắc, ở 12 chi thời thuộc về Thân-Dậu.

Hiện ra những chứng: thở vội hay khí ngược lên, hoặc ho đờm, hoặc khái-huyết (ho ra máu), hoặc đoản khí, hoặc chân yếu, hoặc cảm phong mà nhỏ nước mũi, hoặc ngạt mũi nặng tiếng. Tạng phế chủ về tiếng nói, khai khiếu ra mũi, ngoài ứng với da và lông, phong tà hại ngoài biểu, thời tạng phế thụ bệnh trước, cho nên hiện chứng chứng khó chịu về hắt hơi, mũi đỏ, hay là chảy nước rãi không chỉ (tị-uyên), hay là mọc thịt thừa, hay là khí không hành mà tiểu-tiện bế, hoặc tiểu-tiện đi luôn, hoặc phế khí nhiệt mà tiểu-tiện xón ra, hoặc thủy kiệt mà ráo khát, hoặc ngoài da xỉn mà lông rụng, hoặc bì phu đau, ngứa, hoặc tê lần mần, hoặc đi tiểu tiện thời sởn gai ốc, hoặc chân lông dựng lên (Nhiệt hại đến khí, khí bởi thủy tiết mà rùng mình sởn gai ốc cho nên mùa hè nóng có nhiều chứng ấy).

Những thuốc dùng về tạng phế: Sâm và Kỳ để ích khí, Tử-uyển, Ngũ-vị để liễm lại, Mạch-môn để nhuận và thanh hoả, Hư-cầm để tả thực hỏa, lại thanh hỏa dùng Sa-sâm, hành khí dùng vỏ Trần-bì, chữa chứng nhiệt huyết dùng vị Thiên-môn, tả hỏa tả dùng vị Tang-bạch-bì, giáng khí thời dùng Trạch-tả, Xích-linh và Xa-tiền, ôn khí để chữa ho, thời dùng vị Khoản-đông-hoa, giáng khí thời dùng vị Tô-tải và Hạnh-nhân, phá trệ khí thời dùng chỉ-xác, chữa

Tìm sách

chứng đờm và liễm khí thời dùng Xuyên-bối-mẫu, La-bạc-tử, đem các thứ thuốc vào tạng phế thời dùng Cát-cánh.

Tạng Tâm. Về ngũ thường thời ứng với điều Lễ, về Bát-quái thời ứng vào quẻ Ly ☲ nên vạch trong đứt đôi, về bốn phương thuộc chính Nam, về 12 chi thuộc cung Ngọ.

Hiện ra những chứng: mình sốt, ra mồ hôi hay ra huyết, hoặc chợt nóng chợt khỏi, hay cười, nói mê, phát cuồng, hay quên, hoảng-hốt, kinh-sợ, lưỡi cứng ra hay lưỡi trắng, nhan sắc khô xỉa, điên cuồng hay kinh giản, ra mồ hôi nhiều mà phát chứng kinh hay phát chứng co giật, ra mồ hôi ở ngực, và trước quý sau hèn, trước giàu sau nghèo mà thụ bệnh.

Thuốc dùng về tạng tâm: Bổ khí cho tạng tâm dùng vị Táo-nhân, bổ huyết cho tạng tâm dùng vị Đương-quy, bổ mà thanh dùng vị Liên-tử, Đồng-tâm; an thần, định kinh, đỡ quên thời dùng vị Viễn-chí; an thần dùng vị Phục-thần, khai khiếu dùng vị Xương-bồ, tả hỏa dùng vị Hoàng-liên, mát chân huyết dùng vị Tê-giác, Sinh-địa, ôn chân huyết dùng vị Nhục-quế, chấn kinh dùng vị Thần-sa, thanh tâm dùng vị Ngưu-hoàng.

Tạng can: Về tính thời thuộc chữ « nhân » trong ngũ thường, ứng vào quẻ Chấn ☳ của Bát-quái, (nên hai vạch trên đứt ra) về phương hướng thời ở chính Đông, về 12 chi thời ở cung Mão.

Hiện ra những chứng: Mắt đỏ, sạnh sườn đau, mà đau đến bụng dưới, hay giận, khí ngược lên, gân cứng hay là co lại, chân tay lay động, móng tay khô và xanh, chứng

Tìm sách

nắt nóng, trông ngược lên, đầu choáng váng, mắt hoa, thở dài, cổ cứng, nôn ọe ra nước chua, ưa ăn vật chua, chứng sán-thống, chứng đi đái rắt (ngũ-lâm), chứng âm-nang (nòn dái) co lên.

Thuốc dùng về tạng can: Bổ huyết thời dùng Đương-quy, Sinh-địa, bổ cho mẹ tức là thận thủy, để thận thủy sinh ra can mộc thời dùng Thục-địa, bổ âm liễm khí thời dùng Sơn-thù, bổ khí thời dùng Tảo-nhân (để sống không sao), mạnh gân thời dùng Ngưu-tất, Đỗ-trọng, Mộc-qua, liễm-huyết và tả khí dùng Bạch-thược, hành khí dùng Xuyên-khung, tản khí dùng Trần-bì, Chỉ-xác, thanh hỏa long lôi dùng Mẫu-đơn, tả hỏa dùng Tê-giác, phạt khí dùng Thanh-bì, hạ khí xuống dùng Ngô-thù, bình khí và tả hỏa dùng Sài-hồ, tả nắt dùng Quế-chi (Mộc được quế thời khô đi) ôn thời dùng Mộc-hương và quế, mát dùng Cúc-hoa, hoãn đi dùng Cam-thảo.

Tạng tỳ. Về tính thời thuộc chữ « Tín » trong ngũ thường, về Bát-quái thời ứng quẻ Khôn ☷, về phương thời ở Tây nam, về 12 chi là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Hiện ra những chứng: Bành-chướng hay là nề-xũng những nước (thủy-xũng), chứng Hoàng-đảm, chứng tiêu ở Trung-tiêu (tiêu-khát), chứng ăn uống không hoá ra cơ nhục, chứng hay đói hay khát, chứng môi ráo miệng lở, chứng ở trong đầy, chứng tiết tả, chứng không ăn được, hay là ăn mà không tiêu hóa, chứng xôi bụng chứng tích tụ, chứng ăn rồi mà chân tay mệt, chứng ăn ít mà đói, chứng bốn chân tay không có sức, chứng nhiệt nắt mà ngủ lịm đi, chứng hay lo mà không ngủ, chứng đờm nhiều đặc mà vàng, chứng khí kém tinh thần choáng-váng mà

Tìm sách

hay nấm, chứng thịt đau, chứng mặt vàng, chứng chân nề, chứng người sốt, chứng miệng ngọt, và chứng dương khí hãm trở xuống, chứng trẻ em sài màn kinh.

Thuốc dùng về tạng tỳ: bổ khí thời dùng Sâm và Kỳ, bổ nguyên dương thời dùng Bạch-truật; hoà ở trung-tiêu thời dùng Trích-thảo; thấm thấp dùng Phục-linh; thêm cho khí ở trung-châu dùng Hoài-sơn, Liên-nhục, Ý-dĩ hoà cho tạng tỳ dùng Long-nhõn, Đại-táo; ôn trung dùng gừng nướng, gừng sao, Quan-quế, Sa-nhân, Đinh-hương; chữa chứng lạnh ở trong dùng Can-khương, Phụ-tử, Hồ-tiêu; tính cho tạng tỳ dùng vị Tảo-nhân; thanh đờm dùng Bán-hạ; chữa chứng tả dùng Đậu-khấu, Biển-đậu; hành khí dùng Trần-bì, Chỉ-xác; tiêu chứng đầy dùng vị Trầm-hương, Mộc-hương; dẹp chứng chướng lên dùng Xương-truật, Hậu-phác; tiêu thức ăn vì cơm dùng Mạch-nha, Thần-khúc; tiêu thức ăn về quả hay thịt; dùng vị San-tra.

Riêng về tỳ âm: Nếu huyết hư thời hiện chứng đêm nặng ngày nhẹ, đói không muốn ăn, não nùng mà nước dãi ràn ra, đại-tiện khô hay là vì lo nghĩ không ngủ mà sinh ra chứng hư chướng (đầy chướng mà không có gì), thường dùng vị hành khí mà không có công hiệu, thời nên bổ tỳ âm mà dùng ngay Quy, Thục để bổ huyết, Bạch-thược để liễm chân âm như bài Thất-vị-hoàn (ở quyển Huyền-Tẫu), bài Tả-quy-hoàn (ở quyển Nhật), bài Quy-Tỳ (ở quyển Khôn-Hoá), nghĩa là trong vị thuốc bổ khí mà thêm những vị thấm nhuần riêng về âm của tạng tỳ.

Dương khí của tạng tỳ hư yếu thời hiện chứng: đêm nhẹ ngày nặng, ăn uống không tiêu, nhiều đờm, người

mệt, mình nóng, ngực và lòng bàn chân bàn tay (là ngũ tâm) nóng, phép chữa nên bổ khí cho tạng tỳ, như những vị Bạch-truật, Can-khương, Phụ-tử, Đinh-hương, Sa-nhân, đại khái như bài Tứ-Quân (quyển Khôn-hoá), bài Phục-thổ-hoàn (quyển Nhật), bài Đại-kiện-tỳ-hoàn (quyển Nhật), bài Dị-Công-tán (quyển Khôn-hóa), bài Sâm-Linh Bạch-Truật tán, và bài Bát-vị (quyển Huyền-Tẫu). Người chữa bệnh đời nay, chỉ biết tạng tỳ ưa ẩm mà ghét ráo, mà không biết tạng tỳ có cả âm dương, âm tức là tính nhu mà thuộc về quẻ Khôn, nếu khô ráo thời không sinh được vật.

Tạng-Thận. Về tính thời thuộc chữ « Trí » trong ngũ thường, về Bát quái thời ứng quẻ « Khảm » ☵ (vạch giữa liền), về phương thuộc về Bắc, về 12 chi thuộc cung Tý.

Hiện ra những chứng : Như những chứng tiêu-khát (khát mà đi giải nhiều), chứng đau cuống họng, chứng hư nhiệt, chứng đau tận xương, chứng cốt chưng (nóng tận xương), chứng chân mỏi, chứng nặng mình, chứng ù tai hay là điếc, chứng đau lưng, chứng lạnh xương sống, chứng ở ngoài sợ lạnh, ở trong sợ thức sống thức lạnh, chứng tiết tả, chứng đi tả đã lâu, chứng đi tả về buổi sáng, chứng đi lị đã lâu, chứng thủy xũng (nề những nước), chứng mặt đen, chứng mặt xanh hay trắng bóng, chứng mắt hoa không trông thấy xa, (không có hỏa) chứng đồng tử tản đi (không gọn con ngươi), chứng tiểu tiện đi luôn mà ít, hay là đi nhiều, hay là hư-bí (bí vì người yếu), chứng ốm khỏi rồi đêm hay đi tiểu-tiện, chứng đại-tiện táo (thủy suy), chứng con trai di-tinh hay bạch-trọc, chứng con gái đới-hạ hay bạch-dâm, chứng bụng to, chứng trong ngọc-hành sưng đau, chứng âm-hộ co vào, chứng thấp

Tìm sách

ngứa, chứng dương vật yếu, chứng trong bụng như người đói mà không ăn được, hay là ăn rồi đói ngay, chứng khí từ dưới rốn ngược lên mà xuyễn-ho, chứng mà đỏ, chứng đầu mặt xũng độc, chứng trên nóng dưới lạnh (khát mà uống nhiều là thủy suy, khát mà không uống nhiều là hỏa suy), chứng răng rụng từ khi ít tuổi, chứng răng đau, chứng cuống họng đau, chứng sợ hãi mà thành ốm, chứng ốm rồi thất thanh, chứng trẻ em ngoẹo cổ, chứng trẻ em bị ngũ nhuyễn là 5 thứ yếu (Xem quyển Ấu-ấu), chứng trẻ em ngũ trì là 5 thứ đều chậm (Xem quyển Ấu-ấu), hết thảy những bệnh nặng, những bệnh lạ, mọi chứng hư tổn đều bởi ở tạng thận.

Thuốc dùng về tạng thận : bổ cho chân-âm chân-thủy, thời dùng Thục-địa, Sơn-thù, bổ cho chân-dương chân-hỏa thời dùng Quế-phụ ; bổ cho tinh huyết và mạnh cho âm dương thời dùng nhung hay cao của hươu nai, và nhau đàn-bà đẻ ; cố tinh thời dùng Lộc-giác-sương ; thêm tinh và tráng dương thời dùng Khởi-tử, Nhục-thung-dung, Tỏa-dương ; giữ cho thận khí và chữa chứng thận tả, thời dùng vị Phá-cô ; chữa chứng vong âm mà tiểu-tiện nhiều, dùng vị Ích-chí ; mạnh gân cốt và lưng gối, dùng Ngưu-tất, Đỗ-trọng ; tiếp nối cho gân cốt dùng Tục-đoạn : giúp cho chân âm dùng vi Quy-giáp ; ôn cho thận dùng Trần-hương, Sa-nhân, Bách-tử-nhân, Khiếm-thực ; vít tinh huyết lại dùng Long-cốt, Mẫu-lệ ; chữa chứng nóng tận xương mà có mồ hôi dùng vị Địa-cốt-bì ; thanh cho hư hỏa dùng vị Huyền-Sâm ; phạt hỏa dùng Tri-mẫu, Hoàng-bá ; thấm nước đi dùng Chư-Linh, Trạch-tả, thấm mà thêm nhuần, dùng vị Ý-dĩ, Phục-linh, Sa-tiền.

Tôi xét kỹ những bài thuốc để bổ thận, cũng như

Tìm sách

những vị thuốc bổ tỳ, hết thảy những vị cay, thơm, ráo được ấm thấp đều là thuốc bổ tỳ, những vị thêm cho tinh huyết đều là thuốc bổ thận, những câu nói ấy khiến cho người ta mơ màng không biết phân tách, mà cho uống hỗn độn, muốn bổ thận thời chọn trong tinh-dược những vị nào bổ tinh-huyết là thêm vào, có khi những vị để thêm vào lại nhiều hơn những vị ở trong bài thuốc, vì thế tôi phân ra từng loại như kể ở trên, để cho những người học thuốc còn biết trong vị âm dược mà có tính chất dương, trong vị dương dược mà có tính chất âm, một khi đồng đội thì có tính cách giúp lẫn nhau mà công hiệu rất chóng.

Đại tràng. *Hiện ra những chứng* : Đại-tràng xôi, hoặc đi cầu ra huyết, hoặc chướng mãn, hoặc Đại-tiện táo kết, (chứng thực là nhiệt bế, chứng hư là huyết khô), hoặc trĩ-lậu, hoặc mọc ung nhọt trong ruột, hoặc đại-tiện đi ra đỏ và trắng, hoặc thất-khí (cũng gọi trung-tiện tức là đánh rắm) mà rất hôi.

Thuốc dùng về đại-tràng : để bổ khí như Linh, Truật, Đậu-khấu ; Bổ huyết như Quy, Thục, Nhục-Thung-dung; nhuận táo dùng Ma Nhân, Ngưu Tất ; tiên trệ dùng Mộc hương và hành, phá tích dùng Chỉ-xác, Binh-lang, Thảo-quả, Khiên-ngưu ; tả hoả dùng Hoè-hoa. Thạch-cao, Tử-cầm, Hoạt-thạch ; hạ chứng kết dùng Đại-hoàng, Phác-tiêu, Bã-đậu ; vít lại dùng Kha-tử, Long-cốt, Mẫu-lệ.

Tiểu Tràng. *Hiện ra những chứng* : đau bụng dưới hoặc đầy chướng lắm, hoặc sôi bụng, hoặc tiểu-tiện rỉ ra, hoặc đại-tiện tả. *Dùng thuốc để bổ* như bài Bát-vị-hoàn (quyển Huyền-Tẫn), thấm thấp dùng bài Kim-Quỹ (quyển Huyền-Tẫn), tả đi dùng bài Ngũ-linh.

Tìm sách

Tiêu-Kinh (Tức Tam-Tiêu). *Hiện ra những chứng* : khí rào lên, miệng đắng hay thở dài, hoặc nước mắt chảy ra, hoặc không ngủ được, hoặc dễ kinh sợ.

Dùng thuốc bổ bằng vị Tảo-nhân, mát đi bằng vị Hoàng-liên, Long-đảm-thảo. Trúc-nhự ; thấm nước đi dùng vị Mộc-thông, tả là vợi đi dùng vị Thanh-bì, Sài-hồ.

Vị-Kinh (Dạ-Dầy). *Hiện ra những chứng* : đói mà không muốn ăn, hoặc hay ăn mà gầy, hoặc ngủ không yên, hoặc thở có tiếng to, hoặc bụng hay đầy mà kém ăn, hoặc đầy chướng, hoặc người gầy mà bụng to mắt vàng, hoặc lợi sưng đau (vị nhiệt), hoặc môi lở, miệng nhạt hoặc chảy nước dãi, hoặc đau vú, hoặc nôn hay oẹ, hoặc phát cuồng, hoặc thất-khí (trung-tiện luôn luôn), hoặc đàn ông dương-lụy (dương-vật yếu), hoặc lạnh nhiều mà oẹ, hoặc nóng nhiều mà sợ.

Thuốc dùng về vị kinh (dạ dầy) : ôn bổ như Bạch-truật, Liên-nhục, bổ cho mát như Hoàng-cầm. Vị thuốc hàn lương rất hại đến dạ-dày, mà tôi cho vị Hoàng-cầm bổ cho mát đi là lẽ gì. Ta hãy xem bài « Bổ-Trung-thang » thêm Hoàng-cầm, Bán-hạ, Xương-truật ích-trí, thêm vị Hoàng-cầm và Thần-khúc, thời gọi là bài « Ích-trí thanh-dương ». Hơn nữa thuốc an-thai dùng vị Hoàng-cầm theo với Bạch-truật thời đủ rõ. Xét Nội-kinh có nói : « Tạng tỳ ghét ẩm mà ưa ráo, dạ-dầy ghét ráo mà ưa ẩm », Cổ thư nói : « dạ-dày ưa uống thuốc mát mà ghét nóng, đại tràng ưa uống thuốc nóng mà ghét lạnh ». Cho nên chứng quan cách đều bởi dạ-dày khô ráo, như vậy thời vị Hoàng-cầm là thuốc cần để lương bổ cho

Tìm sách

dạ-dầy. Nhưng dạ-dầy hàn mà tiết tả cùng người hỏa hư phải kiêng.

Tôi lại xét, muốn tiêu thức ăn của ngũ cốc thời dùng mạch-nha, thần khúc ; ôn bằng vị Đinh-hương, Quan-quế, Nhục-đậu, Ích-trí, Gừng nướng, Gừng sao và Trích-thảo ; phạt hoả bằng Thạch-cao ; chữa đờm bằng Trần-bì, Bán-hạ ; tả hoả độc bằng Liên-kiều ; lấy mát để giải đi bằng vị Bạch-thược, Thạch-hộc ; giáng hoả bằng vị Sơn-chi, thăng cho dương khí bằng vị Thang-ma ; thăng cho thanh khí bằng vị Cát-căn ; hạ chứng thực-bĩ bằng Mang-tiêu, Đại-hoàng, Ba-đậu ; hành khí bằng vị Mộc-hương ; phá trệ khí bằng vị Chỉ-xác, Hậu-phác ; chữa chứng nghịch khí bằng Hoắc-hương, Trần-bì.

Bàng quang *Hiện ra những chứng :* tiểu-tiện bế hay là đi luôn, nhưng không nên cho hàn là hư, nhiệt là thực vì có khi hạ-tiêu nhiệt mà đi luôn, cũng có khi thận khí lạnh mà bĩ, cũng có khi thận khí không bế tàng mà đi luôn, cũng có khi khí ở tạng phế không xuống được mà bế.

Dùng thuốc : để bổ hoả như bài Bát-Vị, để bổ thủy như bài Lục-Vị, để vít tiểu-tiện như vị Ích-chí, Long-cốt, Mẫu-lệ ; tả thủy đi dùng vị Chư-linh, Trạch-tả, Mộc-thông, Đăng-tâm (bấc đèn), Xa-tiền, Cỏ-mạch, diêm-tiêu, thanh hỏa dùng Tử-cầm, hoạt-thạch, Hoàng-bá, Sơn-chi (vị Diêm-tiêu là thánh-dược để chữa chứng thủy sũng, mà tiểu-tiện vì thực mà bí)

Tam-tiêu : Vì chỉ lấy tướng hỏa làm căn nguyên, hỏa yên ở địa vị thời tam-tiêu truyền-thống được dễ dàng, mà không yên thời biến làm hỏa dữ dội, mà tam-tiêu

Tìm sách

thụ bệnh vì nhiệt, tướng-hỏa suy thời Tam-tiêu thụ bệnh vì hàn. Hiện ra những chứng : nghẹn-cách, ăn uống không lọt được bệnh khí ở ngực, thời bởi ở tâm và phế. Nếu đầy chướng nôn-nao, ọe, thở và không nạp thức ăn, hay không vận hóa thời bởi ở tỳ vị. Nếu đại tiện bế khó đi hay là chứng ngũ lâm (khí lâm, huyết-lâm, thạch-lâm, cao-lâm, lao-lâm), và các huyết chứng thời bởi ở can, thận, bàng-quang, và đại-tiểu-tràng, xem bệnh ở tạng gì thời chữa về tạng ấy, như ở thượng-tiêu thời dùng thuốc chữa tâm và phế, bệnh ở trung-tiêu thời dùng thuốc chữa tỳ và vị, bệnh ở hạ-tiêu thời dùng thuốc chữa can, thận, bàng-quang, đại, tiểu-tràng. Nhưng thiết yếu ở một điểm mạch-môn.

Trên đây là nói về dùng thuốc ở tạng phủ, còn như chứng thực chứng hư, và những bệnh về giả tượng, nếu là khí thực thời còn dễ suy xét, trái lại khí hư thời giả lẫn với thực. Cổ-Thư có nói : « Xem bệnh nên xét nguyên-khí trước, rồi mới hỏi đến chứng bệnh ». Lại nói « Lấy nguyên khí làm chủ mà chứng ở ngoài không đáng kể ». Tôi có 3 phương pháp tóm tắt. 1.— Xem về hình. 2.— Căn-cứ về mạch. 3.— Hợp với bệnh chứng: *Về hình* : Những người ít tuổi, thân thể mạnh cơ nhục đầy đủ là hình thực, còn người tuổi nhiều, bẩm sinh yếu, hoặc ốm rồi hoặc sản-hậu, và trẻ sơ sinh là hình hư. *Về mạch :* thời không có phù, trầm, đại, tiểu, hễ ấn mạnh đến xương mà có lực là mạch thực, nếu vô lực là mạch hư. *Về chứng* thời dù tựa như thực, nhưng mạch hư, hình hư, thời chứng ấy là « giả thực ». Trái lại chứng tựa như hư mà mạch thực, thời chứng đó là « giả-hư », căn cứ vào 3 điểm ấy, thời bệnh tình không thể giấu được.

***

Tìm sách

20.— LUẬN VỀ KHÍ HUYẾT NHỜ LẪN NHAU

Cổ-thư có nói : « Thuốc bổ khí có thể sinh được huyết », là vì khí dương sinh thời khí âm cũng vượng, chứ không phải là dùng thuốc bổ khí để sinh ra huyết, ví như chứng huyết thoát mà uống bài « *Độc-Sâm-thang* » (riêng một vị sâm), thời không những vì huyết thoát phải giữ lấy khí, mà vị Nhân-sâm dù là thuốc bổ khí, mà còn có tính chất thấm-nhuần, thế là bổ dương thêm bổ âm.

Lại như bài « Bổ-Huyết-thang » dùng Hoàng-kỳ 1 lạng mà Đương-quy có 3 chỉ, nếu bảo là khí được sinh ra huyết, sao không dùng đến vị Nhân-sâm và Bạch-truật, vì rằng vị Hoàng-kỳ để bổ cho vệ khí (khí để bảo vệ), lại thêm sinh huyết mà tả âm hỏa, cùng chữa chứng khó nhọc nội thương, chứng huyết hư phải sốt. Cho nên dùng vị Hoàng-kỳ để đồng đội với thuốc bổ huyết, như thế là khí huyết giúp lẫn nhau mới chóng thành công.

Cổ-nhân lập ra bài thuốc trong vị dương dược mà có âm, tức là có tính thấm-nhuần, trong vị âm dược mà có dương, tức là không có tính ngưng trệ, thực là thần diệu.

∴

21.— BÀN VỀ CHỨNG HOẢ HƯ, CHỨNG THỦY SUY TỰA NHƯ NHAU, BÀI LỤC-VỊ, BÀI BÁT-VỊ NÊN PHÂN BIỆT MÀ CHỮA

Nội-kinh có nói : « Khí âm và khí dương ở lẫn vào nơi của nhau, thủy và hỏa đều sử dụng cho nhau », cho

Tìm sách

nên bổ hoả ở trong thủy, mà bổ thủy ở trong hoả. Ông Trọng-Cảnh biết rõ lẽ ấy, đặt ra bài Bát-vị để bổ hỏa ở trong thủy, và bổ thủy ở trong hoả.

Nếu mạch thấy hai bộ xích đều yếu, thủy hỏa đều kém, mà hiện chứng thời thần khí tinh huyết đều suy yếu, mới dùng đến những phương thuốc ấy. Còn như người chân hỏa hư, mà thủy chưa hư, hay chân thủy suy mà hỏa thịnh, thời những vị thuốc ở trong bài *Bát-Vị*, nên gia giảm chữa riêng. Đại-khái người hỏa hư mà thủy dềnh lên, hay thủy hư mà hoả bốc lên, đều thấy lưỡng quyền đỏ, mắt đỏ, cuống họng khô, cổ họng đau, lưỡi trắng, môi nứt ra, thở ngược lên, ho đờm, phiền khát, nóng ở nửa người trở lên, v. v... Người không biết, hoặc cho uống bài Bát-Vị, hoặc cho uống bài Lục-Vị, nếu thấy khỏi cũng không biết, là thành công về bổ thủy hay bổ hỏa, mà không khỏi thời cũng không biết là lầm về bổ thủy hay bổ hỏa.

Vì rằng, bài thuốc để bổ hoả thời tạm nên bổ thủy, còn bài thuốc để bổ thủy không nên bổ hoả, Cổ-thư có nói : « Ngày thường không bớt được tình dục, đến nỗi hoả ở mệnh môn suy kém, âm trong tạng thận dềnh lên, long-hoả không có chỗ để chứa lại, mà bốc lên thượng tiêu, thời dùng bài Bát-Vị bổ hoả ôn thận, thời long-hoả về chỗ ». Lại nói : « Vì lao lực tổn thương mà tân dịch suy kiệt, đến nỗi chân âm suy kém, hoả không có thủy để chế đi, mà tướng hoả bốc lên, nóng dốt ở cơ thể, thời dùng bài Lục-Vị bổ thủy cho cân với hoả, thời hoả tự giáng xuống. »

Một bài là thêm cho chân hoả, một bài là mạnh cho

Tìm sách

chân thủy, hai ngả khác nhau, những người hoả hư mà nóng bốc lên là long-hoả sợ âm hàn trong tạng thận mà bốc lên, cho nên dùng Quế và Phụ để lựa tính làm ấm ở hạ-tiêu cho hoả về chỗ cũ. Người thủy kém mà hoả bốc lên, thời khác với lẽ kẻ ở đoạn trên, ta phải nhận biết rằng, vòng trắng ở bên phải quả thận là nơi của tướng-hoả, mà vòng đen ở bên trái quả thận là nơi của chân-thủy, nếu thủy kém là hoả dư ra, cho nên dùng những vị Thục-địa, Sơn-thù để cho can với hoả, thời nóng tự dẹp đi, trái lại thủy kém mà lại bồ hoả, thời hoả lại hơn lên, hoả kém mà lại bồ thủy, thời âm lại hơn lên.

Tôi có một bí pháp, xét mạch bộ xích bên phải yếu không bằng mạch bộ xích bên trái, là chân dương hư tổn mà mệnh hỏa suy yếu, nếu bộ xích bên trái yếu không bằng bộ xích bên phải, là chân thủy suy kém mà tướng-hỏa bốc lên.

Nhưng mạch chỉ là làn sóng của khí huyết, lại phải xem hình sắc nếu là hỏa hư thời hình thể gầy, diện bộ bạc nhược hay là béo trắng mà trệ nệ, nếu là thủy suy thời hình thể gầy đen, hay là lưỡng quyền và mép thường đỏ.

Sau nữa, lại xem đến chứng bệnh, dù là ở trên nóng giống như nhau, nhưng ta phân biệt rằng khát mà không uống được nhiều là không có hỏa, khát mà uống nhiều là không có thủy, trên nóng dưới lạnh là không có hỏa, ngoài nóng mà trong cũng phiền táo là không có thủy, đại-tiện thường lỏng phân là không có hỏa, đại-tiện táo kiết là không có thủy, biết phân biệt là không thủy hay không hỏa, thời mới biết dùng những vị Thục-địa, Sơn-thù, hay Nhục-quế, Phụ-tử.

∴

Tìm sách

22.— BÀN CHỨNG NHIỆT THỜI HẠI KHÍ, MÀ NHIỆT THỜI HẠI HUYẾT

Nội-Kinh có nói : « Dương tà hóa ra nóng, mà nóng thời hại đến khí », nên chữa chứng ấy phần nhiều dùng thuốc bổ khí, như mùa hè hỏa vượng hành hỏa khắc hành kim, thời nên giữ lấy phế-khí, như bài « *Thanh-thử-thang* », bài « *Sinh-mạch-ẩm* » để khí lực hơn lên, đủ rõ là nóng thời hại đến khí. Nội-kinh nói : « Nóng nhiều thời âm huyết thụ bệnh », cho nên chữa chứng nóng phải theo huyết dược, ông Đan-Khê dùng bài Tứ-Vật thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Huyền-sâm để phạt hỏa mà dưỡng chân âm, đủ rõ là nóng thời hại chân huyết.

Nhưng Nội-Kinh nói như vậy, khiến người học thuốc mang nhiên, vì sao không nói rằng, nóng thời khí huyết đều hại, mà phép chữa thời bổ cả khí huyết, là vì một chứng nóng nhưng có hai bệnh căn. Nếu nóng hại huyết phận, mà chỉ chữa bằng khí dược, thời âm càng tiêu đi, nếu nóng hại khí phận, mà chỉ chữa bằng huyết dược, thời dương càng kém đi.

Ông Cảnh-Nhạc có nói : « Không phải lời của thánh hiền thời không nên bắt chước. » Vậy nhà làm thuốc có bộ Nội-Kinh, cũng như nhà nho có Ngũ-Kinh. Bộ Nội-kinh do đức Hoàng-Đế và ông Kỳ-Bá lập ra khuôn phép, thời ta không dám trái, chỉ vì học giả không rõ được lý lẽ mà thôi.

Vì rằng, nóng hại đến khí là nóng dữ dội ở ngoài

Tìm sách

đến, như Nội-Kinh đã nói: « Dương tà hóa ra nóng », tà khí ấy không những là thử tà. mà phong hàn, thấp, táo, nhiệt, cảm vào bì mao, tạng phế thụ hại trước mà hiện chứng ho đờm, sợ rét phát sốt, đoản khí, mỏi mệt, còn như nóng mà hại chân huyết là nóng lâu về Nội thương, như Nội-Kinh nói « Naiệt thắng lên thì âm phải yếu », vì rằng tạng tâm để giữ chân huyết, nếu bị nóng thời huyết tản, mà tinh thần mụ đi, còn hiện chứng ở ngoài thời như ngây như say, hoặc nói mê.

Lại xem Nội-Kinh có nói: « Bệnh dữ dội (bạo phát) không phải âm chứng, bệnh đã lâu không phải dương chứng ». Lại nói: « Nóng lâu thời hại chân âm, càng nóng thời càng hại, càng hại thời càng nóng », đủ rõ những chứng nóng mới phát sinh ra đều là hại khí, mà những chứng nóng đã lâu đều là hại huyết, cho nên người nóng và khát có phân ra uống nước nóng hay uống nước lạnh, lại phân ra uống luôn mà chỉ uống ít, hay là uống thực nhiều, tôi có đặt ra một câu vắn tắt rằng, nóng dữ dội thời hại chân dương, nóng đã lâu thời hại chân âm, hiểu lẽ ấy mới biết lẽ làm thuốc.

∴

23.— BÀN VỀ KHÔNG BỚT ĐƯỢC TÌNH DỤC THỜI HẠI ĐẾN TẠNG THẬN

Lời bàn về ngũ hành ở bộ sách Y-quán có nói: « Hỏa của long-lôi hiện về cuối mùa xuân, mà dẹp đi về cuối mùa thu, là vì long-hoả thuộc về dương, tháng 5 ơi bức

Tìm sách

mà khí âm đã sinh, nên dưới đáy nước lạnh rồi theo dương khí bốc lên. Tiết đông-chí mà khí dương đã sinh, cho nên dưới đáy nước ấm, long cũng tùy dương mà xuống, tướng-hỏa trong thận người cũng như thế vậy, ngày thường ta không bớt được tình dục, đến nỗi hỏa ở mạnh-môn suy yếu, âm trong tạng thận thịnh lên, phù du trở lên mà không về chỗ, vì thế, thượng-tiêu phiền nhiệt mà mọi chứng phát ra. Người khéo chữa phải dùng bài Bát-Vị để ôn tạng thận, theo tính của hoả mà đem về chỗ, để làm theo thời tiết mùa thu mùa đông, lời bàn ấy thực là chí lý.

Nhưng theo tôi thời không khỏi nghi ngờ, là vì nhiều tình dục thời tổn tinh huyết, không có khi nào chân âm còn thịnh. Nếu âm ở trong tạng thận thịnh, thời thủy chế được hỏa, đâu có lẽ phù việt được, âm dương là căn bản cho nhau, chân huyết đã hư thời chân dương cũng không hoàn toàn.

Vả lại khí âm là hữu hình về Hậu-thiên đã suy yếu thời bốc lên, khí dương hữu hình đã hư yếu thời hãm trở xuống, nếu chân thủy vô hình của Tiên-thiên hư yếu, thời tướng hoả vô hình bốc lên, sao có thể chấp nệ về Hậu-thiên mà bảo rằng mệnh-môn hoả suy, thời âm trong tạng thận thịnh lên được.

Vậy những người sắc dục quá độ, là chân âm chân dương đều hư yếu, đã hư yếu thời mới hiện ra những chứng trên nhiệt dưới hàn, mà tựa như âm trong tạng thận thịnh lên, mới dùng bài Bát-vị để bổ âm-dương, nếu ta bảo là sắc dục nhiều mà chân âm thịnh, thời sao bài

Tìm sách

Bát-Vị lại dùng Thục-địa để bổ thủy cho hàn thêm, để hoả long-lôi chóng tắt.

Tôi gặp chứng ấy chỉ là chân âm suy tổn, mà dùng thuốc thời trọng dụng vị Thục-địa, để long-hoả về chỗ, thời khí âm hoà bình mà khí dương bế vít, ta chớ cho là hoả-long lôi sợ về âm hàn, mà tránh những vị âm dược.

***

24.— BÀN VỀ CHỨNG ĐAN NHIỆT (nóng mà không ghê rét) LÀ MẤT CHÂN ÂM, MÀ CHẾT NGƯỜI RẤT CHÓNG, CÙNG PHÉP CHỮA.

Cổ-thư có nói : « Chứng bệnh chết vì hàn nhiều mà chết vì nhiệt ít » câu ấy là nói thuốc hàn lương có hại, mà thuốc ôn nhiệt thời không có hại lắm mà thôi. Cho nên Nội-kinh có nói : « Một chút dương hãy còn thời không chết ». Những bệnh đến khi chết, không ai là không tay chân giá lạnh, thế là không có nhiệt thời không có sinh khí.

Tôi thấy chứng đan nhiệt, mặt sạm lưỡi đen, cuống họng khô, cổ họng đau, mình nóng như rang, người như củi khô, phiền khát nóng nhiều, đại-tiểu-tiện bí vít, hay là đoản khí mà tiểu-tiện đi luôn, tinh thần mụ đi mà đoản khí, cuồng táo nói rông, muốn quạt không ngừng hoặc muốn ngồi nằm ở chỗ bàn nước, đem chứng âm hư ấy mà so với chứng vong dương, thời nguy cơ lại chóng hơn, vậy thời chết người lại bởi nhiệt và hỏa, mà không cứ vì hàn.

Dương thuộc hỏa mà nóng, âm thuộc thủy mà hàn, Cổ-thư có nói : « Dương hư thời phát hàn, âm hư thời

Tìm sách

phát nhiệt », thế là dương thiếu sức mà âm lấn đi mới thành ra hàn, âm thiếu sức mà dương lấn đi mới thành ra nhiệt. Nội-kinh nói : « Uống thuốc hàn mà người không mát là bởi không có thủy », thủy đã khô thời trong hoả không có thủy, mà thiếu-hỏa (hoả vừa phải) biến ra tráng hỏa (hỏa dữ dội), rồi đem hỏa của quân, tướng hỏa của ngũ tạng, phù việt thiêu đốt, bấy giờ ở trong thời nung nấu xương tỷ, ở ngoài thời khô ráo bì phu, rồi tân dịch của 5 tạng đều kiệt. Cổ-thư nói : « Tân dịch kém thời ốm, tân dịch kiệt thời chết ». Lại nói : « Nóng lên hại đến âm, nóng dữ dội hại đến dương », thì đủ rõ. Như thế càng rõ hoả làm cho tiêu-thước mà hại người rất chóng, mà người ta không những chết vì hàn vậy.

Xem hình chứng mà nói, thời như đã kể ở trên, người học phải hiểu rõ về lý âm dương, bệnh chứng thấy vong dương thời âm lấn đi, mà tay chân giá lạnh, bệnh chứng thấy vong âm mà dương lấn đi, mà sinh ra tiêu thước. Người làm thuốc phải tìm dương ở trong âm, bổ hỏa ở trong thủy, cho nên với chứng đan-nhiệt chỉ lấy những vị Thục-địa, Mạch-môn, Thiên-môn, Đan-sâm, Ngưu-tất, Ngũ vị, Sữa người, cao Quy-bản, cao Ban-long, mà thêm Phụ-tử-chế để tuần bổ mới có thể cứu vãn được, ta chớ ngại là vị Phụ-tử trợ nhiệt, vì âm không có dương thời không hành, huyết dược không có khí dược thời không bổ võ được. Hơn nữa vị Thục-địa thời lại có công để chế hỏa đi, âm dương giúp lẫn nhau mới thành công được. Đến khi nóng lui người đã ôn hòa thời lại nên uống xen thuốc ôn bổ để bổ lấy khí của tỳ vị, mà không nên nệ chấp về âm dược.

Tìm sách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập BÁCH BỊNH CƠ-YẾU.

(căn bản và phép chữa bách bịnh)

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

Quyển này tác giả chia làm mười tập nhỏ là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Qúy (theo về thập can). Nhưng chỉ còn tập « Bính » và « Đinh », thế là từ trước vẫn thất lạc tám tập. Ta thường nói Bộ Hải-Thượng thiếu mấy quyển tức là thiếu 8 tập này. Vì tập này là tập 3, nên không có bài tiểu dẫn của tác giả.

TìmSách

Tập Bính

MỤC LỤC

1.— Chứng tích tụ. 2.— Chứng trùng giun. 3.— Chứng trĩ lậu. 4.— Chứng hoắc loạn. 5.— Chứng tiết tả. 6.— Chứng ly. 7.— Chứng thoát giang. 8.— Chứng táo kiết.

***

1.— CHỨNG TÍCH TỤ

Căn bệnh: Nội-kinh có nói: Chứng tích thuộc về âm, về ngũ tạng, tinh của âm trầm mà ở kín một nơi, cho nên chứng tích đau nhất định một chỗ. Chứng tụ thuộc về dương, về lục phủ, tinh của dương bốc lên mà động cho nên hiện ra không nhất định ở chỗ nào.

Chứng tích tụ bởi nguyên khí của người không đầy đủ khí xấu lấn đi, hoặc vì cảm hàn, hoặc vì ăn uống không tiết độ, hoặc khó nhọc quá độ, hoặc nội thương về thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) đến nỗi khí xấu ngừng ở huyết mạch, âm hàn vào trong tràng vị, cùng nguyên khí va chạm nhau ngừng tụ lại mà không lưu thông, vì thế thành ra tích tụ lại, mà không lưu thông,

Tìm sách

Có sách nói : « chứng này trước vì ngoại-cảm hay nội-thương mà khí uất, uống nhầm thuốc bổ bệnh lưu lại mà thành tích ». Ông Đan-Khê nói : « khí tụ lại thành khối là vật có hình, nếu ở giữa là vì đờm, ở bên phải là vì thức ăn chứa lại », (tỳ vị ở bên phải) ở bên trái là vì huyết (gan mật ở bên trái).

Phân biệt bệnh : Chứng tích tụ, phần nhiều mặt vàng, phù sũng, bụng trướng lên hay sôi khan, tiểu tiện đi như dầu, lông tóc khô vàng, đi cầu đỏ hay trắng, mắt vàng hay đỏ, thân thể nề ra mà không có gì (hư sũng) ở bụng nóng nhiều, ăn vào thì đau bụng, mỏi mệt hay ngủ.

Chứng tích về ngũ tạng : Chứng tích bởi tạng can thì gọi là « phi khí » dưới cạnh sườn hình như cái muôi úp, có đầu có chân như con rùa hay con ba ba, khiến cho bệnh nhân nôn ọe, hay là hai cạnh sườn đau dắt dây đến bụng dưới, ho sốt rét, chân đau chuột rút.

Tích bởi tạng tâm thời gọi là « phục lương », ở trên rốn lớn như cánh tay, lên đến dưới quả tim, lâu ngày thời trong bụng buồn bực, nói là phục lương là như cái xà để ngang, chứng này giống như chứng tràng ung, nhưng chứng ung nhọt chung quanh rốn đều đau.

Tích bởi tỳ tạng thì gọi là *bĩ khí*, về bên phải da dầy lớn như cái khay tròn, khiến cho bệnh nhân bế tắc thổ-tả, lâu ngày hoàng đảm mỏi mệt, ăn uống không sinh ra da thịt (chứng này bởi dương khí nên kiêng dùng thuốc nóng).

Tích bởi tạng phế thì gọi là *tức bôn*, ở dưới cạnh

Tìm sách

sườn bên phải như cái muôi úp, khiến bệnh nhân đau lưng, lâu ngày thì suyễn ho hay thành chứng phế ung.

Tích bởi tạng thận thì gọi là *bôn đồn*, ở bụng dưới lên đến dưới quả tim, lâu ngày thời thở ngược lên thiếu hơi và xương mỏi, vì như con lợn trở lên trở xuống nên gọi là bôn đồn.

Ta gọi là ngũ tích là trưng, hà, bĩ, tích huyễn.

Chứng trưng : vì thương thực mà thành vậy, tích tụ thành khối, sờ là thấy ngay, mà không lay động, hiện chứng thời đau sói ra cạnh sườn, màng mỡ bụng, ngực, buồn phiền, ăn uống không ngon, lợm lòng hay thổ.

Chứng hà : Bởi chân huyết, có hình như con ba ba hay con cua, lúc lên lúc xuống, lúc có lúc không, hay là hai cạnh sườn có khối rắn như đá, sờ đến là đau, hiện-chứng : ngực ngăn cách mà phiền buồn, đau đến cả bụng dưới, có lúc rềnh lên trên ngực, chứng này cũng gọi là huyết kết. Nếu trẻ em phải chứng này thời gầy, vàng, to bụng, sốt về đêm mà là chứng cam tích.

Chứng bĩ : là vít lại kết lại, bởi vì khí thận, nếu bụng trên, bụng dưới đầy chướng, rốn to, cạnh sườn đầy, phần nhiều ở mạng mỡ bên trái, hiện chứng mặt vàng, người gầy, mỏi mệt không có sức, lâu ngày thành ra bí khối.

Chứng tích : là tụ ở chỗ kín mà trông ngoài không thấy, hiện chứng : đi cầu không có điều độ, tựa lỵ mà không phải lỵ, tựa con giun mà không phải giun hay là đi ra máu tươi, rốn bụng đau khan, bụng và ngực buồn, lâu ngày thì bí tắc lại.

Tìm sách

Chứng huyễn : là da ở bụng dầy lên. Ở vào nơi cơ nhục (thịt) mà không trông thấy vì huyền diệu khó lường biết được cho nên gọi là huyễn.

HƯ HAY THỰC

Sách cổ nó nói : Người khỏe không có chứng tích mà người yếu mới có là vì người khỏe thời tỳ vị vận hành, khí huyết điều nòa, đâu co thành tích tụ, nhưng lúc mới bệnh thời tà khí chưa mạnh mấy, chính khí chưa yếu mấy, ăn uống còn được, thời nên chữa theo nửa hư nửa thực, nghĩa là tà khí mạnh vừa mà chính khí còn yếu vừa.

TỐI HAY XẤU

Chứng nầy nếu ăn uống còn được, thân thể còn đầy đủ thì dễ chữa, trái lại nếu sắc mặt trắng nhợt hay là tía đen mắt trông thẳng, rốn và bụng như cái trống, đau nhói lên tận ngực, chợt đi cầu ra máu tươi, môi lưỡi đều đen, thở gấp, ợ khan, ngắn hơi, kém ăn, da xỉn hay là ban tía, thổ ra giun, sôi bụng dễ đi cầu, chân tay co giật hay là chân tay đều nề, mặt đen, đi cầu đen, hay là đi cầu xong lại đi, cổ ngoẹo đi mà cấm khẩu, chân tay đều gầy, như trên đều không chữa được.

PHÉP CHỮA

Phép chữa chứng tích chỉ làm cho tiêu mòn đi mà thôi, chứng tích là chứng đã lâu thời chữa không thể chóng được, nếu công phạt mạnh quá thời nguyên khí của người yếu đi mà tà khí lại mạnh. Cho nên bệnh khỏi quá nửa

Tìm sách

chừng phải uống thuốc điều bổ thời tỳ vị mạnh lên mà chứng tích sẽ hết dần. Còn như chứng tích tụ đã quá thời phải xét kinh lạc nào thụ bệnh và vật gì tích tụ lại sẽ uống thuốc mạnh để trục đi mới được, nhưng đến khi chữa được quá nửa cũng phải dùng đến thuốc bổ. Nội-kinh có nói : « Chứng tích-tụ quá nhiều thì nên chữa mạnh, nhưng bệnh giảm quá nửa thời thôi, nếu dùng quá thuốc mạnh thời chết. »

Ông Đan-Khê có nói : « Chữa chứng tích lúc mới sức người còn mạnh thời nên dùng thuốc công phạt, đã lâu người yếu nên vừa công vừa bổ, lâu lắm thời nguyên khí tiêu tán phải bổ nhiều công ít ».

Hơn nữa, chứng phục lương và hành hỏa uất, chứng phi khí bởi hành mộc uất, chứng bĩ khí bởi hành thổ uất, chứng tức bôn hành kim uất, chứng bôn đồn bởi hành thủy uất thời chữa năm chứng tích nên chữa kèm về chứng uất, uất là khí không thư thái uất lại mà thành tích, cho nên phép chữa phải để ý vào chân khí mà thêm vào những vị thuốc bổ là vì chứng tích bởi khí yếu, huyết kém, vậy người khéo chữa không cứ chứng ấy ở kinh nào, tạng nào, phải chữa cho bệnh nhân nguyên khí được điều hoà, ăn uống được tiến, thời chứng tích tụ sẽ khỏi.

Bệnh nhân còn mạnh nên tiêu tích thì cũng phải uống kèm thuốc bổ khí huyết, nếu chỉ dùng thuốc tiêu tích thì tỳ vị sẽ bại.

Còn như ông Đan-Khê cho là huyết trệ thì là tích, khí trệ thì là tụ, ở giữa là đờm, ở bên trái là huyết,

Tìm sách

bên phải là thức ăn, là chỉ nói đại khái mà thôi, phép chữa chỉ vừa tiêu vừa bổ như đã kể ở trên.

Tóm lại chữa chứng tích phải dùng thuốc tiêu nhưng nhẹ thời bỏa giải, nặng thời dùng thuốc mạnh, hoặc vừa tiêu vừa bổ, hoặc bổ nhiều tiêu ít, hoặc trước bổ sau tiêu, hoặc trước tiêu sau bổ, cho nên phương thuốc đời xưa chữa chứng tích phải dùng đến sâm, truật.

Chứng này lúc mới phần nhiều là hàn, mà lâu ngày thời nhiệt, thế mà trong phương thuốc dùng nhiều đến quế phụ, nghĩa là chứng tích sợ vị thuốc ôn mà ghét vị thuốc hàn. Ta đừng thấy cho uống thuốc nóng lại không thấy nóng mà cho chứng ấy là quá hàn dùng thật nhiều thuốc nhiệt để chân huyết ráo đi cũng không thè được.

Lại chữa chứng tích không nên vội dùng thuốc hạ, vì hạ nhiều thì tà khí lại kết rắn hơn lên, nếu thấy khí ở trong không thông là vì khí không vận hành được, không nên cho là vật hữu hình mà công quá hay hạ.

Cổ nhân có nói : « Những bệnh làm khó cho thầy thuốc là chứng chân âm hư yếu và chứng tích đã lâu nên bệnh nhân cũng phải tránh tình dục, ăn thức nhẹ nhàng, thời thầy thuốc mới chữa được. »

Những vị thuốc dùng đến

Chứng tích vì rượu, vì khí, vì huyết, vì đờm, vì nước, vì trà, vì ngũ cốc, vì thịt, vì trái quả, vì thức nướng, vì cá hay ba ba, vì thịt chó, vì giun, vì sốt sét lâu, chọn dùng các vị thuốc sau đây :

1) Vì rượu.— Bệnh nhẹ thời dùng nhưng vị cát căn,

Tìm sách

thần khúc, hoàng liên, bạch đậu khấu. Bệnh nặng thời dùng những vị cam toại, khiên ngưu.

2) *Vi khí.*— Bệnh nhẹ thời dùng nhưng vị mộc-hương, chỉ-xác, hậu-phác, quất hồng bì. Bệnh nặng thời dùng những vị chỉ thực, khiên ngưu.

3) *Vi huyết.*— Bệnh nhẹ thời dùng những vị lá sơn khô, đào nhân, mẫu đơn, quy vĩ, xích thược, hồng hoa. Bệnh nặng thời dùng những vị đại hoàng, thủy điệt, xuyên sơn giáp, hoa nhị thách.

4) *Vi đờm.*— Bệnh nhẹ thời dùng những vị bán hạ, qua lâu. Bệnh nặng thời dùng những vị côn đờm hoàn, hải thạch (đều chữa chứng đờm quánh như keo) và vị hỏa ma tử, bạch giới tử.

5) *Vi nước* — Bệnh nhẹ thì dùng bát vị ngũ linh đơn, nặng thời dùng những vị như khiên ngưu, thương lục, cam toại, nguyên hoa.

6) *Vi nước trà..*— Bệnh nhẹ thời dùng những vị khương-hoàng, chỉ ma, bệnh nặng thời dùng những vị ngô thù, tiên-khương.

7) *Vi ngũ cốc.*— Bệnh nhẹ thời dùng những vị mạch nha, cốc nha, thần khúc, sa nhân. Bệnh nặng thời dùng vị kê nội kim (da trong mề gà)

8) *Vi thịt.*— Nhẹ thời dùng vị sơn tra, a hùy, Nặng thì dùng vị sa tiên thạch.

9) *Vi trái quả.*— Dùng những vị đinh hương, nhục quế xạ hương, la bạc tử.

Tìm sách

10) Vì cá hay ba ba. – Dùng những vị tử tô, quất bì mộc hương, nước gừng sống, phân trắng. (Vị này chuyên chữa chứng vì ăn thịt ba ba mà thành hòn, ta gọi là chứng miết hà).

11) Vì ăn thịt chó. – Dùng những vị sa nhân, sơn tra.

12) Vì giun tràng. – Dùng những vị hùng hoàng, tích hôi, binh lang, lôi hoàn, vô dĩ, phỉ tử, xử quân tử, xuyên luyện.

13) Vì sốt rét lâu. – Dùng những vị miết giáp, thảo quả.

Ông Trương-Tử-Hoà nói chứng này phải dùng thuốc ha, nhưng ta phải xét kỹ, nên hạ hay không, và tích vì thứ gì, nếu dùng lầm là tội giết người.

Chữa những chứng tích mà nôn ọe nuốt nước chua, ngực bí cách mà trong bụng buộn hoặc đi cầu, hoặc bí kết, tỳ vị yếu, mặt vàng, bụng trướng, chân tay, xương cốt đau mỏi, hơn nữa thời phù nề, thường dùng bài « toản tích đan ». Lấy bài « Bình. vị tán » làm chủ mà gia vị như sau :

Nếu là khí tích vô hình thêm vị mộc hương, đinh lăng, thanh bì, trần bì, trầm hương, la bạc tử, hương phụ và mấy phiến chương thụ bì, nếu bệnh nặng thời đem vị ba đậu sao lẫn với các vị thuốc rồi bỏ ba đậu đi.

Là chứng huyết tích có hình thời thêm những vị tam-lăng, nga truật, ngưu tất, xuyên khung, qui vĩ, miết giáp,

Tìm sách

hồng hoa, bằng-xa, đào nhân, nhũ hương, một dược. Bệnh nặng thời thêm vị nguyên hoa đun với giấm thanh.

Là chứng tích vì rượu thì thêm vị cát căn, hoàng liên, sa nhân, mạch nha, trần bì, mộc hương, chư linh, trạch tả, xa tiền.

Là chứng tích vì quả thì thêm những vị thảo quả, sơn tra, hương phụ, ô dược, chỉ xác, xương bồ.

Là chứng tích vì cá thì thêm vị tử tô. Nặng thời thêm vị thạch phan (đem sao lẫn với các vị thuốc nhưng phải sao vị thuốc cho nóng đã rồi mới bỏ thạch phàn vào, xong rồi bỏ thạch phàn đi mà chỉ dùng các vị thuốc ấy).

Là chứng tích vì thịt thì thêm vị sơn tra, a-hùy.

Là chứng tích vì ngũ cốc, thì thêm vị mạch-nha, cốc-nha, thần-khúc, chỉ-thực.

Là chứng tích vì nước thì thêm vị bán-hạ, phục-linh, đình-lịch, trạch-tả.

Nếu có đi cầu thêm vị nhục-quả.

Nếu có phù nề thời lấy vị thương lục sắc lấy nước để nấu hồ mà viên thuốc hay là dùng thanh phàn sao với thuốc rồi bỏ thanh phàn đi để khỏi hại người.

Là tích vì đờm thì thêm những vị hải phấn mông-thạch, bán hạ, bạch phàn, phong hóa tiêu.

Là tích vì hàn và mới thụ bệnh thời thêm những vị can khương, ba đậu, lương khương, hồi hương, bạch đậu, ích chí nhân, hay một ít xương bồ.

Tìm sách

Là tích vì *nhiệt* thời thêm những vị hoàng liên, hoàng bá, đại hoàng, hoạt thạch. Người yếu thêm vị nhân sâm.

Nếu có trùng giun thời lấy một cân vỏ khổ luyện, mười quả bồ kết, sắc lấy nước rồi cạnh đặc thành cao, để viên bài « ngũ lịch », rồi tán trầm hương để làm áo cho viên thuốc ấy, sau lại tán lôi hoàn và mộc hương để làm áo. Mỗi lần uống 10 viên chiêu bằng nước đường, vào trống canh tư, nếu trùng giun không có mấy, thì chỉ lấy giấm thanh nấu hồ mà viên thuốc, mỗi lần uống hai, ba mươi viên với nước cơm vào lúc đói (những viên thuốc ấy nên to bằng hột ngô).

***

2. — CHỨNG TRÙNG GIUN

Căn bệnh : Ta xem, gỗ mục có sâu mọt và cỏ mục có đom đóm, đủ biết trùng giun trong phân người là do khí thấp nhiệt sinh ra. Hơn nữa, ăn nhiều thức sống, thức lạnh, thức tanh, lại uống rượu có men, nất lâu thành ra nhiệt mà có trùng giun.

Nếu tạng phủ yếu, dạ dày nóng hay lạnh, hay là lại ăn thứ ngọt thức béo thì trùng giun động lên.

Có sách nói : « Thân người ở trong có trùng giun, ở ngoài có chấy rận một khi bị lạnh hay nóng thời không yên mà làm ra bệnh, nhất là những thứ khó tiêu hóa, hay là làm bằng men rượu, hay nuốt phải lông tóc thời dễ sinh ra trùng giun, còn có người vì nghiện trà nghiện

Tìm sách

rượu thời trùng giun ở trong cũng nghiện, nếu không có trà rượu, thời không chịu được, có người ăn cả đất vách cũng bởi trùng giun.

Thứ trùng ấy có khi không tưởng tượng được, như những chứng « trưng » « hà » vì tóc (phát trưng) hay vì thịt ba ba (nhiệt hà) chứng lao truyền, thời chết người và hại đến đời sau.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Sâu trùng động lên (đi lại lên xuống), cắn rứt ở tràng vị, khiến cho bệnh nhân tâm thần buồn loạn, thổ ra nước trong, hay dãi trắng, trên bụng có gân xanh, lợm lòng và như chứng kinh giản thì phát lòa mắt không trông rõ tay không co giật, nhưng sắc mặt hoặc xanh, hoặc đen, hoặc vàng, trên môi có tơ huyết như móng chân cua, ăn uống không tiến hóa, cơ nhục gầy mòn, nếu không chữa ngay thời trùng giun ấy sinh nở mãi, phạm lên tim thời người chết.

Lại có thứ giun dài hằng thước, chạm đến tim là chết.

Tóm lại, trùng giun động lên thời bụng đau khác chứng đau thường là lúc đau lúc khỏi, miệng thổ nước trong, mồi và miệng tía hay đen, mọi chứng đau bụng khác thời mạch trầm nhược và huyền, nếu thấy mạch lại đại là đau về giun, trẻ em hay có chứng ấy.

Cổ thư nói : Người nhọc thì sinh nhiệt, nhiệt thời sinh trùng, trùng ở tạng tâm, gọi là *hồi*, ở tạng tỉ gọi là thốn bạch dài 1 tấc (tức là « bạch thốn trùng ») rồi liền lại dài hằng thước, chứng này vì ăn thịt trâu và uống rượu mà thành ra, có thể chết người. Trùng ở tạng thận như

Tìm sách

sợi tơ. Trùng ở chỗ đi cầu như hột hạnh nhân nhừ ra. Trùng ở tạng phế tựa như con tằm, những thứ trên đều có thể chết người mà trùng ở tạng phế tệ hơn, ăn lá phổi của người thành ra chứng lao, ho khạc ra huyết rồi mất tiếng, thuốc chữa không nổi.

Các thứ trùng đều sinh bởi tạng can, cho nên đau bụng về trùng thời mạch tạng can « đại » có khi trùng giun tụ lại mà lạnh cả chân tay tựa chứng mạn kinh của trẻ em, chỉ khác là môi, miệng có sắc tía.

Cổ thư lại nói : Người lớn trẻ em thức ăn không tiêu hóa được thời ở trong thấp nhiệt mà sinh ra trùng. Lại nói : Trong bụng đã nhiệt mà huyết của tạng phế hư tổn, đã nhiệt thời trùng đi tìm thức ăn cho nên đau, nếu môi trên thấy có nhọt là chứng vực trùng, thứ trùng ấy khiến cho tiếng nói ngọng. Môi dưới thấy có nhọt là chứng hồ trùng, ăn chỗ giang môn (chỗ đi cầu), thứ trùng ấy làm hại tỳ vị, nếu mắc phải it có người sống (xét về mạch thấy hư và tiểu thời sống, khẩn mà cấp thời chết).

Lại có ba thứ trùng :

1) *Phục tràng* : cũng gọi là tràng trùng dài đến hàng tấc.

2) *Xích trùng* : trông như miếng thịt khiến bệnh nhân sôi bụng lên.

3) *Thiêu tràng* : trông như lá rau mà rất nhỏ ở nơi đại-tràng, có khi thành chứng trĩ, chứng lại, chứng ung thư, lở ngứa.

Tìm sách

Lại có thứ trông như hột hạnh nhân đã đun nhừ, khiến bệnh nhân đau mà buồn. Có thứ như con ễnh ương khiến bệnh nhân nôn ọe hay ăn đất và than, trà hay muối, gừng hay hồ tiêu. Thứ nhược trùng cũng gọi là cách trùng hình đầu móng tay khiến bệnh nhân ngủ nhiều mà ăn kém đi, bốn thứ trùng ấy người lớn mới có, ngoại trừ chứng thiên trùng thì trẻ em cũng có khi có.

Còn loại ưng thanh trùng dài hơn 2 tấc, trông như hình người, nếu bịnh nhân nói thời trùng ấy có khi trả lời. Loại phụ nhân trùng đàn bà kinh bế bụng to thì khoảng một tháng là trong bụng thấy cử động, nhưng đến khi sanh cũng không sanh, đó là trong bụng có trùng. Chứng huyết miết trùng thời trẻ em có nhiều, vì ăn thịt con ba ba tích lại mà thành ra. Nhân sắt trùng thời cồ mọc ra nhọt như thể thạch lựu, nhồ ra thời trùng như con chấy bay ra mất, chứng âm chung trùng lông ở cho kín thường sinh ra trùng ấy, ngứa không chịu nổi bay ra thời tám chân, trùng ấy, có con trắng, có con đỏ vì ta uống nước khe suối phải chất độc của rắn, rết, đỉa, hay là ăn phải trái quả có trùng độc, đến nỗi bụng trên bụng dưới đau như cắm dùi, hay lạ đau ra cạnh sườn mà lúc đau lúc không, các thứ thuốc không chữa được.

Thứ lao trùng gia truyền cũng gọi là bệnh chú, theo sách cổ thời mới một đời mắc chứng ấy thì con trùng như thể con nhái, gặp ngày « đinh » thời khởi lên ăn cánh phổi rồi về màng tạng tâm.

Đến hai đời mắc bệnh ấy thời trùng như tóc rối, hay là như con rết, con mối, con ễnh ương, gặp ngày « canh », ngày « tân », thời trở ra ăn cánh phổi rồi trở về màng tạng phế.

Tìm sách

Đời thứ ba mắc bệnh ấy thời con trùng như con kiến hay con bọ-ngựa, con dím, gặp ngày « canh » và ngày « tân » thời trở ra ăn lá phổi rồi về kinh-quyết-âm.

Đời thứ tư mắc bệnh ấy thời con trùng như mớ tơ rối hay như miếng gan lợn, hay như con rắn, con giun, gặp ngày « mậu » ngày « kỷ » thời trở ra ăn lá phổi rồi về màng của lá lách.

Đời thứ năm mắc chứng ấy, thời con trùng như con rùa hay con ba ba hoặc có đầu không chân, hoặc có chân không đầu, hoặc như con chuột hay như tinh huyết của người : gặp ngay ngày « giáp » ngày « ất » thời ra ăn cánh phổi rồi trở về ở màng của gan.

Đời thứ sáu mắc chứng ấy, thời con trùng như đuôi ngựa, một con cái, một con đực, hoặc con ba ba có đầu chân và đuôi hay như miếng bánh nướng, hoặc dài hoặc ngắn gặp ngày « sửu » ngày « hợi » thời ra ăn lá phổi rồi trở về màng quả thận. Lá phổi đã bị trùng ăn thời thổ đờm có huyết mà tiếng nói khàn khàn, chưa dễ mà chữa được.

HƯ VÀ THỰC

Tạng tỳ không vận hóa được thời sinh ra thấp, thấp sinh ra nhiệt, nhiệt sinh ra trùng, thế là chứng trùng giun cũng bởi người hư yếu, đã yếu thời phải bổ, nhưng lúc mới phát sinh mà khí lực còn mạnh nên chữa theo chứng thực (bệnh mạnh gọi là thực).

TỐT HAY XẤU

Các thứ trùng sán đều làm hại cho người nếu đã đục

Tìm sách

vào ruột, phạm đến dạ dày, ngươi gầy, tiếng khàn, sắc mặt đen, đau bụng như cắt da, đi cầu vô độ, có khi ra cả trùng giun đều là chứng chết.

PHÉP CHỮA

Người còn mạnh mà bệnh chứng mạnh thời nên uống thuốc công phạt, người yếu mà bệnh nhẹ thời dùng thuốc để an trùng, nếu không chịu thuốc thời sắc nước xuyên-tiêu uống dần để dẹp đi, có khi hòa thuốc với nước thịt mà uống để nhử cho sâu trùng ăn ra.

Thuốc khử trùng nên uống vào ngày mồng 1 đến ngày rằm, vì nửa tháng về đầu tháng tuởi trùng giun ăn lên, nửa tháng về cuối thì trùng giun ăn xuống, cho ăn thịt nướng hay mật giữ trùng giun ăn lên rồi sẽ uống thuốc.

Mọi chứng đau bụng thời mạch trầm và huyền, trái lại đau bụng mà mạch hồng và đại là chứng có trùng giun đã là nhiệt sinh ra trùng, cho nên mạch hồng và đại. Những người chỉ ưa ăn một thứ gì là trong bụng có thứ trùng ưa ăn thứ ấy, vậy phép chữa dùng những thứ bệnh nhân ưa ăn mà thêm vào những vị sát trùng thời chóng có công hiệu. Thí dụ bệnh nhân ưa ăn lá rau thời lấy lá rau mà hoàn những vị thuốc như vị lôi hoàn, vị binh lang, vị xuyên luyện, vị xử quân v.v... nếu người yếu mà trùng không được yên thời nên bổ tỳ vị, nghĩa là giống trùng giun gặp vị xuyên kiên thời dẹp xuống, gặp vị đắng hay chua thì yên tĩnh.

Trong miệng thổ ra giun là hỏa ở dạ dày bốc lên mà giun không được yên, nên uống trước vị ô mai, vị hoàng liên để giáng xuống, rồi mới dùng thuốc sát trùng.

Tìm sách

Vị hoa tiêu đủ sát trùng nhưng có tính chất, nên uống trong khi thổ giun thời trùng giun động mạnh quá mà hại đến tràng vị, có khi không chữa được.

Còn chứng lao trùng ta gọi là « truyền khi » thời phải ôn bổ rồi sẽ uống thuốc sát trùng nên châm chước có thứ tự. Thứ trùng ấy ở vào cánh phổi, chích không tới nơi, uống thuốc không đến được, mà ta gọi là chứng « cao manh » tức là chứng bệnh không chữa được.

Những vị thuốc dùng về chứng trùng giun :

1) *Thường dùng* : Những vị lôi hoàng, quán chúng là sơn khô, bách bộ, tàn cửa chi.

2) *Mạnh cho khí lực :* như những vị phụ tử, can khương (thêm vào với vị thuốc sát trùng).

3) *An-trùng* : như những vị khổ sâm, hoàng liên (Trùng gặp vị đắng phải yên).

4) *An-trùng* : như vị ô mai, kha tử (trùng gặp vị chua phải mềm ra).

5) *Thổ trùng* : Những vị lê lô, qua đế (đem trùng giun thổ ra).

6) *Hạ trùng* : Những vị nguyên hoa, bắc sửa (đem trùng xuống để đi cầu ra.)

7) *Chữa giống trùng làm ra nhọt ngứa :* Hùng hoàng, xuyên tiêu, xà xàng, chương não, thủy ngân, binh lang.

8) *Chữa chứng trùng ở răng* : Những vị hồ đông lệ, tràng quán tử, phỉ tử, thuyền tô.

Tìm sách

9) Chữa chứng trùng lâm phong ngứa : **Những vị xuyên cận bì, hải đồng bì.**

10) Chữa chứng trùng ăn về cửu khiếu : **Những vị thanh xương tử, phú bồn diệp.**

11) Những vị chữa lao trùng : **bại cổ bì (da mặt trống đã nát) đào phù bản, hồ cốt, xương trầm của người chết, xương chi quán, móng chân hay mỡ của con dím.**

12) Chữa chứng trùng nói tiếng người : **Nước châm** (thứ nầy thời thổ ra khối thịt dài hơn 2 tấc rồi tiếng nói của trùng sẽ ngừng), **hay lôi hoàn** (bỏ vỏ tán bột sắc uống).

13) Chữa chứng trùng ở chỗ kín : **Ngân hạnh** (dùng để xoa). **Ngán châu** (sắc nước hun) **hay là dùng cành về phía đông nam của cây đào cây liễu, hay rễ phía đông của cây ngô thù hay là phía đông của cây thạch lựu, đều sắc nước để uống thuốc, hoặc chỉ dùng rễ cây thạch lựu cũng được.**

***

3. — CHỨNG TRĨ LẬU

Căn bệnh : **Nguyên nhân của chứng này bởi phòng dục quá độ hay ăn nhiều thức ngọt béo, là vì no say rồi nhập phòng, tinh khí ra thời mạch yếu, chất độc của rượu lẫn đi, hay là tinh khí đã xuống mà giữ lại không cho ra, như vậy thì tinh khí ngừng lại, sang bên**

Tìm sách

đại tràng rồi ra chỗ đi cầu mà thành chứng trĩ, còn chứng lậu là trĩ lâu ngày có lỗ trủng loét ra mà chảy nước và mủ. Đã vì tửu sắc thời bởi thấp nhiệt mà thành bệnh.

PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Bên chỗ đi cầu có mụt nhọt sưng đau là trĩ, mụn ấy có lỗ hổng, rỉ nước ra không được khô là lậu. Trĩ lậu có 3 thứ. Bên chỗ đi cầu mọc ra như vú con chuột, mà có máu đặc chảy ra là « *mẫu trĩ* », nếu trĩ sưng lên mà trồ ở trong là « tẫn trĩ ». Ăn no ngồi lâu khí nất là « khí trĩ », đi cầu ra máu loảng là « huyết trĩ », vì uống rượu nhiều là « tửu trĩ. »

Lại có chứng chỗ đi cầu mọc nhọt, ngứa rồi mới đau là chứng « tràng phong trĩ », vì sắc dục nhiều mà lay động huyết mạch là « mạch trĩ ». Hai bên chỗ đi cầu lú ra như 2 cái vú mà cái to cái nhỏ là « *thư hùng trĩ* ». Tóm lại đều ở bên chỗ đi cầu, như vú con chuột, hay là rắn lại như một cái hột vừa ngứa vừa đau, chứng ấy lâu ngày thời phát sốt ghê rét.

HƯ VÀ THỰC

Mới mắc bệnh mà người và mạch còn mạnh thời chữa theo chứng thực, nghĩa là chỉ chữa bệnh, khi bệnh khỏi mới dùng thuốc bổ. Còn mắc bệnh đã lâu, mà người yếu mạch yếu, thời nên uống thuốc bổ, khi khí huyết đã vừa, rồi mới chữa bệnh.

Tìm sách

TỐT HAY XẤU

Chứng này lâu ngày thời khí huyết tổn thương, nên vừa bổ vừa chữa bệnh. Nếu chỉ cho uống thuốc hàn lương công phạt thời nguyên khí kém đi, mà chứng bệnh khác sinh ra, cũng có thể hại đến tính mệnh.

PHÉP CHỮA

Ông Đông-Viên có nói : « Đầu đại tràng thành khối là thấp, đau nhiều là phong, đại tiện táo kết là hỏa nhiệt, thời phép chữa phải tả hỏa nhuận táo, trừ phong, hòa khí, chỉ thống mà thôi.

Trĩ đã thành lậu là nặng hơn, chữa chứng trĩ thì mát chân huyết và thanh nhiệt, nếu kiêm cả chứng lậu thời đã lương huyết thanh nhiệt mà còn phải rác thấp khí đi, rồi dùng thuốc vít lỗ hổng và sát trùng, lại thêm thuốc ôn và tán. Có người ngờ chứng trĩ lậu bởi hỏa thời cớ sao lại dùng thuốc ôn và vít lại thế là không biết. Chứng lậu ri nước đặc ra, thì lúc trước là thấp nhiệt, rồi sau là thấp hàn, vì thế mà dùng thuốc ôn. Trong bách bệnh mà trước nhiệt sau hàn, ngay như chứng tả, chứng ly, chứng ọe thổ, lúc trước thì tràng phủ thì khí còn mạnh mà là nhiệt, bàn về chứng đi cầu ra huyết có nói « Đi cầu ra huyết mà không khỏi thì phải dùng thuốc ôn », cũng là nghĩa ấy.

Trĩ lậu lâu ngày có lỗ thủng mà thành thời phép chữa phải điều hòa chân huyết, trừ phong và tả hỏa, thêm vị bổ cho nguyên khí, rồi ngoài dùng thuốc xông và rửa,

Tìm sách

nhất thiết không nên dùng dao kim cắt và khâu cho hại người.

Ông Lập Trai có nói : « Sưng đau mà đại tiểu tiện bí, thời phải dùng thuốc mát chân huyết, nhuận cho khỏi táo, trừ phong, nếu vì hàn lương tổn hảo ở trung tiêu, thời nên điều dưỡng tỳ vị, thêm bổ âm tinh, nếu đại tiện bí thời nhuận táo dưỡng huyết, nếu chỗ đi cầu trụy xuống mà đau thời thanh hỏa, trừ thấp, nếu có ngứa thời trừ phong thắng thấp, nếu sưng đau tiểu tiện bí, thời vội tạng can và trừ thấp, nếu vừa có chứng trĩ, vừa có chứng xán khí thời dùng bài « Địa hoàng ích khí. »

Theo ý tôi, chứng trĩ nầy, ngoài lẽ vì tửu sắc, còn vì ở trong tích nhiệt độc, hay là ở ngoài cảm phong thấp, vậy phép chữa nên uống thuốc sinh huyết, mát chân huyết, thông đại tràng và thêm ít vị để đem lên.

Còn chứng trĩ lậu của trẻ em, bởi lúc thụ thai người mẹ ăn nhiều thức nóng, thức nướng hay rượu, lúc sinh rồi thời nhiệt ở tạng tâm truyền sang tạng phế rồi ra đại tràng mà thành bệnh. Phép chữa nên mát chân huyết, giải độc, ngoài dùng thuốc rửa và hun.

Chứng nầy lúc mới nên uống những vị như : tần giao, hòe giác, liên kiều, thổ bối mẫu, ngoài dùng thuốc rửa và hun để sát trùng, nhưng bệnh nhân cần phải bớt tình dục, nếu để lâu có lỗ thủng mà thành chứng lậu thời phải bổ thêm khí huyết trừ trùng.

Những vị thuốc chữa về chứng nầy :

1) Những vị để bổ khí huyết như : sâm, truật, phục

TimSách

linh, phục thần, hoàng kỳ, phụ tử, khung, qui, sinh địa, bạch thược, a giáo, cam thảo.

2) *Những vị để thanh giải :* Hoàng cầm, hoàng liên, liên kiều, qua lâu, địa long, thăng ma, hoe hoa, hòe giác, xích thước.

3) *Những vị để thống đại tràng và kín lỗ hổng :* chỉ xác, xích thạch chi, bạch thạch chi, khô phàn, hoàng đơn, long não, kha tử.

4) *Những vị để thêm vào :* Bạch chỉ, da con dím, hoa mào gà, lục phàn, hồ đào nhân, bạch phụ tử, nam tinh, (chữa chứng tràng phong) kim ngân hoa, tàng kiến, cá giếc, mật gà, mật gấu, phiến não, móng chân của con lợn, hột gấc, củ nghệ, hùng hoàng, một dược, nhũ hương, quả bồ kết, xuyên sơn giáp, xác rắn, đầu sừng trâu, long não, phòng phong, kinh giới, cỏ mạch, phòng kỷ.

∴

4.— CHỨNG HOẮC LOẠN

Căn bệnh : Gọi là chứng hoắc loạn là chỉ trong chốc lát mà trong bụng rối loạn. Nội kinh có nói : « chứng hoắc loạn thuộc về kinh thái âm ». Lại nói : « tỳ thổ bị uất thời phải chứng hoắc loạn ». Lại nói : « Kinh túc-thái-âm khí nguợc lên thì phát thành chứng hoắc loạn ». Sách Xảo Thi Bệnh Nguyên lại nói : « Bệnh hoắc loạn bởi khí ở trong người không đầy đủ hay là ăn uống thiếu tiết độ (thiếu tiết độ thời tạng tỳ kém vận hoá, nên

Tìm sách

thăng lại không thăng, nên giáng lại không giáng, vì thế chứng nầy trên thổ dưới tả, mà mạch phần nhiều phục hay tuyệt) hay là hại về thất tinh (thất tinh khí đã nắt thời bĩ tắc không lưu thông mà thành ra đờm thở choáng váng). Ngoại cảm như ban ngày cảm nhiệt khi đến đêm lại cảm hàn khí hoặc trong có nắt nhiệt mà ngoài cảm hàn phong hay thử.

Chứng nầy thường phát về mùa hạ. mùa thu, vì tiết ấy khí dương bức ở ngoài, khí âm lấp ở trong, khiến bệnh nhân âm dương trái nhau, thanh khí và trọc khí va chạm nhau, khí âm khí dương bí cách, loạn ở trong tràng vị khí dương không giảm, khí âm không thăng, tà khí và chính khí phạm nhau đến nỗi trong dạ dày hỗn loạn mà đau bụng mà đầy trướng.

Nội kinh nói: « chứng ở trong bụng no đầy là bởi kinh thái-âm, nên bệnh nhân thành chứng hoắc loạn vừa thổ vừa tả, thanh khí lại ở âm phận, trọc khí lại ở dương phận, hai bên va chạm nhau làm rối loạn ở tràng vị, thời thành chứng hoắc loạn. »

PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Bụng trên bụng dưới đau lắm hay vừa đau vừa đầy trướng, sốt và ghê rét, phiền khát, miệng ráo (về dương phận nhiều thời nóng nhiều mà khát, về âm phận nhiều thời rét nhiều mà không khát). Bất thần vừa thổ vừa tả (vì phong mộc còn tả là vì thấp ở tỳ thổ). Nhức đầu choáng váng, tả ở thượng tiêu thời đau bụng trên trước mà thổ trước, tả ở hạ tiêu thời đau bụng dưới trước

Tìm sách

mà đi tả trước, tả khí ở trung tiêu thì bụng trên bụng dưới đều đau mà vừa thổ vừa tả.

Hơn nữa, bởi ăn uống mà phát bệnh thời bụng dưới đau như vặn ra. Bởi tạng tâm thời chỉ đau bụng trên bụng dưới. Bởi phong hàn thì đau mình nặng chân tay, xương đốt đau mỏi, hay là tự ra mồ hôi, hoặc chân tay giá lạnh thiếu hơi thở và môi xanh. Sau khi thổ tả thời chuột rút (thổ tả thời nước tân dịch khô đi không có huyết để giữ gân nên mới co trở lại nhẹ thời 2 chân chuột rút, nặng thời khắp người chuột rút mà chân tay lạnh, lúc đau bụng như muốn chết đi.

Chứng hoắc hoạn phân ra 3 thứ :

1) *Thử hoắc loạn* : hoắc loạn vì nắng tức là chứng thấp hoắc loạn (hoắc loạn vì thử và thấp) chứng mùa hạ mùa thu có nhiều, tháng rét cũng có là vì nắng ấm, chứng nầy ít khi chết người.

2) *Chứng thấp hoắc loạn :* Có nôn và có đi cầu, chứng nầy ít khi chết người.

3) *Chứng can hoắc hoạn :* không thổ, không đi cầu, mà chỉ đau bụng khan, chứng nầy có nhiều người chết. Bệnh chứng thốt nhiên đầy trướng, bụng trên bụng dưới đau như vặn ra, trên dưới ngăn cách, chuột rút khắp người, mười ngón chân giá lạnh mà đờm vặn lên, chứng nầy có thể chết trong chốc lát, nếu cho ăn uống thời càng chóng chết, căn bệnh bởi hàn thấp nhiều, tạng tỳ không vận động được, khí bị nất mà không vận hành ; tỳ thổ đã nất, thời hỏa nhiệt rối loạn ở trong bụng, vì thế thốt nhiều đau mà chân tay giá lạnh, lợm lòng, ọe khan, cũng

Tìm sách

gọi là chứng « *giảo trường xa* » nghĩa là đau bụng quá độ, khác với 2 chứng trên.

Chứng nầy nên mớc cuống họng cho thổ ra mà cần lợi tiểu tiện, nhưng khỏi rồi không được cho ăn sớm, phải sau mấy giờ (muốn thổ, không thổ, muốn ọe, không ọe mà lợm lòng là bởi dạ dầy có đờm và nhiệt, nên dùng gừng sống giúp cho sức thuốc vì gừng sống nhẹ được đờm).

HƯ HAY THỰC

Hoắc loạn là bệnh nguy cấp phải chữa mạnh để trục tà khí giữa chính khí. Dù người có thai cũng không kiêng vị quế phụ, can khương, còn hư là bệnh nhân vẫn yếu hay là mới ốm khỏi mà gặp chứng ấy cũng phải đợi khỏi bệnh mới uống được thuốc bổ. Cổ thư có nói : « chứng đau không có phép bổ ».

TỐT HAY XẤU

Chuột rút mà thấy mạch hồng là dễ chữa. Nếu mạch vi, nhược, trầm, trì là chết ! Ở bụng cũng chuột rút vào, hòn dái co lên là chết.

Chứng giảo trường xa (tựa chứng này) mạch phù, hồng là sống, vi, trì, là chết.

Xón phân ra không biết, hay là ít hơi không nói được, hay là mồ hôi như mỡ mà đọng lại như cục áo hay là muốn ngồi vào trong nước lạnh hay là bốn chân tay không co vào, là con trai thời người ngoài lấy tay kéo ngọc hành ra, là con gái thời lấy tay kéo chỗ gần hai bên vú ra, nếu bệnh nhân lưỡi rụt vào là chết.

Tìm sách

Chứng hoắc loạn thấy mạch đại là sống vì rằng chứng ấy là khí ở trên dưới rối loạn, đến khi khí của tạng tỳ hòa bình thì khỏi.

Mạch vi mà hoạt thời sống, sắc mà sáo là xấu, khi khỏi mạch thấy đại không nên sợ, vì chứng thổ tả, mạch thấy kết hay xúc hay đại ấn phục hay hồng mà đại, đừng đoán là chứng chết, nếu mạch vi và tế muốn tuyệt mới không chữa được.

PHÉP CHỮA

Phép chữa phải thấm thấp tản tà. Nhưng tỳ vị có người yếu có người mạnh, tà khí cảm vào có âm dương, khác nhau, vậy không nên công phạt quá để tạng tỳ yếu thêm, không nên dùng thuốc nóng quá để hỏa bốc lên nhiều, không nên dùng thuốc hàn quá để hỏa ngăn cách, chỉ nên chữa trái lại để khai uất tán hỏa mà thôi.

Chứng hoắc loạn là bệnh về khí mà không phải về huyết, vậy không nên chích vào gân lấy máu ra để hại người là vì người ta chân huyết thường thiếu, thời không nên làm hại thêm, còn người già yếu có thể nguy khốn.

Sở dĩ không chích ra để lấy huyết xấu là vì khí nhờ ở huyết, nếu huyết thiếu khí phải bốc vượt lên, hơn nữa khí dương hư yếu thời ghê rét, khí âm hư yếu thời phát sốt. Nội kinh có nói : « khí âm thiếu thời ốm, khí âm kiệt thời chết », vậy chỉ nên đun nước đái trẻ em nóng lên cho vào ít muối đã rang, để người uống ba lần, khi thổ ra thời khí thông lên trên, tiểu tiện đi ra ở dưới, là trong bụng lưu thông.

Tìm sách

Có khi chỉ dùng một nửa nước sôi hòa với một nửa nước lạnh uống vào cho thổ ra, cũng là lẽ hòa âm dương và cho thông đi. Cổ thư có nói : « chữa bằng phép cho thổ ra là có ý phá tan » khi thổ rồi dùng thuốc để chữa về thấp nhiệt, phong thử hay thất tình, vì rằng chứng này lúc mới không nên cho uống thuốc ngay, chỉ uống nước muối cho thổ ra, nhất là nước muối hòa với một nửa nước đun sôi, một nửa nước lã càng tốt, hay là thêm sa nhân tán bột cho vào, để uống cho thổ ra, rồi cho uống hài hoắc hương chỉnh khí là hơn cả. (nhớ đừng cho uống nước nóng).

Bệnh khỏi rồi không nên cho ăn ngay, chỉ nên cho uống nước lá biển-đậu hay lá vị bạch-biển-đậu đã sao sắc lấy nước cho uống nguội. Là vì chứng này với chứng thổ tả nếu cho ăn ngay có khi chết, uống những thứ kể trên rồi dần dần cho uống nước cháo, rồi đến cháo loãng.

Chứng thổ tả khắp người chuột rút chân tay giá lạnh, lúc cần lấy muối sao buộc vào trên rốn hay là lấy lá ngải sao nóng buộc vào thời gần chết cũng có người khỏi ngay.

Nếu thổ tả không ngừng, bệnh đã nguy cấp, hay là khát nhiều mà muốn uống nước lạnh, hay là sợ rét chân tay lạnh muốn ngồi trong nước nóng, phát sốt cuồng táo muốn bỏ chăn áo ra, thế ra khi âm thịnh cách khi dương trở lên, đừng cho muốn uống nước lạnh và muốn cởi áo là nhiệt, phải nên cho uống bài *lý chung thang* hơn nữa thêm phụ tử, nếu không khỏi thời cho uống bài *tứ nghịch* mà đều phải uống nguội.

Chứng hoắc loạn là khí dương không lên được, khí âm không giáng được, hai bên ngăn cách, cho nên phép

Tìm sách

chữa không thổ thời cho thổ ra, nếu không đi cầu thời cho đi cầu, là lấy lẽ cho khí âm khí dương thư thái, nhưng phải xem bệnh nhân là hàn thấp mà đi lỏng phân, mặt xanh, chân tay lạnh mà không khát đều là âm thịnh thời dùng bài *cứu dương thang*. Trái lại thời là chứng dương thịnh phải dùng bài *cứu âm thang*. Mùa hè đau hoắc loạn thổ ra huyết, đi cầu những nước không ngừng thời dùng hoắc hương, trần bì và 2 nhát gừng sắc nước cho uống cũng khỏi, nhưng là chứng can hoắc loạn nghĩa là chứng hoắc loạn đau bụng khan không thổ, không tả mà chuột rút thời lại kiêng những vị ấy.

— Những người ăn nhiều quả xanh, uống nhiều nước lã, chân tay nặng, xương cốt đau, mà gặp chứng này là bởi ở thấp khí, nên dùng bài « nhị truật » thêm hậu phác, trần bì, phục-linh, trạch tả và chút xạ hương v.v...

— Những người vì thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) uất kết, tay chân giá lạnh, kém hơi mà tinh thần nhẹ nhàng, nếu gặp chứng hoắc loạn là bởi « hàn » nên uống bài « tứ nghịch » thêm chút muối, bệnh nhân chuột rút là can mộc khắc tỳ thổ thời uống bài « bình vị tán » thêm mộc qua.

— Nếu bệnh nhân người sốt, phiền táo, khát nhiều, thở ồ ồ, mặt xạm là vì chứng « thử » thời uống bài « lục nguyên tán » thêm hương nhu, hoàng liên, mà cho uống nguội...

— Nếu vì thức ăn ngưng trệ mà đau bụng không muốn cho xoa, đau ở bụng trên thời cho uống nước muối để thổ ra, ở bụng dưới thời cho uống nước đại hoàng để tiêu đi.

Tìm sách

— Nếu bịnh nhân thổ tả không ngừng, nguyên khí hao tán, khát ưa nước nguội hay là sợ rét, chân tay lạnh, hoặc phát sốt phiền táo, muốn bỏ chăn áo ra, thời ta chớ hẳn lầm là chứng nhiệt, đó là khí âm mạnh quá, cách khí dương trở lên nên cho uống bài « *lý trung thang* » hay là « phụ tử lý trung thang », nếu không khỏi thời uống bài « tứ nghịch » mà đều cho uống nguội.

Những vị thuốc dùng về chứng hoắc loạn.

Những vị để hành khí thông trệ : Hoắc hương, trần bì, xương truật, hậu phác, tam lăng, nga truật, thanh bì, tô tử, hồ tiêu, mộc hương và muối. *Những vị thuốc để ôn trung thấm thấp :* khương, mộc qua, tiểu mạch, ngô thù, phục linh, quế tâm, quan quế, khung, qui, hoạt thạch (có thấp nhiệt mới dùng).

∴

5.— CHỨNG TIẾT TẢ (đi cầu lỏng)

Căn bệnh : Nội kinh có nói : « Mùa xuân cảm về gió thời mùa hè đi cầu ra cả cơm, rồi thành chứng đồng tiết ». Lại nói : « Thanh khí lại ở dưới thời sinh chứng đi cầu lỏng phân ». Lại nói : « Thấp khí nhiều hơn thời đi cầu lỏng phân ». Lại nói : « Đi cầu mạnh như rót nước ra mà chỗ đi cầu thấy bức bách là thuộc về nhiệt ». Lại nói : « Những chứng đi cầu ra nước trong là hàn ». Như vậy thời chứng đi cầu bởi phong, bởi thấp, bởi hàn, bởi nhiệt có bốn thứ khác nhau.

TìmSách

Mé trên dạ dầy là « bôn môn », nước và thức ăn do đó vào dạ dầy. Mé dưới dạ dày là « u môn ». cặn bã tự đó vào tiểu tràng. Tiểu tràng có 16 khúc, nước và thức ăn vì thế mà đi thong thả. Còn « la môn » là mé dưới của tiểu tràng, nước và thức ăn do đó phân biệt, cặn bã thời vào đại tràng, và nước trong thời vào bàng quang. Nếu nước và cặn bã không phân biệt mà vào cả đại tràng là chứng tiết tả.

Ông Đông-Viên nói : « Một khi ăn uống không tiết độ, lúc làm lúc nghỉ không có thời khắc thời tổn đến khí của dạ dầy, mà thanh khí là khí trong sạch vốn đem trở lên lại trở xuống mà thành đi cầu.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Cổ thư có phân ra mười thứ khác nhau :

1) *Chứng thấp tả :* Đi cầu như rót nước xuống tiểu tràng, không đau, sôi bụng, nặng mình.

2) *Chứng nhiệt tả :* Tiểu tiện đỏ mà ít, phiền khát, trong bụng nóng, dù đi cầu ra cả cơm nhưng thành sắc xanh, sắc vàng, hoặc đỏ tía, hoặc đỏ, hoặc đen, cử động được, chân tay ôn, tiếng nói trong trẻo.

3) *Chứng hàn tả :* Tiểu tiện trắng trọng, không khát, trong bụng lạnh, đi ra cả cơm mà không biến sắc hay là sắc trắng, không muốn cử động, mắt lờ đờ, sợ rét, đau mình, đầy bụng, sôi bụng réo lên, khiến đi cầu như vịt đi, nguyên cả hột cơm mà chân tay giá lạnh.

4) *Chứng tả vì ngũ tạng lạnh :* Đem thức gì nóng và chườm vào bụng dễ chịu, chứng tả, thấy biến sắc là nhiệt,

Tìm sách

mà không biến sắc là hàn, nhưng chỗ đi cầu thấy khô ráo, tiểu tiện vàng hay đỏ, thời dù không biến sắc cũng là nhiệt. Đó là nhiệt tả, không nghiền được thức ăn, tính của hỏa vẫn chóng, nên ăn rồi là đi ngay.

5) *Chứng phong tả :* Bệnh nhân ghét gió, tự ra mồ hôi, đi cầu rớt ra huyết xanh, bởi mùa xuân cảm phong hàn, mùa hạ cảm khí thấp lãnh, cho nên đi cầu mạnh (chứng nầy không nên dùng thức ôn mà vít lại để biến ra chứng ly).

6) *Chứng thử tả :* Đi ra như rót nước, phiền khát, mà phân đỏ.

7) *Chứng thực tả :* (tả vì ăn) Đau bụng lắm mà đi cầu rồi thời nhẹ đau (thức ăn tích lại mà có hỏa, mùi hôi như trứng gà ung, ợ ra nước chua)

8) *Chứng đờm tả :* Lúc đi cầu, lúc ngừng, lúc nhiều, lúc ít, là vì đờm ở trong tạng phế đến nỗi đại tràng không bế vít được, (phế và đại tràng tương thông với nhau).

9) *Chứng hỏa tả :* Khát mà ra nước nguội, hễ đau bụng là đi cầu, sôi bụng và đau một trận, thời đi cầu một trận, chỗ đi cầu nóng và đau. Đi vội mà phân lầy lầy.

10) *Chứng thất tinh tả :* (Tả vì 7 tình) bụng thường đầy hơi, muốn đi cầu không được, mà đi thời không thông.

Lại phân ra bởi 3 tạng hư yếu :

1) Vì tạng tỳ hư yếu, chứng nầy hễ ăn uống là đi cầu mà người mỏi mệt.

Tìm sách

2) vì tạng can hư yếu, chứng này vì tức giận hại đến tạng can, can mộc khắc tỳ thổ nên mặt xanh mà chân giá lạnh.

3) Vì tạng thận hư yếu, bởi sắc dục hại tạng thận, không bế vít được, thời chân lạnh, gần sáng thời dưới rốn đau như vặn ra, hay là chỉ sôi bụng rồi phải đi cầu ngay từ đầu chống canh năm.

Tóm lại vì thận, vì can thời ít mà vì tạng tỳ yếu thời nhiều. Chứng đi cầu lỏng phân mà bởi tỳ vị thời mọi người đều biết, nhưng nếu tạng can, tạng thận được mạnh thời có thạ bế vít lại được, một khi yếu thời không đủ sức bế vít mà cũng thành chứng đi cầu.

Sách Nam kinh phân ra 5 chứng :

1) Vì dạ dầy : thì đi cầu ra sắc vàng.

2) Vì tạng tỳ : thì đầy bụng mà đi ra như rót nước, ăn vào có khi muốn nôn.

3) Vì đại tràng : thì ăn vào là bức bách, đi cầu ra sắc trắng, sôi bụng mà đau mạnh dữ dội.

4) Vì tiểu tràng : thì đa số ít mà đi cầu có khi ra cả máu đặc, đau bụng dưới.

5) Chứng đại hà tiết : vội đi cầu mà lúc đi lại bế vít lại, phải đi luôn mà không được, đi đái mà cũng đau mà ít. Chứng đại-hà-tiết tức là chứng thận-tiết nghĩa là vì tạng thận hư yếu muốn đi mà không đi được, tựa lỵ mà không phải lỵ, người không biết mà chữa theo chiến lỵ tức là chứng trệ hạ thời rất nguy khốn là vì chứng lỵ bởi tà khí mà đại tràng trụy xuống nên lúc đi phải rặn (hậu

Tìm sách

trọng) nên chữa bằng những vị đại hoàng, binh lang là khỏi mà chứng này lại khác.

Đi cầu bởi tỳ vị, mà cũng bởi tạng thận, là vì hỏa ở mệnh mau suy yếu không sinh được tỳ thổ.

Cổ thư nói : « tạng thận khai khiếu ra đại tiện và tiểu tiện (nhị âm) thế là tạng thận không những giữ chức vụ về tiểu tiện mà đại tiện đi được hay không, nhiều hay ít cũng ở như tạng thận.

Còn chứng *thận-tả* tức là *thần-tả*, là chứng phải đi cầu vào ngay lúc đầu trống canh năm (giờ dần, bắt đầu tờ mờ sáng) đó là bởi tạng thận hư yếu, tuy tạng thận thuộc về hành thủy, nhưng khí nóng ở giữa tạng thận (mệnh-môn-hỏa) tức là tổ-khí về tiên nhiên, giờ dần là tờ mờ sáng khi ấy tam dương đã sinh mà nay dương khí không hoá được thức ăn, lại không thắng được khí âm mà bốc trở lên, cho nên phải đi cầu ngay vào lúc tờ mờ sáng tức là chứng *thận-tả* hay *thận-tiết* mà cũng gọi là *đại-hà-tiết*, là chứng triệu dương khí vong thoát thời phải bổ khi bổ hỏa.

Lại có chứng *giao-tràng-tả* nghĩa là lúc đi tiểu-tiện thời lại đi cầu, lúc đi cầu thời lại đi tiểu tiện. Chứng ấy bởi giận dữ quá hay là vì no say quá đến nỗi ngũ tạng không theo đường lối cũ.

Có chứng *hoạt-tả*, là đi cầu lâu không khỏi, chỗ đi cầu tựa như ống tre rỗng đi tuột ra mà không ngừng. Chứng nầy bởi đại-tràng hư yếu mà nguyên khí hãm trở xuống không giữ lại được.

Tìm sách

HƯ HAY THỰC

Người vốn yếu hay là cao niên hoặc mới ốm khỏi, hoặc đi tả đã lâu, mình mát, khí lạnh, mạch thời « trầm » mà « vi », đi cầu ra cả nguyên hột cơm, tiểu-tiện trong mà đi nhiều, như trên đều chữa theo chứng hư yếu, đã có nóng sốt cũng là trong hàn mà ngoài nhiệt.

Trái lại, bệnh nhân vốn khoẻ mạnh, chợt bị tà khí cảm vào, hay vì ăn uống đình lại lúc mới thời người sốt, uống nước nhiều, tiểu-tiện đỏ mà ít, đi cầu ra như rét nước, đi được mới nhẹ, như trên đều chữa theo về chứng thực.

TỐT HAY XẤU

Mạch « hoãn » và « tế » là sống, « phù-hồng » là chết, đi cầu hàng ngày đến 10 lần mà mạch lại « thực » (chắc nịch) là chết, đi cầu lâu mà mạch hồng, đại, cấp, xác hay ăn vào phải đi cầu ngay cũng khó chữa.

Đi cầu mà mạch « vi » hay « tế », ngoài da mát, trước đi tả sau đi lỵ, ăn uống không lọt, thế là 5 triệu chứng hư yếu cũng không thể chữa được.

Bụng to trướng lên, 4 tay chân sút hết thịt mà đi đi cầu vẫn nhiều là sắp chết.

Ở trên thời đờm không ngừng, ở dưới thời đi cầu không chỉ, thế là trên dưới đều thoát, cũng không thể khỏi được.

Chân tay lạnh là khí của lục phủ tuyệt ở bề ngoài, hơn nữa chân tay bấu véo không biết, mà đi cầu vẫn không chỉ là khí của ngũ tạng tuyệt ở phía trong, đều là khó chữa.

Tìm sách

PHÉP CHỮA

Khí trong sạch lại ở dưới thời thành chứng đi cầu, đó là tạng tỳ hư yếu mà hãm trở xuống. Tóm lại, tạng tỳ mạnh thời thắng được thấp khí, nếu hư yếu thời phong hàn, và nhiệt, đều lấn vào tạng tì, có chín phép chữa :

1) Thấm-thấp : nghĩa là ráo thấp khí đi đề đi ra đằng tiểu-tiện thời đi cầu đặc lại.

2) Thăng-đề : nghĩa là đem trở lên, khí thuộc về dương mà tính bốc lên, nếu khí ở dạ-dầy hãm trở xuống thời mới thành chứng tiết-tả, vậy nên dùng những vị như : thăng-ma, sài-hồ, sát-săn để đem vị-khí trở lên, những thuốc chữa về phong phần nhiều là ráo và phong có thể thắng được thấp khí.

3) Thanh-lương : nghĩa là dùng thuốc mát, những chứng đi cầu mạnh mà bức bách trở xuống, nên dùng vị thanh lương, nghĩa là vì nhiệt thì thanh đi.

4) Lưu-lợi : nghĩa là dùng thuốc cho thông lợi. Chứng tả có khi vì đờm ngưng, vì khí trệ, vì thực tích, vì thủy đình lại, thời nên dùng thuốc cho thông đi.

5) Cam-hoãn : Nghĩa là dùng vị thuốc cam ôn để hoãn lại, vì chứng ấy có khi đi mạnh tức là nghĩa chứng bệnh cấp thời hoãn lại.

6) Toan-thu : đi tả lâu thời không thu vít được, có khi dùng vị chua để thu vít.

7) Táo-tỳ : Nghĩa là làm ráo cho tạng tỳ, vì tạng tỳ bị thấp khí thời hư yếu mà phải đi tả, nên phải dùng thuốc bổ tỳ cho ráo và mạnh lên.

Tìm sách

8) *Ôn-thận* : Nghĩa là ôn cho tạng thận, một khi hỏa của tạng thận hư yếu không giúp được tỳ để nấu chín thức ăn, nên phải ôn cho tạng thận.

9) *Cổ-sáp :* nghĩa là dùng thuốc để vít lại, đi cầu lâu thành chứng hoạt-tả, thời phải dùng những vị để vít lại.

Phép chửa tả không ngoài phạm vi đã nói ở trên, nên tùy chứng mà dùng.

Chứng nầy tuy có vì phong, thử, thấp, hỏa, đờm, hư, hàn và thực khác nhau, nhưng vì thấp thời thấm đi, vì hỏa thời thanh, vì hàn thời ôn, vì hư thời bổ, vì đờm thời thông đi, vì thức ăn thời phải tiêu hóa, vì hãm xuống thời phải đem lên, nếu có hoạt thoát mới dùng thuốc để vít lại.

Còn chứng vì khí thoát mà hư yếu, chợt đi tả thật nhiều mà không biết gì, nhắm mắt, ngậm miệng thở hút không đủ sức, có thể sắp chết, thời cứu ngay huyệt khí-hải, mà chỉ cho uống cao nhân-sâm là khỏi.

Chứng âm hư mà tạng thận không giữ được, lại phải bổ mạnh cho tạng thận, nghĩa là chứng tả lâu thời chân âm hư yếu.

Chửa chứng giao-tràng-tả thời nên dùng thuốc cho thổ ra để đem khí trở lên, nếu mạch *hư yếu* thời cần phải dùng thuốc đem thanh khí lên, giáng trọc khí xuống, và bổ khí thấm thấp, khiến cho chỗ « làn-môn » giữ được chức vụ phân biệt đại-tiểu-tiện là khỏi, chứng nầy kiêng những vị thuốc phá khí huyết, vị thuốc ráo và nóng.

Chứng đi cầu ngồi không cố rặn mà chỉ có hơi phị

Tìm sách

ra, là chân huyết kém quá, thanh khí hãm trở xuống, thời nên dùng nhiều những vị khung, qui, thược, và thêm một ít những vị thuốc để đem lên.

Thành-ngữ có câu : « Đi tả mạnh không phải là âm-chứng đi tả lâu không phải là dương-chứng » thì cũng như chứng thương hàn lúc trước là hàn mà về sau là nhiệt (không phải dương-chứng thời là âm-chứng mà là nhiệt, không phải dương-chứng tức là âm-chứng mà là hàn).

Người nào cứ buổi sáng là đi cầu một lần thật nhiều. nếu chỉ uống thuốc ôn nhiệt vào lúc đói cũng vô hiệu, phải nên uống một lần trước lúc ăn cơm tối, là vì uống thuốc vào ban ngày thời đến đêm sức thuốc đã hết, không thể chống nổi hàn khí trong một đêm.

Người nào tỳ vị và thận, khí huyết đều hư yếu, nên uống bài « *thập-toàn-đại-bổ* » để chiêu viên thuốc « *tứ-thần-hoàn* »

Người nào đại-tiện hoạt tả, tiểu-tiện đi ít hoặc chân thể hơi nề, suyễn ho nhổ đờm thời nên uống bài « *gia giảm kim quỹ thạch khí hoàn* ».

Chứng đi tả về đầu trống canh năm thời nên uống bài « *bát-vị-hoàn* » thêm vị phá-cô, vị thổ-ti, và ngũ-vị-tử, mà lấy hoài-sơn nấu với hồ để hoàn thuốc để bổ cho chân âm, chân dương hoả ở mệnh môn đã vượng thời sinh ra tỳ-thổ mà tạng tỳ cũng mạnh. Phương thuốc đời xưa có « *tiêu-phụ hoàn* » và « *ngũ-vị-tử-tán* » đều là thuốc chữa về thần tả, ta cũng nên xét rộng.

Họ tiết có nói : « Tỳ vị hư yếu mà hàn để khí hãm trở xuống, nên dùng bài *bổ-trung* thêm mộc-hương, nhục-quả, phá-cố. Người nào khi ở tạng tỳ hư hàn đi cầu không ngừng nên dùng bài « *lục-quân* » thêm nhục-quế, tiêu-

TimSách

khương, nhục-quế. Người nào hoả ở mệnh-môn suy yếu mà tỳ vị hư hàn nên uống « *bát-vị-hoàn* ».

Chứng tạng thận hư yếu đi cầu phải rặn nhiều thường đến nhà cầu mà không đi được, trong ngọc-hành lại đau, hay là đại-tiện khó đi, tiểu - tiện đi ra trước mà ít hay là muốn đi tiểu - tiện thời lại đi đại - tiện mà đau. Theo Cổ-thư nói : thời chứng ấy bởi tinh huyết háo kiệt, bởi người già mà còn nghĩ đến sắc dục, thời đường đại-tiểu-tiện đau dắt dây với nhau chứng ấy nên uống bài « *bổ trung ích khí* » thêm nhiều vị thăng-ma lấy nước thuốc ấy để chiêu bài « *tứ thần hoàn* » (bốn vị phá-cô, ngũ-vị, ngô-thù, nhục-quế, tán hoàn lại với nhau) hay là uống nhiều bài « bát vị hoàn » mà thêm nhiều vị ngũ vị, vị phá-cô.

Cũng có khi vì tiết trời râm thấp mà phát ra chứng vừa đi tả vừa đau bụng thời nên uống bài *vị-linh* gia bào-khương, nhục-quế.

Tôi xét, Cổ-thư có nói : « dạ-dầy yếu thời thổ, tạng tỳ yếu thời tả » và nói « chứng thương phong phần nhiều thành ra thổ-tả » là vì phong thuộc hành mộc lấn tạng tỳ thuộc về hành thổ, vậy chứng tiết-tả vẫn trách cứ ở tỳ vị, nhưng nếu hỏa mệnh-môn trong tạng thận mà suy kém, thời một mặt không giúp cho tỳ thổ để nấu chín thức ăn, một mặt không ôn được âm phận ở hạ-tiêu, khiến cho tiểu-tràng thấm vào, bàng-quang thấm ra, rồi vào cả đại-tràng mà thành chứng tả, như thế thời còn chú trọng đến tạng thận.

Ông Cảnh-Nhạc có nói : « chứng tả bởi người yếu, không phải vì thủy dư ra, mà thực ra vì hỏa không đầy đủ, không phải là thủy không thông lợi, thực ra vì khí không vận hành », như vậy thời nên dùng bài *bát-vị-hoàn* thêm

Tìm sách

vị sa-tiền, vị phá-cô, vị chỉ-thực là rất thần diệu. Còn như chứng tả mới phát ra mà người còn mạnh, nếu là nhà ăn cao lương mỹ vị thời dùng bài *lục-quân* thêm kha-tải, nhục-khấu, là nhà nghèo chỉ ăn dưa rau thời nên dùng bài *hoắc-hương-chính-khí* mà dùng nhiều vị hoắc hương là tốt.

Những vị thuốc dùng về chứng tả :

Những vị tiêu thực hóa đờm như : Chỉ-thực, chỉ xác, trần-bì, thảo-đậu-khấu, sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, sa-nhân, hương-phụ, lương-khương, bán-hạ, hậu-phác, hoắc-hương, bạch-phàn.

Những vị để ôn bổ chỉ tả như : Nhục-quế, ngô-thù, đinh-hương, mộc-hương, kha-tử, xích-thạch-chi, long-cốt, nhân-sâm, phục-linh, hoài-sơn, ích-mẫu, ý-dĩ-nhân, bạch-truật, trích-thảo, thảo-quả, bạch-đậu-khấu, trần-bì, liên-nhục, bạch-biển-đậu, ổi-khương, ô-mai, thỏ-ti-tử, bạch-thược, tiêu-hồi.

***

6.— CHỨNG LỴ

Căn bệnh : Gọi là chứng lỵ vì phải dùng thuốc để thông lợi trở xuống. Nội-kinh gọi là chứng « tràng-tích » nghĩa là đại-tràng cáu lại. Cổ-nhân còn gọi là chứng « trệ-hạ » nghĩa là thấp hỏa ngừng trệ trở xuống.

Chứng nầy mà chợt thấy phát bệnh thì chia ra 5 thứ :

1.— Vì ăn thức lạnh thức nóng không điều hòa.

Tìm sách

2.— Vì cảm khí nắng.

3.— Vì cảm phong, hàn và thấp-khí.

4.— Vì sau khi thổ tả không biết giữ gìn.

5.— Vì ăn nhầm thức có chất độc hay là vì kinh sợ.

Tích lũy đã lâu rồi mới phát bệnh có 7 thứ :

1.— Vì thức ăn tích lại.

2.— Vì khí lực hư yếu mà cảm nhiệt hay là hàn (đau bụng đi cầu rặn nhiều, tiểu-tiện ít, khát ưa nước lạnh, mà chỗ đi cầu khô ráo là nhiệt. Không khát mà ưa uống nước nóng, tiểu-tiện trong và dài, ưa xoa thứ nóng thế là cảm hàn).

3.— Vì khí của tạng tỳ bị thương mà không vít được chân huyết.

4.— Vì thấp-nhiệt hại đến tạng tỳ.

5.— Vì dương-khí hãm trở xuống

6.— Vì ăn nhiều thức nóng, thức nướng.

7.— Vì cảm vì thời tiết.

Hại về chân khí thời đi ra trắng mà là hàn, hại về chân huyết thì đi ra huyết mà là nhiệt, khi huyết bị hại thời đi cầu vừa trắng vừa đỏ, còn vàng là thương thực, hơi biếc là về thấp, nhưng đều bởi thấp-nhiệt mà thành ra.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Chứng *lãnh-ly* (ly vì lạnh) thời đi ra trắng. Chứng *nhiệt-ly* thời đi ra đỏ. Chứng *cam-ly* thời vừa vàng vừa

Tìm sách

trắng mà đi vô độ. Chứng *kinh-lỵ* (lỵ vì kinh sợ) thời đi ra xanh. Chứng vừa lạnh vừa nhiệt thời đi ra vừa đỏ vừa trắng. Chứng *hữu-tức-lỵ* thời phân đen, sắc mặt của bệnh nhân như thể ruột cá, bệnh kinh niên khỏi rồi lại phát ra, đó là hàn ở dưới đại tràng, xức thuốc không đến nơi. Chứng *cốn-lỵ* bụng to tích lại đi cầu mùi hôi mà đại tiện bế xác, ăn uống không sinh ra cơ nhục. Chứng *cổ-độc-lỵ* thời đi ra sắc tía hay đen như thể gan gà, khát nhiều. Chứng *cấm-khẩu-lỵ* thời uống thuốc lại nôn ra phần nhiều vì nhiệt độc mạnh quá vượt lên dạ-dầy mà không tuyên thông được, hay là vì thời khí truyền vào tạng phủ mà độc khí xông trở lên. Chứng *ngũ sắc lỵ* là ngũ tạng đều có nhiệt độc. Chứng *hoạt-trường-lỵ* là độc khí bại ở dạ-dầy, chỗ đi cầu suông lớn sâu vào mà đen đáng sợ, bụng và rốn đều đau thường rỏ ra máu tươi. Chứng hoạt trường lỵ thời ăn thực gì đi ra thức ấy (cùng với chứng cấm-khẩu, chứng ngũ-sắc đều là khó chữa).

Lại có chứng « *ngược-hậu-lỵ* » (sốt rét rồi đi lỵ), hay « *lỵ-hậu-ngược* » (đi lỵ rồi sốt rét) đó là nguyên-khí hãm trở xuống, khí tạng tỳ không đem lên được, tựa lỵ mà không phải lỵ. Một khi đi lỵ rồi ra nhiều huyết, âm dương đều yếu, nên vừa rét vừa nóng, tựa sốt rét mà không phải sốt sét. Có chứng « *phong-lỵ* », chứng nầy là sau khi đi lỵ chân nhỏ mà yếu để lâu thành ra bạc-tất-phong.

Có chứng *khí-lỵ*, đi như mạt cưa.

Có chứng *tích-lỵ*, đi ra sắc vàng hay là như nước cá luộc.

Tìm sách

Có chứng *hư-ly*, ăn uống không tiêu, bụng hơi đau hay là đau nhiều.

Có chứng *âm hư tựa như ly*: trong bụng mót đi mà lúc đi cầu phải rặn, trong ngọc-hành lại đau, đi ra vừa đỏ vừa trắng, tiểu-tiện đi ít mà đau, hay là không thông mà đau, hoặc muốn đi đại-tiện mà tiểu-tiện lại sớn ra, hai bên đau chẳng với nhau, đó là nguy chứng, chứng này tức là chứng đại-hà-tiết đã nói ở tiết tiết-tả.

HƯ HAY THỰC

Bệnh là hư chứng thời hàn, nếu đau bụng ưa xoa, ưa nóng, mạch yếu mà hư, hay là trong bụng mót đi cầu mà lòi tỉ ra không lên được, đi cầu rồi cũng không nhẹ, và chứng trong bụng mót đi, thường rỉ nước ra quần áo.

Chứng thực thời nhiệt, bụng đầy trướng, đau dữ dội, sợ xoa, phiền khát uống nhiều mà ưa nước lạnh, mạch « cường » mà « thực » hay là « xác » mà « hoạt » đi cầu rồi hơi nhẹ, một chốc bệnh đâu lại đấy, và chứng trong bụng mót mà đi không đi được, đều là chứng thực.

Cần nhất phải xem hình thể của bệnh nhân mạnh hay yếu, mới phải bệnh hay là đã lâu, mới rõ được là hư hay thực.

TỐT HAY XẤU

Đi cầu ra như bọt trắng, mạch « trầm » là sống, « phù » là chết.

Tìm sách

Những chứng sau đây đều khó chữa : môi đỏ như son, đi ra như óc cá, hay là như vẩn bùn.

Đi cầu ra thuần máu tươi.

Đi cầu ra như nước mái nhà lợp lá đổ xuống.

Đi cầu ra như ống tre mà không ăn được.

Đi ỵ lâu mà chân tay lạnh

Đi ỵ lâu mà sốt ra bồ-hôi

Đau bụng thở mà khát, người nề.

Đi ỵ lâu mà ẹo ngược lên, người hôn-trầm, phiền-táo mà sát hết thịt.

Đi ỵ lâu mà tạng tỳ truyền sang tạng thận.

Phân đen, bụng đầy, thở suyễn, môi khô, mắt trũng vào, đồng tử tán đại, hay là có màng khói.

Đầu nóng, chân lạnh, mồm hôi, nhiều đàm.

Đi ỵ về rượu mà rốn trũng xuống, sắc mặt xanh hay đen đi ra như mủ của nhọt, hay là như mùi trứng gà ung, hòn dái đen mà co lên, môi xanh mà khô, mồ hôi ra như mưa, mắt nhắm không mở, thở dài mà ngọng, ngực trũng xuống, há miệng, móng chân, móng tay đen lại, thổ ra giun trắng, hay nước bọt trắng hoặc máu xanh, cổ ngoẹo đi, bụng sôi như tiếng sấm, đi ra máu đen mà tanh hôi, hay là lưỡi đen, như thế là ngũ tạng bị thương đi ỵ lâu lưỡi vàng là khí của tạng tỳ bã bại.

Chứng nầy mà ngũ tạng hư yếu là chết. Thuốc uống chỉ dùng sâm và phụ, mười người may cứu được một người.

Tìm sách

PHÉP CHỮA

Mới thu bệnh thời nguyên khí còn mạnh cũng nên phát hãn, đã năm bầy ngày là tỳ vị yếu, nên hoà giải và lợi tiểu-tiện, tiêu tích trệ. Bệnh đã lâu thời trong thuốc bổ khí huyết nên thêm thăng-ma, sài-hồ, phòng-phong để đem lên, lâu hơn nữa thời thêm túc-xác, nhục-khấu, long-cốt, mẫu-lệ, kha-tử để vít lại. Ăn ít thời đều bổ tỳ vị mà phải để ý vào khí của dạ-dầy.

Người trong bụng mới đi lắm mà không có tà ở ngoài biểu, nên dùng thuốc cho thông đi. Nếu yếu mà không dám thông lợi thời hòa giải hay là đem trở lên Nếu khí hãm trở xuống mà đi như rót nước thời tạm dùng thuốc để vít lại. Nếu đi tuột ra mà hoạt quá, đau bụng nhiều là đơm hỏa thịnh thời nên tiêu đàm giáng hỏa.

Lúc mới phát bệnh dù có tích trệ, lúc đi cầu rặn nhiều đau bụng nhưng lại thêm lợm lòng và ngăn cách ở ngực, bụng đầy, thời không nên dùng thuốc mát và thuốc hạ mà phải dùng thuốc tiêu đi, đến khi không ngăn cách, không lợm lòng, không đầy trướng mới dùng được thuốc mát hay thuốc hạ. Người lợm lòng thời nên uống một chút nước muối loãng để thổ ra, hơn nữa có nóng sốt mà trong bụng mới đi cầu lắm mới hạ được, nếu lại sợ rét thời không được dùng thuốc hạ.

Hạ chứng nhiệt-lỵ thời dùng vị đại-hoàng, hạ chứng hàn-lỵ thời dùng vị ba-đậu.

Mùa đông đã sốt thương-hàn, đến mùa hạ, mùa thu lại cảm thử, nhiệt và thấp, cảm về ba khí mà thành ra lỵ thời nên dùng thuốc cay và mát để giải biểu rồi dùng

Tìm sách

một vài thang thuốc hàn lương để mát trong lý. Sách « kim quỹ » cho là chứng lỵ mà mạch *huyền* phát sốt ra mồ hôi là khỏi.

Bệnh đã mấy hôm thời tỳ vị yếu dần, lại nên dùng thuốc để hành khí hòa huyết, bệnh đã lâu thời phải điều bổ khí huyết.

Thức ăn dù đã tiêu hóa hay không vì khí ngừng trệ lại, mà đi cầu không được, đau bụng mà bức bách ở chỗ đi cầu hơn nữa chỗ đi cầu cũng đau, như vậy là bởi tính của hỏa cấp bách thời nên dùng vị mộc-hương, binh lang để thông khí, vị đại-hoàng để giáng hỏa, hoàng-cầm, hoàng-liên để giải độc, qui và thược để hoà chân huyết chỉ-xác, trần-bì để hành trệ khí. Nội-kinh có nói : « Chân huyết điều hòa thời chứng đi cầu ra máu đặc tự nhiên khỏi. Chân khí có vận hành thời chứng rặn nhiều mới khỏi. »

Có người chỉ bởi hư hỏa thời nên bổ bằng những vị khương, qui, sam, truật. *Có người vì hàn* thời nên ôn bằng những vị nhục-quế, can-khương.

Chữa chứng cấm-khẩu-lỵ nên dùng những vị hoàng-liên, liên-nhục, nhẫn-đông-hoa, để thông tạng tâm, giải độc khí, nếu vì hàn khí ngược trở lên thời điều trị bằng thuốc ôn bổ, chứng này không phải là khó chữa.

Chữa chứng ngũ-sắc-lỵ là người khỏe thường thông lợi, là người yếu thời điều hòa khí huyết, và dùng vị kim-ngân-hoa sao với rượu, hoàng-liên, qui, thược, mộc-hương nhũ-hương, để hòa huyết thành nhiệt, giải độc.

Chữa chứng độc-lỵ mà các thứ thuốc không khỏi, thời

Tìm sách

trong những vị thuốc để hòa huyết hành khí nên thêm những vị để giải độc như nhẫn-đông-hoa, nhũ-hương, một-hương, hoàng-liên.

Chứng ly là bởi thấp-nhiệt uất ở tràng vị rồi thức ăn tích lại thế là bệnh ở đại-tràng, vậy không nên dùng nhiều những vị thuốc thấm thấp để kiệt chân âm và ráo tân dịch.

Chứng ly nên dùng thuốc thông lợi mà kiêng những vị vít lại, vì vít lại thời thấp nhiệt không tiết ra được phạm lên tạng phế mà thành những chứng đầy trướng, khí nghịch không ngủ, bỏ ăn.

Chứng ly và chứng sốt rét tựa như nhau, vì đàm cách ngực thời thành chứng sốt rét, ăn uống tích ở tràng vị thời thành chứng ly, cho nên cổ nhân có nói : « Không có đờm không thành sốt rét, không tích lại không thành chứng ly », vì thế bệnh mới phát ra, tích tụ nhiều mà người còn mạnh, nhẹ thời dùng những vị tam-lăng, nga-truật, binh-lang, chỉ-sác, chỉ-thực, thanh-bì, một-hương. Bệnh nặng thời dùng vị đại-hoàng sao với nước để thông đi, những vị ấy tiêu tích mà không hại đến người.

Chứng ly lại phần nhiều bởi thời-tiết cho nên trong mấy hôm đầu tuy đi cầu luôn cũng không đáng ngại, ngoài mấy hôm thời khí của dạ-dầy yếu đi, ta phải xét rõ là hàn hay nhiệt, là hư hay thực, nếu vì nhiệt thời nên dùng những vị hoàng-liên, một-hương, đại-hoàng, bạch-thược, chỉ-xác, binh-lang để thông lợi. Nếu là hàn, thời có khi dùng đến bài *lý trung*, hay vị tiêu-khương, nhục-quế để ôn trung.

Tìm sách

Thầy thuốc thường chấp nệ về câu : « chứng lỵ không nên bổ », thế là không biết vì hư yếu mà đau, thời càng uống thuốc công phạt càng yếu thêm mà đau thêm, bệnh không khỏi mà nguyên khí đã thoát. Cho nên thấy mạnh hay « nhược » thời nên bổ, thấy hình sắc kém là nên bổ, thấy ốm rồi lại sanh chứng lỵ thời nên bổ, thấy vì uống thuốc công phạt mà bệnh kịch lên thời nên bổ.

Chứng nầy tổn đến nước tân-dịch thời phải khát, vậy phải căn cứ vào bệnh nhân ưa nước nóng hay nước nguội để phân hư thực. Còn như đau bụng thời phải căn cứ vào đau vừa hay đau mạnh, ưa xoa hay không ưa xoa, bụng có đầy hay không, mạch có lực hay không, để phân hư thực. Về phần tiểu-tiện, thời nên căn cứ vào nước tiểu-tiện trong mà dài hay là vàng mà ít để phân hư thực. Về phần mót đi cầu mà lúc đi lại khó thời phải căn cứ vào khí của phổi uất đến đại-tràng thời nên dùng thuốc để thấm nhuận, chân huyết kém thời điều hòa, chân khí kém thời đem lên nếu là thực nhiệt, mới nên dùng thuốc hạ.

Huyết đã thông mà vẫn còn đau thời trong những vị thuốc để chữa về chân âm hư tổn khí uất, nên thêm vị xuyên-khung để hành khí và điều huyết thì đau sẽ khỏi.

Chứng âm hư có hỏa mà thêm thử nhiệt lại không nên bổ ngay, và không nên ráo ngay, chỉ dùng những vi thuốc hơi mát để điều hòa, nếu không khỏi, thời bổ bằng những vị thuốc mát mà nhuận.

Chứng nầy nên uống thuốc vào trước bữa ăn sáng hay bữa ăn chiều.

Tìm sách

Chứng ly mà ăn được là nhẹ, kém ăn là nặng, không ăn được là chết, trước sau phải để ý về khí huyết của dạ-dầy và của tạng thận. Bổ khí để giúp tỳ vị mà đừng làm hại chân hỏa của mệnh-môn trong tạng thận.

Đi ly trước rồi sau đi tả là tạng thận truyền sang tạng tỳ, là chứng dễ chữa, đi tả trước rồi sau đi ly là tạng tỳ truyền sang tạng thận là khó chữa, vì tạng thận là cửa ngõ cho dạ-dầy, không có ai đi ly lâu tạng tỳ đã yên mà khí dương ở trong tạng thận lại không thương đời, vậy những phương thuốc để bổ tỳ bổ thận đều không nên bỏ qua.

Bổ tỳ thời dùng những bài thuốc như *quy-tỳ, tứ-quân, thập-toàn,* v.v... Còn bổ thận là bổ hỏa của mệnh-môn. Nếu nên bổ thận mà chỉ dùng những thuốc bổ tỳ thời lại rào thêm mà có khi nguy hiểm.

Chứng ly đi rất cần cấp mót đi mà không đi được, đau bụng nhiều, khát không muốn ăn, đi ra đỏ hay trắng hay là máu loãng, tiểu-tiện không lợi, mạch xích yếu, thời nên uống bài *lục-vị* gia ngũ-vị, nhục-quế mà uống thuốc vào buổi sáng và chập tối.

Người có thai thời nên uống những vị hoàng-cầm, hoàng-liên, bạch-thược, trích-thảo, quất-hồng, chỉ-xác, liên-nhục và một chút thăng-ma.

Sản hậu mà gặp chứng ly, dù đau bụng nhiều cũng không dùng được vị đại-hoàng, chỉ nên uống những vị nhân-sâm, bạch-truật, đương-qui, gừng-nướng, trần-bì, (để cả phấn) và trích-thảo là đủ, nếu chân huyết hư thời thêm a-giao.

Tìm sách

Đi lỵ mà nề những nước, đau bụng gấp (bôn-đồn) là bệnh chứng về kinh thiếu-âm, thời trong vị thuốc bổ thận, nên thêm vị ngô-thù, vị phá-cố, vị nhục-khấu, vị nhục-quế.

Lúc mới phát bệnh là chứng thực, nhưng lâu ngày không đỡ mà còn nặng hơn, cũng phải chữa theo chứng hư yếu như bài *bổ-trung* thêm phụ-tử, nếu đi thuần máu thì thêm vị can-khương sao thật đen.

Chứng bệnh lúc trước là thực tích, là đờm tích, đã dùng thuốc hạ rồi mà sau khi lại phát bệnh, thời phải điều bổ mà không nên uống thêm thuốc hạ. Người khí ở đại-tràng hư yếu hãm trở xuống mà đi cầu phải rặn nhiều, nên uống bài *tứ-quân* thêm thăng-ma, sài-hồ. Nếu huyết ở đại-tràng hư yếu mà đi cầu rặn nhiều, thời nên uống bài *tứ-vật* gia sâm, truật.

Người đi lỵ rồi vì phong mà đau khắp người là huyết xấu chưa sạch, nên uống bài *tứ-vật* thêm đào-nhân, hồng-hoa, ngưu-tất, trần-bì. Nhưng cũng có người vì khí huyết hư yếu mà đau nhức.

Người bởi đại-tràng trống rỗng mà đi lỵ vô độ, nên dùng bài *tứ-quân* hòa bột của vị xích-thạch-chi, và vũ dư lương, nếu lại đau lên thời uống bài *tứ-quân* bội nhiều vị phục-linh.

Chữa chứng cấm-khẩu-lỵ dùng ngay vị hoàng-liên (sao với vị ngô-thù rồi bỏ ngô thù đi) cùng vị nhân-sâm, hai bên bằng nhau, với một ít gạo nếp sắc lấy nước thêm nước gừng sống để cho bệnh nhân uống dần, uống được một hai thìa, thì không thổ nữa, nếu còn thổ lại uống thêm.

Tìm sách

Chữa chứng lưu-tức-ly chỉ dùng một vị ba-đậu sao rồi nghiền ra hoà với sáp cho uống vào lúc đói là khỏi.

Người có thai vừa sốt vừa rét, vừa đi ly, sốt rét khỏi mà ly hơn lên, lại thêm đau bụng không ăn thì nên uống bài *bồ-trung* thêm khương, quế, thời dù sốt rét có trở lại, cũng là chứng triện tốt. (Là lúc trước vì khí âm thịnh, khí dương không tranh nổi, hay đủ bồ dương thời đủ sức tranh với khí âm), nhưng trong bài thuốc phải thêm một ít vị phụ-tử, rồi sốt rét và ly đều khỏi mà lúc sanh khoẻ tức là Nội-kinh đã nói : « nên dùng những vị phạm đến thai mà ta dùng thời cũng không phạm đến thai »

Ly về chứng thực nhiệt, sốt nhiều, khát uống nước lạnh, tiểu-tiện đỏ mà ít, mạch sắc, đau bụng trước rồi đi ly sau, thế là bởi khí tích, thời nên dùng bài « ngũ-tích » thêm những vị : hậu-phác, chỉ-xác, sơn-tra, xương-truật, biển-đậu, hương nhu, mà bội nhiều vị dương-qui, nếu ra huyết nhiều thời thêm thục-địa, a-dao, nếu đi ly đã lâu, khí hãm trở xuống, ở hậu-môn đau hay là thoát ra, thời kén vị thăng-ma và sài-hồ (sao với rượu).

Là chứng hàn-ly, không sốt, không khát, uống nước nóng, tiểu-tiện trong và dài, mạch « trầm », cũng dùng bài « ngũ-tích » ở đoạn trên, bỏ vị hương-nhu, thêm vị can-khương. Nếu đã lâu khí hãm trở xuống, chỗ hậu-môn đau hay là thoát giang thời thêm vị thăng-ma, sài-hồ (sao với rượu.)

Chứng đi ly vì hư-nhiệt (người vốn hư yếu, hay là ốm nặng khỏi rồi, mới có chứng này) người hơi sốt, sắc mặt xanh, uống nước nóng, tiểu-tiện trong, không

Tìm sách

đau bụng, chứng ấy bởi thiếu chân âm, thời nên uống bài *lục-vị* (dùng những thang thuốc to).

Chứng đi lỵ vì hư-hàn (người hư yếu lắm, hay là ốm nặng rồi mới có chứng nầy) người mát sợ rét, mạch « hoãn » không có lực, không đau bụng, tiểu-tiện trong mà dài, hay là khí không vận hành mà khó đi, hoặc hãm trở xuống, bốn chân tay giá lạnh, thời dùng bài *bát-vị* thêm Ô-mai, ngũ-vị.

Những vị thuốc dùng về chứng nầy :

Những vị để tiêu tích và thông trệ như : Hậu-phác, sa-nhân, sơn-tra, tam-lăng, nga-truật, đại-hoàng, phát-tiêu, ba-đậu.

Những vị để hành khí như : Binh-lang, chỉ-xác, chỉ-thực, trần-bì, Ô-mai, xương-bồ, hương-phụ.

Những vị để hòa chân huyết đỡ đi ra máu như : Đương-qui, xuyên-khung, a-dao, bạch-thược, đào-nhân, địa-du, lá trắc-bách-diệp, cắt-căn.

Những vị để trừ phong thấp như : Tần-giao, bột bồ-kết, phòng-phong, túc-xác, chư-linh, trạch-tả, sa-tiền, xương-truật.

Những vị để chữa lỵ như : Xích-phục-linh, kha-tử, vỏ-thạch-lựu.

Những vị để thanh hỏa và chữa chứng thực như : Hoàng-cầm, hoàng-liên, hoàng-bá, liên-kiều, sơn-chi, tô-giác, hoạt-thạch, thạch-cao.

Tìm sách

Những vị để ôn bổ như: Nhân-sâm, bạch-truật, phục-linh, chính-thảo, đinh-hương, nhục-khấu, nhục-quế, can-khương.

***

7.— CHỨNG THOÁT-GIANG

(nôm gọi là lòi đom)

Căn bệnh: Tạng phế với đại-tràng tương thông với nhau mà chỗ đi cầu là cửa của đại-tràng, tạng phế mạnh thì khí đầy đủ, nếu hư yếu thời hàn (khí nóng kém đi) không theo vít được mà đầu ruột lòi ra.

Chứng nầy bởi khó nhọc nhiều hay sắc dục quá độ hoặc lúc sanh cố sức hay là đi ly lâu, rặn nhiều hoặc vì đi tả nhiều.

Trẻ em thời vì người yếu, cảm lạnh hay khóc nhiều, khí của phổi kém mà đại-tràng thoát ra.

Đại-tràng nóng cũng có thể thoát ra là bởi tửu sắc quá độ, tạng thận hư yếu mà lây đến tạng phế, đại tràng không vững cho nên cũng thoát-giang.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Trẻ em khí huyết chưa mạnh và người già khí huyết đã kém thời hay có chứng nầy.

Chỗ đi cầu thấy ngứa phần nhiều bởi đại-tràng thấp nhiệt mà sinh ra trùng, nếu thấy môi trên có mụt nhọt

Tìm sách

là trùng ăn vào trong, thấy môi dưới có mụt nhọt là trùng ăn ở chỗ đi cầu, lâu ngày thời chân tay mỏi mệt, nhỏ ra huyết như hạt thóc trong bụng não nùng mà thành ra nguy chứng.

HƯ HAY THỰC

Như trên đã nói thời chứng nầy bởi hư yếu mà ra. Nhưng là bệnh hữu hình nên tạm chữa theo chứng thực, nếu đã đỡ thời phải bỏ ngay. (Thực là bệnh mạnh).

TỐT HAY XẤU

Chứng nầy ít khi chết người, nhưng nếu hư yếu lắm, không đem được lên, mà thành nứa thành sâu, ăn vào chỗ đầu ruột, cũng không thể chữa được.

PHÉP CHỮA

Phải ôn bổ tỳ vị, để tạng phế là hành kim được mẹ là tỳ thổ giúp sức, rồi cho uống những vị thuốc để giữ đại-tràng và đem trở lên, như bài *bổ-trung-ích-khí*, ở ngoài dùng thuốc sắc nước để rửa cho mềm ra thời mới dễ co lên.

Chứng nầy bởi khí huyết hư yếu mà trụy trở xuống thời phải bổ khí huyết để đem trở lên.

Ông Đan-Khê có bàn : « chứng nầy cố nhiên vì khí huyết kém, nhưng cũng có khi bởi khí nhiệt hay huyết nhiệt, thời phải căn cứ vào mạch, nếu khí hư yếu thời bổ bằng những vị : sâm, kỳ, truật thêm thăng-ma hay sao với rượu, huyết hư thời dùng bài *tứ-vật*, huyết nhiệt thời dùng

Tìm sách

bài *lương-huyết tứ-vật*, khi nhiệt thời dùng những vị như điều-cầm, thăng-ma.

Chỗ đi cầu lòi ra gần một tấc đều là bởi đi tả đã lâu, thời dùng bài *bổ-trung* bổ bạch truật, mà thăng-ma sao với rượu, hay là bài *cử giang hoàn*, nếu vì tạng phế nóng truyền vào đại-tràng thành chứng trĩ hay chứng đi cầu mà thoát giang thời dùng vài « *thu-giang-tán* ».

Đi lỵ lâu mà thoát ra thời dùng một con cóc bỏ ruột và da đi rồi nung thành than cùng với vị sa-tiền-tử và gạo lâu năm đều tán bột làm thuốc hoàn toàn mà uống bằng nước hột sa-tiền sắc lên, ngoài thời dùng con ốc leo lên cây đốt thành than tán lấy bột mà bôi thời sa lên ngay.

Ngoài ra, hoặc dùng xương đầu con ba ba đốt thành than hoà với mỡ lợn mà bôi, hay là dùng ngũ-bội-tử sao vàng tán bột mà đầy lên, hay là dùng ngũ-bội-tử sao vàng và muội nồi hai thứ bằng nhau tán bột nấu với giấm thanh cho thành cao, rồi lấy lông gà phết vào chỗ thoát giang.

Sách Nam-Kinh có nói : « Chứng nầy vì hư yếu thời nên dùng sâm, kỳ, khung, qui, thăng-ma, sắc nước uống. Nếu vì huyết hư thời thêm bạch-thược, sinh-địa. Nếu hư hàn thời thêm can khương sao đen. Nếu hư mà thêm nhiệt thời dùng 6 lạng điều-cầm, 1 lạng thăng ma, tán bột lấy miến nấu hồ làm hoàn mà uống dần. Nếu là huyết nhiệt thời uống bài *tứ-vật* thêm hoàng-bá, thăng-ma. Nếu là phong-tà thời uống bài *hoàng-liên a-dao hoàn* mà sắc nước bạc-hà mà uống.

Tìm sách

Tạng phế nhiệt thời chỗ đi cầu vit lại, tạng phế hàn thời chỗ đi cầu thoát ra, vậy phải ôn tạng phế và bổ tràng vị, thời bài *bổ-trung* mà thêm một ít vị kha-tử, vị hu-bì, hay là dùng bài *thăng-dương cử-kinh thang* hoặc bài *vị-bì-tán*, hoặc bài *câu-tràng hoàn*. Nếu bởi thấp nhiệt thời dùng bài *thăng-dương trừ-thấp thang*. Nếu kèm cả chứng lỵ thời dùng bài *tứ-vật* thêm vị hòe-hoa hoàng-liên, thăng-ma. Nếu tạng thận hư yếu thời dàng bài « *thận-khí-hoàn* » hay bài *bát vị-hoàn*.

Những vị thuốc dùng về chứng nầy :

1) *Những vị để bổ khí và điều hoà chân khí* như : nhân-sâm, bạch-truật, phục-linh, qui, thược, sinh-địa.

2) *Những vị để thanh nhiệt trừ phong* như : hoàng-liên, hoàng-cầm, hoàng-bá, phòng-phong, hòe-hoa, kinh-giới.

3) *Những vị để đem trở lên* như : thăng-ma, sài-hồ, quế, mật-gấu.

4) *Những vị để thu vit lại* như : hài-nhi-trà, xương đầu ba-ba, bạch-phàn, từ-thạch.

5) *Những vị để giữ lại* như : long-cốt, kha-tử, một-thạch-tử, xích-thạch-chi, cổ-túc-xác, phục-long-can.

***

8.— CHỨNG TÁO-KIẾT

Căn bệnh : U-môn ở phía dưới dạ-dầy, thêm người có bảy cửa ngõ (môn) đều ở dưới ngửa lên. U-môn ngửa

Tìm sách

lên hấp-môn, hấp-môn tức là cuống họng chủ về hơi (khí hội áp ở trên cổ che thức ăn uống (hội áp là tên riêng).

Một khi khí hút vào không về được tạng can, tạng thận mà bị âm-hoả cự lại nên nghẹn cách không thông, khí âm nặng mà không được nhẹ (trọc-âm) nay không xuống được mà đại-tiện khô ráo không vận hành, thấp khí của dạ-dầy và âm-hỏa đều ở trung-tiêu mà thành ra đầy bụng, thì nên trách cứ ở u-môn.

Nội-kinh nói: « tạng thận khai khiếu ra đại-tiểu-tiện, như vậy tạng thận hư yếu thời tân dịch kiệt mà đại-tiện táo. »

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Chứng này phần nhiều bởi khí ở dạ-dầy thương tổn không chuyển vận được, hay là vì ăn nhiều thức cay thúc nóng thời âm huyết khô, tân-dịch thiếu.

Phân biệt ra thì hư thực khác nhau :

Vì dạ-dầy lạnh (vị thực) thời hoặc nhân gió lạnh, hoặc nhân ở trong có hỏa, thấp nhiệt uất lên mà táo kết có từng thời gian.

Vì dạ-dầy hư yếu (vị hư) ăn uống vốn ít hay là sau khi bị thổ tả hay sau khi phát hãn mà tân-dịch thiếu, hay vì tuổi già huyết kém, hoặc sản hậu ra nhiều huyết, thời đại tràng không nhuận mà thành ra táo kiết.

Là *nhiệt-bí* thời mặt đỏ người nóng, 6 bộ mạch *sác* và *thực*, ăn uống muốn dùng thức mát hay là miệng lưỡi lở ra.

Tìm sách

Là *lãnh-bí* thời sắc mặt trắng hay đen, sáu bộ mạch *trầm* và *trì*, tiểu-tiện trong mà dài, thế là vì khí lạnh ở tràng vị mà không thông lợi được, chứ không phải là phân khô táo, bệnh nhân trong bụng có khí công kích trở lên, ưa nóng, ghét lạnh.

Vì phong mà bí kết là phong ở tạng phế rồi truyền lên đại-tràng.

Vì khí mà bí kết là khí không thăng giáng, nên khí của ngủ cốc không vận hành được.

Vì huyết mà bí kết là huyết thiếu tân dịch không đầy đủ.

Chứng bí kết về lạnh nóng tức là « dương-kết » thời ăn được là mạch « thực » và « sác ».

Chứng bí kết về lạnh tức là « âm-kết » thời không ăn được mà mạch « huyền » và « vi ».

HƯ HAY THỰC

Là hư-chứng thì mạch « trầm » « vi » vô lực, hay là bệnh nhân vốn yếu hoặc nhiều tuổi hay ốm rồi mới khỏi, hoặc mới sanh huyết thiếu, tân dịch kém, không khát, không đầy trướng, thời nên đại bổ khí huyết để nhuận đi.

Là thực-chứng thời mạch « phù » và « xác » bệnh nhân vốn khỏe mạnh, hay ăn thức nóng, thức nướng, hỏa uất ở đại-tràng mà khát hay đầy, ăn được, tiểu-tiện đỏ.

Tìm sách

TỐT HAY XẤU

Chữa chứng nầy nếu không biết thấm nhuần mà chỉ dùng thuốc cho thông lợi, thời khí huyết càng kém, rồi đi cầu phân như cứt dê, mà nguy vong đến nơi.

Chứng dương-kết mạch « trầm » và « xác » hay « xúc ». Chứng âm-kết mạch « phục » và « trì » hay « kết », người già yếu mà mạch như chim sẻ mổ (trước trác) đều không chữa được.

PHÉP CHỮA

Người già và người mới sanh hay là sau khi ra mồ-hôi nhiều hay là đi ỵ mà tiểu-tiện nhiều quá, hay là sau khi ốm nặng, khí huyết chưa lại, thời nên bổ dưỡng khí huyết mà không được dùng đại-hoàng, mang-tiêu, ba-đậu, khiên-ngưu.

Ông Đan-Khê cho rằng : « nếu là dương thịnh thời bí, nếu là âm suy thời kết, chỉ nên sinh huyết để thấm nhuần mà không nên dùng thuốc hạ ».

Mạch « phù » là bởi khí, thời nên dùng những vị hạnh nhân trần-bì, mạch « trầm » là bởi huyết thời nên dùng những vị đào-nhân, trần-bì. Sở dĩ đều dùng vị trần-bì vì tạng phế bởi đại-tràng tương thông với nhau, khí tạng phế có giáng xuống thì đại-tràng mới thông, có khi nên dùng thêm những vị để hoạt nhuận như ; ma-nhân, bách-tử-nhân, dương-quy, nhục-thung-dung.

Tạng thận khai khiếu về đại-tiểu-tiện, đại-tiểu-tiện đi

Tìm sách

ra nhiều là bởi tạng thận, thời một khi không thông lợi, lại không ở tạng thận hay sao ?

Cũng có khi bệnh nhân là chứng thực thời phải dùng những vị như đại-hoàng, mang-tiêu, hậu-phác, chỉ-thực, bài *đại thừa khí* bài *tiểu thừa khí* v.v...

Bệnh nhân muốn ngồi trong giếng nước, mạch hay bộ xích hư yếu hay « trầm-tế » mà « trì », chỉ dùng bài *lý-trung-thang* sắc để thật nguội mà uống, nếu không có hiệu cũng không dùng được thuốc mạnh, mà chỉ nên dùng phép thông khoan rồi điều bổ khí huyết, một khi khí đã mạnh, thời đẩy được cặn bã trở ra, mà không nên dùng thuốc mạnh để bắt ra chứng hư thoát.

Những vị thuốc dùng về chứng này :

1) *Những vị để rửa sạch tràng vị như* : đại-hoàng, hậu-phác, mang-tiêu, chỉ-thực, binh-lang, ba-đậu.

2) *Những vị để thanh hỏa như* : hoàng-cầm, hoàng-liên, long-đảm, sơn-chi, hoàng-bá, tri-mẫu, thanh-đại.

3) *Những vị để mềm nhuận như :* ma-nhân, đào-nhân, hạnh-nhân, bạch-mật, hương-du, tô-tử.

4) *Những vị bổ huyết nhuận táo như :* xuyên-khung, đương-qui, sinh-địa, hồng-hoa, a-giao.

5) *Những vị để giúp chân âm và nhuận táo như :* thục-địa, cao ban-long, cao-kỷ-tử, nhục-thung-dung và sữa người.

Tìm sách

Tập Đinh

MỤC LỤC

1. — Chứng quan-cách. 2. — Chứng nghẹn, tắc, bĩ, đầy và buồn. 3 — Chứng nấc (ách-nghịch) 4 — Chứng ẩu-thổ (thêm chứng ọe ngược lên). 5 — Chứng ợ hơi (ái-khí) thêm chứng lợm lòng (ở tâm). 6. — Chứng nuốt nước chua hay thổ nước chua, thêm chứng táo-tạp (nôn nao trong bụng). 7. — Chứng nghẹn cách và phiên vị. 8. — Chứng huyết.

***

1.— CHỨNG QUAN-CÁCH

Căn bệnh : Chứng này bởi hàn ở trên, nhiệt ở dưới, tam tiêu (thượng tiêu, trung tiêu, hạ tiêu) rối loạn, khí ở trong không đầy đủ, khí âm khí dương không giúp lẫn nhau.

Nội-kinh nói : « sự truyền hóa không vận hành, trên dưới không đi đôi với nhau thời thuốc hay cũng khó chữa ».

Cổ thư nói : « chứng quan-cách là trên dưới không thông với nhau vì hàn ngăn cách lại ». Mạch thời hai bộ thốn đều mạnh, còn bốn bộ khác, sau vài hôm cũng *phục* mà

TimSách

trầm, thế là hàn từ thiếu-âm thần-kinh, khí âm thịnh ở dưới, khí dương bức lên trên, thế là chứng dương mà gọi là quan-cách.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Quan là đại-tiểu-tiện đều bế, là chứng uất nhiệt vì nhiệt ở hạ tiêu bế tắc không đi được.

Một thuyết nói : « quan là khí âm thịnh lắm, cho nên đóng lại mà tiểu tiện không đi được. Cách là thổ ngược lên mà nước và thức ăn không lọt xuống, thế là hàn khí ách tắc ở giữa ngực, ngăn lại không đi được.

Lại có thuyết : cách là dương thịnh quá cho nên ngăn cách mà ăn không được, chứng ấy chợt phát ra là bạo bệnh, ở ngực như có hơi vướng lại, muốn thăng không thăng, muốn giáng không giáng, muốn ăn không được, uống nước một lát lại thổ ra, uống nước nóng thời thổ ngay, uống nước lạnh thời một lát cũng thổ, có khi uống một chén, thổ ra nửa chén, môi khô, mắt quầng đỏ, mặt đỏ hay không. Hơn nữa, bụng trên đau hay không đau.

HƯ VÀ THỰC

Bệnh này bởi dương thịnh âm kiệt, nhưng mới thụ bệnh mà người mạnh thời là khí thực, cũng tạm nên dùng thuốc thông đạt.

TỐT HAY XẤU

Hiện chứng như sau thời không chữa được :

Tìm sách

1) Đầu và mặt ra mồ-hôi.

2) Tiểu-tiện bế vít.

3) Tiểu-tiện đi nhiều (khí dương mất ở trên, khí âm mất ở dưới).

PHÉP CHỮA

Nội-kinh có nói : Mạch « nhân-nghinh » mạnh hơn mạch « khí-khẩu » bốn lần gọi là *cách-dương*, mạch « khí-khẩu » lớn hơn mạch « nhân-nghinh » bốn lần gọi là *quan-âm*. Mạch nhân nghinh cùng mạch thốn đều mạnh hơn lúc thường bốn lần trở lên là chứng *quan-cách*. Mạch của chứng quan-cách, nếu yếu không đầy đủ với tinh khí của trời đất thời chết mà chữa cũng vô ích. »

Sách Cảnh-Nhạc có nói : « chỉ có mạch « nhân-nghinh » thịnh, là bệnh ở lục phủ của tam-dương, chỉ có mạch « thốn-khẩu » thịnh là bệnh ở ngũ tạng của tam-âm. Chứng quan-cách là âm dương thiên thịnh, khí dương trơ vơ, thực là âm dương bại kiệt. chỉ dùng thuốc bổ mạnh cho âm dương may cứu được một phần trong muôn phần ».

Quan là không ra được, cách là không vào được, bệnh đó khẩn cấp không thể trì hoãn, vậy là chứng thực mới tạm thời phải thông đi, tức là bổ mạnh để công tả khí.

Tôi xét chứng nầy ít khi người khoẻ thụ bệnh. Bệnh bởi khí âm khí dương không tương thông, trên giả nhiệt, dưới thật hàn, thời phép chữa nên bổ hỏa ở mệnh-môn. Chứng quan cách có đờm thời phải dùng phép cho thổ ra để đem khí lên. Như bài « nhị-trần-thang ».

Tìm sách

Hàn khí kết ở ngực, trên dưới không tương thông, thời dùng hành củ, gừng sống, củ cải, tỏi giã nhừ ra điều với rượu giải lên trên lá, rồi thấp hương thổi vào trên lá ấy cho ấm lên, để bệnh nhân được nhẹ, rồi hãy cho uống thuốc. Những chứng cần cấp như là chứng đau bụng như vặn ra và bí đau, đều dùng phép rịt lá thuốc kề ở trên rất hay.

Chứng nầy rất nên dùng bài *bát-vị* thêm mạch-môn, ngũ vị, ngưu-tất và bội nhiều phụ-tử, nhất thiết kỵ những vị thuốc thấp ráo như trần bì, bán-hạ, phụ-linh, bạch-truật.

Bệnh nặng ngửi thấy thức ăn là thổ, một giọt nước cũng không lọt xuống, thời trước hết dùng gừng khô và bạch-truật nấu với cháo cho uống ít một, hay là đem hoàng-thổ sao với gạo nếp cho thơm lên để gần mũi cho yên khí ở dạ-dày rồi sẽ uống thuốc, bởi khí ở trong không vận hành thời dùng thuốc bổ khí cho thăng giáng.

Chứng nầy nên dùng bài « *bạch-thông thương* » của ông Trọng-Cảnh mà theo phép uống nguội Nội kinh nói: « chữa chứng hàn nhiệt trái ngược, thì thuốc nóng là nhiệt phải uống lúc đã nguội » nghĩa là uống nguội để hợp với hàn khí cho khỏi thổ ra, khi thuốc đã lọt xuống thì tính ôn nhiệt mới phát ra thì mới có công hiệu.

« *Bạch-thông-thang* » là một bài thuốc có hoà thêm phân người và mật lợn là mặn đắng và hàn cho đồng khí, để hàn ở thượng-tiêu khỏi chống cự ngăn cách. Uống rồi, mạch thấy dần là sống và thấy ngay là chết. Ông Tiết-Trai có bài thuốc « *hồi-dương phản-bản thang* » cũng

Tìm sách

rất thần diệu. Bệnh khỏi rồi thường uống bài « *bát-vị-thang* ».

Những vị thuốc dùng về chứng quan-cách :

1) *Những vị để tam thông đi* như : bán-hạ, phục-linh, bối-mẫu, trầm-hương, chỉ-xác, chỉ-thực, sinh-khương, trần-bì, bạch-truật, bình-lang, ô-dược, mộc-hương, sa-nhân, hậu-phác, hương-phụ.

2) *Những vị để bổ mạnh* như : nhân-sâm, bạch-truật, phục-linh, đương-quy, bạch-thược, sinh-địa, nhục-quế, khởi tử, mộc-hương, sơn-dược, bách-tử-nhân, ngưu-tất, mạch-môn.

∴

2.— CHỨNG NGHẸN-TẮC BĨ, ĐẦY, BUỒN

Căn bệnh : Nghẹn tắc, bĩ, đầy, buồn đều bởi ở khí, nhưng nghẹn tắc là lúc mới mà khí trệ, còn bĩ buồn là trệ đã lâu, lại bởi sốt thương-hàn uống thuốc hạ để tà khí vào tạng tâm mà thành ra chứng bĩ (hạ nhiều thời mất chân âm, tạng tâm yếu thời tà khí vào huyết phận cho nên dưới ngực bĩ đầy.

Cũng có người vì các bệnh khác mà uống nhiều thuốc hạ để mất chân âm huyết của tạng tỳ.

Có người vì khí ở trong hư yếu không vận hóa được mà thành bĩ.

Có người vì ăn uống đàm trệ mà thành bĩ.

Tìm sách

Có người vì thấp nhiệt, tỳ thổ lấn tạng tâm mà thành bĩ.

Khí dương thăng ra khiếu ở trên cho nên ở trên đầy thì là khí mà không phải vật gì. Khí âm thông xuống khiếu ở dưới, cho nên ở dưới đầy, là vì vật gì chứ không phải vì khí, đều là chứng nhiệt. Duy có chứng lãnh kết ở bàng quang, bụng dưới đầy lên, chân tay giá lạnh, thời là hàn.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Cổ-họng tắc lại, dương khí không lên được, thì gọi là « tắc », âm khí không xuống được thời gọi là « ế » (nghẹt). Vì thất tình uất kết không tuông thải, ở ngực cách mà mê buồn thời gọi là « bĩ ». Còn mãn là ngực và bụng to buồn mà không thư thái, chứ không phải là no đầy (trướng mãn) tức là dưới ngực bị sắc xoa vào không đau.

HƯ VÀ THỰC

Hình thể khí lực yếu, mạch vô-lực, đại-tiện dễ đi là *hư*. Tạng tỳ khí lực mạnh, mạch có lực, đại-tiện khó đi hay bế là chứng *thực*.

TỐT HAY XẤU

Chứng này bởi nội thương thời nên chữa ngay, nếu để lâu sẽ thành chứng phiên-vị, quan-cách.

Tìm sách

Vì ngoại cảm mà tà khí truyền vào đến ngực là chứng nửa ở ngoài biểu, nửa ở trong lý, thì phép chữa nên hòa giải.

Vì uống thuốc hạ rồi đầy ngực và đau là « kết-hung » (kết ở ngực) nếu không đau là bĩ-mãn, chữa theo phép chữa thương-hàn (ngực đầy đã uống thuốc hạ là chứng « kết-hung », chưa uống thuốc hạ là tà khí vào kinh thiếu-dương).

Các chứng bệnh khác, như ăn uống tích lại mà dùng nhiều hay uống lầm thuốc hạ, thì chân âm của tỳ vị mất đi, đến nỗi khí ở trên ngực hãm trở xuống, thời nên điều lý tỳ vị và thêm thuốc bổ huyết, chứng này nếu dùng thuốc bổ khí thì khí giáng mà chứng bĩ tăng lên, lâu ngày thành chứng « cổ-trướng ». Là vì chứng bĩ lấy bởi ở huyết phận, mọi người chỉ biết dùng những vị chỉ-xác, cát-cánh, binh-lang để hành khí mà không biết dưỡng chân âm, bổ chân huyết thật là đáng tiếc.

Người không sốt nóng, mạch không « hồng-đại » mà lại « thực » chỉ thấy trong ngực đầy lắm (mãn) thế là khí không có căn bản bốc ngược trở lên, là chứng hư yếu lắm. Vì ngực là nơi để chứa khí, thời nên dùng phép chữa « tắc-nhân-tắc-dụng » nghĩa là đã tắc thời lại dùng thuốc để tắc lại, thế là lấy bồ làm tiêu, mà không được dùng thuốc để thổ hay hạ.

Phép đời xưa dùng hoàng-cầm hoàng-liên, chỉ-thực để vợi nhẹ đi, hậu-phác, bán-hạ, gừng sống để tản đi, sâm, truật để bổ, phục-linh, thạch-tả để thấm thấp, thế là dùng thuốc bổ để tiêu, thời chứng hư bĩ (bí hơi) tự khắc khỏi.

Chứng bĩ bởi huyết thời dùng những vị như hồ-đào, hồng-hoa, hương-phụ, đại-hoàng là đem huyết để điều

Tìm sách

lý tỳ-vị. Nếu chỉ dùng thuốc hành khí thời chứng bĩ hơn lên mà thành chứng trung-mãn cổ-trướng. (Chữa chứng bĩ không nên dùng thuốc bổ khí là phép của ông Đông-Viên).

Bổ tạng tỳ, hòa cho dạ-dày, thanh hỏa tiêu đờm thì nên uống bài « *quất liên chỉ truật hoàn* ». Điều hòa trung-châu, bổ khí huyết, tiêu bĩ, thanh nhiệt, thời nên uống bài *bình bổ chỉ truật hoàn.*

Những vị thuốc dùng về chứng này :

Để điều bổ khí huyết như : Sâm, linh, truật, thảo, qui, thục, thược.

Để thanh hỏa hóa đờm như : Mộc-hương, chỉ-xác, chỉ-thực, hậu-phác, sa-nhân, sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, hoàng-cầm, hoàng-liên, trần-bì, bán-hạ, phục-linh.

***

3.— CHỨNG ÁCH-NGHỊCH (Nấc ngược lên).

Chứng nầy có sách gọi là « *khái-nghịch* » (ho ngược lên), có sách gọi là « *ế khí* » (ọe hơi).

Căn bệnh : Chứng nầy bởi dạ-dày lạnh, làm bế tắc khí dương không thông được, cũng có người bởi trên hoành-cách-mô có đờm vì uất giận, đờm và nhiệt va chạm nhau, khí không giáng được mà thành bệnh.

Cũng có người vì ở bụng dưới lạnh quá bức bách hỏa lên trên, nấc từ dưới rốn trở lên, đó là âm-chứng.

Tìm sách

Có người vì ốm rồi, ngũ tạng đều yếu, thăng giáng thất thường, cho nên nấc từ hạ-tiêu trở lên.

Có người vì yếu rồi khí ở trung-châu hư tổn, rồi tà khí trở vào, tà khí và chính khí va chạm nhau rồi bốc ngược lên mà nấc.

Người ta nhờ khí ở tỳ-vị, một khi tỳ vị thụ thương thì tạng can là hành một lấn đi, một đem hỏa trở lên mà thành nấc, đó là chứng hư yếu lắm, cho nên Nội-kinh có nói: « các chứng nấc oe ngược lên đều thuộc về hỏa », đó là hỏa ở dạ-dày xông lên.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Nấc từ trung tiêu trở lên, là khí của thức ăn không vận hóa, thời ngắn tiếng, mà ăn vào là phát bệnh, đó là bệnh vì ăn uống.

Nấc từ hạ-tiêu trở lên, là khí ở trung châu không đầy đủ thời dài tiếng, không ăn cũng nấc, đó là vì hư hỏa.

HƯ HAY THỰC

Bởi tỳ-vị thụ thương hay là ốm rồi mới khỏi tỳ-vị yếu thời phần nhiều mặt xanh, người mát.

Bởi khí ở trong hư yếu quá, hay là uống nhiều thuốc hạ, tỳ vị hư yếu mà âm hỏa bốc lên đều là *chứng hư*.

Vì ngoại cảm dạ-dày ráo, hay là vì giận dữ nhiều, ăn no nhiều, thời phần nhiều mặt đỏ, chân tay yếu, đại tiện bế.

Có người vì đờm ngăn trở. Có người vì ứ huyết, có

Tìm sách

người vì hỏa uất, có người vì dạ-dày nóng, thời đều là *chứng thực*.

Tóm lại, phải căn cứ vào bệnh nhân vốn là khỏe hay yếu, già hay trẻ, mạch hư hay thực, để phân là hư chứng, thực chứng.

Có sách nói: Nấc liên thanh là chứng thực, dễ chữa, thỉnh thoảng mới nấc là chứng hư khó chữa.

TỐT HAY XẤU

Bệnh hoạn đã lâu, trên trán ra mồ-hôi, mà phát nấc không chỉ là tạng thận tuyệt.

Mạch của tạng phế « tán, đại » là chết.

Mạch của tạng phế thấy « sái » là hành hỏa khắc hành kim tất chết.

Người sản hậu bị nấc là chứng nguy.

PHÉP CHỮA

Nấc ở trung-tiêu tiếng ngắn mà nhỏ là dễ chữa. Nấc ở hạ-tiêu tiếng dài mà lớn là khó chữa.

Là thực hỏa thời dùng những vị hoàng cầm, hoàng liên, đinh-hương, thị-đế là được.

Còn như « hư hỏa » (hỏa bị yếu bốc lên) mà nấc từ rốn trở lên, thời không dùng được thuốc mát, chỉ nên uống bài *lục-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, hồ-đào, phá-cố để đem khí về tạng thận là khỏi.

Họ Đới có bàn: chứng nấc vì nhiệt chỉ người mắc

Tìm sách

bệnh thương hàn mới có. Ngoài ra đều là chứng hàn, thời bài « *bán-hạ sinh-khương thang* » rất hay.

Sách Vi-Nghĩa có nói : « chứng nấc bởi âm khí đã yếu, dương hỏa xông trở lên, ra ở dạ dày, vào ở tạng phế mà thành tiếng ». Tôi xét ông Đông-Viên dùng thuốc mát là để tán hỏa. Còn âm chứng mà nấc là âm khí đã kém, dương hỏa cũng kiệt, bốc lên trên ngực mà muốn tản ra, thời không nên dùng thuốc mát, phải dùng thuốc ôn để nuôi tỳ-vị, giữ dương khí lại. Một khi ở dạ-dày đã hòa, khí dương sinh ra thời khí âm vượng lên.

Nếu bệnh mới phát, mà là chứng thực, vì đờm, vì hỏa, vì ăn uống, thời thông dụng bài « *nhị-trần thang* ».

Sau khi ốm, hay ốm đã lâu mà phát ra chứng này thời là hư hàn, nên dùng bài *lục-quân-tử* hay là bài *đinh-hương thị-đế, trúc-lịch thang* thêm vị bào-khương, phụ-tử, bạch-truật, phục-linh.

Nếu bởi tạng thận yếu mà lạnh, thời nên dùng bài *bát-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất.

Nếu ốm rồi mà nấc là khí hư yếu lắm, hư mà là nhiệt thời dùng những vị : nhân-sâm, trúc-lịch, trần-bì, cam-thảo, gừng và táo. Hư mà là hàn thời những vị sâm, truật, bào-khương, trích-thảo, phụ-tử, đinh-hương, thị-đế.

Nấc mà đại-tiện bế, mạch « trầm » nên dùng bài *điều vị thừa khí thang*.

Nấc mà dưới ngực kinh giật, nên dùng bài *nhị-trần* thêm nam-tinh (đã sao), mộc-hương, trúc-lịch, nước gừng, đinh-hương, thị-đế.

Tìm sách

Những vị thuốc dùng về chứng nầy :

1) *Những vị để thanh hỏa, giáng hỏa* như : **hoàng-cầm, hoàng-liên, sơn-chi, trần-bì, trầm-hương, hoắc-hương, thị-đế, trúc-nhự.**

2) *Những vị để ôn trung bổ hư* như : **nhân-sâm, đinh-hương, hồ-đào, chích-thảo, ngô-thù, hồi-hương, bạch-truật, phục-linh.**

3) *Những vị để tiêu thực hoá đờm* như : **mạch-nha, sơn-tra, thần-khúc, bán-hạ, nước gừng.**

***

4.— CHỨNG ẨU-THỔ (ọe nôn)

(thêm chứng ọe ngược lên)

Căn bệnh : Nội-kinh nói : « các chứng ọe ngược xông trở lên đều thuộc về hỏa », nhưng có phân ra âm-chứng, dương-chứng, hư-chứng, thực-chứng.

Thổ trước rồi mới khát là muốn cho giải đi, khát trước rồi mới thổ là có nước đình tích ở dưới ngực, nay lại không khát là ở dưới ngực còn nước.

Dạ-dầy có ôn mới vận hoá được, nay hư yếu tức là chân hỏa kém mà bốc lên (hư-hoả) chứng này phần nhiều vì dạ-dầy hàn.

Tìm sách

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Ẩu là oẹ, không ra vật gì và có tiếng, thổ là nôn, có ra vật gì mà không có tiếng. Nhưng có người vì đàm cách ở trung-tiêu thức ăn không xuống được. Có người vì khí không thuận xuống. Có người vì khí lạnh nấi ở dạ-dầy. Có người vì khí trệ ở tạng tâm, tạng phế thức ăn mới không lọt xuống được. Có người vì dạ-dầy có hoả hay đàm. Có người vì khí lạnh phạm vào đại-tràng và dạ-dầy, khí ấy ngược lên mới đau mà nôn oẹ. Có người ăn vào là oẹ là vì thức ăn vào dạ dầy không vận hoá kịp mà oẹ ra. Có người vì cuống lưỡi cứng ra hễ ăn vào là oẹ (vì lưỡi thuộc về tạng tỳ, nây kinh túc-thái-âm là tạng tỳ thụ bệnh).

Ngoài ra, còn có người vì thượng tiêu thương phong (cảm gió độc) mà bế tắc lại, thổ trước tả sau, người sốt, đau bụng, gọi là chứng « *lậu-khí* ».

Có người vì hạ-tiêu thật nhiệt, đại-tiểu-tiện đều không thông, khí không tiếp tục được mà oẹ ngược lên không ngừng, gọi là chứng « *tầu bô* » (chứng này há miệng, oẹ tiếng to, là khí ráo và nóng sông lên dạ-dầy).

Còn oẹ ra thấy đắng là tà khí nóng ở mật. Oẹ ra nước trong phần nhiều là chân khí hư yếu. Thổ ra trùng giun là dạ dầy lạnh.

HƯ HAY THỰC

Người vốn yếu mà có bệnh nầy, là vì hỏa ở mệnh-môn hư yếu không nung nấu được tạng tỳ, mà dạ-dầy không nạp được thức ăn, thế là dạ-dầy hàn mà là *hư chứng*.

Tìm sách

Bệnh nhân vốn là khỏe, vì thương thực mà tạng tỳ không vận hóa được, hay vì thương phong mà dạ-dầy bị thấp nhiệt, hay vì đàm hoặc thức tanh ở cổ-họng, hay là ngửi thấy mùi hôi, như trên mà ọe và nôn đều là *thực chứng*.

TỐT HAY XẤU

Chứng ọe nôn mà đau bụng lắm, sắc mặt như là dau là chết (thuộc về chứng chợt thấy nôn ọe, chứ không thuộc chứng phiên-vị).

Mạch « hư » hay « tiểu » là tốt, « thực », « đại » là xấu.

Nôn ọe mà mạch « nhược », tiểu-tiện đi nhiều, người thấy hơi sốt, chân lạnh là chết.

Hồng-vựng (1) thổ nhiều khát uống nước lạnh là chết (chứng này chỉ uống nước đái trẻ em để thanh đi).

(1) Hồng vựng : phải chăng là mặt đỏ hồng lên.

PHÉP CHỮA

Nôn oẹ thì phải khát, không nên thấy khát mà luận cả là hỏa nhiệt, mà cho uống thuốc hàn lương. Lại trong bụng không còn thức ăn uống thì thành hư-nhiệt mà không phải thực-nhiệt.

Chữa chứng này cần nên điều hòa, nếu cho uống thuốc cay và ôn (tân ôn) thì càng ráo, cho uống thuốc mạnh thì tỳ-vị yếu đi. Nếu thấy mặt đỏ sợ nóng phiền táo uống nước nhiều, mạnh « hồng-hoạt » hay là « huyền-sác » mới là hỏa-chứng.

Tìm sách

Gừng sống là thánh dược chữa chứng nôn ọe, vì tản được khí ngược lên.

Chứng này kiêng uống những vị thuốc có dầu như : qua-lâu-nhân, hạnh-nhân, la-lạc-tử, tô-tử.

Chứng này thường kiêng thuốc lợi tiểu-tiện, nhưng nếu tiểu-tràng, bàng-quang vì nhiệt mà không thông, ngăn cách thức ăn mà nôn ọe, thì cũng phải dùng thuốc để thông lợi tiểu tiện.

Tóm lại, ở thượng-tiêu có nhiệt thời nên thanh, ở trung-tiêu có đình trệ thời nên tiêu, vì hư yếu quá mà váng đầu thời nên bổ. Nếu bởi hạ-tiêu hư hàn thì càng nên ôn bổ. Chứng thổ ra dây cả huyết, thời lại phải bổ chân âm để nén khí xuống.

Chứng ọe khan nên lợi tiểu-tiện để khí ở tạng phế đem xuống. Nếu trong hàn ngoài nhiệt mặt đỏ phiền táo mà ọe khan, mạch « vi » chưa tuyệt, thời phải uống bài « *tứ-nghịch* ».

Thổ ra giun là trong dạ-dầy lạnh. Sở dĩ thuốc chữa thổ không được khỏi, là gì giun gặp thuốc thời động lên, động thời không nạp được thuốc mà nôn cả ra, như vậy phải uống vị xuyên-tiêu để dẹp giun xuống, hay là uống vị ô-mai để an trùng, rồi mới uống thuốc chữa thổ.

Ông Khiết-Cổ theo về tam tiêu mà phân ra vì khí, vì tích, hay vì hàn.

Thổ từ thượng-tiêu là về khí, thời mạch « phù » mà « hồng », ăn rồi là nôn mạnh, khát uống nước lạnh, phép chữa nên giống khí hóa trung.

Thổ từ trung-tiêu là vì tích, khí và thức ăn va chạm

Tìm sách

nhau, hoặc đau bụng rồi mới thổ, hoặc thổ rồi đau bụng, mạch « phù » mà « huyền », phép chữa nên trừ tích hòa khí.

Thổ từ hạ-tiêu thì buổi sáng ăn là buổi chiều thổ, buổi chiều ăn là buổi sáng thổ, tiểu-tiện đi nhiều, đại-tiện không thông, mạch « đại » mà « trầm-trì » đều là chứng hàn, phép chữa nên thông đi và ôn cho hàn khí, chủ về bài « *bán-hạ sinh-khương, đại-hoàng thang* ».

Chứng thổ mới phát thì bệnh ở trên, thổ càng lâu ngày thì bệnh càng ở dưới, sách cổ thông dụng bài *bán-hạ, sinh-khương thang*, riêng ông Đông-Viên cho là : vị sinh-khương chỉ chữa về chứng ngoài biểu mạnh mà khí trệ. Còn người nào tỳ-vị hư yếu, thời phải chữa bằng sâm, truật, vì thế bệnh nhân uống bài *tiểu-bán-hạ* không khỏi, mà uống bài *đại-bán-hạ* thang là khỏi ngay. Nếu có hàn thì ưa nóng ghét lạnh, chân lạnh, mạch « tiểu ». Có nhiệt thời ưa lạnh ghét nóng, ráo khát mạch « hồng ». Có khí trệ thời đầy trướng, nhiều đàm, gặp lạnh thời phát bệnh. Có thực tích thì dùng thuốc để tiêu đi. Nếu các thứ thuốc đều không hiệu, thì phải dùng những vị có tính chất nặng để nén xuống, như bài *linh-sa-đan, dương chính đan*. Nếu bệnh lâu hư yếu quá, thì nên dùng những vị bạch-truật (sao gần đen), trần-bì, phục-linh, bán-hạ, trích-thảo, gạo lâu năm, hột ý-dĩ, mạch-nha sắc uống.

Theo ý tôi, chứng này dù ông Khiết-cổ phân ra bởi khí, bởi tích và bởi hàn, nhưng ta nên để ý về tán hàn khí ở hạ-tiêu, rồi điều hòa ở trung-tiêu là khỏi. Vì rằng hỏa ở mệnh-môn trong tạng thận suy kém thì không nung nấu được thức ăn ở tỳ-vị, nên trên ngực trướng

Tìm sách

cách mà thành bệnh, tức là ăn lâu rồi lại nôn là bởi không có hỏa như cổ-thư đã nói.

Vì thế, nên dùng bài *bát-vị* để bổ hỏa ở mệnh-môn mà giúp cho tỳ-thổ, rồi uống tiếp bài *phụ-tử lý-trung thang* thời thật là vạn toàn. Nếu chỉ dùng những vị sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc hay là bài *bình-vị* để tiêu thức ăn thì thêm háo mà chóng chết.

Lại có người, vì hoả ở tạng can cũng thành ọe mà thức ăn không lọt vào được, nhưng ọe ra nước chua, hay đắng, hay là nước như chàm xanh, chỉ có đại-tiểu-tiện không bí, cũng có đau bụng trên, thế là chứng tâm hỏa và can mộc nất lên, thời nên dùng vị ngô-thù và hoàng-liên sắc nước đặc nuốt dần rồi dùng bài *tiêu-dao-tán*. Khỏi rồi uống bài *lục-vị-hoàn*. Nếu là chân dương hư yếu thời nên uống bài *bát-vị*, thêm vị ngũ-vị và ngưu-tất. Sở dĩ uống bài *tiêu-dao* là vì chứng nất thì phải mở mang.

Xét ra trong dạ-dầy có nhiệt, trên hoành-cách-mô có đàm, thời nên uống bài *nhị-trần* thêm sơn-tra, hoàng-liên, và gừng sống.

Người ốm đã lâu mà nôn ọe là tỳ-vị yếu, nên uống những vị nhân-sâm, bạch-truật, gừng nướng v.v... để bổ tỳ-vị.

Nếu ưa nóng sợ rét, bốn chân tay giá lạnh, sáu bộ mạch « trì », « tiểu », và « nhược », như thể chứng thương hàn, nên uống bài *nhị-trần* thêm mười cái đinh-hương, hơn nữa uống bài *phụ-tử lý-trung thang* mà đều phải uống nguội.

Tìm sách

Nếu ưa lạnh ghét nóng, phiền táo uống nước nhiều, mạch « sác » mà « hồng », nên uống bài *nhị-trần* thêm hoàng-liên tẩm nước gừng, sơn-chi sao đen, lá tỉ-bà-trích và trúc-nhự, cát-căn, gừng-sống điền thêm nước rễ cây lau (lô-căn) mà uống.

Người hơi ngũ cốc là oẹ mà uống thuốc cũng oẹ, mạch về bộ quan thấy « hồng », đều nên dùng nước lô-căn để chữa chứng nhiệt.

Bệnh nhân mặt đỏ miệng ráo, nhức đầu, lợm lòng, phiền táo không yên, thời nên dùng bài *nhị-trần* thêm hoàng-liên sao với nước gừng, chi-tử sao. lá tử-tô, và cát-căn sắc nước uống nóng.

Ăn vào một lát là thổ cũng gọi là ẩu, thì uống bài *tiểu-bán-hạ thang*. Ăn vào thổ ngay là chứng bạo-thổ (thổ dữ dội) thời uống bài *sinh-khương quất-bì thang*, ăn xong là thổ gọi là ẩu-thổ thời uống bài *quất-bì bán-hạ thang*.

Vì hàn thì ghê rét tay chân lạnh, mạch « trì », thời uống bài *nhị-trần* thêm đinh-hương, bào-khương, bệnh nặng thời uống bài *lý-trung* thêm vị chỉ sác mà uống nguội (không nên uống bài *hồng-đậu-hoàn*).

Vì nhiệt mà sợ nóng, ráo khát, mạch « hồng », thời uống bài *nhị-trần* thêm vị sơn-chi, hoàng-liên, trúc-nhự, lá tỳ-bà, cát-căn, gừng sống.

Khí trệ mà đầy trướng không thông, thời uống bài *nhị-trần* thêm chỉ-sác, trầm-hương.

Chứng nhiều đàm gặp lạnh là phát bệnh, trước hết lấy lá tử-tô sắc nước để uống thuốc *linh-sa-đan*, rồi uống

Tìm sách

thuốc thuận khí, hàn thời uống bài *lý-trung* thêm bán-hạ ích-trí.

Chứng « lậu-khí » thời uống bài *mạch-đông-thang*.

Chứng « tần-bồ » thời uống bài *nhân-sâm tam-hoàng thang*.

Ọe khan thời lấy vị quất-bì, gừng-sống hai vị bằng nhau sắc uống ; ọe ra đắng thời uống những vị hoàng-liên, cam-thảo, gừng-sống, trần-bì, sài-hồ, mạch tạng phế nhỏ (tiểu) thời bỏ vị hoàng-liên, thêm đinh-hương và quế. Ọe ra nước trong thời uống bài *lục-quân* hòa thêm vị xích thạch-chi. Thổ ra giun thời uống bài *lý-trung* thêm xuyên-tiêu binh-lang ô-dực.

Những vị thuốc dùng về chứng ẩu-thổ.

Những vị để thanh hỏa, giáng hỏa như : hoàng-liên, sơn-chi, hoàng-cầm, cát-căn, nước lô-căn, lá tỳ-bà, trúc-nhự, sài-hồ, thạch-cao.

Những vị để ôn bổ như : sâm, linh, truật, thảo, quế, phụ, đinh-hương, ngô-thù, gạo-lâu-năm, bạch-thược, đại-táo, bạch-khấu, nhục-khấu, ích-trí, ý-dĩ.

Những vị để hành khí, hóa trệ và tiêu đàm như : trần-bì, chỉ-sác, chỉ-thực, binh-lang, hậu-phác, hoắc-hương, sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, sa-nhân, bán-hạ, sinh-khương.

PHỤ THÊM CHỨNG ỌE NGƯỢC LÊN

Chứng này tựa như ọe khan, nhưng chỉ có tiếng nhỏ mà cũng không có thức gì. Ông Đông-Viên cho hãn chứng ọe khan vì thức ăn ở trong dạ-dày gặp khí lạnh

Tìm sách

mà phát ra, với người ốm đã lâu thời chứng này là nguy.

Chứng này tuy bởi dạ-dầy, nhưng cũng có người vì âm-khí kiệt, âm-hỏa bốc lên trên ngực, dương-khí không ngăn được mà phát ra, nên căn nguyên cũng bởi tạng thận.

Chứng này vì âm-hỏa thời khó chữa, ọe luôn là chứng thực, hàng nửa giờ mới ọe một tiếng là chứng hư, ốm đã lâu ngày mà thấy ọe và chứng ỉy, chứng sốt thương hàn, chứng sản-hậu, chứng hư-lao, đều là khó chữa.

Chứng nầy nếu bệnh nhân béo trắng, người mát thì phần nhiều là hàn, nếu gầy đen lộ cốt mà người ấm thời phần nhiều là táo nhiệt, lại phải tham khảo về mạch.

Người đời xưa chữa chứng này, đại khái dùng bài *đinh-hương thị-đế tán*, nhưng phương thuốc ấy đã không thanh được khí, nhẹ được đàm, lại không bổ được hư yếu và giáng hỏa, hơn nữa, không có sức mạnh thì sao chữa được mọi chứng ở trong bệnh ấy.

***

5.— CHỨNG ÁI KHÍ (ợ hơi)

(phụ thêm chứng ố tâm (lợm lòng)

Căn bệnh : Nội-kinh nói : « khí ẩm thấp ngăn lấp thức ăn trở xuống thì thành chứng ợ hơi ». Cổ thư nói : « vì tạng tỳ không vận hóa, trọc khí ngăn lại mà thành bệnh ».

TìmSách

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Chứng này có phân ra vì hỏa, vì khí, vì đàm, vì thức ăn, ngoài ra còn vì tạng tỳ hư hàn, vì khí hãm trở xuống.

HƯ HAY THỰC

Bệnh nhân vẫn hư yếu, khí trong sạch hãm xuống; khí xấu đem lên, hay là hỏa ở mệnh-môn suy yếu, thì nên chữa theo chứng hư yếu.

Bệnh nhân vẫn mạnh, vì ăn no, hay vì trong dạ-dầy có hỏa uất, hay trên hoành-cách-mô có đàm đặc, đều là chứng thực (bệnh mạnh).

TỐT HAY XẤU

Dù bệnh có nhiều nguyên nhân, nhưng đều bởi tạng tỳ hư yếu, nên phải để ý điều trị, nếu để lâu có thể thành chứng « quan-cách, phiên-vị ».

PHÉP CHỮA

Chữa chứng này thông dụng bài *nhị-trần*. Nếu vì khí thêm vị tử-tô, vì hỏa thêm vị hoàng-liên, vì đàm thêm vị chỉ-xác và trúc-nhự, vì thức ăn thêm vị sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc.

Nếu bởi khí của tạng tỳ hư hàn, hay là sau khi ốm nặng khí yếu mà hãm trở xuống, thì nên uống bài *lục-quân thang*. Vì sốt thương-hàn rồi mà dưới ngực bĩ, thì chữa theo chứng bĩ. Vì ra mồ-hôi nhiều hay là vì uống thuốc hạ mà phát bệnh thì chữa theo chứng hư yếu.

TimSách

Trong dạ-dầy có đàm, có hỏa, nên uống bài *nhị-trần* thêm chi-tử, hương-phụ, hoàng-liên, chỉ-sác, đàm hỏa trệ ở dạ-dầy nên uống bài *khứ đàm hoàn, nhuận-hạ-hoàn, cổ-hoàn-liên hoàn.* Nếu ợ mạnh mà khi ăn rồi đem cả mùi của thức ăn lên là bởi thương-thực và thấp nhiệt, nên uống bài *nhị-trần* thêm vị mạch-nha, thần-khúc và hoàng-liên sao, hay là bài *bảo hòa hoàn.*

Không bởi ăn uống mà thường ợ là hư yếu, nên dùng bài *lục quân-thang* thêm vị trầm-hương nhiều hơn hết, hậu phác, tử-tô nhiều vừa, ngô-thù ít hơn hết; bệnh đã lâu dùng bài *quân-khí-hoàn* hay bài *tô-hợp-hương-hoàn*, hơn nữa dùng bài *ninh-sa-đan* để nén xuống.

Những vị thuốc chữa về chứng nầy.

Những vị để tiêu thực hóa đàm : sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, trần-bì, hậu-phác, xương-truật, sa-nhân, nam-tinh, bán-hạ, cát-cách, sinh-khương.

Những vị thanh hỏa giáng khí : hoàng-cầm, hoàng-liên, chi tử, thạch-cao, trầm-hương, hương-phụ, phù-bồn hoa, tử-tô-tử, chỉ-xác, chỉ-thực, đại-phúc bì, ngô-thù.

Những vị để bổ tỳ vị : sâm, linh, truật, thảo, thảo-đậu-khấu, ý-chỉ, ích-trí-nhân.

PHỤ THÊM CHỨNG Ố-TẢM (lợm lòng).

Chứng nầy muốn thổ không thổ, muốn ọe không ọe, không có vật gì mà cũng không có tiếng. Chứng nầy bởi trên dạ-dầy có nhiều đàm (đàm ẩm).

Tìm sách

Nếu thấy thức ăn thời ghét mà lợm lòng, nên dùng bài *nhị-trần-thang* hay bài *lục-quân-tử-thang*, đều dùng gừng-sống để hạ khí, nhẹ đờm. Hơn nữa dùng bài *lý-trung thang*. Hay bài *nhị-trần thang* thêm bạch-đậu-khấu, lương-phụ, sa-nhân. Nếu không khát là dạ-dày yếu hay là lạnh, thời dùng bài *lục-quân-tử-thang* thêm sa-nhân, có hỏa thêm hoàng-liên (tẩm nước gừng sao). Dạ-dày lạnh dùng bài *lý-trung-thang* thêm trần-bì, bán-hạ, gừng-sống. Phiền khát là dạ-dày có đàm hỏa, đàm nhiều thời dùng bài *đại-tiểu-bán-hạ thang*. Hỏa nhiều thời dùng bài *nhị-trần thang* thêm hoàng-liên (đều tẩm nước gừng sao). Chứng mặt đỏ bừng lên mà lợm lòng đều chữa như trên.

Lợm lòng mà bởi dạ-dày thụ thương. Nếu là chứng hư thời dùng bài *nhị-trần-thang* thêm sâm và gừng sống. Nếu là chứng thực, thời dùng những vị chỉ-xác, sa-nhân, bán-hạ, trần-bì, bạch-đậu-khấu, hoắc-hương.

***

6 — CHỨNG THÔN TOAN, THỔ TOAN

(Nuốt nước chua, thổ nước chua).

(Phụ thêm chứng táo-tạp là trong bụng nôn nao).

Căn bệnh: Nội-kinh có nói : « kinh thiếu-dương thắng lên thời ợe nước [chua » vì rằng tạng can thuộc hành mộc, một khi hỏa thịnh thời thành ra vị chua, thế là bởi dạ-dày có thấp nhiệt, thức ăn không vận hóa được mà thanh chua (cũng như cơm hay thịt để lâu thời thành ra chua).

Tìm sách

Như vậy thời tỳ vị yếu là gốc bệnh, mà đàm hỏa là chi tiết. Thức chua ấy không thổ được thời nuốt đi là « thôn-toan », mà thổ ra là « thổ-toan ».

Chứng này sách Tố-vấn cho là nhiệt, ông Đông-Viên cho là hàn, là lẽ làm sao ? Chỉ vì trước nhiệt mà sau hàn hay là người mạnh thời nhiều hỏa mà nhiệt, còn người yếu thời hàn.

PHÂN BIỆT BỆNH CHỨNG

Thấp khí nhiều thời nuốt vào mà đại-tiện dễ đi, nhiệt nhiều thời thổ ra mà đại-tiện vít lại. Nuốt nước chua và thổ nước chua dù khác nhau, nhưng đại thể giống nhau, là vì thấp nhiệt uất ở tỳ-vị, hay là ở khoảng tạng phế và dạ-dày, khạc không ra, nuốt không xuống, hoặc vì ngoài cảm phong hàn thời nhiệt càng uất, hoặc thổ ra ngay. Hoặc muốn thổ không thổ. Hoặc uống nước nóng thời tạm đỡ, là vì phong hàn uất ở ngoài biểu, gặp nóng thời thớ thịt mở ra, thế là gốc bệnh là nhiệt mà sau là hàn, nếu nhận lầm là hàn thời không đúng.

HƯ HAY THỰC

Bệnh nhân vốn yếu, hay là dạ-dày lạnh không muốn ăn, hay là tạng thận yếu mà hỏa bốc lên, đều là hư chứng.

Bệnh nhân vẫn mạnh, vì thức ăn đình trệ, đờm hỏa uất lên mà thành bệnh là thực chứng.

TỐT HAY XẤU

Chứng này tuy bởi hậu-thiên, nhưng không chữa ngay

TìmSách

có thể thành chứng quan-cách, vả lại nuốt nước chua tuy là bệnh nhỏ, nhưng có thể thành chứng phiên-vị.

PHÉP CHỮA

Căn bệnh là nhiệt mà chi tiết là hàn, thời phải trừ nất nhiệt, tiêu thực tích, mà giúp thêm một ít thuốc nóng để dẫn đi, nhưng bệnh nhân không nên tức giận, và nên ăn những thứ dễ tiêu.

Các bệnh đã nhiệt thời nên dùng thuốc hàn, riêng chứng này phải dùng kèm cả thuốc nhiệt. Nghĩa là phải lựa theo mà chữa. Chỉ có phép dùng những vị thuốc khí và vị đều mạnh, mới biến khác được dạ-dầy.

Chữa chứng này nên dùng vị ngô-thù (ngâm nước nửa ngày) nhiều hơn hết, rồi giúp sức bằng bài *nhị-trần thang* hay bài *bình-vị tán* nếu khí nất thêm vị hương-phụ, nhiệt nhiều thêm vị hoàng-liên sao, vị chi-tử sao.

Ông Đông-Viên chữa chứng này toàn dùng thuốc ôn. Ông Đan-Khê tuy dùng vị hoàng-liên cũng thêm vị xương-truật, vị ngô-thù. Là vì hỏa có vượng lên thời tạng tỳ mới mạnh.

Chứng này dù nên dùng bài *nhị-trần* thêm vị ngô-thù mà lại thêm hoàng-liên, còn những vị xương-truật, phục-linh cũng không thiếu được.

Có người vì nất khí hại tạng tỳ, nếu là chứng thực thời dùng bài *cổ-tiêu-giao-tán*. Là chứng hư thời dùng bài *qui-tỳ* gia giảm.

Tôi thường dùng bài *bình-vị-tán* để chữa chứng nuốt

Tìm sách

nước chua và thức ăn lâu không tiêu hoá, mà đem vị thần-khúc, vị mạch-nha và gừng sống sắc nước để uống thuốc, thời không người nào không khỏi.

Thổ nước chua mà nước hơi xanh, mạch « huyền, cấp » dùng bài *nhị-trần* thêm ngô-thù, hoàng-liên, sài-hồ.

Bởi tạng can nhiệt thời dùng bài *tả kim-hoàn* thêm bạch-đậu-khấu, gừng sống, lá-tre, sơn-chi sao. Là hàn thời cũng dùng thuốc hoàn ấy mà thêm đinh-hương, trầm hương, can-khương, bạch-truật.

Những vị thuốc dùng về chứng này :

Những vị khai uất thanh hỏa như : trầm-hương, hương phụ, ngô-thù, thanh-bì, trần-bì, chỉ-xác, bình-lang, hoàng-cầm, hoàng-liên, sơn-chi, chúc-nhự, hoạt-thạch, tỳ-bà diệp.

Những vị để tiêu thực hoá đàm như : xương-truật, hậu phác, sơn-tra, mạch-nha, sa-nhân, bán-hạ, phục-linh, qua-lâu nhân, nam-tinh, cát-cánh, cam-thảo.

***

CHỨNG TÀO-TẠP (trong bụng nôn nao).

« Tào-tạp » là bởi hỏa hay đàm. Người nào quanh năm trong bụng nôn nao thời chết non, là vì trong bụng đã tào-tạp thời hẳn có thêm những chứng ợ hơi, bí đầy, lợm lòng, nuốt nước chua, rồi đến dạ-dầy đau ngăn ngắt mà là nguyên nhân chứng nấc ngược lên và chứng phiên-vị.

Hiện chứng : tựa đói mà không phải đói, tựa đau mà không phải đau, phiền nhiễu không được yên.

Chữa chứng tào-tạp phải nhẹ đàm, thanh hỏa. Nếu bệnh nhân lúc ăn có oẹ thời uống bài *chỉ-truật-hoàn*, thêm

Tìm sách

sơn-tra, mạch-nha, có nhiệt thêm vị hoàng-liên. Có nước đình trệ dùng bài *khúc-truật-hoàn*. Bụng đầy dùng bài *việt-cúc-hoàn* hay bài *hương liên danh*. Có thấp đàm mà không muốn ăn dùng bài *tam bổ hoàn* thêm xương-truật, bội nhiều vị hương-phụ. Vì thức ăn thời dùng bài *tam thanh hoàn*.

Nếu đàm bởi hỏa động lên, thời phải chữa đàm, dùng bài *nhị-trần-thang* thêm hoàng-cầm, hoàng-liên, (tẩm nước gừng sao) mà vị sơn-chi nhiều hơn hết, vì nam-tinh và bán-hạ nhiều vừa. nhiệt nhiều thêm vị thanh-đại. Vì hỏa động đến đàm thời dùng bài *khứ-đàm-hoả-hoàn*.

Cứ sang trống canh năm mà táo-tạp là bởi lo nghĩ nhiều châu huyết kém, nên dùng bài *bổ-tiếp tứ-vật thang* thêm hương-phụ, bối-mẫu, sơn-chi, hoàng-liên, cam-thảo ; bởi đàm vì hỏa động thời phải chữa đàm trước, như vị hoàng-liên sao với nước gừng, và vị sơn chi, vị hoàng-cầm, trần-bì và bán-hạ. Nếu có choáng váng (huyễn vận) không phải là khí lực kém, thời cũng là hỏa động đến đàm, hoặc uống bài *lục-quân thang* hay bài *nhị-trần thang* thêm hoàng-cầm, hoàng-liên.

Nếu không muốn ăn là thấp đàm, khí uất, nên dùng bài *nhị trần* thêm một ít xuyên khung, xương-truật, bạch-truật, hương-phụ để vừa bổ tỳ vừa hóa đàm.

Nếu ăn thức ngũ cốc mà trong bụng táo-tạp, là bởi dạ-dày yếu mà có hỏa, nên dùng những vị bạch-truật, hoàng-liên, trần-bì, làm thành thuốc viên mà uống bằng nước lã đun sôi.

***

Tìm sách

7.— CHỨNG NGHẸN-CÁCH VÀ PHIÊN-VỊ

(ăn rồi lại nôn)

Căn bệnh: Chứng này nếu ở thượng-tiêu thời bởi dạ-dầy khô ráo, chân âm thiếu mà hỏa vượng. Nếu ở trung-tiêu thời bởi lo nghĩ, tức giận, đàm khí uất ở trên cách-mô.

Cổ thư có nói: « vi giận dữ thời khí ngược lên, thức ăn không xuống được. Vì khó nhọc thời ngăn cách xuyên xúc. Vì tư lự thời tam-tiêu bế tắc, cuống-họng và cửa gà không thông. »

Có sách nói: « chứng này đều bởi nội thương, lo nặt, thất chí, ăn uống, dâm dục động đến hỏa của tạng tỳ, tạng thận, hay là vì ăn nhiều thức cay, thơm và ráo, để dạ-dày khô đi ».

Ông Tiết-Trai nói: « chứng nghẹn-cách phiên-vị đều bởi ở hỏa ». Hỏa làm ráo nước tân-dịch mà thành đàm, lúc trước cuống họng khô ăn uống không thông mà là nghẹn cách, rồi sau ăn được mà lại nôn ọe là ẩu thổ, có người thành ra phiên vị.

Có người vì tư lự quá mà động hỏa ở tạng tỳ.

Có người vì tức giận quá mà động hỏa ở tạng can.

Có người vì ăn nhiều thức nóng, thức ráo mà động hỏa ở dạ-dày.

Có người vì dâm dục quá mà động hỏa ở tạng thận.

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Ăn vào thời cuống-họng ngăn lấp, gọi là ế, tức là nghẹn.

Tìm sách

Thức ăn đến hoành-cách-mô thời không lọt xuống được gọi là cách.

Thức ăn đã vào dạ-dầy, vì hạ-tiêu không vận hóa được mà sáng ăn chiều nôn, hay chiều ăn sáng nôn, có khi tích lại đến hơn một ngày, đầy buồn khó chịu rồi ăn thức gì lại nôn ra thức ấy, hơi nôn từ dạ-dày mà ra, nên gọi là phiên-vị.

Có sách nói : « ế và cách cũng là một ».

Có sách nói : « cách và phiên-vị cũng là một ».

Có sách nói : « âm khí của ngủ tạng không xuống được thời gọi là ế, dương khí không lên được thời gọi là cách, chứng ế có thêm chứng cách là nghẹn cách ».

Có sách nói : « ế cách và phiên-vị tuy tên gọi khác nhau nhưng cùng một nguyên nhân »

HƯ HAY THỰC

Bệnh nhân nhiều tuổi hay là người vẫn suy yếu, mạch « tiểu » mà vô lực, sắc mặt vàng hay trắng mà khô, và chứng ăn đã lọt vào mà lại nôn ra, đều là chứng hư.

Người mạnh hay là còn ít tuổi, mạch « đại » mà có lực, sắc mặt hồng hào, và thức ăn không lọt vào được, thời là chứng thực.

TỐT VÀ XẤU

Chứng nầy mà đại-tiện khó đi là khó chữa. Còn chứng nghẹn mà nước bọt trắng, phân khô như phân dê, ngực

Tìm sách

và bụng nôn nao mà đau như dao cắt ra, hay là người đã nhiều tuổi đều chữa được.

Người ngoài 50 tuổi, huyết khô, phân khô, và người ít tuổi mà không chịu ăn thức nhẹ nhàng, hay không kiên tình dục, cũng không chữa được.

PHÉP CHỮA

Ông Đan-Khê có nói: « Người không muốn ăn hay ăn không được nhiều mà nghẹn tắc lại, thời gọi là ế. Dù ăn được nhưng một chốc lại nôn ra là cách hay gọi là phiên-vị. Nếu đại-tiện bí hay là đi như phân dê, thời phải tránh tà khí của lục-dâm và tránh sự nội thương về thất tình. Thuốc uống thời phải thêm chân huyết, sinh tân-dịch để thấm nhuần cho tràng-vị. »

Nhưng chỉ bổ huyết bằng bài *tứ-vật* mà thêm trúc-lịch, nước lá hẹ để hóa đờm đều là chữa ngọn mà không chữa tận gốc, vậy phải xét đến thủy hỏa của tiên thiên, để chân thủy thấm nhuần được tạng phủ, chân hỏa nung nấu được thức ăn. Nội-kinh cũng nói: « tam dương kết lại gọi là chứng cách ». Tam dương tức là đại-tràng, tiểu-tràng và bàng-quang. Tam dương khô ráo thời đều bởi tạng thận.

Tại sao nước uống thời lọt mà thức ăn lại không lọt xuống được? Vì nước uống là loại âm, dương hỏa bốc lên thì ở dưới là trọc cùng một loại nên lọt xuống được.

Thổ ra nước bọt trắng là nước uống bốc trở lên.

Đi cầu như phân dê là đại-tràng khô ráo mà nhỏ lại.

Tìm sách

Người cao niên thường có chứng ấy là vì chân thủy đã kiệt, chỉ có khí dương trơ vơ (cô dương) bốc trở lên.

Chữa chứng ấy không nên dùng thuốc thơm và ráo để tản khí háo huyết, nếu phạm đến là chết, dù thuốc có công hiệu chốc lát nhưng rồi không chữa được.

Ông Vương-Thái-Bộc nói : « chứng nghẹn phần nhiều là nhiệt, chứng phiên-vị phần nhiều là hàn » vậy thức ăn không lọt được thời phải mạnh cho chân thủy, ăn rồi mới nôn thời phải giúp cho chân hỏa. Sở dĩ chứng này khó chữa, là vì thuốc dùng để mạnh cho tỳ vị thời sợ ráo tân-dịch, mà dùng thuốc để thấm nhuần chân huyết thời hại đến trung-thân, nên người hỏa vượng thời chủ ở nuôi dưỡng chân huyết, mà người chân âm thịnh thời phải ôn bổ trước. Họ Vương thời cho rằng chữa chứng này phải khai uất, thuận khí, tiêu ứ, điều huyết.

Tóm lại, chứng phiên-vị đã khỏi, dù muốn ăn uống thời chỉ sắc 5 chỉ sâm, 2 chỉ trần-bì, 1 lạng gạo sao vàng, uống dần sẽ giúp cho khí của dạ-dày. Ngoài mấy hôm mới cho ăn cháo, rồi sau mới được ăn cơm.

Chứng này với người hư yếu, nên dùng bài *bát-vị* thêm ngũ-vị, ngưu-tất, vì bệnh ở trên có khi chữa ở dưới, nếu như thế mười người may khỏi được một, hai người.

Theo ý tôi về chứng này, nếu dùng thuốc ôn cho dạ-dày thời dạ-dày không lạnh, dùng thuốc để chữa uất thời bị ráo mà trợ hỏa, vậy không gì bằng bổ thủy hỏa cho tiên-thiên.

Chứng này bởi huyết khô thời tiếp chân huyết, không gì bằng bổ thủy, là dạ-dày hư yếu thời ôn cho dạ-dày

Tìm sách

không gì bằng bổ chân hỏa, vậy bài *lục-vị*, bài *bát-vị* là thứ thuốc cần để chữa chứng phiên-vị. Còn dạ-dày khô ráo thì dùng nước gừng sống, mật ong và sâm sắc thành cao để uống dần, mà nên kiêng ăn thức béo, thức ngọt và thức có dầu mỡ.

Dưới đây là những chứng tương tự :

Ở ngực nghẹn tắc lại để mọi kinh-lạc không vận hành, há miệng trừng mắt khí buộn chực chết, thì nên dùng những vị thuốc ngọt mà ôn (sam-ôn) như : sâm, kỳ, quy, thảo và một ít những vị thăng-ma, sài-hồ, thảo-đậu-khấu cho uống trước là chữa về căn bản, rồi dùng những vị như mộc-hương, trần bì, mạch-nha, xuyên-sơn-giáp cho uống để thông đi, là chữa về ngọn, mùa lạnh thì thêm vị ngô-thù để chữa âm hàn, mùa bức thì thêm vị ích-trí, hoàng-bá để nhẹ âm hỏa, là vì chứng nay ở trong âm có dương ngấm ngầm mà phát ra.

Người nghẹn mà tiếng không phát ra được, thì dùng những vị trúc-nhự, ngũ-vị, gừng-sống, nếu có hàn mà mạch « trầm-trì » thêm quế, phụ, có nhiệt mà mạch « hồng » và « sác » thêm hoàng-liên, mộc-thông sắc cho uống.

Người nào thức ăn nuốt xuống thời đàm dãi vướng lại, mà không lọt vào được, hay là đã lọt vào mà vướng đàm lại nôn ra, thì uống trước bài *lai-phục-đan* để nhẹ đàm, rồi dùng bán-hạ chế, phèn phi, một ít ít quả bồ kết sao, và phục-linh, chỉ-sác, minh-phấn, nước trúc-lịch làm thành thuốc viên mà uống.

Tôi có chế ra bài *khai-quan lợi-cách hoàn* là những vị : đương-quy, chỉ-sác, mộc-hương, binh lang, nhân-sâm, đạ-

Tìm sách

hoàng (mài với nước mà uống), cùng uống thêm sữa người, nước quả lê.

Chứng phải vị (ăn vào là nôn) thời uống bài *kim-hoa hoàn.*

Chứng phiên vị (ăn rồi mới nôn) thì uống bài *dịch lão tử-trầm hoàn.*

Những vị thuốc dùng về chứng ê-cách, phiên-vị

Những vị để thanh hỏa tiêu đàm như : hoàng-liên, hoàng-bá, đởng-tiện, mẫu-đơn, đại-hoàng, trúc-lịch, bối-mẫu, qua-lâu ngũ-vị, kha-tử, hạnh-nhân.

Những vị để ôn trung giáng khí như : quế, phụ, khương, đinh-hương, mộc-hương, trầm-hương, hoắc-hương, binh-lang, hậu-phác, chỉ-thực, trần-bì, thanh-bì, xuyên-sơn-giáp, ô-dược.

Những vị để bổ tỳ tiêu thực như : sâm, kỳ, thảo, nhục-khấu, bồng-khấu, bạch-khấu, ích-trí, mạch-nha, thần-khúc.

Những vị để bổ âm, nhuận táo như xuyên-khung, đương-qui, bạch-thược, sinh-địa, thục-địa, sữa-người, hồng-hoa, sữa-bò, sữa-dê, đường, đào-nhân, mật-ong.

∴

8.— CHỨNG HUYẾT

Căn bệnh : Theo nội kinh : Đức Hoàng đế hỏi : « Thế nào là huyết » ? Ông Kỳ-Bá thưa : « Trung-tiêu hút được

khí ở ngoài vào, hợp với nhựa của thức ăn, biến hoá mà sắc đỏ, thì gọi là huyết ». Nội-kinh lại nói : « huyết là tinh túy của thức ăn uống, điều hoà ra ngũ tạng lục phủ rồi vào mạch lạc ». Huyết đó sinh hoá bởi tạng tỳ, tóm lại ở tạng tâm, chứa lại ở tạng can, khắp lên ở tạng phế, vợi ra bởi tạng thận. Huyết thịnh thời người mạnh, huyết suy thời người yếu, huyết hại thời hình thể hoại. Tinh-thần tỉnh thời âm huyết sinh, hình thể vất vả thời khí dương vượng lên » (vượng thời âm huyết kém),

Huyết ấy một khi ngoại cảm về tà khí của lục nhâm, hay nội thương về thất tình, thời đều sinh ra bệnh.

Nội-kinh nói : « Năm nào hỏa vượng quá mà ơi bức thời tạng phế là hành kim thụ thương, mà người mắc chứng huyết dàn ra hay là tiết ra ». Thế là khí của hỏa làm cho người phải thất huyết.

Lại nói : « khí của kinh thiếu-âm giữ chính lệnh của trời, thủy hỏa hàn nhiệt, gặp lúc tương giao, thời bệnh nóng sinh ở trên, bệnh lạnh sinh ở dưới, lạnh nóng va chạm nhau mà sinh ở trong, thời mắc bệnh huyết giàn giụa, hay huyết tiết ra », thế là lạnh và nóng làm cho người thất huyết.

Lại nói : « Năm nào hành kim thái quá, khí ráo lưu hành, thời người mắc bệnh ho ngược lên, hơn nửa huyết giàn ra », thế là khí ráo khiến cho người thất huyết.

Như vậy, là bởi sáu tà khí.

Còn như vì mừng mà động huyết là hỏa khởi từ tạng tâm. Vì giận mà động huyết là hỏa khởi từ tạng

Tìm sách

can. Vì lo mà động huyết là hỏa khởi từ tạng phế. Vì nghĩ mà động huyết là hỏa khởi từ tạng tỳ. Vì khó nhọc hay thất chí mà động huyết là hỏa khởi từ tạng thận. Thế là chứng thất huyết bởi tự ngũ-chí.

Bởi ở phong, hàn, thử, thấp, là « ngoại nhân ». Nếu bởi tạng tâm, tạng can, tạng tỳ, tạng phế. tạng thận thụ thương mà động lên là « nội-nhân ». Nếu vì rượu, vì thức ăn thức nóng mà phát ra là « bất-nội-ngoại-nhân ».

PHÂN BIỆT CHỨNG BỆNH

Thổ-huyết là thổ ra nhiều huyết mà không có tiếng bởi ở tạng can. *Ẩu-huyết* là ọe ra ít mà có tiếng, là ở về dạ-dầy.

Tạng tâm chủ cho huyết. Tạng phế chủ cho khí. Khí và huyết giúp lẫn nhau, nếu thăng giáng thuận thời vô bệnh. Một khi vì lục-khí (tức là lục-dâm) hay là vì ngũ-chí (tức là thất-tình) thời huyết, không lưu thông như thường mà đi ngược lên. Nội-kinh nói : « giận dữ nhiều thời hình khí tuyệt, mà thổ-huyết, ẩu-huyết mà sắc tía ». Vì nhiệt nhiều cho nên đen mà tía.

Chứng *lục-huyết* theo Nội-kinh thời kinh-lạc về dương thụ thương, là huyết giàn ra ngoài mà lạc-huyết hay thổ-huyết. Mũi là khiếu của tạng phế, khí ở mũi còn thông lên đến óc, nay huyết ra đàng mũi là nhiệt nặt trở lên, nếu là dương thịnh thời người nóng khát nhiều, nếu là âm thịnh thời người mát không khát. Nhưng huyết là âm thời người mát dễ khỏi mà nóng từng cơn thời nặng. Tóm lại, lục-huyết là bởi tạng phế. Vì nhiệt nặt ở kinh dương-minh.

Tìm sách

Chứng *diện-lục* (huyết ra trong khi rửa mặt), là bởi gió đi nước động mặt nóng, dương hỏa bốc lên mà huyết cũng theo ra.

Não-mục là chứng vừa kể ở trên, huyết ra cả ở miệng và mũi.

Chứng *xỉ-nục* là huyết ra ở chân răng, vì dạ-dầy nóng nhưng cũng có người vì dạ-dầy lạnh, chứng này cũng gọi là chứng *ngân-tuyên*.

Chứng *cơ-nục* là máu ra ở lỗ chân lông, thuộc về tạng tâm, tạng thận, bởi dương khí uất ở trong không phát tiết được ra ngoài, âm lẫn vào dương phận, ở thơ thịt đã lâu, khi dương khí, phát ra thời âm huyết không về được kinh lạc, mà rỉ ra ở lỗ chân lông.

Chứng *thiệt-nục* là trên lưỡi chảy máu ra như sợi tơ, mà trên lưỡi có như lỗ kim, chứng này thuộc tạng tâm và tạng can.

Chứng *nhĩ-nục* là máu chảy ra ở lỗ tai, chứng nầy bởi kinh thiếu-âm (tạng thận) động hỏa.

Chứng *tâm-lậu* : trước ngực có một lỗ hổng thường chảy máu ra.

Chứng *huyết-hãn* là mồ-hôi ra có huyết, là vì mừng quá hại đến tạng tâm, mừng thời khí tán đi mà huyết cũng theo với khí.

Chứng *kinh-nục* : bệnh nhân gặp kinh sợ là lục-huyết vì tạng tỳ nóng mà lây đến tạng can.

Chứng *nội-mục* : chứng này bởi khó nhọc ăn uống quá độ, ở gần tạng tâm tạng phế, nước tân-dịch thấm ra

Tìm sách

rồi lại vào trong dạ-dày, huyết ngừng lại trong dạ-dày, đầy buồn mà thổ ra hàng mấy bát một.

Chứng *phế-thư :* chứng này là tạng phế có mọc nhọt, bởi uống rượu có nhiệt độc, khi đầy buồn thời huyết đặc thổ ra.

Chứng *thương-vị :* chứng này bởi ăn uống no quá mà trong dạ-dày lạnh không tiêu hóa được, rồi phiền buồn oẹ thổ ra, đến nỗi dạ-dày giãn ra mà thổ ra huyết tươi, nếu bụng dưới đau như vặn ra, tự ra mồ-hôi, mạch « khẩn » mà « sắc » là khó chữa.

Cổ-nhân nói : « chứng thất huyết nếu người nóng là chết. mát là sống ». Cũng là nói đại khái mà thôi. Lại không có người nóng mà sống, rét mà chết hay sao ?

Chứng *huyết-khát*, vì thổ huyết nhiều mà khát.

Chứng *khái-huyết* có hai nguyên nhân : bởi nhiệt ở tạng phế thời dễ chữa, vì chỉ uống thuốc mát là khỏi. Nếu vì ho đã lâu mà hại đến tạng phế thời khó chữa, vì đã thành chứng lao. Trong đàm có dây huyết như sợi tơ là âm hư hỏa động, huyết đi khắp ra thân thể bởi tạng phế, nếu nhiệt thời đi rông lên, hỏa hại đến kinh-lạc của tạng phế, nên huyết cũng theo ho đờm mà ra.

Chứng *lạc-huyết*, *thóa huyết*, trong cuống-họng có huyết tanh, nếu khạc ra máu tươi, máu tía, hay từng tí máu nhỏ thời gọi là *lạc-huyết*, cũng có người máu ở trong cuống-họng phải khạc mạnh mới ra, là bởi tính huyết đã kiệt.

Chứng *thóa-huyết* là nhổ ra máu tươi.

Tóm lại, hai chứng lạc và thóa đều bởi tạng thận, vì tạng

Tìm sách

thận chủ về nhổ ra, kinh túc-thiếu-âm là tạng thận vẫn ít huyết nhiều khí, nay lại thấy huyết thời là chứng khó chữa. Nhưng chứng lạc-huyết nặng hơn, là vì kinh thủ-thái-âm là tạng phế cũng khí nhiều huyết ít, nay tạng phế vì hỏa bức bách mà đem huyết ngược lên thời là chứng nghịch.

Chứng thổ-huyết, lục-huyết tuy ra huyết nhiều, nhưng bởi tạng can, dạ-dày và đại-tràng, ba kinh ấy khí huyết đều nhiều, cho nên người mạch mà mạch « vi » thời dễ chữa. Còn chứng lạc-huyết, thóa-huyết là bởi tạng tâm, tạng phế, tạng thận, ba kinh ấy đều khí nhiều huyết ít, thời hỏa dễ rông lên, cho nên bệnh nhân mạch « hồng » mà « sác », người sốt, thời thất huyết cũng không chữa khỏi.

Chứng *niệu-huyết*, chứng này là đi đái ra huyết, bởi phòng lao nhiều, âm hư hỏa động, cho nên huyết đi dông dỡ, mà huyết sắc tối đen. Sắc mặt thời khô trắng, mạch xích thời « trầm-trì », chứng này là hạ-tiêu yếu mà lạnh. Khí dương hư yếu thời khí âm tẩu thoát. Là chứng nóng ở bàng-quang.

Chứng *tiện-huyết*, chứng này là đi đại-tiện ra huyết. Có người vì nhiệt và thấp, đại-tiện đỏ tươi là hỏa, đen là hỏa nhiều. Cũng có người bởi chứng tích hay là mạch của kinh-lạc thụ thương.

Chứng *tràng-phong*, chứng này cũng là đi cầu ra huyết, nhưng vì đại-tràng thụ thương vì phong mà thành ra thời gọi là tràng-phong. Đại-tràng và dạ-dày vốn không có huyết, vì người hư yếu nên huyết thấm vào mà đi ra, đó là bởi phong tà ở tràng-vị, thời huyết đỏ tươi mà *đi ra trước phân*.

Tìm sách

Chứng *tạng-huyết*, chứng này là bởi nội thương thấp tà ở tràng-vị, cũng có người vì chứng tràng-phong, lâu ngày bầm trở xuống mà huyết tích lại. Huyết đục mà hơi đen *ra sau lúc có phân* (cũng gọi là chứng *tạng-độc*).

Nếu huyết ấy lúc ra trước, lúc ra sau, là khí huyết đều thụ bệnh. Chứng đi ra huyết mà người mát là tốt.

Hai chứng trên bởi thất tình hay là ăn uống thiếu tiết độ, hoặc ngồi nằm chỗ phong thấp, hoặc lúc no say mà tình dục, hoặc ăn thức sống, thức lạnh hay uống rượu nhiều, ăn thức nóng nhiều, mà mạch lạc của âm huyết thụ thương.

Nội-kinh có nói: « mạch lạc của âm huyết thụ thương thời đại-tiểu-tiện ra huyết ».

Chứng *huyết-ly*: huyết tích ở đại-tràng mà dư ra gọi là huyết-ly.

Chứng *huyết-hà*, huyết kết ở đại-tràng và dạ-dày tích lại mà thành bệnh.

Chứng *huyết-tiễn*, cũng gọi là *tràng tích*, vì phong tà phạm vào dạ-dầy, đi cầu lỏng đã lâu rồi thành ra, lưu trú ở đại-tràng, rồi truyền lên kinh thiếu-âm. chứng này bởi tiện huyết mà đi ra mạnh như thể tên bắn, nên gọi là tiễn.

Chứng *thuần-huyết*, ở khoé mắt huyết tia ra như dây bột bắn ra chung quanh, cũng có khi huyết ra ở huyệt « ủy-trung »

Chứng *trùng-trĩ*. Chứng này là bên chỗ đi cầu có lỗ

Tìm sách

nhỏ mà huyết rỉ ra. Chứng tràng-phong và tạng-độn là bởi đại-tràng, còn huyết của năm chứng trĩ và bởi chỗ đi cầu, lâu ngày hóa ra trùng gọi là *trùng-trĩ*,

HƯ HAY THỰC

Bệnh nhân bẩm sinh yếu, người gầy mạch « hư » (trống không) hay ốm đã lâu, hay là mới ốm khỏi, mà có huyết chứng này bởi khó nhọc hay bởi nội-thương, thời dù có trưng triệm là nội-nhân hay ngoài-nhân cũng đều cứa theo về chứng hư yếu.

Duy hình thể mạnh, mạnh « thực » (chắc nịch) hay giận dữ nhiều khí uất, hay là kinh-lạc nóng, ưa uống nước lạnh, mới là chứng thực.

TỐT HAY XẤU

Mọi chứng thất huyết mạch đều « hồng » (như cuống rau rống ở giữa). Nhưng mạch nên « trầm-tế » mà lại thấy « phù » và « đại » thời khó chữa,

Các chứng thất huyết mà người mát, mạch « tiểu » là dễ chữa vì chính khí đã trở lại. Người nóng mạch « đại » là khó chữa, vì tà khí hơn lên.

Đầy bụng đi tiện-huyết mà mạch « đại » có lúc như « tuyệt » là nghịch chứng, (không đầy một giờ là chết).

Ngoại trừ chứng thương-hàn mà lục huyết là có khi sắp khỏi. Còn các chứng khác mà nhiệt huyết đi trở lên là khó chữa, huyết đi trở xuống là thuận mà dễ chữa. Vì thế huyết đương đi trở lên (ẩu huyết, thổ huyết, thóa huyết) mà thốt nhiên biến ra chứng đi trở xuống, thành ra chứng đi ly là điềm lành.

Tìm sách

Chín khiếu đều ra huyết mà người sốt không nằm được là chết. Chứng huyết mà sốt từng cơn (trào nhiệt) mà mạch « đại » là chết.

Người sản hậu miệng mũi có hơi ra khác thường mà lục-huyết là dạ-dày tuyệt, nếu huyết không ngừng mà trên đầu ra mồ-hôi là chết.

Chứng đi cầu ra huyết, mát là sống, người sốt là chết.

PHÉP CHỮA

Chứng này nên phân âm, dương ; âm phận hư yếu thì bổ âm, dương phận hư yếu thời bổ dương. Nhưng dương gốc ở âm âm gốc ở dương, vậy người dương hư thời theo âm để bổ dương, người âm hư theo dương để bổ âm. Lại còn chứng giả-âm hay giả-dương, ta cần nên phân biệt (là dương hư mà phát bệnh là ngoại nhân, là âm hư mà phát bệnh là nội nhân).

Tôi thường thấy các thầy chữa lầm : Những người trên nhiệt dưới hàn, bắt đầu các thầy cho uống thuốc mát thì thương tiêu dễ chịu, sau thấy kém ăn thì cho là kém tiêu hóa, lại thêm những vị sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, thì ho đàm mà thành chứng đầy chướng, lại cho thêm vị chỉ-xác và đại-phúc-bì để khoan trung, như vậy tránh sao khỏi chết.

Vì thế, chứng ho thổ ra huyết, chưa chắc đã thành chứng lao Vì uống nhiều bài *tứ-vật* thêm trì, bá mà thành ra chứng lao, chứng ngực đầy bành-trướng chưa chắc đã thành cổ-trướng vì uống mãi vị sơn-tra thần-khúc mà mới thành

Tìm sách

ra cỗ trướng. Chứng mặt phù chân nặng chưa chắc thành thủy-sũng, vì uống nhiều thuốc thấm thấp mà thành chứng thủy-sưng. Chứng khí trệ chưa chắc thành chứng nghẹn-cách, vì uống mãi thuốc khoan ở trung-tiêu mà thành chứng quan-cách, người làm thuốc nên lấy điều đó làm răn.

Ông Trọng-Cảnh bàn về chứng thương-hàn có nói: « Phát hãn lâm về chứng thiếu-âm làm động huyết ở kinh-lạc, thì ở dưới kiệt mà ở trên phát ra giá lạnh là khó chữa ». (Ở dưới kiệt là âm huyết kiệt, ở trên giá lạnh là âm khí ngược lên).

Gặp chứng ấy nên bổ mạnh cho dương khí ở trong tạng tỳ, khí của tạng tỳ đã mạnh thì hỏa lòng-lôi dẹp xuống, ăn uống tiến dần mà trong ngực không còn nghẹn tắc. Xem như trên thì khí hư yếu huyết không dựa vào đâu được, mà có dương mới sinh được âm huyết.

Bài *tứ-vật* chỉ bổ cho người huyết hư mà khí không hư, còn những vị đào-nhân, hồng-hoa, tô-mộc, huyết-kiệt, mẫu-đơn thì người huyết trệ nên dùng. Những vị bồ-hoàng, a-giao, địa-du, bách-thảo-sương thì người băng huyết nên dùng. Những vị nhũ-hương, một-dược, ngũ-linh-chi, lăng-tiêu-hoa thì người đau về huyết nên dùng. Những vị sữa người, sữa bò, nước quả lê v.v... thì người huyết ráo nên dùng Những vị can-khương, nhục quế, thì người huyết hàn nên dùng. Những vị sinh địa, thục địa, khổ-sâm thì người huyết nhiệt nên dùng.

Huyết lại theo về khí, khí hành thì hành, khí ngừng thì ngừng, khí ôn thì vượng, khí hàn thì ngừng, nên muốn chữa huyết cần phải để ý về khí. Ta xét huyết ra ở kinh-lạc nào thì dùng thuốc mát cho khí phận ở kinh-lạc ấy, khí mát thì huyết về chỗ. Nếu có tứ huyết

Tìm sách

thì tiêu ứ huyết rồi điều hòa về khí là huyết cầm lại ngay. Nếu vì khí ở dạ-dày hư yếu mà thất huyết, thì phải ôn bổ và liễm giáng, nhất thiết kỵ dùng vị hàn lương. Thành ngữ nói : « chữa chứng huyết thương thành công về thuốc bổ tỳ vị » là lẽ ấy.

Hơn nữa, khí dư ra là hỏa, huyết theo khí trở lên, nay bổ huyết thì khí giáng, khí đã thuận thì huyết không thăng nữa.

Người có thực nhiệt thì lưỡi trắng và ráo, nếu ráo lắm thì đen, mạch ấn mạnh có lực, nhưng cũng có người bởi hạ-tiêu không có hỏa, nước tân-dịch không vận hành mà khô ráo. Vậy còn phải xem nếu là giả-nhiệt thì lưỡi dù trắng mà trơn, miệng dù khát mà không uống nước lạnh và không uống nhiều, mạch ấn tay mạnh lại thấy vô lực, thì không thể cho là thực nhiệt.

Chữa lục-huyết. Ta nên rõ huyết ra bởi kinh nào, đừng nên nói chúng thổ huyết và lục huyết là huyết đi đông ra ở thượng-khiếu rồi dùng nhiều thuốc hàn lương.

Lại khi hư ra tức là hỏa, thì huyết đi đông lên là bởi khí nghịch. Nội-kinh nói : « giận dữ thì khí nghịch lên, nghịch lên nhiều thì nôn ọe, mạnh quá mà nghịch ở trong, tạng can, tạng phế va chạm nhau thì huyết dàn ra mũi và miệng ». Ông Đông-Viên nói : « huyết ràn ra mũi hay miệng đều bởi khí ngược lên ». Huyết ấy, gặp hàn thì đọng lại, gặp nhiệt thì vận hành, thấy đen thì chỉ (cầm lại).

Xem như trên, chữa chứng huyết mà không điều hòa về khí phận lại chỉ dùng thuốc mát thì huyết ngưng lại mà không về kinh-lạc, thuốc mát ấy còn hại đến tạng

TìmSách

tỳ, còn lấy gì để giữ lấy chân huyết (tạng tỳ tôm giữ chân huyết).

Chứng thổ hay lục huyết, bậc tiên-hiền đều cho là nhiệt, nhưng theo ý tôi, thì cũng có người vì hàn, vì bệnh nhân gặp hàn-tà hay ăn thức lạnh, tà ấy mắt ở huyết phận mà không phát tiết ra được, mới tràn ra miệng hay mũi, ta thấy huyết đen thời cho là nhiệt cực tựa như hàn mà đen thì lại là lầm. Như vậy phải nên xét về mạch, nếu mạch, « vi » và « tri » mà người mát là hàn, mạch « hồng » và « xác » mà người phiền là nhiệt, hàn thời nên ôn mà nhiệt thời nên thanh.

Hỏa nên đem về chỗ để huyết cũng về kinh lạc, nhất thiết kiêng vị hàn lương để hại khí của dạ-dày. Lại nên nuôi dưỡng tạng can để khí của tạng can dẹp đi, mà không nên phạt tạng can, vì tạng can để chứa huyết, nay đã thất chức mà lại bị công phạt thời không có sức để tàng huyết.

Hơn nữa, nên hành huyết mà không nên chỉ huyết, vì hành huyết thời huyết lại theo về kinh-lạc, nếu chỉ dùng thuốc để chỉ huyết thì ứ huyết ngừng lại, ngực và sạnh-sườn đầy trướng mà phát sốt kém ăn. Cho nên sách Y-Quán có nói : « Chứng huyết mà uống thuốc hàn lương thời trăm người không được một người sống ».

Sách Hải tạng nói : « chứng xuất huyết mà thấy sắc tía không đỏ tươi là hàn thấp ngừng lại ở biệt đi của thức ăn uống, nếu cho sắc tía là nhiệt, mà dùng thuốc hàn để bẻ gẫy đi, thời sinh ra nguy chứng. ».

Tạng phế không những thành chứng lục huyết mà cũng thành chứng khái huyết, khóa huyết, dạ-dầy không

Tìm sách

những thành ầu huyết mà tạng can cũng thành ầu huyết, là vì tạng phế chủ về khí, tạng can chủ về huyết. Nhưng tóm lại, huyết ấy cũng bởi tướng-hỏa bốc lên, vì tạng thận chủ về thủy mà chủ về nhổ ra, cho nên đã thụ bệnh thời ba tạng đều thụ bệnh. Nhưng lục huyết bởi ở kinh đi về thanh-đạo (biệt đi của chất nhẹ). Thổ huyết bởi dạ-dầy mà đi về trọc-đạo (biệt đi của chất nặng). Một đằng là cuống-họng, một đằng là cựa-gà, hai bên không giống nhau. Thổ-huyết là nhiệt ở lạc, mà lục-huyết là ở kinh, các chứng lục huyết là ở trong lý nóng, chứng thương hàn mà lục huyết là ở ngoài biểu nóng.

Thầy thuốc thấy thổ-huyết hay lục-huyết là cho uống bài *tê-giác địa hoàng*, là bài thuốc mát chân hỏa chân âm. Nhưng phương thuốc ấy, với chứng « âm-hư-hoả-động » mà thổ huyết, lục huyết, hay khái huyết, lạc-huyết có thể dùng tạm được. Còn chứng dương hư, lao lực hay là bởi tỳ-vị hư yếu đều không nên dùng.

Một phương thuốc dùng vị bạch-cập tán bột lấy phổi heo luộc chín đem chấm bột thuốc ấy mà ăn, ngày ba, bốn lần là để lấp lỗ thủng ở trên cánh phổi.

Ta muốn biết bệnh nhân thổ ra là ở tạng gì ? Thời bảo thổ vào trong bát nước, thấy huyết nổi lên là ở tạng phế, huyết trầm xuống là ở tạng can, thấy huyết nửa nổi nửa trầm là ở tạng tâm, rồi lấy phổi, hay gan, hay tim của con dê chấm với *bột bạch-cập mà ăn.*

Chứng ho nay là khạc ra huyết là bệnh rất nặng, là bởi bệnh ở tạng thận, tạng phế. Chứng tiện huyết là ở đại-tràng còn dễ chữa hơn, dù có câu « đại-tràng có lỗ thủng mà tiện-huyết là chết người. »

Tìm sách

Chứng nội-thương mà thổ nhiều huyết không cầm được, hay là vì lao lực nhiều quá mà huyết đi rông lên ra miệng và mũi như nước suối, chỉ chốc lát thời chết, thời phải dùng ngay *một hay hai lạng nhân-sâm* tán bột, và một chỉ phi-la-miến (không rõ thức gì) hoà với nước như hồ loãng mà uống, hay là dùng một vị sâm cũng được (phải là sâm tốt), sở dĩ không dùng đến thuốc bổ huyết là vì khí dương tóm được khí âm, huyết là hữu hình không sinh hoá được chóng, mà khí là vô hình, phải nên giữ lại ngay, tức là nghĩa chân huyết thoát thời giữ chân khí lại. Chứng tiện-huyết thốt nhiên thấy ra thật nhiều cũng dùng *độc-sâm thang*. Còn người vị chân âm thiếu mà khí dương bốc lên thành ra chứng thổ huyết thời bài *bát-vị hoàn* để giữ lấy chân âm mà đem hỏa về chỗ, chứng ấy không nên dùng sâm, mà khi khỏi bệnh mới dùng được, ngoài vị sâm cả đến những vị hoàng-kỳ, bạch-truật, phụ-tử, lộc-nhung cũng không nên thêm vào, vì công dụng lại khác.

Chứng thổ-huyết nên sắc vị can-khương và cam-thảo mà uống, hai là bài *tứ-vật lý trung thang* cũng được, như thế cũng nhiều người khỏi. Còn như uống nước sinh-địa, nước ngó sen và chúc-nhự cũng chỉ dùng vào chứng thực.

Ông Nhân-Trai có nói : « Huyết gặp nóng thời chảy ra, cho nên cầm huyết phải dùng nhiều thuốc mát ». Nhưng có người vì khí hư mà gặp hàn, âm dương không giữ lẫn được, thế là dương khí hư yếu thời âm huyết cũng tản thoát, chứng ấy tất có tình trạng hư hàn, lại nên ôn trung, thời huyết tự về kinh-lạc, nên dùng bài *lý-trung thang* thêm nam-mộc-hương hay là vị can-khương, cam-thảo vừa nói ở trên thời rất có công hiệu.

Tìm sách

Cũng có người vì dạ-dầy hư yếu khí ngược lên mà thành chứng lục-huyết thời nên uống bài *mộc-hương lý-trung thang*, hay là bài *cam-thảo-can-khương thang* mà không được uống thuốc hàn lương, cho nên có câu « huyết về thực hỏa trước hết phải thuần khí, vì khí đã mạnh thời giữ được huyết », chữa mọi chứng huyết thành công về thuốc bổ tỳ-vị là nghĩa ấy.

Như trên là chữa về trung-tiêu, còn về hạ-tiêu là tiên-thiên trong hai quả thận, với tâm, tỳ, phế, vị, không liên quan, thời nên uống bài *bát-vị thần-khí hoàn*, có vị thục-địa để mạnh cho chân thủy, có quế và phụ để ôn cho chân hỏa, bài thuốc nầy với chứng âm hư hỏa động mà huyết đi rông lên rất hay. Nếu chỉ vì thủy ráo mà hỏa bốc lên, thời chỉ dùng bài *lục-vị*.

Hai bài trên không phải là phạt hỏa đi mà là giữ cho chân hỏa. Chỉ có chứng cảm thử mà lục-huyết thổ-huyết thời nên dùng phép chữa của ông Hà-Gian. Là vì thử khí hại đến tạng tâm, khí của tạng tâm yếu thời thử khí lấn vào mà thổ-huyết hay lục-huyết tạng tâm đã yếu thời cũng không nên dùng nhiều thuốc hàn-lương, mà chỉ nên uống bài *thanh thử ích khí thang* thêm sinh-địa, mẫu-đơn, nếu vì thử khí mà người thiếu chân khí, thời nên thêm sa-sâm, mạch-môn để giúp chân khí, như thế mới không có tệ.

Người nào thường có chứng thổ huyết, hễ gặp khó nhọc là phải bệnh, thời nên uống bài *bổ trung ích-khí*, thêm mạch-môn, ngũ-vị, hoài-sơn, sinh-địa, phục-thần, viễn-chí thời chứng thổ huyết tự thôi, thế là chữa về tâm, phế.

Tìm sách

Người nào uống rượu nhiều mà thổ-huyết, thời nên uống bài *cát-hoa giải-tỉnh thang* thêm mẫu-đơn hoàng-liên để trên dưới cùng tiêu đi, thời bệnh uống rượu khỏi mà chứng huyết cũng khỏi.

Người nào ăn nhiều thức nướng và thức cay nóng mà thổ-huyết ra sắc tía hay đen và thành khối, thời nên uống bài *đạo-nhân thừa-khí thang*, chứng ấy là kiêm nội-ngoại-nhân, cho nên uống được thuốc hàn lương công phạt.

Có thuyết nói: « huyết đi trở xuống là thuận mà đi trở lên là nghịch, vậy nếu không phải tỳ vị yếu đi cầu lỏng phân mà người gầy mòn, thời đều nên dùng vị đại-hoàng tẩm giấm sao hòa với nước sinh-địa cùng những vị đào-nhân, đan-bì, đan-sâm, a-đao, kinh-giới (sao hắc), huyền-hồ-phấn, đương-quí, xích-thược, sắc cho uống để nén sức mạnh của bệnh, khiến cho huyết đi ra đàng đại-tiện, thế là chuyển nghịch làm thuận. Có người hỏi: « chứng thất huyết mà hạ thời người hư yếu sao chịu nổi? » Nhưng không biết huyết đã đi không theo về đường lối cũ, nếu không tiêu ứ huyết đi thời lấy gì ngăn được, khác nào người sản hậu, phải trừ huyết cũ, mới sinh được huyết mới. Nếu không biết lẽ ấy mà chỉ dùng bài *tứ-vật*, thêm vị hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá, thời bại khí huyết mà hại đến tỳ vị.

« Huyết đã đi trở xuống, thời dùng nhiều những vị y-dĩ, bách-hợp, mạch-môn, địa-cốt-bì, nếu ho mà khát, thêm lá tỳ-bà và ngũ-vị-tử, tạng-bạch-bì. Nếu có đờm, thêm bối-mẫu, nếu có thể bổ bằng những vị có tính chất nặng, thời dùng những vị thục-địa, mạch-môn để bổ cho phế thận ».

Tuy nhiên, thuốc hạ chỉ nên dùng vào chứng vì huyết

Tìm sách

tử mà đi dông lên chứ không nên thông dụng. Nên sách cổ có nói : « chứng thất huyết không nên dùng thuốc hạ » là vì lẽ ấy.

Cũng có người đội nặng vì vật ấy nén xuống, hay là mang xách thức nặng mà đi xa, rồi chợt đau ở ngực mà thổ huyết, chứng ấy nếu dùng thuốc mát thời huyết lại càng ra, đến nỗi dạ-dày lao tổn ho nhổ mà chết, phải dùng ngay vị nhân-sâm tán bột với vị phi-la-miến và nước đồng-tiện cho uống, hay là lấy bột bạch-cập hòa nước đồng-tiện cho uống.

Chứng thổ huyết hay lục-huyết đều là dương thịnh âm suy, có thăng mà không giáng, thời nên bổ âm để dẹp dương đi, hơn nữa, khí dương hư yếu bị hại về thuốc hàn lương, mạch « trầm » mà không « phù », bộ xích nhỏ hơn bộ thốn, bên phải yếu hơn bên trái, sắc mặt nhợt hay là tối tăm, thời dùng bài *sinh-mạch tán*, thêm một chỉ quế, một chỉ phụ-tử, năm phân cam-thảo cho uống, lại uống xen bài *bát-vị* với bài *lý-trung* thời đàm và huyết đều được bình phục, cho nên cổ phương có nói : « bài *lý-trung thang* có thể chữa được dạ-dày bị thương mà thổ-huyết ».

Nhưng người bởi cảm hàn khí hay ăn phải thức lạnh, huyết ngừng lại mà đi ngược lên, thời sắc của huyết đen tối, nét mặt trắng nhợt, mạch « vi » và « trì », người mát, chứng ấy phải dùng đến can-khương, nhục-quế, nếu dùng thuốc mát chân khí là nguy.

Thấu-huyết và thóa-huyết, thổ-huyết bởi tạng thận mà trên nhiệt dưới hàn, khí âm thịnh ở dưới bức bách khí dương lên trên, đó là chứng giả-nhiệt.

Tìm sách

Chứng ấy được chia ra làm hai :

1.— Kinh thiếu-dương thụ thương, tức là tạng thận bị cảm, bụng dưới đau hay không đau, hoặc ọe hay không ọe, mặt đỏ, miệng khát, mà không uống nước, trong bụng phiền táo, thời nên dùng bài *bạch-thông-thang* của ông Trọng-Cảnh là bài thuốc chữa về kinh-thiếu-âm cảm hàn.

2.— Hỏa ở mạch-môn suy yếu, hỏa không về chỗ, tạng thận đã hàn thời bức bách hỏa ấy lên thượng-tiêu rồi ho, thở, sợ nóng, mặt đỏ, nôn-ọe đờm dãi ra cả huyết, thế là chứng giả-dương, nên dùng bài *bát-vị-hoàn* để đem hỏa về chỗ.

Hai bài trên đều là thuốc nóng, bệnh thượng-tiêu ráo mà nóng, nay lại cho uống thuốc nóng thời uống vào là nôn, vậy nên ngâm thuốc ấy vào trong nước lạnh rồi uống, để khi thuốc xuống bụng dưới, mới phát ra tính nóng. Chứng ấy nếu cho là thực nhiệt mà dùng thuốc lạnh hay mát, thời không bao lâu là nguy.

Tà khí của lục-dâm đều làm cho chân huyết thụ bệnh, nhưng vì hàn nhiều hơn, là bởi hàn hại về vinh huyết, mà kinh thiếu-âm là thận thủy dễ bị cảm hàn. Một khi cảm hàn thời tạng phế thụ bệnh trước, huyết tức là thủy, gặp hàn khí thời ngừng lại mà không vận hành; ra lẫn với ho đàm, là chứng hàn thời bệnh nhân phải ghê rét, mạch phải « khẩn », huyết phải tía hay đen, nếu không xét kỹ mà dùng thuốc tư-âm giáng-hỏa thời bệnh nặng lên mà chết.

Họ Triệu chữa chứng trên, thường cho uống bài *ma-*

Tìm sách

hoàng quế-chi thang, bệnh nhân chỉ ra mồ-hôi là khỏi, vì mồ hôi và huyết là một loại, đã ra mồ hôi thời không có huyết.

Bài thuốc ấy như sau : sa-sâm, mạch-môn, quế-chi, đương-qui, ma-hoàng, chích-thảo, hoàng-kỳ, ngũ-vị, bạch-thược, sắc trước vị ma-hoàng để lấy nước sắc các vị kia mà uống.

Chứng *tràng phong* và *tạng-độc* : chứng *tràng-phong* là phải gió độc mà đi cầu ra huyết, nên uống những vị : xương-truật, tần-bông, bạch-thược, là vì chứng ấy phải tản phong hành thấp.

Còn chứng *tạng-độc* thời phải thanh độc lương huyết, lại xem bệnh chứng hư hay thực, mới thụ bệnh hay đã lâu, nếu mới thụ bệnh mà là thực chứng, phải giáng hỏa, tả nhiệt. Nếu bệnh đã lâu mà là hư chứng thời bổ và đem trở lên.

Huyết ở trong người, cũng phân ra âm, dương, là dương thời chu lưu ở trong mạch, điều hòa ngũ tạng, đi khắp ra lục phủ mà gọi là doanh-huyết. Là âm thời ở mạch lạc (giây của mạch) nuôi dưỡng thanh-khí mà thấm nhuần gân cốt.

Nếu vì tà khí ở trong hay ngoài mà thụ thương, thời dương huyết phải tà khí ngăn trở thấm tiết ra ngoài kinh-lạc, hoặc ở vào âm phận của lạc, rạn nứt mà thấm vào đại tràng, dạ-dày mà đi ra.

Sách Châm kinh có nói : « Lạc của dương thụ thương thời huyết gián ra ngoài, mà lục-huyết hay thổ-huyết, lạc của âm thụ thương thời huyết rỉ ở trong mà đại-tiểu-tiện ra huyết ». Với chứng tràng-phong hay tạng-độc, không

Tìm sách

nên dùng cả những vị thuốc hàn lương, mà phải thêm vị thuốc cay để tản đi. Bệnh đã lâu thời phải để ý về khí của dạ-dày, lại thêm vị thuốc để đem lên, vì thế, chữa chứng đại-tiện đi ra huyết, phần nhiều thành công ở thuốc bổ tỳ-vị.

Chứng ấy bởi tạng can thụ thương thời không giữ được huyết. Bởi say rồi uống thức lạnh, huyết vì hàn ngưng lại, thấm vào đại-tràng mà đi ra. Bởi thấp khí hại đến dạ-dày, huyết theo khí trở xuống mà đi ra.

Lại có người khí dương không đầy đủ âm huyết ở hạ-tiêu không có đương giữ lại mà đi ra. Hay là tạng tỳ yếu, khí dương hãm trở xuống không giữ được chân huyết, để huyết theo khí mà đi ra.

Cổ thư cho rằng, đi ra phân trước mà huyết sau là xa với huyết (viễn huyết), là bởi kinh túc-dương-minh theo kinh vào dạ-dày. Đi ra huyết trước mà phân sau, là gần với huyết (cận huyết) là bởi kinh thủ-dương-minh thái-âm theo kinh thấm trở xuống. Có sách cho là bệnh bởi tạng tâm và phế là xa với huyết mà thuộc dương, ở tạng can và thận là gần với huyết mà thuộc âm.

Chứng huyết ra ở chân răng mà gọi là *xỉ-lục* : Có người vì phong-tà uất trệ, có người bởi tạng thận hư yếu, nên uống bài *tiêu phong tán* để trừ phong mà dùng thuốc *xát-nha-tán* để xát vào chân răng.

Tạng thận chủ về xương, nên răng thuộc tạng thận, nếu bởi hư hỏa bốc lên thời uống thuốc mát là khỏi. Bệnh nặng là bởi tạng thận kém ở dưới, thời dùng bài *an-điềm thang* để uống thuốc *hoàn an-thận*, mà dùng hương-phụ tầm muối sao thật đen rồi tán bột mà xát.

Tìm sách

Nhưng kinh thiếu-âm là tạng thận thời nhiều khí ít huyết, nên huyết ở răng chỉ ra từng giọt mà răng đau ngắn ngắt. Người nhiều tình dục hay mắc chứng này.

Cũng có người bởi dạ-dày nóng mà chân răng ra máu, là vì kinh dương-minh là dạ-dày, khi huyết đều nhiều, hỏa đã vượng thì khí huyết chảy ra nhiều, người nghiện rượu hay mắc chứng này, thời dùng bài *thanh-vị-tán* để thanh nhiệt.

Mọi chứng thất huyết rồi mà sốt lên là huyết hư mà phát nhiệt, đời xưa có lập ra bài *đương-qui bổ-huyết thang*, dùng vị hoàng-kỳ nhiều hơn vị đương-qui, là vì khí dương có vượng mới sinh được âm huyết.

Ông Đan-Khê chữa chứng sản hậu phát sốt, dùng sâm, kỳ, qui, thược và gừng sao đen, là vì gừng sao đem được thuốc bổ khí vào khí phận, đem được thuốc bổ huyết vào huyết phận, để sinh ra huyết mới, hơn nữa, sao đen đi thời cầm được huyết. Người làm thuốc không hiểu lẽ này, thấy sốt nhiều mà 6 bộ mạch « hồng » và « đại », cho uống lầm bài *bách-hổ-thang* thời chết ngay.

Chữa chứng huyết, trước sau phải xét về ba kinh, tức là ba tạng, là vì tạng tâm sinh ra huyết, tạng tỳ tôm được huyết, tạng can chứa huyết, mà bài *quy-tỳ thang gia giảm* là thuốc chữa về ba kinh ấy.

Bài thuốc ấy cần để huyết về tạng tỳ, cho nên gọi là quy-tỳ. Những người vì uất giận hay lo nghĩ mà hại đến tạng tỳ thời uống bài ấy rất hay, nếu có hỏa vượng thời thêm sơn-chi, mẫu-đơn. Chân hỏa suy yếu thời thêm

Tìm sách

nhục-quế. Lại có bài *bát-vị-hoàn* để bồi bổ về tiên-thiên thủy hỏa. Người làm thuốc nên suy xét.

Ba bài dưới đây để chữa chứng thực (bệnh mạnh).

1) Bài *Tê giác địa hoàng thang :* Để chữa chứng huyết nhiệt đem trở lên mà lục huyết, thổ huyết.

2) Bài *Đào-nhân thừa khí thang* : để chữa chứng ứ huyết ở hạ tiêu,

3) Bài *Đề-đương thang :* để chữa chứng huyết chứa lại mà phát ra điên cuồng vân vân.

Ba bài trên đều là cổ phương

Những phương thuốc dùng về chứng huyết :

Những vị để giáng hỏa thanh nhiệt chữa về thực chứng như : đại-hoàng, hoàng-liên, hoàng-cầm, hoàng-bá, tri-mẫu, sơn-chi, huyền-sâm, đan-sâm, liên-kiều, đồng-tiện, thu-thạch, tê-giác, tây-căn, nước ngó-sen.

Những vị để giữ chân âm nuôi chân huyết mà chữa về chứng hư như : thục-địa, sinh-địa, dương-qui, bạch-thược nhân-sâm, sa-sâm, đan-sâm, hoàng-kỳ, thiên-môn, mạch-môn, a-dao, quy-giao, bột sữa-người, địa-cốt-bì, cam-thảo.

Những vị để chỉ huyết : hoa-kinh-giới, mực-tầu, muội-nồi, trắc-bách-diệp sao đen, tóc đốt thành than, lá-sen đốt thành than, hoa bông-lau, ngũ-linh-chi, tôn-đồng đốt thành than.

Những vị để phá ứ huyết như : hồng-hoa, tô-mộc, hoa nhị-thạch, nga-truật, uất-kim, phi-căn (rễ hẹ).

Tìm sách

Những vị chữa về khái huyết như : bạch-cập, ngó-sen, tử-tô, ngũ-vị, ô-mai, bối-mẫu, ý-dĩ, bách-hợp.

Những vị chữa chứng trảng-phong như : tầng-bông, địa-du, da con nhím, lục-căn, quán-chúng.

Những vị chữa về trĩ-lậu như : hòe-hoa, hòe-giác, địa-du.

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập Y-TRUNG QUAN-KIỆN

(then cửa trong nghề thuốc)

TìmSách

TìmSách

Tiểu dẫn của táo giả

Sách thuốc đời xưa có nói : « người ta diện mạo khác nhau nhưng tạng phủ âm dương giống nhau. » Vì thế đem phương pháp chữa trăm chứng bệnh, xét về căn bản cũng như một chứng bịnh, đem phương pháp chữa một chứng bệnh, suy ra có thể chữa được trăm chứng bệnh.

Là vì danh từ của trăm chứng bệnh dù có khác nhau nhưng không ngoài khí huyết và hư thực (người yếu, hay là bệnh mạnh), âm dương thịnh hay suy. Nội-Kinh có nói : « Người ta sinh ra bởi toàn thể khí âm khí dương, khí âm hòa bình, khi dương bí vít, thời tinh thần mới vững, khí âm lìa khí dương thiếu, thời tinh thần sẽ tuyệt ». Thế là người ta từ lúc sinh ra cho đến khi già, ốm và chết (sanh, lão, bệnh, tử) đều quan hệ ở hai khí âm, dương. Về phép chữa bệnh, thời Nội-kinh nói : « Biết được yếu lãnh thời một câu nói là xong, nếu không biết yếu lãnh, thì man mác vô cùng ». Lại nói : « Biết được ngọn chỉ chữa gốc, thời chữa ngàn người không hại một người nào », như trên đều là nghĩa biết yếu lãnh để chữa bệnh.

« Bậc tiên hiền sợ chúng ta như không hiểu mới làm ra nhiều sách, chia từng bài, phân biệt từng chứng bệnh. Nhưng sách thuốc càng ra nhiều, thời người học đã khó về lẽ thuốc lại khó về ý ở ngoài lẽ, mông mênh như người qua bể để tìm bến.

Tìm sách

« Tôi chữa bệnh 20 năm nay, kinh nghiệm đã nhiều, muốn cho người học thuốc về sau biết rõ đường lối, mới thâu góp các sách, trích lấy những câu yếu lãnh để làm cuốn *Y-Trung Quan-Kiện* này, để độc giả rõ yếu lãnh của trăm thứ bệnh. »

Năm thứ 41 niên hiệu Cảnh-Hưng triều Lê.

Hải-Thượng Lãn-Ông Lê-Hữu-Trác
làm bài tiểu-dẫn trên đây.

TìmSách

TẬP Y-TRUNG QUAN-KIỆN

GỒM 90 BỆNH CHỨNG

1.— Trúng phong. 2.— Trúng hàn. 3.— Tráng thử. 4.— Tráng thấp. 5.— Chứng táo (ráo) 6.— Hỏa. 7.— Thương phong. 8 — Thương hàn. 9.— Thương thử. 10.— Thương thấp. 11.— Phá-thương-phong (chứng nốn-ván). 12.— Năm chứng tê. 13.— Chứng tích tụ 14.— Chứng trùng giun. 15.— Chứng trĩ lậu. 16.— Chứng đau hoắc loạn. 17.— Chứng đi cầu lỏng. 18.— Chứng ly. 19.— Chứng thoát giang. 20.— Chứng táo kết. 21.— Chứng nghẹn, bĩ, đầy, buồn. 22.— Chứng nấc. 23.— Chứng nôn oẹ. 24.— Chứng oẹ hơi. 25.— Chứng ợ hơi. 26 — Chứng thổ nước chua, hay nuốt nước chua. 27.— Chứng nôn nao (tào tạp). 28 — Chứng Nghẹn cách phiên-vị. 29.— Chứng quan-cách. 30.— Chứng Hư-lao. 31.— Chứng không ngủ 32 — Chứng tự ra mồ hôi hay ra mồ hôi trộm (tự hãn, đạo-hãn). 33.— Chứng kinh sợ, hay quên và phiền. 34 — Chứng tam tiêu. 35.— Chứng sốt-rét (ngược) 36 — Chứng huyết. 37.— Chứng co giật (hành-chí). 38.— Chứng đàm. 39 — Chứng Ho nhổ. 40 — Chứng Suyễn nghịch. 41.— Gầm gào (báo-hống). 42.— Chứng Kinh-giản. 43 — Chứng điên cuồng. 44 — Chứng thức ăn ngăn cách lại. 45.— Chứng phản vị. 46 — Chứng lạnh tay chân giống như chứng phong, và dự phòng chứng phong. 47.— Chứng Hoàng-đảm 48.— Chứng Dịch. 49.— Chứng đai-đầu-ôn. 50.— Chứng nội-thương 51.— Chứng nội thương về ăn uống 52.— Chứng ăn uống không tiến. 53.— Chứng nất. 54.— Chứng

Tìm sách

trệ khí. 55.— Chứng cổ-chướng. 56.— Chứng nề những nước 57.— Chứng sôi bụng những nước. 58.— Chứng thổ tả. 59.— Chứng tiểu-tiện không thông. 60.— Chứng đại-tiện bế. 61.— Chứng đi đái nhiều. 62.— Chứng đái giắt (lâm). 63.— Chứng bạch trọc. 64.— Chứng di tinh. 65.— Chứng tiêu khát. 66.— Chứng phiền táo. 67.— Chứng nhức đầu. 68.— Chứng Giáp-xa sưng đau. 69.— Bệnh về râu, tóc. 70.— Bệnh về tai. 71.— Bệnh về mắt. 72.— Bệnh về mũi. 73.— Bệnh về miệng, lưỡi. 74.— Bệnh về răng. 75.— Chứng cuống-họng tê. 76.— Chứng đau tim. 77.— Chứng đau bụng. 78.— Chứng đau sán-khí. 79.— Chứng đau lưng. 80.— Chứng đau cạnh-sườn. 81.— Chứng đau cánh tay. 82.— Chứng cước khí (sưng ống chân). 83.— Chứng chân mỏi yếu. 84.— Chứng dương-sự yếu (dương-luy). 85.— Bổ cho chứng hư yếu. 86.— Chứng lao mòn. 87.— Chứng huyết vận. 88.— Chứng lạnh chân tay (quyết). 89.— Chứng bị ngã hay bị đánh. 90.— Chứng phong hủi

PHỤ LỤC

1) Bàn về Bốn nơi chứa trong thân người.

2) Ngũ tạng hiện chứng hư hay thực và phép chữa.

3) Bệnh ở ngũ tạng đều nên bổ thận.

4) Bệnh ở lục phủ hư hay thực và phép chữa.

5) Tóm lược phương thuốc về chứng ngũ tạng hư yếu.

6) Tóm lược phương thuốc về những ngũ tạng nhiệt.

7) Phương thuốc chữa chứng sốt và lời bàn của Phùng-tiên-sư.

8) Lời tổng luận của tác giả và phép chữa.

9) Chứng phát sốt như thế nào là nguy hay chết.

TimSách

Tập Y-Trung Quan-Kiện

Lê-hữu-Trác biệt hiệu Hải-Thượng Lãn-Ông biên soạn.
Hậu-học Võ-Xuân-Hiên biệt hiệu Đường-Mi sưu-tầm và xếp đặt.

***

I.— TRÚNG PHONG (trúng gió độc)

Chứng này vì âm hư phần nhiều mà về dương hư thời ít, vì ở trong hư yếu mà sinh ra phong về phần nhiều, mà vì ngoại cảm thì ít. Những người vì hư yếu dù có triệu chứng trúng phong cũng cho là đầu mối để phát bệnh.

Nếu thấy bệnh nhân cắn răng lại, và tay nắm lại hay co vào, thân thể còn ấm mới tạm dùng những thuốc để thông khiếu, hóa đàm, khi tỉnh rồi phải tùy âm dương và hư thực để điều bổ.

Trái lại, nếu thấy há miệng, duỗi tay, nhắm mắt, són phân ra, nói nhỏ, mà chân tay lạnh, thế là đã vong âm thoát dương, phải cho uống gấp những vị thuốc hồi dương mà không nên xen vào một chút âm dược nào, hay là dùng lắm những bài thuốc thanh hoả, tiêu đàm, giáng khí để chóng chết. Thuốc hồi dương phải dùng đến sâm, phụ, hơn nữa phải dùng vị bạch-truật để giữ lại, nếu

TimSách

suyễn ngược lên thêm vị ngũ-vị. Dương khí đã hồi mới nên dùng bài lục-vị, bài bát-vị, bài thập-bổ và thêm nhung và cao của hươu hay nai, bột của sữa người hay nhau của người đẻ, v.v... để bổ tinh huyết, lại nên uống xen với những bài bổ-trung, qui-tỳ, thập-toàn, dưỡng-vinh để giúp khí huyết cho hậu-thiên.

Nếu cần dùng thêm thuốc để chữa phong, thời trong phong dược chọn lấy những vị mềm nhuận như phòng-phong, tần-bông, câu-đằng, thiên-ma, đỗ-trọng, tục-đoạn, uy-linh-thiên, ngưu-tất, kim-ngân, tang-ký-sinh, tòng-tiết v.v... nhưng cần phải có những vị bổ khí huyết làm chủ. Như thế thời không chữa phong mà phong dẹp đi, không chữa đàm hỏa mà đàm hỏa sẽ thanh, thật là yếu lãnh để chữa chứng phong.

***

2.— TRÚNG HÀN

Những chứng chợt ngã ra, người mụ đi, chân tay lạnh, đau bụng, đầy chướng, nôn oẹ, đi lỵ, mặt xanh, mạch « Hồng » đều là chứng trúng hàn.

Chứng này hoặc vì ngoại cảm, hoặc vì ăn phải thức sống thức lạnh. Cổ-thư có nói : « Người hay bị thương hàn là chân dương kém », huống chi là chứng trực-trúng, là vì người ta có dương khí để bảo vệ trong và ngoài, nay đã trúng hàn thời tất nhiên là kém dương khí.

Nếu bệnh chưa nguy cấp, thời chỉ dùng bài *Bổ-trung-ích khí* thêm khương, quế, phụ-tử để tán hàn. Nếu đã

Tìm sách

lạnh chân mà dương khí chực thoát thời nên uống bài *Sâm-phụ hồ-dương* hoặc thêm bạch-truật để giữ lấy khí ở trung tiêu, lạnh lắm thêm vị can-khương, một khi phải dùng đến thuốc bổ âm, thời cũng chỉ thêm một vài phần, mà thuốc để bổ dương vẫn nhiều hơn, để giữ lấy dương khí.

***

3 — TRÚNG THỬ

Mùa hè mà chợt ngã ra, sách cổ cho là vì hỏa, vì đàm, mà tôi cho là bởi nguyên khí kém hay bởi hư yếu. Vì hỏa làm hại phế là hành kim thời khí phải hư yếu, nắng là âm-tà, âm thịnh thời dương suy, thế là nguyên khí không vững mà chợt ngã ra, dương đã yếu thời hỏa phát ra, khí đã ngược thời đàm thăng lên, nên ta không có thể chỉ cho là vì hỏa vì đàm.

Đại khái người bẩm sinh khoẻ mạnh mà đàm hỏa nhiều thời tạm nên thanh hỏa thổ đàm rồi tùy chứng mà dùng thuốc, còn người đã vong dương thoát khí thời chỉ dùng sâm, phụ để bổ hoả, mạch-môn, ngũ-vị để thu liễm Nếu đi đường mắc chứng ấy mà không tiện thuốc thời cho uống nước nóng mà nhiều người đái vào đồ vật gì rồi để lên rốn bệnh nhân ngay lúc nước tiểu còn nóng, cũng có thể tỉnh lại.

***

4.— TRÚNG THẤP

Chứng này ở trong bởi tỳ-vị kém vận hành mà ngoài cảm mưa sương râm thấp. Tuy đời xưa có nói chữa trúng

Tìm sách

thấp nên dùng thuốc cho đi đái nhiều. Nhưng thấy nặng mình, xương cốt đau nhức, phù nề, thở suyễn, đầy bụng, phiền buộn mà mờ tối không biết người ngoài, mạch « trầm mà hoãn » hay là « trầm mà vi, tế », thời phần nhiều bởi khí ở trong người hư yếu, như vậy lại không nên dùng thuốc để bệnh nhân đi đái nhiều để hao tổn âm dương, chỉ nên dùng bài *Truật-phủ-thang* hay là bài *Cam-thảo phủ-tử thang*, nếu nề mà cổ-trướng thời dùng bài *kim-quý thận khí hoàn.*

***

5. — CHỨNG TÁO (ráo)

Chứng táo là nước tân-dịch khô kiệt mà không được thấm nhuần, chứng này còn tệ hơn chứng hỏa. Căn bệnh tuy bởi tạng phế mà nguyên nhân còn bởi tạng tỳ, tạng thận.

Vì thế, chữa chứng hoả có khi còn dùng thuốc hàn lương mà chữa chứng táo chỉ nên dùng những vị để giúp âm huyết sinh tân-dịch.

Cổ-thư có nói : « Chữa chứng táo vì phong nên dưỡng chân huyết, chữa chứng táo vì nhiệt nên bổ chân thủy ». Dưỡng chân huyết như những bài *tứ-vật*, bài *dưỡng-vinh*, giúp chân thủy như bài *lục-vị* thêm Thiên-môn, Mạch-môn, Ngưu-tất, Ngũ-vị, Khởi-tử, Cao Ban-Long, Nhục-thung-dung, Sữa người. Nếu vì chân hoả hư yếu, hoả bốc lên mà ráo nên uống bài *bát-vị* để dẫn hoả về chỗ.

***

Tìm sách

6.— MÔN CHỮA HỎA

Khí của người tức là hoả, mà hoả tức là khí, khí yên ở địa vị thời là nguyên khí để nuôi dưỡng cho người, mà không yên chỗ thời là hoả dữ dội (tráng-hoả) mà làm hại đến khí.

Nhưng có phân ra hư, thực, thực-hỏa là hỏa hữu hình, hư-hỏa là hỏa vô hình, sáu bộ mạch mà « hồng sác » hữu lực thời là thực (tà khí mạnh), nếu sáu bộ mạch « trầm, vi, hoãn, nhược » thời là hư mạch (mạch yếu).

Tóm lại, thực hỏa thời nên tả cho vợi đi như bởi phong hàn thời dùng thuốc Tân-lương. Bởi thấp nhiệt thời dùng thuốc thấm thấp để mát đi.

Hư-hỏa thời nên bổ, như tỳ thổ hư yếu không chứa được dương khí thời dùng những bài *tứ-quân*, *bổ-trung*, nếu chân huyết kém mà âm hư hỏa động thời dùng những bài như *tứ-vật*, *qui-tỳ*, *dưỡng-vinh*.

Nếu chân thủy kém mà hỏa bốc lên thời dùng bài *lục-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất. Nếu chân hỏa kém mà hư hỏa bốc lên thời dùng bài *bát-vị* thêm ngũ-vị, ngưu-tất.

Ngoài ra, chứng thực-hỏa mà nên tả cho vợi đi như những vị hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá, bệnh đã đỡ lại chữa về căn bệnh mà không nên tả hỏa mãi để tuyệt nguyên khí.

∴

Tìm sách

7. – THƯƠNG-PHONG

Thương-phong là cảm gió thì nhẹ hơn trúng-phong. Người nào dễ thương phong là khí ở ngoài biểu hư yếu. Hiện chứng ho đàm, ngạt mũi, nặng tiếng, sợ gió mà có mồ-hôi, lúc mới chỉ nên giải ở ngoài biểu mà không nên bổ ngay, dù bởi người hư yếu cũng vậy. Bệnh mới phải nên uống bài *sâm-tô* gia giảm hoặc hợp với bài *tứ-vật*, bệnh đã lâu nên uống bài *lục-vị* bội nhiều vị phục-linh, thêm những vị mạch-môn, ngưu-tất, có ghê rét thêm vị phụ-tử, thật là thánh-dược chữa chứng phong hàn ho sốt.

∴

8. – THƯƠNG-HÀN (cảm lạnh)

Trong quyển ngoại-cảm, tôi đã bàn nước ta không có chứng thương-hàn như người phương bắc.

Đại khái lúc mới cảm chỉ nên dùng những vị thuốc nhẹ nhàng mà phát tán, như phòng-phong, khương-hoạt, độc-hoạt, bạch-chỉ, tế-tân, tử-tô, cát-căn, hành và gừng sống v.v.. mà lấy thuốc bổ khí hay huyết để điều khiển những vị thuốc kể ở trên, cần nhất là phải có những vị để giữ lấy chân âm. Tôi có đặt ra 3 *bài thuốc để giải ngoại biểu, 6 bài thuốc để điều hòa trong lý*, ở quyển ngoại-cảm, nhất thiết không nên dùng hai vị ma-hoàng, quế-chi để hại nguyên khí.

∴

Tìm sách

9.— THƯƠNG-THỬ (cảm nắng)

Người làm việc khó nhọc ở ngoài nắng, hay đi đường cảm nắng là dương-tà, người ở chỗ kín mà cảm nắng là âm tà (nắng âm). Nắng thì hại chân khí, cho nên phép chữa phải giữ lấy khí của tạng phế, nóng thì hại chân âm, cho nên tân-dịch háo. Vị hương-nhu dù để chữa nắng nhưng người chân khí hư yếu không nên dùng : Như bài « *Thanh-thử ích-khí* » cũng chỉ chữa lúc mới cảm, còn bài *Sinh-mạch*, bài *lục-vị* để giữ tạng phế vào giúp chân thủy mới là thần diệu.

***

10.— THƯƠNG THẤP (Cảm ẩm thấp)

Có người vì cảm khí ẩm-thấp, có người vì ăn phải thức sống, thức lạnh, thố là hàn thấp. Còn chứng thấp-nhiệt là tỳ-vị kém vận hành mà sinh ra thấp, thấp khí uất lên mà thành ra nhiệt. Lại có người vì chân dương hư yếu mà thành ra hàn thấp,

Hiện chứng nhức đầu, nặng mình, da vàng mà mạch « sác » (đi vội).

Phép chữa nên cho đi đái nhiều mà không nên cho ra mồ-hôi nhiều. Tuy thế, chứng thấp từ ngoài đến lại không nên cho đi đái nhiều, chứng thấp vì ở nơi nước độc lại không nên cho ra mồ-hôi, chỉ có bài *Ngũ-linh* gia giảm là chữa chứng thấp mới phát mà chưa nặng lắm, đến khi đầy-chướng bụng cách lên mà người nề, thì chỉ có bài *Kim-quỹ thận-khí* mới có thể cứu vãn được.

***

Tìm sách

11.— PHÁ-THƯƠNG-PHONG
(chứng uốn-ván)

Người bị thương thủng thịt chảy máu hay là ung nhọt đã vỡ hoặc đàn bà băng huyết, những chứng ấy không giữ gìn cẩn thận hay không sạch sẽ để gió độc cảm vào, gió động hoả ở tạng can, cho nên gân khô mà cấm khẩu, co giật rồi thành uốn ván, đó là chứng nguy hiểm ngay chốc lát.

Người còn mạnh thì tạm chữa về chứng phong, rồi điều bổ về sau. Còn người hư yếu lắm, phải uống trước bài *sâm-phụ hồi-dương*, rồi uống đến thuốc bổ thủy, hỏa, như bài *lục-vị*, bài *bát-vị* lại giữ lấy khí cho tỳ-vị, cũng may ra mới cứu được.

∴

12.— NĂM CHỨNG TÊ

Nội-kinh có phân ra chứng tê về gân, chứng tê về xương, chứng tê về thịt, chứng tê về mạch, chứng tê về bì-phu (ngoài da) nhưng chỉ bởi cảm gió độc, hay hàn khí hoặc thấp khí mà thành bệnh.

Vì phong nhiều thì tê chỗ này chạy sang chỗ kia. Vì hàn nhiều thì xương đốt đau nhức khổ sở mà có khi phù sưng. Vì thấp nhiều thì đau một chỗ không di chuyển, lâu ngày tê lần mãn bì ra mà bấm không biết đau (ma mộc kết nhân) đại khái vì phong hàn thì tê mà đau vì thấp thì tê mà nề.

Phép chữa phong nên dưỡng chân huyết; chữa hàn nên bổ chân hỏa; chữa thấp nên mạnh cho tỳ-vị, dù

Tìm sách

nống thuốc phong thấp cũng phải dùng thuốc bổ khí huyết và phải để ý đến tạng can, tạng thận, để giúp tinh huyết cho gân cốt. Chứng ma-mộc bất-nhân phải cần đến quế, phụ, bệnh nặng thì phải lưu ý về thủy và hỏa.

∴

13.— CHỨNG TÍCH TỤ (hòn khối)

Chứng này phần nhiều ở trong vì thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn), ở ngoài vì cảm phong, hàn. Hòn khối ở nguyên một chỗ mà không di chuyển gọi là « tích », thuộc về âm là khó chữa, lúc ở chỗ này, này, lúc ở chỗ khác là « tụ » thuộc về dương là dễ chữa.

Sách thuốc đời xưa chia ra năm chứng tích, tích bởi tạng can gọi là *phi-khí*, tích bởi tạng tâm gọi là *phục-lương*, bởi tạng tỳ gọi là *bĩ-khí*, ở tạng phế gọi là *phục-lương*, ở tạng thận gọi là *bôn-đồn*.

Về chứng tụ cũng phân ra sáu thứ khác nhau, ông Đan-Khê thì phân ra chứng ấy ở giữa hay bên phải bên trái.

Theo tôi thì không ngoài khí ở trong kém vận hành, tà khí nhân đó mà tụ lại, vậy chỉ là đàm tích, hay thức ăn tích lại, hoặc huyết xấu tích lại mà thôi.

Phép chữa, không phải phân biệt hình trạng tích tụ như thế nào? và tên là gì? Lúc mới phát bệnh mà người còn mạnh thì dùng thuốc để tiêu đi, người đã yếu thì vừa công vừa bổ, bệnh đã lâu mà người yếu thì dùng

Tìm sách

thuốc bổ, còn thuốc công phạt để tiêu đi chỉ có phần nào mà thôi.

Tôi thường chữa chứng này, các thầy thuốc đã dùng thuốc để tiêu đi và cả thuốc bổ khí huyết mà vô hiệu. Sờ bụng nóng nhiều, tôi cho uống bài *bát-vị* bội nhiều vị mẫu-đơn, thấy trong bụng nhiều nước thì bội nhiều phục-linh, chạch-tả, chân âm kém thì bội nhiều thục-địa, hoài-sơn, chân hỏa kém thì bội nhiều quế, phụ, bụng chướng mà người nề thêm vị xa-tiền, lại thêm vị ngũ-vị và ngưu-tất để thu liễm và giáng xuống, song uống sen với thuốc bổ tỳ-vị như sâm, truật, thán-khương, trích-thảo thì đều được công hiệu.

Là vì hoả đã yên ở địa vị thì trong người được thư thái, dù chương cổ-cách mà uống bài bát-vị cũng còn tiêu đi được, huống chi là chứng tích-tụ.

∴

14 — CHỨNG TRÙNG GIUN

Ngoại trừ chứng trùng lao, còn các chứng trùng giun khác đều bởi thấp nhiệt sinh ra, trong người có trùng, cũng như cây có sâu, muốn vun tưới cho cây mà không trừ sâu đi, thời cũng không xanh tốt được mà còn chết cả cây.

Phép chữa, muốn khử trùng thời chỉ dùng những vị như xuyên-luyện-tử, tàn của thiếc, sử-quân-tử, binh-lang, hùng-hoàng, lôi-hoàn, vô-di, hạt-sắt-thảo, bạch-phàn, rễ khô-luyện, rễ cây-thiu-lựu, can-tất, bách-bộ v.v...

Tìm sách

Nhưng nếu bệnh nhân yếu lắm, thời phải dùng thuốc bổ để nguyên khí vượng lên, rồi mới uống thuốc khử trùng, trùng đã hết lại dùng thuốc bổ mới được vạn toàn.

***

15.— CHỨNG TRĨ LẬU

Trĩ là chứng nhẹ, lậu là chứng nặng. Sách thuốc có chia 5 chứng trĩ là tần-trĩ, mẫu-trĩ, khí-trĩ, huyết-trĩ, tửu-trĩ, lại chia tràng-phong-trĩ, thư-bùng-trĩ, mạch-trĩ, nhưng nguyên nhân đều bởi ở thấp nhiệt, mà thấp nhiệt ấy do tửu sắc quá độ hay là ăn nhiều thứ ngọt thức béo mà sinh ra.

Phép chữa : chữa chứng trĩ nên mát chân huyết để nhẹ nóng, về chứng lậu đã mát chân huyết nhẹ nóng, mà còn phải ráo thấp khí và thêm thuốc ôn để tán đi.

Hơn nữa, chữa chứng lậu phải dùng thuốc bổ như khung, qui, sâm, kỷ, truật làm chủ, liên-bông, huyết-giác, niên-kiêu, thổ-bối-mẫu để giúp sức, nếu bệnh nhân hư yếu lắm thời phải bổ nhiều.

Tôi chữa chứng lậu, hư yếu mà còn có phần mạnh thời chữa theo phép đời xưa, bệnh nhân hoàn toàn yếu, thời dùng bài *lục-vị* bội nhiều thục-địa, mẫu-đơn để thanh hoả trừ phong, âm huyết đã sinh thời bệnh tự khỏi.

Cổ thư có nói : « đừng chữa phong, đừng chữa ráo, khi chữa được hỏa thời phong ráo tự khỏi », chính là nghĩa ấy, nếu bệnh đã lâu mà tinh huyết kiệt, chắc là người hư hàn thời phải thêm quế, phụ.

***

Tìm sách

16.— CHỨNG ĐAU HOẮC LOẠN

Chứng này phần nhiều phát sinh về mùa hè, vì mùa ấy nắng mà thấp nhiệt, ở trong lại ăn uống phải thức sống thức lạnh, rồi âm dương ngăn cách, khí trong sạch không thăng lên, khí xấu không giáng xuống, cho nên đau nhiều hơn chứng đau bụng thường, thổ nhiều thì vong dương, đi cầu nhiều thì vong âm, vì thế chứng này là một trong năm chứng chóng chết (ngũ đoạt).

Chứng trên là *thấp-hoắc-loạn*, vì có thổ có đi cầu, còn chứng *can-hoắc-loạn* (đau bụng khan) không thổ không đi cầu, chân tay lạnh, chuột rút, bụng đầy chướng, đờm dềnh lên thời chết người lại chóng hơn chứng trên. Phép chữa : lấy nước đái trẻ em thật nóng hòa vào một chút muối sao khô cho uống để thổ ra và đi cầu, hay là lấy nước muối lỏng cho uống để thổ ra cũng được, thuốc uống thời thường dùng những vị hoắc-hương, trần-bì v, v.. để hành khí mà không ráo chân khí (có khi dùng một nửa nước đun sôi, một nửa nước lã nguội hoà lẫn mà uống cũng khỏi.

∴

17.— CHỨNG ĐI CẦU LỎNG (tiết tả)

Chứng này là nước ở tiểu-tràng không thấm riêng ra mà sang cả đại-tràng rồi đi cầu lỏng. Vì thế đi cầu lỏng thời đi đái ít.

Chứng này có phân ra vì gió, vì nắng, vì thấp, vì

TìmSách

hỏa, vì hàn, vì nhiệt, vì đờm hay vì thức ăn uống. Nhưng chứng hàn tả nhiều mà chứng nhiệt có ít, ta đừng thấy khát nước đi đái đỏ mà cho là thực nhiệt thì chưa đúng, phải xét về hình thể còn mạnh mà mạch cũng mạnh mới chữa theo chứng thực. Ngoài ra nên dùng thuốc để mạnh cho tỳ vị và ráo ẩm thấp, như bài *tứ-linh*, bài *ngũ-linh*, nếu đi tả nhiều, hay đã lâu thời thêm kha-tử, đậu-khấu.

Ngoài tám chứng kể trên, sách cổ còn phân biệt bệnh vì ăn uống là tạng tỳ yếu, vì tình dục là tạng thận yếu, vì tức giận là tạng can yếu, nhưng vì tạng tỳ thời nhiều, vì tạng can rất ít.

Dù bệnh bởi tạng tỳ, nhưng không nên dùng nhiều hay dùng mãi vị thuốc tân-ôn (cay mà ôn) và vị háo khí, mà phải bổ âm cho tạng-tỳ, vì tạng tỳ thuộc hành thổ, đất có thấm nhuần mới sanh được cây cỏ. Hơn nữa, chứng đi tả lâu mà người quá hư yếu lại phải để ý đến tạng thận, nghĩa là tạng thận chủ về đóng giữ lại mà là cửa ngõ cho tỳ vị. Khí ấy phải bổ chân thủy để thêm thấm nhuần, bổ chân hỏa để giúp sự vận hoá.

Cổ thư có nói : « Chứng đi cầu về hàn mà bệnh nhân yếu không phải là thủy dư ra mà là hỏa không đầy đủ, lại không phải là thủy không thông lợi mà là khí không vận hành », vì thế bài *ngũ linh tán* có phục-linh, chạch-tả để lợi tiểu tiện mà phải có vị nhục-quế.

***

TìmSách

18.— CHỨNG LY

Chứng này cũng có hàn, nhiệt, hư, thực, Ta đều cho là nhiệt cả mà nhất thiết dùng vị hoàng-liên là lầm, Nội-kinh gọi là chứng *trệ-hạ* nghĩa là những vật tích lại ở trong bụng muốn đi cầu mà khí trệ lại, cho nên mót đi cầu mà lúc đi lại bức bách không ra (lý cấp hậu trọng), nên phép chữa phải cho thông lợi, như chứng hàn dùng vị ba-đậu, chứng nhiệt dùng vị đại-hoàng dù bệnh hư yếu cũng phải nống thuốc cho thông đi rồi mới dùng được thuốc bổ.

Tuy thế, bệnh đã lâu mà người hư yếu quá, cũng phải để ý đến tỳ-vị, mà có khi phải dùng bài *bát-vị-hoàn* thêm vị thổ-ti và phá-cố để bổ tạng thận mà vít lại.

***

19.— CHỨNG THOÁT GIANG (lòi rom)

Chứng này vì đi ỉy lâu hay là đi tả lâu mà lòi ra, cũng có người vì khí kém hay huyết kém, hoặc huyết nóng hay khí nóng. Phép chữa, là hư yếu thì bổ, là nhiệt thì dùng thuốc cho mát đi, mà đều cần phải có vị thuốc để đem lên như vị thăng ma.

Vậy bệnh nhân vì chân khí yếu mà hãm xuống, dùng bài *bổ-trung ích-khí* vừa bổ ỉy vị vừa đem trở lên. Bệnh nhân vì chân hỏa kém mà không giữ lại được, nên dùng bài *bát-vị* thêm vị phá-cố để giữ lại.

Tìm sách

Còn những phương thuốc gia truyền để xông hay bôi, dù có hiệu nghiệm, nhưng không chữa được căn bản.

***

20. – CHỨNG ĐẠI TIỆN TÁO KẾT

Chứng này sách cổ có phân ra vì nóng, vì lạnh, vì phong, vì khí, vì huyết, nhưng đều bởi âm huyết khô ráo. Cổ thư có nói : « đại tràng có chân huyết thì nhuận, thiếu chân huyết thì ráo ».

Vì thế, chữa chứng táo-kết, bệnh nhẹ thì dùng thuốc bổ huyết về hậu-thiên, như những bài *nhuận-táo thang*, *hoạt-tràng thang*. Còn bệnh đã nặng thì phải dùng bài *lục-vị* bội nhiều thục và thêm vị nhục-thung-dung, ngưu-tất, mật ong, sữa người mới được thành công.

***

21.– CHỨNG NGHẸN, TẮC, BĨ, ĐẦY, BUỒN

Năm chứng này đều bởi ở khí, nhưng nghẹn, tắc là khí mới trệ, mà bĩ, buồn là trệ đã lâu. Có phân ra vì đàm, vì thức ăn, vì thấp nhiệt.

Thời cổ dùng vị hoàng-cầm, hoàng-liên, chỉ-thực để nhẹ đi, vị bán-hạ, hậu-phác, gừng sống để tản đi, phục-linh, chạch-tả để thấm đi, lại thêm sâm, truật để bổ. Nhưng cần ở tỳ vị được mạnh thì khí tự nhiên hành.

Tìm sách

Lại có chứng vì huyết mà đầy. Nội kinh nói : « khí xấu đem lên thì thành chứng đầy chướng ». Ông Đông-Viên nói : « đem thuốc bổ huyết để chữa chứng đầy ít có người biết » thế là nghĩa phải bổ âm cho tạng tỳ. Còn như khí của tiên-thiên không về chỗ mà đầy ngược lên, chỉ có bài *bát-vị* thêm ngũ-vị và ngưu-tất, thì ở trên khỏi đầy, (riêng chứng ấy thuốc bổ khí huyết không chữa được).

***

22 — CHỨNG NẤC NGƯỢC LÊN (ách-nghịch)

Chứng này nếu ở trung-tiêu thì tiếng ngắn và nhỏ mà dễ chữa, nấc ở hạ-tiêu trở lên thì tiếng to và dài mà khó chữa. Theo nội-kinh thì chứng ấy đều thuộc về hoả, hoả tức là khí, khí đã uất tất nhiên bật lên mà thành tiếng.

Nhưng là thực chứng (tà khí mạnh) thì khai uất hành khí như những vị đinh-hương, thị-đế là khỏi. Còn chân khí kém mà khí không về chỗ bôn-đồn mà bốc lên, thì lại phải liễm xuống, chỉ có bài *bát-vị*, thêm ngũ-vị, ngưu-tất mới dẫn xuống được.

Ngoài ra, chứng âm vong dương thoát hoả bốc lên mà sắp tuyệt, lại chỉ có bài *sâm-phụ thang* thêm ngũ-vị, mà dùng thang thuốc thật to, may ra mới cứu vãn được.

***

TimSách

23.— CHỨNG NÔN OẸ (ẩu thổ)

Chứng này có người vì dạ-dày nóng, có người vì hàn uất, có người vì đàm, có người vì hàn trệ, có người vì khí ngược lên, có người vì giun, đàn bà có người vì có thai, lại có sách phân ra bởi khí, bởi tích hay bởi hàn.

Phương thuốc đời xưa vì những vị trần-bì, bán-hạ và gừng sống là những vị thuốc chính, nếu người hư yếu thời nên dùng bài *tiểu-bán-hạ* hay bài *đại-bán-hạ* cũng đều có gừng, vì gừng là thánh dược để chữa chứng ọe.

Tôi xét, nôn thời tân-dịch háo không thể coi là thực nhiệt, mà uống được thuốc lạnh hay mát. Lại có chứng ọe khan là khó chữa, đời cổ cho dùng bài *Ngũ-linh* là theo như nội-kinh chữa ọc khan phải thông lợi tiểu-tiện, vì rằng tạng phế chủ về tiết độ, tiểu-tiện đã lợi thời khí của tạng phế không bốc lên. Nhưng xét hỏa có hư và thực, ăn không lọt vào là có hỏa mà là chứng thực, ăn vào rồi lại nôn là không có hỏa mà là chứng hư, câu thành ngữ ấy có thể tóm tắt được.

Lại có người vì tạng hàn người yếu mà thổ, thời lại không dùng được những vị bán-hạ, trần-bì để ra mồ-hôi mà vong dương, chứng ấy lại phải dùng phụ-tử, can-khương để ôn trung tiêu, ngũ-vị để liễm trở xuống.

***

24.— CHỨNG OẸ HƠI (ế khí)

Chứng này tựa như ọe khan mà tiếng nhỏ, người ốm lâu hay mắc phải. Nguyên nhân bởi dạ-dày lạnh là phần

nhiều, mà bởi nhiệt, bởi đờm, bởi thức ăn thì ít. Nếu ốm nặng mà thấy ọe là âm khí đã kiệt, dương không dựa được vào đâu thời lại gốc ở tạng thận.

Tôi xét chứng này, ọc mà tiếng ngắn là ở dạ-dày thời dễ chữa. Tiếng dài là âm-hỏa thời khó chữa, ọe từng hồi là dễ chữa, hồi lâu mới ọe một tiếng lại là khó chữa, người mạnh thời dùng những vị đinh-hương, thị-đế (tai hồng) và những vị cay mà mát. Người hư yếu thời dùng bài *bát-vị* thêm ngũ-vị, ngưu-tất để đem khí về chỗ may ra mới công hiệu. Nội-kinh nói : « bệnh nặng thời phát oẹ » như vậy thời người ốm mà thấy oẹ là chứng nguy.

***

25.— CHỨNG Ợ HƠI (ái khí)

Chứng này là bởi hỏa hay bởi uất khí hoặc bởi đờm cách lên. Nội kinh nói : « khí âm ngăn cách, hay là thức ăn uất lên mà có nhiệt thời thành chứng ợ-hơi ».

Nhưng cũng phân ra hư thực. Nếu là thực chứng thời dùng thuốc để hành khí khai uất như những vị hoàng-cầm, bán-hạ, nam-tinh, trần-bì. Nếu là hư chứng thời phải đem khí về chỗ như bài *bát-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị.

***

Tìm sách

26.– NÔN NƯỚC CHUA, NUỐT NƯỚC CHUA

Nôn nước chua là khí uất mà thấp nhiệt. Nuốt nước chua là thức ăn tích lâu không nôn ra được, mà bất đắc dĩ phải nuốt vào mà là chứng hàn.

Sách thuốc đời xưa nói chứng nuốt nước chua không được rõ nghĩa, nhưng tôi xét là bởi khí của dạ-dày, nước dàn lên nhưng khó thổ được mà phải nuốt đi, chứng ấy là triệu chứng sắp thành ra chứng phiên-vị, nên phải chữa ngay. Nôn nước chua thời uống bài *tiêu-giao*, nuốt nước chua thời uống bài *qui-tỳ*.

***

27.– CHỨNG NÔN NAO (tào-tạp)

Nếu là thực chứng (bệnh mạnh) thời chỉ vì đàm, vì hoả, vì uất, vì tích lại, nên cho uống những vị : hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá, sơn-chi, nam-tinh, trần-bì, bán hạ v.v... là chữa theo về đường lối thẳng. Nếu là hư chứng, mà người yếu thời là âm hư mà hoả động, nên dùng bài *tứ-vật* thêm những vị mát chân hoả. Còn chân thủy kém mà hoả bốc lên, thời uống bài *lục-vị* thêm những vị để liễm xuống, vì hoả đã đồng thời khô ráo mà trong ngực tựa như đau, cho nên người nào đen mà gầy hay đàn bà ra huyết nhiều thường có chứng này.

Tuy thế, cũng có người vì khí của hậu-thiên hư yếu mà có đờm, thời lại nên uống bài *tứ-quân* hay *lục-quân*.

***

Tìm sách

28.— CHỨNG NGHẸN, CÁCH, PHIÊN-VỊ

Ba chứng này đều bởi thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) mà hoả bốc lên. Nghẹn là ăn-uống đến cổ họng thời thổ ra. Cách là ăn uống đến dạ-dày, thời thổ ra. Còn chứng phiên-vị là ăn uống như thường nhưng sáng ăn là chiều nôn, chiều ăn là sáng nôn mà còn nguyên cả hột cơm.

Tóm lại, hoả dữ-dội (tráng-hoả) thời hại chân âm mà hảo khí, chân âm kém thời nước tân dịch kiệt, khí kém thời không vận hóa được mà sinh đàm. Chân âm càng kém thời hoả càng động.

Nhưng thủy là gốc cho huyết, thận thủy đã kém thời tướng-hỏa bốc lên, hỏa càng mạnh thời tiêu thước càng nhiều, dạ-dày khô mà nôn ra, cho nên bệnh nhân chưa yếu lắm thời giúp chân huyết và mát chân hỏa với tiêu đờm là đủ. Còn người yếu nên dùng bài *lục-vị* để giúp chân thủy mới có công hiệu. Cổ thư nói: « chứng này người nhiều tuổi đi cầu khô như phân dê không chữa được », những chứng ấy là chân âm sắp tuyệt.

***

29.— CHỨNG QUAN-CÁCH

Trong người, khí âm hòa bình mà bốc lên, khí dương bí vít mà giáng xuống, khí huyết chú lưu thì sao có ngăn cách. Nay ở trên khí dương ngăn âm để không vào được, ở dưới khí âm ngăn dương để không ra được, như

Tìm sách

thể hình tượng quẻ « BĨ » trong Kinh-dịch (quẻ Kiền là trời ở trên mà khí của trời không xuống, quẻ Khôn là đất ở dưới mà khí của đất không thăng) bệnh nhân gặp chứng ấy là khí âm khí dương lìa nhau, nên sách đời xưa cho là chứng chết mà đáng kinh sợ.

Bệnh ấy không thể chữa bằng thuốc bổ khí huyết mà phải chữa bằng thuốc bổ âm dương, tức là bài *bát-vị* để giữ lấy căn bản về tiên-thiên.

***

30.— CHỨNG HƯ-LAO

Chứng này vì ho lao mà gầy mòn, nên cũng gọi là « lao sái ». Nguyên nhân bởi tinh huyết thiếu, chân Âm hư yếu mà hỏa động lên, chân thủy suy thì hỏa bốc lên, tạng phế thụ thương mà ho ra huyết hay khạc ra huyết mà mất tiếng, lâu ngày đến chết.

Tinh huyết gốc ở tạng thận thì những phương thuốc để bổ khí huyết như bài *tứ-quân*, bài *tứ-vật*, bài *bát-chân*, bài *thập-toàn* không chữa khỏi. Chỉ có phép chữa bằng bài *bát-vị* của Trương-trọng-Cảnh đặt ra bổ thủy hỏa là gốc của âm dương để cứu lấy căn bản, lại thêm những vị thuốc của động vật hữu tinh, như vị tử-hà-sa (nhau người đẻ), sữa người, cao và nhung của hươu hay nai. Nếu chân thủy suy thì thêm chân thủy, chân hỏa kém thì bổ chân hoả.

Tuy thế, còn phải để ý đến tỳ-vị để ăn uống vẫn

Tìm sách

được, thế là bí phương chữa chứng ho lao, bằng không dù uống muôn ngàn thang thuốc khác mà không hợp với bệnh cũng là vô ích.

Cổ nhân có nói : « chứng bệnh làm khó cho thầy thuốc, là chứng âm hư và chứng tích-tụ đã lâu ». Tôi thường chữa chứng này, người nào đại-tiện khô ráo dễ chữa, mà đại-tiện lỏng phân thì khó chữa, vì phải uống thuốc bổ âm, bổ âm thì đi cầu lỏng thêm ra, mà uống xen với thuốc bổ tỳ vị thì lâu khỏi, hơn nữa, tạng thận đã suy mà tạng tỳ cũng bại thì nhờ vào đâu để sanh sống.

Vì lẽ đã sợ thuốc ráo lại sợ cả thuốc mát, nên tôi chế ra bài *bổ-âm tiếp-dương* và *bổ-dương tiếp-âm* để cứu vãn trong khi âm dương đều thoát. Còn về số mệnh thì không dám bàn đến. Xin bậc cao minh xét rõ.

***

31.— CHỨNG KHÔNG NGỦ

Tạng tâm để chứa hồn, tạng can để chứa phách, tạng tỳ để chứa ý. Chứng không ngủ được đều bởi âm hư huyết thiếu, ba tạng kể ở trên đều bị thương. Phép chữa nên gia giảm bài *quy-tỳ* hay là trách cứ ở mật, vì mật thuộc về gan đó là phép thường để chữa bệnh nhân mới phải.

Còn người chân âm hư tổn, âm tinh không đủ để phụng dưỡng lên tạng tâm, lại nên uống bài *lục-vị* thêm nhục-quế, hoàng-liên để tạng tâm tạng thận tương giao với

Tìm sách

nhau. Khí âm tĩnh thì huyết sinh, tinh thần sẽ yên mà ngủ được.

Tuy nhiên, cũng có người sau khi đại bệnh mà không ngủ mà là chân dương kém lắm, lại nên uống bài *tứ-quân* hay bài *lý-trung* thêm những vị để an tĩnh tinh thần.

***

32. — CHỨNG TỰ RA MỒ-HÔI HAY RA MỒ-HÔI TRỘM

Phép đời xưa cho chứng tự ra mồ-hôi là khí dương kém vì khí dương kém thì không giữ được ở ngoài. Còn chứng ra mồ-hôi trộm là chân âm kém vì chân âm kém thì không giữ được ở trong (tự hãn dương hư, đạo hãn âm hư) nhưng tôi xem thì chưa chắc hẳn như thế.

Vì mồ-hôi là tân dịch (nước trong cơ thể) người nào có nóng sốt mà ra mồ-hôi là dương làm ráo chân âm mà là chân âm hư kém, không nóng sốt mà ra mồ-hôi là khí âm lấn khí dương mà là chân dương hư kém.

Vậy ta nên xét : bệnh nhân nguyên khí kém vừa thì âm ấy là chân âm về hậu-thiên (tức huyết), dương hư yếu mà có nóng sốt thì bổ huyết để nhẹ hỏa đi, không có nóng sốt thì thêm chân khí để ôn ở trung-tiêu. Nếu bệnh nhân nguyên khí yếu lắm, thì âm đó là âm vô hình về tiên-thiên, dương hư yếu mà có nóng sốt thì giúp

Tìm sách

chân thủy để dẹp hỏa đi, không sốt thì chân hỏa để cân bằng với thủy.

Tạng tâm tạng thận tương giao với nhau thì mồ-hôi sẽ chỉ, vì mồ hôi là nước tân dịch của tạng tâm mà tạng thận chủ về năm thứ tân-dịch, cho nên chữa chứng mồ hôi phải để ý đến tạng tâm, tạng thận.

Còn như trẻ em vẫn thiếu chân âm và đàn bà sản hậu ra huyết nhiều là chân âm thiếu, nên có chút mồ-hôi để nhẹ chân dương đi, cũng không nên vít ngay lại.

***

33.— KINH SỢ, HAY QUÊN, VÀ BUỒN PHIỀN

Theo sách cổ thì chứng kinh sợ phân ra kinh, quý và chinh-sung. Kinh là thốt nhiên kinh sợ, quý là ở ngực giật lên mà sợ, kiêm cả hai chứng thị gọi là « kinh quý ».

Chinh-sung là dưới ngực giật động lên như người chực bắt mình, hai chứng ấy tương tự nhau.

Hay quên và buồn phiền đều là hư yếu, nhưng chứng hay quên nặng hơn.

Nội-kinh nói : « tinh của hỏa là thần, tinh của thủy là chí » cho nên tạng tâm chứa thần mà biết việc về sau, tạng thận chứa chí mà nhớ việc đã qua. Dưỡng cho thần là huyết, huyết đã kém thì thần không dựa được vào đâu mà không suy biết được việc về sau, có động là kinh sợ. Huyết thiếu tức là chân thủy kém,

Tìm sách

cho nên không nhớ việc về trước mà không động cũng sợ (quý).

Phép chữa, cần cho tạng tâm tạng thận tương giao với nhau, thủy của tạng thận là quẻ « khảm » đã tương giao với hỏa của tạng tâm là quẻ « ly », như thế là quẻ « ký-tế », nhớ việc trước, suy biết việc sau mà không còn kinh sợ. Thuốc uống cho tâm và thận tương giao không gì bằng bài *bát-vị* còn như bài *quy-tỳ* chỉ chữa cho bệnh còn nhẹ.

Chú giải : Bản chính thiếu không nói đến chứng « hư-phiền ».

***

34.— CHỨNG TAM-TIÊU

(Thượng-tiêu, trung-tiêu, hạ-tiêu).

Chữ « tiêu » nghĩa là tiêu hao khô kiệt. Người ta cơ thể được nở nang, bì mao được mỡ mòng đều nhờ ở chân thủy ở tạng thận. Nay chân thủy kém quá thì thành ra chứng trên, như chứng tiêu-khát là đi đái nhiều mà uống nước nhiều, hoặc tiêu-cốc là ăn nhiều mà không sinh cơ nhục v.v...

Chữa chứng tam tiêu, nếu bệnh nhân còn mạnh thì tạm dùng thuốc hàn lương để tả hỏa, nếu người đã yếu phải bổ âm huyết, mà hư yếu lắm thì phải mạnh cho chân thủy.

***

Tìm sách

35.— CHỨNG SỐT RÉT (ngược)

Chứng này hoặc vì ăn uống, hoặc vì khó nhọc, hoặc vì ở chỗ nước độc (sơn lam chướng khí) hoặc vì phong, hàn, thử, thấp. Sách cổ có phân ra sốt về sáng, về chiều hay về đêm, lại hàng ngày có sốt hay là cách 1, 2 ngày mới sốt để phân biệt là khó chữa hay dễ chữa.

Tôi ở chỗ rừng núi, dù về mùa hè mặt trời đã mọc cao bằng ba cây tre mà khí ở núi vẫn mờ mịt, lá cây ở sân giọt sương vẫn đọng như cúc áo. Nên cuối mùa xuân đầu mùa hạ là sau tiết đại-thử trước tiết sương-giáng (tự cuối tháng 5 đến cuối tháng 8), già trẻ đều phát chứng sốt rét. Lúc trước tôi chữa theo chứng ngã nước, có người khỏi có người không, mà có khỏi cũng đến hàng tuần.

Sau tôi nghĩ ra rằng: dân ở nơi đây từ lúc mới sanh vì sốt rét mà người yếu, càng yếu càng sốt rét, mặt vàng, da xỉn, trong bụng có nhiều hòn khối, mười người đến 7, 8 người như thế. Lại lúc sốt thì rét và nóng tranh nhau, lúc rét là khí âm lấn khí dương, lúc nóng là khí dương lấn khí âm, thế là khí âm khí dương đều hư yếu, ít người thật sốt rét mà tựa sốt rét thì nhiều, âm và dương chỉ là tên gọi mà thủy hoả là bản thể, khí huyết là sử dụng.

Cho nên thấy hiện chứng, mạch mạnh mà người còn mạnh là bại về khí huyết, nóng nhiều rét ít là chân huyết kém thì tôi dùng bài *tứ-vật* làm chủ, rét nhiều nóng ít là chân khí hư yếu thì tôi dùng bài *tứ-quân* làm chủ, mà điều hợp với bài *tiểu-sài-hồ*, nếu còn kiêm chứng gì thì thêm những vị hợp với chứng ấy, vì bài tiểu-sài-hồ để

Tìm sách

chữa chứng « bán biểu bán lý » (bệnh còn ở ngoài biểu mà mới vào trong lý). Chứng sốt rét ở kinh Thiếu-dương là bán biểu bán lý nên phải hợp với bài tiểu-sài-hồ.

Còn người nào mạch yếu người yếu là bệnh về âm dương, tôi thấy nóng nhiều rét ít là chân thủy kém thì dùng bài *lục-vị* làm chủ, thấy rét nhiều nóng ít thì dùng bài *bát-vị* làm chủ mà cũng điều hợp với với bài tiểu-sài-hồ kèm thêm chứng gì thì gia giảm.

Tuy thế, còn phải xem bệnh nhân ăn uống thế nào để xem vị-khí (khí của dạ-dày). Vị-khí còn mạnh thì thêm vị Thường-sơn để triệt ngược, vị-khí đã yếu thì nống xen những bài *Tứ-quân*, bài *Lục-quân*, bài *Quy-tỳ*, bài *Bổ-trung*, bài *Bổi-thổ cố-trung* v.v... vị-khí đã hồi lại dùng thuốc để triệt ngược.

Tôi theo phương pháp như trên để chữa chứng này, không cứ già, trẻ, đàn bà lúc có thai hay mới sanh đều được công hiệu tức khắc.

Chữa chứng này nhiều người dùng bài *Bổ-trung*, nhưng bài ấy chỉ nên tạm dùng với người nào khí dương hư yếu mà sốt rét đã lâu mà rét nhiều vì khí hãm trở xuống mà thôi, nếu thường dùng thì thăng nhiều lại giáng, hay là gặp bệnh nhân nào chân-âm hư tổn nóng nhiều rét ít thì càng bốc lên mà chóng chết. Ngay đến người âm-dương đều hư yếu mỗi ngày sốt một cơn vừa nóng vừa lạnh cũng không thể dùng được sâm, kỳ, sao bằng cứ triệt ngược trước rồi bệnh khỏi sẽ bổ.

Còn vị Thường-sơn là thánh dược chữa sốt rét, mọi người không biết phép chế và không biết dùng những

Tìm sách

vị khác để điều khiển, cho nên uống vào là thổ mà bệnh lại tăng lên, rồi sợ là dội dược mà không dám dùng. Tôi lấy giấm gạo thật chua đem tẩm rồi đồ chín lại sao cho khô đi, thì không thấy đem lên nữa, thế là có vị thuốc trên mà mời tối không biết dùng, nên tôi nêu ra đây để mọi người cùng rõ.

***

36.— MỌI CHỨNG HUYẾT

Mọi chứng huyết đều thuộc về hỏa. Thổ ra huyết là hỏa uất ở dạ-dày, ọe ra huyết (ồn huyết) là hỏa thịnh ở dạ-dày. Máu ra đàng mũi (lục huyết) là hỏa mạnh ở thượng-tiêu, ho ra huyết (khái huyết) là hỏa hại đến tạng phế.

Nhưng hỏa có âm dương, hư thực. Thực-hỏa là dương-hỏa, là hỏa về hậu-thiên, có thể đem nước hay ẩm đồ dẹp đi, nên thành ngữ nói : « thực hỏa nên vợi nhẹ đi ». Còn hư-hỏa là âm-hỏa là hỏa về tiên-thiên, chỉ có thể theo tính của hỏa dùng thuốc mà liễm vào hay là giáng xuống, nên thành ngữ có câu : « hư hỏa thì nên bổ ».

Xét ra là hỏa mạnh lắm, nên dùng những vị để phát chân hỏa như hoàng-cầm, hoàng-liên tri-mẫu, hoàng-bá. Nếu hỏa mạnh vừa thì dùng thuốc bổ huyết mà chỉ thêm ít vị thanh lương (hơi mát) để dịu mát đi.

Có một số ít người, phải dùng thuốc cho ra mồ-hôi để chỉ huyết (đoạt hàn giả vô huyết).

Tìm sách

Còn người nào hư yếu thì phải chữa về căn bản. Hư yếu vừa thì dùng thuốc bổ khí huyết như những bài *Bát-chân*, bài *Thập-toàn*, bài *Quy-tỳ*, lại có phương pháp bổ tạng-tỳ là hành thổ để tàng dương khí lại, như bài *Tứ-quân* bài *Lý-trung*, có gừng sao gần cháy, là vì chữa chứng huyết thường có công hiệu về thuốc bổ tỳ-vị. Như lậy đừng thấy là chứng hỏa nhiệt mà dùng ngay thuốc hàn lương (thuốc mát). Người thổ huyết quá nhiều hay và thốt nhiên đi cầu ra thật nhiều huyết là chứng chết ngay, thì uống ngay 1 vị sâm là bổ gấp chân khí để giữ huyết lại.

Chứng *tiện huyết* là đại-tràng gặp gió mà đi cầu ra huyết hay là vì hỏa. *Chứng tiểu-tiện đi ra huyết* (niệu-huyết) 2 phương ấy bệnh nhẹ thì dùng thuốc để nhuận chân huyết, bệnh nặng thì bổ chân thủy. Chữa chứng huyết mà dùng thuốc mầu sắc đen như mực tàu viết chữ Hán, muội nồi và gừng sao đen, là vì huyết đỏ thấy mầu sắc đen thì ngừng, còn có lẽ sắc đen thuộc hành thủy mà thủy dẹp được hoả.

∴

37.— CHỨNG CO GIẬT (hành chí)

Cổ thư nói : « Đừng chữa phong, đừng chữa táo, chữa được hoả rồi phong táo khỏi ». Cho nên chứng co giật đều bởi huyết ráo gân khô. Người ta gân cốt đều có chân thủy thấm nhuần mới có thể vận hành được.

Cổ-thư nói : « Gân nào không thuộc về tạng can », tạng can chữa huyết để nhuận cho gân, nay gân co giật hơn nữa như người uốn ván không phải là thiếu huyết hay sao ?

Tìm sách

Vì thế, người bệnh nhẹ phải dùng những bài bổ khí huyết như bài *Tứ-quân*, *Tứ-vật*, *Bát-chân*, *Thập-toàn*, *Quy-tỳ*, *Dưỡng-vinh*. Còn người bệnh nặng phải dùng thuốc bổ thủy hoả, như bài *Lục-vị*, bài *Bát-vị* để chữa căn bản cho khí huyết.

Còn hiện chứng đúng là chứng phong, thời chỉ thêm một ít phong dược, nếu chỉ dùng phong dược thời huyết càng ráo mà bệnh càng nặng lên.

***

38 – CHỨNG NHIỀU ĐÀM (đàm ẩm)

Người yếu thời tân-dịch (nước trong thân người) biến ra mà thành đàm, vậy đàm tức là khí huyết. Ông Cảnh Nhạc có nói : « không phải đàm sinh ra bệnh, mà là bệnh sinh ra đàm, nếu chỉ chữa đàm mà không chữa về chỗ vì sao sinh ra đàm, thời đàm càng nhiều lên », câu nói ấy thật là cách ngôn ngàn đời.

Sách Di-sinh có nói : « Tỳ là nguồn gốc sinh ra đàm, phế là nơi để chứa đàm », như vậy thời tỳ-vị không vận hành mới sinh ra đàm.

Sách Phương-giải nói : « Thủy của tạng thận kém thời đình lên mà thành đàm », thời có đàm mà nhiều nước dãi nước bọt, là đàm bởi tạng thận.

Sách Giản-dị nói : « Đàm không đi ngược lên cũng như nước không chảy ngược », là nói đàm thăng hay giáng đều bởi ở chân hỏa, mà hỏa tức là khí.

Tìm sách

Ta lại nên hiểu chữa đàm phải để ý vào khí, nếu khí thuận thời đàm tiêu.

Phép chữa : Nếu bởi tạng tỳ kém sức vận hóa mà sinh ra đàm, thời nên bổ bằng những bài *Tứ-quân*, *Lục-quân*, *Bổ-trung* v.v... Nếu vì thủy ở tạng thận dềnh lên mà thành đàm thời nên bổ thủy để sinh ra huyết. Nếu vì âm hư (chữ âm này phải là chữ dương mới hợp với nghĩa sách, phải chăng bản in khắc lầm) phát sốt mà sinh đàm, thời nên dùng bài *Bát-vị* thêm chân hỏa để hóa đàm đi. Như trên đây là tôi đã kinh nghiệm không chữa đàm mà tự nhiên đàm tiêu.

Nếu là thực chứng (tà khí mạnh) đàm bởi nhiệt mà sinh ra, phải dùng thuốc công đàm và mát chân hỏa, tán chân khí, nhưng chỉ nên tạm dùng trong lúc mới ốm, nhất thiết không nên dùng nhiều thuốc để sạch đàm đi, nếu dùng như vậy thấy công hiệu ngay nhưng di họa về sau.

***

39. – CHỨNG HO NHỔ (khái thấu)

Có tiếng ho mà không đàm là « khái » (ho khan), có đàm mà ít ho hay không ho là « thấu » (nhổ ra đàm) còn vừa ho vừa có đàm là « khái-thấu ». Chứng này bởi ở tạng phế, hoặc vì ngoại cảm, hoặc vì nội thương, nhưng gốc ở tạng phế mà cũng bởi tạng tỳ. Lại ho là khí ngược lên, tạng phế chủ cho khí nhưng tạng thận là căn bản cho khí như thế thời lại bởi tạng thận.

Chứng này bởi ngoại cảm mà ho còn nhẹ, thời chỉ

Tìm Sách

chữa ở tạng phế như bài *Sâm-tô* gia giảm, hoặc hợp với bài *Tứ-vật*.

Nếu bởi nội thương, ho lên mà là chứng nặng thời lại phải để ý về âm-dương thủy-hỏa mới có công hiệu. Riêng vị Phụ-tử nếu là chứng giả nhiệt thời tạm bỏ, nếu hàn nhiều lại nên dùng nhiều, vì vị ấy cũng là thuốc tiên để chữa ho.

***

40 — CHỨNG THỞ NGƯỢC LÊN (Suyễn nghịch)

Nội-kinh nói « Những chứng ngược lên đều bởi ở hoả », nhưng có thực hỏa là hỏa mạnh, mà hư hỏa là hỏa yếu mà bốc lên. Hỏa tức là khí, chứng thở suyễn bởi khí không về chỗ mà đi ngược lên.

Chứng này nếu vì ngoại cảm, khí uất lên mà thở gấp thời phải khai uất nhẹ cho hoả mà tiêu đàm, đó là chữa về tả khí mạnh tức là thực chứng.

Nếu bởi tinh huyết không đủ, khí không về chỗ, tạng thận yếu không giữ được khí mà hoả long-lối bốc lên làm hại đến tạng phế, chỉ thở suyễn mà ít hút vào, hoả không có thủy để dẹp đi, dương không có âm để liễm lại, thế là trung triệu chân âm mất, chân dương thoát mà nguy ở chốc lát. Nếu thấy mặt đỏ, hai gò má đỏ, nửa người trở lên nóng như rang thì là giả nhiệt mà chân dương thoát ra ngoài. Chứng ấy mà dùng lầm một chút thuốc mát là chết ngay, chỉ nên bổ mà liễm trở xuống.

Tìm sách

Nếu mạch bộ xích bên trái thấy yếu là chân thủy suy, nên dùng bài *Lục-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất. Nếu bộ xích bên phải thấy yếu là chân hoả suy mà hư hoả bốc lên, nên dùng bài *Bát-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất. Nếu hai bộ xích đều thấy yếu mà bộ quan, bộ thốn bên phải lại yếu hơn, thời dùng bài *Toàn-chân nhất-khí*.

Nếu bệnh đã ngặt, trán ra mồ-hôi đọng lại như cúc áo, tinh thần hoảng hốt thời uống bài *sâm-phụ thang* dùng chén thuốc to mà thêm ngũ-vị, tỳ vị yếu lại thêm bạch-truật và một chút thuốc bổ âm, nhưng thuốc bổ âm cũng không dùng được nhiều, đợi khi nguyên khí đã hồi mới dùng xen được thuốc bổ âm.

***

41.— CHỨNG GẦM GÀO (báo-hống)

Chứng này nếu hình thể mạnh, mạch cũng mạnh thời chắc là khí lạnh vít lại mà đàm uất lên, phép chữa nên tán hàn, tiêu đàm, thuận khí, hay là dùng thuốc cho thổ ra hoặc cho đi cầu.

Nếu hình thể yếu, mạch yếu thời là chân âm chân dương và thủy hỏa một bên hơn một bên kém, hay là âm dương, thủy hỏa đều kém, thời chỉ có bài *Lục-vị*, bài *Bát-vị* thêm Thiên-môn, Mạch-môn, Ngũ-vị, mà chân hỏa thịnh thời thêm Huyền-sâm bổ mà đem hỏa về chỗ, hỏa giáng thời khí thuận đàm tiêu. Nếu chỉ chữa về ngọn thời tăng bệnh mà chết.

***

Tìm sách

42. – CHỨNG KINH GIẢN (động-kinh)

Chứng này nếu hình thể mạnh, nguyên khí còn mạnh thời là hỏa uất đàm nhiều, mà đàm làm mê lấp khiếu của quả tim, thời phải chữa về hỏa về đàm, nếu còn đàm quánh ở thượng-tiêu, thời phải uống thuốc cho thổ ra, mà ở trong phải uống thuốc để hạ đi.

Người nào hình thể yếu, nguyên khí yếu, xét là chân thủy kém thời bổ chân âm, xét là chân hỏa kém thời bổ chân dương. Chứng này bởi tiên-thiên, hậu-thiên khí tuyệt âm dương không đủ, thời nên dùng bài *Lục-vị*, bài *Thập-toàn*, bài *Quy-tỳ* rồi tùy chứng gia giảm, mà uống lâu để trừ gốc bệnh, nếu chỉ thanh nhiệt, hóa đàm thời sẽ nguy khốn.

∴

43.– CHỨNG ĐIÊN CUỒNG

Tạng tâm chủ về thần-minh, tạng thận chủ về khôn khéo, tạng tâm chủ về thần mà tạng thận chủ về chí. Nếu tạng tâm tạng thận thụ thương, nhẹ thời hay quên hoặc kinh sợ, nặng thời điên cuồng, thế là tạng tâm tạng thận không tương giao với nhau.

Nếu là khí mạnh thời dùng thuốc trừ nóng để mát cho tạng tâm, lại khai uất tiêu đàm, an thần định chí, bệnh nặng hơn thời uống thuốc để thổ hay hạ là đủ.

Nếu là hư chứng thời phải dùng thuốc để thủy của tạng thận thăng lên, hỏa của tạng tâm giáng xuống, mới được vẹn toàn.

Tìm sách

Tuy nhiên, tỳ-vị là gốc cho hậu-thiên, chứng này cũng bởi tạng tỳ thiếu chức vụ. Vì thế bài *Bát-vị*, bài *Lục-vị*, để bổ thủy hỏa, bài *Quy-tỳ* và *Thập-toàn* để bổ khí huyết, không thể thiếu được.

∴

44. — CHỨNG THỰC ĂN NGĂN CÁCH

Chứng này vì yếu lâu ngày mà thành ra, thầy thuốc chỉ dùng những vị khoan khoái trong bụng như Chỉ-thực, Hậu-phác, Bình-lang v.v... và thuốc để tả hỏa như Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Tri-mẫu, Hoàng-bá, hơn nữa dùng Đinh-hương, Quế, Phụ, rồi chắp nê vào những bài *Tứ-quân*, *Lục-quân* để bổ tạng tỳ, đến nỗi huyết khô, dạ-dày khô ráo, thủy của tạng thận cũng kém, rồi hỏa bốc lên mà thành chứng quan-cách, đến nước cũng không uống được.

Chứng này căn nguyên bởi ở tửu sắc, thời đàm hỏa nhiều, đàm vì hỏa động lên, thời nên giúp chân thủy để giáng hoả. Hoả không bốc lên thời đàm không sinh ra. Nếu chỉ để ý dùng thuốc tiêu đàm thời không thể khỏi.

Tôi có lập ra bài *Thông-quan giao-thái* sau đây với chứng này rất có công hiệu.

Thông quan giao-thái thang : Thục-địa 3 chỉ, cứ một lạng thục thời tán bột 1 chỉ trầm-hương hoà với rượu mà tẩm rồi đem thục chung lên. Sơn-thù 1 chỉ chưng với rượu. Hoài-sơn 1 chỉ 8 phân sao chung với Trầm-hương rồi bỏ Trầm-hương đi, Mạch-môn 1 chỉ bỏ lõi, Ngưu-tất 6 phân rửa rượu phơi khô, Phục-linh 5 phân

Tìm sách

Nhục-quế 3 phân. Mẫu-đơn 9 phân, Trạch-tả 6 phân, Phụ-tử chế 5 phân.

Bài trên sắc lấy nước uống từng thìa một chừng 1 vài giờ thời dưới cuống họng mở ra, cơm ăn nên dùng ít một, những vị cao lương không được ăn nhiều và tránh tức giận. Cửa của tạng tâm đã mở thời bỏ quế và phụ mà dùng vị Phá-cố vị Hồ-đào-nhục (đều sao) mỗi vị 5 hay 8 phân hợp với những vị kia cùng sắc mà thường uống lại uống xen với những vị nhân-sâm, đương-qui, bạch-thược, qua-lâu, bán-hạ, tỳ-bà-diệp (phép chế nói không được rõ nhưng phải sao qua), Phục-linh, Hoài-sơn Mạch-môn, Cam-thảo cũng sắc lên mà uống.

***

45 - CHỨNG PHẢN VỊ

Chứng này dù không chết ngay, nhưng chữa không khỏi thời lâu ngày là chết. Chứng này bởi trong tạng thận không có hoả, cho nên hôm nay ăn thời ngày mai thổ, tức là Nội Kinh đã nói: « ăn đồ lọt rồi lại thổ » (1).

Ăn vào dạ-dầy rồi thổ ra tựa như bệnh ở dạ-dầy; nhưng biết đâu tạng thận là cửa ngõ cho dạ-dầy, tạng thận thụ thương thời dạ-dầy mới thụ thương. Ăn uống vào dạ-dầy nhờ có thủy của tạng thận giúp sức mới lọt xuống được, thủy ấy trên thâu góp được thức ăn rồi vận hóa thức ăn. Tuy thế, trong thủy không có hoả cũng như dưới nồi không có củi đun thời thức ăn không chín được; dạ dầy lạnh thời lá-lách cũng lạnh, lá-lách không

Tìm sách

vận hoá được thời thức ăn lại đem lên dạ-dầy, dạ-dầy không gánh nổi thời phải thổ ra ngoài.

Phương thuốc chữa chứng này như sau :

Định-vị-thang : Thục-địa 3 lạng, Sơn-thù 2 lạng, Nhục-quế 3 chỉ, Phục-linh 3 chỉ. Bài này uống 1 thang là đỡ, 10 thang có thể khỏi, để chữa chứng sáng ăn vào thời chiều thổ ra, chiều ăn vào là sáng thổ ra.

Chú giải : (1) Nguyên nội kinh có câu : « Thực nhập tức xuất thị hữu hoả giả, thực nhập phản xuất thị vô hoả giả » nghĩa là ăn vào lại nôn ngay thế là có hoả, còn ăn đã lọt rồi mới nôn là không có hỏa. Mục này nói hôm nay ăn vào ngày mai nôn ra là về nghĩa câu dưới ở Nội-kinh mà lại nói tức là Nội-kinh nói : « thực nhật tức thổ thế là viết lầm chữ phản ra chữ tức ».

∴

46.— MỌI CHỨNG QUYẾT GIỐNG NHƯ TRÚNG-PHONG

Trúng phải gió độc thời gọi là « trúng-phong ». Nhưng thật là trúng phong 10 người chỉ có 1, 2 người, còn vì yếu mà ngã ra chân lạnh tựa như trúng-phong thời nhiều hơn. Ông Cảnh-Nhạc có bàn về những chứng không phải là phong, tức là ý ấy.

Những chứng chợt ngã ra mà thành quyết, theo sách cổ có người vì ăn (thực-quyết) có người vì huyết (huyết-quyết), có người vì hàn (hàn-quyết), có người vì nhiệt

Tìm sách

(nhiệt-quyết), có người vì gần thấy người chết mà quyết (thi-quyết), có người vì đàm mà quyết (đàm-huyết), có người vì trùng giun mà quyết (giun-quyết), có người vì khí độc mà quyết (khí-quyết). Còn bạc-quyết và tiên-quyết, đều không rõ được nghĩa. Những chứng trên đều là thốt nhiên ngã ra mà chân tay lạnh,

Sao mọi thầy thuốc không phân biệt, hễ thấy thốt nhiên ngã ra là dùng ngay *ngưu-hoàng-hoàn* hay *tô-hợp-hoàn*. (Nguyên viên thuốc ngưu-hoàng để chữa chứng nhiệt ngăn cách khiếu ở quả tim, viên thuốc tô-hợp để chữa chứng hàn ngăn cách khiếu ở qua tim, hai thứ thuốc ấy không thể uống chung với nhau).

Vả lại, thuốc chữa gió phần nhiều dùng vị xạ-hương, chứng nào vì nguyên khí hư yếu, thốt nhiên ngã ra lại uống lầm vị xạ-hương là đem phong vào xương tỉ mà không giải đi được, dù không chết cũng thành cố tật.

Còn người há miệng, duỗi tay, són phân ra là chứng chết, phải dùng ngay sâm và phụ để hồi dương, khi ấy mà dùng ngưu-hoàng, tô-hợp là chết ngay, nhà làm thuốc phải cẩn thận.

Phòng ngừa trúng phong.

Người ta, chân khí kém thì da thịt tê lần mần (ma), chân huyết kém thì tay chân thượt ra (mộ), cũng có người vì tạng tỳ yếu mà ngón tay ngón chân tê lần mần, (tay chân thuộc tạng tỳ), vì thế mà ta chợt thấy tay chân có chỗ tê lần mần hay là đờ ra thì nên phòng ngừa chứng trúng phong

TimSách

Nhưng phải xét bệnh nhân hình thể gầy đen, mạch bộ xích bên trái « huyền » mà « xác » thì dùng bài *lục-vị*, hình thể béo trắng, mạch bộ xích bên phải hơi yếu thì dùng bài *bát-vị* đều thêm vị ngưu-tất, vị đỗ-trọng, nhưng hay cao của hươu hay nai, nhau người đẻ, bột sữa người, lại chọn những bài thuốc Dưỡng-vinh, Quy-tỳ, Bát-chân, Thập-toàn để uống xen với 2 bài thuốc kể trên.

Đại khái người tửu sắc quá độ hay là khi đã nhiều tuổi tức là khí huyết hư yếu mới hay trúng phong, thế là từ trong khởi ra, không nên phòng ngừa bằng thuốc phong dược.

***

47. – HOÀNG-ĐẢM (Da vàng)

Chứng này vì khí thấp nhiệt mà sinh ra, như thể cơm hay miến ủ nóng lên thì thành mầu sắc vàng, pháp chữa chỉ dùng thuốc để thấm nước đi mà đi đái nhiều (thấm lợi), như bài *tứ-linh* hay bài *ngũ-linh* gia vị, bệnh nặng dùng vị Nhân-trần làm chủ.

Còn người vì phòng-lao (khó nhọc về phòng dục) mà hoàng-đảm, lại không thể cho là chứng thấp nặt mà dùng thuốc thấm lợi để hại người, bệnh nhẹ thì dùng bài *bát-vị tiêu-dao* bội nhiều vị Sơn-chi, bệnh nặng thì xét âm dương bên nào thắng hơn mà dùng bài *lục-vị* hay bài *bát-vị*, thêm những vị bổ tinh huyết để cứu vãn.

***

Tìm sách

48.— DỊCH BỆNH

Chứng này tức là chứng chết dịch mà ta gọi là bệnh thời-khí hay ôn-dịch, người này lây bệnh sang người kia. Theo thuốc cổ dùng vị xương-truật để trừ tà khí, nhưng người chân âm hư yếu không dùng được.

Phép chữa, nên xem bệnh nhân mạnh hay yếu, khí âm và khí dương bên nào thắng hơn mà cũng theo phép chữa như quyển *Ngoại-cảm thông-trị* mà tôi đã biên soạn.

Nhưng chứng này bởi khí trời trái với lúc thường lại hay phát sinh vào sau khi kém đói hoặc nhiễu nhương (có lẽ chỉ vào chinh chiến), thì phép chữa cũng nên thông biến mà gia giảm.

***

49.— CHỨNG ĐẠI-ĐẦU-ÔN

Chứng này cũng là dịch-lệ mà hay lây. Người mắc bệnh thì đầu mặt nề đỏ, sốt to, thở xuyễn, miệng lưỡi ráo, cuống họng đau, nên nống bài *Phổ-tế tiêu-độc-ẩm*. Nếu nhiệt lắm dùng bài *Thông-thánh tiêu-độc-ẩm*. (ở quyển Nhật)

Nếu bệnh nhân nguyên khí hư yếu lắm hay là sau khi ốm nặng mà bị chứng trên, thì cũng nên điều bổ mà đừng nhất thiết dùng thuốc hàn-lương (lạnh hay mát).

Tuy nhiên, phải căn cứ vào mạch, nếu 6 bộ mạch « phù, sác », vô lực, bộ xích bên trái tệ hơn thì dùng bài *Lục-vị* thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Huyền-sâm, Ngưu-tất. Nếu

Tìm sách

6 bộ mạch « trầm, vi », bộ xích bên phải tệ hơn thì nên dùng bài *Bát-vị* thêm Ngưu-tất, Ngũ-vị.

***

50. – CHỨNG NỘI-THƯƠNG

Những chứng bệnh không phải ở ngoài cảm vào mà tại trong mình khởi ra thì gọi là bệnh nội-thương.

Chứng này lúc nóng lúc lạnh bất thường, dù ghê rét nhưng được ấm là đỡ ngay, không sợ gió to mà sợ gió nhỏ, không ngạt mũi, ăn không biết ngon, ngại nói, lòng bàn tay nóng mà lưng bàn tay lại không nóng, có lúc nhức đầu có lúc không. Mạch thì bên tay trái mạch khí-khẩu lớn gấp mười mạch nhân-nghinh (mạch khí-khẩu lớn gấp mười mạch nhân nghinh là chứng nội thương, mạch nhân-nghinh lớn gấp mười mạch-khí khẩu là chứng ngoại-cảm).

Nếu chứng nội thương bởi ăn uống, thì ghét ăn, mà ăn không biết ngon, mỏi mệt đoản hơi. Nếu bởi thất tình, (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) hay là bởi khó nhọc thời tinh thần mỏi mệt, chân tay rời rạc. Bệnh bởi khí huyết thời nên chữa bằng bài *Bổ-trung ích-khí*, nếu không đỡ thời dùng những bài *Bát-trân*, *Thập-Toàn*, *Dưỡng-vinh*, *Quy-tỳ* v.v... Như vậy cũng không công hiệu thời nên dùng thuốc về thủy hỏa như bài *Lục-vị*, bài *Bát-vị* là công hiệu ngay.

∴

Tìm sách

51.— NỘI-THƯƠNG VỀ ĂN UỐNG

Vì nước uống thì nước đình trệ ở dưới ngực, ngực cách lên mà lo buồn, óc ách có tiếng nước. Vì thức ăn thời ngực cách lên bĩ tắc mà ghét ăn, ợ hơi hôi như trứng gà ung.

Lúc mới phát bệnh, muốn thấm nước đi thời dùng bài *Tứ-linh*, hay *Ngũ-linh* v.v... Muốn tiêu thức ăn thời dùng những bài *Bình-vị*, *Hương-sa v.v.*.

Nếu nguyên khí hư yếu hay là ốm lâu rồi có những chứng như trên, thời chỉ nên dùng thuốc bổ, như bệnh ở hậu-thiên thì dùng bài *Bổ-trung* thêm những vị cho tiêu đi, bệnh bởi tiên-thiên, bổ hoả thời dùng bài *Bát-vị*, bổ thủy thì dùng bài *Kim-qui* (nên tham khảo với mục « Nội thương » và mục ăn uống không được tiến).

∴

52.— CHỨNG ĂN UỐNG KHÔNG TIẾN

Chữa chứng này người không hiểu chỉ cho uống những vị mộc-hương, Sa-nhân, Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc, Thương-truật đều là những vị tiêu đi để háo chân âm mà không phải để mạnh cho tỳ vị.

Cổ thư nói : « tạng tỳ để vận hoá thứ ăn, nay ăn uống không tiến là sở năng của tạng tỳ đã kém, đâu có thể lại cho uống những vị tiêu háo để hại thêm sở năng của tạng tỳ.

Vì rằng tạng tỳ là hành thổ phải có đức tính nhu

Tìm sách

nhuận (mềm, nhuận) như quẻ khôn (đất), đất phải mềm nhuận mới sinh được muôn vật.

Người ta không ăn được có hai nguyên nhân, bụng đói mà không muốn ăn là bệnh ở dạ-dày thuộc về kinh-dương-minh thì nên bổ hỏa ở tạng tâm mới sinh được hành thổ ; như bài *qui-tỳ*.

***

53.– CHỨNG UẤT

Uất là khí huyết không được thư thái, xem mạch thời trên thực dưới hư. Theo phép đời xưa, thời dùng thuốc để bẻ gẫy đi (triết), hay là dùng thuốc cho mở mang ra (phát), hoặc dùng thuốc cho thông đạt đi (lạt) đều có phương thuốc sẵn, ngoài ra còn có bài *tiêu-giao-tán*, bài *việt-cúc-hoàn* chữa cả 5 chứng uất.

Duy nội thương về thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) mà uất kết, thời nên dùng bài Quy-tỳ gia giảm. Lại có chứng hỏa uất thời lại là hàn mà khó phân biệt. Chứng ấy tựa đầy mà không phải đầy, tựa bĩ mà không phải bĩ, lúc mừng lúc giận thất thường. Phép chữa nên dùng bài *bát-vị* thời hoả yên mà thư-thái.

***

54.– CHỨNG TRỆ KHÍ

Nguyên khí trong người, nhà làm thuốc phải nên chú ý. Bệnh nhân có người vì thất tình hại đến khí, có người

Tìm sách

vì lục dâm hại đến khí. Chứng này bệnh thấy mạnh thì lại là nguyên khí yếu. Phép chữa hoặc hành khí đi, hoặc tản khí, hoặc giáng khí, hoặc phá khí, đều là dùng về chứng bệnh còn nhẹ. Khí là tượng thanh-hư bốc trở lên, dù có trệ cũng dễ tản đi được, nhưng dùng nhiều thuốc cay mà thơm để tản khí thời nguyên khí lại hư yếu mà khí xấu đem lên, chữa như vậy không hợp với đường lối. Vậy chỉ nên dùng bài *bát-vị* thêm Ngưu-tất, Ngũ-vị để liễm xuống vì tạng thận là gốc cho khí.

***

55. - CHỨNG CỔ CHƯỚNG

Cổ-chướng là một trong 4 chứng khó chữa. Nội-kinh nói : « Hành thổ thai quá thời cao vờ lên, gọi là « Cổ » là ở trong rỗng không mà ở ngoài bồng lên như thể cái trống ».

Phép chữa, chỉ bổ âm cho tạng tỳ để dẹp sức mạnh của dạ-dày, tạng tỳ đã thấm nhuần mềm mại tức là hành thổ đã có đức ôn-nhu thì chướng cao vờ lên tự nhiên xẹp đi. Tuy thế, còn phải uống xen bài *bát-vị* bội Phục-linh, thêm Sa-tiền, Ngũ-vị, Ngưu-tất may ra mới khỏi được.

Bài *bổ-tỳ-âm* phương như sau : Bạch-truật sao 1 cân, nhân-sâm 10 lạng, Gừng sao hơi còn lõi 2 lạng, Thục-địa trích thơm 4 lạng, các vị sắc lấy nước nấu thành cao, mỗi lần uống một thìa với nước Liên-nhục (đã đồ rồi mà sắc lên).

***

Tìm sách

56.— CHỨNG NỀ NHỮNG NƯỚC (thủy sũng)

Ta thường gọi là chứng phù-sũng, phù là bệnh về khí, ấn tay xuống chỗ phù lại nổi lên ngay, sũng là bệnh về thủy ấn tay thời hơi lún xuống.

Theo sách đời xưa, thời phân biệt chứng bệnh và đặt nhiều phương thuốc. Nhưng căn nguyên chỉ ở tạng tỳ, tạng thận và tạng phế. Vậy bệnh còn nhẹ hay là nguyên khí còn mạnh mà ăn được, thì còn có thể theo chứng để tìm bài thuốc. Nếu là hư chứng thời chỉ có bài *Kim-quy thận-khí* là thánh dược chữa chứng sũng.

***

57.— CHỨNG SÔI BỤNG NHỮNG NƯỚC

Sôi bụng những nước tuy là thủy mà lại bởi ở hoả, nên uống bài *Nhị-trần* thêm Hoàng-Cầm, Hoàng-liên, Sơn-chi để dẫn đi. Cũng có người bởi hàn, thời nước trong bụng óc ách thường chuyển xuống, lại nên bỏ mệnh-môn hỏa để ôn đi. Lại có người tỳ vị yếu thời bổ bằng sâm, truật.

Còn như chứng *trong bụng tưởng như nhỏ hẹp lại*, thời là thấp đàm uất kết, khí không thăng giáng được, rồi đến khó thở. Chứng ấy người béo nên uống Sương-truật, Hương-phụ, người gầy nên uống Hoàng-liên, Sương truật.

***

Tìm sách

58.– CHỨNG THỔ TẢ

Có người đau bụng rồi vừa thổ vừa tả, nên chữa theo chứng thấp-hoắc-loạn. Nếu không đau bụng mà thổ tả, hay là vì ăn uống thức lạnh, vì cảm phong hàn, dạ dầy đã yếu thời thổ, tạng tỳ đã yếu thời tả.

Thổ tả cũng là chứng nguy, vì không ngừng thì âm vong dương thoát, nên uống gấp bài *Phụ-tử Lý-trung*, bệnh đã đỡ thời dùng thuốc bổ tỳ-vị.

***

59.– CHỨNG TIỂU-TIỆN KHÔNG THÔNG

Chứng này vì hàn nhiều mà vì nhiệt ít, nước tiểu-tiện từ tiểu-tràng thấm vào bàng-quang, muốn cho thông lợi dùng bài *Tứ-linh* để thấm mà trong bài ấy có vị nhục-quế là vì thuốc ôn để đem đi.

Chứng này vì nhiệt thì dùng thuốc cho mát đi, vì hàn thì dùng thuốc để ôn lên, nhưng đều phải có vị thuốc để hành khí. Nếu nguyên khí hư yếu lắm, thì dùng bài *Bát-vị* thêm Mạch-môn, Ngũ-vị, Ngưu-tất, Xa-tiền để đem khí xấu (trọc âm) trở xuống.

***

60 – CHỨNG ĐẠI-TIỆN BÍ VÍT

Chứng này là bệnh cần cấp, phải chữa về ngọn (cấp tắc trị kỳ điêu) tức là phải cho thông lợi. Nhưng còn sợ lẽ lấy bổ để tiêu đi thì ít người hiểu biết.

Tìm sách

Vì trong tràng-vị phải nhờ khí của dạ-dầy để vận hành, nếu không có khí nóng của dạ-dầy thì dù uống hàng cân vị Đại-hoàng vào Mang-tiêu cũng không hạ xuống được. Vì thế người nào tỳ vị hư yếu lắm mà bĩ tắc, lại phải dùng đến 2, 3 lạng Bạch-truật thêm những vị ôn mà đem xuống, như Can-khương, Chỉ-thực, Ngưu-tất, Ý-dĩ mới thông đi được.

***

61.— CHỨNG ĐI ĐÁI NHIỀU HAY LÀ ĐÁI MÀ KHÔNG BIẾT (đái đầm)

Nội-kinh nói : « tạng phế chủ về tiết độ tức là đun nước xuống bàng-quang, nhưng còn phải nhờ khí nóng của hạ-tiêu, là vì tạng thận giữ về việc chứa lại, mà khai khiếu ra đại-tiện », cho nên đi đái nhiều phải trách cứ về tạng thận, mà đi đái mà không biết phải trách cứ về tạng tâm, chỉ có bài *Bát-vị* thêm nhiều vị Ích-trí, công hiệu hơn vị phú-bồn-tử.

***

62.— CHỨNG ĐÁI GIẮT

Chứng này phân ra 5 thứ là đi ra sỏi (sa-lâm), đi đái ra huyết (huyết-dâm), đi đái ra như mỡ (cao-lâm), đi ra như khí (khí lâm), còn về khí nhọc mà đi đái luôn (lao-lâm). Chứng ấy tiểu-tiện muốn đi luôn, nhưng lại không đi được mà rỉ ra đầm địa mà lâu ngày vít lại, đau khổ muốn chết.

Tìm sách

Bệnh nhân chưa hư yếu lắm, nên chữa theo phép đời xưa. Nếu hư yếu lắm hay là tuổi già tinh kiệt mà còn nghĩ đến tinh dục, để tinh giáng xuống, thì chỉ có bài *Kim-quy thận-khí hoàn* là thánh dược.

***

63.— CHỨNG BẠCH-TRỌC

Chứng này phần nhiều vì thấp nhiệt, hiện chứng đi đái luôn mà trắng như nước gạo. Bệnh còn nhẹ thì chọn dùng một trong những bài *Tứ-linh, Ngũ-linh* hay *Lục-nhất-hoàn*. Còn bệnh nặng dùng bài *Lục-vị* thêm vị Sa-tiền, Ngưu-tất, hay là bài *Kim-quy-hoàn* không ai là không khỏi.

***

64.— CHỨNG DI-TINH

Chứng này nếu là người khoẻ hay là vì nghĩ đến sắc dục mà đến đêm di tinh thì không phải chữa.

Nếu chiêm bao giao hợp với đàn bà mà di tinh, bệnh nhân lại là người yếu thời phải chữa về tạng tâm, tạng thận và tạng can, vì tạng tâm yếu cho nên chiêm bao, tạng can chủ vợi ra, tạng thận chủ giữ lại, nay tạng can mạnh quá, mà tạng thận lại yếu, chỉ vợi ra mà không giữ lại.

Phép chữa, cần phải yên tinh thần cho tạng tâm và dẹp tạng can giúp tạng thận.

Nhưng mộng mà di còn là nhẹ, có người không chiêm bao mà tự di tinh, thời gọi là *hoạt-tinh* hay *thoát-tinh*,

Tìm sách

như vậy là hư yếu hơn. Phép chữa, chỉ có bài *Bát-vị* thêm Phá-cố và bài *Quy-tỳ* bỏ mộc-hương, thêm ngũ-vị, 2 bài uống xen với nhau mới được công hiệu. Lại chữa chứng này còn để ý cho thần-kinh được yên tĩnh, vì dây thần kinh và gân là một, mà ngọc hành là gân cái (tâm cân) không hiểu lẽ ấy mà cứ dùng thuốc để vít lại thì có khi càng vít mà bệnh càng tăng lên.

***

65.— CHỨNG TIÊU-KHÁT

Chứng này khát nhiều mà đi đái rất nhiều, là một chứng trong 3 chứng « tam-tiêu », nguyên nhân bởi hoả làm tiêu háo chân âm, nhưng là thực-hoả thời nên vợi nhẹ đi, còn hoả kém mà bốc lên gọi là hư-hoả thời lại phải bồ. Chứng này bệnh nặng có người uống nước 1 phần, đi đái đến 2 phần, nếu là chân thủy kém mà hoả bốc lên, thời uống bài *Lục-vị*, nếu là chân hoả kém, mà hoả bốc lên thời uống bài *Bát-vị* thêm sừa người với Cao-Ban-Long, Cao Thục-địa, Cao Ngũ-vị.

***

66.— CHỨNG PHIỀN-TÁO

Chứng này đều thuộc về hoả, nhưng *phiền* là dương chứng, *táo* là âm chứng.

Hiện chứng người một nằm không được yên, giơ tay đập chân, thời gọi là *phiền*. Lúc nằm lúc dậy không được yên,

Tìm sách

tay chân lay động, tinh thần hoảng hốt, hay là muốn nằm ngồi ở chỗ bùn nước, thời gọi là *táo*. Cổ thư có nói: « Phiền là nhẹ, táo là nặng », nhưng đều là triệu chứng tinh thần háo kiệt rất là đáng sợ, bệnh nhẹ thời đều bổ khí huyết, bệnh nặng thời phải cấp cứu âm-dương.

***

67.— CHỨNG NHỨC ĐẦU

* Phụ chép cả chứng (*Lôi-đầu-phong*) *chứng đầu lúc lắc* (giao đầu), chứng đau ở *hướng trên lông mày* (mi lăng cốt thống).

Chứng này sách thuốc cổ phân biệt rất nhiều, nhưng chỉ là bởi ở trong (nội thương) hay bởi ở ngoài (ngoại cảm) mà thôi, người nào thêm ngạt mũi nặng tiếng thời chữa bằng thuốc trừ phong, thanh hoả. Ngoài ra đều bởi hư yếu. Xét ra người nào hình thể bóng trắng, sợ rét, đại-tiện lỏng, bệnh nhẹ thời là chân dương hư yếu, bệnh nặng thời là chân hoả hư yếu, trái lại, hình thể đen mà gầy, sợ lạnh, đại-tiện khô, bệnh nhẹ thời là huyết hư, bệnh nặng thời là chân thủy suy.

Phép chữa: « Người bệnh nhẹ mà là khí hư thời bổ khí, là huyết hư thời bổ huyết, đều thêm thuốc thanh hoả. Bệnh nặng là chân thủy suy thời giúp chân thủy, là chân hoả hư yếu thời thêm chân hoả, đều thêm Ngưu-tất, Ngũ vị để liễm và giáng xuống.

Chứng *Lôi-đầu-phong* ở trên đầu kết thành khối hạch mà đau. Phép chữa nên tiêu phong, tản nhiệt mà chữa

Tìm sách

về chứng phong, nhưng trước hết phải bổ chân huyết, giúp chân thủy.

Chứng *lắc đầu* bởi phong hoả về phần nhiều, phép chữa cũng trừ phong, thanh hoả, bổ âm. Lại có người vì chân dương suy kém mà đầu lúc lắc, thời tất nhiên người xanh mạch trầm, phải dùng ngay bài Sâm-phụ để cứu vãn.

Chứng *xương trên mi mắt đau nhức* là hoả ở tạng can vượng mà sinh ra phong, chứ không phải phong ở ngoài. Phép chữa phải giúp thận thủy mà thêm ít thuốc chữa phong để đem trở lên, như những vị : Thăng-ma, Phòng-phong, Bạch-shỉ, Tế-tân.

***

68. – BỆNH VỀ GIÁP XA

Chứng giáp xa sưng đau, sách cổ phân-biệt để điều-trị, rất là kỹ càng, mà nhiều người nhận lầm là phong, là đàm. Nhưng chứng này rõ ràng là thủy trong tạng thận suy kém mà hỏa bốc lên. Vậy nên dùng bài *Lục-vị* thêm Huyền-sâm, Ngũ-vị và Ngưu tất.

Chú giải : Chứng này có lẽ là chứng sưng đau ở má giáp cổ mà thường gọi là chứng « quai-bị »

***

69. – BỆNH VỀ RÂU, TÓC

Râu thuộc về tạng thận mà tóc thuộc về tạng tâm,

Tìm sách

cho nên người khí huyết kém thời không có râu, khí ít huyết nhiều thì râu ít, khí nhiều huyết ít thì râu ngắn.

Tóc khô là chân huyết thiếu, tóc hay rụng mà da đầu ngứa là huyết nhiệt; ốm rồi mà rụng tóc là chân huyết kém.

Người râu bạc, tóc rụng, theo lẽ như trên tuy khác nhau nhưng muốn cho chậm bạc râu, ít rụng tóc, thời chỉ bổ cho tinh huyết. Người Quan thị mà không có râu là vì đã hoạn thời huyết ở mạch « nhâm » thương tổn, vì mạch « nhâm » quanh ở môi mà đi xuống.

***

70.— BỆNH VỀ TAI

Tạng thận khai khiếu ra tai, cho nên tai điếc, tai ù, tai ngứa đều bởi tạng thận hư yếu. Vậy ta xét thủy của tạng thận suy thời giúp chân thủy, hỏa của tạng thận suy thời thêm chân hoả mà đều thêm Ngũ-vị, Ngưu-tất để liễm xuống.

Nếu vì phong, vì hỏa, mà trong tai đau lắm, hay là tai có mủ hoặc tai sưng lên, đều dùng thuốc trừ phong thanh hỏa. Nếu không hiệu thời dùng bài *Lục-vị* thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Ngũ-vị, Ngưu-tất, lại đem xác rắn đốt thánh than nhưng đừng để cháy quá, rồi tán bột thổi vào trong tai.

***

Tìm sách

71.— BỆNH VỀ MẮT

Mắt là tinh hoa của cả ngũ tạng. Nội-kinh nói : « Mắt có huyết mới trông được ». Lại nói : « Nếu chân âm mất thời mắt loà ». Như vậy mắt tỏ không những bởi có hoả mà còn ở có huyết và thủy.

Sách thuốc đời xưa có phân ra 5 vành, 8 thành quách là quá chi ly, đại để lòng trắng thuộc tạng phế, lòng đen thuộc tạng can, đồng-tử thuộc tạng thận, đuôi mắt thuộc tạng tâm, vành mắt thuộc tạng tỳ, mà rất cần ở tạng can, tạng thận.

Còn chứng đau mắt thì chỉ chia ra nội-trường và ngoại trường « Nội trường » là đau vì nội thương. Phép chữa nếu chân hỏa vượng thời giúp chân thủy để dẹp đi. Chân hỏa kém thời thêm chân hỏa để tiêu rám tối. Còn chứng « ngoại trường » là đau vì ngoại cảm, phép chữa chỉ dùng thuốc bổ huyết và những vị để mát chân hỏa, trừ phong đỡ đau, tiêu sưng.

Ngoài ra, người mắt loà không có rỉ mắt, hay là con ngươi tản ra, hoặc con ngươi mọc thịt thừa thời không chữa được.

***

72.— BỆNH VỀ MŨI

Tạng phế khai khiếu ra mũi, tạng phế chủ về da và lông, cho nên chứng cảm phong hàn thời hay ngạt mũi. Phép chữa nên trừ phong, tán hàn. Như bài *Sâm-tô* gia giảm (xem quyển Ngoại cảm).

Tìm sách

Theo sách cổ, phần nhiều cho chứng mũi chảy nước nhiều là vì có nóng, mũi không ngửi thấy mùi là bởi tạng tỳ. Nhưng tôi cho chứng chảy nước mũi là bởi tạng tỳ, mà chứng mũi không ngửi được là bởi tạng thận.

Là vì, tạng tỳ chủ về đờm dãi, nếu tạng tỳ yếu thời không vận hóa được mà đành trở lên, phép chữa nên dùng bài *Tứ-quân* hay bài *Quy-tỳ* đều thêm vị Ích-tri-nhân.

Tạng thận là gốc cho khí, khí của tạng phế chứa ở tạng thận, tạng thận yếu thời không chứa được mà ở trên úng tắc, nên uống bài *Bát-vị* thêm Mạch-môn, Ngũ-vị, Ngưu-tất, 2 chứng trên tôi dùng những phương thuốc ấy thời công hiệu ngay, còn *trong mũi mọc cục thịt thừa*, thời lấy vị Thần-sa tán bột sát vào là khỏi.

***

73. — BỆNH VỀ MIỆNG, LƯỠI

Miệng thuộc tạng tỳ, lưỡi thuộc tạng tâm, miệng lưỡi mà có nhọt lở đều bởi ở hỏa, nhưng có thực-hỏa, hư-hỏa. Nếu là thực hỏa thời nên mát đi như những vị Hoàng-cầm, Hoàng-liên. Là hư hỏa thời nên bổ, trung-tiêu hư yếu thời uống bài *Phụ-tử lý-trung* hay bài *Quy-tỳ*, bài *Bổ-trung*. Hạ-tiêu hư yếu thời uống bài *Lục-vị* hay *Bát-vị* đều thêm Ngũ-vị, Ngưu-tất.

***

Tìm sách

74.— BỆNH VỀ RĂNG

Răng là xương thừa ra mà thuộc về tạng thận, lợi thuộc về dạ-dày, răng lung lay mà lợi không đau là bởi tạng thận. Lợi sưng đau hay là thối lở chân răng mà răng lung lay thời bởi dạ-dày.

Tóm lại, xương mát thời răng tốt, xương nóng thời răng lung lay, đều chữa về hỏa ở dạ-dày. Thực hỏa thời tả vợi đi, hư hỏa thời bổ. Còn chữa về thận hỏa thời chỉ nên bổ, nghĩa là thủy kém thời giúp chân thủy, hỏa kém thời thêm chân hỏa.

***

75.— CHỨNG CUỐNG HỌNG

Trong thân người, nếu cuống-họng mắc bệnh thì phải chữa gấp như chữa cháy. Nguyên nhân chứng cuống họng tê là bởi ở hỏa mà do thời tiết xấu. Hiện chứng mặt đỏ, miệng ráo, lưỡi rạn ra, uống nước nhiều, đi cầu táo, sáu bộ mạch « hồng sác » mà hữu lực, thế là thực hỏa (hỏa mạnh) phép chữa phải phạt hỏa giáng hỏa.

Nếu thấy người mát mặt xanh, hai gò má đỏ, mắt chong, miệng nhuận, tiểu-tiện dài mà trong, sáu bộ mạch « phù sác » mà vô lực, đó là hư-hỏa (hỏa kém mà bốc lên) thì chỉ có phép bổ, như thủy kém thì bổ thủy, hỏa kém thì bổ hỏa, đều thêm Ngũ vị và Ngưu-tất để liễm mà giáng xuống.

***

Tìm sách

76.— CHỨNG ĐAU TIM (tâm-thống)

Tạng tâm là quân-chủ cho thân người, ngoài có màng (bào-lạc) để làm thành quách. Nếu có tà khí ở ngoài xâm phạm vào thì bào-lạc thụ thương.

Vậy đau vì hàn thì nên ôn, như những vị đinh-hương, quan-quế, đau vì nhiệt thì nên mát đi như những vị hủ-cầm (thứ hoàng-cầm trong lõi mục mà cầm thấy nhẹ), sơn-chi, nhiệt nhiều thì dùng vị hoàng-liên (vì này thanh tâm hoả rất chóng) có đàm thêm vị nam-tinh và bối-mẫu.

Như trên là « tâm-bào-lạc » bị đau, nếu thật là tạng tâm đau (chân tâm thống) thì móng tay, móng chân phải xanh, như vậy thì buổi sáng phát bệnh là buổi chiều chết mà không có phép chữa. Tôi thấy sách cổ nói : « Gặp chứng ấy nên cho uống bài *đại thừa-khí* », nhưng chỉ là ăn mày mà khỏi.

***

77.— ĐAU BỤNG (phúc-thống)

Cổ thư nói : « lưu thông thì không đau, có đau là không lưu thông ». Chứng này có phân ra đau ở dạ-dày, đau ngang rốn và đau ở bụng dưới, đau ở bụng dưới phần nhiều là chứng Sán-thống.

Chứng đau bụng có phân ra vì hàn, vì trệ, vì phong, vì thấp, vì thức ăn đình lại. Phép chữa vì hàn thì nên ôn, vì trệ thì nên hành đi, về phong thì nên tản đi, vì thấp khí thì nên ráo đi, vì thức ăn đình lại thì nên

Tìm sách

tiêu hoá đi, khi khí âm thăng, khí dương giáng, khí huyết chu lưu thì đau khỏi ngay.

Lại có chứng vì khí âm hư tổn (tức là thiếu chân-huyết) mà đau bụng khan, đau kinh niên hàng năm hàng tháng, thì chỉ bổ mạnh cho chân âm tức là thủy, hay là bổ thêm cả hoả như bài *Bát-vị* thêm vị Trầm-hương vị Tiểu-hồi.

***

78.— CHỨNG SÁN THỐNG

(đau bụng dưới đến hòn dái)

Sách cổ chia ra bảy sán-thống rồi lập ra từng bài thuốc nhưng chỉ chữa được lúc bệnh còn nhẹ, còn người nào đau từ dưới rốn ngược lên, đau từng trận như vặn ra, chết rồi lại tỉnh, thì chỉ dùng bài *Bát-vị* thêm Ngưu-tất, Ngũ-vị, Ngô-thù, Quất-hạch sắc làm thuốc thang mà uống rất là thần hiệu.

***

79.— CHỨNG ĐAU NGANG LƯNG (yêu-thống)

Hai quả thận bám vào xương sống, nên chứng này đều bởi tạng thận hư yếu. Âm ở trong tạng thận suy kém là hại về tinh huyết thì bổ thủy. Dương ở trong tạng thận suy kém là ở trong hàn thì nên bổ hoả cho tạng thận, đều dùng thêm thuốc bổ tinh huyết. Có người đau lưng

Tìm sách

không cúi xuống và không đứng ngay lên được, thì uống bài thuốc *gia truyền bổ thận của nhà tôi* là hiện ngay. Bài thuốc như sau : Thục-địa 1 lạng, Đỗ-trọng 3 chỉ, Phá-cố sao 2 chỉ, Ngũ-vị 5 phân, Hồ-đào nhục 3 chỉ (đó là chữa chứng thận hư yếu mà gặp phong hàn).

Lại có chứng khi trệ mà đau lưng hay là vì phong hàn hoặc vì đội nặng quá sức, hoặc vì đi xa cố sức cùng người ngồi lâu, làm lâu thì phải tán hàn hành trệ như bài *Bổ-trung ích-khí* thêm những vị hợp với bệnh mà vì phong thêm quế, vì hàn thêm phụ-tử, vì trệ bội thăng-ma.

***

80. – CHỨNG ĐAU CẠNH SƯỜN (hiếp-thống)

★ Phụ thêm chứng đau ở ngực (hung-thống).

Chứng này phần nhiều bởi tạng can nhưng có phân ra bởi ở trong hay bởi ở ngoài, bởi ở trong là thất tình uất kết, bởi ở ngoài là vì phong hàn.

Phép chữa nên thuận khí, hóa đàm, hòa huyết để dẹp tạng can. Nếu huyết ở tạng can không đầy đủ mà khí lại mạnh thì dùng bài *Bát-vị tiêu-giao* thêm Ngô-thù. Nếu tạng can hư yếu lắm thì lấy lẽ tạng can là hành mộc và tạng thận là hành thủy cùng một nguồn gốc, mà dùng bài *Lục-vị* thêm Quy và Thược.

Chứng đau ở ngực tức là ở chỗ cách-mỡ, Chứng ấy đau mà đầy ở ngực, là vì khí xấu lên trên thì sinh

Tìm sách

ra đầy-chướng. Phép chữa nên thêm khí dương để tiêu khí âm, nếu chỉ dùng những vị thuốc háo khí thì lại thêm bệnh.

***

81.— CHỨNG ĐAU CÁNH TAY

(Phụ thêm chứng đau vai và đau lưng)

Cánh tay đau là vì phong hàn lấn vào, nên chọn dùng những phương thuốc cổ. Duy vì tạng tỳ hư yếu mà là đau về khí thì ít có người biết. Vì tay chân thuộc về tạng tỳ, âm huyết của tạng tỳ khô ráo mà khí trệ cũng thành ra chứng này. Phép chữa nên dùng bài *Quy-tỳ* thêm quế-tâm hay bài *bổ-tỳ ẩm* (ở quyển hiệu phỏng).

Còn *vai và lưng đau* lại phần nhiều bởi ở đàm trệ, phép chữa phải giáng hoả hành khí.

***

82.— CHỨNG CƯỚC-KHÍ (Ống chân sưng đau)

Chứng này phần nhiều vì cảm khí dâm thấp, bệnh nhẹ nên chọn mà dùng những phương thức ở cổ thư.

Nếu vì dâm thấp mà nhiệt nhiều, nên dùng bài *toàn-chân nhất-khí*, nếu khí xông lên mà suyễn oẹ không ngừng, lãnh khí vào bụng chỉ có *Cứu-dương-phương* mới có thể hồi sanh được, hay là dùng bài *Bát-vị-thang* hoặc bài *Toàn-chân* thêm vị đỗ-trọng.

Tìm sách

Cứu-dương-phương : Nhân-sâm 1 lạng, Bạch-truật 8 chỉ, bào-khương (gừng sao ngoài đỏ đen) 2 chỉ, Trích-thảo 2 chỉ Ngũ-vị 1 chỉ, Phụ-tử 3 chỉ, sắc nước uống lúc còn ấm.

***

83. – CHỨNG CHÂN YẾU (túc-luy)

Chứng này cổ thư cho là vì phong, vì thấp, vì đàm, vì hoả khác nhau. Nhưng nguyên nhân chỉ bởi tinh huyết khô kiệt, gân và xương không dính liền được với nhau. Gân thuộc về tạng can, xương thuộc về tạng thận. Vậy cần bổ tinh huyết mà uống xen với thuốc bổ thủy hoả, hay là thuốc bổ thủy hoả mà thêm nhiều vị bổ tinh huyết.

***

84 – CHỨNG DƯƠNG-LUY

(Dương vật đàn ông yếu)

Chân hỏa vượng thì dương vật mạnh, chân hỏa suy thì dương vật yếu, nhưng phải chú trọng về tinh huyết.

Nhiều người chữa bằng thuốc nóng để vượng dương là rất lầm. Phép chữa chỉ nên bổ đều cả ngũ tạng để tinh huyết hợp về tạng thận, vì tạng thận là nơi để chứa tinh. Vậy nên dùng bài *Bát-vị hoàn* thêm nhiều vị bổ tinh huyết. Nếu chân âm hư yếu, bội nhiều thục-địa, chân dương hư yếu bội nhiều quế, phụ, tỷ vị yếu bội nhiều hoài-sơn sao, đẳng-sâm bổ vị mẫu-đơn, chân khí kém sắc nước

Tìm sách

sâm để uống thuốc hoàn, tạng tỳ yếu uống bằng nước cơm, mùa đông uống thuốc hoàn với rượu, mùa hè uống với nước sâm và mạch-môn. Chân khí yếu mà khí hãm trở xuống sắc nước bài *Bổ-trung-ích-khí* mà uống, tạng tâm tạng can yếu sắc nước *Quy-tỳ* mà uống, uống nhiều thuốc như phương pháp kể ở trên mà không gián đoạn, thì không phải tráng dương mà dương-vật tự nhiên tráng.

Sở dĩ phải chú ý về bổ tỳ-vị là vì ăn uống đã tiến thì tinh hoa của thức ăn uống thấm góp xuống tạng thận. Nội kinh nói : « Tỳ vị mạnh thì tạng-thận đầy đủ mà tinh huyết vượng, tỳ-vị yếu thì tinh huyết kém mà dương sự suy » chính là nghĩa ấy.

∴

85. – BỔ CHO CHỨNG HƯ YẾU

Nội kinh nói : « Khí âm hoà bình, khí dương bế vít thì tinh thần mới vững, bệnh không thể lấn vào được ». Lại nói « Mọi chứng bệnh đều bởi người hư yếu ». Nhưng có người chân khí hư yếu, có người chân huyết hư yếu, có người chân thủy hư yếu, có người chân hỏa hư yếu.

Chân khí hư yếu thì trách cứ ở tỳ-vị, chân huyết hư yếu thì trách cứ ở tạng tâm, tạng can, chân thủy hư yếu thì trách cứ ở quả thận bên trái, chân hoả hư yếu thì trách cứ ở quả thận bên phải. Nguyên khí ở dạ-dày, nguyên dương ở mệnh-môn-hoả.

Tuy nhiên, dạ-dày là nơi chứa thức ăn, tạng thận là

Tìm sách

nơi chứa tinh huyết, cho nên bổ cho người hư yếu cần ở hai tạng tỳ và thận. Cổ-thư có nói : « chữa bệnh nhẹ mà bổ ngoài khí huyết, chữa bệnh nặng mà bổ ngoài thủy hỏa, thì đâu có công hiệu ».

Tóm lại, bệnh thực là tà khí mạnh mà có hư phần nào, bệnh hư là người yếu mà có thực phần nào, (thực trong hư, hư trong thực) có người chỉ hư yếu một nửa (bán hư) cho nên chữa bệnh có người phải điều bổ (bổ bên kém để cân bằng với bên hơn), có người phải tiếp bổ (bổ bên này mà thường tiếp cho bên kia), có người phải đại bổ (bổ thật mạnh) mà không nên chấp nhất.

***

86.— CHỨNG LAO-MÒN

Chứng này tức là chứng hư yếu quá độ mà đã kể ở mục trên.

***

87—. CHỨNG CHOÁNG VÁNG (huyết vận)

Sách cổ cho chứng này bởi phong, hay bởi hàn, bởi thủ (nắng), bởi thấp khí, bởi đàm, bởi khí, bởi huyết, nhưng tôi xét chỉ bởi ở hỏa, là vì âm huyết về hậu-thiên hư yếu thì hỏa động lên, chân thủy về tiên-thiên hư yếu thì hỏa bốc lên, bệnh nhẹ thì bổ huyết như những bài *Dưỡng-vinh*, bài *Quy-tỳ*, bài *Hoàng-kỳ bổ-huyết v.v...* Xét thấy quả là hỏa vượng thì thêm thuốc mát. Bệnh nặng thì bổ thủy như bài *Lục-vị* thêm Ngũ-vị, Ngưu-tất để

Tìm sách

liễm giáng. Xét ra quả là hỏa vượng thì thêm ít Tri-mẫu, Hoàng-bá.

Nhưng còn có người vì tỳ là hành thổ hư yếu, không chức được dương khí mà dương khí bốc lên, thì lại phải dùng những vị thuốc ngọt mà ôn (cam ôn) để liễm dương khí trở vào. Vậy về hư yếu mà hư hỏa bốc lên nên dùng quế và phụ-tử để đem hỏa về chỗ (dẫn hoả quy nguyên), thế là vương đạo để chữa chứng « huyết vận).

***

88.— CHỨNG « QUYẾT » (lạnh tay chân)

Lạnh chân hay lạnh cả tay là chứng không có dương, không có hỏa, rất là nguy hiểm. Bệnh nhẹ thì dùng *Phụ-tử lý trung*, nặng thì uống bài *sâm-phụ hồi dương ẩm* mà mọi âm dược không dùng được vì khi âm quá mạnh thì khi dương mất.

Nhưng cũng có người nhiệt nhiều thì quyết nhiều (nhiệt thâm quyết diệt thâm) là hoả cực độ lại tựa như thủy, thì gọi là « nhiệt-quyết » (vì nhiệt mà quyết). Chứng ấy, vì chứng thì không sợ rét mấy, khát nhiều uống nước nhiều, tiểu-tiện khó đi, đại-tiện khô ráo. Về sắc người thì mặt đỏ, lưỡng quyền hai gò má đỏ, miệng ráo lưỡi trắng hay vàng. Về mạch thì « hồng sác hữu lực ».

Phép chữa về chứng bệnh ấy nên hạ trước dùng bài *Tiểu-thừa-khí* nếu do là nhiệt nhiều quá thì đổi sang bài *Đại-thừa-khí* (mạnh hơn bài tiểu-thừa-khí). Ông Cảnh-nhạc dặn thử xem bệnh nhân có thực nhiệt hay không, thì

Tìm sách

trước hết cho uống nước lạnh, nếu bệnh nhân hàn thời thổ ra mà không nạp, mà thật nhiệt thì dễ chịu, phép ấy rất là ổn đáng.

***

89.— CHỨNG NGÃ HAY BỊ ĐÁNH

Chứng này nếu ứ huyết vào quả tim thì chết nên cho uống ngay một chút nước đái trẻ em để ứ hết đem xuống, còn người đau vừa thì phải uống thuốc hành khí tản ứ huyết và đỡ run nhẹ sưng, rồi dùng đến thuốc bổ khí huyết. Nếu đau nhiều là chứng nặng thì nên uống ngay nước sâm chế thêm một chút nước đồng tiện để cứu vãn.

Còn như người tay chân lạnh, mạch « vi » (nhỏ) nguyên khí thực tuyệt chỉ nên dùng ngay bài *Sâm-phụ* để cứu vãn.

∴

90.— CHỨNG PHONG HỦI (Lệ-phong hay là Lại)

Cổ thư cho chứng này là bệnh thiên hình (trời hình phạt) mà không chữa được. Nhưng làm thuốc là Nhân đạo, nên bệnh nhân kêu nài ta cũng không nên bỏ qua.

Chứng này có ba nguyên nhân :

1) Vì phong độc ;

2) Vì thấp độc ;

Tìm sách

3) Vì truyền nhiễm.

Lại phân ra 5 bộ phận đã chết :

1) Ngoài da đã chết thì tê lần mần bấm không biết đau.

2) Mạch đã chết thì thối lở thành mủ.

3) Thịt đã chết thì cắt xẻo không biết đau.

4) Gân đã chết thì tay chân thượt ra.

5) Xương đã chết thì sống mũi lún xuống, cùng với lông mày rụng, mắt mờ, môi xệch đi, tiếng nói nghẹn, đều là không chữa được.

Phương thuốc cổ có bài *tái-tạo-tán* là hơn, nhưng bệnh ấy bởi ở tinh huyết, thì nên tìm gốc của tinh huyết mà bổ thủy và hoả, hay là uống thuốc bổ tinh huyết lại xen với thuốc bổ thủy hoả.

TìmSách

PHỤ THÊM MẤY ĐOẠN BÀN LUẬN

1.— Bàn về 4 nơi để chứa trong thân người :

1) *Ngực* là nơi để chứa tỷ.

2) Mạch *Xung* là nơi chứa huyết, lại là nơi chứa 12 kinh lạc.

3) *Triên-trung* là nơi chứa khí.

4) *Dạ-dày* là nơi chứa thức ăn uống.

∴

2.— Bệnh về ngũ tạng, hiện chứng hư thực thế nào và phép chữa.

Tạng là chứa lại, khí của ngũ tạng đã tuyệt ở trong thời đi cầu không ngừng.

Tạng-can để nuôi gân.

Tạng-can mạnh thời huyết dư ra, đã dư ra thời hay giận, nên uống bài « *Bát-vị tiêu-dao* ».

Tạng-can hư yếu thời khí không đủ, không đủ thời hay thương nên uống bài « *Lục-vị hoàn* ».

Những chứng đau mắt, đau cạnh-sườn; hay giận dữ, gân co lại, móng tay móng chân khô và xanh, mắt trực thị, đầu choáng váng, hoa mắt, đều là bệnh ở tạng can.

Tìm sách

Tạng tâm chủ về huyết và mạch.

Tạng tâm thực (là mạnh) thời thần dư ra, đã dư thời hay cười nên uống bài « *Đạo-xích* » hay bài « *Tá-tâm-thang* » (quyển Nhật).

Tạng tâm hư yếu thời khí tạng tâm không đủ mà hay lo, nên uống bài *Quy-tỳ* (quyển Khôn) hay bài « *Châu-sa an-thần* » (quyển Nhật).

Những chứng sốt, mồ hôi đổ, đau ngực, nước dãi dàn ra, hay cười, phát cuồng, kinh giật; hoảng hốt, lưỡi ngay ra hay lưỡi trắng, sắc mặt khô xỉn và những người trước phù quỷ sau bần tiện mà thụ bệnh đều bởi tạng can.

Tạng tỳ chủ về cơ-nhục và chân tay.

Khí của tạng tỳ thực (là mạnh) thời hình thể dư ra mà đầy-chướng, tạng tỳ nóng thời chóng đói hay khát.

Tạng tỳ hư yếu, thời khí của tạng ấy không đầy đủ, vì tạng-tỳ nhiệt mà sốt thời sờ tay nhẹ không nóng, ấn tay mạnh cũng không nóng, mà nóng ở chỗ không nhẹ không nặng, đến đêm thời bệnh nặng, đều nên uống bài « *Bát-vị* » (quyển Huyền) hay là bài « *Bổ-trung* » bài « *Tứ-quân* », bài « *Qui-tỳ* », bài « *Dưỡng-vinh* » (đều ở quyển Khôn), ở trong bụng đầy là khí của tạng tỳ yếu, yếu thì thịt sút đi, khí kém vận hoá mà nhiều đàm. Những vị Sơn-tra, Mạch-nha, Chỉ-xác, Thần-khúc, muốn dùng để chữa tạng tỳ phải cẩn thận.

Dương khí của tạng tỳ yếu thời bệnh đêm nhẹ ngày nặng, hay ăn mà không vận hoá nên dùng bài « *Bát-*

Tìm sách

vị » để bổ hỏa ở Mạch-môn. Dương của tạng tỳ không đủ nên dùng bài « *Tứ-quân* » (quyển Khôn) hay bài « Phục thần hoàn », bài « Đại-kiện-tỳ hoàn » (đều ở quyển Nhật) bài *Dị-công-tán* (quyển Khôn), bài *Sâm-linh bạch-truật tán* (quyển Nhật).

Âm huyết của tạng tỳ hư yếu thời bệnh đêm nặng ngày nhẹ, đói mà không muốn ăn, hay là nước dãi dàn ra, đại tiện đi khô hoặc lo nghĩ ít ngủ mà thành chứng chướng đầy mà không có gì (hư chướng), đã dùng thuốc thơm và ráo mà vô hiệu, thời phải bổ âm của tạng tỳ mà dùng gấp vị Thục-địa, vị Bạch-thược, vị Tảo-nhân. Âm của tạng tỳ đã không đủ, thời thuốc bổ khí phải thêm những vị thấm nhuần như qui, thục, thược v.v...

Khí của tạng tỳ hư yếu mà hàn thời thuốc bổ cần phải bồi dưỡng như sâm, phụ v.v..,

Những chứng trong bụng đầy chướng. bế tắc không thông, đói mà không muốn ăn, hay ăn mà không tiêu hoá, ăn no thời nhọc mà buồn ngủ, chứng thổ tả, chứng thấp nhiệt mà hoàng-đảm nặng mình, chứng huyết thiếu sinh ra phong, hay lo nghĩ không ngủ, đờm đặc mà vàng, người sốt mà miệng ngọt, khí hư hãm trở xuống và chứng mạn-kinh của trẻ em đều bởi ở tạng tỳ.

Tạng phế chủ về da và lông.

Tạng phế thực (là mạch) thì khí thịnh (là hữu dư), hữu dư thời suyễn hay là ho nhổ.

Tạng phế hư yếu thời khí không đầy đủ, không đầy đủ thời thở dài mà ngày nặng hơn đêm, nên uống bài

Tìm sách

« Bổ-trung giải-giảm » (quyển Khôn) bài « Sinh-mạch » (quyển Nhật) bài « Lục-vị » (quyển Huyền), v.v...

Những chứng suyễn ngược lên, ho nhổ đoản khí, chân mỏi hay tê, tiểu tiện khó đi, ráo khát, da khô, lông rụng, đều thuộc về tạng phế.

Tạng thận chủ về xương.

Tạng thận thực (là mạnh) thời khí dư ra, dư ra thời đi sầu lỏng phân.

Tạng thận hư yếu thời khí không đầy đủ, không đầy đủ thời vô lực, tạng thận nhiệt thời sờ tay không nóng, ấn tay mạnh đến xương mới nóng, nửa đêm thời nóng nhiều, đi đái nóng mà đau, đại-tiện bế.

Những chứng ráo khát, đau cuống-họng, hỏa bốc lên mà sốt, nhức xương, sốt nóng tận xương, đau lưng, đi sầu ra cả cơm, người nề những nước, mặt xanh hay bóng trắng, đi đái luôn mà nhiều, hay là vì yếu mà bí đái, đại tiện táo kết, di tinh, trong bụng như người đói, ăn rồi đói ngay, tai điếc, khí ở dưới rốn đem ngược lên mà suyễn ho, mặt bằng bằng đỏ, ít tuổi mà đã đau răng, mắt mờ không trông được xa, vì lo sợ mà thành bệnh, đầu mặt và má đau, người hư yếu lắm hay hư yếu vừa, chân hỏa hư, hay chân thủy hư đều bởi ở tạng thận.

∴

Tìm sách

3.— Bàn về bệnh của Ngũ Tạng đều nên bổ tạng thận

Nội-kinh nói : « Tạng tỳ, tạng thận đã bại thời trăm thứ thuốc cũng khó chữa », rồi đã nói « bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ » mà lại nói « bổ tạng tỳ không bằng bổ tạng thận » là ý nghĩa làm sao ?

Chứng khí hư yếu mà suyễn thở, tuy bởi tạng phế nhưng tạng phế để thở khí ra mà tạng thận nạp khí vào, tạng thận là gốc cho khí. Như thế là bệnh ở tạng phế mà phải bổ tạng thận.

Tạng tâm hư yếu thời hoả ở tạng tâm và thủy ở tạng thận không tương giao mà thần sắc kém, như thế là bệnh ở tạng tâm mà bổ ở tạng thận.

Tạng tỳ hư yếu thời thức ăn không tiêu hóa được, theo Nội-kinh thì phải bổ cho mẹ là hỏa, để sinh ra tạng tỳ là hành thổ. Người không biết cho là bổ hỏa ở tạng tâm nhưng không hiểu sinh ra hành thổ là thiếu-hỏa mạch-môn trong tạng thận, ví như dưới nồi cơm có lửa đun, còn tráng hỏa là hỏa ở tạng tâm thời làm hại cho khí. Như thế là bệnh ở tạng tỳ mà phải bổ cho tạng thận.

Ngoài ra, ở tiểu-tràng thấm ra, bàng-quang thấm vào, rồi cặn bã đi sang đại-tràng, ở hạ-tiêu không có hoả ở mạch-môn cũng không chuyển vận được.

Nội-kinh nói : « Gặp chứng hư yếu thời giữ ngay lấy tạng thận để bồi bổ sinh mạng ». Sách Cảnh-nhạc có nói :

Tìm sách

« Ngũ tạng thụ thương rồi sau đều đến tạng thận, » Như thế thì tạng thận là gốc cho sinh mạng đủ rõ.

Sách cổ có nói : « Thận thủy kém thời tạng can không thấm nhuần mà huyết ráo, tướng hoả của tạng thận không về chỗ thời tạng tỳ sinh đàm. Tạng tâm tạng thận không tương giao là thần sẽ bại. Thận thủy kém thời phải ăn nhờ khí của tạng phế mà sinh ra ho nhổ. Thận thủy kém thời khí dương trơ vơ mà hư hỏa bốc lên. Những chứng tạng-tỳ yếu mà không tiêu hóa thời bồ hỏa ở mạch-môn để sinh ra tỳ-thổ, như vậy là bổ tạng-tỳ không bằng bổ tạng thận.

***

4.— Hiện chứng của Lục phủ hư hay thực thế nào và phép chữa.

Lục phủ để chứa lại cũng như kho tàng nên mới gọi là « phủ ».

— *Mật liên hệ với gan*, người ta quyết đoán ở mật, khí của mật thăng lên, thời tạng khác cũng theo, mà không thăng thời thành chứng đi sầu hay đại-tràng có tích lại (Sách Phúc-lộc gọi mật là « tiền-đảm »).

Mật thực (mạnh) thì khí thừa ra, dạ-dày không được yên thì nên tả cho vợi đi.

Mật hư yếu là khí không đủ thời nên bổ.

Những chứng khí vận lên yết-hầu, ở hơi, miệng đắng hay thở dài, ốm rồi không ngủ, đều thuộc về mật.

Tìm sách

— *Tiểu-tràng liên hệ với tạng tâm.*

Tiểu-tràng thực là chứng hữu dư, nhiệt thời tam tiêu cũng ráo mà bụng dưới đầy-chướng phải tả cho vợi đi.

Tiểu-tràng hư yếu thời hàn khí lấn vào, kinh giật không được yên.

Những chứng đau bụng, sôi bụng, đi cầu, mà nước đái không được nhiều, là bệnh ở tiểu-tràng.

— *Dạ-dày liên hệ với tạng tỳ.*

Dạ-dày thực là khí hữu dư.

Dạ-dày hư yếu là bất túc, nên uống bài « Quy-tỳ » giúp cho tạng tâm là để bổ cho dạ-dày.

Nhưng chứng đói mà không muốn ăn, nôn-oẹ, đầy-chướng, hàn nhiều thời oẹ, nhiệt nhiều thời sợ hãi, dương sự yếu, đau sán khí hay phiêm-vị, dạ-dày nóng là hành thổ khắc hành thủy mà khí của tạng thận yếu cho nên hay sợ.

— *Đại-tràng liên hệ với phổi.*

Đại-tràng thực là khí thịnh và hữu dư, nên tả cho vợi đi. Hiện chứng đau trong ruột như cắm dùi không ngừng, đau ngang lưng, tê vì hàn hay co quắp.

Đại-tràng hư yếu là khí không đầy đủ thời phải bổ, khí lạnh cảm vào thời thành chứng đi cầu.

— *Bàng-quang liên hệ với tạng thận.*

Bàng-quang thực là khí thịnh và hữu dư, nhiệt thời tiểu tiện không thông, nên tả cho nhẹ đi.

TimSách

Bàng-quang hư yếu là khí không đầy đủ, khí lạnh lấn vào, tiểu-tiện đi luôn mà nhiều, mặt đen, như vậy phải nên bổ.

Những chứng tiểu tiện ít hay là đi luôn, đều bởi bàng quang.

— *Tam-tiêu liên hệ với tâm-bào-lạc.*

Tam-tiêu thực thời khí đem lên mạnh mà hữu dư. Khí đầy ra cả bì phu mà ở trong lại nhẹ mà không vững. Tiểu-tiện xẻn, đại-tiện khó, đều thuộc về tam-tiêu, như vậy phải tả cho nhẹ đi.

Tam-tiêu hư yếu là khí không đầy đủ, khí lạnh lấn vào mà đi cầu són ra, đi tả, đầy ở ngực, ăn không được tiêu, như vậy phải nên bổ.

Những chứng bĩ, cách là bởi ở thượng tiêu. Những chứng ở tạng tâm và tạng phế đầy chướng là bởi trung-tiêu. Những bệnh ở tỳ-vị, bệnh ở tiểu-tiện đều bởi hạ-tiêu.

***

5. — Tóm lược những phương thuốc chữa về ngũ tạng hư yếu.

Tạng tâm hư yếu dùng bài *Châu-sa an-thần hoàn* (quyển Nhật).

Tạng-san, tạng-thận hư-yếu dùng bài *thận-khí-hoàn*,

Tìm sách

Tạng-tỳ hư yếu dùng bài *ích-hoàng-hoàn* (quyển Nhật)

Tạng-phế hư-yếu dùng bài *A-giao-tán* (quyển Nhật)

***

6.— Ngũ tạng mà nhiệt thì dùng những bài sau đây :

Tạng Tâm nhiệt :

1) Bài *Đau-tả-tâm-thang*: Hoàng-liên, Sơn-chi, Kinh-giới, Bạc-hà, Hoàng-cầm, Mộc-thông, Ngưu-hoàng, các vị đều 1 chỉ, cam-thảo 5 phân, Bấc thắp đèn dầu lạc thời cổ, sắc uống.

2) *Bài Đạo-xích-thang ;* Sinh-địa, Mộc-thông, Hoàng-cầm, Cam-thảo, đều bằng nhau lấy lá tre non làm thang sắc uống nóng để chữa những chứng sốt to, tiểu-tiện đỏ mà ít phiền táo khát nhiều dùng bài này để giải đi.

Tạng Can nhiệt dùng bài *Tả-thanh-hoàn* : Khương-hoạt, Đại-hoàng (nướng) Sơn-chi, Dương-quy, Long-đảm-thảo, Phòng-phong các vị đều bằng nhau tán bột hoàn với mật, sắc nước lá tre và đường để uống thuốc.

Tạng Tỳ nhiệt :

1) Tả-tỳ-thang : Bạch-thược, Liên-kiều, Hoàng-liên, Bạc-hà, Chi-tử, bốn vị đều 1 chỉ, Thanh-cao, Cam-thảo đều 3 phân, sắc nước uống, để chữa chứng tạng tỳ nhiệt ăn nhiều mà hay đói (tiêu-cốc).

Tìm sách

2) *Tả-hoàn-tán* : Bạch-chỉ, Thăng-ma, Chỉ-xác, Hoàng-cầm, Phòng-phong, đều 1 chỉ rưỡi, Thạch-Hộ 1 chỉ, Bán hạ chế và cam-thảo đều 7 chỉ, tán bột mà uống, chữa phong nhiệt mà môi ráo.

Tạng phế nhiệt dùng bài *Tả-bạch-tán* : Cam-thảo, Tang-bạch bì, Địa-cốt-bì, các vị đều 1 chỉ, gạo tẻ sao một trăm hột, tán bột mà uống (bộ Dịch-lão thêm vị Hoàng-liên).

Tạng thận nóng dùng bài *Tả-thận-tán* (không thấy biên từng vị thuốc, phải tra ở quyển Nhật).

∴

7.— Những phương thuốc và lời bàn của Phòng tiên-sư.

Chứng thời khí ôn-dịch phát sốt nhức đầu, tay chân phiền nhức, nên uống bài « *Thăng-ma-cát-căn-thang* » : Bạch-thược (sao với rượu), Cát-căn đều 3 chỉ, Thăng-ma, trích Cam-thảo đều 2 chỉ, sắc uống vào sau lúc ăn đã lâu.

Chứng nhiệt tà vào kinh-lạc, da nóng đàm suyễn, lòng bàn tay và chân với mỏ ác đều phiền nóng, đầu mắt đau mà mờ, đêm ra mồ-hôi trộm, dân bà hao mòn nóng tận xương (cốt trưng) nên uống bài *Sa-sâm Sài-hồ thang* (quyển Nhật).

Chứng hư hao phiền nóng, dưới ngực kinh giật và

Tìm sách

đàn bà huyết khô, người gầy, nên uống bài *Miết-giáp-địa-hoàng thang* (quyển Nhật).

Chữa chứng hư lao (lao mòn) Tạng tâm, Tạng phế chứa nóng ho nhổ ra huyết đặc, nên uống bài *Tri-mẫu tán* (quyển Nhật).

Chữa chứng nóng tận xương, sốt dữ dội, gầy mòn mỏi mệt, lưỡi đỏ, má đỏ, nên uống bài « *Tần-bông miết-giáp thang* » (quyển Nhật).

Chữa chứng tạng phủ hư yếu, hình thể tiêu mòn, nóng từng cơn (trào-nhiệt), tự ra mồ-hôi, sắp thành chứng lao-mòn nên uống bài *Kiến-trung-thang* (quyển Nhật).

Chữa chứng lao lực lo nghĩ quá độ, rồi di tinh bạch-trọc nóng vừa nhưng hư phiền không được yên, dùng bài « *Tiêu-thảo thang* » (quyển Nhật).

Chữa chứng huyết thiếu, mồ-hôi nhiều, nóng tận xương, nhọc mệt, chỉ sốt không rét (đau nhiệt), miệng ráo, tự ra mồ-hôi và ra mồ-hôi trộm, và đàn bà kinh-nguyệt không đều, đau bụng trụy xuống, đi đái ít mà đau v.v... nên uống bài « *Gia vị tiêu-giao tán* » : Dương-quy, Bạch-thược (tẩm-rượu sao), Phục-linh, Bạch-truật (tẩm-hoàng-thổ sao), Sài-hồ, Bạc-hà, Mẫu-đơn, Sơn-chi (tẩm nước gừng sao đen), Trích-thảo và gừng sao vàng.

Bài này còn chữa chứng ho nhổ, nóng từng cơn trở đi trở lại (trào nhiệt vãng lai), tiểu tiện khó đi. Nội-kinh nói : « Giận dữ nhiều thời khí âm tổn đi », chứng này đàn bà thường mắc phải vì hay uất giận, cho nên dùng Truật, Linh để giữ tạng tỳ. Nội-kinh nói : « Tạng-can khó chịu

về cấp bách thời phải dùng thuốc ngọt để hoãn lại, cho nên dùng vị Cam thảo, còn dùng vị Đương-quy là có tính cay để tản đi, dùng vị Bạch-thược là có tính chua để nhẹ đi. Vị Sài-hồ tính mát mà tản, lại dùng vị Sơn-chi để giáng xuống, vị Mẫu-đơn để hoà chân huyết, trong bài này là đủ phương pháp chữa về tạng can.

Chữa chứng nóng ở địa vị của khí, ngày sốt đêm yên miệng khát, tiểu-tiện đục, hay là miệng lưỡi nhọt lở, cuống họng khô, phiền táo, đi đái rắt mà nhỏ, gặp khó nhọc là phát bệnh thời nên uống bài « *Thanh-tâm* » sau đây :

Hoàng-cầm, Mạch-môn, Địa-cốt, Trích-thảo, Thạch-liên-nhục, Phục-linh, Sa-tiền, Sa-sâm, các vị đều hai chỉ, Viễn-chí, Thạch-xương-bồ đều 1 chỉ.

Chữa chứng nóng tận xương, nôn oẹ, ho nhổ, khí ngược lên mà hư phiền không yên, nên dùng bài « *Nhân-sâm trúc-nhự thang* » sau đây :

Sa-sâm 1 chỉ rưỡi, Mạch-môn, Gạo-tẻ (tiểu-mạch) đều 2 chỉ rưỡi, Phục linh 1 chỉ rưỡi, Trích-thảo 1 chỉ.

Bài trên còn chữa về chứng nhức đầu, đoản khí, nóng ở trong, bụng trên bụng dưới buồn mà rối loạn.

Chữa chứng nội thương vì khó nhọc mà mỏi mệt, ăn uống thiếu tiết độ, người sốt bụng phiền, nhức đầu ghê rét, tự ra mồ-hôi, ngại nói ghét ăn, suyễn hay khát, hoặc khí ở trong người hư yếu không giữ được chân huyết, mạch « hồng-đại » vô lực, hay là vì tạng tỳ yếu mà sốt rét hay đi ỉa lâu ngày, hết thảy những chứng khí dương

Tìm sách

trong sạch lại hãm xuống, mà khí ở trong người không đầy đủ, và chứng người yếu mà cảm phong hàn không uống được thuốc phát tán, hay là nhập phòng rồi mà cảm mạo, hoặc khó nhọc cảm mạo mà lại nhập phòng (đều nên uống bài *Bổ-trung ích-khí thang* phải gia gấp vị phụ-tử).

(Nhưng bài này người châm âm hư cấm chỉ không dùng được)

Bài trên thêm vị Bán-hạ, Phụ-linh, Gừng-nướng, Đại-táo thời chữa chứng sốt lâu cũng hay.

Sở dĩ bài này dùng vị Hoàng-kỳ để bổ chân khí và giữ ngoại biểu, dùng vị Sâm vừa bổ khí, vừa tả hoả, dùng vị Truật để mạnh tạng-tỳ, dùng vị quy để hoà chân huyết, dùng vị Thăng ma để đem thanh khí kinh dương-minh trở lên, dùng vị Sài-hồ để mang thanh khí kinh thiếu-dương trở lên. Khí trong sạch trở lên thời khí xấu trở xuống, thêm vị trần-bì để thông khí, gừng và táo để ôn hoà.

Bài này với chứng thượng-tiêu nhiều đờm, chứng trung tiêu có thấp nhiệt, hay thương thực mà đầy cách đều không dùng được.

***

8.— KẾT LUẬN

Tôi xét trong thân người, khí dương bí vít thời tà khí không cảm được, trái lại, khó nhọc mà khí dương

Tìm sách

tản đi thời phong, hàn, thử, thấp hại đến chân dương, ăn uống tửu sắc hại đến chân âm, chân âm thiếu thời nóng ở trong, chân âm dư ra thời nóng ở ngoài.

Chứng sốt về hậu-thiên dù bởi khí huyết, nhưng gốc ở dương khí của tỳ-vị không đầy đủ, vậy không nên chuyên dùng thuốc hàn lương.

Phát sốt thời dương bốc ra ngoài, thế là trong lý không có hỏa, miệng ráo hay uống nước, thế là trong lý không có thủy, mặt đỏ ghê rét là chứng hàn uất, người sốt mà lưng ghê rét là dương chứng.

Phát sốt mà là thực chứng: dù bởi phong, hàn, thử, thấp, tựa như sốt rét, hay là nóng về đêm ho nhổ, không phải dương hư, đó là tà khí hãm vào trong. Nếu là âm hỏa động thời mạch « huyền-sác » vô lực, nếu là tà khí ở ngoài mà uất ở trong thời mạch « huyền-sác » hữu lực, là khác nhau mà thôi.

Phép chữa nên dùng những vị nhẹ nhàng để mở mang ra như Sài-hồ, Cát-căn, Phòng-phong, Khương-hoạt, để đi với Khung, Qui, Sa-sâm; nếu mặt đỏ, hơi thở ồ ồ, miệng khát, môi sưng, đại-tiện bế, thường kêu tiếng to, không muốn mặc áo, như thế mới là *thực nhiệt*. Là hư chứng, thời ở trong kém nguyên khí mà phát sốt. Hay là sắc dục nhiều hại chân âm mà dương khí thăng lên, thế là *âm-hư hỏa vượng*, nên uống bài *Tứ-vật*, thêm những vị giúp chân âm để giáng xuống. Triệu chứng thấy mặt xanh hay trắng, mồm lạnh, đi cầu lỏng đêm thường ra mồ-hôi như thế *là hư nhiệt*.

Những người ăn uống không tiết độ, sốt về chiều,

Tìm sách

miệng ráo, người mệt, đái ít mà đỏ, hai ống chân đau ngăn ngắt, thế là *âm của tạng tỳ hư yếu*, nên dùng những vị thuốc cam mà ôn để trừ chứng nóng, mà không được dùng thuốc lạnh, trái lại, âm của tạng thận hư yếu, thời lại bổ bằng những vị ngọt mà mát (Cam-lương).

Chứng âm hư phát sốt, nên căn cứ vào mạch để phân biệt tiên-thiên, hậu-thiên. Nếu 6 bộ mạch « phù-hồng » không có thứ tự, 2 bộ xích có lực, bộ quan bộ thốn vô thần hay là « phù-đại », thế là âm huyết ở hậu-thiên hư yếu, nên uống những bài *Tứ-vật*, *Thập-toàn*, v.v... Bộ xích bên trái vô lực, là thủy ở tiên-thiên hư yếu, nên uống bài *Lục-vị*.

***

9.— NHỮNG CHỨNG CHẾT

— Sau khi xuất huyết và chứng lậu lao (hậu sản môn) của đàn bà, cùng chứng đi ỉy đã lâu mà thấy phát sốt đều là triệu chứng chết.

— Trong ngoài đều nóng mà thêm đi đường tiết, không ăn được, nói như đoản khí, uống thuốc bổ không chịu.

— Chứng sốt mà mạch « trầm », hay là mạch « tĩnh » (hoà hoãn), mạch thấy mạnh mà mồ-hôi ra sốt vẫn không khỏi, hay là mạch đã yếu mà nóng không ngừng đều không chữa được.

Tìm sách

Mục-lục

HẢI THƯỢNG Y TÔN

Quyển II

Trang

Tập Y HẢI CẦU NGUYÊN

Tiểu dẫn của tác giả 582

Y Hải Cầu Nguyên gồm 3 tập : tập Mệnh, tập Trọng, tập Quý 585

Tập MỆNH

1) Thiên Âm Dương : gồm 43 chương 587-605

2) Thiên Thủy Hỏa : gồm 25 chương 606-619

3) Thiên Khí Huyết : gồm 35 chương 620-634

4) Thiên Hư Thực : gồm 18 chương 635-642

5) Thiên Tạng Phủ : gồm 53 chương 643-659

Tập TRỌNG

1) Thiên Bệnh Cơ : gồm 139 chương 660-704

2) Thiên Hóa Cơ : gồm 41 chương 705-718

Tập QUÝ

1) Thiên Trị Tắc : gồm 95 chương 719-756

2) Thiên Y Huấn : gồm 33 chương 757-768

TimSách

Tập CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN

Lời dịch giả 771

Tiểu dẫn của tác giả 772

Thiên THƯỢNG

Từ chương 1 đến chương 21 773-789

Thiên HẠ

Từ chương 22 đến chương 34 790 816

Tập ĐẠO LƯU DƯ VẬN

Tiểu dẫn của tác giả 819

Mục lục 823

1) Bàn về lẽ làm thuốc và ý làm thuốc 825

2) Bàn về trong thân người có một Thái-Cực 826

3) Bàn về khí hư; hỏa hư, huyết hư, thủy hư, chứng bệnh hơi giống nhau mà có thể cùng chữa một phương pháp 827

4) Bàn về âm hư phát nhiệt, mà dương hư hãm trở xuống 831

5) Bàn về chứng « đới-hạ » (nguyệt kinh rớt ra) về gốc bệnh, chứng bệnh, cùng phép chữa. 833

6) Bàn về bổ cho tinh thần 836

7) Bàn về long hỏa là dương, vốn sợ lạnh mà thăng lên, sao lại ghét nóng chạy mạnh 838

8) Bàn về phương pháp uống thuốc 841

Tìm sách

9) Bàn về chứng oan-nhiệt, chứng thôn-toan (nuốt nước chua), chứng toan-thống (đau ngắn ngắt) đều có ý nghĩa sâu xa 842

10) Bàn về bài Bổ-Trung dùng vị Đương-quy 844

11) Bàn về bổ hỏa phải trọng vị Thục-địa 845

12) Bàn về bách bệnh tổn thương đều gốc ở tạng thận 845

13) Bàn về đàm không có phép bổ mà cũng không có phép công 847

14) Bàn về tạng tâm là quân chủ trong người 849

15) Bàn về điểm dùng lầm của bài Bổ-Trung 850

16) Bàn về điểm lầm của bài Tứ-Quân, Tứ Vật và bài Bát-Trân 852

17) Bàn về có khi bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ, có khi bổ tạng tỳ không bằng bổ tạng thận 853

18) Bàn về bổ âm tiếp dương và bổ dương tiếp âm 855

19) Bàn về hiện chứng của tạng phủ hư hay thực, và phương pháp dùng thuốc. 856

20) Bàn về khí huyết phải nhờ lẫn nhau 867

21) Bàn về chứng hỏa hư, chứng thủy suy, hiện chứng tựa như nhau. Bài Lục-vị, bài Bát-Vị phải nên phân biệt, mà chữa 869

22) Bàn về nhiệt thời hại khí, và nhiệt thời hại huyết 870

23) Bàn về không bớt được tinh dục thời hại đến tạng thận 871

24) Bàn về chứng đan nhiệt (chỉ nóng không rét) là vong âm, hại người rất chóng, và nói phép chữa 873

Tìm sách

Tập BÁCH BỊNH CƠ YẾU

Lời dịch giả 877

Tập BÍNH

1) Chứng tích tụ 878

2) Chứng trùng giun 887

3) Chứng trĩ lậu 894

4) Chứng hoắc hoạn 898

5) Chứng tiết tả 905

6) Chứng ly 915

7) Chứng thoát giang 928

8) Chứng táo kiết 931

Tập ĐINH

1) Chứng quan cách 936

2) Chứng nghẹn, tắc, bĩ, đầy, buồn 940

3) Chứng ách nghịch 943

4) Chứng ẩu thổ 947

5) Chứng ái khí 955

6) Chứng thôn toan, thổ toan 958

7) Chứng nghẹn cách và phiên vị 963

8) Chứng huyết 968

Tập Y TRUNG QUAN KIỆN

Tiểu dẫn của tác giả 993

Tập Y-trung quan-kiện gồm 90 bệnh chứng 995

Tìm sách

1) Trúng phong 997
2) Trúng hàn 998
3) Trúng thử 999
4) Trúng thấp 999
5) Chứng táo 1000
6) Môn chữa hỏa 1001
7) Thương phong 1002
8) Thương hàn 1002
9) Thương thử 1003
10) Thương thấp 1003
11) Phá thương phong 1004
12) Năm chứng tê 1004
13) Chứng tích tụ 1005
14) Chứng trùng giun 1006
15) Chứng trĩ lậu 1007
16) Chứng đau hoắc loạn 1008
17) Chứng đi cầu lỏng 1008
18) Chứng ly 1010
19) Chứng thoát giang 1010
20) Chứng đại tiện táo kết 1011
21) Chứng nghẹn, tắc, bĩ, đầy, buồn 1011
22) Chứng nấc ngược lên 1012
23) Chứng nôn oẹ 1013
24) Chứng oẹ hơi 1013
25) Chứng ợ hơi 1014
26) Nôn nước chua, nuốt nước chua 1015

Tìm sách

27) Chứng nôn nao 1015
28) Chứng nghẹn, cách, phiên vị 1016
29) Chứng quan cách 1016
30) Chứng hư tao 1017
31) Chứng không ngủ 1018
32) Chứng tự ra mồ hôi hay ra mồ hôi trộm 1019
33) Kinh sợ, hay quên, và buồn phiền 1020
34) Chứng tam tiêu 1021
35) Chứng sốt rét 1022
36) Mọi chứng huyết 1024
37) Chứng co giật 1025
38) Chứng nhiều đàm 1026
39) Chứng ho nhổ 1027
40) Chứng thổ ngược lên 1028
41) Chứng gầm gào 1029
42) Chứng kinh giản 1030
43) Chứng điên cuồng 1030
44) Chứng thức ăn ngăn cách 1031
45) Chứng phản vị 1032
46) Mọi chứng huyết giống như trúng phong 1033
47) Hoàng đảm 1035
48) Dịch bệnh 1036
49) Chứng đại đầu ôn 1036
50) Chứng nội thương 1037
51) Nội thương về ăn uống 1038
52) Chứng ăn uống không tiến 1038

Tìm sách

53) Chứng uất 1039
54) Chứng trệ khí 1039
55) Chứng cổ chướng 1040
56) Chứng nề những nước 1041
57) Chứng sôi bụng những nước 1041
58) Chứng thổ tả 1042
59) Chứng tiểu tiện không thông 1042
60) Chứng đại tiện bế vít 1042
61) Chứng đi đái nhiều hay là đái mà không biết 1043
62) Chứng đái giắt 1043
63) Chứng bạch trọc 1044
64) Chứng đi tinh 1044
65) Chứng tiêu khát 1045
66) Chứng phiền táo 1045
67) Chứng nhức đầu 1046
68) Bệnh về giáp xa 1047
69) Bệnh về râu, tóc 1047
70) Bệnh và tai 1048
71) Bệnh về mắt 1049
72) Bệnh về mũi 1049
73) Bệnh về miệng, lưỡi 1050
74) Bệnh về răng 1051
75) Chứng cuống họng 1051
76) Chứng đau tim 1052
77) Đau bụng 1052
78) Chứng sán thống 1053

Tìm sách

79) **Chứng đau ngang lưng** 1053
80) **Chứng đau cạnh sườn** 1054
81) **Chứng đau cánh tay.** 1055
82) **Chứng cước khí** 1055
83) **Chứng chân yếu** 1056
84) **Chứng dương lay** 1056
85) **Bổ cho chứng hư yếu** 1057
86) **Chứng lao mòn** 1058
87) **Chứng choáng váng** 1058
88) **Chứng « quyết »** 1059
89) **Chứng ngã hay bị đánh** 1060
90) **Chứng phong hủi** 1060
Phụ thêm mấy đoạn bàn luận 1062

TìmSách

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
590	10	« Tồn giữ tinh thần...	« Giữ tinh thần...
606	12	tuyệt sức	tuyệt sứ
639	9	hưu chứng	hư chứng
639	29	dưỡng minh	dưỡng vinh
651	12	quả tam	quả tim.
659	6	đói, chân tay...	đói, thi chân tay
665	28	thông vinh	không vinh
671	25	Thần-Mòng	Thần-Nông
673	9	thành khí	thanh khị
676	8	mà hân hất	má (mặt) hân hất
706	5	thức ăn thuốc	thức ăn và nước
708	20	chứa ti tinh khí	chứa tinh khi,
710	5	vào đầu	vào đâu
711	23	hàm khí	hãn khí
713	11	dinh dưỡng	vinh dưỡng
715	12	tụ ở mát	tụ ở mắt
723	23	« bát chân »	« bát trân »
725	16	mát đi	mất đi
731	8	dim gươm	tim gươm
742	8	những chữ TRONG	xin đổi là TRỌNG
744	14	thiên dương	thiếu dương
751	20-21	Chứng bổ hay đầy mệnh mạnh	chứng bĩ hay đầy mà bệnh mạnh.
758	16	kiếm bệnh	kiến bệnh
760-761	16-25	— nt —	— nt —
762	7	tiến đến	tìm đến
763	6	chứng hư đầu	chứng hư yếu
763	9	điền bổ,	điều bổ,
768	3	đang tầm (bốc đen)	đàng tàm (bấc đèn)
773	3	bach nhiếu,	bạch khiếu,

TìmSách

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
775	11	thụ thường	thụ thương
778	2	Mạch là làm...	Mạch là làn...
783	10	bởi chàn àm.	bởi thiếu chàn âm.
784	7	« Đau-nhiệt »	« Đan nhiệt »
785	9	minh-thần	ninh-thần
790	14	đã khởi	đã khỏi
793	6	mà bồ	mà bổ
794	18	dưỡng khi	dương khi
795	8	ngũ chi	ngũ chi
800	21	chứng àm,	chứng sốt âm,
808	25	lợi được nhiệt .	lợi tiểu tiện
810	20	trâm hương	trầm hương
811	22	tố tàn	tế tân
811	28	mà thêm thực	mà thương thực
813	2	bổ được... bổ được	bổ được... bổ được
814	27	TỬ ÀM	TƯ ÀM
830	8	trong vị	trọng vị
837	7	Con người	Con ngươi
840	22	nếu cầu thủy	nếu thủy
846	18	linh-lạc	kinh-lạc
857	13 - 14	hiện chứng chúng khó	hiện chứng khó...
857	25	Hư cầm đề tả	Hủ-cầm đề tả
858	17	Viên chi	Viễn chi
875	11	Nóng lên	Nóng làu
880	20	khí thận	khí của thận
882	16	tức bòn hành kim uất,	tức bòn bởi hành kim,
888	7	« nhiệt-hà »	« miết-hà »
889	26	chứng lại,	(bỏ hai chữ này)
890	17	chung trùng lông ở cho kín	trung trùng, lông ở chỗ kín,
898	12	tàng kiến	tàm kiền
899	13	không giảm	không giáng,
909	13	tiên nhiên	tiên thiên
914	2	nhục quế	(bỏ vị này)
917	4	hữu-tức lị	Hưu-tức lị
920	8	Kha trữ	Kha-tử

Tìm sách

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
921	27	thành nhiệt	thanh nhiệt
924	10	thương đồ	thương tổn
926	2	Lưu-tức lị	Hưu-tức lị
932	10	khai khiến	khai khiếu
934	8	(trước trác)	(thước trác)
945	13	« sái » là hành hỏa...	« sác » là hành hỏa...
950	27	giống khí	giáng khí
951	9	đại-hoàng	(bỏ 2 chữ này)
962	6	thanh hoàn	thánh hoàn
962	10	thanh đai	thanh đại
968	4	phải vị	phản vị
975	9	trưng triệm	trưng triệu
982	11	thần khí	thận khí
983	8	đạo-nhân	đào-nhân
998	11	uy-linh thiên	uy-linh tiên
999	2-3	hồ-dương	hồi dương
1101	24	về can bệnh	về can bản
1003	9	Thanh-thư	Thanh thử
1016	23	chú lưu	chu lưu
1024	3	dội dược	độc dược
1024	25	loạt hàn giả	đoạt hàn giả
1032	7	đã mờ	đã mở
1034	3	(đàm huyết)	(đàm-quyết)
1041	11	Kim-quy	Kim-quỹ
1044	5-11	— nt —	— nt —
1052	15	ăn mày	ăn may
1059	5	chức được	chứa được
1059	23	đẳng bài	bằng bài
1063	4	« Tả tàm thang »	« Tả-tâm thang »
1070	7	Đau-tả tàm	Đan-tả tâm

Tìm sách

HẢI-THƯỢNG Y-TÔN TÂM-LĨNH (Quyển II)
của LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC
do ĐÌNH-THỤ HOÀNG VĂN HÒE
và HOÀNG ĐÌNH KHOA dịch
Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi Sài-gòn
xuất bản
In xong ngày 10-2-1973
Tại nhà in riêng của nhà xuất bản

TìmSách

TìmSách

Sách văn học

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi, SAIGON

Nghệ thuật làm văn và đọc văn	*Vũ Kỷ*
Để thành nhà văn	*Nguyễn duy Cần*
Viết và đọc tiểu thuyết	*Nhất Linh*
Khảo luận về tiểu thuyết Trung-hoa	*Nguyễn huy Khánh*
Nguyên tắc sáng tác thi ca	*Vũ văn Thanh*
Việt thi	*Trần trọng Kim*
Nghề viết văn	*Nguyễn hiến Lê*
Luyện văn	—
Hương sắc trong vườn văn	—
Đại cương Văn học sử Trung Quốc	—
Theo giòng	*Thạch Lam*
Phép làm thơ	*Diên Hương*
Thành ngữ điển tích	—
Ca dao Tục ngữ V.N	*T. T. T.*
Tục ngữ phong dao	*Nguyễn văn Ngọc*
Luật thơ mới	*Minh Huy*
Những nhà văn hôm nay	—
Những nhà thơ hôm nay	—
Những khuynh hướng trong thi ca V.N.	—
Luật thơ	*Trần tuấn Kiệt*
Thi ca V.N. hiện đại	—
Nghề viết báo	*Tế Xuyên*
Kỹ thuật căn bản của người viết báo	*Hồ hữu Tường*
Việt Nam văn học sử trích yếu	*Nghiêm Toản*
Văn học đời Lý	*Ngô tất Tố*
Văn học đời Trần	—
Lều chõng	—
Đường thi	—
Văn chương quốc âm thế kỷ XIX	*Phan trần Chúc*
Lĩnh Nam chích quái	*Lê hữu Mục*
Việt Điện u linh tập	—
Nhà văn hiện đại	*Vũ ngọc Phan*
Trên đường nghệ thuật	—
Thi văn quốc cấm thời Pháp thuộc	*Thái Bạch*
Việt Nam văn học toàn thư	*Hoàng trọng Miên*
Việt Nam văn hóa sử cương	*Đào duy Anh*
Chế Lan Viên	*Hoàng Diệp*
Hàn mặc Tử	—
Hương hoa đất nước	*Trọng Toàn*
Văn học miền Nam	*Phạm việt Tuyền*
Việt Nam văn học giảng bình	*Phạm văn Diêu*
Văn học Việt Nam	

Nhà sách KHAI-TRÍ
62 Đại-Lộ Lê-Lợi, SAIGON

GPKD số 4363 BTT/PHNT ngày 15-11-72
Nhà in VĂN-HỮU 43/1 Chi-Lăng G.Đ. — 3.000 ấn bản
GPKD số 2431 PTUDV/KBCNT/KSALP ngày 28-6-73 — Phát hành 25-9-73

TimSách